

HUỶNH ÁI TÔNG

VĂN HỌC MIỀN NAM
VĂN HỌC MIỀN NAM
1954-1975

Tập IV

Hiên Phật Học
2012

HUỶNH ÁI TÔNG

VĂN HỌC MIỀN NAM
VĂN HỌC MIỀN NAM
1954-1975
MỤC LỤC TẬP IV

3. Tạp chí Bách Khoa (1957-1975)	7
1) Huỳnh Văn Lang (1922-)	17
2) Hoàng Minh Tuynh (1916-1977)	47
3) Minh Phong Phạm Thị Nhiệm (? -)	49
4) Lê Ngô Châu (1923-2006)	50
5) Bùi Giáng (1926-1998)	53
6) Bùi Hữu Sùng (1907-2000)	69
7) Châu Hải Ký (1920-1993)	71
8) Cung Giũ Nguyên (1909 -2008)	73
9) Đặng Văn Nhâm (1933-)	78
10) Đỗ Tiên Đức (1939-)	86
11) Đỗ Trọng Huệ (1930-2000)	104
12) Đoàn Nhật Tấn (? -1993)	105
13) Đoàn Thêm (1915-2005)	110
14) Dohamide (1934-)	129
15) Đông Trình (1942-)	147
16) Đông Xuyên(1906-1994)	152
17) Đynch Hoàng Sa (1939-1991)	155
18) Hồ Minh Dũng (1942-)	159
19) Nguyễn Thị Hoàng (1938-)	175
20) Hoàng Lộc (1943 -)	191
21) Hoàng Ngọc Tuấn (1946-2005)	198
22) Hoàng Xuân Hãn (1908-1996)	210
23) Huy Lực (1937-)	221
24) Lê Phương Chi (1927 -)	245
25) Lê Tất Điều (1942-)	246
26) Lữ Quỳnh (1942-)	261
27) Mai Lâm (1897-1975)	269
28) Mang Viên Long (1944-)	273
29) Minh Đức Hoài Trinh (1930-)	278
30) Minh Quân (1928-2009)	296

HUYỀN ÁI TÔNG

31) Ngô Thế Vinh (1941-)	298
32) Nguyễn Cao Đàm (1916-2001)	313
33) Nguyễn Đồng (1940-)	317
34) Nguyễn Gia Trí (1908-1993)	321
35) Nguyễn Mạnh Côn (1920-1979)	326
36) Nguyễn Mộng Giác (1940-2012)	361
37) Nguyễn Nho Sa Mạc (1944-1964)	379
38) Nguyễn Thị Thụy Vũ (1939-)	385
39) Phạm Công Thiện (1941-2011)	400
40) Phạm Hoàng Hộ (1931-)	413
41) Phạm Ngọc Thảo (1922-1965)	419
42) Phạm Việt Châu (1932-1975)	425
43) Phan Lạc Tuyên (1928-2011)	434
44) Tạ Ký (1928-1979)	438
45) Tân Hoài Dạ Vũ (1946-)	445
46) Thành Tôn (1943-)	453
47) Trần Hoài Thư (1942-)	466
48) Trần Kim Thạch (1937-2009)	475
49) Trần Thái Đình (1922-2005)	480
50) Trần Trung Lương (1935-)	488
51) Trần Trung Sáng (1954-)	500
52) Bs Trần Văn Túc (1932-)	509
53) Trùng Dương (1944-)	519
54) Tường Linh (1930-)	537
55) Túy Hồng (1938-)	550
56) Văn Quang (1933-)	574
57) Võ Hồng (1921-)	587
58) Võ Quang Yến (1929-)	595
59) Vô Ưu (1951-)	602
60) Vũ Đình Lưu (1914-1980)	622
61) Vũ Ký (1920-2008)	628
62) Y Uyên (1943-1969)	645

Lời Tựa

Tập này viết về những người đã chủ trương, những nhà văn đã cộng tác với tạp chí Bách Khoa, một tạp chí chuyên chở nhiều lãnh vực chuyên môn như tài chánh, kinh tế, chánh trị, quân sự, y học, khoa học, triết học, văn học, biên khảo, hội họa, âm nhạc ... nó không chuyên ngành, nên không thể chuyên sâu, nhưng những đề tài viết ra đều rất hữu ích cho độc giả.

Những bài viết không đặt trọng tâm vào tôn giáo nào, rất tự do đề các tác giả trình bày những chánh kiến của mình, do có chủ trương dung hòa và tôn trọng tự do, nên không xảy ra sự tranh cãi hay bút chiến nào, dĩ nhiên những người cộng tác cốt cán như Võ Phiến có tinh thần quốc gia còn Vũ Hạnh xu hướng thiên tả, sau 30 tháng 4, lộ rõ chân tướng Cộng sản, họ vẫn ôn hòa với nhau. Đây là điểm nói lên sự tự do, nhân bản của miền Nam.

HUYỀN ÁI TÔNG

Chế độ Việt Nam Cộng Hòa tồn tại 20 năm, tạp chí Bách Khoa hiện diện từ đầu năm 1957, cho đến tháng tư năm 1975, cũng được 18 năm, đáng nói là một tạp chí có giá trị nhất định, sống lâu nhất ở Miền Nam, bài vở trên Bách Khoa các tác giả đóng góp từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim, giúp thêm kiến thức cho độc giả. Đương nhiên truyện ngắn hay thơ không thể thiếu, nhờ có chúng làm cho tạp chí được tươi mát hơn, cạnh những bài chuyên môn khô khan khác.

Tập sách này, chúng tôi chỉ trình bày chỉ có 64 tác giả, không phải chỉ có bấy nhiêu, một số tác giả khác chúng tôi không ghi ra để tránh trùng lặp, vì đã có ở tập sách trước, cũng có nhiều tác giả chúng tôi không có tài liệu. Có những tác giả lớn tuổi già dặn, nhiều kinh nghiệm, cũng có những tác giả trẻ mới 16, 17 tuổi hăng hái bước vào làng văn, họ cùng góp mặt trong tạp chí. Họ là thành phần Nam, Bắc, Trung có đủ, nhưng người Nam thì ít mà người Trung ở Bình Định, Quảng Nam, Thừa Thiên khá đông.

Trong tập sách này, trừ những người chủ trương trình bày trước, còn lại chúng tôi ghi họ ra theo thứ tự chữ cái a, b, c.

Dù chúng tôi cố gắng biên soạn cho đầy đủ, trung thực, khách quan, nhưng chắc không thể hoàn hảo được như mong muốn. Những chỗ sai, sót mong được quý vị cao minh chỉ dẫn cho, để sửa chữa được hoàn chỉnh hơn.

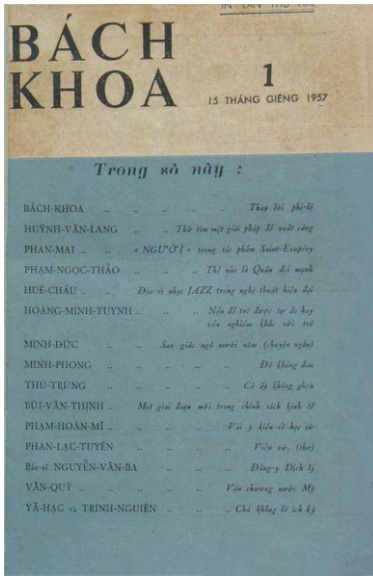
KY. Mạnh Thu Nhâm Thìn (2012)

Kính bút,

Soạn giả

VĂN HỌC MIỀN NAM

3. Tạp chí Bách Khoa

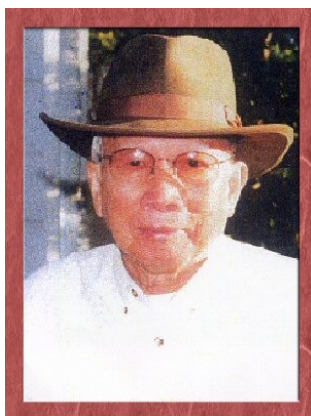


Trong hai mươi năm tồn tại của Việt Nam Cộng Hòa ở Miền Nam thì Tạp chí Bách Khoa hiện diện liên tục đến 17 năm, chỉ chấm dứt khi Việt nam Cộng Hòa không còn nữa.

Tạp chí Bách Khoa do ông Huỳnh Văn Lang, Tổng Giám Đốc Viện Hối Đoái làm Chủ nhiệm, ông Hoàn Minh Tuynh, Phó Tổng Giám Đốc Viện Hối Đoái làm chủ bút, bà Phạm Ngọc Thảo tức Phạm Thị Nhiệm là Thư Ký Tòa soạn, bà Nhiệm (là em gái của giáo sư Pétrus Ký Phạm Văn Thiều) cũng viết bài dưới bút hiệu Minh Phong, và đã mời những nhà văn cộng tác với Bách Khoa như Nguyễn Ngu Í, Nguyễn Hiến Lê, Bùi Giáng, Nguyễn Thị Hoàng, bác sĩ Nguyễn Văn Ba, Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa ... sau đó, khoảng năm 1958 mới đến ông Lê Ngô Châu làm Thư Ký Tòa soạn, thay thế bà Phạm Thị Nhiệm, sau cùng năm 1965, ông Lê Ngô Châu thay luôn Chủ

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhiệm Huỳnh Văn Lang bị tù vì chế độ Ngô Đình Diệm từ năm 1963.



Ông Huỳnh Văn Lang

Ông Huỳnh Văn Lang, là người đã thành lập trường Bách Khoa Bình Dân, Huỳnh văn Lang (nguyên sinh viên Cao học Econometrics đại học Chicago) được phân công làm Giám đốc, Lê Thành Cường (kỹ sư canh nông trường Pháp) là Thư ký kiêm Thủ quỹ, Đỗ Trọng Chu (nguyên sinh viên Cao học bang giao quốc tế Đại học Georgetown, Wasingtong D.C.) trách nhiệm chương trình giảng dạy.... Lúc đó, nhu cầu giáo dục bình dân bộc phát quá sự tưởng tượng, theo tài liệu của ban quản trị Hội Văn hóa bình dân khóa 1954-55, con số đồng bào già trẻ ghi tên theo học những ngày đầu tháng 11, 1954 lên đến 7, 719 người, đủ mọi thành phần xã hội, nhưng vì số lớp có hạn, trường chỉ thu nhận được 1,275 học sinh. Và trường Bách khoa bình dân đã chính thức khai giảng khóa đầu tiên ngày 15 tháng 11 năm 1954 tại trường Tiểu Học Tôn Thọ Tường Saigon.

Sau thành công khóa I, nhận thấy cần phải củng cố và phát triển mưu đồ văn hóa, tháng 4 năm 1955 Hội Văn hóa bình dân được thành lập.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Sáng lập viên gồm có: Phan Thị Minh Châu, Đỗ Trọng Chu, Trần Thị Quý, Vũ Ngọc Tân, Nguyễn Đước, Nguyễn Minh Đẩu, Bùi Kiến Thành, Mai Thị Dung, Lê Phát Đạt, Lý Trung Dung, Tôn Thất Thiết, Trần Văn Bửu, Hoàng Đình Quý, Nguyễn Phó Lu, Vũ Ngọc Hoàn, Bùi Huy Giám, Nguyễn Bửu Loan, Nguyễn Tấn Chúc, Trần Tế Dương, Nguyễn Thái, Lê Lữ, Huỳnh Văn Lang, Hồ Hản Hồng, Phan Văn Trí, Nguyễn Ngọc Phòng, Lê Đình Liêm, Vũ Thị Tin, Nguyễn Văn Trương, Đặng Phúc Yên, Võ Văn Hải, Trương Thị Bảo Khánh, Trương Thị Bảo Thư, Đỗ Vạng Lý, Lê Thành Cường, Nguyễn Xuân Diễm, Vũ Văn Thái, Nghiêm Xuân Đức, Trần Ngọc Ninh, Bùi Văn Thịnh, Bùi Bá Lư, Lê Văn Duyên, Đoàn Thêm và Nguyễn Văn Lưu.

Ban trị sự niên khóa 1955-56: Chủ tịch: Huỳnh Văn Lang, Phó chủ tịch: Nguyễn Thái, Tổng thư ký: Đỗ Trọng Chu, Phụ tá TTK: Trần Thị Quý. Thủ quỹ kiêm thư ký văn phòng: Lê Thành Cường. Kiểm soát viên: Bùi Kiến Thành

Hội Văn Hóa Bình Dân có tờ báo Bách Khoa Bình Dân, nhưng chỉ ra được 2 số, sau đó các ông Huỳnh Văn Lang, Đỗ Trọng Chu và Lê Thành Cường chuyển thành tạp chí Bách Khoa, do 30 thành viên, mỗi người đóng góp 1 ngàn đồng, để xuất bản tạp chí Bách Khoa, trong đó có 1 vị chỉ đóng góp 500 đồng, không nêu danh, còn lại đều được nêu danh tánh ở bìa sau tạp chí từ các số báo trọn năm đầu. Danh sách những vị ấy sau đây:

Quý ông Lê Đình Chân, Tăng Văn Chi, Đỗ Trọng Chu, Lê Thành Cường, Trần Lưu Dy, Lê Phát Đạt, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Lê Giang, Phạm Ngọc Thuần Giao, Nguyễn Hữu Hạnh, Lê Văn Hoàng, Nguyễn Văn Khải, Phạm Duy Lân, Nguyễn Quang Lê, Trần Long, Bùi Bá Lư, Dương Chí Sanh,

HUỶNH ÁI TÔNG

Nguyễn Huy Thanh, Bùi Kiến Thành, Hoàng Khắc Thành, Phạm Ngọc Thảo, Bùi Văn Thịnh, Vũ Ngọc Tiến, Võ Thu Tịnh, Nguyễn Tấn Trung, Phạm Kim Tương, Hoàng Minh Tuy, Bùi Công Văn.

Bách Khoa mỗi tháng ra 2 kỳ, số 1 phát hành ngày 1 tháng Giêng năm 1957 và số cuối cùng 426 phát hành ngày 20 tháng 4 năm 1975. Tòa soạn đặt tại 160 Phan Đình Phùng, Sài Gòn là sở hữu của Tập chí Bách Khoa.

Bách Khoa là một tạp chí chủ trương trình bày nhiều lãnh vực như chánh trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, lại có một đặc điểm là nó dung hợp những chánh kiến đối nghịch như hai cực nam châm, điển hình là Võ Phiến và Vũ Hạnh.

Không như Sáng Tạo với Nhân Loại, Sáng Tạo nơi qui tụ các nhà văn miền Bắc, chống Cộng còn Nhân Loại tập trung các nhà văn miền Nam những người kháng chiến cũ và theo Cộng sau này. Bách Khoa, nơi tập hợp các nhà văn Bắc như Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Hiến Lê ... Nam như Hồ Hữu Tường, Bình Nguyên Lộc .., Trung như Võ Thu Tịnh, Nguyễn Văn Xuân...

Đặc điểm nổi bật của Bách Khoa là ông Lê Ngô Châu không viết bài, có thể nói ông không phải nhà văn, lại điều hành một tạp chí danh tiếng, giá trị, sống lâu nhất ở miền Nam

Có một bài trên trang Web sachxua.net, viết về Bách Khoa, tưởng cũng nên chép lại đây:

VĂN HỌC MIỀN NAM

“Tạp chí Bách Khoa do ông Huỳnh Văn Lang, tổng giám đốc viện Hối đoái thời chính quyền Ngô Đình Diệm lập ra. Lúc bấy giờ chính quyền rất hạn chế xuất bản báo nên ông Lang phải mua lại manchette tờ Bách Khoa Bình dân của hội Văn hóa bình dân. Trước đó, tờ Bách Khoa Bình dân đã ra được 02 số rồi ngưng, ông Huỳnh Văn Lang thương lượng ra báo tiếp và đề nghị cắt bỏ hai chữ “bình dân” nên giấy phép tục bản chỉ lấy tên là Bách Khoa.

Ngày 15 tháng 1 năm 1957, tạp chí Bách Khoa ra mắt số đầu tiên với lời phi lộ: Xây dựng nước nhà về toàn diện là nhiệm chung của mọi người, trong đó có việc góp phần sáng kiến cá nhân, dù đúng, dù sai đều có ích lợi, miễn là tư tưởng ấy xuất phát từ ý muốn tốt và thành thực. Một quốc gia nếu chỉ có nền kinh tế vững chắc chưa đủ. Thêm một trình độ chính trị cao cũng chưa hoàn toàn. Một quốc gia cần phải là tổ hợp tất cả: kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa xã hội...xây dựng nước Việt Nam hẳn là xây dựng đủ các ngành, các khoa, các phương tiện.

Bách Khoa là một bán nguyệt san, mỗi tháng phát hành 02 số vào ngày 1 và ngày 15 hàng tháng. Tòa soạn lúc này đặt tại số 160 –Phan Đình Phùng – Sài Gòn (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu –TP.HCM). Lực lượng cộng tác cho Bách Khoa, ngay từ số đầu tiên đã có sự tham gia của Phạm Ngọc Thảo, Phan Mai, Hoàng Minh Tuynh, Minh Đức, Phan Lạc Tuyên, bác sĩ Nguyễn Văn Ba....Sau đó, Bách Khoa đã thu hút nhiều trí thức, văn nghệ sĩ cộng tác. Về nội dung, như lời phi lộ số đầu tiên, Bách Khoa đăng tải toàn bộ các bài viết về tôn giáo, triết học, lịch sử, khảo cứu, văn chương học thuật, kinh tế và cả y học...Cho nên, trên Bách Khoa không phải chỉ có thơ văn, mà

HUYỀN ÁI TÔNG

có cả những khảo luận về văn học, sử học, ngữ học, triết học, tôn giáo, hội họa, âm nhạc...; Bách Khoa có những tìm tòi về nguồn gốc dân tộc, về các vấn đề của văn học cổ nước nhà, đồng thời có những giới thiệu các trào lưu tư tưởng Âu Tây mới nhất lúc bấy giờ: tiểu thuyết mới, hiện tượng học, cơ cấu luận v.v...

Đặc biệt, Bách Khoa có hàng trăm bài, từ các loạt bài triết học của giáo sư Trần Hương Tử, Linh mục Trần Thái Đình, đến các bài khảo cứu về sử của giáo sư Nguyễn Thiệu Lâu, Linh mục Nguyễn Phương... Các bài về âm nhạc của giáo sư Trần Văn Khê; về Hát nói của cụ Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề. Một loạt bài rất giá trị về đạo Lão và Y Học Đông Phương của bác sĩ Trần Văn Tích, v.v... và công trình nghiên cứu gây khá nhiều tranh luận thời bấy giờ về “Nguồn gốc Mã Lai trong dân tộc Việt”, người khởi xướng là Bình Nguyên Lộc. Loạt bài “Người Chàm tại Việt Nam ngày nay” của Dohamide và Dorohiem vào cuối năm 1962...

Năm 1958, Bách Khoa kỷ niệm đệ nhất chu niên, ra bộ mới, cải tiến về hình thức, nhưng nội dung về cơ bản không thay đổi. Cụ Á Nam Trần Tuấn Khải là cộng tác viên thường xuyên của tạp chí đã tổng kết qua bài hát nói “ mừng Bách Khoa đệ nhất chu niên” như sau:

*“..Nào văn chương, chính trị nào xã hội nhân quần
Từ vật chất tinh thần cùng đổi mới
Chuông cảnh tỉnh ra công khoa gọi
Đã năm trường vang dội khắp gần xa...”*

Lúc này về hình thức, Bách Khoa chia ra hai phần rõ rệt, được

VĂN HỌC MIỀN NAM

giới thiệu ở bìa 1, gồm phần khảo luận và phần văn nghệ sinh hoạt. Trong suốt thời gian tồn tại, Bách Khoa thường xuyên có sự hiện diện của các cây bút nổi tiếng như Nguyễn Hiến Lê, Giản Chi, Quách Tấn, Bình Nguyên Lộc, Đông Hồ, Phạm Ngọc Thảo, Võ Hồng, Võ Phiến, Vi Huyền Đắc, Nguyễn Thiệu Lâu, Nguyễn Văn Hào, Vương Hồng Sển, Nguyễn Ngu Í, họa sĩ Nguyễn Gia Trí, nhà thơ Bùi Giáng, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Nhã Ca... Có thể nói, tạp chí này qui tụ được đông đảo cây bút thuộc nhiều thế hệ kế tiếp nhau; Có những người mới lần lượt tham gia viết cho Bách Khoa vào giai đoạn sau như: Lê Tất Điều, Trần Thái Đình, Nguyễn Thị Hoàng, Hoàng Ngọc Tuấn, Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Y Uyên, Vô Ưu, Nguyễn Mộng Giác v.v...

Bách Khoa là một tạp chí dung hòa rộng rãi mọi khuynh hướng. Từ số 1, ra ngày 15.1.1957 đến số cuối cùng ngày 20.4.1975, Bách Khoa ra được 426 số, là một đóng góp lớn cho lịch sử báo chí Việt Nam."

Ngoài Chủ nhiệm Huỳnh Văn Lang, Chủ bút Hoàng Minh Tuynh, Thư ký tòa soạn bà Phạm Ngọc Thảo tức Minh Phong Phạm Thị Nhiệm, Bách Khoa còn có những nhà văn được kê dưới đây chắc chắn, là không đầy đủ:

Á Nam Trần Tuấn Khải, Bình Nguyên Lộc, Bùi Giáng, Bùi Hữu Sùng, Bùi Vị Xuyên, Cẩm Vân, Châu Hải Kỳ, Cô Liêu, Cung Giũ Nguyên, Đặng Trần Huân, Đặng Văn Nhâm, Đỗ Tiến Đức, Đỗ Trọng Huệ, Đoàn Nhật Tấn, Đoàn Thêm, Dohamide, Đông Hồ, Đông Trinh, Đông Xuyên, Đynh Hoàng Sa, Giản Chi, Hào Nguyên Nguyễn Hòa, Hồ Hữu Tường, Hồ Minh Dũng, Hoàng Đông Phương (Nguyễn Thị Hoàng), Hoàng

HUYỀN ÁI TÔNG

Lộc, Hoàng Ngọc Tuấn, Hoàng Xuân Hãn, Hồng Hy, Hợp Phó, Hư Chu, Huệ Châu, Huy Lực, Huỳnh Đức Quang, KC Thanh Trung, Kinh Dương Vương, Lam Việt, Lê Hương, Lê Phương Chi, Lê Tất Điều, Lê Văn (Vĩnh Điền), Lữ Quỳnh, Lưu Nghi, Mặc Thu, Mai Lâm, Mang Viên Long, Minh Anh, Minh Đức Hoài Trinh, Minh Quân, Mộng Trung, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Anh Linh, Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Đồng, họa sĩ Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Hữu Ngự (Nguyễn Ngu Í), Nguyễn Huy Khánh, Lm. Nguyễn Huy Lịch, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Minh Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Nho Sa Mạc, Lm. Nguyễn Phương, Nguyễn Quang Yên, Nguyễn Quý Bảo, Nguyễn Sinh Duy, Nguyễn Sung, Nguyễn Tạo Lâm, Nguyễn Thiệu Lôu, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Văn Ba (BS), Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Văn Mầu, Nguyễn Văn Trung (Phan Mai, Hoàng Thái Linh), Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Xuân Lan, Nguyễn Xuân Quang, Như Phong, Phạm Công Thiện (năm 13 tuổi), Phạm Duy Lâm, Phạm Hoàng Hộ, Phạm Long Điền, Phạm Ngọc Thảo, Phạm Trọng Nhân, Phạm Tường Trinh, Phạm Việt Châu, Phan Du, Phan Khoang, Phan Lạc Tuyên, Phan Mai, Phan Văn Tạo (Vũ Bão), Phan Văn Trí, Phùng Bá Khanh, Quách Tấn, Sơn Nam, Tạ Ký, Tần-Hoài Dạ-Vũ, Thạch Trung Giả, Thái Tuấn, Thanh Bình, Thành Tôn, Thế Nhân, Thế Phong, Thế Uyên, Thiên Giang, Thiều Sơn, cô Thoại Nguyên, Thuận Phong, Thủy Thủ, Trần Hà, Trần Hoài Thư (Tần Hoa, Trần Quý Sách), Trần Kim Thạch, Bs Trần Ngọc Ninh, Trần Quý Thành, Lm Trần Thái Đĩnh (Trần Hương Tử), Trần Thúc Linh (Thâm Phán), Trần Trung Lương, Trần Trung Sáng, Trần Văn Khê, Bs Trần Văn Tích, Triệu Đường, Trùng Dương, Tường Linh, Túy Hồng, Tuyết Nga, Văn Quang, Vân Trang, Vi Huyền Đắc, Việt Phương, Võ Hồng, Võ Phiến (Tràng Thiên, Thu Thủy), Võ Quang Yên, Vô Ưu, Vũ Đình

VĂN HỌC MIỀN NAM

Lưu, Vũ Hạnh (cô Phương Thảo), Vũ Ký, Vũ Tam Tư, Vũ Thừa Chi, Vương Hòa Đức, Vương Hồng Sển, Y Uyên, ...



Từ trái sang phải: Lê Thanh Thái, Lê Ngô Châu, Võ Phiến, Nguyễn Hiến Lê, Vũ Hạnh.



Hàng đứng sau: Nguyễn Mạnh Đan (1925-), Phan Nhật Nam, Lê Ngô Châu (1922-2006) , Mặc Thu (1922-2002), Nguyễn Đình Tuyển, Trần Văn Minh (1932-1997), Hùng Lân (1922-1986), Thế Phong (1932-) , Phạm Xuân Ninh (Hà Thượng

HUYỀN ÁI TÔNG

Nhân) - Mai Thảo (1927-1998) , X..., Nguyễn Đức Bồn (thân sinh nhà văn Hoàng Khởi Phong)

Hàng ngài: Nguyễn Bá (* chủ nhà in), Lê Tràng Kiều (1912-1977), Hồ Hữu Tường(1910-1980), Phạm Đình Tân (1913-?) - Đào Đăng Vỹ (1908-1997) - Dã Lan Nguyễn Đức Dụ (1919-2002).

Số ra mắt ngày 15-1-1957, trong Thay Lời Phi Lộ xác định mục đích của tạp chí Bách Khoa: *Xây dựng nước nhà về toàn diện là nhiệm chung của mọi người, trong đó có việc góp phần sáng kiến cá nhân, dù đúng, dù sai đều có ích lợi, miễn là tư tưởng ấy xuất phát từ ý muốn tốt và thành thực. Một quốc gia nếu chỉ có nền kinh tế vững chắc chưa đủ. Thêm một trình độ chính trị cao cũng chưa hoàn toàn. Một quốc gia cần phải là tổ hợp tất cả: kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa xã hội...xây dựng nước Việt Nam hẳn là xây dựng đủ các ngành, các khoa, các phương tiện.... quy tụ mọi người không cần cùng một tôn giáo, một quan điểm chính trị, một tổ chức chính trị chặt chẽ mới có thể trở thành bạn đường trong lúc tìm kiếm bất chấp đến dĩ vãng nếu hiện thời đi cùng một con đường,..... không cứ phải cao siêu, vì trải nghiệm của người lao động cũng quan trọng như lý thuyết của học giả vì đạo đức của Phật giáo cũng đáng để ta tôn trọng như lòng nhân ái của Chúa Jesus...*

Năm, Số báo trong năm

1957: 1-23

1958: 24-47

1959: 48-71

1960: 72-95

1961: 96-119

VĂN HỌC MIỀN NAM

1962: 120-143
1963: 144-167
1964: 168-191
1965: 192-215
1966: 216-239
1967: 240-263
1968: 264-287
1969: 288-311
1970: 312-335
1971: 336-359
1972: 360-384
1973: 385-401
1974: 402-419
1975: 420-426

Tài liệu tham khảo:

- Tạp chí Bách khoa Web: sachxua.net
- Tạp chí Bách Khoa Web: hocxa.com

1) Huỳnh Văn Lang



Huỳnh Văn Lang (1922-)

HUỖNH ÁI TÔNG

Ông Huỳnh Văn Lang sinh ngày 26 tháng 7 năm 1922 tại bảo sanh viện Saint Paul de Chartres tỉnh Trà Vinh, con ông Huỳnh Kim Danh, đại điền chủ, nhà ở ấp Long Thuận làng Nhị Long, quận Càng Long tỉnh Trà Vinh.

Thuở nhỏ, ông học trường Láng Thế, quận Càng Long, Trà Vinh.

Năm 1932, lên Sài Gòn học Trung học tư thực Tabert.

Năm 1941, dạy trường Tiểu học Nguyễn Trường Tộ, tỉnh Vĩnh Long.

Năm 1946, dạy tại Trung học Philippe Minh của Giám Mục Ngô Đình Thục ở Vĩnh Long

Năm 1949, sang Pháp du học, sau đó sang Canada học ở Đại học Laval, Quebec lấy bằng Cử nhân Xã hội và Cao học Kinh Tế.

Tháng 4 năm 1954, sang Mỹ theo học tiến sĩ về môn Econometrics tại Đại học Chicago.

Ngày 24 tháng 8 năm 1954, ông về Sài Gòn theo lời mời của chánh phủ Ngô Đình Diệm, trước tiên ông được bổ dụng làm Bí thư cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, vài tháng sau được bổ nhiệm làm Công Cán Ủy viên Bộ Tài chánh, tại đây ông thấy có một quỹ không sử dụng, nên đã dùng quỹ đó để mở Trường Bách Khoa Bình Dân, Trường được khai giảng ngày 15 tháng

VĂN HỌC MIỀN NAM

11 năm 1954 tại Trường Tiểu học Tôn Thọ Tường, đường Trần Hưng Đạo, Quận nhì, Sài Gòn.

Đầu năm 1955, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc Viện Hối Đoái, lại giữ chức vụ Bí thư liên kỳ bộ Nam Bắc Việt Cần Lao Cách Mạng Đảng (thành lập vào tháng 4 năm 1954 và giải tán vào đầu năm 1958)

Tháng 4 năm 1955, Hội Văn Hóa Bình Dân được thành lập. Ban trị sự đầu tiên gồm có: Chủ tịch: Huỳnh Văn Lang, Phó chủ tịch: Nguyễn Thái, Tổng thư ký: Đỗ Trọng Chu, Phụ tá TTK: Trần Thị Quý. Thủ quỹ kiêm thư ký văn phòng: Lê Thành Cường. Kiểm soát viên: Bùi Kiến Thành.

Ông cũng là giáo sư Đại Học Sư Phạm Sài Gòn từ năm 1955-1962.

Từ Trường Bách Khoa Bình Dân đến Hội Văn Hóa Bình Dân, ông đã sáng lập ra tạp chí Bách Khoa, số đầu tiên ra ngày 15-1-1957.

Năm 1963, sau cuộc đảo chánh Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông Huỳnh Văn Lang bị bắt giam vì tội kinh tài cho chế độ, gần 3 năm ông được thả ra.

Từ năm 1966, ông là sáng lập Đông Phương Công Ty nhập cảng độc quyền xe gắn máy Honda, là chủ nhân Đại Á Ngân Hàng, Phương Hoàng Bảo Hiểm Công Ty, Phương Phương Export xuất cảng gỗ.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, ông Huỳnh Văn Lang di tản ra nước ngoài, hiện đang sinh sống tại California, Mỹ Quốc.

Tác phẩm:

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Hồi ký Cờ Bạc*
- *Chuyện Đường Rừng*
- *Nhân Chứng Một Chế Độ* (3 tập)
- *Những Sự Kiện Lịch Sử và Các Công Chúa Sứ Giả Trung Hoa Việt Nam* (2 tập)
- *Đã Hơn 30 Năm Rồi.*

Trích Văn:

Nhút Nam viết hữu, Thập nữ viết vô

Theo văn hoá Khổng Mạnh thì người Việt, nhút là người Tàu thì hay trọng Nam khinh Nữ, như trong văn học thì có câu 'Nhút nam viết hữu, Thập nữ viết vô', trong dân gian thì người ta hay nói 'mười hai con gái, không bằng một cái dái con trai' Thành ra cho rằng ra ngõ mà gặp gái là xấu, là xui. Nhưng câu chuyện sau đây là một trường hợp điển hình chứng minh cái thói đời hay tin như thế là sai, là vô lý.

[Năm 1374, đời vua Trần Duệ Tông, Đào Sư Tích, người huyện Nam châu (Hà nam) lên kinh thi Hội. Vừa bước ra ngoài ngõ, ông gặp phải ngay một cô bé. "Ra ngõ gặp gái" ông Đào bực mình lắm bầm và làm một cử chỉ không nho nhã tí nào là...nhổ một bãi nước miếng và định quay về nhà.

Bỗng cô bé nhìn thẳng vào ông và hỏi:

- Việc gì mà ông có vẻ bực bội thế?
- Chắc! Ra ngõ...gặp gái chớ vì sao nữa! Nhất là lại đi lên kinh thi, có chết người ta không chứ!

VĂN HỌC MIỀN NAM

Cô bé cười đáp:

- Ô kìa? Ông đi thi là việc ông, tôi đi đường là việc tôi, có liên can gì đến nhau? Còn bảo ra rằng ra ngõ gặp gái là xấu thì rất chi là vô lý!

- Cô bảo vô lý như thế nào?

- "Con gái là 'nữ tử', mà chữ 'nữ' ghép với chữ 'tử' thành chữ 'hảo' nghĩa là 'tốt', phải không ông? Thế thì việc gì mà phải kiêng?"

Nghe cô bé lý sự, Đào Sư Tích ngó người ra. Cô ta nói thế mà có lý thật! Ông dịu giọng hỏi thêm:

- Thế... gặp cô là điềm tốt cho tôi chớ gì?

- Chứ còn gì nữa! Gặp tôi ông sẽ đỗ tiến sĩ cho coi!

- Đỗ tiến sĩ ư? Nhưng tiến sĩ đã lấy gì làm oai?

- Thế thì ông sẽ đỗ trạng nguyên, vừa ý ông chưa?

Đào Sư Tích miệng nở nụ cười:

- Đỗ trạng nguyên là nhứt trần đời rồi còn gì nữa!

Quả nhiên khoa thi ấy, Đào Sư Tích đỗ trạng nguyên. Và thế là ông không còn nghi ngờ gì nữa: ra ngõ gặp gái chính là điều cực may!!!]

(Viết theo Kiều văn)

HUYỀN ÁI TÔNG

hà Gia Phả Chuyện Gia Đình Tin Tức Văn Hóa Đọc Sách Lịch
Sử Hình Ảnh Chuyện Vui Góp Nhặt

Con Cò sói

Câu hai Lê văn Ca của tôi không có con trai, nên cưng tôi như con đẻ. Những lần vào thăm mẹ tôi, luôn luôn hay dẫn tôi đi ra liên tỉnh lộ để hứng gió mát khi về chiều và đã có một lần tôi chứng kiến tài bẫy chim, bắt chim rừng của cậu. Con chim bay trên trời cao, đứng dưới đất cậu biết giống chim gì và làm thế nào để bẫy nó bắt nó và cậu không quên giảng cho tôi nghe có đầu có đuôi như là một bài cách trí (Lecons de choses) học ở trường. Cái kỷ niệm cậu cháu sống động nhưt là cậu chuyện con Cò sói sau đây. Gọi là Cò sói, vì nó có cái đầu sói hoàn toàn không có lông chim, chỉ có lưa thưa mười cái lông ngắn cong queo, đúng hơn là những sợi tóc như tóc người. Tiếng Pháp gọi là Marabout, vì nhiều khi nó quỳ xuống đất, mắt mặt nghiêm trang thỉnh lặng như các cha thầy Hồi giáo quỳ gối đọc kinh cầu nguyện với Allah.

Tôi còn nhớ là gần cuối năm 1931, lúc tôi vừa 9 tuổi đang theo học trường tiểu học Láng thê. Một chiều nọ khoảng 4, 5 giờ, nắng đã dịu xuống, nhưng trời còn sáng, giữa hai cánh đồng đến mùa lúa chín thơm ngát, có những thửa ruộng lúa chín chưa gặt cao khỏi đầu, nước vừa rút cạn để lại hai bên bốn bề những rãnh nước nhỏ luôn luôn có cá...cậu hai Ca dẫn tôi đi hứng gió trên đường cái - liên tỉnh lộ Vĩnh long/Tra vinh-vừa xem người ta kéo vó trước công, xem mấy trẻ em đặt trúm bắt lươn bắt chuột theo hai bên đường, thỉnh linh cậu tôi dừng lại và chỉ lên trời, một con chim to lớn bằng con ngỗng đang bay lượn chậm chậm khoảng năm ba trăm thước cao trên không

VĂN HỌC MIỀN NAM

trung, không khác gì một phi cơ đang dự bị hạ cánh xuống phi trường. Câu Hai bảo: Tám, con đứng đây chờ cậu, đừng đi tới nữa! Nghe theo lời, tôi ngồi thấp xuống bên lề đường và đợi...Câu hai tôi chạy vào nhà cận bên đường, lấy đem ra một đoạn tre nhỏ, dài khoảng 2 thước, như là một cây gậy lớn. Cũng là lúc con chim từ trên trời chậm chậm đáp xuống bên kia hai thửa ruộng, cách lộ cái khoảng 200 thước. Trong giây phút con chim – đúng là con Cò sói – lông xám đen có chen lông trắng hai bên cánh, thân mình cao cả thước tây với cặp giò nghều nghệu, với cái mỏ dài và to lớn khác thường. Sau khi nghe ngóng chung quanh, nó khởi sự vừa đi từ bước một vừa xôm cá theo rãnh nước dọc theo ruộng lúa. Từ trên lộ cái, nhẹ nhàng và lẹ làng như một con rắn, cậu Hai tôi bước xuống ruộng, cây gậy tre kẹp sát bên mình và nép mình theo lề lúa chín, nhắm hướng con chim cậu lần lần tiến tới, khi đi khi bò như một con mèo rình bắt một con chuột, trong lúc con cò mãi mê xôm cá, có lúc được cá xốc lên nuốt vào cổ vào họng một cách hết sức tự nhiên và tự tin, cũng có lúc dừng lại để nghe ngóng, để rồi tiếp tục tiến tới, không một chút nghi ngờ nguy cơ gì hết.(7)

Rõ ràng cậu Hai tôi phải biết kiểm soát cái nhịp tiến bước của mình, kiểm soát cái thể ẩn núp của mình thế nào để khỏi bị con thú rừng luôn luôn ý thức và khôn ngoan khám phá ra. Chính đó là cái tài cái bí quyết của người thợ săn và cũng là bài học kiên nhẫn cậu Hai đã dạy tôi để 30 năm sau tôi có thể trở thành một người thợ săn tên tuổi trong nước.(Đọc Chuyện Đường rừng của tác giả)

Ngồi trên bờ lộ cao hơn mặt ruộng, tôi theo dõi tất cả các động tác của người thợ săn cũng như con thú bị săn, không bỏ sót

HUYỀN ÁI TÔNG

một chi tiết nào hết. Tất nhiên trái tim yếu đuối của tôi, đầu óc non nớt của tôi càng lúc càng run động theo đà tiến bước của một con người và một con thú càng lúc hai đàng càng gần nhau, gặp nhau và cái gì sẽ xảy ra? Càng lúc tôi càng hồi hộp, càng lo lắng không biết cho con cò hay cho câu Hai tôi? Lớn lên, xem một phim Cow-boy của Eastwood có đoạn nín thở, nhưng không có són đáí như thằng nhỏ ngồi trên bờ lộ chiều hôm đó.

Như thế tôi đã xem một cuộn phim "mèo rình bắt chuột" hoàn toàn sống động dài hơn 1 tiếng đồng hồ và kết thúc như sau. Đến một ngã tư rãnh nước, tứ phía bốn bề là ruộng lúa chưa gặt cao khỏi đầu, một bên có cậu Hai tôi cầm gậy đang ngồi ẩn mình trông đợi, góc bên tay mặt của cậu con Cò sói cầm đầu xôm cá trờ tới, cũng là lúc câu Hai tôi vụt đứng lên, thỉnh linh xuất hiện ra trước mặt nó, vừa đưa cao cây gậy tre vừa la lớn lên. Hoàn toàn bất thần, con Cò sói giựt mình, hồn vía lên mây, giương đôi cánh lớn ra, nhưng thay vì cất mình lên thì lại ngã ra sau, vừa lúc cậu Hai tôi lẹ như chớp nhảy tới lấy cây gậy tre đè nặng trên cánh trên cổ nó xuống đất, một tay một chơn kềm cây gậy, tay kia nhổ cả bụi lúa dài dùng làm giây thừng buộc hai chơn nó lại ngay chỗ đầu gối, rồi nhổ tiếp một bụi lúa nữa để buộc treo cánh sát trong nách của nó. Đến lúc đó thì con Cò sói hoàn toàn bị khống chế, chỉ còn có cái mỏ to đánh "cập cập". Ngồi trên bờ tôi nghe mồn mồn, có thể không phải là để dùng võ lực cản trở lại mà là bắt bạo động dùng tiếng nói, dù là tiếng nói của một con chim để phản Đối thôi.

Đến đây thì làm như cậu Hai tôi đã thấm mệt, nên ngồi xuống trên bìa lúa để nghỉ, để con Cò sói hoàn toàn bất lực nằm trước mặt, tha hồ cựa quậy, tha hồ đánh cái mỏ "cập cập", nghe như

VĂN HỌC MIỀN NAM

tiếng trống com ai đánh giữa đồng. Mười phút sau, cậu Hai tôi đứng dậy lấy cây gậy đè cái mỏ xuống, nắm lấy cái mỏ thật chặt và vác cả con Cò sói lên lưng, hai chơn con cò lê lét dưới đất. Và một tay chóng gậy, một tay kèm cái mỏ trước ngực, rất chậm rãi và thật cẩn thận, cậu tôi lần lần từng bước một lội lên bờ lộ, đã có tôi ở đó đứng lên và nhảy tung tung, vừa vui mừng reo lên, vừa gọi háng xóm có mặt trên lộ cái đến xem, đúng là một đứa nhỏ 9, 10 tuổi!

Câu chuyện tôi kể trên đây chỉ có 2 phút để đọc hết, nhưng đây là một kỳ công, đòi hỏi biết bao nhiêu nghị lực, bao nhiêu kiên nhẫn kéo dài gần 2 tiếng đồng hồ, vì lúc cậu tôi vác con Cò sói lên tới lộ cái, đặt nó xuống đất trước mặt tôi, thì trời đã chạng vạng tối. Cậu Hai tôi vừa ngồi lại bên tôi vừa nói: Con nuôi con cò này đi! Nó khôn lắm, giữ nhà còn hơn một con chó! Tôi chỉ trông đợi có thể thôi!

Và nội trong đêm hôm đó, trong làng Long thuận gần như ai ai, nhứt là những đứa trẻ cùng lứa tuổi bạn bè của tôi cũng đều phải biết thằng Tám L. con Hương hào D. mới có một con Cò sói đứng cao gần bằng nó. Rồi đây các thằng bạn đá gà che, đá cá thia thia, gày bẫy chim áo già chim cú điếu, câu cá rô bắt chuột đồng...phải ghen tỵ với tôi thế nào nữa! Sao mà cái gì nó cũng sướng hơn tụi tôi nhiều như vậy?

Nhà xóm trên đã đổ đèn khi hai cậu cháu tôi đem con Cò sói về đến nhà, anh ba Cừ đã về trước thắp đèn manchon đem treo ngoài sảnh đường, ánh đèn soi sáng cả cái sân, cậu Hai tôi đặt con Cò sói xuống đất, cách bụi tre gai trước nhà mười thước. Cậu vào trong nhà lấy ra một con dao lớn, đốn một gốc tre làm một cái nọc và đóng sâu xuống đất. Nghe lời cậu, tôi đi vào

HUYỀN ÁI TÔNG

nhà xe, xin anh tài xế một đoạn giây gai dài khoảng 4 thước. Một đầu giây cậu tôi làm một cái vòng nhỏ vừa đủ để tròng vào cái nọc tre, một đầu buộc vào một chơn của con cò. Đầu vào đây xong xuôi, cậu tôi từ từ tháo giây lúa buộc chơn ra, kể đến là tháo giây lúa buộc cánh. Đến đây thì con Cò sồi kể ra là được tự do rồi, nhưng có lẽ vì còn công chơn công cánh, nên nó chưa vội đứng lên, trong lúc tôi phải thụt lui đứng ra xa, tim vẫn hồi hộp trông đợi. Thành linh nó giương hai cánh ra đập xuống đất và đứng lên như một cái máy, để rồi chộp cánh mấy cái lấy trốn muốn bay đi, nhưng nó cũng lập tức biết ngay là một chơn của mình bị vướng lại. Một lần, rồi hai lần, ba lần... nó cố gắng bay đi, nhưng sau hết nó biết mình sa cơ, nên dừng lại đứng thẳng nhìn người đứng chung quanh và như là linh tính báo cho nó biết, chỉ có thằng nhỏ đứng trước mặt nó, cao hơn nó một chút mới có thể là bạn của nó được, với những hình người cao hơn nó, to lớn hơn nó quá thì xem ra nó không có cảm tình chút nào hết, cứ xem hai con mắt đen tròn vo của nó thì biết. Ngược lại, tôi có cảm tình với nó ngay, thương nó ngay, vì nó ngang tầm tay tôi, cao lớn gần bằng tôi. Chắc chắn nó không biết nói như một con sáo đen, nhưng với cái đầu sồi to lớn, với bộ mặt nghiêm nghị luôn luôn suy gẫm (meditation) hoàn toàn như một nhà trí thức, nếu không phải là một thầy tu marabout Hồi giáo, chắc chắn nó phải thông minh, khôn ngoan, có khi hơn tôi nhiều là khác.

Cả nhà chúng tôi có cha má tôi ông nội tôi đứng trên sảnh đường nhìn xem con Cò sồi có chấp nhận cái tình cảnh "mất tự do" này không và làm như nó chưa cam chịu lắm nên hai ba lần nó chộp cánh chạy đi lấy trốn muốn bay đi, có lần nó cất lên được gần hai thước cao, tôi hoàn toàn hốt hoảng, cũng vừa lúc

VĂN HỌC MIỀN NAM

sợi giây gai trĩu nó lại xuống đất, may quá nó không té, mà đậu xuống không hề hấn gì hết, tôi quay qua hỏi cậu Hai:

- Giây có chắc không cậu?

- Chắc lắm con, kéo chiếc xe Fiat của con còn được mà!

Rồi cậu Hai tôi dạy: Con muốn làm thân với nó, thì nên vào bếp xin một con cá đi, chính con cho nó ăn, nhưt là những ngày đầu, đừng để cho ai khác. Chưa phải lúc lại gần, chưa thân nó có thể mổ con, ở xa con ném cho nó đớp cũng được. Nhớ là nó không bao giờ ăn con gì chết có mùi rồi. Nó ăn đủ thứ, chim, chuột, ếch nhái, cá, lươn, rắn, cua...chết cũng được, nếu chưa có mùi hôi mùi thúi. Nhớ đừng cho con chó con mèo lại gần, có thể nó mổ bẻ đầu chết hay đui mắt.

Trời đã về đêm, sương sa lạnh người, đi vào nhà, tôi còn ngoảnh lại. Đã hơn 1 tiếng đồng hồ, cả nhà chúng tôi đều mừng rỡ, như có thêm một người con, cho tôi là một người bạn, để tôi chia sẻ những tâm tình chớm nở quá sớm của một đứa trẻ chưa đầy 10 tuổi. Trước đây gần hai năm tôi đã thương một con sáo đen có mỏ vàng, nhưng tâm tình của tôi Đối với nó là tâm tình của một người anh hơn là một người bạn, nếu không nói là một thầy giáo với học trò. Còn đây là một người bạn kể như là đồng lứa tuổi, có thể nó chỉ già trước tuổi, mà có thể là bạn vong niên, với cái đầu vừa lớn vừa sói mặt mày luôn luôn nghiêm nghị, xem già giặn hơn tôi, kinh nghiệm đời hơn tôi. Trước khi lên giường ngủ, tôi còn lên ra sân đường đứng nhìn ra sân, thấy nó đứng yên gần bên cái nọc tre, đầu mỏ khôm khôm xuống, có thể nó đang cầu nguyện thật và làm như nó đã cam chịu cái số phận tù hãm rồi! Có lúc tôi nghĩ, hay là đi thả nó ra, trả tự do cho nó . Nhưng không phải là chuyện dễ, vì lại

HUỖNH ÁI TÔNG

gần để tháo giầy buộc chơn nó bây giờ sẽ bị nó mổ chết. Cho nên vừa lo âu thương hại nó, tôi vừa ham muốn có một người bạn, để tôi thương, để tôi trò chuyện, để tôi chia sẻ những "muru đồ" lớn nhỏ của tôi. Mà thật vậy, tôi có nhiều "muru đồ" lắm, như là lội lên bung, hay đi xa ra rừng vông khỏi khu Nhà cháy để tìm hót (vót) cho được một con cá thia thia vô địch, như là đi vô shroc "thỏ" tìm mua cho được một con gà che thật anh hùng, như là đi lên Càng long vào tận ấp Năm ấp Bảy để mua một cặp chim áo già mỗi, chỉ 5 xu một con thôi. Đó là những "muru đồ" mà anh ba Cừ chưa chịu giúp tôi thực hiện cho kỳ được.

Nằm trên giường ngủ đêm đó, tôi đã nghĩ đến một chương trình cho con Cò sói này. Nhưng trước hết tôi phải tìm cho nó một cái tên để dễ bề xưng hô và cái tên tôi nghĩ đến trước hết cho nó là cái tên Marabout, đúng là danh chính ngôn thuận. Nếu có hơi dài thì cắt ngắn nó lại. Và trước khi ngủ tôi đã quyết định, sáng mai khi cho nó ăn tôi sẽ gọi nó là Mabout.

Ngày hôm sau, sáng tinh sương, tôi đã thức dậy sớm với người trong nhà bếp, tức là vào khoảng 5 giờ. Tôi xuống nhà dưới đánh thức anh ba Cừ, đánh thức chị hai Tới, xin một con cá lóc, tôi muốn cho con Cò sói một bữa ăn sáng thật đặc biệt, thật ngon lành. Và tôi đã thành công ngoài sự tưởng tượng.

Trời chưa sáng, trong lúc cậu Hai, cha má tôi, ông nội tôi còn đang ngủ, sau khi thay quần áo, ăn mặc chỉnh tề tôi ra sân, có anh ba Cừ đi theo với một con cá lóc lớn bằng cườm tay còn đang giầy giữa trên tay. Tôi nói:

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Anh phải để tôi cho nó ăn, chỉ có tôi thôi, không ai được làm việc này, anh nhớ căn dặn cho nhà bếp biết! Anh tìm bắt chuột cho nó đi! Trong nhà để gỗ làm gì cũng có!

Và tôi xách con cá lóc đi lại gần khoảng 3 thước, con Cò sói nhìn tôi, mắt mở to, như lấy làm lạ, cũng có thể từ xa nó đã đánh hơi cá rồi, nên đã ngóng cổ lên chờ đợi. Tôi vừa gọi Mabout! Mabout! vừa cầm con cá quơ qua lại và đôi ba lần như vậy, con Cò sói với đôi mắt sáng lên vẫn theo dõi, cũng là lúc tôi quăng con cá lóc lên cao, đúng tâm mỏ của nó, không một chút ngần ngại hay sợ sệt, nó đón ngay con mồi vào mỏ và xóc hai ba cái, con cá lóc đã lọt vào họng nó một cách máy móc, không chút khó khăn gì hết. Anh ba Cừ và tôi vui lên, không dè con Cò sói lại dễ thuần hóa mau đến thế. Tôi gọi "Mabout! Mabout!", thì thấy nó lúc lắc cái đầu sói qua lại, có thể là một cách "cám ơn" của nó, hoàn toàn khác ngược với trẻ con chúng tôi là cuối đầu. Có thể cho nó lắc đầu là "oui", gục đầu là "non" không chừng?

Sáng ra, cậu hai Ca và tất cả trong nhà đều đi ra sân thăm hỏi con Cò sói. Nó đón tiếp một cách hết sức bất lịch sự. Thay vì đứng yên để chào hỏi, nó lại chớp cánh lấy trốn muốn bay đi, mỏ vừa đánh "cập cập" như chửi thề một cách mất dạy, sợi giây gai buộc dưới chơn căng thẳng, làm tôi phải một phen lo sợ nữa. Biết rằng Đối với cậu Hai thì chắc chắn nó còn thù lắm, vì cẳng cổ cẳng cánh bắt nó một cách không anh hùng lắm. Nhưng với cha má tôi? Và trong cả những ngày sau, chỉ có tôi là nó không sợ, không bỏ chạy như với những người lớn khác. Các bạn bè tôi, toàn là con tá điền tá thổ lần lượt được tôi mời tới để tôi giới thiệu con Cò sói, nếu có đứa nào muốn đến chơi, muốn đến trò chuyện với nó, thì luôn luôn tôi vui vẻ mở cửa

HUYỀN ÁI TÔNG

cồng cho nó vào sân nhà, đi đến gần nó, nhưng luôn luôn nói rõ là chưa đến lúc phải đến gần quá, phải sợ nó mổ bẻ mặt, đui mắt...như cậu Hai tôi dặn. Thật ra lúc bấy giờ tôi rất sung sướng khi được chia sẻ với chúng những cảm tình bạn bè luôn luôn nhẹ nhàng và tốt đẹp. Ngoài ra tôi còn xin cho con Cò sói của tôi những món ăn mà nó thích, đĩa nào bắt được chuột cá tôm lươn rắn ếch nhái...mà không ăn thì đem đến cho tôi nuôi nó cho đầy đủ. Và như tôi yêu cầu, trong những ngày sau đó chúng bạn đã mang đến cho tôi nhiều con chuột đồng, nhiều con rắn con lươn...đến nỗi tôi phải xin anh tư Mau tài xế của tôi làm một cái lồng bằng lưới sắt để rộng những con chuột còn sống còn khỏe mạnh, dành cho những ngày khác. Ngoài ra chính cha mẹ của các bạn tôi cũng đến thăm con Cò sói của tôi và nhiều khi cũng mang cho nó một hai con chuột, một hai con cá. Đến lúc đó thì nhiệm vụ của tôi không còn gì nặng nề khó khăn nữa. Chỉ còn có vấn đề "giao dục" thôi, làm sao cho nó không còn "mất dạy" với người lớn và nhút là thân thương với trẻ nhỏ, trong đó có tôi, tất nhiên là không có mấy em gái hay nhè nhè hay khóc "đáng ghét".

Ba bốn ngày sau, cậu Hai tôi chèo ghe đi về Bãi xan, còn căn dặn tôi phải săn sóc con Cò sói cho chu đáo và quả quyết là trong vòng năm sáu tháng khi thấy nó cho lại gần, khi tận tay đưa cá đưa chuột vào mỏ nó, khi nó cho tôi rờ đầu rờ mỏ là đến lúc nên tháo giây chơn thả nó bay đi ăn ngoài vườn ngoài ruộng tự sinh sống được, và nó sẽ trở về không bay đi luôn đâu. Đang khi chờ đợi ngày phóng thích đó, hằng ngày tôi vẫn tự tay cho nó ăn, thức ăn nó thích nhứt vẫn là một con chuột đồng nguyên con, tôi ném lên là nó chộp cánh bay lên đớp ngay vào mỏ, để rồi đứng xuống, xốc một cái vào cổ, tôi thấy con mỗi lần lần đi xuống họng và dừng lại trong một cái đẫy có

VĂN HỌC MIỀN NAM

màu nghệ vàng nằm ngay trước ngực. Vì cái đây này mà con Cò sói còn có tên là con Già đây, hay Cò Già đây.

Cái đà phát triển anh em bạn bè với thằng bạn Mabout này càng ngày càng tốt đẹp và om sòm hơn. Chẳng mấy chốc mà nó khỏi sự biết gọi tôi dậy lúc năm sáu giờ sáng, biết cảm ơn tôi, biết mừng tôi đi đâu về, đó là những tiếng đánh "cập cập" vang vội của nó, nếu để ý mà chỉ có tôi mới để ý thôi. Có những tiếng mỏ đánh như tiếng trống com bít da, nhưng cũng có những tiếng đánh "cooc cooc" vang vội cả xóm trên xóm dưới nghe như mõ gõ ở đình làng, cũng có những tiếng "cộc cộc" như mõ con thầy chùa tụng kinh trong chùa. Đã thế mà có lúc nhạt lúc thưa, có lúc thật nhạt, có lúc thật thưa! Trong một thời gian ngắn một tháng gì đó, tôi nhận qua tiếng cái mỏ của nó đánh "cập cập" để biết được tâm trạng hay ý muốn của nó, tất nhiên là trong chừng mực nào đó thôi. Ngoài ra tôi còn khám phá ra bản tính tự vệ của nó khá rõ ràng, nó làm thân rất dễ dàng với trẻ con có những thân hình không cao hơn nó quá, và ngược lại hình dáng gì cao hơn nó quá như người lớn thì nó rất dè dặt, nếu không nói là sợ sệt, nên sanh ra "mất dạy" có những tiếng kêu như chửi bới rất tục tĩu.

Vì thế mà trong vòng hai tháng, chung quanh thằng Mabout đã hình thành một xã hội nhỏ, đúng hơn là một câu lạc bộ trẻ con trong làng Long thuận. Chúng tôi hẹn hò về đây bốn năm đứa, sau khi chào hỏi thằng Mabout, chúng tôi ngồi ngay xuống đất trước mặt nó để bày những trò chơi thầy lỗ đánh bi, có khi còn đem gà che xô nhau năm ba phút trước mặt cho nó xem. Rất tiếc là không làm sao cho nó trực tiếp tham gia với chúng tôi được! Tuy nhiên tôi tin chắc là nó luôn luôn theo dõi cuộc ăn thua của tôi, có lúc tôi có cảm tưởng là nó muốn ra mặt bênh

HUYỀN ÁI TÔNG

vực tôi, như có lần nó đi lại sau lưng, lấy mỏ khiêu vai tôi, và đánh hai ba tiếng ;;cập cập" nho nhỏ, có thể là nó muốn nhắc tôi cái trò hay cái bí quyết gì đó, mà tôi vô tình không biết không hiểu nổi đó thôi!

Mùa Xuân đã qua và rồi mùa Hè đã đến, thế là từ ngày Mabout về với tôi 5 tháng rồi, cũng trong thời gian này tôi dự bị đi thi tiểu học ở Trà vinh (tháng 5, 1932), tất nhiên đi thi sẽ không có khó khăn, đúng như thầy hai Tân nói. Ngày đi thi thì tôi nhớ rõ là một ngày quan trọng cho cha tôi hơn là cho tôi, nên sáng hôm đó cha tôi ăn diện hoàn toàn như một Tây thuộc địa, là giày trắng nón trắng ,complet trắng, một thứ áo cổ cao, có nút vàng dài trên ngực. Tôi thì ăn mặc cũng như đi học thường ngày là quần ngắn áo trắng ngắn tay và giày sandal da màu nâu, nhưng quần áo được ủi ngay thẳng hơn. Lần đi Trà vinh này tôi hết sức sung sướng không phải vì được đi thi như các bạn học ở trường tiểu học Láng thè, nhưng vì được ngồi xe một mình với cha tôi và là xe Huê kỳ hiệu Studebaker, vừa êm vừa rộng hơn chiếc xe Fiat cổ lỗ xỉ của tôi nhiều.

Đến Trà vinh từ 7 giờ sáng, vào trường thi, gần 300 thí sinh từ các nơi đã tề tụ về sân trường đầy đủ, chỉ mười phút sau cha con tôi đã tìm ra thầy giáo Chũ và 30 thí sinh trường Láng thè bạn bè của tôi đang đợi, ai ai cũng nói nói cười cười riu rít như một đoàn chim sẻ chung quanh đẽm lúa. Cha tôi giao tôi cho thầy Chũ để dẫn đi tìm lớp vào thi và như một cái máy, chỉ trong nửa tiếng đồng hồ là đầu vào đó, mạnh ai chen chúc nhau vào lớp của mình theo lời chỉ dẫn của thầy giáo Chũ.

Buổi sáng, trong ba tiếng đồng hồ từ 8 giờ rưỡi đến 11 giờ rưỡi thi viết xong cho hai môn toán và Pháp văn.. thi tiểu học thời

VĂN HỌC MIỀN NAM

đó chúng tôi không có thi miện. Cha tôi đã đứng đợi tôi từ 12 giờ, nên vừa ra khỏi lớp là cha con gặp nhau ngay. Cha con tôi lên xe chạy ra chợ, vào một tiệm cơm Tàu có lầu để ăn một bữa cơm Tàu, tôi không còn nhớ ăn món gì, chỉ nhớ là cha tôi vui lắm và tôi ăn thật nhiều, hơn mọi lần ở nhà. Sau đó cha con tôi trở lại trường thi để tìm xem kết quả, nhưng không cần xem vì thầy giáo Chữ đã có kết quả cầm trên tay, các bạn tôi đang bu chung quanh. Tôi chen vào thì đã có con Xuân, thằng Chinh, thằng Phong, thằng Bá, con Loan...hè nhau lôi tôi ra: Mầy đậu rồi! Mầy đậu rồi! Tao cũng đậu... Chỉ có con Loan vui thì vui, nhưng không ồn ào, lại cầm tay tôi và nói nhỏ: Cha con mầy về, nhớ ghé Láng thè trả tiền cơm cho cha tao nghe!. Chùng nào mầy đi lên Saigon học nữa? Tao thì chắc phải ở nhà rồi, chị Phụng sắp đi lấy chồng, ăn hỏi rồi, qua năm cưới, còn ai ở với cha tao nữa? Thật ra lúc bấy giờ, tất cả các bạn tôi đều biết là sau khi thi xong, chắc nhiều đứa không còn gặp nhau lại nữa, mà trong các bạn tôi chỉ nghĩ đến có con Loan, tôi ăn trưa ở nhà nó cả một năm học rồi, nhưt là từ những ngày đầu nó là người con gái duy nhưt bênh vực tôi, bảo vệ tôi để khỏi bị những đứá con gái khác ăn hiếp, trưa về nhà nó còn lo cơm nước cho tôi như là một người chị. Nói gì nói, nó đã trở thành một người bạn thân thương của tôi nhưt trường, cho nên thi xong là chắc chắn sẽ xa nhau, khi nầy nó đã nhắc tôi điều đó, và tôi thấy nó thi đậu mà không vui như những đứá bạn khác. Vì thế mà tôi muốn rủ nó lên Long thuận chơi với tôi, mà lúc bấy giờ chơi cái gì bây giờ hơn là chơi với người bạn mới của tôi là Mabout. Con Loan mừng quỳnh lên khi biết nếu cha nó cho phép thì sẽ được ngồi xe hơi với tôi, không phải là một chiếc xe tầm thường như chiếc xe Fiat nhỏ xíu của tôi.

HUỶNH ÁI TÔNG

Khi tôi nói cho cha tôi biết thì cha tôi bằng lòng ngay, mà còn khuyến khích tôi nên mời hai ba bạn khác, nếu muốn quá giang thì xe cha tôi còn nhiều chỗ trống cho hai ba đứa nữa. Nhưng lầy quây chỉ có con Loan và thằng Chình què cùng xin lên xe về với tôi thôi, vì thật ra chỉ có hai đứa này đi thi bằng xe đò, cha mẹ không có đưa đi, mấy đứa khác đều có cha mẹ hay anh chị đưa đi, bằng xe đò, bằng xe đạp hay xe ngựa, nên họ muốn con em họ cùng về với nhau.

Khoảng 3 giờ chiều, khi về ngang chợ Láng thê (sau là Bình phú), cha tôi ghé nhà chú Dinh cha của con Loan, mục đích là cảm ơn vợ chồng chú Dinh lo cơm trưa cho tôi cả niên học rồi và thanh toán tiền cơm cho tôi. Tôi cũng làm dạn xin cha tôi nói với chú Dinh cho con Loan nó lên chơi với tôi cho biết nhà biết má tôi và khi thấy chú Dinh còn lừng chừng chưa quyết định, tôi mời thằng Chình cùng đi cho có bạn, cũng để cho con Loan khỏi quá ái ngại, vì nhà thằng Chình ở sát vách nhà con Loan và nhiều năm nhiều tháng hai đứa nó sáng nào cũng đi học với nhau. Thật ra cả hai đứa đều là bạn thân thương nhưt trường của tôi. Thằng Chình là cái thằng bắt buộc mấy thằng khác phải cho tôi trực tiếp tham gia vào các trò chơi của chúng, là đá banh thầy lỗ hay đánh bi... Tuy nó đi hơi cà nhắt, nên có tên riêng là Chình què nhưng nó khỏe mạnh không thua gì thằng Phong anh của con Xuân, nhiều khi hai đứa đánh nhau trước mặt tụi tôi, mà luôn luôn thằng Chình thắng, không thua một keo nào cả. Nhưng đó là những cuộc vật lộn tay không thôi, sau đó ít lâu thì thằng Phong lại sanh ra chơi dao, và bị thầy Chử, không phải chỉ véo dít thôi, mà còn bắt cúí xuồng đánh cho 4 roi mây. Thật đáng đời! Chính vì ý y có anh to lớn khỏe mạnh mà con Xuân từ ngày đầu đến trường đã ăn hiếp tôi

VĂN HỌC MIỀN NAM

một cách tàn nhẫn, nhiều khi tôi muốn khóc được, nhưng luôn luôn không khóc, sợ chúng nó cười thêm nữa.

Chiều hôm đó má tôi đã chờ cha con tôi về ăn cơm, có thêm hai bạn học của tôi, một đứa con gái cha Tàu mẹ Việt và một thằng con trai người Tàu quê giò, cả hai đều lớn hơn tôi 1 tuổi, đứa nào cũng quê mùa, nhút nhát. Để ăn mừng tôi thi đậu, má tôi đã biếu chi hai TỐI làm một bữa cơm cho thật ngon, có thịt heo quay mua của chú Đình, có thịt vịt hầm măng tre, có cá trê vàng nướng dầm mắm gừng là món ăn tôi thích nhất và gì nữa... Ăn xong còn có chè khoai môn và nhứt là bánh LU - hồi đó còn để trong hộp thiếc- cha tôi mua từ Tra vinh như thuở nay mỗi lần đi tỉnh lỵ về. Rất tiếc là trong bữa cơm này thiếu thầy hai Tân của tôi, anh đã đi Rạch giá từ năm trước, cũng để dạy tại gia cho một gia đình đại điền chủ và chưa tới 1 năm sau, tất cả gia đình tôi rất vui mừng khi hay tin anh đã lập gia đình, chẳng ai khác hơn là với người con gái rất đẹp của gia đình đó, nhưng phải đợi đến hơn hai ba năm sau, anh chị Lê văn Tân mới có dịp về Long thuận thăm gia đình chúng tôi.

Và gần đây (năm 2008) chúng tôi mới tìm được người con một của anh chị có tên là Lê văn S. Còn chính anh thì rất buồn vì anh yếu mệnh, cũng cái chứng bệnh lao kinh niên của anh. Chi hai Tân là một người đàn bà rất đẹp có tiếng, nhưng rất truan chuyên, đúng là hồng nhan bạc phước. Chị hạnh phúc với anh Hai vồn vẹn đúng 5 năm. Anh Hai mất rồi chị tái giá với ông cò (tàu) Lâm quang T. khi ông này được quân đội Pháp chỉ định làm quận trưởng quân Châu thành Tràvinh, để rồi bị V.M. phục kích bắn chết chưa tới một năm sau (1946). Sau đó chị Hai đi một bước nữa, chẳng ai khác hơn là với anh ba Đức,

HUYỀN ÁI TÔNG

con của cô Ba tôi, cũng là dưỡng của con Xuân, em thằng Phong.

Trên bàn cơm vui vẻ hôm nay má tôi lại nhắc đến anh hai Tân, như là dạy tôi phải nhớ ơn biết ơn thầy, làm cho tôi ghen ngào, cố gắng nói chuyện khác cho hai bạn học tôi vui lên, và tôi đã nói đến thằng Mabout bị bỏ quên nãy giờ, cũng là lúc từ ngoài sân có thể nó đã nghe tiếng nói của tôi và như là nhắc tôi không nên quên nó trong giờ phút sung sướng của mình, nên nó đánh cái mỏ của nó lên "cập cập" vang vọng cả xóm. Đó là lúc có thể nói tôi sung sướng và hạnh diện nhưt trong ngày thi đậu tiểu học của tôi.

Chưa kịp dẫn hai bạn lên chào ông nội - ông vẫn ăn cơm ở nhà trên một mình, có chị ba Phụng chị tư Các thay má tôi hầu bàn, ông tôi ăn cơm rất lâu và không bao giờ có ai cùng bàn, trừ phi cô ba Huỳnh, bà thứ tư của ông, có về theo, ăn cơm vừa xong tôi kéo con Loan thằng Chinh chạy ra sân thăm Mabout ngay. Ánh sáng đèn manchon từ trong nhà chiếu ra cả góc sân đều sáng trưng như ban ngày, thằng Mabout vẫn đứng yên, luôn luôn cầu nguyện, thấy tôi chạy ra vừa gọi "Mabout! mabout! "nó tỉnh dậy ngay, đưa mỏ lên trời, có thể lại là một cách chào hỏi khác nữa, nhưng vẫn lắc cái đầu sỏi, không phải "non, non" mà là "oui, oui", tôi bảo hai bạn tôi phải lưu ý, có thể vì tuổi tác mà Mabout ngược ngạo như vậy! Thằng Chinh, nhưt lá con Loan tha hồ mà vui mà cười. Thấy hai bạn vui, tôi càng sung sướng hơn nữa. Có thể ngày mai hay một tôi sẽ cởi giày thả Mabout, vì đã hơn 5 tháng rồi, nó đã mổ lấy cá lấy chuột từ tay tôi và từ hai tuần nay nó đã cho tôi rờ đầu và mấy ngày nay nó còn biết quỳ gối tạ ơn Allah sau khi ăn no nê hai con chuột nhỏ hay một con cá lớn. Tôi để ý nhưt và vui nhưt là khi về đêm,

VĂN HỌC MIỀN NAM

nhiều khi thấy nó quỳ đọc kinh rất lâu: đầu cúi và cái mỏ to đi thường cúi xuống, hoàn toàn như là một Marabout Hồi giáo, có khi nhắm mắt, có khi mở, buồn cười hơn nữa là có khi một con nhắm, một con mở mà còn liếc liếc như là nhìn trộm một cô gái nào đó khi quỳ đọc kinh trong nhà thờ, đó là tôi tưởng tượng chớ trong đền thờ Hồi giáo làm gì Allah cho phép đàn bà con gái vào thờ lạy Ngài.

Đêm hôm đó con Loan ngủ trong phòng chị ba Phụng chị tư Các, không biết làm gì mà cả ba người rù rì cười nói quá nửa đêm, đang khi thẳng Chỉnh thì ngủ một giường với anh Bảy tôi, luôn luôn tôi không thích ngủ chung với ai hết dù với bạn bè thân thương nhất. Má tôi cũng khuyết khích như vậy, vì không bao giờ muốn cho bạn bè nói chuyện trên giường ngủ. Thiết nghĩ đó cũng là một thói hay, giúp cho trẻ con ăn ngủ có giờ có giấc, mạnh khỏe hơn.

Sáng hôm sau, khoảng 9, 10 giờ, ăn sáng xong, bạn bè con tá điền tá thổ của cha ông tôi, cũng như thường khi biết tôi ở nhà không đi học, nên kéo nhau đến tụ tập chung quanh thẳng Mabout để bày những trò chơi quen thuộc của chúng tôi, mà hôm nay là trò thầy lỗ, tôi muốn cho thẳng Chỉnh què bạn tôi trở tài, vì nó là một tay quán quân trong lớp tôi. Và trong lúc các bạn trai tôi mê mang ăn thua, tôi đã dẫn con Loan ra vườn, tôi muốn khoe vườn quit vườn cam vườn xoài vá nhứt là cho nó thấy trái xa-kê, mà có lần trong bài cách trí (Lecons de choses), thầy giáo Chử hỏi có trò nào biết trái xa-kê là trái gì, tả cho thầy nghe. Tất nhiên chỉ có tôi mới biết tả hình dáng nó rõ ràng, kỳ dư thì đoán mò, có đưa còn lẫn lộn trái xa-kê thành ra trái xa-cô-chê hay trái mít tổ nữ. Khi đi ra chuồng heo, tôi dừng lại và nói cho con Loan tại sao cha nó biết gia đình tôi mà

HUỖNH ÁI TÔNG

dám lãn nuôi com trưa cho tôi cả năm mà không bao giờ đòi tiền. Vốn cha nó mỗi lần đi rong trong làng Long thuận để mua heo, thì bao giờ cũng ghé thăm má tôi để xin nước uống và hỏi mua heo của má tôi, chuồng heo của má tôi rất lớn, có khi bán ra ba bốn con một lượt. Nhà điền chủ lớn nhỏ trong Nam đều có chuồng heo chuồng gà chuồng vịt để tự túc thịt, nhứt là khi có tiệc tùng lễ lạc, như đám cưới đám giỗ. Nhà cha mẹ tôi con hơn thế nữa, khi gần Tết Nguyên đán, tôi không còn nhớ rõ ngày nào, gần như mỗi năm má tôi đều giết năm ba con heo để chia thịt cho bà con hàng xóm, tất nhiên là với giá rẻ hơn giá ở chợ như chợ gần nhứt là chợ Láng thế, thớt thịt của chú Đình chẳng hạn.

Trưa hôm đó, trước khi hai đứa bạn tôi ra về, tôi muốn cho hai bạn tôi chứng kiến việc trả tự do cho Mabout, như lời câu Hai tôi dặn. Tôi tin chắc là đến đây, nó không thể nào bỏ tôi đi luôn được, vì giữa hai đứa chúng tôi đã có một mối tình bầu bạn rất khăng khít, người lớn không hiểu nổi. Mà nếu nó không "chung tình" bay đi luôn không trở lại, thì cũng không sao, tôi vẫn được an ủi là hiểu biết được một con vật và chắc chắn nó cũng hiểu biết được con người hơn trước. Tôi trình trọng mời cha má tôi và cả nhà tôi ra xem, cả ông nội tôi cũng đứng trên sảnh đường nhìn ra sân. Má tôi cũng lấy làm lạ sao mà chỉ có mấy tháng mà con Cò sói được tôi thuần hóa một cách mau chóng đến thế, má tôi không biết, có thể cả cậu Hai tôi cũng không biết cái bí quyết là hầu hết các con thú đều có mặc cảm và sợ sệt những hình dáng cao hơn nó. Tôi để ý là nó không sợ bọn nhỏ chúng tôi như sợ người lớn đứng cao hơn, như anh ba Cù chỉ cao hơn tôi một cái đầu, những ngày đầu khi tôi lại gần thì thấy nó chỉ bỏ đi, anh ba Cù có lại gần thì nó chẳng những là bỏ đi mà còn chóp cánh muốn bay đi cho mau. Theo tôi, như

VĂN HỌC MIỀN NAM

thế có nghĩa là nó sợ người lớn và thân thiện với trẻ nhỏ như tôi dễ dàng hơn, tức nhiên trẻ nhỏ như tôi thuần hoá nó nhanh chóng hơn.

Trước khi tháo giầy chơn Mabout ra- má tôi có làm cho tôi một sợi giầy chuyễn bằng bạc nhỏ, có miếng bạc ghi tên nó và tên tôi " Mabout/Huynhvăn Lang"- tôi trồng vào cổ nó, có ý là nếu có ai bắt được biết là con Cò sói này là con Cò sói nhà. Nó để tôi trồng vào cổ dễ dàng, nhưng khi tháo giầy buộc chơn, thì làm như nó không chịu, nên đá ngược vào ngực tôi. làm tôi muốn té ngựa, các bạn tha hồ cười tôi bị cú "hồi mã thương". Nhưng khi nó lấy mỏ mổ cái chơn bị buộc cả 5 tháng có hề hấn gì không, thì thấy chỉ có một cái ngón lớn bằng ngón tay, không phải là một vết thương quan trọng. Tôi ôm nó, vuốt ve nó, cung nó một lần sau hết và đẩy nó "Đi! Đi!...", nhưng nó chưa nhận thấy mình đã được tự do rồi, đến khi anh ba Cừ đến đuổi nó đi, thì cực chẳng đã nó chộp cánh vừa chạy đi vừa chộp cánh càng lúc càng mạnh hơn, chừng đó nó mới nhận được mình đã tự do và lấy trớn bay lên càng lúc càng cao hơn, nhưng không có bay bổng đi xa mà chỉ bay đáp trên nóc nhà để gổ, còn nhìn lại tôi, mỏ đánh "cập cập" nhỏ nhỏ, tôi trả lời : Đi đi mây! Đi đi mây! Nước mắt tôi rơi xuống má khi nào không hay biết! Ai ai cũng mũi lòng hết, trừ ra mấy đứa em gái đáng ghét của tôi, tụi nó còn cười nhạo tôi: "Coi!coi! anh Tám khóc rồi!" Tôi lấy vạt áo lau nước mắt, cũng là lúc Mabout bay đi, lần lần cao hơn xa hơn về phía đồng Cây cách, chính nơi mà nó không bao giờ quên được, vì nó đã bị cậu Hai tôi đón bắt ở đó, chỉ 5 tháng trước đây thôi..

Tôi nhìn theo khi hết dạng, cũng là lúc con Loan, thằng Chinh đã đứng sau lưng, nắm lấy tay tôi và đòi về:

HUYỀN ÁI TÔNG

- Hai đứa tao đi về nghe, mày!

- Đi vào nhà, chào má tao đi! Đè tao lấy xe đạp đưa tụi bây về!

Vào nhà, má tôi cho mỗi đứa 1 gốc tư (25 xu), để ăn bánh. Má tôi còn cẩn thận biếu anh ba Cừ đưa hai đứa đi về, tôi xin phép đi theo. Tôi đi xe đạp, vừa đạp xe vừa nói chuyện, mần mê chẳng mấy chút mà về đến shroc người Kampuchea, mà lúc bấy giờ chúng tôi luôn luôn gọi là Thổ hay Miên, hoàn toàn không một chút mặc cảm tự tôn, mà người Kampuchea lúc đó thiết nghĩ cũng không bao giờ có tự ti mặc cảm.

Nhưng từ 1945-46, nhứt là từ khi Pháp trở lại (1946) khi dùng người Kampuchea làm lính partisans, đi ruồng đi bố ráp người Việt, tức nhiên nhen nhúm lại hận thù giữa 2 dân tộc có từ vua Minh Mạng (1819-1840) khi vua cho lệnh chiếm đóng Kampuchea như là một tỉnh hạt V.N., gọi là Trấn tây.

Đến shroc Thổ, chỉ còn 200 thước nữa là tới chợ Láng thê, chúng tôi từ giả nhau, thật là cảm động, vì biết là từ rày sẽ không còn thường trực gặp nhau, chia cho nhau những bài vở học trò, những trò chơi hoàn toàn vô tội của trẻ con. Bây giờ nghĩ lại, thấy mình đến 10 tuổi, cũng như là đã đi được một giai đoạn để trưởng thành.

Trước khi đi Saigon để học tiếp, ngày chúa nhựt nào đi xem lễ nhà thờ Trà vinh, luôn luôn tôi bảo tài xế ghé chợ Láng thê, thăm con Loan năm ba phút, nhưng bây giờ nó không có rảnh rang như trước nữa, nó phải ra nhà lồng giúp chị Phụng nó bán cháo lòng, cũng có lần ngồi lại ăn một chén cháo lòng, tôi luôn luôn đòi trả tiền, má nó chị Phụng nó không bao giờ cho nó lấy. Nhưng ba tháng sau (tháng 8.1932) tôi phải đi Saigon và

VĂN HỌC MIỀN NAM

học nội trú, qua lễ Giáng sinh mới có dịp về nghỉ Tết tây 2 tuần, tôi cũng cố tìm gặp lại nó một hai khi, nhưng tình bạn cũng có phần thay đổi vì xa cách lâu ngày, vì mỗi ngày mỗi lớn lên, vì công việc cũng có. Lầy quầy năm sáu năm sau, (1937-38) mới được tin nó đã lấy chồng, con một nhà giàu lớn ở Ất êch Huyện hội. Còn thằng Chinh thì sau đó ít lâu đã lên Chợ lớn làm việc cho bà con, không còn gặp lại nhau nữa. Phải đợi 14 năm sau, trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt, tôi gặp con Loan lại, khi nó con công con bằng chạy giặc người Miên (1946), lúc quân Pháp đến dùng người Miên làm lính partisans đi ruộng đi bô ráp các làng xã trong các quận Trà cú, Tiểu cần và nhứt là quận Càng long...trong đó có làng Nhị long của tôi và làng Bình phú của con Loan, đó là thời kỳ người Miên đi "cấp duồng" người Việt, bắt kẻ Việt minh hay không. Danh từ "cấp duồng" trong hai năm 1946-47 ở Trà vinh đã gây hải hùng cho đồng bào người Việt đến ròn tóc gáy khi nhắc lại. Cấp duồng có nghĩa là giết là chặt thối, nhưng với một khí giới có một không hai trong nhân loai, đó là cái phẳng bằng thép thật sắt bén, cán gỗ chỉ dài không quá hai tấc, nhưng lưỡi dài những hơn 1 thước tây, dùng để phát cỏ phát lát, rất khó xử dụng. Muốn dùng để giết người thì người Miên kéo thẳng ra, biến thành một thứ khí giới vừa thô kịch vừa ghê gớm.

Sau khi phóng thích Mabout, tôi cảm thấy cô đơn lạ lùng, con Loan thằng Chinh chỉ ở cách xa chưa tới 3 cây số ngàn, nhưng đã thi xong rồi, còn Mabout thì không hy vọng trở lại như câu Hai tôi nói, vì đã hơn 3 ngày rồi... Nhưng một phép lạ đã xảy đến, qua ngày thứ tư, sáng tin sương tôi còn đang ngủ, thỉnh linh "cạp cạp" liên hồi vang dội như trống đình làng, cả nhà giật mình chồm dậy hết. Tôi chạy ra sân đường, nhảy xuống sân, Mabout đã trở về...nó đang đứng trên nóc nhà để gỗ như

HUYỀN ÁI TÔNG

xưa nay, mò cứ đánh cặp vập. Tôi vừa ra tới giữa sân gần cây nộc tre, sợi giây gai còn quấn đó, cũng là lúc Mabout đáp xuống đứng trước mặt tôi, hai con mắt đen tròn vo sáng lên, có vẻ mừng lắm, đầu vẫn lắc lư, có nghĩa là "yes, yes I'm home", khi tôi trách nó làm gì đi chơi lâu dữ vậy, có phải muốn bỏ tôi luôn không? Cái đầu sói nó gục gặt, cúi lên cúi xuống, có nghĩa là "no", cũng có nghĩa là xin lỗi. Tôi ôm nó vào ngực, xoa đầu nó và bắt nó quì xuống, nó vâng lời ngay. Tôi vui đến chảy nước mắt !Tôi bảo nó cứ quì đó mà đọc kinh ăn năn đi. Tôi vào nhà bếp lấy một con cá lóc và đem cho nó ăn sáng. Tôi cưng nó, vuốt lông nó, mò nó, vò đầu nó và hỏi chuyện, chắc chắn nó có nhiều chuyện ly kỳ muốn thuật lại cho tôi nghe, nhưng nó chỉ âu yếm nhìn tôi....Trước khi buông nó ra, tôi còn căn dặn, nếu có đi ăn xa thì nên về chơi với tôi mỗi ngày, vì chỉ còn chưa tới 3 tháng là tôi phải đi xa, thật xa, cuối năm mới về lại Long thuận. Tôi tin là nó hiểu tôi nói cái gì, nên khi tôi buông nó ra, nó không vội bay đi ăn ngay, mà làm như chân chừ, lư luyến thế nào đó. Đến khi mà tôi gọi tôi vào ăn sáng, tôi phải la lớn bảo nó bay đi ăn đi, nhưng nó chỉ bay lên đậu trên nóc nhà gỗ, tôi đi vào nhà, tôi nhìn lại thấy Mabout còn nhìn theo...Nhưng rồi Mabout cũng phải bay đi kiếm ăn, tôi không còn phải lo nuôi nó nữa.

Thế là trong gần 3 tháng trước khi tôi đi Saigon, mỗi sáng nó bay đi ăn ngoài đồng Cây cách, đồng Bình phú hay đồng Gò cà...chiều 4, 5 giờ thì bay về đậu trên nhà gỗ để qua đêm trên đó và luôn luôn "đi thưa về trình", có tôi ở nhà hay không. Nếu ở nhà, tôi ra sân thì luôn luôn Mabout bay xuống đậu sát bên tôi, để tôi vò đầu hay hỏi thăm chuyện hằng ngày của nó. Tôi đình ninh, tuy nó khộng nói, nhưng hiểu hết cái gì tôi nói,

VĂN HỌC MIỀN NAM

cũng chỉ là năm bảy câu hỏi chuyên của nó và năm bảy câu kể chuyện của tôi.

Ngoài ra Mabout đã thành con Cò sói giữ nhà, có ai đến ngoài cổng là nó báo tin cho trong nhà hay liền, ban đêm cũng như ban ngày, không bao giờ sơ sót. Những tiếng mỏ nó đánh "cập cập", có khi cả tràng có khi chỉ ba bốn tiếng ngắn gọn, để phân biệt khách quen đã có đến nhà rồi hay là khách lạ.

Trong khoảng thời gian hơn 4 tháng tôi vắng nhà, Mabout vẫn tiếp tục sáng đi kiếm ăn, chiều bay về ngủ trên nóc nhà để gỗ, không bao giờ được phép đậu trên nóc nhà lớn, garage hay vựa lúa. Đến Giàng sinh năm 1932, tôi về nghỉ lễ, Mabout lại đi đi về về gần như mỗi ngày, thật ra thì sau 4 tháng rưỡi học ở Saigon, tôi có biết bao nhiêu chuyện phải kể cho nó nghe, nên chúng tôi có nhiều giờ "tâm sự" với nhau hơn. Đối với các bạn khác trong xóm trên xóm dưới, chúng tôi không còn thân thương với nhau như trước, các trò chơi nhứt là đá cá thia thia, vì cũng là mùa khô, vẫn còn lai rai chia sẻ cho nhau, nhưng lúc bấy giờ tôi đã có những đam mê khác, như mê đọc sách, đủ thứ sách, từ chuyện Tàu tiếng Việt, đến chuyện Âu Tây tiếng Pháp, cũng có thể là đam mê học hơn, có những bài vở tiếng Hán (Minh tâm Bửu giám), tiếng Latinh khó hơn. Nói một cách khác, tôi tạm thời bỏ cái vũ trụ đồng ruộng Long thuận nhỏ bé của tôi để đi vào một vũ trụ thành thị "văn minh" rộng lớn hơn. Sài Gòn /Long thuận xa cách đúng ngàn dặm đường (dặm 400m), nhưng tôi không có nhớ nhà, vì chỉ một hai tháng là có má tôi, cô Tư tôi lên thăm, đem lên cho tôi những tin tức về cái "vũ trụ" tôi bỏ lại nhà, trong đó có ông nội tôi, anh chị em tôi, các bạn bè tôi và nhứt là Mabout của tôi. Chuyện học hành của

HUỶNH ÁI TÔNG

tôi ở Saigon sẽ nói sau, ở đây tôi chỉ muốn nói đến Mabout mà thôi.

Tình bạn bè của hai chúng tôi luôn luôn được tốt đẹp trong cả 3 năm (1932-1935), dù có xa cách. Mỗi năm, là nội trú, tôi được nghỉ hai lần, lễ Giáng sinh 2 tuần và nghỉ hè được 3 tháng. Nghỉ hè là cả một cơ hội giúp tôi trở lại cái vũ trụ Long thuận đồng ruộng của tôi một cách "hết mình", nghĩa là gần 100% tôi sống lại cái đời sống thơ ấu của tôi là bầu bạn với con tá điền tá thổ của ông cha tôi, cũng chỉ bốn năm đũa, chia sẻ cho nhau những đam mê như trước, không thêm mà cũng không bớt, đến một lúc, ba năm sau bỗng dưng chúng tôi đã thấy mình lớn rồi, dù chỉ 13, 14 tuổi thôi. Tôi phải chăm lo học hành, chúng phải chăm lo giúp cha giúp mẹ làm ruộng làm vườn, Đối tượng ưu tiên hoàn toàn đã thay đổi. Cái quá trình khôn lớn hay trưởng thành không bao giờ là một con đường thẳng mà là một con đường có lên có xuống, hình thành nhiều giai đoạn đánh dấu bằng những thử thách, những thất bại hơn là thành công, những đau buồn, chết chóc hơn là hạnh phúc. Đời của tôi cũng không khác đời của các bạn tôi, trong đó có con Loan, thằng Chinh và Mabout, con Cò sói.

Sau ba năm sống với chúng tôi như là người bạn của tôi, cũng như là một đứa con của gia đình, hè năm 1935, về đến nhà, tôi vội vã đi ra sân tìm nó, gọi nó, nhưng má tôi nói nó đã bí bấn lắm chết rồi, chỉ cách vài ba tuần trước đó thôi. Vào nhà, má tôi kể lại: một chiều nó đi kiếm ăn tận đồng Gò cà và bác sáu M. đã bắt nó chết, lầm tưởng là chim rừng. Khi biết là con Cò sói của thằng Tám, bác đã mang xác nó vào nhà chúng tôi và tìm gặp má tôi để xin lỗi. Má tôi hoàn toàn thất vọng, chỉ trả lời: Thôi! Anh mang xác nó về đi, toi chỉ xin lại soi dây

VĂN HỌC MIỀN NAM

chuyện cổ của nó, anh làm gì thì làm! Tôi không biết phải nói gì bây giờ, khi thằng Tám về? Và bác sáu M. đã mang nó về. Chắc chắn bác không thể nào mà còn lòng dạ để làm thịt một con Cò sói nhà đã trở thành một đứa con của một gia đình. Ngoài ra không ai ăn thịt Cò sói bao giờ! Nghe mẹ tôi nói, người tôi lạnh đi, tôi không có khóc được, tôi chỉ thấy mình đã đánh mất một cái gì quá to lớn, quá quý báu, mà trên đời này không có gì đổi lấy được, thay thế được. Tôi còn nhỏ, chỉ mới 13, nhưng tôi cảm thấy cái buồn hôm đó của tôi là một cái buồn mệnh mong không bến bờ. Tôi bỏ đi ra vườn sau, đi vòng ao sen, đi qua nhà dạy, đứng trước miếng biền rau mát... đó là con đường Mabout có lần tôi bắt gặp lan than như đi kiếm ai, cũng chính là con đường nhiều khi nó đi dạo một mình như một thầy tu đi tìm vắng vẻ hay đi tìm Thiên chúa của mình.

Đêm hôm đó, trằn trọc trên giường, đầu óc tôi lẩn quẩn với bao nhiêu là câu hỏi. Tại sao bác sáu M. lại bán nó, ai ai trong làng đều biết nó là con Cò sói tôi nuôi hai ba năm rồi? Bác sáu M. là thầy dạy võ cho con em trong làng, trong đó có tôi, bác còn là thầy dạy chữ Hán riêng cho tôi. Nhưng nếu tôi nhớ rõ thì đã có lần tôi khen con Cò sói của tôi với cả nhà của bác, chị sáu C. chi bảy S. đều biết Mabout kia mà! Song cũng chắc là bác sáu M. hoàn toàn vô tình, lầm lẫn! Hoặc giả đây chỉ là số mạng và con Cò sói cũng có số mạng như con người? Tôi trằn trọc gần cả đêm... Sáng hôm sau, xin phép má tôi cho anh tư Mau lái xe đi Láng thè, tôi muốn thăm con Loan, thằng Chình để cho chúng nó biết là Mabout đã bị bán chết rồi! Thật ra thì tôi muốn đi tìm một sự an ủi nào đó hay là chia sẻ một nỗi niềm cho voi bớt phần nào! Đến Láng thè vào nhà chú Đình, khi con Loan đang nấu ăn dưới bếp. Bây giờ nó đã lớn hơn tuổi, một cô gái Tàu lai cao ráo trắng trẻo đẹp đẽ và nhút là nở nang, Đồi

HUYỀN ÁI TÔNG

với tôi vẫn là mày tao, nhưng không biết tại sao tôi sanh ra bèn lẳng khi nó chạy ra nắm tay tôi kéo vào nhà trong:

- Mày về hồi nào? Còn đi đâu nữa không? Ở lại ăn cháo lòng với tao nghe!

- Thăng Chinh còn ở nhà không?

- Nó đi luôn rồi! mày đi Chợ lớn tìm nó đi. Bây giờ chỉ còn mình tao ở nhà với cha mẹ. Con Xuân cũng về Trà vinh ở rồi!

Thân tình quá! Đáng lý ra tôi phải ở lại ăn trưa với con Loan như thuở nào, nhưng làm như giữa hai đứa không còn tự nhiên nữa, nên tôi tìm cách thoát là còn phải đi Tràvinh, tôi chưa kịp báo tin cho con Loan biết Mabout đã bị bắn chết rồi! Con Loan nắm tay tôi, đưa tôi ra xe như trước kia, tôi cảm thấy tay tôi nóng rang, mặt tôi đỏ gay. Không dè chính tôi người con trai lại mắc cỡ thẹn thùng... Thật ra thì khi về lại Long thuận và nhứt là sau ba tháng hết hè, hình ảnh con Loan đã theo tôi đi lên Saigon để học tiếp. Cũng may là khi đó tôi đã có những đam mê khác. Ngoài việc học hành, cũng chính năm đó má tôi đã mua cho tôi một cây súng hơi hiệu Hannel... Tôi sanh ra ham mê đi săn đi bắn, mỗi khi về Long thuận nghỉ hè nghỉ Tết tây. Có lần đi bắn cu trong chùa Miên, cũng có ghé nhà chú Đình thăm con Loan, nhưng lần này chính nó lại thẹn thùng, không còn nắm tay tôi nữa, có thể bây giờ nó mới biết mình là con gái rồi...

(Trích từ sách *Ký ức Huỳnh Văn Lang*, tập I, chương 1, đoạn 17, tr. 136 đến tr.151)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Có người nhận xét ông Huỳnh Văn Lang không phải là nhà văn và ông cũng không nhận mình là một nhà văn, nhưng theo tôi, những nhà văn miền Nam, chúng ta có thể đọc được tác phẩm của họ như Nguyễn Chánh Sắt, Phi Vân, Sơn Nam, Vương Hồng Sển thì Huỳnh Văn Lang cũng là một nhà văn Miền Nam, ông viết rất chơn thật, trơ tru là đặc tính của văn chương miền Nam hơn nữa ông còn là một nhà văn hóa, chánh trị, tài chánh, kinh doanh rất thành công trong mỗi địa hạt, ông đã hoạt động đó.

Tài liệu tham khảo:

- Huỳnh Văn Lang Web: hohuynhtravinh.net
- Huỳnh Văn Lang Web: thoiluanonline.com

2) Hoàng Minh Tuynh



Hoàng Minh Tuynh (1916-1977)

Ông Hoàng Minh Tuynh sinh năm 1916 tại Nam Định, con ông Hoàng Văn Tuân và bà Lê Thị An (bà là người sinh ở Long An Nam Bộ), từ năm 1948-1950 định cư ở Sài Gòn.

Thuở nhỏ ông học tại Hà Nội, đậu Tú tài rồi vào học Trường

HUỖNH ÁI TÔNG

Đại học luật khoa Hà Nội, tốt nghiệp cử nhân luật chuyên về kinh tế, tài chính.

Sau năm 1945 ông làm công chức trong ngành kinh tế ngân hàng, thường đi tu nghiệp ở các nước Tây phương (Pháp, Mỹ), sau năm 1950 định cư ở Sài Gòn.

Sau hiệp định Genève, ông là Phó Tổng Giám Đốc còn ông Huỳnh Văn Lang là Tổng giám đốc Viện Hối đoái Sài Gòn

Năm 1957, ông và ông Huỳnh Văn Lang sáng lập tạp chí Bách khoa, Ông giữ chức chủ bút rồi đến năm 1960, ông sáng lập tạp chí Mai và làm chủ nhiệm tạp chí này.

Ông Hoàng Minh Tuynh, trí thức công giáo, tính tình hào hoa, có phần lãng mạn, sẵn sàng bỏ nhiều thì giờ cắt xén các bài trên báo chí ngoại quốc, kết lại thành từng mục để trao cho các anh em cộng sự khai thác tư liệu

Bách khoa, Mai là hai tạp chí có chủ trương và lập trường văn hóa, là nơi tập hợp được các cây bút danh tiếng ở Sài Gòn trước năm 1975. Nhưng Bách Khoa sống lâu dài nhất trong các tạp chí ở Sài Gòn từ năm 1957 đến 1975, còn tạp chí Mai ra đời năm 1960 chỉ sống đến năm 1963 mà thôi.

Năm 1963, ông Hoàng Minh Tuynh từ giã đời công chức về sống ở Lâm Đồng cho đến ngày ông qua đời năm 1977, thọ 61 tuổi.

Mặc dù ông làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tạp chí Mai, Chủ bút Bách Khoa, ông có viết bài, nhưng không để lại tác phẩm nào.

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Minh Tuynh Web: vietgle.vn

3) Phạm Thị Nhiệm



Minh Phong Phạm Thị Nhiệm (? -)

Chưa rõ bà Phạm Thị Nhiệm sanh năm nào, ở đâu ? Theo ông Huỳnh Văn Lang cũng như Nguyễn Hiến Lê cho biết thì bà Phạm Thị Nhiệm là Thư ký tòa soạn đầu tiên của tập chí Bách Khoa, là em gái của giáo sư Phạm Thiều dạy ở Pétrus Ký, là vợ của cô Đại Tá Phạm Ngọc Thảo.



Phạm Thị Nhiệm, Sandra Dee, Phạm Ngọc Thảo

HUỶNH ÁI TÔNG

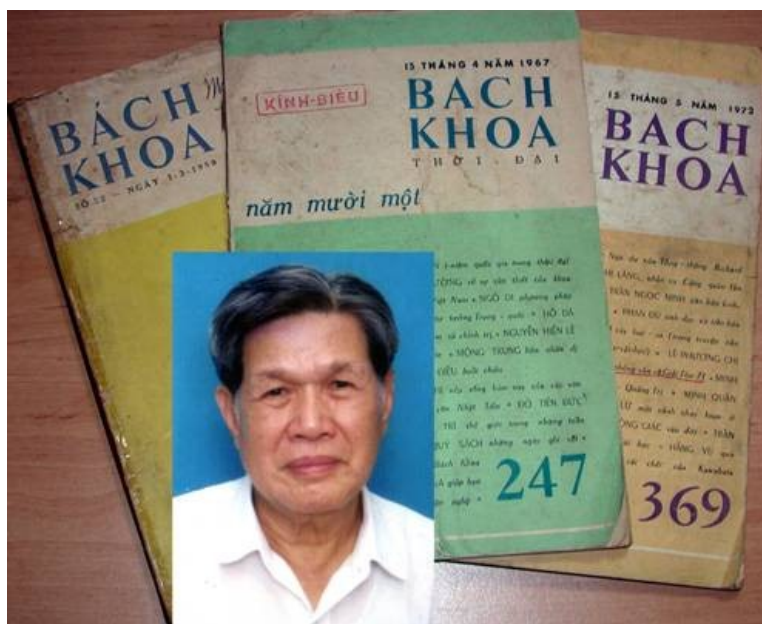
Năm 1964, Trung Tá Phạm Ngọc Thảo được đi tu nghiệp ở Hoa Kỳ, ông học ở Học viện cao cấp quân sự Hoa kỳ, bà Phạm Thị Nhiệm sang Hoa kỳ dạy tiếng Việt cho quân nhân Mỹ.

Sau 1975, bà định cư ở California.

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Thị Nhiệm Web: vi.wikipedia.org

4) Lê Ngô Châu



Lê Ngô Châu (1923-2006)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Ông Lê Ngô Châu sinh năm 1923 tại làng Phú Tài, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, Năm 1951, ông từng làm hiệu trưởng một trường trung học tư thục ở Hà Nội.

Sau khi tạp chí Bách Khoa đã lưu hành một thời gian, ông Huỳnh Văn Lang cần thêm một Thư ký tòa soạn, ông Hoàng Minh Tuynh vừa là Phó Giám Đốc Viện Hối Đoái, vừa là Chủ bút tạp chí Bách Khoa đã giới thiệu ông Lê Ngô Châu.

Không rõ ông Lê Ngô Châu thay thế bà Phạm Thị Nhiệm vào lúc nào, nhưng khoảng thời gian ông Huỳnh Văn Lang đi tu nghiệp ở Mỹ năm 1958 đến năm 1959, ông Lê Ngô Châu đã điều hành Bách Khoa từ lúc ấy với ông Hoàng Minh Tuynh.

Năm 1963, ông Huỳnh Văn Lang bị tù vì dính liểu đến đảng Cần Lao và chế độ Ngô Đình Diệm, tạp chí Bách Khoa vẫn đề ông Huỳnh Văn Lang là Chủ nhiệm, đến tháng 2 năm 1965 phải đổi tên là Bách Khoa Thời Đại do ông Lê Ngô Châu làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút từ đó, đến tháng 1 năm 1970 đổi tên lại là Bách Khoa cho đến ngày tất cả báo chí tư nhân, bị nhà cầm quyền Cộng sản không cho xuất bản nữa vào năm 1975.

Ông Lê Ngô Châu không viết bài, nhưng lại điều hành một tờ báo sống lâu nhất trong 20 năm Văn học Miền Nam, chẳng những vậy mà còn là một tạp chí có nhiều mục chuyên môn do những học giả, giáo sư, chuyên viên viết bài, làm cho tạp chí Bách Khoa rất có giá trị.

Sau năm 1975, ông Lê Ngô Châu vẫn ở tại toà soạn Bách Khoa số 160 Phan Đình Phùng, Quận 3, Sài Gòn và ông đã mất ngày 24 tháng 9 năm 2006, thọ 83 tuổi.

Cho nên viết về ông Lê Ngô Châu, cách tốt nhất là ghi lại nhận xét về ông của các nhà văn đã cộng tác với Bách Khoa.

Tạ Tỵ viết về Lê Ngô Châu như sau: *Ông Lê Ngô Châu, dáng người trắng trẻo, mập mạp, ăn nói rất khôn khéo. Lê Ngô Châu tuy không phải nhà văn nhà thơ, nhưng có cái tài đọc văn, đọc thơ và biết giá trị của nó tới đâu. Ngay tờ Bách Khoa khởi đầu do Huỳnh Văn Lang chủ trương, sau vì lý do chính trị, Huỳnh*

HUỶNH ÁI TÔNG

Văn Lang, giám đốc sở Hối đoái bị thất sủng, trao lại cho Lê Ngô Châu, khi đó giữ vai trò quản lý.(....). Lê Ngô Châu, tính tình thẳng thắn, nhất là vấn đề tiền bạc, không làm mất lòng ai bao giờ, kể cả những người anh không ưa..Anh em gặp nhau nói chuyện như bấp rang, cứ thêm một người lại thêm chuyện. Nhiều lúc căn phòng khách của Bách Khoa chật cứng không còn chỗ vì anh em đến quá đông.

Trong **Hồi Ký**, ông Nguyễn Hiến Lê viết: *Khi báo có uy tín rồi, từ 1960 trở đi, Ông Châu tập hợp thêm được một số cây viết trẻ, từ đó báo đăng nhiều bài có giá trị cả biên khảo lẫn sáng tác và chính nhờ hợp tác với Bách Khoa mà những cây viết đó nổi tiếng như Vũ Hạnh, Võ Phiến, Lê Tất Điều, Cô Liêu, Ngu Í, Phạm Việt Châu, Phan Văn Tạo, Đoàn Thêm (hai người sau là những nhân viên cao cấp trong chính quyền Ngô Đình Diệm), nhất là các nữ tiểu thuyết gia Nguyễn Thị Hoàng, Trùng Dương, Thụy Vũ, Túy Hồng. (Trích Hồi ký Nguyễn Hiến Lê, trang 545).*

Và: ông Châu làm việc rất siêng, đọc hết mọi bài đã nhận được, đăng được hay không đều báo cho tác giả biết. Ông nhận rằng, ông đã bỏ làm một số bài rất khá. Tôi mến ông, vì ông có tinh thần trách nhiệm, làm việc đàng hoàng, biết cương quyết giữ vững chủ trương cả khi tờ báo suy, biết xét người, xét văn và có tình với người cộng tác: ai gặp tai nạn gì thì ông lại nhà thăm, tìm mọi cách giúp đỡ. (Trích Hồi ký Nguyễn Hiến Lê, trang 553).

Như ông Nguyễn Hiến Lê đã cho biết, việc chọn đăng hay không bài của độc giả gửi tới, Lê Ngô Châu đều trả lời cho từng người, những bài đăng có khi ông góp ý, chẳng những tác giả không phiền trách mà còn hài lòng, ông thì luôn luôn tôn trọng độc giả, muốn nghe được người khác phê bình, góp ý để cho tạp chí Bách Khoa ngày càng có giá trị hơn.

Xin đọc đoạn trích thư ông Lê Ngô Châu gửi cho nhà văn Võ Hồng ngày 5-3-1963:

VĂN HỌC MIỀN NAM

Mùa hoa soan của anh tôi đã rao trên BK số 156 này.

Truyện anh viết, tôi thấy thú lắm. Vui nè nhẹ hay buồn nè nhẹ. Có người không thích anh, cho là anh "classique" hoặc "chùng mực" quá, nhưng bọn trên dưới 40 như bọn tôi thì đọc anh như đọc Romain Gary, thấy truyện nào cũng ám áp như nắng đầu hè này.

*Anh thấy các truyện trên BK thế nào, xin cứ phê bình thẳng cánh nhé. Anh cứ cho biết ý kiến anh về các nhận xét mà anh thâu lượm được. Tôi sẽ đăng 1 truyện nữa của Y Uyên "**Con muỗi đêm nay**" trên BK 156 và truyện của Võ Phiến "**Buổi chiều**" vào số BK 157 (15/7). Anh cho biết ý kiến nhé.*

Tài liệu tham khảo:

- Từ Hh. Văn Lãng đến Lê Ngô Châu Web: vi.wikipedia.org
- Tạp chí Bách Khoa Web: hocxa.com

5) Bùi Giáng



Bùi Giáng (1926-1998)

HUỲNH ÁI TÔNG

Bùi Giáng sinh ngày 17-12-1958 tại làng Thanh Châu thuộc xã Vĩnh Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Ông còn có các bút danh khác: Bán Dùi, Bùi Giàng Dúi.

Thân phụ của ông là ông Bùi Thuyên, thuộc đời thứ 16 của dòng họ Bùi ở Quảng Nam. Do người vợ cả qua đời sớm nên ông lấy người vợ kế là bà Huỳnh Thị Kiên. Bùi Giáng là con thứ hai của Bùi Thuyên với Huỳnh Thị Kiên nhưng là con thứ 5 nếu tính tất cả các anh em. Do vậy bạn bè thường nhỏ, gọi ông là Sáu Giáng.

Sau khi học xong bậc tiểu học ở Trường Bảo An tại huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Bùi Giáng được gia đình cho ra Huế tiếp tục học ở Trường Trung học Thuận Hóa, đang học thì thế chiến thứ hai nổ ra, rồi cuộc Cách mạng mùa Thu năm 1945. Nhưng sau đó ông cũng kịp đậu bằng Thành Chung.

Năm 1944, Bùi Giáng cưới vợ là bà Phạm Thị Ninh nổi tiếng xinh đẹp, nhưng chỉ vài năm sau, bà bị bệnh, sinh non và cả 2 mẹ con cùng chết. Nhiều người cho rằng đây là 1 trong những lý do khiến Bùi Giáng bị điên từ lúc trẻ.

Rồi Bùi Giáng theo kháng chiến. Năm 1950, khi có kỳ thi tú tài đặc biệt do Liên khu V tổ chức, Bùi Giáng dự thi và đậu Tú tài 2 văn chương. Ông qua Liên khu IV, tới Hà Tĩnh, để tiếp tục vào học đại học bằng cách đi bộ theo đường mòn trên núi hơn một tháng rưỡi trời. Nhưng khi đến nơi, không hiểu sao ngay trong ngày khai giảng, Bùi Giáng đã quyết định bỏ học để quay ngược trở về Quảng Nam, rồi thân phụ cho chặn dê gần 2 năm ở Trung Phước, để tránh máy bay đánh phá khu nhà ở của ông.

Tháng 5-1952, Bùi Giáng ra Huế thi lấy bằng tú tài, rồi vào Sài Gòn theo học Đại Học. Nhưng sau khi đọc danh sách các giáo sư giảng dạy ở Đại Học Văn khoa Sài Gòn, Bùi Giáng bỏ học và không bao giờ đi học nữa.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Rồi Bùi Giáng chuyên tâm vào việc nghiên cứu, viết sách và sáng tác thơ văn, ông đã về quê bán tất cả ruộng vườn được thừa kế để lấy tiền in sách. Từ năm 1957, ông lần lượt cho ra đời một loạt sách giới thiệu về văn học Việt Nam như Truyện Kiều, Lục Vân Tiên, Chinh phụ ngâm... Ông nổi tiếng sáng tác nhanh: tập thơ Mười hai con mắt được ông sáng tác chỉ trong một đêm Noel năm 1992.

Từ năm 1962, Bùi Giáng liên tục cho ra đời nhiều đầu sách. Mỗi năm đều đều vài ba cuốn. Ông là một tác giả có tác phẩm in ra đứng vào hàng kỷ lục ở miền Nam Việt Nam trước 1975.

Năm 1969, tất cả sách vở cùng với nhà cửa của ông bị thiêu trụi. Ông bị sốc nặng, từ đó trở đi ông là bệnh nhân quen thuộc của viện dưỡng trí Biên Hòa.

Sau năm 1975, ông không bị đi học tập cải tạo như nhiều văn sĩ miền Nam khác vì ông bị mắc bệnh tâm thần.

Từ 1975 trở đi ông vẫn tiếp tục sáng tác rất nhiều thơ, nhưng thời gian này ông có biểu hiện bệnh tâm thần nặng. Ông thường rong chơi nghịch ngợm ngoài đường với bộ đồ rách rưới, dơ dáy, nhiều lần bị công an bắt vì gây rối trật tự, cản trở giao thông.

Bùi Giáng chỉ có 1 vợ là bà Phạm Thị Ninh, một thiếu phụ hồng nhan bạc mệnh đã để lại cho ông nhiều đau khổ. Đó là lý do để trong thơ của ông sau này thường xuyên nhắc đến sự mất mát, sự chia ly, một hình bóng cũ.

Song ngoài người vợ đầu, Bùi Giáng cũng có những đối tượng khác để yêu, để làm thơ, ngoài mối tình đơn phương nổi tiếng giành cho nghệ sĩ Kim Cương, còn phải kể đến những mối tình vượt không gian với những mỹ nhân Tây Phương như Marilyn Monroe (mà ông gọi là Lyn-rô), Brigitte Bardot, ngoài ra trong thơ ông còn có những hình bóng của ca sĩ Hà Thanh, Thái

HUYỀN ÁI TÔNG

Thanh, ni cô Trí Hải (ni cô Phùng Khánh, ông gọi là Mẫu thân Phùng Khánh), hay cả những nhân vật tiểu thuyết Marguerite, A Châu, A Tử.

Riêng mối tình đối với Kim Cương được cho là sâu đậm nhất, và đã để lại khá nhiều giai thoại.



Tháng 10 năm 1998, trong một lần đi chơi ông bị té làm chấn thương sọ não. Sau khi hỏi ý kiến của nghệ sĩ Kim Cương, bệnh viện chợ Rẫy quyết định mổ cho ông, song ông đã qua đời vào ngày 7 tháng 10, 1998.

Tác phẩm:

Thơ

- *Mưa nguồn* (1962)
- *Lá hoa còn* (1963)
- *Màu hoa trên ngàn* (1963)
- *Mười hai con mắt* (1964)
- *Ngàn thu rớt hột* (1967)
- *Rong rêu* (1972)
- *Thơ vô tận vui* (1987)
- *Mùa màng tháng tư* (1987)

VĂN HỌC MIỀN NAM

- *Mùi Hương Xuân Sắc* (1987)
- *Đêm ngắm trăng* (1997)

Dịch thuật

- *Trăng châu thổ*
- *Hoàng Tử Bé*
- *Khung cửa hẹp*
- *Hòa âm điện dã*
- *Ngộ nhận*
- *Cõi người ta*
- *Nhà sư vương luy*

Nghiên cứu

- *Tư tưởng hiện đại* (1962)
- *Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại* (1963)
- *Đi vào cõi thơ*
- *Thi ca tư tưởng*
- *Một vài nhận xét về bà huyện Thanh Quan*
- *Một vài nhận xét về Lục Vân Tiên, Chinh Phụ Ngâm, quan Âm Thị Kính*

Âm Thị Kính

- *Vài nhận xét về truyện Kiều và truyện Phan Trần*
- *Sa mạc phát tiết* (1965)
- *Sa mạc trường ca* (1965)
- *Bài ca quần đảo* (1969)
- *Mùa thu trong thi ca*
- *Ngày tháng ngao du*

Trích văn:

Bùi Giáng - Tiểu sử tự ghi

1926 - được bà mẹ đẻ ra đời

1928 - bị té bẻ trán, vết sẹo còn nguyên kỷ niệm, hai năm trời chết đi sống lại

HUYỀN ÁI TÔNG

- 1933 - bắt đầu đi học a, b, c... trường làng tại Thanh Châu với Thầy Cù Đình Quý
- 1936 - học trường Bảo An với thầy Lê Trí Viễn
- 1939 - ra Huế học tư thục với những thầy Cao Xuân Huy, Trần Đình Đán, Hoài Thanh Nguyễn đức Nguyên, Đào duy Anh, vân vân
- 1940 - về Quảng Nam chăn bò
- 1942 - trở ra Huế, vì nhớ nhung gái Huế
- 1949 - nhập ngũ , bộ đội công binh. Hai năm sau giải ngũ
- 1952 - vào Sài gòn, 1955 (57) khởi sự viết về Nguyễn Du và một vài nhận xét về Truyện Kiều và một vài nhận xét về Bà Huyện Thanh Quang, một vài nhận xét về Chinh Phụ Ngâm ... (TÂN VIỆT xuất bản)
- 1957 - TÂN VIỆT xuất bản :giảng luận về Tản Đà Nguyên Khắc Hiếu, giảng luận về Chú Mạnh Trinh, giảng luận về Tôn Tho Trường và Phan Văn Trì
- 1962
- Tập thơ Mưa Nguồn
- Tư Tưởng Hiện Đại
- 1963
- Lá Hoa Cồn (thơ)
- Ngân Thu Rớt Hột (thơ)
- Màu Hoa Trên Ngàn (thơ)
- Martin Heidegger và Tư Tưởng Hiện Đại (hai tập) (do đưa em...)
- 1965 - nhà cháy mất trụ bản thảo
- In vôi vàng Sa Mạc Phát Tiết (An Tiêm)
- Dialogue (viết Avantpropos (viết giúp cho Nhất Hạnh, Lá Bối) và Letre à René char) (Lá Bối in)
- Sa Mạc Trường Ca (An Tiêm in bản)
- 1968 - 68
- Dịch Martin Heidegger Erlauteninger gu Heidergger dich.
- Giảng giải về thơ.
- (Lời, Cổ Quận (An Tiêm) Lễ Hội Tháng Ba) (Quế sơn Võ Tánh)
- Con Đường Ngã Ba (An Tiêm)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Bài Ca Quần Đạo (Nguyễn Đình Vương)

1969 - Bắt đầu điên rục rở

1970

1. Lang Thang Du hành Lục Tỉnh (Khách sạn Long xuyên Bà Chủ cho ở đầy đủ tiện nghi không lấy tiền)

2. Gái Châu Đốc Thương yêu và Gái Long Xuyên Yêu dấu

3. Gái Chợ Lớn Khiến bị bệnh lậu (bệnh hoa liễu)

1971 - 75 - 93

Điên rồ lừng lẫy chết đi sống lại về vang

Rong chơi như hài nhi (con nít)

Được gia đình ông Phó Chủ Tịch (482) Lê Quang Định, Hội

Đông Thành Phố đối xử thơ mộng thân.

Kính dâng Kim Thúy, Kim Hồng, Kim Hoa, đôi lời rớt cuộc.....

Bình sinh mộng tưởng vấp phải niềm thương yêu của Kim

Cương Nương Tử, Hà Thanh Cố Nương và Mẫu Thân Phùng

Khánh (tức Trí Hải Ni Cô)

Do đâu mà ra được như thế ?

Đáp: Có lẽ đầu tiên kỳ tuyệt là do ân nghĩa bốn bề thiên hạ đi

về tập họp tại Già Lam, Vạn Hạnh và Long Huệ và Tịnh Xá

Trung Tâm và Pháp Vân và xiết bao Chùa Chiền Miền Nam

nước Việt, không biết nói sao cho hết.

Thơ:

Nỗi lòng Tô Vũ

(Kỷ niệm một đoạn đời 15 năm chẵn dê ở núi đồi Trung Việt
Nam Ngãi Bình Phú)

*Đồi tắm tấp chạy về ôm chân núi
San sát đồi phủ phục quần núi xanh
Chiều xuống rồi tơ lòng rộn ràng rồi
Trời núi đồi ngậy ngất nhảy dê nhanh*

*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thôi từ nay tha hồ em mặc sức
Nhảy múa tung sườn núi vút giông khe
Thôi từ nay tha hồ em mặc sức
Vang vang lên đồi núi giọng be be*

*

*Những bạn nào Trà Linh qua Đá Dừng Hòn Dựng
Dùi Chiêng về Phường Rạnh ngược Khe Rinh
Bao lần anh cùng chúng em lặn đạn
Bôn ba qua rú rậm luống rùng mình*

*

*Những bạn nào Quế Sơn Rù Rì con suối ngược
Nước trôi nguồn nước lũ xuống phẳng phẳng
Những bạn nào mịt mù mưa gió ướt
Đẫm thân mình co rúm lạnh như băng*

*

*Em nhớ hay không? hồn hoa đại cỏ
Những ngậm ngùi đầu núi canh khuya
Vàng cao gót nai đầu truông hãi sợ
Gió cây rung trút lá mộng tan là*

*

*Nhưng từ nay Giáp Nam anh đóng trại
Cố định rồi - em khỏi ngại ngày đêm
Dưới nắng mưa tha phương du mục mãi
Cay đắng từng, bùi ngọt mặn mà thêm*

*

Chiều hôm nay bên chó vàng chễm chện

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Anh lặng nghe em bé hé bên sườn đời
Khoanh mấy vòng tay anh thoãn thoát bên
Vòng cho em từng chiếc sắp xong rồi*

*

*Chiều đã xuống em đà no nê chắc
Huýt tù và! em xúm xít lại anh đeo cho
Mỗi chúng em mỗi vòng mây mỗi sắc
Lại mau đây! to nhỏ cổ anh so*

*

*Này em Đen chiếc vòng vàng tươi lắm
Này em Vàng chiếc trắng há mờ đâu
Này em Trắng chiếc hồng càng lóng lánh
Này em Hoa Cà * hỡi! chiếc nâu*

*

*Ngẩng đầu lên! dê oi anh thông thả
Đeo vòng vào em nghển cổ cong xinh
Ngẩng đầu lên! đây lòng anh vàng đá
Gửi gắm vào vòng mây nhuộm tơ duyên*

*

*Ngẩng đầu lên nhìn anh mờ mắt lệ
Từ làn đầu vòng ngọc tuổi hai mươi
Trao người em trăm năm lời ước thề
Đây làn đầu cảm động nhất mà thôi ***

*

*Vòng em xong, vòng anh dành riêng chiếc
Dành riêng mình - dê hỡi hiểu vì sao*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Vì lòng anh luống âm thầm tha thiết
Gán đời mình trọn kiếp với Dê Sao*

*

*Nhìn anh đây các em Vàng Đen Trắng
Tía Hoa Cà lố đổ thấu lòng chửa
Từ từ đưa chiếc vòng lên thừng thẳng
Anh từ từ đưa xuống cổ đồng đưa*

*

*Và giờ đây một lời thề đã thốt
Nghìn thu sau đời núi chứng cho ta
Cao lời ca bê hê em cùng thốt
Hòa cùng lời anh ghen nổi thiết tha*

*

*Và giờ đây hoàng hôn mờ chiều nặng
Bốn bề tràn lan bóng mật mừng sa
Xếp hàng ngay nhanh lên hàng ngũ thẳng
Rập ràng về bé hế rạp ràng ca*

Mây chiều nay

*Chiều nay gặp lại chiều nào
Chiều vàng óng ả chiêm bao lan tràn
Chiều lộng lẫy mộng thênh thang
Màu vàng gọi nhớ huy hoàng nắng mai
Nắng vàng ôi! Nắng lung lay
Vàng thay nắng sớm! Vàng thay nắng tà!
Suối vàng ắt sẽ nhận ra
Màu vàng vô tận của ta nhìn mình
Những chiều say rượu lặng tỉnh
Nhìn mây vàng nhớ bóng hình những ai*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Buông xuôi nửa tiếng thở dài
Những ai hình nhạt những ai bóng nhòa
Những người mộng tưởng thiết tha
Những người mắt hút mây xa cuối trời
Chiều nay chẳng biết ai mời
Ly đầy rượu đỏ yêu đời hơn đau
Điên chơi cho bớt điên đầu
Điên đầu cho bớt điên rầu rĩ chơi*

Thưa cô nương

*Tại hạ ra biển
Phen này lần ấy
Để nhìn cô nương tắm
Lúc bấy giờ bỗng dưng
Tâm hồn tại hạ biến ra
Làm nước biển
Vậy xin cô nương dừng ngay cuộc tắm
Kéo mà đau đón tâm hồn tại hạ vô cùng.*

(theo *Mùa thu trong thi ca*, An Tiêm xuất bản, Sài Gòn, 1970)

Kỷ niệm Biên Hòa bệnh viện

*Nhe răng gấu mộng cập kỳ
Beo phiêu hốt gọi nhu mỳ hùm thiêng
Rằng nay ngôn ngữ vô duyên
Mở ra vô cớ lời điên cập kê
Một thằng chập chững ngóng nghe
Vành tai nhị bội ai dè thế ru
Cô nương kiêu diễm tạc thù
Tồn sinh lẽ đẽo sa mù đi quanh.*

Ai đi tu

HUYỀN ÁI TÔNG

*Trời sâu đất muôn thế ru
Ban đầu em đã đi tu vội vàng
Chân trời oán hận tràn lan
Lỗi từ phương trượng u hàn niềm hoa
Bây giờ ngó lại người ta
Gấm ràng thiên hạ ai là đi tu.*

Ăn mặc nâu sồng

*Thấy nàng ăn mặc nâu sồng
Bỗng mơ tưởng tới ruộng đồng hoang liêu
Lâu xanh dứt nhịp phù kiều
Tà xiêm bạo động tư triều dậy cơn
Nâu sồng ăn mặc sớm hôm
Đêm nằm ngó nguyệt sáng dòm song the.*

Anh em

*Anh thương em như thương một bà trời
Em thương anh như thương hại một ông trời bơ vơ
Kẻ ra từ bấy tới giờ
Tình yêu phẳng phát như tờ giấy rung*

Anh lừa bò vào đôi sim trái chín

*Anh lừa bò vào đôi sim trái chín
Cho bò ăn cỏ giữa rừng sim
Anh nhìn lên trời xanh đỏ chín
Anh ngó bốn bề cây lá gió rung rinh*

*Anh nằm xuống để nhìn lên cho thỏa
Anh thấy lòng mở rộng đón trời xanh
Chim ngậy ngát vào trong đôi mắt lá
Anh lim dim cho chết lịm hồn mình*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Anh quên mất bò đương gặm cỏ
Anh chỉ nghe tiếng cọ rì rào
Có hay không? bò đương gặm đó?
Hay là đây tiếng gió thì thảo?
Hay là đây tiếng suối lao xao
Giữa dòng cỏ xuôi ghènh chảy xuống?*

*Mùi thoang thoang lách lau sương đượm
Mùi gầy gầy gầy gầy của hương rừng
Mùi lên men phủ ngập mông lung
Không biết nữa mà cần chi biết nữa*

*Cây lá bốn bên song song từng lư
Sánh đôi nhau như ứa lệ ngàn ngàn
Hạnh phúc trời với đất mang mang
Vớ bò giữa rừng hoang đương gặm cỏ
Vớ người ngó ngắt ngáy đương nằm đó
Không biết trời đất có ngó mình không
(Vĩnh Trinh - Thạch Bàn 1950)*

Áo xanh

*Lên mù sương, xuống mù sương
Bước xa bờ cỏ xa đường thương yêu
Tuổi thơ em có buồn nhiều
Thì xin cứ để bóng chiều đi qua
Biển dâu sực tỉnh giang hà
Còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh
(1926 - 1998)*

Bao giờ

*Bằng bút chì đen
Tôi chép bài thơ
Trên tường vôi trắng*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Bằng bút chì trắng
Tôi chép bài thơ
Trên lá lục hồng*

*Bằng cục than hồng
Tôi đốt bài thơ
Từng phút từng giờ*

*Tôi cười tôi khóc băng quơ
Người nghe người khóc có ngờ chi không*

Bé con ơi

*Rong rêu ngày tháng rong chơi
Tìm xuân tinh thể chốn nơi nào là
Sưu tâm túy vũ cuồng ca
Hồn nhiên như thể như là hài nhi?
Chiêm bao tóc thuận tơ tùy
Tồn sinh nặng nhọc nhu mỳ ở đâu
Ngữ ngôn khép kín mặc dầu
Hùng tâm tim máu óc đầu mở ra
Dịu dàng cuối lá đầu hoa
Mười về châu lệ chín sa dòng dòng
Miêu Cương mạc ngoại hoài mong
Hồng hoang chín bệ tám lòng đầu thai
Mùa xuân hiện giữa ngàn mai
Nguyên hình Nữ Chúa trên ngày phù du*

Bờ lúa

*Em chết trên bờ lúa
Để lại trên đường mòn
Một dấu chân bước của
Một bàn chân bé con
Anh qua miền cao nguyên
Nhìn mây trời bữa nọ*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Đêm cuồng mưa khóc điên
Trắng cuồng mưa trốn gió
Mười năm sau xuống ruộng
Đếm lại lúa bờ liền
Máu trong mình mòn ruộng
Xương trong mình rã riêng
Anh đi về đô hội
Ngó phố thị mơ màng
Anh vui thân trong tội lỗi
Chợt đêm nào gió bờ nọ bay sang*

Bờ trần gian

*Đường cong có cỏ mọc ven bờ
Đứng trong vườn lá chuối tơ
Chó sủa sớm chiều đi qua ngõ
Gà con mất mẹ chạy băng quơ*

*Cá ở ngoài khe có ít nhiều
Cồn lau cỏ lách có hoang liêu
Em về có hỏi răng ri rứa
Nhắm mắt đưa chân có bận liêu*

Cây cỏ dậy thì

*Em đi cây cỏ dậy thì
Ngày xuân vô lượng cùng đi lên đường
Trùng lại giây phút phố phường
Niềm vui quá khứ phi thường hồi sinh*

Chào em

*Chào em? có lẽ chẳng nên
Nói gì nữa cả? giữa đêm tối mò!
Chào em tính mệnh so đo?
Chào em tính thể tò mò tuyệt vân?*

HUỖNH ÁI TÔNG

Áy xa xuôi? áy gũĩ gản?
Từ từ tự hỏi, tần ngần em sẽ thấy ra
Đi về trong cõi người ta
Người là người lạ ta là quá quen?
Anh từ thể dục dưỡng điền
Thành thân thơ mộng thiên nhiên một giờ

Chiều

Em ngó buổi chiều buồn có phải
Buồn cũng như buồn những buổi chiều xưa
Trông con mắt đã mỗi mòn có phải
Sắc của trời hương của đất lúa thừa
Những nhịp bước bên đường còn dội mãi
Vang về đâu không vọng lại hồi âm
Của réo rất riêng một lần mãi mãi
Gió phương trời ù mộng giữa hoa tâm
Em hỏi mãi tuy biết lời đáp lại
Chẳng bao giờ thoả đáng giữa đời cam
Em ngó mãi những chiều về trở lại
Mang những gì về trong cõi trăm năm

Mai Thảo viết về Bùi Giáng:

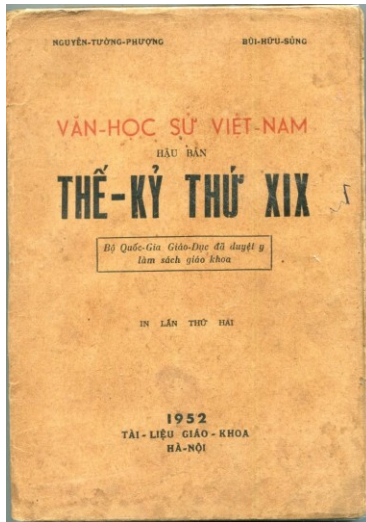
Bùi Giáng đã đem lại cho cuộc đời biết bao nhiêu châu ngọc. Bằng tài thơ trác tuyệt. Bằng cõi ngôn ngữ ảo diệu, không tiền khoáng hậu. Có ông, thi ca mới đích thực có biển có trời. Từ ấy, thi ca mới không cùng không tận. Đọc lại Mưa Nguồn, đọc lại Ngàn Thu Rớt Hột, Bài Ca Quần Đảo, tôi còn muốn bật cười với thơ Bùi Giáng. Vui thôi mà. Đúng vậy, vui thôi, có khác gì đâu. Mắt Bùi Giáng, thơ ta lại trở về với cái hữu hạn đời đời của thơ. Nhiều người bảo ông chỉ là một thằng điên. Tôi chỉ muốn nghĩ thầm cho tôi là nếu có thêm được ít người điên như Bùi Giáng, thơ ca ta văn học ta còn được lạ lùng được kỳ ảo biết bao nhiêu.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Tài liệu tham khảo:

- Bài Giảng Web: vi.wikipedia.org
- Thơ Bùi Giáng Web: thica.net

6) Bùi Hữu Sùng



Bùi Hữu Sùng (1907-2000)

Bùi Hữu Sùng sinh năm 1907 ở đất Bắc, theo học Hà Nội. Khoảng năm 1928, ông dạy ở trường tiểu học Phố Hàng Vôi.

Từ năm 1946, ông được bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa I đơn vị tỉnh Hải Dương, nhưng sau đó bị Quốc Hội truất quyền Đại biểu cùng với những người khác, ông dạy học ở trường Trung học tư thục Nguyễn Huệ ở phố Hàng Bè, Hà Nội. Vào thời điểm này ông cùng Giáo sư Nguyễn Tường Phượng hợp soạn

HUỖNH  TÔNG

bộ Văn học sử Việt Nam tiền bán thế kỷ thứ XIX phát hành tại Hà Nội năm 1951.

Sau năm 1954, ông di cư vào Sài Gòn vẫn tiếp tục điều hành, giảng dạy làm Hiệu Trưởng Trung Học tư thực Nguyễn Khuyến (nằm ở góc đường Lê Văn Duyệt, Phan Đình Phùng - nơi HT. Thích Quảng Đức tự thiêu năm 1963) và cộng tác với các tạp chí: Văn hoá nguyệt san, tạp chí Bách Khoa, nguyệt san Giáo giới... có nhiều chuyên đề văn học có giá trị hiện đại cao.

Năm 1964, ông được Viện Đại Học Vạn Hạnh mời dạy môn Văn học Bình Dân tại Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn, khi Viện này vừa mới được thành lập.

Vào ngày 30-4-1975 Bùi Hữu Sùng cùng với gia đình di tản sang Hoa Kỳ, định cư tại miền nam tiểu bang California.

Tác phẩm:

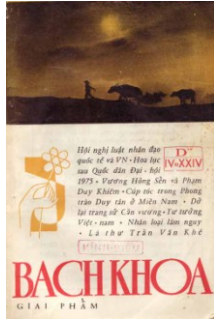
- *Văn học sử Việt Nam tiền bán thế kỷ XIX* (Trương Nguyễn Khuyến, 1951, Hà Nội)
- *Triết văn* (1963, Đại học Huế XB)
- *Bóng vang và cơ cấu trong truyện Kiều* (1974, Sài Gòn).
- *Chú thích và hiệu đính Đoạn trường tân thanh* (cùng soạn với Vũ Văn Kính).
- *Đoạn trường tân thanh khảo luận* (hợp soạn).

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Hữu Sùng Web: sachxua.net

VĂN HỌC MIỀN NAM

7) Châu Hải Kỳ



Châu Hải Kỳ Võ Văn Côn (1920-1993)

Châu Hải Kỳ sinh năm 1920 tại Quảng Ngãi, tên thật là Võ Văn Côn, nguyên quán huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, sống tại Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Thở nhỏ học tại Quảng Ngãi, Huế, tốt nghiệp Tú tài Pháp Việt trước năm 1945.

Sau cuộc cách mạng mùa Thu năm 1945, ông làm cán bộ Bình dân học vụ tại Quảng Ngãi, Bình Định.

Từ năm 1954 dạy Việt văn tại Phan Thiết, Nha Trang, ông cộng tác với các tạp chí văn học tại Sài Gòn như tạp chí Bách khoa, Văn, Sinh lực, Giáo dục phổ thông, Văn hóa nguyệt san, Tân văn...

Ông suốt đời tận tụy với nghề dạy học từ tuổi trẻ cho đến cuối đời. Ông là một người chuyên dạy Quốc văn lâu năm, thích tìm hiểu các nhà văn hiện đại, sưu tầm tài liệu về mỗi nhà, nhận xét kĩ lưỡng mỗi tác phẩm và mỗi khi thấy có ai nhận định sai về một nhà nào thì ông thường viết bài góp ý để các tác giả ấy đính chính.

Ông mất năm 1993 tại Nha Trang, thọ 73 tuổi.

HUỶNH ÁI TÔNG

Tác phẩm:

- *Luận đề về chinh phụ ngâm* (1959)
- *Luận đề về Cung oán ngâm khúc* (1960)
- *Luận đề về Nguyễn Công Trứ* (1960)
- *Luận đề về Nguyễn Khuyến* (1961)
- *Nguyễn Ngu Í, cuộc đời và sự nghiệp* (1993)
- *Nguyễn Hiến Lê, cuộc đời và tác phẩm* (1993)

Trích văn:

Bóng dáng kỷ niệm

Ngày đưa đám ông Nguyễn Hiến Lê, rất tiếc các bạn văn hiện diện không có chụp chung tấm hình nào. Hình cũ của mỗi bạn không còn. Hình mới, chụp sau ngày giải phóng không có.

Cho nên tôi không thể thực hiện được lòng mong mỏi của tôi là ghi làm kỉ niệm những bóng dáng tuổi tác, đời sống vật chất, nội tâm (sự khốn khổ, bệnh hoạn, nỗi xúc cảm lo âu, băn khoăn, buồn nản hay mừng vui, sung mãn... của mỗi bạn ở một giai đoạn chuyển tiếp của thời đại mới) phản ánh nơi mỗi tấm hình của mỗi con người.

Thật tôi rất lấy làm tiếc!

(Trích: Nguyễn Hiến Lê, cuộc đời và tác phẩm)

Ông Nguyễn Hiến Lê có nhận xét về Châu Hải Kỳ như sau: Ông viết ít, nhưng tài liệu của ông chính xác, nhận định của ông thận trọng mà giọng văn ông lại nhã nhặn.

Tài liệu tham khảo:

- Châu Hải Kỳ Web: sachxua.net
- Châu Hải Kỳ Web: e-thuvien.com

8) Cung Giũ Nguyên



Cung Giũ Nguyên (1909-2008)

Cung Giũ Nguyên sinh ngày 28 tháng 4 năm 1909 tại Huế, họ thật là họ Hồng. Tổ tiên của ông, người Phúc Kiến, đã qua lập nghiệp tại Việt Nam từ giữa thế kỷ 19, việc chuyển họ Hồng thành họ Cung không phải vì cùng họ với Hồng Tú Toàn mà do là khi Vua Tự Đức lên ngôi, vì ngài húy Hồng Nhậm, nên những ai có họ Hồng phải đổi họ. Thân phụ là ông Cung Quang Bào, một Đốc học. Thân mẫu là Nguyễn Phúc Thị Bút, trưởng nữ của Quận công Hồng Ngọc và cháu nội của An Thành Vương Nguyễn Phúc Miên Lịch con út vua Minh Mạng.

Sinh trưởng trong một gia đình nghèo và đông anh em, học xong trung học tại trường Quốc học Huế những năm 1922-27, ông phải từ bỏ giấc mộng học trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội để đi làm việc.

Năm 1928 ông được bổ làm trợ giáo tập sự tại trường Nam Tiểu học Nha Trang, nhưng đến đầu năm 1930 bị bãi chức, vì lý do chính trị. Sau đó tìm việc làm ở Sài Gòn, Đà Lạt, Nha Trang.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1936 thân phụ mất, Năm 1941 ông trở lại nghề dạy học tại Nha Trang. Ông đã dạy các môn Việt văn, Hán văn, La tinh, Pháp văn, Anh văn, sử địa, kinh tế học, triết học, văn học... ở các trường Kim Yến, Trường Dòng Thánh Giuse Bình Tân, La San, Phanxicô, Collège de Nha Trang, Võ Tánh, Lê Quý Đôn...

Từ năm 1938 - 1940, ông chủ trương nguyệt san *Tạp Chí Tuổi Trẻ* tại Nha Trang. Năm 1939, làm Chủ bút tạp chí song ngữ *Tương Lai Tạp Chí* tại Nha Trang. Từ 1939-1942, làm chủ bút nhật báo *Châu Á Buổi Chiều* (Le Soir d'Asie) tại Sài Gòn và năm 1954 làm chủ bút tuần báo *Báo Chí Viễn Đông* (La Presse d'Extrême – Orient) tại Sài Gòn.

Ông cũng tham gia phong trào Hướng Đạo Việt Nam. Năm 1944, làm Trại Trưởng, Trại trưởng cuối cùng Bạch Mã. Năm 1957, làm phụ tá Trại trưởng Trại Huấn luyện Hướng đạo quốc tế Gilwell, Luân Đôn Anh Quốc. Năm 1958, làm Trại Trưởng Trại Trường Tùng Nguyên đầu tiên ở Đà Lạt. Cuối cùng năm 2007, ông hướng dẫn toán Alpha và Béta Hướng Đạo Việt Nam tại Nha Trang.

Trong khoảng 1955-75, ông làm hiệu trưởng trường Trung học đệ nhị cấp Lê Quý Đôn, Nha Trang.

Trong thời gian 1972-1975 ông là giáo sư thỉnh giảng tại Đại học Cộng đồng duyên hải, Nha Trang.

Từ 1989 đến 1999, ông là giáo sư thỉnh giảng môn ngôn ngữ và văn chương Pháp tại khoa Pháp văn, Trường Cao đẳng Sư phạm Nha Trang.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Cuộc đời viết văn của ông đánh dấu bằng tác phẩm đầu tay là một truyện ngắn nhan đề là *Tình ái mỹ* đăng trên tờ Đông Pháp thời báo, Sài Gòn năm 1928. Ông đã viết hàng ngàn bài báo cộng tác với các báo: Đông Pháp thời báo, Sài Gòn mới (Sài Gòn), Nam Phong (Hà Nội), Đông Dương mới (L'Indochine Nouvelle, Sài Gòn), Pháp Việt (France – An nam), Nhật báo Huế (La Gazette de Huế), Tân văn (Sài Gòn), Hội thảo (Symposium, Syracuse), Sách báo nước ngoài (Book Abroad, Oklahoma, Hoa Kỳ), Pháp Á (France-Asie, Sài Gòn), Bách Khoa (Sài Gòn), Sự hiện diện Pháp ngữ (Présence Francophone, Sherbrook – Canada), Đại học Huế, Tri thức (Đà Lạt), Diễn đàn (La Tribune, Sài Gòn)....

Ông đã qua đời tại Nha Trang ngày 7 tháng 11 năm 2008, thọ 99 tuổi.

ĐIỀU VĂN

Chín mươi tuổi, ngồi trước bàn vi tính
Ngót một trăm, vẫn mê mãi sách đèn.

Nhớ thầy xưa

Năm mươi năm về trước
Nửa thế kỷ trôi qua
Chúng con ra đời trong tao loạn
Trường lớp hiếm hoi
Trong số các thầy, may mắn được gặp thầy
Những đứa trẻ ngô nghê, trở thành học sinh trung học
Thầy đã dạy chúng con biết thế nào là học
Học thế nào để có thể làm người

Nhớ thầy xưa

Những lời thầy dạy, trần trở cả cuộc đời

HUỖNH  TÔNG

Thầy là tấm gương, là một người đỏi chứng
Tiếng tăm thầy là vô vn hnh diện
Uy tn thầy là tt đnh ước mơ
Thầy đ cho chúng con :
“ Volont d’existence’ , nhng ch sinh tồn
Đòi thầy chng phải đy đy nhng ch sinh tồn đo sao?
Thầy mở lối cho chúng con vo “ Đòi sống Tâm linh”
Thầy dẫn đưòng chúng con vo nhng khung trời triết học
Sống v cht vi Nhatrang, thầy đn vi ngư dân
“Le fils de la baleine” , là “ Đra con Nam Hi”
Buòn cho đt nước điu linh , Thầy viết
“ Le domaine maudit” - Miền đt dr
Thầy đ chỉ cho mọi người: đu là ci “Thi Huyền”
“ Le Boujoum” giờ đy chng phải là tiếng vang huyền thoại?
Thầy ơi Thầy , chúng con rất hnh diện vi Thầy
Tn tuổi Thầy vang vng khắp no trời
Học thức Thầy khiến người người khm phục

Thầy ơi Thầy

Lâu lm rồi vn nhớ mi nụ cười
Giọng Hu xua chra chan tình đt biển
Cp mắt kia nhìn thu mọi tâm can
Chúng con tin rằng :
Thầy nằm xung, nhưng vn cn sống mi
Trong trái tim đn trò cũ thân yu

Trước linh cu
giờ đy
XIN BI BIT

Trm vn Su
đi diện cho nhng học trò cũ của Thầy
(từ năm 1950 trở về sau)

Tc phẩm

VĂN HỌC MIỀN NAM

- *Một người vô dụng* (Tin Đức Thư xã, Sài Gòn, 1930)
- *Nhân tình thế thái* (Phổ thông Văn xã, Gia Định. 1931)
- *Nợ văn chương* (Châu Tịch, Vinh 1934)
- *Volontés d'existence* (NXB France-Asie, Saigon, 1954)
- *Le Fils de La Baleine* (NXB Arthène Fayard, Paris, 1956)
- Nguyễn Thành Thống dịch *Kế thừa tự của ông Nam Hải Văn học*, Hà Nội, 1980).
- *Le domaine maudit* (NXB Arthène Fayard, Paris, 1961)
- *Le Boujoum* (1980 - bản dịch Việt ngữ *Thái Huyền*)
- *Texte Profane* (thơ - Bản văn trần tục)...

Trích văn:

Cũng như với những người bạn thân khác, khi xa cách và nhất là trong những năm sau này thiếu những gặp gỡ thường xuyên và cuộc chuyện trò hữu ích, tôi có những bức thư dài cho Sếu và kèm theo thư, cũng có những trang trích các sách tôi đã hoàn thành hay đang soạn thảo, để cho bạn theo dõi đời sống cụ thể của mình và cũng để thăm dò phản ứng của bạn về những tác phẩm mình, sợ thói tự phụ, chủ quan khiến mình có nhận định sai lầm về giá trị của chúng. Tình thân hữu thật sự cho phép, và khuyến khích, những phê phán thẳng thắn, dù cho có khi là tàn nhẫn, không chỉ về công việc và cả về những phương diện khác. Đây không phải là dấu hiệu của sự đố kỵ ganh ghét, mà là của sự thương yêu thật sự, một ước muốn xây dựng lẫn nhau theo đường đúng đi, hay ít ra cũng tránh cho nhau những ảo giác về bản thân cũng như về sự nghiệp.

(Trích lời tựa sách *Le Boujoum*)

Tài liệu tham khảo:

- Cung Giũ Nguyên Web: vi.wikipedia.org
- Cung Giũ Nguyên Website: nhituongsite.com

9) Đặng Văn Nhâm



Đặng Văn Nhâm (1933- ?)

Đặng Văn Nhâm sinh năm 1933 tại Hà Nội, nhưng tổ phụ là người làng Hành Thiện, tỉnh Nam Định.

Ông vào Nam trước khi di cư năm 1954. Khởi sự làm báo với tạp chí Đồi Mới của Trần Văn Ân, nhật báo Việt Thanh của cựu Thủ tướng Nguyễn Phan Long, nhật báo Ánh Sáng của Lu Khê, nhật báo buổi sáng của Tam M ộc Mai Lan Quế, nhật báo Việt Nam của Vũ Hồng Khanh ... các tạp chí và tuần báo: Bách Khoa của Huỳnh Văn Lang, Phổ Thông của Nguyễn Vỹ, Sống Động của Bộ Thanh Niên và Thể Thao, thời Tổng Trưởng Vũ Hồng Khanh, Nhân Loại, Dân Mới, Thế Giới ...

Ông cũng làm Chủ nhiệm và Chủ bút nhật báo Tiến, tuần báo Điện Ảnh Mới.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Năm 1953, là ký giả sáng lập Nghiệp Đoàn Ký Giả Nam Việt, đã giữ chức vụ Tổng Thư ký Hội Chủ báo Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban kỷ luật của Hội Đồng Báo Chí Việt Nam.

Hội viên, Hội Văn Bút Việt Nam (PEN VN) từ ngày thành lập 21-10-1957. Ra nước ngoài ông có sinh hoạt trong Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, được bầu làm Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại năm 1997, nhưng không được Văn Bút Quốc Tế thừa nhận, mà còn đình chỉ mọi sinh hoạt VBVNHN với Văn Bút Quốc tế cho đến khi VBVNHN thống nhất, do mâu thuẫn nội bộ đã chia rẽ, cho đến năm 2001 mới dàn xếp xong. Sự kiện này ông viết quyển *Trận Giặc Văn Bút* sách dày đến 438 trang do Việt Nam Văn Hiến ấn hành năm 2000

Là giáo sư Hội họa và Việt Văn từ năm 1953 tại các trường Trung học tư thục: Đồng Nai, Vương Gia Cẩn, Nguyễn Văn Khuê, Tân Thịnh, Tân Thanh, Les Lauriers, Bò Đè, Đồng Tiến, Thủ Khoa, Nguyễn Bá Tòng, Hưng Đạo, Văn Hiến, Đạt Đức, Tân Phương, Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Khuyến.

Phụ tá Viện Trưởng Viện Đại học Hòa Hảo, Giám Đốc Nha Thông tin Báo chí và Bảo Trợ Sinh Viên Viện Đại học Hòa Hảo.

Năm 1975, di tản theo tàu Trường Xuân đến Hồng Kông, sau đó định cư tại Đan Mạch.

Năm 1978, làm phụ khảo môn Việt ngữ tại Viện Đại học Kobenhavn.

HUỖNH ÁI TÔNG

Năm 1984, làm phụ khảo cho phân khoa Thông dịch ngoại ngữ môn Việt ngữ.

Năm 1986, được tuyển dụng làm Thông dịch viên hữu thệ của Nha Giám Đốc Ngoại Kiều.

Năm 1986, Cơ quan giáo dục tráng niên tuyển dụng làm giáo sư Pháp văn và Hội họa.

Năm 1989, Tổng nha Cảnh sát Đan Mạch tuyển dụng làm thông dịch viên chính thức.

Ở Hải ngoại viết cho các báo Việt ngữ như: Quê Mẹ, Viên Giác, Tiên Phong, Hồn Việt, Phụ nữ Việt, Lửa Việt, Diễn Đàn Phụ nữ ...

Tác phẩm:

- *Những bí mật hậu trường chánh trị miền Nam* (từ năm 1954-1975)
- *Giặc Thầy Chùa* (1999)
- *Trận giặc Văn Bút* (Việt Nam Văn Hiến, 2000)

Trích văn:

Nghệ Thuật Chơi Chữ Là Gì ?

Trước khi bàn về thuật “chơi chữ” còn gọi là “lộng ngữ” (jeu de mots) tôi thiết tưởng cần minh định thêm một lần nữa, để mọi người cùng hiểu cụm từ “chơi chữ” hoàn toàn khác hẳn

VĂN HỌC MIỀN NAM

với hai cụm từ “thi họa” và “thư họa”, trên mọi bình diện, kể cả nội dung, hình thức và kỹ thuật.

Người ta càng không thể ngoan cố, nguy biện nhập nhằng cho rằng: Có thể dung hai tiếng “thi họa” thay thế cho hai tiếng “chơi chữ” để tránh lỗi “lập đi lập lại” (điệp tự). Thực ra việc lập đi lập lại một từ nhiều lần (điệp tự) cũng là một nghệ thuật viết văn mà chỉ những cây bút có chân tài thực sự mới sử dụng nổi. Thí dụ như câu đối dán đền Hùng Vương Phú Thọ sau đây, chẳng những dung điệp tự mà còn thêm đảo ngữ nữa:

Có tôn, có tổ, có tổ, có tôn, tôn tổ, tổ tôn, tôn tổ cũ,

Còn nước, còn non, còn non, còn nước, nước non, non nước, nước non nhà.

Thử hỏi ai dám chê hai câu điệp tự nặng nề này là vụng?!

Trên đây tôi định nghĩa minh bạch “thi họa” là gì rồi, bây giờ tôi mạn phép bàn đến hai chữ “chơi chữ” còn gọi là “LỘNG NGŨ” (người Pháp gọi là: *Jeu de mots*; hay *jouir sur les mots*). Từ bản thể, và căn cứ trên những giai thoại lưu truyền bằng nhiều trăm năm nay trong kho tàng giai thoại văn chương Trung Quốc và Việt Nam, người ta phải nhìn nhận Lộng Ngũ, hay lối “chơi chữ” của nho gia quả là một nghệ thuật dùng chữ vô cùng tinh vi, sảo diệu, khó có một dân tộc nào trên thế giới sánh bằng. Kể từ khi nền Hán học bị suy tàn ở VN, với chữ Quốc Ngữ, chúng ta đã mất dần khả năng “chơi chữ” của người xưa.

Bây giờ với lối văn Quốc Ngữ, người ta không thể nêu ra một thí dụ lếu láo như: “*chơi hoa, chơi chim*” v.v... để gọi là cách “chơi chữ”. Trong phạm trù văn chương, người ta chỉ coi đó chỉ là lối nói ẩn dụ, hay tỷ dụ, tức một cách so sánh, một sự vật trừu tượng với một vật cụ thể mà không dung chữ “như”, hoặc là ám chỉ bóng gió về một vật gì, việc gì, hay một người nào. Thí dụ:

HUỲNH ÁI TÔNG

*Chơi cho liễu chán hoa chê,
Cho lẩn lóc đá cho mê mẩn đời (Ca dao)*

Hoặc:

*Thiếp như hoa đã lìa cành,
Chàng như con bướm lượn vành mà chơi. (Kiều)*

Hoặc:

*Chơi cho lịch mới là chơi,
Chơi cho dài các, cho người biết tay!
Chơi Xuân kéo hết xuân đi
Cái già sống sộc nó thì theo sau.
Chơi cho thùng trống, long bông
Ròi ra ta sẽ lấy chồng lập nghiêm!
Chơi trắng từ thuở trắng tròn,
Chơi hoa từ thuở hoa còn trên cây. (Ca dao)*

Nhưng, nếu những chữ “chơi” ấy được sử dụng ngoài phạm vi văn chương, người ta coi đó là lối nói đùa cợt, xô xiên bóng gió ti tiện. Trong văn giới, nơi thanh đàm, nhã luận, không ai dung lối nói như thế của phường hạ tiện bao giờ. Ngay cả phường “hạ sĩ văn đạo” cũng không dám xài.

Theo tôi, “chơi chữ” vốn là một nghệ thuật tuyệt tác chỉ những người có vốn Hán học thâm sâu với bộ óc thông minh trác tuyệt, và tinh thần u mặc thượng thừa mới đạt được. Xin dẫn vài thí dụ điển hình trong kho tàng giai thoại văn chương để bạn đọc thưởng lãm.

Thí dụ 1.- Đều là đàn bà

Đời Hàm Thông (niên hiệu đầu của Hi Tông nhà Đường, dùng từ 874 đê&’n 875) có anh hề Lý Khả Cập tài nghệ chơi chữ bong lơn thâm thúy hơn người. Nhân một dịp hội mừng, hề Lý Khả Cập khoác áo, mang đai bước ra xin thưa chuyện về tam giáo. Anh hề khác ngời kể bên bên hỏi:

- Nếu đã dám bàn về Tam giáo, vậy xin hỏi Phật là ai ?

Đáp: “là đàn bà!”

- Sao lại thế ?

Đáp: “Kim Cương kinh có câu: **Phu tọa nhi tọa**. Nghĩa là: Chồng ngồi rồi mới ngồi. Nếu không phải đàn bà sao lại phải chờ chồng ngồi rồi mới được ngồi”. (Chữ PHU: *mọi người*, ở đây đồng âm với PHU là *chồng*).

Vua nghe cũng phì cười.

Lại hỏi: “Thái Thượng Lão Quân là ai ?

Đáp: “Cũng là đàn bà!”.

Hề kia đòi chứng cứ, Lý Khả đáp: “Đạo Đức Kinh nói: ta có một mối lo âu lớn vì ta có thai. Nếu ta không có thai, ta chẳng có điều gì phải lo cả!” (Do câu: Vị ngô hữu than. Chữ THÂN vừa là thể xác, lại vừa có nghĩa là đàn bà có thai!)

Vua nghe khoái lắm.

Hề hỏi tiếp: “Văn Tuyên Vương là ai?”

Đáp: “Lại cũng đàn bà luôn!”

Hỏi: “Căn cứ vào đâu?”

Đáp: “Luận Ngữ nói: Chờ bán chằng, đợi được giá chằng ? Nếu không phải đàn bà sao lại đợi lấy chồng ?” (Luận Ngữ là sách của Khổng TU, sau được phong là Văn Tuyên Vương. Vốn ý của câu là: *Kẻ sĩ chờ người biết mình thì mới ra giúp, ra làm quan*)

Vua nghe rất thích nên thưởng rất hậu.

Thí dụ II- **Thầy thuốc đưa quan Huyện.**

Hàn Lâm họ Phong, người Tứ Minh, hiệu Nam Ngẫu, làm thầy thuốc đại tài lại nổi tiếng giỏi chơi chữ. Có làn quan huyện Ninh Ba cho người đến nhờ Nam Ngẫu cắt thuốc. Xong, Nam Ngẫu còn để thêm trên gói thuốc mấy câu thơ:

Đại Phong tứ khứ liễu nhân,

Vô hoa quả đa bán biên.

Địa cốt bì dụng tam lạp,

HUỶNH ÁI TÔNG

Sử quân tử gia nhất khóa

Dịch:

*Cây Phong đại bỏ bớt chữ nhân,
Không hoa quả thêm chữ đa vào bên.
Cốt của đất thêm ba dấu chấm,
Sử quân tử thêm một nét*

Người nhà đem về, quan huyện xem xong cười nói: “Họ Phong đùa ta đây mà!”

Người nhà không hiểu, quan huyện giảng giải: “Bốn câu này, mỗi câu là chiết tự của một chữ. Bốn chữ đó là: Nhất, khóa, hoạt, lại, nghĩa là: *Lũ quan lại giáo hoạt*. Này nhé: Câu một, chữ ĐẠI (大), bỏ bớt chữ NHÂN (人), thành còn lại chữ NHẤT (一). Câu hai, chữ QUẢ (果), thêm chữ ĐA (多), thành chữ KHÓA (夥). Câu ba, chữ CỐT (骨), thêm ba dấu chấm là bộ THỦY (氵), thành chữ HOẠT (滑). Câu bốn, chữ SỬ (史), trong “sử quân tử” là tên một vị thuốc, thêm vào một (一) gạch thành chữ LAI (吏). Lối chơi chữ độc địa thâm sâu như thế của Phong đã khiến nhiều kẻ sợ và ghét.

Thí dụ III.- **Đại điểm quần thần**

Chuyện này xảy ra ở VN, thời Quốc Trương Bảo Đại, thủ tướng Nguyễn Văn Tâm ra kinh lý Bắc Kỳ đã được giới sĩ phu Bắc Hà dâng lên một tấm hoành phi lớn, có bốn chữ “ĐẠI ĐIỂM QUẦN THẦN” sơn son thếp vàng rất đẹp. Bốn chữ đó có nghĩa là; Bầy tôi có công lớn.

Thủ tướng Tâm vui mừng đem về treo giữa khách sảnh. Nhưng chẳng bao lâu có người khám phá ra lối “chơi chữ” thâm sâu, cay nghiệt trong bức hoành phi đó, liền rí tai cho Thủ tướng Tâm biết. Ông liền vội vàng ra lệnh tháo xuống, chẻ ra làm củi chụm. Vậy trò chơi chữ này như thế nào ?

VĂN HỌC MIỀN NAM

Xin giảng ĐAI là to, ĐIỂM là chấm. Đọc ngược hai chữ: CHẤM TO này hóa thành CHÓ TÂM, Chữ QUẦN là BẦY, THẦN là tôi. Hai chữ BẦY TÔI, đọc ngược lại là BỒI TÂY. Vậy bốn chữ đó là câu chửi thậm tệ: CHÓ TÂM BỒI TÂY! Như thế mới là nghệ thuật “chơi chữ”!

(Trích Trần Giặc Văn Bút)

Văn phong của Đặng Văn Nhâm, gây thù chuốc oán cũng nhiều, nào là *Trần Giặc Văn Bút* nào là *Giặc Thầy Chùa*, nhất là *Giặc Thầy Chùa*, chỉ thấy có Trần Kim Đoàn và Hồ Trường An là viết về Đặng Văn Nhâm nhẹ nhàng, còn những người khác có khi dùng lời lẽ rất thô tục. Theo bài viết của Luật sư Hoàng Duy Hùng về phán quyết chung thẩm vụ án "2006-71920", tòa án 165 ở Hạt Harris Texas.

Án Lệnh ngày 16/2/2007 vẫn còn hiệu lực. Án lệnh đó như sau: Ông Nhâm phải đền bồi thiệt hại vật chất \$25,000, thiệt hại danh dự \$100, phạt làm gương \$500,000, và cấm không cho lưu hành quyển sách *Giặc Thầy Chùa III* nữa và nếu ai tiếp tục phân phát quyển *Giặc Thầy Chùa III* thì người ấy sẽ bị tội đồng lõa và sẽ chịu chung trách nhiệm tội phỉ báng giống như ông Đặng Văn Nhâm.

Xin nhắc lại đây là vụ án của một nữ Phật tử, cô Trương Thùy Trúc, tố ông Đặng Văn Nhâm phỉ báng tiết hạnh của cô vì cô đi mỗ bấu trong bụng (có hồ sơ y lý) mà ông Nhâm dựng chuyện nói là đi phá thai. Vụ án của cô Trương Thùy Trúc ở tòa 165 của quận hạt Harris, số “2006-71920”.

Long Hoa Phật Nhị Hội còn nộp một hồ sơ khác truy tố ông Đặng Văn Nhâm, vụ án mang ký hiệu *The Buddhist Church*

HUỶNH ÁI TÔNG

of the Second Long Hoa Assembly aka Long Hoa Phat Nhi Hoi vs. Nham Van Dang, cause no. "2006-71977" in the 190th Judicial District Court of Harris County Texas. Long Hoa Phật Nhị Hội tố ông Đặng Văn Nhâm tội mạ ly vì dám dựng chuyện nói Giáo Hội này “một là của Cộng Sản hai là của băng nhóm sát nhân” mà trong thực tế Giáo Hội này bị chính Cộng Sản Việt Nam đàn áp, bị tịch thu tài sản, và những việc làm của Long Hoa Phật Nhị Hội ngay tại địa phương được cơ quan cảnh sát của Houston ca ngợi đóng góp nhiều ích lợi cho xã hội. Hai vụ án khác nhau và ở hai tòa khác nhau, và tôi là luật sư thụ lý cả hai vụ kiện.

Tài liệu tham khảo:

- Đặng Văn Nhâm *Trận Giặc Văn Bút* VNVH, USA, 2000
- Đặng Văn Nhâm và Giặc Thầy Chùa Web: sachhiem.net

10) Đỗ Tiến Đức



Đỗ Tiến Đức (1939-)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Ông sinh ngày 11-10-1939 tại Sơn Tây. Di cư vào Nam năm 1954. Sinh viên Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và Đại Học Luật Khoa Sài Gòn. Sinh viên sĩ quan Khóa 3 Đồng Đế Nha Trang. Học viên khóa 1 trường Cao Đẳng Quốc Phòng. Công chức.

Sau 5-1975 bị tù cải tạo 3 năm. Sống tại Hoa Kỳ từ tháng 6-1979.

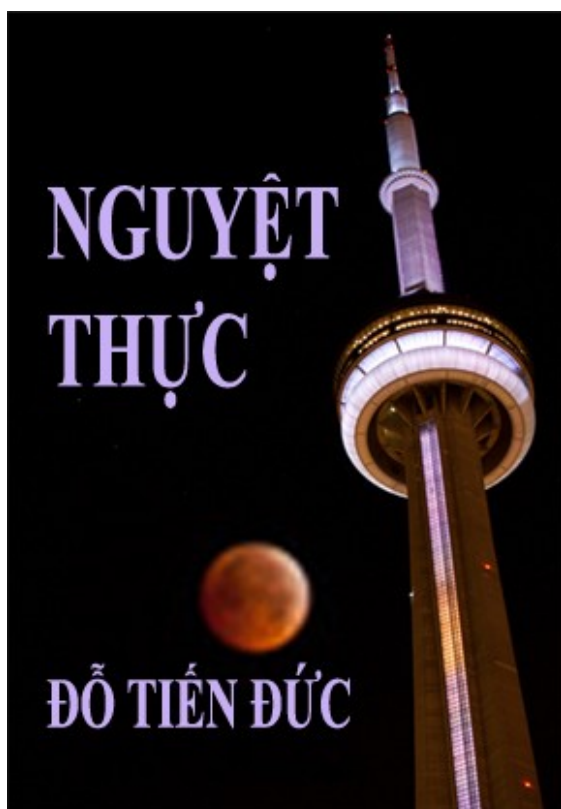
Chức vụ đã đảm nhiệm:

Trưng ty Tài Chánh tỉnh Phú Yên
Trưởng đài Phát Thanh Tuy Hòa
Chủ bút báo Chí Trai, Bộ Thanh Niên
Giám đốc Nha Thông Tin
Giám đốc Nha Điện Ảnh
Giám đốc Nha Tổng Cuộc Tiếp Tế Vùng 4
Giảng viên báo chí Đại Học Đà Lạt và Cửu Long, Sài Gòn
Giáo sư trưởng Ban Truyền Thông Đại Học Minh Đức, Sài Gòn
Chủ bút báo Thời Luận, Los Angeles

Tác phẩm:

- *Hoa Niên* (tiểu thuyết, 1945)
- *Má Hồng* (1968. Giải nhất Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc)
- *Ngọc Lan* (1973, viết truyện phim kiêm đạo diễn).
- *Yêu* (1973, viết truyện phim kiêm đạo diễn).
- *Giờn Mặt Tử Thần* (1975, viết truyện phim kiêm đạo diễn).
- *Lối Vào* (tuyển tập truyện ngắn, 1990)
- *Vàng Trắng Trong Mưa* (tuyển tập truyện ngắn, 1993)
- *Tiếng Xưa* (tuyển tập truyện ngắn, 2000)
- *Những Chuyện Rất Việt Nam* (tuyển tập truyện và thơ, 2006)
- *Tháng Tư 1975* (truyện dài, 2007)

Trích văn:



Khi tôi vào tới khu khách đến của hãng máy bay Korea Airlines thì giữa đám đông nhiều sắc dân, khác nhau từ màu da, từ kiểu y phục, từ bên trong đi ra, tôi đã nhìn thấy một dáng điệu Việt Nam, mà tôi đã nghĩ ngay người đó là Hoàng. Điều khiến tôi ngạc nhiên là bên Hoàng có tới ba thiếu nữ người Việt. Bởi vì khi nói chuyện với nhau, Hoàng không nói sẽ có ai đi cùng nên tôi cứ tưởng Hoàng đi một mình. Ba thiếu nữ này đều trẻ, cũng thuộc loại xinh xắn và dường như đây là lần đầu tiên họ đặt chân lên nước Mỹ. Có lẽ họ là nhân viên của Hoàng chứ không lẽ một người trong họ là vợ Hoàng còn hai cô kia là bạn ? Nhưng nếu là nhân viên thì Hoàng mang theo làm gì ?

VĂN HỌC MIỀN NAM

Anh ấy đã nói với tôi là anh đi Mỹ chỉ có một mục đích duy nhất là thăm tôi chứ không có “business” gì cả.

Đã nhiều năm không gặp nhau nên tôi muốn quan sát kỹ thêm xem có phải đích thực là Hoàng không thì đúng là Hoàng rồi. Anh ta đã nhìn thấy tôi. Anh ta đã vung tay lên khua khua trên đầu cho tôi chú ý và trên môi anh nở một nụ cười mừng rỡ.

Hoàng bước nhanh về phía tôi và tôi cũng bước nhanh về phía Hoàng. Anh ta ôm chầm lấy tôi, đập đập trên lưng tôi, rồi hơi ưỡn người ra phía sau, nhìn tôi chăm chú :

- Trông cậu già hơn trước nhiều quá.

Tôi đùa :

- Thì cậu cũng vậy. Thằng nào cũng trên bầy bó rồi chứ trẻ trung gì nữa. Biết đâu lần gặp nhau này là lần gặp nhau cuối cùng...

Hoàng nhăn mặt :

- Cậu nói gì chán bỏ mẹ. Mới gặp nhau mà đã gở mồm gở miệng thế. Sống thì cứ biết là mình đang sống, nghĩ vớ vẫn làm chi cho mất sướng. Thôi bây giờ mình tính chuyện của mình đi.

- OK. Bây giờ thì mình ra xe. Cậu muốn ở thành phố nào để tớ đưa tới.

- Tớ muốn về nhà cậu xem cậu sống thế nào.

Tôi kêu lên :

- Ồ, nhà tớ chật lắm.

- Không sao. Ba đứa này ngủ chung phòng với tớ cũng được.

HUYỀN ÁI TÔNG

Nhưng tớ muốn về nhà cậu, hai đứa nằm với nhau để sống lại những ngày trong tù cải tạo. Đó là những kỷ niệm chẳng những không thể quên mà nó còn cứ ám ảnh mình cả trong giấc ngủ.

Tôi nói lại :

- Nhưng nhà tớ nghèo lắm....

Hoàng đập lên vai tôi :

- Mẹ kiếp ! Bầy vế. Nghèo cách mấy thì chắc chắn cũng còn hơn thời mình sống trong trại tù cải tạo An Thới chứ, phải không ?

- Nhưng còn ba cô gái kia ? Họ ngủ đâu.

Hoàng gạt ngang :

- Chúng nó không thành vấn đề để cậu quan tâm.

- Nhân viên của cậu hả ?

- Sao cứ hỏi hoài vụ này vậy ?

- Thì cậu cũng phải cho tớ biết đôi ba chi tiết để tiện xưng hô chứ.

- Chi tiết gì ? Mà có gì quan trọng mà cậu cần phải biết ? Sợ chúng nó là Việt cộng hả ? Này, không phải cứ hễ người nào ở trong nước thì người đó là Việt cộng đâu đấy nhé. Chúng nó đều là con của người Sài gòn trước 75 cả. Có thể nó còn chống cộng hơn các cậu ở hải ngoại đấy. Lý do là người ở hải ngoại, chống cộng hay không chống cộng thì cuộc sống vẫn sung túc, vẫn tươi đẹp, với người trong nước hễ còn cộng sản thì họ sẽ chết dần chết mòn trong nghèo khổ và bị áp bức của cuộc đời những tên công dân hạng hai.. Biết chưa.

Tôi kêu lên :

- O kia ! Tớ có nói gì đâu mà cậu nổi nóng vô lối thế ?

- Ờ ờ... xin lỗi cậu. Thôi, mình còn thì giờ để tâm sự. Bây giờ ra xe chứ.

Hoàng vẫy ba cô gái. Khi họ tới bên chúng tôi, Hoàng nói :

- Đây là Nhạc sĩ Phù Du, người mà lâu nay anh đã nói với các em. Đại khái là anh ấy từng đi tù cải tạo chung với anh ở ngoài đảo Phú Quốc. Rồi cùng trốn trại với anh, vượt biển sang Thái Lan. Rồi cùng sang Mỹ định cư. Nhưng ở Mỹ anh thấy... khổ quá bèn bỏ về Việt Nam, còn anh Phù Du ở lại đây...

Ba cô gái cúi đầu chào tôi, miệng cười thật tươi. Tôi nhận thấy các cô này mặc quần áo rất thời trang, nếu không được giới thiệu sẽ tưởng các cô đang sống ở nước Mỹ. Chợt ánh mắt của tôi dừng lại ở khuôn mặt của một cô trong bọn. Tôi sững sốt khi nhận ra đôi mắt này, đôi môi này, nhất là đôi lông mày thanh tú kia sao giống như một người con gái mà tôi yêu vào thời điểm miền Nam sụp đổ và lòng người dân Miền Nam cũng sụp đổ trong hoảng loạn. Hồi đó có người ví von dân Sài Gòn như đàn kiến đang thương thức chút mỡ chút đường trong một cái chảo còn để trên bếp sau khi đồ ăn đã múc mang đi hết, thì bỗng nhiên ai đó bật lửa lò làm đốt chảo nóng lên khiến đàn kiến bỏ chạy tứ tung tìm lối thoát trong vô vọng trong lúc cái chảo mỗi giây mỗi phút cái nóng cứ tăng thêm.

Đang lục lọi trong óc xem hình bóng cũ đó là ai thì bỗng thấy ánh đèn flash từ đâu đó nháng lên. Tôi quay đầu nhìn, thì lại thêm một lần phải nhắm mắt vì ánh đèn flash ở quá gần. Lập tức người cầm máy ảnh cười lớn :

- Xin cảm ơn nhạc sĩ Phù Du đã cho một tấm hình đẹp để lên báo tuần này...

HUỖNH ÁI TÔNG

Tôi chưa biết phản ứng thế nào thì anh ta, tên là Jack Bui, làm nghề báo trong cộng đồng, đã bước tới gần hơn, cười :

- Xin quý vị làm ơn cho biết danh tánh để tôi đăng báo cho chính xác, kẻo rồi tôi có lỗi vì đăng sai tên tuổi quý vị.

Tôi gạt ngang :

- Thôi, anh Jack ơi, anh khỏi cần biết tên các vị này, vì tôi cũng chưa biết mà...

- Ủa. Nhạc sĩ ra đón những vị này mà nhạc sĩ không biết tên ? Sao lạ vậy nhỉ ?

- Có gì lạ đâu... cũng giống như tôi gặp anh ở đây, đều là tình cờ gặp nhau thôi... Anh ra phi trường làm gì đấy ?

Jack Bui không trả lời tôi mà hỏi tiếp :

- Tình cờ ? Vâng, tôi cứ đăng cái hình này với cước chú là “Những người tình cờ gặp nhau”, được chứ ạ ? Vậy, xin hỏi thêm, quý vị từ Việt Nam sang ? Quý vị đi du lịch hay có công việc kinh doanh gì không ạ ?

Tôi phải cố hòa nhã :

- Họ đi du lịch thôi, anh Jack ơi. Tôi ra đón ông bạn này của tôi thì mới gặp ba cô này... Mà sao anh quan tâm thế nhỉ ?

Jack Bùi cười hì hì :

- Thì cũng vì nhạc sĩ nổi tiếng quá nên viết tin về nhạc sĩ là hấp dẫn độc giả... Xin hỏi thêm, các chị ở Sài gòn hay ở Hà Nội, và có làm ca sĩ hay tài tử điện ảnh không ?

Tức thì ba cô lú rú trả lời :

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Dạ không... chúng em chỉ là người dân thành phố Hồ à à... Sài Gòn thôi ạ.

Từ nãy đến giờ không nghe tiếng Hoàng tôi đảo mắt tìm, thấy anh đang dùng điện thoại thu hình Jack Bui. Anh nhà báo này nhìn theo tôi, vừa đúng lúc Hoàng chia máy vào thẳng mặt anh ta, khiến anh ta xua tay lia lịa :

- Thu hình tôi làm chi vậy, cha nội ?

Hoàng bình tĩnh trả lời :

- Kỷ niệm thôi. Tên anh là cái gì Jack ?

Jack Bui nhún vai, cười cười rồi bỏ đi. Hoàng nói :

- Tớ nghĩ thằng cha này thuộc loại ít tử tế...

- Ừ. Có lẽ từ chuyện một số người ở đây vẫn chửi tớ là Việt cộng nằm vùng, là ăng ten...

- Sao vậy ?

- Thì dạo ở trong tù với cậu đó, lúc đầu bọn quản giáo bắt mình làm quân ca, “cầm càn” tức là bắt nhip cho anh em hát những bài “cách mạng” kiểu “như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”... Rồi sau đó nó bảo những bài hát của “cách mạng” không thể cho nguy quân nguy quyền hát. Một cấp chỉ huy của họ nói với tớ “chúng nó chưa được phép gọi Bác của chúng tôi bằng Bác”. Rồi ông ta chỉ thị tôi phải sáng tác những bài ca thích hợp cho tù cải tạo hát, chủ đề là hối hận đã làm tay sai Mỹ nguy, hối hận là đã giết dân, đã làm chậm sự thành công của cách mạng....

Hoàng thấy tôi kể lể như muốn xả bầu tâm sự thì gạt ngang :

HUYỀN ÁI TÔNG

- Thôi, mấy vụ đó tớ biết rồi. Bây giờ về nhà cậu chơi, hai thằng mình nằm ngủ với nhau một đêm cái đã, mọi chuyện tính sau. OK ?

Khi ngồi lái xe, nhìn vào tấm gương chiếu hậu, tôi lại bắt gặp khuôn mặt của cô gái mang nhiều nét quen thuộc với tôi. Nhất khi khi cô ta cười, cái miệng hơi mở rộng và đầu ngửa ra phía sau một chút, tưởng làm sao mà quên được vẻ say đắm ngây thơ đó, thế mà, tôi thờ dài, tuổi tác đã làm chết đi một phần bộ nhớ trong óc mình rồi... Tôi lẩm cảm nghĩ, khi mới chào đời, con người có thể chưa có bộ nhớ, cũng như chưa có răng, sau đó ông Trời cho “lease”, và khi về già tức là lúc hết hạn thuê thì lấy lại... Tôi cứ nhìn trộm cô gái trong chiếc gương nhỏ mà cảm thấy một sự rạo rực trong con tim vì hình bóng những ngày tháng xa xưa lờn vờn hiện về. Trong khi đó thì chẳng một ai chú ý tới tôi. Họ mãi mê nhìn qua khung kính, xem nhà cửa bên đường, xem dòng xe cộ ngược xuôi, mọi thứ hấp dẫn đến độ làm mất họ khi thì thờ dài khi thì sáng khoái...

Hoàng chợt hỏi :

- Cậu cũng nên về Việt Nam chơi một chuyến đi...

- Tớ chẳng có nhu cầu gì ..

- Chơi.

- Thiếu gì chỗ chơi hấp dẫn hơn.

- Chắc cậu vẫn còn dị ứng với nón cối dép râu ?

- Làm sao mà quên được cho dù mấy thứ đó giờ chúng nó xuất cảng hết rồi. Cậu có đoán được khi nào thì chúng nó làm lễ đốt xác “Bác” để lấy đất bán cho tư bản Singapore xây khách sạn năm sao ở Ba Đình Hà Nội không ?

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Chắc không đâu. Vì lăng đó chính là bùa hộ mạng của bọn họ.

- Tớ thì tớ tin số phận của cái lăng đó cũng như như Bức Tường Bá Linh thôi. Khi nào “Lăng Bác” bị đập bỏ thì tớ bay về ngay, đến Ba Đình lấy cảm hứng sáng tác ngay một bản nhạc “Con ác mộng đã qua”.

- Cậu là nghệ sĩ gốc Hà Nội mà không nhớ Hà Nội sao ?

- Làm sao được Hà Nội những ngày xa xưa... Bây giờ thì còn gì đâu để nhớ, nhỉ ? Mỗi lần nghe họ hát ca ngợi Hà Nội với hình ảnh bông hoa sữa nở, bông hoa sữa rơi, thú thực mình chẳng biết hoa sữa nó màu sắc thế nào vì Hà Nội ngày xưa của mình không có thứ này... Mấy thằng bạn trở về du lịch, nó nói bây giờ đi giữa Hà Nội mà không gặp người Hà Nội thanh lịch, không nghe giọng nói êm ái của người Hà Nội dù đó là chị bán hàng, không nghe tiếng cười đài các của người Hà Nội vốn đã quen cung cách giáy rách vẫn giữ lấy lễ... Thành ra muốn tìm nghe giọng Hà Nội nguyên thủy, ta phải tới khu Little Saigon.

Hoàng nói :

- Vì thế mà cậu sáng tác bản nhạc “Nhớ về Hà Nội xưa” ?

Tôi gạt đầu rồi vừa lái vừa lục chiếc ngăn ở cánh cửa, kiếm chiếc CD có bản nhạc này, bỏ vào máy. Khi tiếng đàn violon bắt đầu vang lên réo rắt thì Hoàng vỗ tay cho mọi người chú ý rồi nói:

- Tất cả im lặng để nghe bản “Nhớ về Hà Nội xưa” của nhạc sĩ Phù Du.

Đêm đó, Hoàng sắp đặt ba cô gái ngủ chung trong căn phòng của vợ tôi, mà từ ngày bà ấy mất, bỏ trống cho tới nay. Tôi cũng ít khi vào căn phòng này nên đồ đạc, quần áo của bà ấy

HUYỀN ÁI TÔNG

vẫn còn nguyên như lúc bà ấy còn sống. Kể cả những lọ thuốc cao máu nằm quay lơ trên chiếc bàn ngủ ở đầu giường mà bà ấy phải uống mỗi ngày một viên nhưng cứ quên hoài. Tự nhiên mỗi lần bước vào phòng này tôi đều cảm thấy ớn lạnh rùng mình, vì theo tôi, đó không phải là cái lạnh rét của thời tiết mà nó là cái lạnh lẽo của nơi vương vấn âm khí u uất. Ba năm qua, trong tôi thường nảy sinh đầy rẫy những ý nghĩ mâu thuẫn vừa mong bà ấy về với tôi trong giấc ngủ, nhưng đồng thời lại sợ bà ấy hiện về lúc tôi đang thức.

Ba cô gái nằm chung một giường nhưng yêu cầu tôi cho mỗi người một cái mền để đắp riêng. Tôi cứ thắc mắc không hiểu họ liên hệ với Hoàng như thế nào. Không lẽ cả ba cô đều là “người yêu” của Hoàng ? Nghe nói ở trong nước bây giờ, dân có tiền thì mặc sức mà bao gái, bao nhiêu cô cũng được. Bởi vì quan niệm của các cô là dù làm gái bao của “ông chủ” còn sung sướng trăm lần hơn là phải dự các cuộc thi tuyển lấy chồng Nam Hàn, có nhiều ông già bằng tuổi cha mình, và nhiều ông dị tật, bệnh hoạn, xấu xí.

Tôi nhìn cô gái có nét mặt quen quen rồi bạo dạn nói :

- Tôi là nhạc sĩ Phù Du, xin các cô cho biết quý danh.

Cô gái đó nhìn tôi cười khiến tôi lúng túng vì, ôi sao, tưởng như một buổi nào đó trong dĩ vãng xa xôi, người thiếu nữ có miệng cười mở rộng và gương mặt hơi ngửa ra đằng sau như cô gái này, tôi đã được ôm trong vòng tay . Tôi chợt nhớ ra là tôi chưa thể quên được, khi hôn nhau, miệng nàng vẫn há to như muốn ngoạm cắn, như muốn nuốt chửng một miếng gồm cả lưỡi , môi và miệng tôi. Cô gái xưng tên là Quỳnh Tiên. Còn hai cô kia là Hoa và Ngọc An. Cả ba cô đều xinh đẹp khiến tôi nghĩ anh chàng Hoàng này giống nhân vật Vi Tiểu Bảo trong chuyện Kim Dung. Đang lúc hứng chí tôi tự hỏi nếu anh chàng Hoàng cho mình được quyền chọn một trong ba em này thì mình chọn em nào đây ?

- Quỳnh Tiên và Thanh Hải liên hệ thế nào ?

Quỳnh Tiên òa khóc nức nở :

- Bà ấy là mẹ em.

- Thế bố em là ai ?

- Mẹ em nói người ấy tên là Phạm Thắng.

Tôi kêu lên một tiếng “hả” thật lớn trong lúc cảm thấy cảnh vật quay cuồng và có tiếng hú của cơn gió lớn vào đầu nhà, tiếng còi tàu xe lửa hét lên khi chạy vào sân ga :

- Trời đất ơi ! Trời đất ơi !

- Đây là giấy chứng minh nhân dân của em, với tên mẹ là Bùi Thanh Hải, cha mà Phạm Thắng. Tên em là Phạm Quỳnh Tiên sinh ngày 4 tháng 4 năm 1976... tức là 10 tháng sau ngày bố em đi trình diện cải tạo. Em xin lỗi được hỏi, có phải chú là Phạm Thắng, là bố của em không ?

Hai bố con tôi ôm lấy nhau, khóc như mưa như gió, con lau nước mắt cho bố, bố lau nước mắt cho con, vừa lau xong thì những giòng lệ nóng đã tuôn xuống môi xuống má...

- Con ơi !

- Bố !

- Bố xin lỗi con là bố không hề biết rằng bố có thêm một đứa con ở trên thế gian này... Bố có viết thư về những địa chỉ mẹ con ghi cho bố nhưng không thấy trả lời, từ đó bố không biết mẹ con ra sao nữa...

Quỳnh Tiên nức nở :

- Mẹ con khổ lắm, bố ơi !

- Con nói cho bố nghe đi...

- Theo lời mẹ con nói thì sau khi bố đi trình diện cải tạo, thì mẹ biết mẹ mang bầu. Tứ cố vô thân, không cơm ăn nhà ở, nhiều người bảo mẹ phá thai để đỡ gánh nặng và để còn cơ hội làm lại cuộc đời, nhưng mẹ chẳng những không nghe ai hết mà còn vui sướng chờ đợi ngày sinh con. Lúc đầu mẹ xin vô được làm công nhân viên nhà nước. Rồi khi bố trốn trại, sang tới Mỹ, bố nói trên đài của Mỹ, mẹ ở Sài gòn nghe được, mẹ vui sướng quá, cứ nói um xùm về bố thế là mẹ bị qui tội phản động, bị đui việc luôn. Mẹ nói mẹ từng bế con đi ăn xin ở ngoài chợ rồi đẩy bố. Mẹ khổ ghê lắm, nhưng con thì lúc nào cũng là số một của mẹ. Mẹ đói chứ con không bao giờ đói. Bố biết không, đã không có cơm ăn mà mẹ còn mua đồ chơi cho con, mua quần áo mới cho con mặc ngày tết nữa. Rồi mẹ còn đến nhà bà vợ cũ của bố để hỏi thăm tin tức về bố. Họ xua đui mẹ ra khỏi cửa, chửi mắng mẹ tục tĩu nhưng mẹ vẫn cố chịu đựng để mong biết tin bố... Mẹ khổ lắm bố ơi ! Khi mười mấy tuổi, con phụ mẹ buôn bán ngoài lề đường kiếm sống. Tối tối mẹ bắt con học. Con thì thấy có tương lai gì đâu mà học. Khi con lười biếng thì mẹ khóc, mẹ kể rằng ba con là người giỏi lắm, nổi tiếng ai cũng biết, mai một gặp nhau, thấy con ngu dốt, nhất định là ba sẽ trách mẹ không chịu dạy con..Thành ra thương mẹ, con phải cố gắng học. Thấy con học giỏi mẹ bèn xin cho con vô trường thể nhưng không được nhà nước chấp thuận vì không có hộ khẩu. Mẹ thất vọng nên buồn rầu đến mất ngủ. Con nghe mẹ lắm bầm : Thế này thì rồi tương lai con gái mẹ ra làm sao ? Thế này thì mẹ trả lời sao với ba của con ?”.... Rồi mẹ ngã bệnh luôn.

Tôi lại òa khóc nức nở. Tuổi già, mắc chứng cao máu vốn đã yếu, nay bị con xúc động mãnh liệt quá khiến toàn thân tôi bải

VĂN HỌC MIỀN NAM

hoài muốn ngộp thở. Đáng lẽ tôi nên tạm dừng câu chuyện ở đây nhưng nghĩ tới hoàn cảnh thương tâm của Thanh Hải nên tôi lại giục con tôi kể tiếp.

- Con chờ mẹ vô nhà thương. Họ bắt đóng tiền mới cho nhập viện thì con làm gì có. Đành phải đưa mẹ về thôi rồi kiếm thuốc nam, lá cây rễ cây cho mẹ uống đỡ. Ít ngày sau thì sức khoẻ của mẹ sa sút quá rồi. Con sợ mẹ chết. Mà muốn mẹ không chết thì phải có tiền để mẹ được vô bệnh viện. Bố ơi... Xin bố tha tội cho con vì con không có gì để bán lấy tiền chữa bệnh cho mẹ ngoài cái trinh tiết của đứa con gái mới mười bốn tuổi đầu. Bán trinh rồi thì tiếp tục bán dâm vì tiền nhà thương nặng lắm. Cuối cùng thì mẹ cũng chết. Con phải bán dâm nhiều hơn để có tiền lo ma chay chọ mẹ... Bố ơi, mẹ chết rồi. Con trở thành đứa trẻ không cha không mẹ, không nhà không cửa, không nghề không nghiệp, vì thế chỉ còn cách duy nhất để sống là bán tròn nuôi miệng thôi...

Đến đây thì tôi hãi hùng khinh khiếp nên không dám nhìn thêm vào sự thực nữa. Tôi bảo con tôi lau mắt rồi gọi mấy người kia xuống, kể vắn tắt cho họ nghe chuyện bố con tôi. Hoàng lên tiếng :

- Chà ! Tớ chúc mừng cậu. Từ hôm nay, tớ giao trả con gái của cậu cho cậu chứ tớ không chịu làm rể của cậu đâu đấy nhé. Tuy nhiên, tớ hứa là sẽ phụ giúp cậu ít trăm ngàn đô để xây dựng tương lai cho Quỳnh Tiên... Nhưng vấn đề đầu tiên cần giải quyết là phải lo giấy tờ cho Quỳnh Tiên sang Mỹ. Vụ này có vẻ khó khăn và lâu dài à nghe. Chỉ có diện kết hôn thì nhanh thôi chứ bảo lãnh cho con thì phải chứng minh đủ thứ giấy tờ mà chắc chắn là cậu không có, rồi lại phải chờ vài năm...

Hoa xía vô:

- Anh lo giấy tờ cho em luôn chứ ?

Mọi người ngạc nhiên nhìn Hoa, Hoa nói tiếp thật tự nhiên :

HUYỀN ÁI TÔNG

- Thì anh Phù Du lấy em làm vợ mà. Tôi qua anh ấy với em ăn ở với nhau, và em còn giúp anh ấy tìm được đứa con thất lạc nữa..

Tôi xoa tay lắc đầu :

- Tôi xin cảm ơn cô Hoa...Giờ thì tôi phải dành thì giờ lo cho đứa con gái bất hạnh của tôi trước đã...

Hoa năn nỉ :

- Thì em sẽ phụ với anh lo cho Quỳnh Tiên... Anh Phù Du, tôi qua em đã xin anh giúp em, anh nhớ không ? Em còn đàn em bé nhỏ, nếu em không có tiền thì chúng nó sẽ chỉ còn đường gia nhập cuộc thi tuyển vợ Nam Triều Tiên hay chạy chân xuất khẩu lao động thôi....

Hai tuần sau, bố con tôi cùng ra phi trường tiễn đưa Hoàng và hai cô bạn gái về nước. Quỳnh Tiên ở lại vì visa cho 6 tháng. Sự vui sướng của tôi chưa được trọn vẹn thì phiền phức đã nhanh chóng ập tới. Chẳng là khi tôi đưa con gái tôi đi đây đi đó, mua sắm, ăn uống, chợ búa ở khu phố Việt, một số người trông thấy tôi đi với một thiếu nữ đã xán lại :

- Xin chào anh chị. Anh chị đi chơi ?

Tôi xoa tay phủ nhận hai tiếng “anh chị” và giải thích :

- Đây là con gái tôi mới ở Việt Nam sang...

- Ô ! Chúc mừng nhạc sĩ. Vậy nhạc sĩ có còn con ở Việt Nam nữa không ?

- Không, tôi chỉ có cháu gái này...

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Dạ... con gái nhạc sĩ đẹp quá. Nếu không phải là vợ mới cưới của nhạc sĩ thì nhạc sĩ cho em làm rể đi...

Vậy mà vẫn có người đã lên chụp hình bố con tôi, bỏ lên net, viết “tin chấn động” nhạc sĩ Phù Du có vợ mới rồi đánh dấu hỏi. Thế là thiên hạ góp ý vung vít, lý luận cột buộc như đình đóng cột rằng tôi mới về Việt Nam cưới vợ.

Hai đứa con tôi với bà vợ trước từ tiểu bang Florida bay về, mời hẹn gặp “chỉ một mình bố thôi” ở tiệm ăn Steak House trên đường Burbank mà “ngày trước bố con mình hay tới ăn” để hỏi chuyện tôi vì chúng nói mới đọc tin ở trên net rằng tôi vừa có cô vợ trẻ từ Việt Nam. Tôi hỏi sao hai đứa không về nhà ? Chúng trả lời “Tại vì hai chúng con đều lớn tuổi hơn “dì” nên không biết xưng hô ra sao”. Tôi vội cải chính “Không, không phải” nhưng chúng nó cố tình không nghe nên chào “Bye” một tiếng rồi cúp máy. Khi ngồi đối diện với chúng, tôi giải thích :

- Đó là những tin thất thiệt, lão lếu. Các con có thấy bố đi Việt Nam bao giờ đâu, mà chúng nó viết rằng bố về Việt Nam cưới vợ.

Đứa con gái của tôi cười nhếch mép :

- Thế bố có công nhận là bây giờ trong nhà bố có một phụ nữ ở chung với bố không ?

- Có.

- Tại sao ở chung ?

- Chuyện khá dài dòng, các con cứ hiểu rằng đó là đứa con gái của bố mà bố mới tìm được.

- Con gái của bố ? Thật ư ? À thì ra mãi tới ngày nay chúng

HUYỀN ÁI TÔNG

con mới biết thêm về bố của chúng con đây. Thôi, bây giờ chúng con đều trưởng thành cả rồi, bố chẳng cần giấu giếm nữa, bố cứ cho chúng con biết bố ăn ở ngoại hôn từ bao giờ, với ai, trong bao lâu ?

Tôi lúng túng vì rất khó nói với con câu chuyện mà nó phơi trần sự bê bối của mình nên đành ấp úng đáp :

- Chuyện dài dòng lắm...Hôm nào hai đứa về nhà, bố kể cho nghe.

Đứa con gái hần học bắt bẻ :

- Như thế có thể hiểu là bố chưa sắp đặt xong câu chuyện cho có đầu có đuôi để thuyết phục người nghe, phải không ?

Đứa con trai tiếp lời :

- Con nghĩ chuyện bố lấy vợ thì đâu có gì quan trọng mà bố phải quanh co. Bố đã để tang vợ của bố hơn ba năm rồi.. Bây giờ bố lấy vợ là có người chăm sóc bố, đáng lẽ tụi con còn phải cảm ơn cô gái chịu làm vợ bố mới đúng là con nhà gia giáo như lời bố dạy ấy chứ...

Nghe thẳng con xỏ xiên châm chọc tôi không còn giữ được bình tĩnh nữa :

- Này, bố nói lần chót nhé. Bố không có lấy vợ. Người con gái này là con của bố...

Đứa con gái nhún vai :

- Con đã có nghe nhiều bà vợ gọi chồng là bố... Nên bố có gọi người vợ quá trẻ là con để che mắt thế gian thì cũng không có gì mới lạ. Vấn đề của chúng con đặt ra với bố không phải là bố lấy vợ hay không lấy vợ mà là chúng con muốn bảo vệ căn nhà

VĂN HỌC MIỀN NAM

này vì chúng con đã đóng góp những đồng tiền mà chúng con có được qua những ngày tháng bán rẻ mô hôi nước mắt của mình khi làm bồi cho tiệm hamburger, làm saleman cho tiệm bán quần áo. Vì thế bố không được sang tên cho bất cứ ai, dù người đàn bà đó là vợ hay là con của bố...

Thôi, nói với con ruột của mình mà chúng nó cũng không tin. Viết e mail đính chính những bản tin kèm theo cái dấu hỏi trên net, rằng tôi không cưới vợ từ Việt Nam xem ra đã không thành công mà trái lại, còn gây sự bàn tán rộng thêm ra khiến tôi rất ngại không muốn đưa con tôi ra phố, đi ăn uống hay đi xem hát nữa. Tôi nghĩ mai một khi visa hết hạn, con tôi trở về Việt Nam, thiên hạ sẽ nói gì về tôi khi thấy tôi lủi thủi vô tiệm phở một mình ? Không lẽ họ xì xào đồn thổi rằng cô vợ nhí của nhạc sĩ Phù Du sau khi sang được xứ Mỹ, đã vĩnh biệt ông già hom hem để theo một chàng trai trẻ giàu có nào rồi ? Cũng dám lắm vì chuyện này đã xảy ra khá nhiều trong cộng đồng. Rồi tôi lẩn thẩn nghĩ xa hơn, mai một tôi chết đi liệu có ai biết sự thật về cuộc đời tôi, hay chỉ theo báo chí và dư luận để viết rằng Phù Du là một nhạc sĩ thân cộng, hoặc tay sai cộng sản, và là người vợ nọ con kia, thậm chí khi về già còn cưới thêm cô vợ trẻ hơn cả con mình. Tôi phát rùng mình khi nhớ lại bao lâu nay mình đã đọc và đã tin vào những sách vở, những sử liệu viết về những nhân vật nghìn năm trước đến độ mình đã coi những sự hiểu biết đó như là kiến thức của riêng mình.

(Trích trong truyện dài cùng tên)

Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Tiến Đức Web: tvvn.org

11) Đỗ Trọng Huề



Đỗ Trọng Huề (1930-2000)

Đỗ Trọng Huề sinh ngày 15 tháng 10 năm 1930 tại Ninh Bình, là con của nhà văn Đỗ Bằng Đoàn.

Ông di cư vào Nam năm 1954, là giáo sư dạy ở đại học Văn Khoa Sài Gòn. Sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, cấp bậc sau cùng là Đại Tá.

Sau tháng 4 năm 1975 ông bị đi học tập cải tạo 12 năm, lúc bị biệt giam ở Hà Tây, Bắc Việt, ông đã cùng với Thiếu Tướng Lê Minh Đảo sáng tác bản nhạc *Nhớ Mẹ*. Ông định cư tại Canada từ tháng 4-1989, và đã qua đời khoảng năm 2000 tại Canada, hưởng thọ 70 tuổi

Tác phẩm:

- *Hương Trà* (1968)
- *Việt Nam Ca Trù Biên Khảo* (1962) - cùng viết với Đỗ Bằng Đoàn
- *Những Đại Lễ Và Vũ Khúc Của Vua Chúa Việt Nam* (1968)

Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Trọng Huề Web: tvvn.org

12) Đoàn Nhật Tấn

ĐOÀN NHẬT TẤN

NGŨ NGÔN

VĂN NGHỆ

Đoàn Nhật Tấn (-1993)

Đoàn Nhật Tấn chưa rõ ông sinh năm nào tại quận Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Giáo sư Trường Sư Phạm Quy Nhơn, viết bài đăng trên tạp chí Bách Khoa, ...

Định cư tại Úc từ tháng 8 năm 1990. Mất ngày 20 tháng 3 năm 1993 tại Úc.

Tác phẩm:

- *Chúng Ta Đi Về Đâu* (1969)
- *Một Nền Giáo Dục Nhân Bản Và Dân Tộc* (1970)
- *Ngũ Ngôn* (Văn Nghệ, 1991)

Trích văn:

Từ giọng địa phương Bình Định đến vấn đề thống nhất ngôn ngữ quốc gia

Ở nước nào, giữa những người khác địa phương cũng có giọng nói và một số thổ âm khác nhau tuy ngôn ngữ nói chung vẫn là một. Trong một nước, giọng nói, cách phát âm một số chữ còn thay đổi giữa thành thị và thôn quê, giữa giới trí thức và người bình dân, giữa những kẻ hay đi đây đi đó với số người cư trú một chỗ, giữa lớp người già và người trẻ. Rồi giọng nói, cũng như một số tiếng riêng của địa phương, của đoàn thể lại thay đổi tùy thời gian: có tiếng lóng xuất hiện, thịnh hành một thời

HUYỀN ÁI TÔNG

rồi bị quên lãng. Những ngôn ngữ được thông dụng nhiều ở hải ngoại như tiếng Anh , tiếng Pháp còn có những lối nói riêng cho mỗi nước ngoài nữa . Người Pháp ở Đông Dương trước đây có cả một “ ngữ vựng Đông Dương” mà tự điển chính cống của Pháp không hề ghi chép đúng nghĩa như được dùng trong các tác phẩm của Jean d’Esme, Dufresne, Jean Marquet... và các “tác giả Đông Dương” (auteurs indo-chinois) khác.

Tiếng nói của một nước chẳng khác nào một cây sống có sinh sản, trưởng thành rồi già nua và tàn lụi, trên thân cây, cành lá mọc lên, tươi thắm trong một mùa xuân rồi úa vàng rơi rụng. Có tiếng chết rồi như những từ ngữ La, Hy còn là nguồn gốc của nhiều sinh ngữ khác .

Tiếng Việt Nam ta không ra ngoài quy luật ấy, nên có điều rất thích thú là từ Nam chí Bắc giọng nói uyển chuyển theo địa phương như một lời ca phổ nhạc trên nhiều cung bậc khác nhau thật độc đáo.

Môn ngôn ngữ học ở nước nhà chưa tiến được xa nên các công trình nghiên cứu còn xoay chung quang lĩnh vực ngữ pháp, ngữ vựng; việc sưu tầm các thổ âm địa phương chưa được đặt thành vấn đề, việc nghiên cứu các giọng địa phương chưa có người đề cập. Cho nên nay muốn nói về giọng địa phương Bình Định thì cũng không phải là để thuần túy đi sâu vào việc nghiên cứu mà chỉ nhận một trường hợp dị biệt địa phương để đặt vấn đề chấn chỉnh lại quan niệm thống nhất của chúng ta trong ngôn ngữ Việt.

Cũng như giọng nói mỗi tỉnh, giọng Bình Định có những đặc điểm riêng : Ở địa cầu phía Bắc các miệt giáp Quảng Ngãi như An Đỗ , Bình Đê... âm “a” cũng đọc khép như “ô” theo giọng người Quảng Ngãi. Từ Tam Quan trở vào âm “e” được phát gần như “ i ” , ở Bình Khê thì “ ê ” đọc như “ ơ ”. Toàn tỉnh cũng không phân biệt các vần có t và c, n và ng , iêu và iu, iêm và im,... như ở các tỉnh miền Nam. Tuy nhiên Bình Định có lẽ

VĂN HỌC MIỀN NAM

lại là địa phương duy nhất ở miền Nam phân biệt được dấu hỏi và dấu ngã trong giọng nói. Đây là đặc điểm của người Bình Định chính gốc, đang còn rõ rệt ở thôn quê nhưng đã phai nhạt ở thành thị để chan hoà với lối nói chung ở miền Nam không phân biệt được hỏi ngã như miền Bắc. Nhưng tiếng có dấu ngã ở Bình Định chuyển từ thanh bình trầm (dấu huyền) đến thanh thượng bổng (không dấu) thay vì trong giọng Bắc chuyển từ bình bổng (không dấu) đến khứ bổng (dấu sắc). Tiếng “đã” người Bình Định phát âm như “đà-ả”, người Bắc như “đa-á”. Có vài chữ như bởi, cửa ... thì người Bình Định đọc với dấu ngã. Có lẽ nên coi chữ đây như một dấu vết cũ vẫn còn giữ lại của giọng nói tổ tiên từ khi mới ở miền Bắc di cư vào, bởi vì trong ngôn từ người Bình Định còn giữ được một số tiếng rất cổ như tiếng “nậu”, (hay nầu : nậu ấy) là một tiếng xưa kia có dùng riêng như còn ghi trong Tự điển Khai trí Tiến đức, nhưng ở các nơi chỉ còn tồn tại trong quán ngữ “đầu nậu”. Người Tuy Phước nói dựa thay vì về : Hình như xưa kia người nước ta đọc âm “v” gần như “d” nên ở những tài liệu quốc ngữ trước 1634, khi mới ghi âm Việt ngữ , các nhà truyền giáo Tây phương đã dùng chữ “b” để ghi các tiếng có âm “v” ngày nay như bua hay byua (vua), bau , bỳao (vào) ; bỳa (vá) ...

Ngày nay, người miệt quê trong Nam cũng không phát âm là v (âm môi nhẹ) mà gần như by , họ nói bỳao chứ không hẳn là vào (by là một âm dài và mạnh giữa răng trên và môi dưới); chỉ những người có học mới đọc theo vần quốc ngữ có âm v (âm môi), còn mà nói như gi hay y (đi vô mà nói như đi yô hay hay đi giô) là sai lệch rõ ràng có thể vì nghe không rõ hay vì lười (cách phát âm của ít cố gắng hơn một âm răng môi), nhưng vì là sai lệch của một số đông ở miền Nam nên trong giới bình dân ít học nó đã thay dần cho lối phát âm đúng của người đời trước .

Những nét vừa ghi lại trên đây của tiếng Việt ở Bình Định cho ta một ý niệm về sự uyển chuyển linh động của tiếng nói ở mỗi địa phương để thấy rằng ở nước nào tiếng nói thống nhất cũng

HUỲNH ÁI TÔNG

chỉ là một huyền thoại. Không đâu có thể có một tiếng nói với lối phát âm hoàn toàn duy nhất cho toàn dân trong một nước. Người ngoại quốc học nói tiếng ta có thể coi giọng Sài Gòn hay Hà Nội là mẫu mực, đài B.B.C. chỉ chọn phát ngôn viên giọng Hà Nội, người Mỹ thích học tiếng Việt của người Sài Gòn thì cũng chỉ vì giọng Hà Nội và Sài Gòn nghe dễ hiểu hơn đối với người Việt ở các nơi khác, chứ không phải đại đa số người Việt lâu nay đều nói theo những giọng này. Một số người trí thức nào đó có thể tự hào rằng giọng nói của mình thanh tao thuần túy hơn đồng bào mình thì đó thực ra cũng chỉ là một ảo tưởng chứ họ cũng chỉ là một thiểu số rất nhỏ so với các giọng của đa số bình dân mà họ cho là quê mùa thô kệch. Cái ưu thế của họ có chăng là ở chỗ họ đã lấy sách vở làm mẫu mực, họ đã chấp nhận làm khuôn thước một số tập tục phát âm địa phương mà các nhà phát minh ra chữ quốc ngữ xưa kia đã dựa vào đó mà đặt nền tảng cho văn tự Việt. Ngày nay chúng ta không hiểu được vì lí do nào người ta lấy giọng địa phương này làm mẫu mực thay vì địa phương khác hay thực ra là họ đã kết hợp lại lối nói của nhiều địa phương, khiến cho ngày nay không có giọng địa phương nào nói cho đúng hoàn toàn tiếng Việt theo mặt chữ ghi trong các tự điển? Họ đã theo tiêu chuẩn nào để chọn lựa? Có hợp lí không ?

Nhưng có điều không ai chối cãi được là một sự lựa chọn nào đó đã thật là cần thiết . Bởi vì từ ngày chữ quốc ngữ được cố định, nó đã mau chóng trở thành văn tự chân chính của người nước ta. Và một khi luật thông dụng đã đủ hiệu lực thì không còn ai muốn và nên xét lại làm gì được nữa . Chữ viết của nước nào cũng chỉ là một hệ thống qui ước càng được mọi người chấp nhận thì càng có giá trị . Lại nữa khi một chữ viết đã trở thành truyền thống vững vàng rồi thì dù cho giọng nói, lối phát âm có có theo không gian và thời gian mà đổi thay, người trong nước cũng không thấy cần phải đổi thay chữ viết nữa . Dù người Bình Định có nói “cái bèo”, người Quảng Nam có đọc là “cửa bèo”, người Khánh Hoà đọc “cái bèo” hay người Bắc Việt có phát âm đúng “cái bàn” thì chữ này đâu đâu cũng

VĂN HỌC MIỀN NAM

được người ta cũng viết là cái bàn . “Con trâu” luôn luôn sẽ giữ đúng chính tả đó dù cho có địa phương đọc là “công trâu” hay ‘con châu”. Trong ngôn ngữ nước nào cũng có rất nhiều trường hợp chứng minh sự cố định của chữ viết so với tiếng nói nhất là ở các loại chữ hoạ hình theo lối chữ Tàu thì một văn tự nào mà có không biết bao nhiêu cách nói khác nhau.

Bởi đó mà chỉ có thể có thống nhất trong văn tự (chữ viết) không có thể nào đòi hỏi thống nhất trong ngôn ngữ (tiếng nói) .Nếu có ai mong muốn rằng đến ngày nào đó mọi người trong mỗi nước sẽ nói y như chữ viết thống nhất của nước mình thì đó chỉ là một ảo tưởng. Giả sử ở nước ta có người đòi hỏi người Bình Định (hay người miền Nam nói chung) phát âm “phấn sơn” đúng như người miền Bắc và cho rằng đọc “phấn soong” là sai thì vấn đề lại đặt ra là tại sao chữ đó lại không được viết theo giọng Bình Định “phấn soong”? Lại nữa bản chất của tiếng nói là linh động theo địa phương và thời đại thì không thể nào buộc nó giữ được những liên hệ cố định với chữ viết .

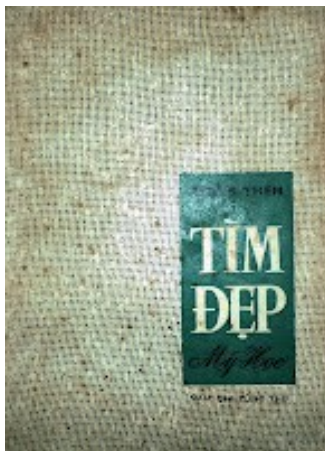
Tuy nhiên cũng nên nhận rằng một khi văn tự được cố định nó có nhiều ảnh hưởng vào giọng nói và lối phát âm để ngăn ngừa những biến đổi quá đáng. Việc dạy đọc dạy viết ở nhà trường đã đóng một vai trò quan trọng trong công cuộc thống nhất ngôn ngữ và văn tự của mỗi quốc gia mà sách vở, tự điển là những khuôn thước rất cần thiết để cố định văn tự .

Cho nên tuy xuất hiện sau tiếng nói, chữ viết mới thực sự là các nền tảng của ngôn ngữ vì chữ viết giữ được vai trò của những qui ước cố định, mới làm được một phương tiện truyền đạt rộng rãi tình cảm ý tưởng, rất bền vững, ít lệ thuộc vào không và thời gian ./.

Tài liệu tham khảo:

- Đoàn Nhật Tấn web: vi.Wikipedia.org

13) Đoàn Thâm



Đoàn Thâm (1915-2005)

Đoàn Thâm sinh ngày 5-11-1915 tại Hà Nội, quê làng Hữu Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, nay là huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

Xuất thân trong một gia đình khoa bảng, con trai nhà giáo dục, cử nhân Đoàn Triển (1854-1919). Thuở nhỏ học tại trường Bưởi (Chu Văn An), đậu bằng Tú tài Pháp Việt, rồi vào Đại học Đông Dương, tốt nghiệp cử nhân luật trước năm 1945.

Trong kháng chiến chống Pháp ông tản cư ra vùng quê lánh nạn chiến tranh, khoảng năm 1951 ông hồi cư về Hà Nội.

Năm 1954, di cư vào Nam, làm việc tại Sài Gòn, từng làm việc hành chánh tại văn phòng Phủ tổng thống thời Ngô Đình Diệm (1954-1963). Sau đảo chính 1-11-1963, ông bỏ đời sống công chức, viết văn, làm báo.

Trong thập niên 1960, ông được trao giải thưởng Văn chương toàn quốc của Việt Nam Cộng Hòa, ông đã từ chối vì cho mình

VĂN HỌC MIỀN NAM

là một công chức cao cấp của chính quyền thì không nên nhận giải.

Năm 1983 ông định cư tại Canada, ngày 8 tháng 8 năm 2005 ông qua đời, thọ 90 tuổi.

Tác phẩm:

- *Nhạc đế*, (thơ, 1960)
- *Vườn mây* (thơ, 1961)
- *Hòa âm* (thơ, 1961)
- *Quan niệm sáng tác thơ* (theo lời thi nhân và học giả Tây phương, 1962)
- *Tìm đẹp* (nghị luận hội họa, 1964)
- *Tìm hiểu hội họa* (1965)
- *Hai mươi năm qua: 1945-1964* (1966)
- *Những ngày chưa quên* (1967)
- *Việc từng ngày 1965, 1966, 1967, 1968, 1969*, (1969)
- *Những ngày muốn quên* (1992)
- *Lược khảo về hiến pháp các nước Á đông*
- *Lược khảo về chính đảng*
- *Từ Thức* (thơ)
- *Taj Mahal* (thơ)

Trích văn:

Hai Ông Cụ

Nhật nguyệt đôi vàng soi dòng Bích Thủy, um tùm cỏ thụ, bóng rể si rung rinh đáy nước, ngàn lau xào xạc, gió đưa tiếng cuộc gọi hè

Chẳng phải Thiên Thai, đầu bằng Lạc Phố ? Nhưng có cầu có bến, có quán chợ bên sông, lững lờ trôi đôi chiếc thuyền bông ... non nước đó vậy vùng tôi với bác.

Cùng sinh trưởng nơi ông cha sống thác, cùng học cùng chơi, tự thưở đầu xanh đến khi tóc bạc, luống ao ước xuân thu đồng lạc, éo le thay sao khác phân duyên tình. Có lẽ vì ông tạo danh hanh, mới chấp nổi hai ông đồ kiết xác.

Bác có nhớ không, hai đứa nhi đồng, đua bơi trên sông, tôi hay ngược nước, bác khéo thuận dòng, buổi thi thuyền nhẹ lái bác thông dong, tôi trái gió bênh bông thua sóng vỗ.

Lại nhớ thưở đầu đương bị gõ, bác chữ tốt văn hay, sách khuyên tròn khuyên đỏ; tôi học đâu quên đó, dạ tối tăm như bóng đầy ma xó, liếc roi mây cần cỏ lạy tôn sư.

Một dòng khoa hoạn, một nếp thi thư, leo thang mây bác sớm gọi mốc mưa, tôi xếp sách cây bừa bên mộ tổ, bác cờ biển tôi càn sấu hổ, bút mực này oen ó cả non sông.

Tôi là thằng bác đã nên ông, vốn thương tôi bác tốn công khuyên nhủ, sách mốc rồi mở tú lại đem phơi. Học dâm pho khoa sắp đến nơi, phen này nữa phước trời và ơn bạn.

Thu Giáp Tuất huân phong rờn bề hoạn, vượt vũ môn may nhờ nước cạn cá chép nên rồng. Vẽnh râu tôm, hàn sĩ mộng tam công, cũng thụng lam cáng đỏ võng hồng, hồi trống khẩu tong tong vang bốn tổng.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Đường công danh thân thang mở rộng, tường rồi đây cò lộng
rợp chân mây, có ngò đầu vận hội đổi thay, khắp Nam Bắc
Đông Tây bùng khói lửa; Ải Lạng, Cờ Đen phá cửa, Sơn Hung
Tuyên giặc tràn đê vỡ, Tây Hạ Thành, Kè Chợ cũng tan hoang.

Trống châu xinh tỉnh tọa bắc khao làng, phong ngũ đại thần
hòang to đáo đê. Rực rỡ hoành phi, thiên quan chủng tể, cuộc
liên hoan sá kể chuyện tang thương, ngắm môi son trâm bỗng
giọng Tầm Dương, tình tang tỉnh vấn vương lòng Tư Mã.

Tôi, Trần Công trưởng hạ, thân hàn nho cũng vát vả cung đao,
Bãi Sậy, Hưng Yên tên đạn dạt dào, con ngựa què bước thấp
bước cao, bông cương thảo trát, gió Tản Viên cuốn ngọn cờ
đào, sóng Tiền Hải giặt chiến bào phơi bóng nguyệt

Thương bách tính phải dày dầm Mao Việt, xót xa nhìn máu
huyết chảy thành sông, tích đức hơn là tích chiến công, cố cứu
vớt lương nông, tôi chiêu dân lập ấp. Tội nhu nhược bị gián
liên ba cấp, tạ ơn trên lập cập về doanh, chém. hay tha cho thảo
khẩu đỡ tung hoành, tôi u tôi xin cao xanh soi xét hộ.

Ngưỡng nhìn bác bức tâm thư tôi thổ lộ, sách khoan hồng
tướng Binh Bộ cũng nghe qua. Bác gật gù nhưng trao chuyển
Tam Tòa, rồi lại thấy tiếng loa dậy đất. Bùng sát khí tận trời
cao ngất, đồng xương tàn nay chồng mai chát, phận truy tuyền
đành quất vó câu, khắp đông đoài quảy nặng gánh sầu, Bác hò
hét chỉ đâu tôi đánh đấy.

Chợt đến lúc xác Tây chôn Cầu Giấy, quí thể sao run như cây
sậy, nó kéo lại trả thù, biết nơi đâu mà chạy. Áo thụng lam xò
tay vái lạy, mưu Gia Cát chống thêm chiếc gậy, vờ già còng nó

HUYỀN ÁI TÔNG

thấy chắc thương. Trống năm canh nghe hịch cần vương, bác càng thấy trăm đường khó xử, nghĩa quân thần sá chi sinh tử, nhưng chút lòng nhi nữ vương muôn dầy. Tôi dẫu ngu sớm biết có nỗi này, nhân tâm mất dân hàng Tây đâu có lạ. Bất loa gọi bốn phương ai dạ, khách anh hùng tâm cá bóng chim, tìm trung trinh như| đáy biển mò kim, khắp bờ cõi dầy bìm leo giậu đổ. Van trời đất cứu giống nòi đau khổ , Cờ Đen, Cờ Vàng lại ba màu xanh trắng đỏ, lũ dân hèn ngồi miệng hổ chờ chôn ...

Nhìn cân đai luống thẹn với nước non, tôi với bác chúng ta còn nhưng nước mắt. Đầu chưa chặt thì lui chân ản dật, nợ non sông đành khát lại phen này, nghĩa vua tôi chưa báo đáp cao dầy, hãy cố giữ râu mày không ám bụi. Bác luận. chữ tùy thời để vào luồn ra cúi, cơm với áo nặng hơn sông núi, vinh bề ngoài nhưng chắc túi bên trong. Thà noi gương Yên Đồ cho xong, chú Tam Nguyên rau cháo mát lòng, mượn trào phúng quên hung vong trị loạn. Quan Công nói: không hàng Tào duy qui Hán. Có kẻ chê nguy biện để cầu an, cuống ngôn hồng thoát nạn.

Thôi trả Đông Các về đây với bạn, sống qua ngày ta chán vạn thứ tiêu dao. chôn đào nguyên ta vui cảnh ông Đào; phẩm tước kia tôi thấp bác cao, Tam Nhị Nhứt cũng thò lò sáu mặt. Mặc thiên hạ đua chen trò đắc thất, tuổi xuân tàn gởi tạo vật mượn hoa hương, dạy con em gìn giữ cương thường, biết đâu đáy trời thương thì lại tiến.

Bác không nghe bon chen triều điện, không Cần Chánh cũng Văn Minh hay Võ Hiển, mới thỏa lòng ước nguyện bình sanh. Tôi chột nghe tin bác chẳng lành , tâm trí lực vì công danh mòn

VĂN HỌC MIỀN NAM

mỏi. Sấm nhưng quế số trời không qua khỏi, ôi thương ôi tôi hỏi, bác làm thính.

Giọt sương gieo cùng lệ nhỏ năm canh, tình với nghĩa thôi cũng đành như thế vậy. Quãng đồng vắng chiều hôm tôi chống gậy, viếng mộ phần bác thầy tôi buồn chẳng? Rẻ đôi đường vẫn nhớ hữu bằng, râu tóc này đã nhuộm tuyết băng, ngậm trường hận lúc trâm thăng vô tri kỷ.

Nhật nguyệt đôi vàng soi dòng bích thủy, um tùm cỏ thụ, bóng rẻ si rung rinh đáy nước, ngàn lau xao xát, gió đưa tiếng cuộc gọi hè

(Đoàn Thêm - Nhạc Đế)

Tựa **Đường Vào Tình Sử** của Đinh Hùng

Kính gửi thi sĩ Đinh Hùng,

Ông bạn có cho xem bản thảo tập thơ ‘Đường vào tình sử’ và tôi đã trình bày qua thiên kiến. Song ông bạn còn muốn tôi ghi rõ ra, để tiện bề ngắm lại.

Tôi nghĩ thế khác nào phê bình, mà phê bình theo tôi, cần dành cho những nhà văn chuyên trách nghiên cứu, chứ không phải là công việc của những người cùng sáng tác, nhất là khi hai đường lối làm thơ không giống nhau, rất e nhiều phần chủ quan bất tiện.

Vả chẳng, tôi đã đọc kỹ, ngay trên các trang đánh máy, khuyên tròn, sổ ngang, hay gạch bằng bút chì đỏ xanh để lưu ý tác giả,

HUYỀN ÁI TÔNG

như vậy tưởng đã đủ phận sự một bạn đọc với tất cả sự thận trọng cần thiết để xét một tác phẩm.

Nhưng ông bạn còn bảo: chính vì thấy đọc kỹ nên mới đòi hỏi, và mặc dầu đã như trên, chỉ có nhận định về chi tiết, còn thiếu về đại cương toàn thể; vả lại, có chịu viết ra hộ, thì mới cần nhắc cẩn thận từng ý, chớ không hời hợt gọi là, như khi nói chuyện qua loa.

Từ chối làm sao bây giờ? Thôi thì đành hạ bút, với sự dè dặt của người hằng quan niệm phê bình như một ngành văn học rất cao, chớ không thể là sự phán đoán táo bạo của bất cứ ai cầm sách đọc. Dù sao, nhìn rõ được đến mức nào, với tư cách một độc giả, cũng xin trình bày để tùy ý ông bạn xét.

Tôi còn nhớ khi trao tay cho tôi tập thơ này, ông bạn vừa cười vừa bảo: "Đây là loại thơ tình, có xem thì xem...". Xem lắm chứ, nhưng vì sao tác giả đã thốt ra câu đó? Ngụ ý, là e ngại rằng tôi coi thơ tình không hợp thời, hoặc không hợp với sở thích của tôi, bởi vì khi tôi làm thơ, bạn biết tôi thường tránh nói thẳng về tình ái. Ông bạn đã xác nhận, thì tôi phải đính chính.

Lỗi thời, hợp thời? Một vấn đề làm nhức óc kẻ sáng tác. Song đối với riêng tôi, và như có dịp trình bày trên một tạp chí, hợp thì càng lợi cho tác giả, không hợp thì chưa chắc đã hại gì đến giá trị tác phẩm. Nhiều tranh vẽ của Monet, của Cézanne, của Matisse, của Picasso, khi mới trưng ra, đã bị công chúng và các nhà phê bình mạt sát đả kích: nhưng cách đó một vài năm hay một vài chục năm, các vị trên lại được ca ngợi và họa phẩm được đấu giá hàng mấy trăm triệu quan mỗi bức. Ngược lại, có

VĂN HỌC MIỀN NAM

nhiều tác phẩm, tưởng là bị loại bỏ rồi, mà vẫn được các giới trí thức ưa chuộng, tỉ như kịch của Shakespeare. Vậy ông bạn không nên băn khoăn, chúng ta chỉ biết sáng tác bằng tất cả tâm hồn ta, giá thử tâm hồn đó đã được đào luyện theo nếp bị coi là cũ, thì đôi đề tài hay kỹ thuật cũng chỉ gương gao; và ngược lại, nếu tâm hồn ta được đào luyện theo các phương pháp mà có người cho là tân tiến, thì ý và lời ta muốn có vẻ khác, cũng chẳng thể đối ai. Tầm nhà thơ hay ông kéo mật, có biết là hợp thời hay lỗi thời đâu? Ta có mật, tuy đã có từ mấy ngàn năm nay, nhưng điều tốt đẹp, vẫn không thiếu người ưa.

Còn tình yêu mà ông bạn ca hát, đâu có lỗi thời ? Chất sống của con người mất làm sao được ? Có lẽ ông bạn ngại vì có người bảo: “đương ở giai đoạn tranh đấu cho cuộc sống còn của dân tộc và nhân loại giữa lúc cần” nói lên” những thắc mắc và giải quyết những vấn đề con người thời đại “ vv... sao vẫn yêu đương vớ vẩn và say sưa mộng đẹp? Không bàn cãi vì ngại lạc đề, tôi chỉ nhìn nhận khách quan một sự hiển nhiên: hiện nay vẫn chẳng có tiểu thuyết nào hay, phim điện ảnh nào hay, mà hoặc không có tình hay không có người đẹp. Bỏ tình đi, đuổi hết người đẹp đi, vô số nhà xuất bản và các rạp điện ảnh sẽ đóng cửa: chẳng lẽ cho vỡ nợ cả. Tôi cũng tự hỏi vì sao hôm nay có phim ái tình ly kỳ thì hàng ngàn người già trẻ trai gái chen chúc lấy vé, ngay ở những thời kỳ bom đạn 1942-1945 .

Vậy tôi thiết nghĩ ông bạn cứ tùy ý chọn đề tài, hay đúng hơn cho nhà thơ, thì cứ theo cảm xúc riêng đưa đẩy tới những điều vắn hòa hợp với đời sống nội tâm, nếu tình yêu là chất đẹp dồi dào mạnh mẽ nhất của đời sống đó: chẳng lẽ tôi làm, khi đã theo dõi dòng thơ của ông bạn chan chứa qua hàng trăm bài, nhất là từ” Mê hồn ca “? Tôi vẫn biết hiện nay một số nhà thơ

HUYỀN ÁI TÔNG

đã tìm nguồn mới, ở cảnh vật nhìn theo những đường lối mới của nhõn quan; hoặc những khu vực khác của linh hồn, trong thâm tâm u uẩn, hoặc những xúc động của thời đại, và tôi cũng không mong gì hơn là nhà thơ Việtnam dần bước đến những miền bao la đó, thì tứ thơ của ta mới phong phú như của thi nhân Âu châu. Song chính ở Pháp, tôi thấy nhà thơ, tuy đã ngao du ở nhiều non nước lạ, cũng vẫn thiết tha với người đẹp, hoặc chưa dứt được yêu đương. Trong hai cuốn hợp tuyển toàn những thơ tình vừa xuất bản năm 1955 “ Anthologie de la Poésie amoureuse” của Georges Pillement có cả những nhớ nhung thao thức của Paul Valéry, Paul Claudel hay Marie-Noel là những thi nhân thiên về triết lý hoặc tín ngưỡng cao siêu, chớ không kể xiết những người như Aragon thất thanh kêu gọi nàng Elsa ?

Cho nên tất cả vấn đề ở đây, không phải là cứ làm thơ tình hay không nên làm nữa, nhưng là diễn tả thứ tình chi, với lời lẽ như thế nào, và làm sao rung động được, sau khi mặc khách tao nhân từ mấy ngàn năm nay đã cho chảy bao nhiêu suối mực, tràn bao nhiêu lớp sóng nước mắt vì mỹ nhân và tung ra bốn phương trời bao nhiêu luồng gió “ phong tình”? Vậy thì tình của ông bạn có những đặc tính gì ? Tôi không dám đòi hỏi những sự tân kỳ, vì đã yêu thì con người nào chẳng nhớ nhung, thương tiếc, sầu, ghen, giận, tủi, khóc, cười... Tôi cũng không dám đòi hỏi như nhiều bạn khác, rằng thi nhân phải nói hộ bằng lời đẹp hơn của tôi, những tình cảm mà tôi không diễn tả nổi. Vì tôi trọng tự do của mỗi con người, xin để cho mỗi người sáng tác cảm xúc theo cá tính và hoàn cảnh riêng biệt của người ta trước hết; rồi nếu hợp với tôi, thì càng tốt cho tôi; ngược bằng không nói hộ gì cho tôi, thì cũng chẳng sao. Cần nhất là họ hãy nói ra cho đẹp những gì của họ đã. Nếu không

VĂN HỌC MIỀN NAM

thế, thì tôi sẽ mắc lỗi độc đoán, kiêu căng ép buộc người ta phải hợp với tôi hay sao. Nhưng tôi lại xin đặt vấn đề nội dung và văn thể như sau, vì tôi muốn đòi hỏi gặt gao hơn ở một thi nhân có tên tuổi: thi nhân yêu với ánh sắc chỉ mang bóng dáng Đinh Hùng, với lời lẽ gì gọi ra được những ánh sắc đó?

Thường khi đọc thơ tình, cũng như nhiều bạn, tôi hay tò mò tự hỏi : người đẹp ở đây là ai, đã có chuyện với tác giả trong trường hợp nào ? Thi sĩ Lamartine có nàng Elvire, Hugo có Drouet, Vigny có Marie Dorval là nữ tài tử kịch trường đi lại lâu năm... Vậy thi giai nhân của Đinh Hùng người ở đâu ta, gặp gỡ bao giờ, hay ít ra tên họ là chi ?

Phải chăng là cô Tần Hương mặc áo hoa vẽ bướm, đã khiến thi nhân tơ tưởng, khiến:

*Chàng nhật từng cánh hoa
Giữ từng con bướm ép ?*

Không, đó chỉ là hình ảnh lơ mơ trong đầu óc người thiếu niên đương tuổi bồng xuân, áp ủ “ Giác mộng ban đầu” cũng như bóng dáng phơ phất qua đường với:

*Cặp má nào phơn phớt ánh phù dung
Đâu là lướt mái tóc dài sóng gợn ?
(trong bài ”Khi mới lớn”)*

Hay là cô nhỏ ngây thơ còn trèo cây khế, vin hái quả xanh bên tường ? Không thể vì lại thấy em khác trong cảnh” Da hội” tung bồng cho say mê chốc lát, để rồi thi sĩ thở than”

Ta chọn nhâm hoa, lẫn ái tình

HUỶNH ÁI TÔNG

Nếu cứ dò la như vậy thì đọc hết hàng mấy trăm câu cũng chưa tìm ra ái với dung nhan và tính tình rõ rệt. Khó lắm, chúng ta có kiên tâm thì cũng chẳng hài lòng, chỉ như Lưu Thần, Nguyễn Triệu trở lại tìm tiên mà chỉ thấy khói mây nghi ngút .

Tôi đọc nữa và ngẫm lại. Thôi phải rồi. Người đẹp của Đinh Hùng không phải là con nhà họ Trần ở Hà Nội hay họ Lưu ở Saigon. Đâu phải người cõi này ? Nàng là “ Em Huyền Diệu” , là” Nữ Chúa Sầu”. là” Công Chúa Si Mê”, là” Sầu Hoài Thương Nữ”, nàng

*.... tự ngàn xưa chuyển bước về
Thuyền trao sóng mắt dán trăng đi*

Dĩ nhiên nàng đẹp, nhưng với những dáng vẻ thấp thoáng của con người xứ mộng. Nàng ẩn hiện biến hóa khôn lường. Có lúc nàng mượn hình ở ”Lam tyễn viễn mộng”

*Nếp mặt hoa rùng mưa giãc ngủ
Ngàn thương mái tóc xoắn như mây
Có khi, nàng là thiếu nữ chờ yêu nũng nịu
Hồng lên má phấn hoa bồng tỉnh
Xuân với em vừa lá tóc xanh*

Buổi khác, nàng nhập vào mỹ nhân bên hàng xóm, gió hiu quạnh rung phím dương cầm:

*Ôi mắt xanh, mây lặng, áng mi dài
người khuê nữ tóc buồn như suối chảy*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Những đêm trăng, khi lòng chàng thao thức nàng rón rén đến gần bên:

Tuyết rợn làn da bóng nguyệt trôi

Lại có lần như người kiếp trước, nàng lặng lẽ đến trong giấc ngủ canh khuya:

*Em đến mong manh góc ngọc chìm
Tàn canh hồn nhập bóng trắng im*

Rồi chán làm cô gái nhỏ leo cây khế, hoặc cô vũ nữ một đêm vui, hay cô Tàn Nương nào đó, nàng hóa thân ra tất cả các cô em xinh xắn ngây thơ

Các em đi tha trượt áo màu hoa

hoặc:

*những nàng như liễu mắt xa xôi
để thi sĩ ngẩn ngơ say tỉnh*

Chàng đã sống với nàng ra sao ? Rất thiết tha, đắm thắm: lúc” kể chuyện lòng” hay” tư tình dưới hoa “, lúc” gắn chặt lời thề trên gối” hoặc cùng hòa nhịp ân tình dạ khúc... Chàng kêu gọi” xin hãy yêu tôi”, say sưa chỉ vì một tiếng em, có bạn” hờn giận nhau rồi tình lại mới” , chàng đã từng được hưởng cảnh âm cúng, trong buổi” xuân ấm hương rừng”, ở giờ phút mở lòng đón” hy vọng chiều xuân”. Nhưng rồi cũng như bao khách si tình khác, phải chia phôi thương nhớ” gặp nhau lần cuối” trải qua đêm chớp bể mưa nguồn, bơ vơ trên đường khuya tro

HUYỀN ÁI TÔNG

bước, dù sao cũng “ lạc hướng Mây Tần”(*) .(* :- những chữ” trong ngoặc” lấy ở đầu đề các bài thơ của Đinh Hùng”- Đoàn Thêm chú thích)

Điều rất đáng chú ý, là tuy họ yêu nhau, chàng thiết tha vô cùng, mà nàng thì ngay trong những giờ phút gần gũi, xem chừng không đủ đảm thắm để đáp lại mối tình sâu xa, sôi nổi, day dứt của chàng.

Chàng đón chờ từng nụ cười, khoe mắt, làn hương trên tóc, một lời êm ái, một bước đi

*Chừng nghe qua bóng lá xanh
Có chân ai lặng bước nhanh trong sâu*
(Thủy mặc)

Chàng băn khoăn thăm dò từng ý nghĩ, từng rung động của nàng và mỗi khi gần nhau, mong muốn nàng cũng xao xuyến như về mọi cảnh mọi sự để” hai linh hồn vào chung một mộng / hai bóng người làm một bóng thôi” (Sâm Thương sâu nhạc). Cho nên, chàng phải gạn hỏi rất nhiều

*-Em đã cho lòng thương nhớ chưa?
Khi chiều sương bạc ánh saot hưa
-Em có vì thu gieo lệ không ?
(Lạnh mùa đông cũ)*

hoặc:

*-Em hiểu rằng tôi yêu đến đâu
Khi trăng sơ ý xế ngang đầu*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Hồn đêm chợt thoáng qua làn mắt
Tôi ngẩng nhìn em một thoáng mau*

hoặc:

*-Em muốn đôi ta mộng chốn nào ?
Ước nguyện đã có gác trăng sao...
(Tự tình dưới hoa)*

Lúc vui cùng hỏi, lúc buồn cũng muốn biết, nghĩ sao :

*-Em trở về đây dễ nắng hồng
Hồn xưa còn đẹp ý xưa không ?
(Buồn xưa)*

*Thu về em đã gặp thu chưa?
Giải nước trường giang lạnh mấy bờ ?
(Nụ cười thương nhớ)*

Nhưng Nàng cứ im lặng, đôi khi nở nụ cười, nhiều lúc ngả bóng mi sâu, chẳng thấy trả lời một câu, dầu chàng năn nỉ hết lời: muốn biết dĩ nhiên cần nghe nói, và cứ lặng thinh thì thông cảm làm sao ?

*-Nói đi em, từng ý nhỏ mà say
Từng rạo rục cánh lòng hoa đương mở
-Nói đi em cho từng mảnh sao rơi
Từng vũ trụ tắt dần trong lồng ngực*

Hay là chẳng lên tiếng, thì ít ra cũng biểu lộ tâm tình bằng cách khác:

HUỶNH ÁI TÔNG

*- Em hãy cười như thuở mới quen
Trời xanh trao khước mắt như thuyền
Em hãy nhìn như thuở mới say
Màu xuân tô nét nắng đôi mày
(Hy vọng chiều xuân)*

Van lon mãi, cũng vậy thôi, “ anh nhìn em như chiêm ngưỡng một hành tinh,” (Đường vào tình sử) song “Em nhìn lơ đãng biết bao nhiêu !” (Truyện lòng). Kết cục, là anh đau khổ vì không thỏa dạ:

*Khát vọng còn nguyên lửa cháy rừng
(Lời thề trên gối)*

Trước tình trạng đó, ai có thể hành động khác thi nhân, nghĩa là chẳng ôm hận ra đi, mặc dầu vẫn yêu:

*Từ buổi ấy, mê một làn hương quý
Tôi ra đi chưa biết sẽ về đâu ?
(Giáp mặt phù dung)*

Mà có muốn tìm an ủi chốn khác, cũng vô ích, và chỉ:

*thấy quanh đây toàn xác thịt âu sầu
toàn những dáng hoa phai buồn ử rữ*

Vì khát vọng của nhà thơ đâu phải là những xác thịt, nhưng là một tâm hồn bạn, một tâm hồn vừa chan chứa yêu thương, lại vừa cảm thấy được tất cả nỗi lòng thi sĩ với bao nhiêu hoài mệnh mang trước những bóng vang huyền ảo của tạo vật,

VĂN HỌC MIỀN NAM

những uẩn khúc vui buồn nhớ tiếc từ dĩ vãng tha vè con người
hiu quạnh trong hiện tại và âm thầm chờ đợi tương lai. Lạc
bước đi tìm lại hạnh phúc của những ngày vui không còn nữa:

*Dòng sông bơ vơ tìm dĩ vãng
Thuyền trôi bang khuâng về tương lai
(Hồn giận)*

*Và lời gió cùng run cùng cánh bướm
Em không thấy u hoài như sóng gợn
Tự lòng anh rung lại mấy thanh âm
(Tiếng dương cầm)*

*Ngày xưa bướm trắng mây vàng
Ta sống trong vườn tiên giới
Bây giờ lạc xuống trần gian
Tôi đi tìm Bồng lai mới
(Linh hồn Hoài Điệp)*

Nỗi cô đơn trước cuộc đời và vũ trụ đã giải nghĩa khát vọng
yêu đương kia, và được diễn tả qua những điệu vắn đượm sâu
man mác:

*Giữa đêm lòng bỗng hoang vu
Gối chẵn nghe cũng tình cờ quan san
(Vào thu)*

*Mây bay ánh mắt trắng tà
Nắng hương cỏ dại, sương pha áo ngàn
Người đi vào giấc mơ tan
Ta soi dòng suối đêm tàn tìm nhau*

HUỶNH ÁI TÔNG

(Xuân âm hương rừng)

Đêm tàn, núi đổ, ra đi một mình

(Hoài niệm)

Hồn rừng động tiếng nai kêu

Con thuyền độc mộc trôi theo nổi buồn

(Sóng hồ Ba Bể)

Nhịp bước nắm cung đàn ảo tưởng

Buông chìm tâm sự nửa đêm say

(Một tiếng em)

Nhưng khách tình si còn nặng nợ với giai nhân, nên tuy lòng tự nhủ lòng, mà vẫn thiết tha kêu gọi, không phải để van lơn cho riêng mình, nhưng tin rằng tình yêu của mình rất cần thiết cho tất cả những ai là hiện thân của sắc đẹp muôn đời muôn vẻ, vì thi nhân sinh ra đời để ca tụng Đẹp của Hóa công, hoặc dùng thơ mà điểm tô Đẹp đó:

-Xin hãy yêu tôi, những lòng thiếu nữ

Tôi chép thơ ca tụng miệng hoa cười

-Tôi không yêu sao có má em hồng ?

Tôi không buồn sao có mắt em trong ?

Tôi không mộng sao có lòng em đẹp ?

-Yêu tôi với, tôi làm thơ ân ái

Để yêu người và cũng để người yêu

Để các em qua từng bước điểm kiều

Trong cánh nước non tình tôi xếp đặt .

(Xin hãy yêu tôi)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Như thế, nghĩa là thi sĩ vẫn yêu, không phải là yêu một người, nhưng yêu đời, yêu sắc đẹp. Cứ như thế mãi, hoa vẫn nở vẫn tàn, nước vẫn chảy, sông núi vẫn im lìm, giai nhân vẫn lặng tiếng; nhưng Đinh Hùng vẫn yêu như đã yêu từ muôn kiếp trước rồi “hóa thân vào nét chữ cuồng si”.

Chẳng biết sau khi nhận xét như trên, tôi đã thấu đáo hồn thơ của ông bạn chưa ? Dù sao, tôi đã hết lòng tìm hiểu được phần nào xin trình bày ra phần ấy.

Chắc ông bạn còn muốn biết ý kiến tôi về lời thơ.

Như tôi thường thưa chuyện với ông bạn, thiết nghĩ lời thơ phải tùy tứ thơ, chất thơ, là phần cốt yếu. Đã là tình yêu, thì không cần gọt rũa như khi khách quan tả cảnh, hoặc dùng những chữ mới lạ như khi muốn gọi những thắc mắc hoang mang; nhưng trái lại, lời phải thốt ra từ đáy lòng, càng sát bao nhiêu càng hay bấy nhiêu, thành thực của ý hiện ra bình dị của lời.

Về điểm đó, tôi nhận thấy ông bạn đã thành công ở nhiều bài nhiều đoạn và những câu mà tôi đã trích ra không những có tính cách dẫn chứng về nội dung, còn bộc lộ được tình cảm, có khi với âm hưởng hồn nhiên của lời ca dao thôn dã, nhưng luôn luôn có giọng đờn sơ thân mật của câu tâm sự hai người. Kể ra thì còn nhiều đoạn khác nữa, để khiến cho độc giả nhập tâm, chính tôi đã thuộc lòng những câu như:

*Tôi hết thơ hoa, mộng bướm rồi
Bây giờ lòng kể truyện lòng thôi
Bởi em mơ dáng sâu đôi chút
Tôi mới băng khuâng ngộ mấy lời.*

HUỲNH ÁI TÔNG

(Truyện lòng)

Tả tình như vậy, tả cảnh cũng có một đặc sắc: cảnh ngấm qua tình, tình hợp với cảnh, hay chỉ mượn cảnh tả tình ? không thể phân biệt rõ, nhưng chính vì thế mà cảnh không bao giờ khó khăn, lúc nào cũng được vui buồn; nghĩa là cảnh có hồn vậy

*... Còn nhớ tới bây giờ
Những buổi trưa hè, tiếng võng xưa
Câu chuyện đêm trường bên giếng nước
Tiếng buồn, ai hát giọng đò đưa ?
(Lạc hướng Mây Tàn)*

Nhưng đơn giản không phải là thiêu thú vị, và những thi ảnh gọi ra bằng vài nét, nhiều khi thấp thoáng như bóng vang hay những cảm giác êm dịu, vì ngả về sâu, và được buông theo những vần điệu nhẹ nhàng:

*Em về rũ tóc mưa sa
Năm canh chuốt ngón Tỳ bà khói sương
(Vào thu)*

*Lá xanh che khuất đường trưa
Bóng thêu hoa nắng lụa thưa điểm vàng
(Thủy mặc)*

*Bỗng nghe lạc trận mưa ngàn đổ
Cả một mùa thu đã quá giang
(Sóng nước đồng chiều)*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Song theo tôi, đó chỉ là những vẽ đẹp rất thường gặp ở một nhà thơ nhiều năm tên tuổi.

Kính bút,

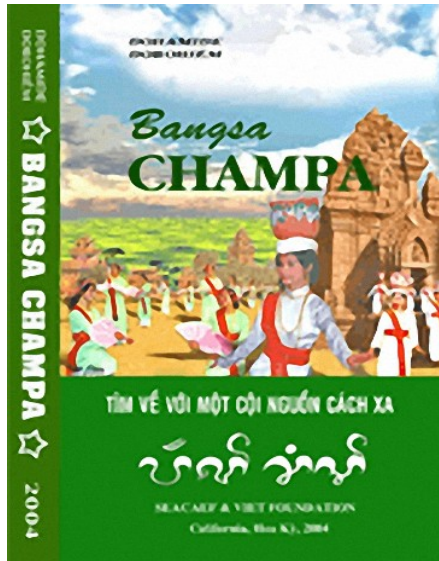
Saigon, ngày 25 – 12 - 1960

Đoàn Thêm

Tài liệu tham khảo:

- Đoàn Thêm Web: vietgle.com
- Đoàn Thêm *Hai Ông Cụt* Blog: lyhuong-rachgia.blogspot.com

14) Dohamide



Dohamide (1934-)

HUỶNH ÁI TÔNG

Dohamide, dân tộc Chăm tên khác là Đổ Hải Minh. Sinh năm 1934 tại xã Kok Taboong tức xã Khánh Hòa, tỉnh Châu Đốc. Công chức.

Tốt nghiệp Thủ khoa Ban Cao Nguyên và Ban Đốc Sự Hành Chánh, Học Viện Quốc Gia Hành Chánh. M.A. chánh trị học, Đại học Kansas Hoa Kỳ.

Sáng lập Hiệp Hội Chăm Hồi giáo Việt Nam.

Năm 1964, Đại biểu Islam Việt Nam tham dự Hội Nghị các nước Islam Đông Nam Á và Viễn Đông tại Kuala Lumpur .

Năm 1972, dự Hội nghị Islam Thế giới tại Thánh địa Makkak, A Rập Sau Đi.

Hiện định cư tại OC, Nam California. Hoa Kỳ

Cộng tác với các báo Bách Khoa, Thế Kỷ 21.

Tác phẩm:

- *Dân Tộc Chăm Lược sử* (viết chung với Dorohiem)
- *Bangsa Champa* (Tìm Về Với Một Cội Nguồn Cách Xa.)

Người Chăm ở Nam Bộ



VĂN HỌC MIỀN NAM

Một trong những đặc điểm nổi bật của miền châu thổ sông Cửu Long ở Tây nam Việt Nam là có khá nhiều địa danh nghe khác lạ, và còn có thể nói là rất xa lạ với tiếng Việt thông dụng. Đi từ điểm cực Nam nơi chín cửa sông Cửu Long trở ra biển khơi, ngược dòng Tiền giang và Hậu giang tiến trở vào đất liền, hướng về vùng biên giới Việt-Kampuchea ở phía Bắc, người ta gặp ngay địa danh “Cà Mau,” “Sóc Trăng,” “Sa Đéc” v.v... vốn là những địa danh, được dùng quen thuộc trong dân gian từ một thời xa xưa, và có khi còn được nhà cầm quyền chính thức đặt thành tên gọi các đơn vị hành chính địa phương nữa. Đối với mọi cái gì gần gũi đã trở thành quá quen thuộc, hiếm thấy có ai tự hỏi về nội dung ý nghĩa đích thực của các địa danh này là gì, và như vậy là người ta đã chấp nhận cho chúng lặng lẽ hoà đồng với các địa danh hoàn toàn gốc tiếng Việt quen thuộc như Bến Tre, Gò Công, Vĩnh Long, Long Xuyên, An Giang, v.v...rồi. Tuy nhiên, khi có ai tình cờ chợt nêu lên thắc mắc, thì chắc chắn là không ít người dân bình thường sẽ phải ngỡ ngàng và băn khoăn không biết trả lời thế nào. Những người am tường hoặc có tìm hiểu cặn cùng mới làm rõ, chẳng hạn như:

- Cà Mau thực sự vốn là từ ngữ đọc trại từ Tục Khmâu, (Tức là nước, Khmâu là đen), chỉ định một vùng đất bồi phù sa màu đen.
- Sóc Trăng là do chữ Srok có nghĩa là khu vực làng xã; còn Trăng là do chữ Tlăng có nghĩa kho vàng: Xứ kho vàng.
- Về địa danh Sa Đéc, thì Sa là do chữ Phsar có nghĩa là chợ, và Đéc có nghĩa là sắt, được suy diễn có thể nguyên là địa điểm chợ bán hàng đồ sắt.

Còn nhiều và nhiều nữa. Các địa danh nghe lạ tai được diễn giải kể trên, sự thực, mang dấu vết văn hóa của người Khmer trong dân gian còn được gọi là người Miên, hoặc nếu có cảm thấy chút phân cách hơn là nói người Đàng Thổ, một sắc dân bản địa, sanh sống tại chỗ trước đó, khi các đoàn quân và lưu

HUỖNH ÁI TÔNG

dân Việt tháp tùng Nguyễn Hữu Cảnh được Chúa Nguyễn cử vào Nam mở mang bờ cõi trong vùng châu thổ sông Cửu Long. Người Khmer ở châu thổ sông Cửu Long được các nhà cổ học - chủ yếu ban đầu là các nhà cổ học Pháp như George Coedes, Malleret, v.v. - xác định thuộc nền văn hoá Óc Eo mà các di chỉ kiến trúc cổ đã và vẫn đang được các nhà cổ học Việt Nam sau này tiếp tục khai quật. Tiền nhân của người Khmer đã xây dựng nên Vương quốc Phù Nam, được tiếp nối với nước Thủy Chân Lạp. Trải qua những giai đoạn lịch sử tiếp xúc, va chạm, đối đầu, và an bình cộng cư với người Việt, người Khmer có khuynh hướng sống tập trung trên các khu đất giồng (khu đất cao hơn mực nước dâng trong mùa nước nổi) ở các vùng ven biển ở Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, và Thất Sơn, có địa danh Tri Tôn (nguyên là Sway Toong) giáp giới Kampuchea, đã góp phần vào quá trình khai khẩn và canh tác đất đai cho đến ngày nay. Hiện tượng hội nhập mang tính cân bằng hai chiều được thể hiện bằng phương thức Việt hoá ngữ âm du nhập các từ Khmer để duy trì địa danh thông dụng trong dân gian Việt nói chung mà không đặt vấn đề nội dung ý nghĩa cũng như gốc nguồn.

Bên cạnh người Khmer, không thể không kể đến người Hoa. Người Hoa hẳn nhiên không phải thành phần dân bản địa như người Khmer. Họ vốn là tầng lớp người không chịu thất bím cạo đầu làm tòi nhà Thanh ở Trung Hoa, nên vào khoảng cuối thế kỷ 17, đã theo Mạc Cửu, đến tìm nơi ẩn trú, sẵn đà, khai khẩn đất và định cư lập nghiệp tại vùng đất Hà Tiên. Trong một thời gian không lâu, nhóm người Hoa lưu dân này đã mang nguồn vốn văn hoá cùng kỹ năng từ nước mẹ của mình, góp phần phát triển Hà Tiên thành một thương cảng tập nập, trù phú, giao dịch thương mại với bên ngoài.

Lướt qua nét đặc thù của vùng châu thổ sông Cửu Long qua khía cạnh địa danh và đóng góp khai hoang phát triển, ghi nhận sự hiện diện của người Khmer và người Hoa là hai sắc dân bản địa và lưu vong tỵ nạn cùng với người Việt cộng cư khai phá

VĂN HỌC MIỀN NAM

khẩn hoang như trên, chúng tôi muốn gọi lên một toàn cảnh để lồng vào đó hình ảnh làng quê nhỏ bé thân thương của bản thân, trong tầm nhìn của người trong cuộc, từ đó, giúp soi sáng về gốc nguồn của tôi là sắc dân Chăm mà hoàn cảnh lịch sử đã đưa đây, lưu lạc đến định cư bên cạnh người Khmer, người Hoa, người Việt tại một góc trời ở vùng châu thổ sông Cửu Long trù phú bao rộng này.

Ngôi làng sanh quán của tôi có tên khác lạ đối với ngôn ngữ Việt: làng Koh Ta Boong, trong sử sách Việt được phiên âm thành Cỏ Đàm Bôn, dưới thời Pháp thuộc là Ka Tam Bong, tên gọi chánh thức của một đơn vị hành chánh cấp Xã. Dịch theo tiếng Chăm, Koh có nghĩa là cồn, là cù lao, còn Ta-boong thì là cây gậy, ngụ ý hình dáng của cù lao này giống như một cây gậy.

Châu thổ sông Cửu Long ở miền Tây Nam Nam Việt Nam là vùng đất bồi do phù sa từ thượng nguồn và vùng Biển hồ trôi xuống, hàng năm đều có mùa nước nổi (mùa lũ lụt), mực nước tùy năm ở một số nơi có thể dâng cao lên đến ba thước, khởi đầu mùa lúa sạ; nước tràn vào các cánh đồng tạo môi trường cho các loài cá nước ngọt đẻ trứng sanh sôi nẩy nở, rồi đến mùa nước giựt, nước chảy ngược ra các vàm kinh rạch để đổ ra biển. Dưới tác động chu kỳ của thiên nhiên, dòng chảy sông Cửu Long thay đổi theo thời gian, hai bên bờ thường diễn ra hiện tượng bên lở bên bồi. Koh Ta-boong đã hình thành từ một cồn cát nhô lên dọc theo một bên bờ Hậu giang, được vun bồi lần hồi thành một cù lao, ngăn cách với đất liền bằng một con rạch.

Vào thập niên 1940, thời thuộc Pháp, hệ thống giao thông bằng đường bộ chưa được mở mang, con tàu “sà-lúp” chạy bằng hơi nước do lò củi, kéo những chiếc ghe chài (địa phương gọi là ghe chành) đầy ắp hàng hóa từ Sài Gòn về vẫn rẽ vào con rạch này để tạm tránh những dòng nước ngược chảy siết bên ngoài sông cái. Kỷ niệm khó quên của tuổi niên thiếu là mỗi khi nghe

HUYỀN ÁI TÔNG

còi tàu văng vẳng từ xa, tôi thường hỏi hỏi cùng các bạn đồng lứa tuổi ù chạy ra bờ sông, cùng ngắm nhìn đoàn ghe tàu chạy qua như là một biển cố đến từ một thế giới xa lạ. Hấp dẫn và hồi hộp nhất là ban đêm, mỗi khi chiếc tàu dòng đứng một chỗ vì dòng nước ngược chảy quá mạnh, phải bỏ thêm củi vào lò. Trên ống khói, thỉnh linh phụt lên những luồng bụi than đỏ ửng, cả bọn trẻ tái mặt giựt mình, nhưng liền đó, lại thích thú vỗ tay reo hò vang dội. Trong phút chốc, đoàn ghe tàu lại mất hút ra ngoài vàm sông cái, trả lại sự yên tĩnh cho thôn ấp.

Từ bên này bờ sông nhìn sang bên kia, không xa lắm, chỉ vào khoảng 50 thước, tiếng trẻ em vui đùa vẫn vọng mồn mồn một sang bên này bờ, nhưng thực tế là hai thế giới khác biệt. Thật vậy, nhà cửa bên kia sông, thường đắp nền cao rồi dựng cột và vách lên, bên trong nhà có bàn thờ tổ tiên, bày biện bàn ghế, giường ngủ có chân cao. Hầu như trước nhà nào cũng đều có một bàn thờ nhỏ gọn gọi là “bàn ông Thiên” buổi chiều khói hương nghi ngút.

Bên này sông, trái lại, nhà nhà đều có sàn, cột thường bằng gỗ nguyên cây tước hết vỏ và bào nhẵn, cao khỏi đầu người để phù hợp với mùa nước nổi dâng cao; mặt tiền nhà nào cũng có một cái thang rắn chắc bằng gỗ, và bên trong nhà hầu như không có bàn ghế, nên khi khách đến nhà thì chủ nhà thường trải chiếu chiếu hoặc tấm thảm, để chủ khách cùng ngồi xếp bằng trên sàn gỗ, nhưng phải đặc biệt lưu ý không được tự động vượt qua khung cửa có màn che được trang trí tùy theo mức độ giàu nghèo của chủ nhà, ngăn cách với gian nhà trong, theo tập tục, hoàn toàn dành cho đàn bà con gái sanh hoạt không lẫn lộn với đàn ông con trai. Nhà cửa cất phần lớn sát vào nhau, mở cánh cửa sổ bên này, có thể chuyện trò với nhà bên kia được, nên tạo cảm giác như con người đang họp quần co cụm lại. Cả làng hầu như không có nhà nào trồng rau quả, vườn tược. Ở những nhà khá giả thì hầu như luôn luôn có dưới sàn một khung dệt vải cổ truyền, được kín đáo che sau một bức màn, vốn là nơi làm việc của con gái trong gia đình, vừa dệt

VĂN HỌC MIỀN NAM

hoặc quay tơ, vừa cất lên những tiếng hát trong trẻo vừa đủ nghe, nhưng hấp dẫn mãnh liệt những cặp mắt hiếu kỳ từ ngoài đường. Người dân bên này bờ thường vắn chẵn Sa-rong vắn quanh mình, dài đến gót chân. Tưởng cần giải thích rõ, Sa-rong là cái chẵn mặc của đàn ông; còn phụ nữ Chăm cũng mặc chẵn che phủ đến gót chân nhưng không gọi là Sa-rong như được nhận thấy ở một vài bài viết về Chăm, mà đúng ra thì gọi là Khanh ngui, tức cái chẵn mặc, trong số, có Khanh kăk là một thứ chẵn dệt công phu bằng hàng tơ lụa rất được phụ nữ mến chuộng.

Người dân bên này bờ bình thường gọi người dân bên đất liền là Yuôn, và ngược lại, những người Yuôn này lại gọi người dân bên cù lao là Chàm, có khi là Chà, và khi có chút gì không bằng lòng nhau thì gọi là Chà và, gây oán hơn nữa, thì là Bọn Chà và!

Người dân bên cù lao tự gọi mình là **Chăm**, trong sanh hoạt hằng ngày, sử dụng một ngôn ngữ riêng không phải tiếng Việt mà là tiếng Chăm. Riêng chính người Chăm thì cảm thấy tinh thần nhẹ nhàng tương kính trong giao dịch khi được người đối thoại gọi mình là Chăm. Do đó, cách gọi Chăm một lúc sau này được thông dụng thay vì Chàm.

Loáng thoáng trong giới nghiên cứu người Việt được tiếp chuyện, có vị cảm thấy dị ứng về từ Yuôn, và nói theo lối thời thượng, cho là “mang tính tiêu cực,” “có vấn đề.” Một đôi lần, tôi còn được nghe một quan điểm thủ cựu, mang sắc thái đại dân tộc, diễn dịch từ Yuôn là do chữ Vương, thể hiện quan hệ triều cống chư hầu giữa triều đình Đại Việt và triều đình Champa trong lịch sử. Ngược lại, quan điểm mang tính đấu tranh thì cho rằng từ Yuôn mang tính hiềm khích oán hờn từ phía người Chăm nặng tinh thần dân tộc cực đoan, cũng không còn thích hợp với bây giờ nữa. Một công trình biên soạn công phu mà bản thân tôi rất trân quý, dưới quyền chủ biên của giáo sư Bùi Khánh Thế với Nhóm biên tập gồm hai học giả trẻ

HUYỀN ÁI TÔNG

người Chăm gốc Ninh Thuận, quyển “Từ điển Việt Chăm,” do Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội xuất bản năm 1996, đã ghi là Piệt- Chăm thay vì Yuôn-Chăm đúng theo từ ngữ được lưu truyền trong dân gian. Thực tế, trong câu chuyện trao đổi hằng ngày với nhau, người Chăm khắp các vùng tại Việt Nam và cả người Chăm ở Kampuchea vẫn gọi người Việt là Yuôn một cách hồn nhiên, không thấy có chút mặc cảm khác lạ gì xen vào cả.

Vào cuối thập niên 1940, thời thuộc Pháp, xã hội người Chăm ở Koh Taboong còn rất khép kín; không có nghĩa khép kín về mặt địa lý, bởi lẽ làng Koh Taboong quê tôi không có hàng rào bao quanh, cách biệt với xã hội bên ngoài như một số thôn làng Chăm còn tồn tại ở Ninh Thuận và Bình Thuận, nguyên đã trải qua những giai đoạn đối đầu xung đột với quan quân triều đình Đại Việt, gây chết chóc đẫm máu kết liễu sự hiện tồn của vương quốc Champa vào đầu thế kỷ 19. Hiện tượng khép kín ở đây thực chất là do nhu cầu hiện tồn căn sắc truyền thống Chăm, vốn được gắn chặt trong tim óc, phát xuất từ nề nếp sinh hoạt Islam, tập tục, tín ngưỡng, nói chung, vào nền văn hoá của riêng sắc dân mình, không hoàn toàn tương đồng với nền văn hoá của xã hội bao quanh. Do thiếu giao lưu về văn hóa và xã hội, giữa người Chăm bên này bờ và người Yuôn bên kia bờ rạch, dưới tác động của tinh thần phân chia “ta và họ” nói chung, đều có ít nhiều thành kiến với nhau về một số mặt thực tế trong nề nếp sinh hoạt hằng ngày. Cụ thể, người Yuôn dùng đũa ăn cơm thì bị người Chăm chê là Đấng Tạo hóa đã tạo ra bàn tay cho con người sử dụng, thì tại sao lại đi dùng hai chiếc đũa để gắp thức ăn, tựa hồ như xeo nạy (cha-koh) khó coi trong khi các thức ăn này đều phải được xem là rizki, tức ân phước của Đấng Tạo Hóa Allah ban cho như vậy?

Ngay cả bản thân tôi, ở buổi đầu khi có điều kiện ra khỏi xóm làng đi sanh sống hội nhập vào xã hội bên ngoài, tôi vẫn cảm thấy có những mặt không ổn trong vấn đề này. Mãi về sau này, tôi mới lấy lại được phần nào tự tin trong đánh giá tập tục, nhất

VĂN HỌC MIỀN NAM

là vào năm 1964 khi có dịp tham dự buổi tiếp tân khoản đãi chánh thức nhân Hội nghị các nước Hồi Giáo Đông Nam Á và Viễn Đông lần đầu tiên do Chánh Phủ Malaysia tổ chức ở Kuala Lumpur, cả chủ nhà bao gồm cả cố Thủ Tướng Malaysia Tunjku Abdul Rahman và khách các nước đều cùng ngồi xếp bằng trên nền nhà, cùng thoải mái ăn bốc theo một phong cách tự nhiên không khác gì tập tục ăn bốc của người Chăm tại làng quê Koh Taboong của tôi cả. Các mặc cảm trong người tôi lúc ấy mới nhẹ nhàng được giải tỏa và tôi mới được rõ dứt khoát không thể nói bên nào văn minh bên nào lạc hậu cả; người Yuôn và người Chăm thuộc hai nền văn minh khác biệt nhau, một bên được mệnh danh là nền văn minh đôi đũa, một bên là nền văn minh bốc tay. Ngoài ra, còn một nền văn minh khác đã được ghi nhận trong một buổi tiếp chuyện nhân Hội nghị quốc tế kể trên, đó là nền văn minh muỗng nĩa của Âu Tây.

Trở lại với làng quê Koh Taboong thời thơ trẻ của tôi, cả làng từ đầu vòm trời vào, đều chỉ có khoảng một ngàn ngôi nhà người Chăm cất san sát nhau hai bên đường, và đến cuối làng mới có nhà người Việt. Toàn bộ thế giới thời thơ trẻ của tôi hầu như hoàn toàn gói ghém trong ngôi làng bình dị thôn dã này.

Ông thân sanh của tôi là giáo viên duy nhất trường sơ học phổ thông trong làng nên một mình phải phụ trách luôn cả ba lớp một, hai và ba [vào thời đó, gọi là lớp đồng ấu (cours enfantin), lớp dự bị (cours préparatoire) và lớp sơ đẳng (cours élémentaire)]. Sau đó, muốn tiếp tục học thì học sinh phải lên trường tỉnh Châu Đốc, cách làng khoảng bốn cây số. Trong số học sinh đến trường, dĩ nhiên chỉ học Pháp văn, có một số học sinh người Việt nhà ở đầu làng, cho nên trong các trò chơi ngoài lớp, tôi có dịp học và nói bập bẹ tiếng Việt, một thứ tiếng Việt thường được diễn dịch theo từng chữ tiếng Chăm, chẳng hạn, chúng tôi nói “tắm nước” thay vì “tắm,” “đứt tim” thay vì “gan dạ,” các bạn học người Việt nghe lâu ngày rồi cũng quen.

HUYỀN ÁI TÔNG

Tại các lớp trong làng kể trên, tôi cũng được học một thứ chữ Chăm viết theo mẫu tự la tinh, ráp vần theo tiếng Pháp, tôi thấy rất dễ đọc và dùng để diễn dịch ý tưởng bằng tiếng Chăm cội nguồn. Thứ chữ này được hình thành do óc sáng tạo của một nhân vật nổi tiếng trong giới người Chăm Châu Đốc vào thập niên 1940 là cụ cố Kim Sốp, nhờ gia đình giàu có, được học trường Tây, làm Thông phán tại Tòa Án Châu Đốc. Vì chữ Chăm thông dụng phiên âm bằng mẫu tự A Rạp đang được thông dụng, thứ chữ Chăm la tinh này không mấy được các bậc phụ huynh quan tâm, nên không tích cực khuyến khích các con em học. Nhưng riêng phần tôi và một vài bạn học thì thấy thích thú, nhứt là trong tập sách, cố Kim Sốp đã cho in một vài mẫu chuyện làm bài đọc thêm, và sau này lớn lên tôi mới biết là thuộc văn học dân gian Chăm, như bài “Chim Chhông” đồng thời cũng là một thể ca ngâm chất chứa nhiều thi vị mà tôi nhớ nằm lòng cho mãi đến tuổi thất thập này.

Hầu như tất cả các bạn học Chăm đều nghỉ học khi hoàn tất lớp cuối cùng trong làng. Bị ám ảnh trong mặc cảm e sợ con cái jung yuôn (biên thành người Việt), phần lớn các bậc cha mẹ đều e ngại, khi cho chúng lên học trường tỉnh, thì sẽ sống theo người Việt, không còn theo nề nếp sống của xóm làng, nặng về tín ngưỡng Islam, trong đó, có một số kiêng cử rất nghiêm ngặt như tuyệt đối cấm (harãm) ăn thịt heo, cấm uống rượu, cấm trai gái vụng trộm ngoài hôn nhân, v.v... Thực tế hơn nữa, đàn ông bé lớn đều cạo đầu và khi tham gia sanh hoạt trong làng thì đều đội mũ bằng ni màu đen, còn người lớn thì đội mũ trắng hoặc chít khăn Haji chứng tỏ là người đã đi hành hương ở Thánh địa Makkah bên nước A Rạp Sau Đi, được thôn làng tôn kính như các bậc trên trước. Cho nên, khi một người đi làm ăn xa mà để tóc dài trở về làng mang theo một ít phong cách phóng túng không thích hợp thì không phải chỉ bản thân người đó mà còn cả gia đình phải chịu những lời đàm tiếu, bà con lên án.

Sanh hoạt thường ngày của xóm làng xoay quanh một ngôi giáo đường gọi là masjid nằm giữa làng, kiến trúc có những nét

VĂN HỌC MIỀN NAM

gọi nhớ quang cảnh bên kia trời Trung Đông, bao gồm một nóc vòm và đài tháp lạ mắt, được nhận ra từ xa. Ngôi giáo đường này, người Việt sống ở lân cận vẫn quen gọi là “chùa Chàm,” nhưng ở đây, kiến trúc và trang trí bên trong cho thấy chỉ là một ngôi nhà khang trang để bốn đạo tụ họp dâng lễ nguyện tập thể và nghe thuyết giảng vào ngày thứ sáu trong tuần, thể hiện sự tôn thờ Đấng Tạo Hóa Allah nên không có pho tượng thờ nào cả ngoài chiếc bục đơn giản có ba bậc như nấc thang nằm sát bên trong cùng. Mỗi ngày năm lần, khi trời rạng sáng, trưa ngọ, xế chiều, chạng vạng và trở về khuya, chính từ ngọn tháp kể trên, phát ra một hồi trống và tiếp theo là lời ngân nga kêu gọi đến giáo đường dâng lễ nguyện vang đi rất xa, điều hòa cuộc sống hằng ngày của người dân.

Bên cạnh giáo đường, có một trường gọi là Madrasah dạy đọc kinh Qur’An bằng chữ A Rập nguyên gốc và có cả lớp dạy chữ Mã Lai giảng giải nội dung kinh sách và giáo lý Islam. Các bậc phụ huynh thích cho con em mình học các trường lớp này, và thường hãnh diện về thành tích con em đạt được như là khi chúng trở tài đọc Thiên kinh Qur’An trong các sinh hoạt tập thể của xóm làng.

Bản thân tôi đã bị trì kéo giữa hai khuynh hướng, như là khi đã đến lúc phải chuyển lên trường tỉnh tiếp tục học lớp nhì (cours moyen). Mẹ tôi là một người đàn bà Chăm không biết một chữ a, b, c... nhưng lại rất thông thạo kinh Qur’An viết bằng chữ A Rập. Được hậu thuẫn của ông bà ngoại, mẹ tôi muốn cho tôi nghỉ học trường phổ thông và chuyển sang học ở trường lớp tại giáo đường như các đứa bé Chăm khác trong làng. Ngược lại, cha tôi, có chút ít căn bản Tây học, như quyết phải cho tôi lên trường tỉnh tiếp tục học. Sự bất đồng ý kiến giữa cha mẹ chúng tôi khá gay go và kéo dài, sau cùng đã chấm dứt bằng một giải pháp dung hòa; tôi được tiếp tục đi học trường tỉnh, nhưng những ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày lễ, tôi phải đi học chữ Mã Lai và A Rập tại trường lớp của giáo đường.

HUỶNH ÁI TÔNG

Lên trường Tiểu học, vì vào cuối thập niên 1940 chưa có cây cầu bắc ngang con rạch như sau này, người lớn trong nhà, thường là bà ngoại hoặc mẹ tôi phải bơi xuồng đưa tôi sang bên kia bờ rạch, một bước kế tiếp tạo điều kiện cho tôi mở rộng môi trường tiếp xúc với thế giới bên ngoài với những kỷ niệm khó quên.

Koh Taboong là một trong bảy làng Chăm Châu Đốc. Ngoài Koh Taboong là làng chôn nhau cắt rún của tôi, còn có sáu làng Chăm khác là **Mat chruk, Koh Kaboak, Plây Kênh, Plao Ba, Koh Ghoi, Koh Kaghia, Sabâu**, với địa danh Việt tương ứng là **Châu Giang, Đa Phước, Châu Phong, La Ma hoặc Vĩnh Trường, Búng lớn hoặc Búng Bình Thiên, Đồng Cô Ky**.

Phần lớn các địa danh tiếng Chăm kể trên khởi đầu bằng từ “Koh” có nghĩa là cù lao, cho thấy phần lớn các làng Chăm Châu Đốc đều nằm trên các cù lao trên ven sông Cửu Long:

- Gọi là Koh Kaghia vì cù lao này được đánh dấu bằng hàng cây sao, một giống cây, gỗ rất chắc mà người Chăm dùng làm cột nhà sàn hoặc đóng ghe xuồng.

- Về Koh Goi, có vài lối diễn dịch khác nhau tại địa phương, cần được nghiên cứu xác định sau này.

- Sở dĩ gọi là Koh Kaboak vì xóm này chuyên dệt và mua bán tơ lụa, hầu hết dân cư đều từ Plây Kênh ở bên bờ đối diện chuyền qua, do nạn bên lở bên bồi của dòng sông Cửu Long.

Về địa danh Plây Kênh, dịch nghĩa là “xứ con kênh,” do nhà cửa làng này nằm dọc hai bên bờ một con kênh đào dẫn nước từ bờ Hậu giang trở ra phía Tân Châu. Trong dân gian, người ta thường gọi là Gah Kênh thay vì Plây Kênh; Gah là “bên.” Cùng thuộc Gah kênh này, có một ấp nằm ngoài bờ sông cái gọi là Puk Pa-ok; Pa-ok tiếng Chăm là cây xoài, nên trong

VĂN HỌC MIỀN NAM

tiếng Việt gọi là “Hàng xoài.” Và cũng từ tiêu chuẩn để nhận diện bằng hàng cây xoài này, mà tên làng Plây kênh thời Pháp thuộc mới được ghi trên giấy tờ hành chánh là Phum Soài (“soài” viết s). Phum là từ ngữ khmer có nghĩa là làng, cho thấy xuất xứ Khmer của làng này. Địa danh Phum soài, về sau, đã được đổi thành tên Việt là Châu Phong.

Trong số các tên làng kể trên, có lẫn lộn Mat Chruk là chữ Khmer chứ không phải chữ Chăm, có nghĩa là “mồm con heo,” do địa thế của làng này nằm ở một bên bờ sông Cửu Long đổ từ Nam Vang xuống, tẻ ra làm hai nhánh, khiến một bên bờ trông tựa như mồm con heo vậy. Mặc dầu người Chăm không ăn thịt heo, trong dân gian vẫn dùng tên gọi này. Sự lẫn lộn từ ngữ khmer vào tên gọi làng Chăm càng gọi thêm cho tôi sự tò mò tìm hiểu, để biết rằng đất Mat Chruk cũng như các làng Chăm khác tại đây ngày xưa là vùng đất Thủy Chân Lạp và từ “Mat Chruk” là địa danh đã sẵn có từ trước khi người Chăm đến định cư. Địa thế bảy làng Chăm kể trên không liền nhau, nhưng cùng nằm dọc theo hai bên bờ sông Cửu Long trải dài đến giáp giới với Kampuchea cho thấy đã được bố trí theo mục tiêu chiến lược phòng thủ, có tính toán và cân nhắc rõ rệt.

Vào thập niên 1940 thuộc Pháp, làng Koh Taboong về mặt hành chánh, được đặt dưới quyền cai trị của một Ban Hội tề như các làng xã khác, gồm đủ các chức việc. Tất cả đều là người Chăm ngoại trừ Chánh lục bộ chuyên trách bộ đời là một cụ già người Việt nhà ở đầu làng. Cố thân sinh tôi do là giáo viên làng, thực tế phải trở thành một nhân vật trung tâm được xóm làng đến nhờ thảo dùm từ các văn thư giao dịch với chánh quyền.

Sáu làng Chăm khác cũng ở vào tình trạng tương tự, đều thiếu người rành chữ Pháp và chữ Việt, nhưng điều nghịch lý là làng nào cũng thừa người có trình độ đào tạo về chữ A Rap và chữ Mã Lai.

HUỶNH ÁI TÔNG

Thêm một điều nghịch lý nữa, nhưng lần này lại là do nhà cầm quyền thuộc địa Pháp. Đó là việc bổ nhiệm vào năm 1943 một chức vụ lãnh đạo cộng đồng người Chăm tại bảy làng này với chức vụ Saykhol Islam, Chef des Malais. Saykhol Islam là một chức vụ lãnh đạo do nhà cầm quyền thuộc Anh đặt ra tại bang Trengganu, Malaysia, nay nhà cầm quyền thuộc địa Pháp mang áp dụng tại Châu Đốc, nhưng ghi là Chef des Malais, lờ đi không nhắc gì đến căn sắc Chăm cả. Sự thực, tại một khu vực mệnh danh là Mubarak của làng Châu Giang ở ngay tại bên phà từ tỉnh lỵ Châu Đốc ngó qua, có một tập thể gốc Mã Lai trong dân gian gọi là người Java Ku mà ngôn ngữ thường ngày không phải tiếng Chăm mà là tiếng Khmer trộn lẫn với tiếng Mã Lai. Cố Haji Tangkhaio Mat là người Java Ku này đã được bổ nhiệm làm Saykhol Islam đã được chọn trong số những người có sản nghiệp và có uy tín, trên nguyên tắc, có vai trò phối hợp các vị lãnh đạo Islam của từng làng Chăm gọi là Hakim điều hành cộng đồng, chuyên trách xử lý các tranh chấp về giáo lý Islam. Do cộng thêm ảnh hưởng từ Mã lai về khuôn mẫu hành đạo Islam thông qua các Tuôn là các thầy dạy kinh sách, có một thời gian nhiều thập niên, căn sắc Chăm của các làng Chăm bề ngoài bị lu mờ, tạo nên một khuynh hướng trong dân gian đa số ít học, chỉ muốn tự coi mình là người Mã Lai, nhất là trong giới phụ nữ trong chần áo, khăn đội đầu, mỗi mỗi đều cùng nhau hướng về Mã Lai, chạy theo thời trang để mua sắm.

Trong bối cảnh bề ngoài chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hoá Mã Lai, nặng về tôn giáo Islam như trên, tinh thần dân tộc Chăm ở đây vẫn còn rất mãnh liệt, nhưng âm thầm lặng lẽ trong dân gian. Qua sự tôn kính dành cho một vài nhân vật Chăm nổi danh với một số thành tích đôi khi được chuyển thành huyền thoại kỳ hấp dẫn trong một số tình huống mang tính phò trợ hoặc cứu nguy người dân. Sự tôn kính này được thể hiện ở sự đặc biệt chăm sóc bảo trì một vài nấm mồ gọi là Maqam chẳng hạn như ở Koh Taboong có Maqam Tôk Ahmad nằm ở vị trí bên ngoài sông cái Hậu giang cách xa làng này khoảng hai cây

VĂN HỌC MIỀN NAM

số, chỉ có dân cư Việt sống kế cận, được suy đoán có lẽ người Chăm trước có cư ngụ tại đây nhưng sau đó đã dời cư về vị trí hiện nay, để được bảo vệ an toàn trước thiên nhiên sông nước hơn.

Trong sinh hoạt dân gian, ngoài những buổi lễ nguyện tập thể ở giáo đường, nhiều đêm dưới ánh đèn dầu, bên cạnh khung quay sợi, hoặc một vài người lớn lặng lẽ đan vá lưới, trên nhà sàn, bọn trẻ thường tụ họp đến nghe các cụ già kể chuyện đời xưa rất thích hợp với khối óc dồi dào tưởng tượng của thời thơ trẻ. Không biết bao nhiêu lần, tôi đã theo dõi, với những tình tiết đầy sống động, câu chuyện ông vua say mê sắc đẹp mỹ nhân ra đốn cây krêk là cây thần thủ giữ nền tảng Nagar Chăm để rồi phải bị nước mất nhà tan. Hấp dẫn với nhiều pha gây căng nhứt là các đoạn mô tả thời chiến chinh phải bồng bế nhau trốn giặc cùng những trận chiến ác liệt làm nổi bật một số nhân vật anh hùng người Chăm, nhưng giặc đó là giặc nào thì người kể không bao giờ nói rõ.

Trong xóm, chỉ có một vài cụ già, khi được hỏi, mới trang trọng đưa ra cho xem những tờ giấy vàng xưa cũ có những dòng chữ nói là akhar tapuk, chữ Chăm cổ không còn thông dụng nữa, nhưng được cắt rất kỹ, hiểm thấy cho con cháu biết, vì hầu như đã trở thành một thời trang, con cháu chỉ được khuyến khích học kinh sách viết bằng chữ A Rập và chữ Javi Malayu.

Trong hành trình soi rọi cội nguồn dân tộc, tôi đã được các bô lão ngồi say sưa kể cho nghe những giai thoại bi thương còn được lưu truyền về cuộc dời cư lịch sử của người Chăm từ vùng Phan Rí (Ninh Thuận) dưới trào của một vị vua cuối cùng là Pô Chơ, không chịu nổi chánh sách đàn áp khắc nghiệt của Vua Yuôn là Minh Mạng nhà Nguyễn để sang lánh cư trên đất Kampuchea, buổi đầu xoay quanh vùng lầy tên là Kampong Cham, đa số tiếp tục nghề đánh cá vùng Biển Hồ, nguyên là nghề truyền thống của cha ông. Nghề truyền thống này không

HUYỀN ÁI TÔNG

còn điều kiện tồn tại trên mảnh đất quê hương cội nguồn Chăm ở miền Trung Việt Nam ngày nay nữa. Những thôn làng người Chăm ngày nay tại Ninh Thuận và Bình Thuận đều ở sâu vào vùng đất liền, xa bờ biển. nên đa số người dân chuyên về canh tác nông nghiệp hoặc chăn nuôi.

Có một chi tiết mà tôi được nghe lặp đi lặp lại nhiều lần là: “Ngày xưa, người Chăm mình có đất nước (tanuh ea) tên là Chămpa, người luôn gọi là Chiêm Thành.” Có cụ già còn xác định một cách thật thà, và được một vài cụ khác gục gặc đầu thích thú tán đồng với rất nhiều chân tình và tự hào, hẳn nhiên là bằng tiếng Chăm mẹ đẻ của tôi: “Thật ra, không phải Chiêm Thành đâu, mà là ‘Chiến thắng’ đó; người Chăm mình ngày trước đánh giặc giỏi lắm, đánh trận nào là thắng trận đó, nên gọi là ‘Chiến thắng’!”

Bọn trẻ nghe, đứa nào cũng lấy làm thích thú. Đến khi lớn khôn tìm hiểu, tôi mới biết lời khẳng định đó vốn sai lạc do nhiều tưởng tượng. Nhưng điều làm cho tôi xúc động khắc ghi mãi trong lòng và nghĩ ngợi miên man là sự tưởng tượng đó thực sự đã xuất phát từ tận đáy lòng, từ con tim, của những con người bản tánh chơn chất mộc mạc, đã cùng các đồng tộc trải qua bao giai đoạn thăng trầm của cuộc sống, nghĩ sao nói vậy về gốc nguồn cách xa của mình. Sau này, khi có điều kiện tiếp xúc và hội nhập vào xã hội bên ngoài, tôi càng thấy thấm thía hơn khi nhận ra đó là niềm tự hào hồn nhiên tiềm ẩn sâu đậm trong tận tim óc về bản sắc dân tộc Chăm của mình, và niềm tự hào đó là chung cho mọi người, cho toàn nhân loại, chứ không phải cho riêng một dân tộc với một trình độ văn minh nào.

Cuộc dời cư của người Chăm từ đất Kampuchea về đến đất Châu Đốc vốn là một cuộc hành trình gian nan đã được các nhà biên khảo Pháp ghi lại một phần trong lịch sử Vương quốc Khmer, cho thấy người Chăm dời cư sang đất Khmer bao gồm nhiều thành phần lãnh đạo, đã từng cầm quân chiến đấu, nên xoay sở tác động vào nội tình hoàng gia Khmer khi thắng khi

VĂN HỌC MIỀN NAM

bại. Đến năm 1782, một lãnh đạo Champa là Đon Set xua quân từ Thabaung Khmum tiến đánh kinh đô U-đong khiến Hoàng gia Khmer phải lánh chạy sang nước Xiêm, tạo điều kiện cho người Chăm thiết lập các khu định cư riêng biệt tại Phnom Penh, Chruy Chagwar là một cù lao nằm chắn ngang sông Mekong và Tonle Sap, tồn tại đến ngày nay. Nhưng sau đó Đon Set đã bị giết chết. Năm 1858, vua Khmer đóng đô ở U Đong lại bị người Chăm giết chết, khiến vua Hariraks điều quân đến Thabaung Khmum đánh phá giết hại, người Chăm phải nương nhau theo dòng sông Cửu Long thoát thân về phía Nam, xuống đến tận Mat Chruk tức Châu Giang trước còn thuộc lãnh thổ Khmer lúc đó đang bị quân Việt chiếm đóng. Sau đó không lâu, vẫn trong năm 1859, người Chăm ở Mat Chruk đã quay trở lại đất Kampuchea tổ chức di chuyển khá nhiều đồng tộc Chăm về sinh sống tại Mat Chruk, được hiểu là “đất lành, chim đậu,” người Chăm đã được triều đình Đại Việt chấp nhận cho định cư tại địa phương vùng giáp giới Kampuchea, giao bố trí thiết lập một số đồn lũy mang tính phòng thủ chiến lược, đúng như các vị trí thường ở các đầu vàm còn tồn tại đến ngày nay. Nhiều người Chăm đã được triều đình nhà Nguyễn tuyển dụng làm thân binh sẵn sàng vận dụng tài thao lược truyền thống của mình khi cần. Khi Thoại Ngọc Hầu khởi công đào kinh Vĩnh Tế chạy dài dọc theo biên giới Miên-Việt, trở ra đất Hà Tiên, người Chăm đã được huy động sung vào lực lượng bảo vệ an ninh tạo điều kiện cho dân phu có thể làm việc cực lực suốt ngày đêm, và họ đã chứng tỏ hoàn thành tốt nhiệm vụ trọng yếu này.

Vì làng Châu Giang nằm bên kia bờ Hậu giang đối diện với Châu Phú, tỉnh lý Châu Đốc, nên trong dân gian, người Việt còn gọi chung người Chăm ở đây, là “Chà Châu Giang.” Những người Chăm mưu sinh bằng nghề quẩy trên vai gói hàng vải tơ lụa đi bán dạo khắp cùng các nẻo đường vùng châu thổ sông Cửu Long cũng thường được dân gian gọi như vậy. Sự thực, tên gọi “Chà Châu Giang” không đúng, vì Châu Giang chỉ là tên một làng.

HUYỀN ÁI TÔNG

Tên gọi mang tính phổ biến và được chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong dân gian xưa nay là tên gọi “Chăm Châu Đốc” dân số trước năm 1975 được ghi nhận là 12.000 người, nay được cho biết đã tăng lên đến khoảng 20.000 người..

Vốn được tiếp xúc với nhà văn Bình Nguyên Lộc ở toà soạn Bách Khoa do anh Lê Ngô Châu làm chủ nhiệm, tôi đã có dịp trao đổi sôi nổi nhưng vô cùng hữu ích và lý thú về văn hoá, ngôn ngữ người Chăm, có đề cập đề tài “Chà Châu Giang” nhất là sau khi tôi có bài góp ý về quyển “Lột trần Việt ngữ” đã được xuất bản tiếp sau quyển “Nguồn gốc Mã Lai của Dân tộc Việt Nam.”

Nhân cuộc trao đổi trên, học giả Nguyễn Văn Hào vốn là tác giả quyển ký sự có giá trị biên khảo trung thực nói về chuyến viếng thăm vùng Thất Sơn Châu Đốc cũng đã dựa vào sử sách Việt, xác định một số người Chăm đã có mặt tại Châu Đốc bên cạnh người Việt trước khi nhóm người Chăm từ Nam Vang kéo xuống.

Vì chế độ xuất bản vào năm 1973 không cho phép tờ Bách Khoa Thời Đại đánh số xuất bản định kỳ và ngày tháng như thường lệ, nên không thể ghi nguồn các bài viết kể trên. Chỉ xin nhắc lại ở đây như là một kỷ niệm trong khung tản mạn biểu tỏ chút tâm tư của đề bài

Tài liệu tham khảo:

- Dohamide Web: namkyluctinh.org
- Dohamide Web: nguoicham.com

15) Đông Trình



Đông Trình Nguyễn Đình Trọng (1942-)

Đông Trình tên thật Nguyễn Đình Trọng, sinh ngày 4 tháng 12 năm 1942; quê gốc ở làng Nam Phúc (Đại Trạch), huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình; Tốt nghiệp Thủ khoa Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa Huế. Ông là một trong những nhà thơ có ảnh hưởng lớn trong phong trào văn nghệ phản kháng ở đô thị Miền Nam trước 1975.

Hiệu trưởng trường Phan Châu Trinh - Đà Nẵng.

Từ những năm 1957- 1958, ông khởi đầu bằng viết truyện ngắn trên các báo Gió Mới, Phổ Thông, Phụ Nữ Diễn Đàn, Văn Mới... Bắt đầu từ năm 1960, ông chuyên hẳn qua làm thơ và xuất hiện thường xuyên trên các nhật báo, tập san, tạp chí Đối Diện, Bách Khoa, Ý Thức, Văn, Điện Tín, Đại Dân Tộc, Thái Hoà, Đứng Dậy, Sinh Viên, Thế Hệ (Canada), Sứ Mệnh (Nhật Bản)... Ông là thành viên sáng lập hội Hồng Sơn, năm 1968, đổi thành nhóm Việt. Các thành viên nhóm Việt **gồm** có:Trần Hữu Lục, Trần Duy Phiên, Đông Trình, Tản Hoài Dạ Vũ, Lê Văn Ngăn, Nguyễn Phú Yên, Trường Sơn Ca (Tiêu Dao Bảo

HUYỀN ÁI TÔNG

Cự), Thái Ngọc San, Nguyễn Đông Nhật, Bửu Chi, Trần Phú Nhạc, Võ Quê.

Ông gia nhập Hội Nhà văn Việt Nam năm 1985.

- Giải thưởng Văn học thiếu nhi, Hội Nhà văn Việt Nam, 1992.
- Giải thưởng VHNT của Ủy ban Nhân dân Quảng Nam- Đà Nẵng, 1997.

Tác phẩm:

Khi mùa mưa bắt đầu (Thơ - 1967).

Lót ổ cho đại bác (Thơ - 1968).

Rừng dậy men mùa (Thơ - 1972).

Giữa vòng tay thân hữu (Tiểu luận - 1974).

Tên gọi mới của hạnh phúc (Thơ - 1982).

Từ chiếc tao đòi mẹ ru (Trường ca - 1986).

Lắm tấm hạt đậu (Thơ - 1990)

Những chiếc xe màu lửa (Thơ - 1992).

Rừng và Hoa (Tuyển thơ - 1993).

Trà dư tửu hậu (Tập bút - 1995).

Ngoài vô tận tìm kẻ xa lòng (Tản văn - Đà Nẵng, 1995).

Ném mật (Thơ - 1995).

Mất và tìm (Thơ - 1996).

Vườn đời lá vẫn xanh cây (Phê bình - Đà Nẵng 1996).

Khéo dư nước mắt (Tập văn 1997).

Khát thực Thơ (Tuyển thơ - 2003).

Giữa thực và mơ (Tuyển tập thơ thiếu nhi -Đà Nẵng, 2009).

Trích văn:

Ở đâu ngoài cát bụi

*Ngôi nhà tôi xoay về hướng bắc
Người chủ cũ không ưa mặt trời
Mùa này gió thốc tháo mù mịt thổi*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Gió - thật ra cũng có lúc ta cần
Nhưng ào ạt vào nhà tôi như chiều nay
Bạn không thể hình dung ra
sự khốc liệt của gió*

*Gió xoắn lấy tóc tôi
như người đàn ông giận vợ
Rồi chính ông ta
chứ không phải người đàn bà bị chồng đánh
vật vã kêu khóc*

*Gió
không đi một mình
Gió mang theo bụi đất lá khô và rác
Bụi - Gắn như trái đất trong bàn tay của gió
đã bị nghiền thành cám thành mặt cưa
Tất cả nắn tôi thành một người khác hẳn*

*Tôi ư? Không còn tôi
Không còn ai trong ngôi nhà này
nguyên hình dáng
Tôi ngồi hai bàn tay úp lên mặt
Bốn bề gió rít ghé hồn*

*Tôi vùng chạy ra khỏi ngôi nhà
Cũng chỉ còn đủ sức
Để mang một mình tôi chạy
Đi tìm một nơi trú ẩn khác*

*Ở đâu ngoài cát bụi
Khi chính tôi
từ cát bụi sinh ra?*

Nhạc Đòi

HUỖNH ÁI TÔNG

Tuổỉ ấu thơ tôi dù rất nghèo hạnh phúc
Nhưng âm thanh đời đã nuôi lớn bài ca
Trong ánh nắng chiều, dưới bóng tre đưa
Lời thiên nhiên cũng mềm như tiếng mẹ
Những chú dế mèn hòa âm rất khẽ
Khiến con nhện buồn chùng cả đường tơ
Tôi nằm trong nôi mắt khép rất hờ
Mẹ vỗ bàn tay đều như nhịp phách
Và lũ côn trùng hẹn nhau trong đất
Có đàn kiến vàng tiếp gạo nuôi quân
Con mồi cánh dài trùn kín gót chân
Và anh ve sầu là người nhạc trưởng
Tôi nằm trong nôi nghe mùa chuyển hướng
Thời gian đi theo tiếng hát muôn loài:
Giọng rất cao là anh chìa vôi
Giọng lừng lợ là anh chiến chiến
Con dế con giun giữ phần nhạc đệm
Con oanh con yến tấu khúc xuân vui
Con quạ con diều kêu tiếng ngậm ngùi
Con cú cầm canh buồn như dẫu lặng...

Trời cho đôi mắt để nhìn ánh sang
Trời cho đôi tai để nhận âm thanh
Giữa bản nhạc đời tôi đã lớn lên
Lời mẹ ngọt như tiếng đàn thứ nhất

Òi quê hương ta có bao giờ mất
Bởi chung quanh đây còn vọng tiếng ca
ở trong tim người tiếng quốc thiết tha
Qua bốn ngàn năm vẫn còn nhỏ máu
Tôi đã lớn lên hồn mơ tiếng sáo
Gỏi tình bay theo giọng hát Trương Chi
Nhưng bóng thuyền say trong chén ngọc lưu ly
Đã vỡ tan vì một dòng nước mắt
Quê hương ta có những cây đàn biết khóc
Chỉ một dây mà năm đủ cung buồn

VĂN HỌC MIỀN NAM

Dưới ngón tay người bão nổi mưa tuôn
Mỗi cái láy là một dòng lệ thấm
Mỗi cái vuốt là một mùa đông xám
Mỗi cái rung làm vỡ một vùng trăng
Có cái gì dội lại mấy ngàn năm
Trên dây tơ đồng hay trong bầu gỗ quý?

Có những bản đàn phỏ lòng thế kỷ
Trong hoàng hôn đã nghe rõ tiếng bình minh
Qua những cung buồn nhạc đã bay lên
Theo nhịp bước anh hùng dựng nước
Nốt nhạc cao sáng ngời ánh thép
Lướt qua đầu thù ngọt những đường gươm
Nốt nhạc sắc là mũi nhọn tầm – vông
Nốt nhạc tươi là màu cờ chiến thắng
Nốt nhạc hùng là trăm ngọn song
Là cây Trường - sơn đứng thẳng muôn đời
Điệp khúc chung là bốn mùa vui
Mỗi chiếc lá reo là một bàn tay vỗ
Ôi quê hương ta có cái gì rất lạ
Trong nỗi đau thương mà rất đổi anh hùng
Có nỗi vui riêng cười tằm lòng chung
Như tiếng đàn cầm hòa trong tiếng sắt...

Tôi đã lớn lên mang theo tiếng hát
Lời mẹ ru là khúc nhạc dạo đầu
Mỗi âm thanh đã rót xuống rất sâu
Trong tiềm thức một người ba mươi tuổi
Bỗng hôm nay các em lên tiếng gọi
Lời rất êm mà quá đổi thiết tha
Tôi nhìn các em trong tấm áo đơn sơ
Màu xanh của trời và màu nâu của đất
Tiếng hát trên môi niềm tin trong mắt
Các em lên đường chân sáo tung tăng
Mặt trời trên đầu, bóng tối sau lưng
Tiếng hát các em là điếm báo hiệu...

HUỲNH ÁI TÔNG

*Các em uơm mầm cho cây đời đang héo
Gầy ngọn lửa hồng giữa bóng tối tàn đông
Tiếng hát các em nổi những tấm lòng...*

Đà Nẵng, 28.12.1973

(Trích Bách Khoa Giai Phẩm Số tháng 2.1974)

Tài liệu tham khảo:

- Đông Trình Web: voque.org
- Đông Trình Web: nguyenhuuhongminh.com

16) Đông Xuyên



Đông Xuyên Nguyễn Gia Trụ (1906-1994)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Nhà văn Đông Xuyên tên thật là Nguyễn Gia Trụ, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1906, trong một gia đình dòng dõi nhà Nho tại làng Đông Ngạc (làng Vẽ), phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội).

Thuở nhỏ, ông học chữ Hán, năm 16 tuổi mới chuyển sang học Quốc ngữ và tiếng Pháp. Học đến năm thứ ba hệ trung học phổ thông, thì ông đến Hải Phòng, vừa đi làm vừa học thêm (1927).

Năm 1929, ông thi đỗ thư ký Thương chính (Quan thuế) Hải Phòng, bắt đầu cuộc đời công chức ở đây.

Đông Xuyên bắt đầu làm thơ từ năm 19 tuổi (1925). Năm 1930, ông có thơ đăng trên *An Nam tạp chí*, và đã được thi sĩ Tấn Đà khen ngợi. Kể từ đó, thơ ông lần lượt được đăng trên các báo, như *Phụ nữ tân văn*, *Văn học tập san*, *Bách khoa*, *Sinh lực*, *Văn đàn*, *Phổ thông*, *Văn hóa nguyệt san*...

Năm 1931, ông được chuyển chuyên đi Bạch Hạc, Việt Trì, rồi sau nữa đổi về Hà Nội.

Năm 1954, ông di cư vào Nam, tiếp tục làm ở Nha Quan thuế cho tới khi về hưu tại Sài Gòn.

Quảng đời của ông sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, không rõ.

Tác phẩm:

- *Máy vần thơ* (1936).
- *Thuyền thơ* (Nguyễn Hiến Lê, 1958).
- *Gió nồm* (gồm thơ và thơ dịch, in ronéo tặng thân hữu).
- *Bến chiều*
- *Tuyển tập thơ Hán Việt* (thơ dịch)

Ông còn dịch gần 40 truyện Liêu trai chí dị của Bồ Tùng Linh.

Trích thơ:

Nhớ Lương Sơn

*Từ bữa anh về xuôi,
Âm thâm tôi với tôi.
Tình đời ngậy mặt nước,
Tin bạn ngóng chân trời...
Trà sớm thơ ngậm lạnh,
Đèn khuya râu mọc dài.
Súng rền, năm sắp hết,
Sông núi rộn lòng ai!
(Thuyền thơ)*

60 tuổi tự đề

*Tên bay vùn vụt...tháng ngày trôi...
Bấm đốt, niên hoa sáu chục rồi.
Đất nước chia đôi, trang sử đọc,
Mái đầu bạc nửa, bóng gương soi.
Dành cho xã hội con mười đưa,
Góp với thi lâm bút một ngòi.
Thời thế nhường này, thân thế ấy,
Vui? buồn? nhấp chén, hỏi hoa mai.
Xuân Ất Ty (1965)*

Nguyễn Hiến Lê là bạn của Đông Xuyên, đã viết về ông như sau:

Đông Xuyên thấp, gầy, mắt sáng, chậm chạp, vẽ mặt khắc khổ, bận chiếc áo dài thâm vào thì ai cũng bảo là thầy đồ; tính tình nghiêm cẩn, hơi câu nệ, sống rất giản dị, ít đọc sách, ít giao du, chỉ mê làm thơ mà thơ ông cũng rất cổ.

Ông có nhược điểm là rất ghét phong trào thơ mới thời tiền chiến, không chịu đọc một nhà nào cả. Ông ưa dùng thể thơ

VĂN HỌC MIỀN NAM

luật, thỉnh thoảng có làm thơ lục bát hay song thất lục bát. Thơ ông chính, có nhạc, bài nào cũng xen cảnh vào tình, nhưng thiếu bề sâu, thiếu ý mới. Đặc biệt là dùng điển, ít dùng chữ Hán, rất có giọng Việt. Tình cảm của ông chỉ hiện phơn phớt, như được tiết chế theo đạo Nho rồi.

Đông Xuyên với Giản Chi quen nhau từ hồi trẻ, tuổi xấp xỉ nhau. Ông cổ điển mà Giản Chi thì lãng mạn. Giản Chi phê bình thơ ông như sau: "Anh say sưa cảnh đẹp thiên nhiên và thường nặng lòng trước những mảnh đời ngang trái. Đọc thơ anh người ta thấy phảng phất cái tài bộ của một Vương Ma Cật (Vương Duy) và dào dạt một đồng tình của một Bạch Lạc Thiên (Bạch Cư Dị)".

Đông Xuyên là sản phẩm cuối cùng của đạo Nho ở Việt Nam. Không thể còn một người nữa như ông

Tài liệu tham khảo:

- Đông Xuyên Web: vi.wikipedia.org

17) Đinh Hoàng Sa



Đinh Hoàng Sa Đinh Văn Quý (1939-1991)

Đinh Hoàng Sa tên thật Đinh Văn Quý, sinh năm 1939 tại Quảng Nam; cựu giáo sư trường Trần Quốc Tuấn Quảng Ngãi,

HUYỀN ÁI TÔNG

mất tại Sài Gòn năm 1991, thọ 52 tuổi.

Tác phẩm:

- *Vùng Trú Ẩn Hoang Đường* (thơ, Ngưỡng Cửa 1968)

Trích thơ:

Hương Cỏ

*Trong tâm tôi nẻo đường hầm khúc khuỷu
Dần loanh quanh vào vực thẳm hư vô
Đã linh cảm mơ hồ sương lạnh lẽo
Con ưu tư hoa phù thế băng quơ
Mắt giun để mượn âm thầm nhắm lại
Đưa bàn tay cúi múc xám xanh này
Mặc chúa tể loài côn trùng hư hoại
Dần vào phiên đoán xử một trò chơi
Nổi ghê tởm như một loài họa phẩm
Làn hương thơm hoen ố vị tanh hôi
Tóc xanh thẫm bóng thấy mùi mốc ảm
Nụ hoa đầu úng héo giữa cành tươi
Còn một chút ngọt ngào trong đáy cốc
Dem nhúng vào ao nước đục bùn nâu
Cho trọn vẹn một cánh bèo cô độc
Ném vào thêm bi đát cả mai sau
Nhưng khôn nổi chút gì vô nghĩa đó
Chẳng hiền ngoan thân phận của loài rêu
Cũng xao xuyên vì một mùi hương cỏ
Lòng biển sâu cuộn cuộn sóng dâng triều
Dù con lóc của ma quyền sắp dậy
Xin hãy cho nguồn rung cảm lưu đầy
Được thôn thức no nê và run rẩy
Thú đau thương vắng mặt đã lâu ngày
Còn một chút máu hồng trong huyết quản
Cũng nguyện xin tô điểm ánh sao này*

VĂN HỌC MIỀN NAM
Cũng May

Cũng may giòng nước trôi đi
Ngàn sau còn luyến lưu gì bờ đâu
Cũng may thời khắc thay màu
Ngân ngơ tiếc nuối loài sâu cuộc đời
Cũng may xuân mộng qua rồi
Nhưng mùa trăng lạnh bụi ngùi ngóng trông
Cũng may tàn úa ngàn bông
Trần gian ngậm thoáng trong lòng sắc hương
Cũng may chim đã lên đường
Rừng thu hình ảnh còn vương bóng chiều
Cũng may còn cũng mấy nhiều
Vỡ tan khắc khoải niềm yêu hận sầu
Đắng cay đón hận về sau
Ráng mà thực tế xô nhào lâu thơ

Bài Đính Hôn

Giã từ con nước bình yên
Vui thân kiêu hãnh thanh niên miệt mài
Xo ro thân ngựa lạc loài
Lui miền thạch động u hoài lãng du
Hoang mang từng bước trong mù
Bến lau hiu quạnh vi vu điệu buồn
Vời sâu mây khói chấp chùng
Còn mong viễn tưởng xanh nguồn yên vui
Vượt biên cương cũng bụi ngùi
Tìm khe suối ngọt hãy vùi thương đau
Nhàn du thôi vẫy tay chào
Vòng giây trời buộc trước sau một lần
Tẻ vui thực phẩm đường trần
Đến phiên đành nhận khẩu phần nguôi ngoai

(Đynch hoàng Sa)

HUYỀN ÁI TÔNG
Tổng Tiễn
gửi Luân Hoán

*dù sẽ vượt đèo hay qua sông
trước sau cũng một chuyến đau long
mười năm há chữa sâu trùng mắt
chờ đến bao giờ lắng đục trong ?*

*dù sẽ đi tàu hay đi xe
băn khoăn gì nữa chuyện bên lề
bao đêm gác tối ngòi thao thức
những dẫu than như ác mộng đê*

*dù sẽ đi thuyền hay phi cơ
luyến lưu gì một góc vườn xơ
dây cần, gió chướng, cành khô nhựa
tàn lụi hồn, thân, mộng với thơ*

*dù đi bằng ngựa hay xe bò
quảng phút lông tre sáo líu lo
sá chi nổi nhớ treo đầu gió
bương bả rừng hoa nở tự do*

*dù đi đường bộ hay đường mòn
hãy sớm lia xa cảnh héo hon
dẫu biết thiên đường đâu để có
còn hơn đấng cổ ngậm bồ hòn*

*dù đi ban ngày hay giữa đêm
kẻ sống cần hy vọng trước tiên
đừng ray rút mồ cha mà mẹ
chắc chi người chết được nằm yên*

*dù đủ hai chân hay một chân
khua tràn nhịp gổ hóa phân vân*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*ngán gì chuyện thiếu bàn chân trái
còn óc, còn tay, còn tâm can*

*như ta nguyên vẹn cả chân tay
ngoi góp không ra khỏi vũng lầy
giá được như người vùi khuất nẻo
cũng cam thân phận kẻ lưu đày*

*tổng tiến mà sao cùng lặng câm
mỗi người riêng nổi xuyên xao thảm ?
người nhìn vớ vẩn lòng nan hẹp
ta ngắm chim bay tũn cát lằm*

*lẽ ra cùng cạn chén ly bôi
theo cách người xưa cũng vẽ vờ
nhưng tiếc rằng người không mạnh rượu
thì thôi lòng cũng ngắt ngư rồi*

(Đỳnh Hoàng Sa).

Tài liệu tham khảo:

- Đỳnh Hoàng Sa Web: luanhoan.net

18) Hồ Minh Dũng



Hồ Minh Dũng (1942-)

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà văn Hồ Minh Dũng sinh năm 1942 tại Huế. Khởi sự viết văn từ năm 1964. Tốt nghiệp Trường Bộ Binh Thủ Đức khóa 23 năm 1967.

Ra Trường, lăn lộn các chiến trường vào sanh ra tử, cuối cùng về làm Phụ tá Trưởng Phòng Tâm Lý Chiến Sư Đoàn 1 Bộ Binh, ở vùng địa đầu hỏa tuyến.

Sau 6, 7 năm học tập cải tạo, từ năm 1993 định cư tại Hoa Kỳ, trước tiên sang California, sau chuyển tới Atlanta, Georgia.

Tác phẩm:

- *Câu Nam Ai Thất Lạc* (truyện, Văn Mới 1997)
- *Hoa Vạn Hạt Cuối Mùa*
- *Một Mình Em Đến Giữa Đồi*

Trích văn:

Mặt Trời Qua Đỉnh Thiêng

1.

Cuối cùng rồi cũng không ai vô công rồi việc để ý đến đời tư ông Vĩnh Ly. Đời ông, xét về mặt đại sự, chẳng có gì đáng nói, chỉ có một điều ông khác người là có số đào hoa. Đường chỉ ở những đầu ngón bàn tay trái của ông có hình xoắn ốc, tận cùng trung tâm lại xòe ra một hoa thụy nhiều cánh, ở ngón tay cái có đường vân tay ấy trở ra một nhánh, tựa như móc câu. Người thầy tướng số có thể vin vào đó mà biết được đường tình hạnh thông hay trắc trở, bế tắc hay có lối thoát. Riêng cái vành tai dày và dài tai dài của ông, thêm vào đó cái chóp mũi nằm ngạo nghễ trên đỉnh nhân trung lúc nào cũng ửng đỏ, đã biết phủ tạng ông bẩm sinh đã cường tráng, yêu người, yêu đời, trái tim không ngừng chan hòa với ngoại cảnh.

Đời, đối với ông Vĩnh Ly, thật đơn giản. Không buồn, không

VĂN HỌC MIỀN NAM

vui, không dài, không ngắn. Tất cả đều vừa phải. Sự thừa, thiếu là do lòng dạ con người nghĩ ra. Nước cạn mà chờ thuyền lớn, núi trọc làm sao lót ổ cho đại bàng nằm, đời người như gửi thì tiếc chi thân cù mọc mà gây khó dễ cho phận cát bìm leo.

Ngay cái ngày triều đại nhà Nguyễn sập đổ không kèn không trống, ông cũng không lấy gì làm buồn. Chẳng những không chia sẻ nỗi đau tưởng chừng như trời long đất lở ấy, ông còn ra đồng thả diều, cánh diều chao liêng vô tận giữa thanh không vơi vơi ấy đưa ông về một cõi khác, đơn sơ hào hiệp hơn. Mộng lòng mới chớm, biết gửi nơi đâu, ngoài một khoảng trời đầy mây và cánh đồng phiêu du mượt mà cỏ non. Cha mẹ ông đứng dưới lũy tre làng nhìn thẳng con vô tích sự rong chơi. Cha cất tiếng gọi: "Con oi, về nhà. Cả một cơ đồ đổ, mai đây tay lấm chân bùn, con vui chi mà ham chơi?" Mẹ nói: "Về đi con, gia biến quốc vong rồi, không sướng ích chi mô". Cái ngày đại tang ấy, lăng đặng đi qua đời ông, không phải người dung nước lũ, ông cũng quần một vành tang trên đầu, nhưng mảnh khăn ấy chít thêm một vài nụ hoa. Tạo hóa sinh ra, ông là một người tình cảm, giàu tưởng tượng, mà tưởng tượng ngay trên nỗi đau khổ của chính mình.

Ông có một người bạn vong niên, ở cùng xóm, học cùng trường, chơi thân với nhau từ lúc ấu thời. Lớn lên, không biết vì sao bạn nường thân chốn thiền lâm. Bạn xa rời trần tục lúc còn để chỏm. Những hôm trời quang theo cha vào ngôi trên bờ tịch điền ở Tây Lộc, nghe tiếng chuông chùa thánh thót nơi bạn ở vọng ra. Chao ôi, bạn gửi gắm vào đó biết bao nhiêu lời. Tu là cõi phúc tình là dây oan. Chiếc chiếu đời dọn toàn mâm phạm phụ tục tũ. Cốt lõi đời như sông sâu biển cả khó dò. Tình đời đen mà phận người mỏng, mạo hợp tâm ly. Cuối cùng, như cây lạc diệp từng chờ cho đến mùa đông rụng lá để kiến mới đùn lấp.

Có hôm bạn đầu trọc nhẵn thín, mặc quần áo cà sa rộng thùng thình, tay nắm chặt cành mẫu đơn, ra thăm ông tận mấy mẫu

HUỖNH ÁI TÔNG

ruộng riêng của nhà vua này. Ruộng đang mùa trở đòng đòng. Bông lúa nàg hương thơm ngát. Đã bao đời rồi, từ những hạt thóc mà cha nàg Từ Dũ đã lặn lội về phương Nam xa xôi mang ra đây để bữa ăn hoàng thượng thêm phần mặn mòi, nay vẫn còn xanh.

Từ đầu xa, bạn đã cất tiếng gọi:

“Cổ tri ơi, còn nhớ bần tặg chặg?”

Quý thần ơi, thặg bạn mới ngày nào còn đánh bi, đánh đáo, cùng nhau bắt bướm hái hoa, cởi áo quần chạy lòng ngòng đuỏi chuồn chuồn cho cấn vào rốn để biết bơi. Mới ngày nào ông đá vào đít nó, bắt nó cặg ông trên vai làm tướng quân đi hái hoa lau trên đỏi tạm gọi là đỏi Hoa Lư...

Thế mà bây giờ, sao lạ vậy cả. Thế gian thay trắng đỏi đen quả thậ không sai.

“Bần tặg xin lỗi sự đường đột này nhế, cổ tri còn nhớ ta không?”

“Nhớ, sao quên. Mà y là thặg Trần Môn, bạn tao.”

“Phải. Môn đây, nhưng bây giờ đem thân vào chốn trầm hương kinh kệ, không nên kêu tao mà y. Xưa khác, nay khác rồi.”

“Ừ, ừ, xưa khác nay khác, biết thế. Nhưng tình bạn hết rồi sao?”

Chú tiều nhìn gió thổi ruộng lúa dắy lên từng vòng, ánh mặt trời rải xuống, hất lên, làm rực sáng những lá thiên tuế bên vệ đường. Nói:

“Không hết. Tình còn, bần tặg mới đến đây thăm nhau.”

“Vậy thì xin mời về nhà. Đây là chốn ruộng nương sợ không vui.”

“Bần tăng đã tu, sao dám tìm đến chỗ vui. Ra thăm cố tri, trước thỏa lòng mong ngóng. Đức chí tôn đại từ bi trước khi ngồi dưới lá bồ đề rụng tâm tã, cũng có những bạn hiền vọc nước giỡn trăng bên bờ sông Hằng Hà. Buổi gặp nhau đây có một lời mạo muội thêm là, những con hình nhân kia sao không phân biệt đàn ông hay đàn bà?”

Ông Vĩnh Ly cười:

“Đã gọi là bù nhìn, cần chi phải có giống. Đó là cha tôi làm đề hù chim.”

“Chim chóc cũng là kiếp sinh linh, biết đâu kiếp trước cũng là người, sao lại nhẫn tâm hù?”

“Nếu không sẽ bị tội phạm thượng. Có khi cha tôi bị đuổi về. Bạn đã biết, tôi dòng tôn thất, việc vun đắp ngai vàng, không giống người thường.”

Đã đến lúc chú tiểu gỡ đầu, nét mặt thắp thoáng một nét buồn:

“Sợ chim ăn bót thóc của nhà vua sao?”

“Không phải, chim muông là giống vong ân, không nên để chúng lảng vảng đến gần, có khi ia đá lên lúa không chừng.”

“Chuyện của đời thì bần tăng không dám xía vào. Ngặt vì, chùa bần tăng nương thân gần đây, sau giờ hương khói kinh kệ cũng ra nhìn trời nhìn đất cho lòng hội nhập tinh hoa, những hình bù nhìn cũng trong tầm nhìn, bần tăng cần phải phân biệt, để tránh hậu họa về sau.”

Ngày đó, ông Vĩnh Ly đã mười sáu tuổi, trong giấc mộng ban

HUYỀN ÁI TÔNG

đầu đã thấy mình đứng trước đám tóc lũ con gái trong xóm kết lại thành một chiếc võng ru ông vào miền đất phiêu bồng mù mịt không lối ra. Tâm hồn bạn trong hơn ông nhiều.

Cha ông lại kết những con bù nhìn thuộc về giai cấp phong lưu. Những gì có dính dấp tới triều đại phải ngời ngời ánh hoa đăng. Cha ông dù là mang dòng máu càn cảnh vàng lá ngọc, nhưng cũng chỉ một cái đầu dính trên cổ, không thể liệu cho đám hình nhân ấy mặc rách rưới như ông kẻ hay ông ăn mày mà người thường làm. Chẳng những không rách rưới mà còn phải chít khăn là áo lượt, chân đi hia, tay cầm gậy trúc bệ vệ như vị võ quan đang đứng điều quân giữa trận mạc. Bạn quyết tâm xa lánh chốn bụi hồng đưa ra điều kiện khó thay!

2

Khi hết thời, không được nối nghiệp ông cha coi tịch điền thì về làm dân. Bao nhiêu vàng bạc châu báu cha ông để lại không để gì ăn tiêu hết. Vĩnh Ly kéo dài cái vinh quang của tiền nhân và chia sẻ hào phóng cho những cuộc tình của mình.

Vốn dòng họ mà gia phả đã đúc bằng vàng khắc câu vạn đại dung thân, lại có học, ngoài cái chóp mũi có hơi ửng đỏ, ông không có một khuyết tật nào khác. Một mẫu đàn ông như vậy chán chi vợ.

Cổ nội, ông nội, cha ông đã nhiều vợ rồi, ông còn nhiều hơn. Để cho bà con thân tộc dễ nhớ, ông đặt những người vợ ấy bằng những cái tên đã ăn sâu vào tiềm thức mọi người: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Rồi bắt đầu lại Tý-em, Sửu-em, vân vân... Nếu bà nào thích cái thú văn chương thì cứ việc thêm giáp, át, bính, đinh, canh, thân, mậu, kỷ vào trước. Bà Giáp Tý, cô Bính Dần, chị hay cô Bính-Dần-em cũng thế thống như ai. Thời buổi mà thiên hạ xầm xì ngoài ngõ là nữ kinh đã tảo địa rồi, nhưng ông Vĩnh

VĂN HỌC MIỀN NAM

Ly trí gia được lớp lang, đề huề như thế không phải ai cũng làm được.

Mười bốn người vợ của ông trừ bà chánh thất ra, cũng đúc mười ba thiên tình sử, trước khi người đàn bà về làm vợ, ông cũng gieo vào ở đâu đó một cuộc tình đây, cố tạo ra những mộng ước xa xôi, những choáng váng dập dềnh, có khi nâng hình bóng kia lên ở một nơi cao vòi vọi mà kẻ tầm thường không với tới. Tình yêu đâu phải vật thể lồ lộ trước mắt, có thể sờ mó tới mà là một làn khói thấp thoáng mờ hồ chân trời góc bể. Đàn bà, theo định nghĩa của ông: đem cái hư ảo phủ lên một lớp, như sơn phấn và nước hoa. Như một cái đĩa phủ đầy chuôm gai. Như vườn thượng uyển chẳng chịt hoa cỏ, nở tâm nào dẫm chân lên. Tình yêu, đâu phải đứng xa là hạt kim cương, đứng gần là giọt nước mắt? Đối với ông, ngược lại, lúc gần, mới chạm được cái ngũ sắc cầu vồng, hào quang long lanh tinh kỳ của nó. Biết bao nhiêu cuộc tình đã đến rồi ở lại luôn, trong đời ông.

Trước khi nhắm mắt lia đời, người mẹ gọi riêng ông vào lâm sàng, trối: "Con thấy cái gương cha con trước mắt, đa mang thêm lụy thân, mẹ cũng vì những cái rìa ấy mà lòng không yên suốt đời".

Xin lỗi vong hồn mẹ, không phải lời vàng ngọc mẹ lúc lâm chung nước đổ lá môn, nhưng trái tim mẹ sinh ra cho con đây có nhiều ngăn, nhiều học quá, dồn chứa mãi không vừa. Chỉ một lần ông khấn trên mộ mẹ như thế, rồi quên.

Bà Nguyệt Cầm là một tiểu thư đài các, cháu mấy đời của quan phụ chánh đại thần Trần Tiến Thành, vừa đúng tuổi trăng rằm, từ phủ vương hầu, bước lên xe tứ mã kết đầy hoa tứ thời lồng lộng tía đỏ trắng vàng về làm vợ ông. Đó là người vợ đầu tiên cha mẹ cưới cho để giữ nếp gia phong thế giá. Lòng bà Nguyệt Cầm cũng sáng như trăng sao, từ khi tóc mới chớm ngang vai, lời từ mẫu đã vẳng bên tai, đàn ông ba thiếp bảy thê, đàn bà

HUỶNH ÁI TÔNG

chung thủy một bề nuôi con. Cụ đại thần nhà ta bảy mươi tuổi còn mời cả hàng trăm quan lại đương triều đến ném chén rượu vu qui, nhìn chú rết chống gậy lòng chan hòa nghĩa khí bước chậm chạp theo sau cô dâu. Người xưa đã thế, nên khi biết chồng có mười cái hoa thủy nằm ấp ủ giữa những vân xoắn ốc của mười đầu ngón tay, bà nói: ”Thiếp không phải là hoa thái, hương thừa, chẳng qua sợi xích thừng buộc chân mà ngọc ẩn bóng cây tùng, chẳng đờng vì cái lũ quạ mỏ diều tha mà quên nghĩa nặng tào kang.”

Ngày ấy tâm hồn ông còn thênh thang như mây bay, tiếc chi lời thề vàng đá:

“Quân tử u hự đã đau. Nàng chỉ nói thế, lòng ta đã thắm.”

Và không bao giờ ông có mới nói cũ. Ông không bạc tình coi bà như chén cơm nguội phòng khi đói lòng.

Như đã nói trên, mười ba người vợ nối tiếp trong đời ông Vĩnh Ly đều có một trang lịch sử riêng. Người vợ thứ hai của ông, bà Át Sửu, không ai khác hơn là cô Bùi Thị Thôi, người mà bà Nguyệt Cầm đem theo khi về nhà chồng để đỡ đàn công việc và chị em có nhau lúc tối lửa tắt đèn.

Không ngờ, một ngày kia. Thôi trèo lên cây bưởi hái mấy trái cho bà chủ xơi, vừa bị kiến vàng cắn, vừa bị gai xóc. Kiến và gai lại cắn xóc vào một nơi mà ngày xưa mẹ cho lũ chuồn chuồn kim cắn vào để biết bơi qua sông rạch. Ngồi dưới gốc cây, cô khóc thút thít như bị oan ức. Phát ra lời ai oán giữa trời đất mênh mông:

“Tụi bây đoán hậu như ri, tao ghét nhất!”

“Thế thì ghét ai nhì?”

Cô giật mình ngó lui thấy ông chủ Vĩnh Ly đã đứng từ bao giờ.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Chao ôi, con gái vô duyên, dám vén áo lên mà gãi rốn giữa thanh thiên bạch nhật. Chiếc rốn của đứa con gái lúc dậy thì mà Vĩnh Ly thấy được buổi chiều nắng quái hôm đó là vực thẳm. Bên dưới vực, thường là miền đất trù phú thiên nhiên ưu đãi, chỗ những loài cây nở hoa thơm mà không có ong bướm nào dám đến gần. Vực thẳm còn âm vang vọng dội lên vô vàn âm giai lẫn lộn giữa chốn thiên đàng và địa ngục. Lại còn vùng đất ở chung quanh vực thẳm ấy, bừng ửng lên một thứ ánh sáng diệu kỳ trà trộn giữa mặt trăng và mặt trời. Lần đầu tiên trong đời, cô như đứng trong giàn hỏa thiêu, khói lửa mịt mù. Đôi mắt của ông ấy chiều nay quái đản.

“Nhìn gì cháu mà dữ thế, ông?”

“Ta muốn Thôi coi ta là kẻ được ghét thứ nhì.”

“Không, cháu không dám!”

Cô gái ở nhà quê thật thà, cha mẹ mất sớm, được nhà quan đem về nuôi, làm sao hiểu được câu nói đầy ngụ ý của ông chủ đa tình. Ông ngồi xuống cạnh cô, phân trần:

“Thôi cứ coi ta như kiến như gai thì ta vui hơn. A, Thôi ơi, biết đời nào mà ta được vinh hạnh đó hè.”

“Trời đất, rằng ông lại ví von rứa được. Cháu không hiểu.”

“Thế kiến và gai làm tổn thương Thôi có nhiều không? Cho ta đếm coi bao nhiêu vết.”

“Làm chi rứa ông, bà thấy được, cháu biết nói làm răng?”

Bỗng bất ngờ ông cầm lấy tay cô gái, giọng đượm buồn, như sắp khóc:

“Bà ấy đi chợ rồi. Thôi ơi, sao chiếc rốn của em kỳ cục thế,

HUYỀN ÁI TÔNG

biết đến đời nào ta mới quên. Cây bưởi này do ta vun xới, không ngờ hại em. Em bị bao nhiêu vết, vén áo lên, anh hôn bấy nhiêu lần. Em tha cho sự đột ngột này, chính ta cũng không ngờ, nói ra những lời này với em, tận đáy lòng.”

Phận hẩm hiu, tưởng chừng như số phận dắt mình vào con đường hoang vắng suốt đời, ngờ đâu Thôi có những lời đường mật ấy rót vào tai. Tiếng người sao nghe tựa như gió se sẽ lay qua cành đào, thánh thót hơn cả giọt mưa thu rơi bên hiên, đầm ấm hơn cả tiếng chim gọi nhau về tổ. Và ngọn gió chiều nay không ngừng mang hương thơm phả ngập vào mái tóc cô, má môi và cả thân hình cô không bỏ sót một chỗ nào, cơn gió chướng ấy chẳng mấy lúc trở thành bão táp đưa cô bay lên một nơi lạ lẫm chưa từng biết đến, cho đến khi mở mắt ra, nhạt nhòa trong màn lệ, thì tấm thân cô đã nằm trần truồng trên những lá bưởi khô...

Ngay buổi sáng hôm sau, Thôi chạy ra chợ Bao Vinh, mua chín miếng trầu đã tằm sẵn về đặt lên đĩa, mặc bộ quần áo đẹp nhất mà Nguyệt Cầm mới may cho khi theo nàng về nhà chồng, để lên mâm, mang đặt trước mặt nàng, thưa:

“Bà ơi, cháu mang tội với bà rồi!”

Nguyệt Cầm trở mắt ngạc nhiên:

“Tội với tình chi đây?”

“Cháu lấy chồng!”

“Lấy chồng? Lấy khi mô mà tao không biết? Ai?”

Thôi xúc động không nói được, vận dụng trí não một hồi lâu mới chỉ được tay trở lên bức hình bán thân của ông Vĩnh Ly treo trên tường. Nguyệt Cầm thở dài, nước mắt ràn rụa:

“Thôi, biết mô rứa mà chị em mình ở với nhau lâu.”

Chín tháng mười một ngày sau, Thôi đẻ. Đứa con trưởng của Vĩnh Ly chào đời không cất tiếng khóc oe oe như những đứa khác. Cô mẹ miệt vườn nở nụ cười tươi như đóa hải đường báo tin cho ông: “Điềm lành đây anh, thằng bé này lớn lên coi trời như ngọn rau má”. Ly trông thấy cô mẹ trẻ trung, duyên dáng, má lại lúm đồng tiền, khoe mắt đưa tình y như nàng Tiểu Kiều đất Đông Ngộ tả trong sách Tàu, liền buông câu: “Thế em, chần chờ chi mà không đúc cho riêng mình một khối tinh hoa như thế?” Cô mẹ lượn lờ vòng quanh lưỡi câu: “Phận em hèn, có ai thèm để ý?” Ly khôn ranh: “Đời con gái không nên tầm bấn đục. Cái thân mượt mà của em đáng giá ngàn vàng phải ngâm mình ngọc ngà trong dòng nước trong.” Cô mẹ càng tinh khôn hơn: “Ai mà không muốn như rứa, dòng nước trong đó là anh đây phải không?”

Chẳng bao lâu sau, Vĩnh Ly hẹn cô mẹ ấy ở ngã ba Ngoạ Giàn Xay, cô đi xe kéo, chàng đi ngựa. Hai người vào quán bên đường ăn bánh bèo, uống nước chè xanh no nê, rồi cả hai lên ngựa, phóng qua những đồi núi bạt ngàn.

Con ngựa lông màu cánh cam, bờm phơn phớt tím in vó mình xuống những miền hoang vu. Con đường nó chạy gập ghềnh khúc khuỷu hơn qua những khu ruộng lúa ở Tây Lộc nhiều, sức nặng trên lưng gập bội nhưng không làm nó chột dạ, bởi vì nó nghĩ đến một sự đền ơn, na ná như sự hoài mong tối thượng của con người, được qua tầu con ngựa cái.

Vòng quanh triền núi Ngự Bình, vô chùa Trà Am, lên Từ Hiếu, vội vàng ghé qua đền tế trời Nam Giao, để mắt lướt nhìn cảnh giang sơn cẩm tú trên đồi Vọng Cảnh, quay về rừng trầm nghi ngút hương thơm Dương Xuân, rồi cột ngựa, ngồi nghỉ chân dưới gốc thông già ngập phấn vàng bên lăng Tự Đức. Vĩnh Ly nói:

HUYỀN ÁI TÔNG

“Em thấy không, anh đưa em đến động hoa vàng.”

Cô gái hai mươi tuổi đời chỉ bó mình quanh quần trong vòng sinh nặng đẻ đau, đem tấm lòng của mình trang trải cho những em bé chào đời, nay choáng ngợp trước cảnh sắc bao la, gục đầu vào ngực chàng, thổn thức:

“Anh chở em đi mô, nhồi lên nhồi xuống, mệt đừ!”

Cũng một bài bản cố hữu như ngày trước chiếm đoạt nàng Thôi, Ly nói càng thiết tha hơn:

“Thôi để anh bù lại cho em. Ở kia, phần thông rơi xuống ngực em nhiều, ngứa lắm. Phần này độc hơn phần hoa vòng đồng, không chừng hai vú em sưng vù lên.”

“Răng không phải cho em, nè nhẹ tay kéo em nhột nghe.” Cô gái nói trong hơi thở.

Thế là suốt buổi chiều, và cả đêm hôm ấy, hai người sống trần trọc bên nhau, giữa màn trời chiếu đất. Hai bà Giáp Tý và Ất Sửu không biết chồng đi đâu, đốt đuốc chia nhau đi khắp những nhà quen biết hỏi thăm không thấy. Sáng tờ mờ hôm sau mới thấy ông chồng quần áo lấm lem, mặt mày ngơ ngác cỡi ngựa về. Cuộc tình của người vợ được mang tên Bình Dân đến với ông như thế. Thử hỏi trên đời này có mấy ai được một mối tình đầy ngoạn mục như ông.

3

Một ngày đẹp trời, ông Vĩnh Ly ngồi trong căn nhà cổ kính nhìn đàn cá lia thia lượn vòng quanh trong chậu thì nghe tiếng chó sủa ngoài cổng. Đứa bé giúp việc vào báo tin cho ông, đại đức Thích Hoài Ân đến thăm.

Vị đại đức này không ai khác hơn là người bạn vong niên Trần

VĂN HỌC MIỀN NAM

Môn ngày nào. Từ ngày giao trả những thừa tịch điền lại cho dân thường, ông không còn nghe được tiếng chuông, tiếng mõ trong chùa mà bạn ông đã phát nguyện chôn chặt cả một thời trai trẻ. Bao nhiêu tháng ngày chùng chắt, bây giờ tóc trên đầu ông đã muối tiêu. Bạn, nếu không xuống tóc thì cũng thế thôi. Gặp nhau lần này, bạn không còn gọi xưng bần tăng, cố tri như ngày xưa, mà lại tao mày như hồi còn thơ ấu.

Đại đức Hoài Ân mở màn:

“Cứ gọi nhau như xưa, vui hơn. Mười mấy năm nay không gặp mày, tao cũng nhớ. Thế nào, mày sống ngoài trần có gì lạ?”

“Không buồn, không vui, sàng sàng thôi. Còn mày? Rũ được bụi rác không cho dính vào thân, chắc thanh thân?”

Bạn nở nụ cười mệt mỏi:

”Con thuyền bát nhã chòng chành, mái chèo tao lỏng, sóng gió ba đào lại dữ dội, tự xét mình không tới được bên phúc. Tao đến đây, báo cho mày biết, chỉ nay mai thôi, tao sẽ ra khỏi chùa.”

“Mày nói chơi hay nói thiệt?”

“Nhờ lượng từ bi của đức Phật chí tôn, tao vái xin cho tóc trên đầu được mọc lại, sao dám đem ra làm chuyện chơi. Thấy đời mày đùm đê vợ con mà yên vui trong cảnh thư nhàn, câu tu tâm vẫn còn ý nghĩa. Thôi, đừng nhắc chi đến tu hay không tu. Ngày rằm này, tao nhờ mày đến đón tao về nhà. Tóm tắt là như thế.”

Ông Vĩnh Ly cảm kích:

“Bạn cần chuyện chi, tôi cũng chiều theo. Ở lại đây ăn với tôi

HUYỀN ÁI TÔNG

bữa cơm. Con vợ Mậu Ngọ của tôi nấu cơm chay không thua gì các ni cô.”

“Chợ Bao Vinh độ này còn bán mực tươi, sứa biển không? Lâu quá tao thèm một đĩa mực xào với khóm, một chén sứa trộn dưa leo, chấm với ruốc trộn ớt tỏi.”

“Yên chí, chợ còn đông thì không thiếu món gì.”

Sau bữa ăn, Trần Môn bồn chồn hỏi bạn:

“Bóng xế chiều đã đuổi sau lưng tao, liệu khi về có 'móng' nào ngó ngang không?”

Ông Vĩnh Ly soi thấu tim gan bạn, an ủi:

“Còn nước còn tát, nôi nào úp vung nấy, chớ lo toan.”

Khi tiễn đưa ra cổng, bạn còn quay lui, hỏi ông; khẩu khí lại vương vít mùi quạnh quẽ trong chốn thiền đường:

“Cổ tri còn giữ lại con bù nhìn ngày xưa hù chim trong tịch điền không? Bàn tăng này vẫn thấy hình bóng chúng canh cánh bên lòng!”

“Trời đất, ngai vàng còn đồ được, lương đồng triều đình còn ra tro, huống chi mấy con bù nhìn đứng bên bờ ruộng.” Độ ấy xa nhau, chờ mãi không thấy bạn nhắn tin đến đón về đời, ông Vĩnh Ly đích thân đến chùa hỏi, sự cụ chủ trì cho biết vị cụ đại đức tính khí thất thường, trong một đêm khuya, xách khăn gói, nương theo ánh trăng hạ tuần về thế tục rồi. Chẳng biết bạn xiêu lạc phương nào, lòng ông đau như kim châm. Dừng chân chốc lát dưới bóng thiên tuế, nhìn mấy thửa ruộng ngày xưa, lúa nàng hương đang thời trở đòng, vô số loài chim, dường như chim én, lượn vòng chung quanh.

Thơ:

Nhớ Bạn Hành Quân

*Bạn còn nhớ vàng
trăng lên
bên này đồi Ái Tử
dưới kia bãi lầy nhái
bén kêu
đời thủy sinh sống
được mấy ngày
vận nước nổi trôi ngàn
năm mấy buổi?*

*

*Đứng với nhau một vài
lần
dưới thân mít quả đơm
sát gốc
lặng tai nghe ngọn
sóng mát mùa
rất cổ quạ kêu mịt mù
mặt đất
tử sinh không biết đâu
lần mò
sờ soạng tìm nhau
ngày sắp tắt
nhớ ơi, bước chân
Trảo Trảo về
cứu được ngai vàng -
lưỡi gươm dính máu
nợ đòi, mấy chủ, qua
truông cát
bới năm xương khô vái*

HUỶNH ÁI TÔNG

*bốn bề
từ đó mình xa nhau
được mấy năm thì mất
nước
bạn phiêu dạt phương
nào
còn sống, còn nghe lời
Trảo Trảo
đêm khuya nhái bèn
kêu vang trời*

Nhớ Thành Nội

*Tám cửa thành một mình em đứng đợi,
Nhìn trời cao nhớ một thuở mây về.
Em với đá mâm tiệc này uống cạn,
Giọt sương chua lệ đắng đã bao đời.
Đêm nội thành một mình em xoắn tóc,
Thương câu Nam ai thất lạc bên đường.
Yếm đào phơi em bỏ quên ngoài giậu,
Cho trăm khuya trắng nhớ lá trong vườn.
Cây sù chết hạc một đời bay mất,
Gió vô tâm chiều ghé vội quanh hồ.
Rêu còn xanh dấu hài xưa đã mốc,
Lộng tàn che sao ám cõi đi về.
Đêm nguyệt cầm mây cùng em chải tóc,
Soi tình quên đài gương lược bên thềm.
Sống từng ngày cố về thăm chân núi,
Cho ngàn sau em chiếc bóng vô thường.
Cho ngàn sau em chiếc bóng vô thương.*

Nguyễn Vy Khanh viết về Hồ Minh Dũng và những nhà văn sau này:

Hồ Minh Dũng, Trần Hoài Thu, Kinh Dương Vương, Trần

VĂN HỌC MIỀN NAM

Doãn Nho, và gần đây, Lâm Chương,... những người "trẻ" ngày nào, đã viết lên những thảm kịch của đất nước, những trang chữ cấu trúc với vật liệu lấy từ cuộc đời họ và từ giòng sinh mệnh nghiệt ngã của dân tộc. Người đọc hy vọng họ sẽ không thu hẹp trong vũ trụ và quá khứ riêng của họ, hy vọng họ sẽ không bị rơi vào ảo tưởng của quá khứ, của tương đối, của đòn thù và bất mãn! Chúng tôi nghĩ có mở-ra, có hướng-về, văn chương mới sẽ có lối thoát, ít ra văn chương sẽ phổ quát và nhân loại hơn!

Tài liệu tham khảo:

- Hồ Minh Dũng Web: banvannghe.com
- Thơ Hồ Minh Dũng Web: poem.tkaraoke.com

19) Nguyễn Thị Hoàng



Nguyễn Thị Hoàng (1939-)

HUYỀN ÁI TÔNG

Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng sinh ngày 11.12.1939 tại Huế, nguyên quán ở Quảng Điền, Triệu Đại, quận Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Theo học trường Đồng Khánh.

Năm 1957, theo gia đình vào Nha Trang, do thân sinh của nhà văn là ông Nguyễn Văn Hoàng, Trưởng Ty Tiểu Học Nha Trang.

Theo Thụy Vi có đăng bài *Bà nữ văn sĩ Nguyễn Thị Hoàng* trên Web Bạn Văn Nghệ, khi đó Nguyễn Thị Hoàng học Trung học tư thực Võ Tánh, nơi đây đã xảy ra chuyện tình cảm giữa ông Cung Giũ Nguyên, giáo sư Pháp Văn của Trường có vợ, không con, chuyện được dàn xếp êm thấm, giữa những người lớn, ông Nguyễn Hữu Thứ Chánh Án Nha Trang, nguyên giáo sư Trường Khải Định (Quốc Học) Huế, và gia đình đôi bên đều là những người có chức phận, đồng hương, nhưng trên hết do chính nhân phát biểu trung thực:

- Ông Cung Giũ Nguyên không có lỗi trong vụ này. Lỗi là do tôi dụ dỗ ông ta khi theo học thêm lớp Pháp Văn tại nhà, vì tôi muốn có một đứa con thông minh xuất chúng như ông ấy!

Năm 1960 vào Sài Gòn theo học Đại học Văn khoa và Luật; bỏ dở, đi làm, dạy học ở Đà Lạt, trong thời gian này Nguyễn Thị Hoàng khởi đăng truyện *Vòng Tay Học Trò* với bút hiệu Hoàng Đông Phương trên tạp chí Bách Khoa, sau đó trên tạp chí Văn.

Năm 1966, tác phẩm *Vòng Tay Học Trò* được ấn hành, Nguyễn Thị Hoàng bỏ nghề dạy học, rời Đà Lạt, về Sài Gòn chuyên sống với nghiệp văn, viết tiểu thuyết xuất bản trên 30 quyển trước năm 1975.

Năm 1970, Nguyễn Thị Hoàng về sống ở Long Xuyên chừng một năm, rồi trở lại sinh sống ở Sài Gòn.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Bà lập gia đình với ông Nguyễn Phúc Bửu Sum, họ có 5 người con. Chủ trương nhà xuất bản Đông Phương.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Thị Hoàng bị kẹt lại, chỉ học tập ngắn hạn tại địa phương.

Năm 1990, xuất bản *Nhật ký của im lặng* và *Là người yêu của Đấng Trời* còn nhiều quyển khác chưa xuất bản. Từ đó im lặng.

Cho đến năm 2007, có bài đăng trên Tạp chí Văn hoá Phật giáo số Xuân Mậu Tý Về thơ của Thái Kim Lan, Tiến sĩ người Huế, giáo sư triết học tại Đại học Tổng hợp Ludwig – Maximilian, Munich, Đức, một nhân sĩ Phật Giáo yêu nước.

Tác phẩm:

- *Vòng tay học trò* (1966)
- *Về Trong Swong Mù*
- *Một Ngày Rời Thôi*
- *Vực Nước Mắt*
- *Chờ Đến Khi Chiều Xuống*
- *Tuần Trăng Mật Màu Xanh*
- *Cuộc Tình Trong Ngục Thất*
- *Bóng lá hồn hoa*
-

Trích văn:

Nghĩ từ thơ Thái Kim Lan

1.

Như tiếng rơi từng giọt của vô thức, và tiếng đồng vọng đáp lại trong vũ trụ thu nhỏ từ đời kiếp nào hồn nhiên, phần trích vô tỉ lệ của một huyền không mặc tịnh.

HUỶNH ÁI TÔNG

Như con chim chân tu không bao giờ nếm thịt, như hoa tuyết băng trinh không bao giờ điểm trang, chân thiện và kỳ mỹ thường hằng trong tạng thức, cho đến ngày lộ diện tươi cười, khi tia sáng mặt trời chân thể phản chiếu dịu dàng trong sấm chớp hào quang xúc động từ giao cảm tương ưng.

Mỗi một nhân vật rực rỡ nồng nàn cá tính trong ngoại giới vô tận ấy, chính là một li ti bụi hồng của hàng-triệu-một-tôi-đánh thức. Nên cũng chẳng cần một đồng cảm giữa vật giới và tâm giới, mà chính là nhau, cuộc giao hưởng hoà âm những tuyệt thể, dưới đũa thần nhạc trưởng tình yêu khoáng đại.

Xa nhà từ bao lâu? Đã từ lúc sinh ra nơi Cõi Khô này, nhưng như vừa mới từ biệt quê nhà xa vời tít tắp trên cao để về đây, để xuống đây, nên mãi hoài xa lạ, trong thân cận. Vì, cái cảm giác lạnh lẽo nhuốm khắp châu thân, đắm cùng hồn tính từ đây, chỉ ấm áp yên vui khi bắt gặp thoáng qua chút bóng dáng hư huyền mà yêu dấu của chân trời cũ. Cho nên ta yêu người vô cùng tận, mà chỉ trong chớp mắt duy nhất trước khi ta và người mất hút trượt qua nhau.

Cái khoảnh khắc vô tận ấy âm vang suốt những kiếp phù du tại thế, nhưng kỳ thực, chẳng có gì, chẳng là gì trong tâm thể hoàn không, vì ta phải sống cùng một-xung-quan quá thấp lùn hạ giới.

Tất cả vội vã, lướt trôi, thoáng qua, bằng tốc độ không khí, bằng thanh âm ánh sáng, vì ta đang rảo bước về nhà. Cái Cõi Gốc tưởng hàng triệu năm mới đến, mà kỳ thực, đang mở cửa, giang tay đón đợi trong chính tự thể chôn vùi, dưới sắc bóng phù hoa khoác mặt.

Trở về, về đến nơi, khi ta nghe tiếng mình gọi mình, kẻ lạ mà

người thân bên trong Uẩn Thức thâm u. Gói đầu lên Chân Thể, như trên chiếc lông chim, như trên cánh bông hoa. Nghe mùa

VĂN HỌC MIỀN NAM

trở lại theo giọt mưa đầu tiên giống giả hồi chuông chùa trên Hải Đăng Biển Lớn. Ai nghe ra tiếng chuông từ Huyền Không ấy thì nghe lắng được, yêu mến được, chan chứa được cùng ta, chút xúc động dẫn khởi để yêu thương đích thực được Con Người trong Bào Thai Vũ Trụ cuu mang nó.

2.

Đừng hòng tìm thấy nơi thơ Thái Kim Lan những vần điệu du dương cô điển, hay những chữ nghĩa gồ ghề của cái gọi là đương đại. Nên, không có gì cho những phê bình, nhận định, khen chê, trong và ngoài thơ. Chỉ là những góp nhặt, hoặc ngược lại, trang trải, những nỗi niềm xúc động hồn nhiên của một thân phận, không chỉ về mình, mà về kẻ khác, những thể loại và tầng giới khác, khi đi qua chính cuộc đời mình.

Vì thế, thơ Thái Kim Lan ít mà nhiều. Ít về những gì được góp nhặt để trang trải. Mà nhiều vì mỗi một hình ảnh, âm thanh từ ý tưởng, chất chứa và kêu gọi quá nhiều cảm nhận, về những sự việc, những tính cách, những ký hiệu được tâm giới hoá quanh cõi tạm bình thường này. Ai muốn nhận ra cái nhiều ấy, phải đi xuyên qua Triết và Đạo để đến cùng. Không phải Triết Đạo đóng vánh trong tàng thư hay cô kinh, mà phân chuyển hoá kết tinh, như máu sau thức ăn, với một liều lượng đủ phóng hoá Về Đẹp và Nguồn Yêu khởi thực thể nó.

Văn chương bác học hay văn chương bình dân chỉ khác nhau về ngôn từ hay phương thức diễn đạt, nhưng vẫn đồng nhất về một diễn cảm, khi, từ một ẩn dụ, một biểu tượng từ ngoại giới khúc xạ hay phản chiếu được nội tâm, vẫn là tín hiệu phát sáng được phương hướng và tính cách nhân vật. Nên, có thể rất thâm sâu trong lời giản dị, mà cũng có thể rất bình thường quen thuộc, từ những nguyên lý, định đề.

Nên, phải xuyên qua phía tươi sáng hồn nhiên để truy nguyên uẩn khúc, hay ném vỡ giọt nước mắt, để cảm nhận được nguồn

HUỶNH ÁI TÔNG

vui. Cái phức-thể này ần náu rải rác trong thơ Thái Kim Lan, đúng hơn là trong hồi ức một cuộc đời cuốn theo dòng nước nhưng luôn luôn tìm kiếm nhìn ngắm lại mình qua những mảnh thời gian rạn vỡ long lanh.

Chưa đi, đã muốn về. Chưa xa, đã thấy nhớ. Đó là tình Huế, của người xa xứ đêm đầu tiên (“Gặp gỡ”).

Nơi dải phân cách ngôn ngữ giữa hai nền văn hoá Đông và Tây, giữa tĩnh và động của đời và đạo, cô bé trẻ thơ mãi hoài thơ trẻ hồn nhiên, vì khởi nguồn từ Vô Tánh (“Nói với người bạn Đức”).

Mưa, phận người rơi xuống trần gian. Trần trụi, đơn độc, thiếu vắng tinh thần, hơi ấm, cảm thông. Trên tất cả là cảm giác thiếu một áp ôm, vỗ về, che chở, từ một đoàn viên, không đơn giản chỉ là gia đình, người thân, mà với một ai đó chính là mình không bao giờ có dấu tìm kiếm trăm vòng trái đất, hay đã có rồi mà chưa theo về kịp trong hiện kiếp vẫn phải...chèo queo (“Mưa sáng ở xứ người”).

Nên đếm từng ngày cơn lạnh không cùng tận của đơn độc, cái khắc thời gian li ti trong vô số kiếp một hành trình chuyển hoá.

Cái nhìn màu hồng tím phản chiếu tịch dương trong con mắt cực kỳ hội hoạ, phác thảo từng sợi bong bóng hay lông tơ mượt mà trên áo choàng vũ điệu bay lên nền trời nhuộm thắm ánh trần gian (“Xuân sớm”, “Mùa xuân”). Còn nhìn xuyên qua cái thấy, đối ảnh long lanh của sáng tối mất còn, là vẫn nhận ra chút Không Thể thơ ngây mộng lung trong giới hạn chập chùng này. Mãi mãi xanh non, mãi mãi trẻ thơ, bất chấp biên hiện quen mòn của Sáng Tối.

Có em bé mồ côi quê hương, ngồi đầu đó bên bờ đời lưu lạc,

VĂN HỌC MIỀN NAM

nhìn ra Cõi Vắng Con Người, nhìn trái đất quay, thách đố thời gian bằng tri cảm cội nguồn xuân xanh mình bất tận.

Mùa xuân đâu chỉ trong bốn mùa lập lại trần gian. Mà cuộc sinh khởi bàng hoàng, chấn động vang rền vẫn chỉ trong sấm chớp vô tình, sau chuyên nghiệp. (Khi chạm phải chữ này trên bản thảo thơ đọc lướt, đã muốn nói Kim Lan đổi chuyên nghiệp thành chuyển kiếp. Bởi theo chứng nghiệm, nghiệp không thể chuyển, mà ra khỏi nó, phóng thích khỏi nó bằng tiêu diệt được nguồn cơn nghiệp khởi.) Nó không ngoài ta. Nó không trong ta. Nó chính là ta. Nên tất cả trần ngập trong mỗi một, đã trở thành thiên tịnh, mà cũng chính là vũ điệu.

Vũ điệu vô tướng nơi đôi chân. Sóng gió hồn nhiên bên bờ tóc. Cái ta dòn dã tươi cười lao phóng về phía trước, trên những con đường cao tốc hồi sinh.

Thế nhưng thức tỉnh nào cũng còn vương âm ba của mộng, thế giới hư thực hoà hợp thu nhỏ vào tín hiệu, biểu tượng tĩnh-động-sinh-thể là cuộc giao thoa dịu dàng giữa tâm và cảnh giải thoát (“Buổi sáng bên hồ”). Từ đó, cái nhìn khúc xạ trong thiên nhiên vẽ đẹp thuần khiết, an tịnh, nét quyến rũ thiêng liêng thâm lặng của sự sống tằm đằm hào quang từ sắc bóng chuyển hoá. Đức Phật, con chim, nụ cười, vạn giới hoá sinh làm một trở về Nguồn Cội.

Nhưng khi mưa về, mùa ẩm, cõi người ta, những góc tranh nảo nùng thao thức ngoài đời cũng còn làm ta xao xuyến, chạnh lòng (“Hạ mùa”), nổi chạnh lòng của người tình-nữ lẽ loi. Đôi khi buông thả xúc động tự tìm kiếm trong đối cảnh vẽ đẹp rung rung, như ánh cười trong mắt, nhận ra mình chỉ còn mình (“Mùa hè”).

Tàn ngần nuôi tiếc vẻ đẹp héo tàn nơi thực thể, nhưng niềm yêu như cơn mưa trở về, đẫm ướt, thấm đượm hồn không, mãi mãi.

HUYỀN ÁI TÔNG

Một khúc phim nào xưa, Gregory Peck thả trái bóng lăn trên đường, khi quyết định vượt dãy Pyrenée về nhà thăm mẹ. Khúc phim này của Thái Kim Lan, thả ngọn lá đỏ bay trở lại bầu trời xanh, cảm hiểu được, cũng đủ cùng nhau qua bên kia bờ, mỗi một và nhiều hơn (“Tiết thu”).

Dẫu mỗi một hay muôn ngàn ca vịnh, cũng chỉ là bay biến với đời cho đủ món (“Ca vịnh”). Quanh co, rồi cũng đến lúc phải chần động vì cuộc phục sinh tuyệt vời kỳ ảo, trong vóc dáng và tính tướng người-đẹp-đàn-bà, đúng hơn là femme-enfant (“Tuyệt đầu tiên”). Có lẽ, tình yêu gõ cửa bên ngoài, đầu đó, hay trong góc tối riêng tư chưa khám phá.

Trên tất cả qua thơ Thái Kim Lan là âm hưởng mệnh mang, với vợ của một lòng yêu chứa chan với thân phận người (“Người ta tìm thấy em bị giết”), với bạn bè thế giới (“Việt tình”), với bà con (“Viết cho những người bà con di tản”), với một người đàn ông (“Thư không bao giờ gửi”), với mẹ (“Tóc sâu của mẹ”), với chị (“Tưởng nhớ chị”), ngộ nghĩnh cho con (“Cho bé Tường Nhi”), với cả gáo nước mưa trong khi trở về nhà sau năm tháng tha phương. Lòng yêu ấy không tan nguội, nhập cùng khí thể, nên chiêu niệm hay lặng cảm, vẫn êm đềm theo hơi thở khổ vui.

Nhưng tình yêu lại không giống như lòng yêu ấy. Nó chớp sáng bất ngờ trong khoảng tối, trong rỗng không, trong chán chường mệt mỏi, trong chao đảo cuồng điên mọi gánh nặng miệt mài cuộc sống vây quanh. Cái chớp sáng biến trở thành sức hút, đủ nhận ra nhau, đủ nhận lấy nhau, và thế là...hoà diệm sơn phun lửa. Không chỉ là một đoạn phim, mà một thiên sử, đủ dệt nên chăn nệm ấp ấm một đời yêu. Sau hoà diệm sơn vẫn chỉ là phun xuất thạch. Rồi tro than. Điều còn lại, là niềm hoang vu tịch mịch không cùng tận mỗi lần không phải nhớ lại, mà nhìn thấy toàn thể màn ảnh thắm lặng ấy thoáng hiện trong không. Chẳng có gì mất. Chỉ là đã có, mà không còn. Ta không còn Em. Bởi vì, ta cũng chẳng còn Ta. Không còn Em lúc ấy

và không còn Ta lúc ấy. Chỉ vậy thôi (“Thiền luận về một câu chuyện tình”).

3.

Thôi không nói chuyện nghiệp hay chuyển kiếp. Mà chỉ là chuyện. Chuyện thể (như chuyện thể tiểu thuyết thành kịch bản phim, ở cái thời điện ảnh tung hoành này). Chuyện một Etre thành Néant, trong nghĩa hiện hữu trong hư vô hay trong hư vô có hiện hữu. Chỉ là một cách nói, hoặc nói đùa. Đúng điều muốn nói là chuyện tình qua Đạo. Đạo không hư vô. Đạo không hiện hữu. Mà Đạo trong hiện hữu, không cùng tận trong mỗi giới hạn, như vũ trụ cu rư mang nuôi dưỡng lấy con người.

Cuộc đời cứ trôi, người cứ theo dòng, mọi thứ tưởng như còn chông chắt ngổn ngang trong cõi sống xung quanh. Nhưng không còn níu giữ được, không còn tác hại được, không còn ràng buộc được, bởi vì ta ra khỏi, đúng hơn là lên khỏi, những vôi độc của thường luân dưới những triền sông.

Chỉ một chuyển niệm, một xoay mình, ngồi xuống xếp chân, khoan hoà hít, thở. Thế giới cũ tiêu tan, thế giới mới sáng ngời rộng mở. Một ngụm trà xanh, để tuần hoàn điệu sống luân lưu, để bình an cõi bờ tâm thể. Uống, ngoài đời, vì khát. Uống, trong thiền, vì hết khát. Hết luôn cả cái khát nhưc nhối cuồng điên nhất là khát Ái năm xưa (“Trở về với thiền”).

Với Thái Kim Lan, ở cây số đường đời này, ngồi xuống chỉ để đứng lên, để còn quay mòng mòng nhịp điệu trần gian.

Bà Ackermann cho là tác giả, căng thẳng giữa hai đầu thế giới, trong lời dẫn tập thơ Lạnh hơn xứ mình của Thái Kim Lan. Có lẽ không một ai hơn bà ấy về việc xuyên qua (Triết, còn Đạo?) để đến với một trường hợp độc đáo.

HUYỀN ÁI TÔNG

Nhưng, như trong một góc vườn rừng nào đó, người đang viết có chút cảm nhận khác về Thái Kim Lan. Không hẳn luôn luôn tác giả Lạnh hơn xứ mình bị căng thẳng giữa hai áp lực, níu kéo hay gọi mời, mà căng thẳng vì chính tự do chọn lựa của mình. Cái căng thẳng này thường trực đôi khi, vì những chèn ép, xô đẩy gay gắt của bờ bên này làm cho ý thức sáng tĩnh quyết liệt dứt lia để qua bờ bên kia, nhưng bên kia lại từ chối những điều kiện khoác mặc ngoài thân một hoá trang bóng ảnh vì đời. Từ đó chọn lựa ở lại bên này phố thị phồn hoa hay đoạn diệt tất cả để về bên kia bờ chỉ còn vắng lặng vườn rừng vắng hoe lạnh ngắt. Đó mới là nơi Lạnh hơn xứ mình. Nên không thể, chưa thể.

Mỗi cuộc phóng vút chỉ là vòng chao lượn thể nghiệm để lại trở về với Ta trước, cộng sinh Ta sau lòng lộng mây trời. Từ ấy, không gian sáng ngời rạng rỡ, thời gian không lập lại, mà mỗi ngày một mới, mời mọc ân cần. Nên không đoạn mà chuyển. Chẳng phải chuyển bây giờ, mà từ ngàn muôn năm trước. Chuyển mà cóc cần lay bởi thể tính đã là không khí.

Đường đi xa nhất của kẻ hành hương là lối về ngôi chùa tịch mịch bên trong mình. Quét hết lá vàng khô, lau chùi hết bụi bặm, gõ tiếng chuông phóng sinh cái Ta lặn đận nghìn muôn năm cũ bên bờ này, bay về bờ bên kia chỉ với một chớp mắt bàng hoàng nhận ra bóng ảnh mình đậm nét trong không.

Thái Kim Lan đã có khi căng thẳng giữa đôi bờ, đã có khi níu giữ bên này, rồi chao lượn bên kia.

Nghiệp cứ chuyển, mà kiếp thì chưa, nên không phân vân gì nữa bên kia hay bên này bờ.

Hãy là cầu nối giữa Đây và Kia, giữa Chư Qua và Đến Bờ. Để không còn lạnh, cũng chẳng còn lạnh hơn. Vì, cứ xúc động chứa chan. Cứ tri cảm tuôn tràn. Nhưng không gì xúc nhiễm

được vòm cao lồng lộng giữa hai bờ, đã bên trên, cách xa dòng nước chảy.

12.2007

(Nguồn: Tạp chí Văn hoá Phật giáo số Xuân Mậu Tý)

Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng trả lời nhà báo Tố Tâm

...

Thơ chưa in thành tập, nhưng rải rác có đăng báo. Khởi đầu năm 1960 ở Bách Khoa và từ 1961-1962 thì ở tạp chí Văn. Nhưng khi những chương đầu tiên của Vòng Tay Học Trò được in ở Bách Khoa thì tiểu thuyết là chính, thơ chỉ còn là tô điểm thêm...

Từ năm 1966 đến 1969, mình viết liên tục theo những “đơn đặt hàng”. Trong thời gian này mình viết rất nhanh, có khi viết hai, ba truyện cùng một lúc...rồi thì lại buồn chán, mệt mỏi, kiệt sức và mất hoàn toàn tinh thần làm việc vì trong suốt những năm dài liên tục mình chỉ sống với bốn phận làm vợ, làm mẹ và gánh vác kinh tế gia đình. Cái nguồn sống riêng phải nín lại, bị khô héo đi. Sau một chuyến đi xa vào năm 1970 mình lấy lại được hứng khởi và phần không nhỏ cũng vì năm đứa con, một đòi hỏi lớn về kinh tế gia đình nên phải tiếp tục viết...Do đó mà chưa có quyển nào coi như được viết từ tim óc của mình. Những cuốn đã xuất bản : Về Trong Sương Mù, Một Ngày Rồi Thôi, Vực Nước Mắt, Cho Đến Khi Chiều Xuống, Tuần Trăng Mật Màu Xanh, Cuộc Tình Trong Ngục Thất vv...

Do chế độ kiểm duyệt, vấn đề gia đình, vấn đề dư luận nên mình không thể toả hết con người thật trong khi viết nhưng cũng đã ít nhiều gởi gắm được vài nét về cái suy nghĩ riêng tư. Có vài cuốn mình ưa thích như : Tuần Trăng Mật Màu Xanh, Cuộc Tình Trong Ngục Thất ...

HUYỀN ÁI TÔNG

Đã sáng tạo thì phải có xúc động, tất nhiên xúc động của mỗi người khác nhau và việc thể hiện cái xúc động đó cũng ở mức độ khác nhau. Xúc động của người viết lấy từ đâu ? Phần đông có lẽ từ một chuyện tình mà ra, nhưng cũng có thể từ một rung cảm nào đó. Còn phần sáng tạo từ xúc động đó cao hay thấp, ngã theo chiều hướng nào là tùy theo thực thể đối tượng.

Truyện mình viết thường là truyện tình bé tắc và đi xuống. Trong đó những vai nữ bao giờ cũng khát khao đi tìm một đời sống thật của mình, nghĩa là tìm kiếm chính mình. Những nhân vật nữ lang thang bất định, xa rời với phận sự gia đình. Chất liệu lấy từ những năm bất ổn lênh đênh trong cuộc đời đã qua của mình, đôi khi được ráp nối với những câu chuyện thời sự, cộng với một phần tưởng tượng, phóng tác, vẽ vời...rồi ráp thành chuyện. Không biết bên đàn ông thì sao, chứ cánh đàn bà thường mắc phải cái này là có những nét của nhân vật hoặc chính, hoặc phụ, thế nào cũng hắt bóng cá tính thói quen, đường nét và vóc dáng của tác giả. Riêng về Vòng Tay Học Trò, nếu bảo đó là thực thì cũng không hẳn là thực mà bảo là không thực thì...cũng chẳng phải là thế. Dư luận trộn lẫn tiêu thuyết của mình với đời sống thật. Cũng vì thế mà có những tiếng ác ý lao xao về đời sống của mình. Cho nên chỉ có cách là...phải thân nhiên.

Nhà văn không phải là một danh từ để tôn xưng mà trong ý nghĩa là mình có thể làm công việc của một người dùng chữ nghĩa để phiên dịch ra với cuộc đời này mọi nét, mọi biểu tượng trên sự sống mà người khác không đọc được nhưng mình đọc ra, giống như đọc một mật mã hay một giòng cổ tự nào đấy khắc trên đá. Nhà văn đã thể hiện bằng tâm tình, bằng ý tưởng, bằng xúc động và cuối cùng là bằng chữ nghĩa cái nỗi niềm mà kẻ khác cũng cảm thấy như thế hoặc đã sống qua như thế nhưng không tỏ lộ được.

(trích từ tạp chí Đất Mới, số 4 bộ 2 tháng 4-1990)

Trích thơ :

Chi Lạ Rứa !

*Chi lạ rứa, chiều ni tui muốn khóc,
Ngó chi tui đồ cỏ mọn, hoa hèn.
Nhìn chi tui hình đom đóm đêm đen,
Cho tui tủi bên ni bờ cô tịch.*

*Tui ao ước có bao giờ tuyệt đích,
Tui van xin rằng mà cứ làm ngờ.
Rồi ngó tui, chi lạ rứa hững hờ,
Ghét, yêu, mến, vô duyên và trơ trên !*

*Tui đã tắt nỗi ngại ngùng bẽn lẽn,
Bởi vì rằng, ai biết được người hèn.
Nhưng màu chiều đã rữ bóng lê thê,
Ni với nó, có chi mô gần gũi !
Chi lạ rứa, rằng cứ làm tui tủi ?
Tàn nhẫn chi với một đũa thương đau !
Khối tình cam nên không sắc, không màu,
Và vạn thuở chẳng nên câu luyến ái !*

*Chi lạ rứa, người cứ làm tui ngại,
Biết sông sâu hay cạn giữa tình đời ?
Bên ni bờ vẫn trong trắng chơi vơi,
Mà bên nó trầm ngâm mô có kể.*

*Không muốn khóc, nhưng cứ từng ngán lệ,
Động làn mi áp ủ mối tâm tình.
Bên ni bờ hoa thắm bớt tươi xanh,
Mà bên nó huy hoàng và lộng lẫy.*

*Muốn lên thuyền mặc sóng cuồng xô đẩy,
Nhưng thân đau nên chẳng dám đánh liều.
Đau chi mô có lẽ hận cô liêu,*

HUỖNH ÁI TÔNG

Mà chi lạ rứa hè, ai hiểu nổi !

*Tui không điên cũng không hề bổi rổi,
Ngó làm chi thêm tủ nhục đau thương
Tui biết tui là hoa dại bên đường,
Không hương sắc, lạ rứa hè, người hi ?*

*Tui cũng muốn có một người tri kỷ,
Nhưng đường đời như rứa biết mần răng !
Tui muốn kêu, muốn gọi, muốn thưa rằng:
Chờ tui với ! A, cười chi lạ rứa*

*Tui không buồn sao mắt mờ lệ ứa,
Bởi vì rặng tui có n chi tui hình đom đóm đêm đen,
Cho tui tủi bên ni bờ cô tịch.*

*Tui ao ước có bao giờ tuyệt đích,
Tui van xin rặng mà cứ làm ngờ.
Rồi ngó tui, chi lạ rứa hững hờ,
Ghét, yêu, mến, vô duyên và trơ trên !*

*Tui đã tắt nổi ngại ngừng bẽn lẽn,
Bởi vì rặng, ai biết được người hè.
Nhưng màu chiều đã rũ bóng lê thê,
Ni với nó, có chi mô gần gũi !
Chi lạ rứa, rặng cứ làm tui tủi ?
Tàn nhẫn chi với một đũa thương đau !
Khối tình cam nên không sắc, không màu,
Và vạn thuở chẳng nên câu luyến ái !*

*Chi lạ rứa, người cứ làm tui ngại,
Biết sông sâu hay cạn giữa tình đời ?
Bên ni bờ vẫn trong trắng chơi với,
Mà bên nó trầm ngâm mô có kể.*

Không muốn khóc, nhưng cứ từng ngán lệ,

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Động lòng mi ấp ủ mối tâm tình,
Bên ni bờ hoa thắm bớt tươi xanh,
Mà bên nó huy hoàng và lộng lẫy.*

*Muốn lên thuyền mặc sóng cuồng xô đẩy,
Nhưng thân đau nên chẳng dám đánh liều.
Đau chi mô có lẽ hận cô liêu,
Mà chi lạ rứa hè, ai hiểu nỗi !*

*Tui không điên cũng không hề bói rói,
Ngó làm chi thêm tủ nhục đau thương
Tui biết tui là hoa dại bên đường,
Không hương sắc, lạ rứa hè, người hi ?*

*Tui cũng muốn có một người tri kỷ,
Nhưng đường đời như rứa biết mần rặng !
Tui muốn kêu, muốn gọi, muốn thưa rằng:
Chờ tui với ! A, cười chi lạ rứa*

*Tui không buồn sao mắt mờ lệ ứa,
Bởi vì rặng tui có hiểu chi mô !
Vì lòng tui là mặt nước sông hồ,
Chi lạ rứa, bên ni bờ tui khóc.*

(Mùa Đông Thứ Mười Bảy)

*Cơn bão nào thổi bay rừng ta đi
để bầy chim mất hướng tìm về
giọt lệ nào rơi tan vào trong ly
cho lòng đau uống hết lời thề
cuộc đời nào buông trôi giòng sông mê
nên tình thiêng đắm thắm phải chia lìa*

*Chiều một mình đi qua thành phố xưa
thương bàn chân dốc đá rêu mờ
chiều một mình đi qua đồi núi xưa
yêu vàng mây tóc trắng bơ phờ*

HUỶNH ÁI TÔNG

*chiều một mình đi thăm người đã xa
thấy mình quen như chiếc bóng quê nhà
chiều rồi chiều ta đi tìm bóng ta
môi hoàng hôn im khời thuốc bao giờ*

*Có một người đi rất xa từ đây
qua đời ta tầng địa ngục lưu đây
có một người còn về đâu quanh đây
trong hôn ta áp ủ dáng hao gầy*

*Có một người mãi mãi là men say
trong lòng ta từng giọt rượu chiều nay.*

Mê

*Lâu hoang khép kín đêm xưa
Kín vòng tay ấm bao giờ nữa em ?
Chân cuồng đã đứng như im
Thú xưa giờ đã phai chìm tháng năm
Linh hồn đã thú ăn năn
Vết chân đường cũ nghìn năm chưa mòn
Em mười sáu tuổi tơ măng
Thịt da đốt cháy thiên đường tình yêu*

(Trích Sau Phút Đam Mê)

Trong Con Chăn Gối

*Trong con chăn gối rã rời
Im nghe từng chuyến xe đời đi qua
Và từng chân bước dần xa
Trông như mình đã bao giờ vùi chôn.
Ung thư lở lói tâm hồn
Niềm đau thân thể ra mòn suy tư
Vườn đời đã nhuộm màu thu
Chim thanh thoi hót trong mù sớm nay*

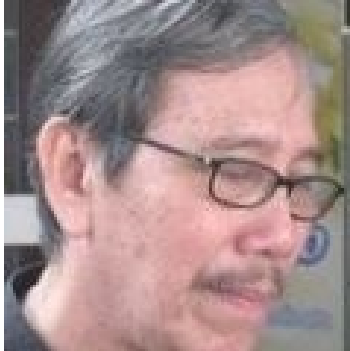
VĂN HỌC MIỀN NAM

*Thuyền neo mãi bến sông này
Không ai về giữa vòng tay mới mòn
Chiều xa gà nhíp vào hồn
Rạc rời vỏ ngựa nẻo mòn hoang vu
Vang vang tiếng hát già từ
Thiên đường Địa ngục tôi giờ đi đâu*
(Trích Sau Phút Đam Mê)

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Hoàng Web: banvannghe.com
- Nguyễn Thị Hoàng Web: kesach.org

20) Hoàng Lộc



Hoàng Lộc (1943-)

Nhà thơ Hoàng Lộc sinh năm 1943 (Quý Mùi) tại Thăng Bình, lớn lên ở Hội An, Quảng Nam.

Năm 1960 có bài thơ đầu tiên đăng trên Văn Nghệ Tiền Phong, sau đó có thơ đăng trên tạp chí Bách Khoa năm 1961, tiếp theo có thơ trên các báo Sài Gòn và hải ngoại.

Ông là Giáo viên, về binh nghiệp đã xuất thân từ Trường Bộ Binh Thủ Đức.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1970, Trung Tâm Văn Bút Việt Nam trao tặng giải thi ca.

Sau 30 tháng 4 năm 1975 bị đi học tập cải tạo, vào thập niên (19)90 định cư tại thành phố Memphis, tiểu bang Tennessee Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Thơ Học Trò* (1965)
- *Trái Tim Còn Lại* (1971)
- *Qua Mấy Trời Sương Mưa* (1999)
- *Cho Dấu Phù Vân* (Hội Nhà Văn, 2012)

Trích thơ:

tháng bảy nhớ tháng bảy âm

*bay bay mưa cũng ra đường
loanh quanh
tháng bảy xá tội vong nhân
vô cùng nhớ mẹ
mẹ ta là mẹ hiền
thì cần gì theo bước Mục Kiền Liên*

*xe chạy như tên
ta với vệ đường
lũ chim quen trên cây to
ướt mềm tiếng gọi*

*tháng bảy ngưu lang
mỗi năm đều khóc
một thời em với ta
tháng nào mà chẳng mưa ngâu
cả con đường quen
gặp hoài rét mướt
yêu em vô cùng khổ nhọc*

cho đến cuối đời anh

*tháng bảy
chưa là tháng bảy âm
mà mặt trời đã tắt*

7-2012

thơ cuối năm

*anh sống một nơi không gió mùa đông bắc
không còn nghe ai hỏi chuyện trăng tàn
chẳng bụi chuối sau hè bờ tre trước ngõ
tháng tận năm cùng trăng mắt đồng hương*

*dẫu chiếc xe đưa mùi mấy chực dậm đường
anh cũng chưa ra khỏi vòng phố lạ
làm một người đi mà lòng kẻ ở
tò lịch phiêu bồng chung hứng mùa xuân*

*em bên quê anh bên trời đã lạc
lạc cõi nào nửa cuối phần tóc xanh
cánh dơi nhỏ bay qua đời khuya khoắt
vách đá hoa cương từng róm lệ Ngũ Hành*

*có chiếc tượng hôn sau vuông cửa sổ
cứ thâm đêm nỗi nhớ gửi trong chiều
anh cuối năm ngõ ngàng ly rượu gạo
rượu với người cùng nhẩn mặt điều hiu*

*tình mãi buộc hiên sân mà thân hoài trôi nổi
để khi không chừng mỗi cái giang hồ
biết em hỏi giao thừa sao vắng trăng biệt xứ
rồi chong đèn chép lại những câu thơ ...*

1995

HUỶNH ÁI TÔNG

di chúc

*hãy giúp tim anh thêm máu cho đời
khi ngừng đập cõi đa tình oan nghiệt
tay mười ngón ăn năn đừng vuốt mắt
tóc sông dài hãy chảy hết sau lưng*

*đủ gian hòn để đủ thấy khoan dung
bởi khóc lóc chỉ rầy rà cố xứ
vì một chút tài hoa mà bất tử
hãy mỉm cười - như từng đã - về anh*

*lo toan chi về những cánh thư tình
cỏ đốt cháy cũng không hề trắng sạch
nghìn trang giấy hoá ra là cỏ tích
lâu lâu buồn gỡ lại đọc mà chơi*

*đã tới ngày phải yên ổn về xuôi
dẫu lá rớt gập ngay dòng nước ngược
còn nhớ thuở cùng kề vai hạnh phúc
thì cong lưng đau đón bớt cho giùm*

*tình thân nào bỏ lại với người dung
dẫu bất nghĩa tính đâu lân thãm viếng
đừng nữ ngó long đong từng kỷ niệm
sau quan tài cát bụi ấy - cần chi !*

*phố của em xin vừa phải sâu bi
bước thật chậm để khuây lòng rả mọi
dừng một phút cũng quay đầu ngó lại
mái tình buồn trên mảnh đất chôn nhau*

rồi tùy em - cứ chửi rửa vài câu

VĂN HỌC MIỀN NAM
Đêm hăm ba tháng chạp

*em đưa ông táo lên trời
dặn ông
đừng quá bồi hồi về anh
trời kia vốn đức hiếu sinh
có khi khóc cả chuyện mình phù hư ?*

*anh đang mắt sạch cơ đồ
phé vương là một ông-vua-chết-rồi ?
hoàng thành sắp sẵn đêm vui
có sao tiếng khóc tiếng cười
hợp
tan ?*

*em ơi trắng mắt thời gian
tìm đâu ra thuở tình nhân đại khờ
năm cùng tháng tận hay chưa ?
hoang mang tóc bạc
mơ hồ tóc xanh...*

yêu không chịu nổi

*có phải tình yêu cứ gấp lên
mỗi ngày lòng lại thấy nhiều thêm
lòng anh, có khác chi trang giấy
tình, vết dầu loang đủ bốn bên*

*em ạ, như mưa mấy bữa rày
bốn trời căng kín những tầng mây
trời không mưa - trời không chịu nổi
thì đó, tình anh cũng ứ đầy !*

*anh cũng yêu không chịu nổi rồi
nước nhiều, lửa lớn, cơn đang sôi
trào - xô bật nắp vung - hơi thoát*

HUỲNH ÁI TÔNG

thì khéo, tình anh phải thế thôi !

*em cách xa, anh chẳng được gần
cho anh tuôn bớt những lời thân
lòng anh nhỏ quá, không kham nổi
cả một trời yêu nặng quá chừng !*

Ngày Trở Lại Hội An

*khi anh về trời phố cũ lên sương
đôi chút lạnh đôi chút sầu thảng chạp
vừa đủ mỗi đôi chân thẳng lãng bạt
anh nghiêng vai ngó lại cuộc đời mình
áo bụi mù và tóc gió phai xanh
tay vẫn ngần để trăm lần thua thiệt
phố thì nhỏ anh còn qua chưa hết
lại hoài công đi bắt mộng bên trời
khi nhớ ra mình đã tuổi ba mươi
ba mươi tuổi sao cứ hoài lỡ vận?*

*khi anh về buồn hơn loài mây trắng
ngỡ người xưa phú quý mới hôi hương
chuyện công danh như muối xát trong hồn
chưa áo gấm nên hoài hoài viễn xứ
anh sợ qua nhà từng bằng hữu cũ
sợ qua đường gặp những dáng tình xưa
kỷ niệm thì xa, xa quá - mơ ho
chẳng lẽ nhắc để làm nên yêu dấu?*

*khi anh về bé vừa lên mười sáu
rất dịu dàng nhưng rất lạ đời anh
khi đưa tay gỡ vội trái tim mình
nghe sai lỡ như một lần dấu bể
anh đã già rồi hồn khô ý trẽ
tương lai mù trên mấy ngọn sầu đông*

VĂN HỌC MIỀN NAM

yêu vô vàn cũng rớt giọt tình không!

*khi anh về bất ngờ anh biết khóc
qua hiên nhà người, bé vào lớp học
bé đâu hay thành phố đó lên swong
là khi anh cúi xuống một đời buồn ...*

1972

(trong tập Qua Mây Trời Sương Mưa)

Nguyễn Vy Khanh Viết về thơ Hoàng Lộc:

Hoàng Lộc, nhà thơ điềm đạm, vụ phẩm hơn lượng, khi viết về nhân sinh cũng như tình yêu, có bề sâu tư duy, đồng thời có kỹ thuật, chữ dùng đặc biệt, thơ vừa có hồn vừa có âm điệu riêng. Hoàng Lộc đã thành công đưa người thưởng thức nghệ thuật vào thế giới riêng của ông. Điểm khác đáng nói ở nhà thơ xứ Quảng là ông đã thành công đem thời đại đầy gió bụi, tai ương vào thi ca, thơ ông có sự sống vì lẽ đó! - Hoàng Lộc cái bất biến là tâm hồn á đông, dân tộc nhưng hiện đại - tâm hồn của con người hôm nay. Có sống sót sau một cuộc chiến tàn bạo như cuộc chiến vừa xảy ra trên đất nước mới cảm nhận được trọn vẹn tình ý của nhà thơ, tâm hồn và những nẻo khuất của bản ngã. Phải đọc thơ Hoàng Lộc với kinh nghiệm hạnh phúc và đau khổ, đam mê và khủng hoảng của mỗi người.

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Lộc Blog: totinhhoangloc.wordpress.com/about/

21) Hoàng Ngọc Tuấn



Hoàng Ngọc Tuấn (1947-2005)

Hoàng Ngọc Tuấn bút hiệu Hoàng Hạ Lan sinh năm 1947 tại Banmêthuộc, chánh quán ở Huế, thuở nhỏ học ở Banmêthuộc, rồi Trung học Cường Đê Quy Nhơn, vào Đại học Văn Khoa Sài Gòn, ban Triết.

Ông khởi viết truyện ngắn đăng trên Bách Khoa vào những năm 1966, 1967 qua sự giới thiệu ưu ái của nhà văn Võ Phiến. Là nhà văn chuyên viết truyện ngắn cho lứa tuổi ô mai, những truyện ngắn rất dễ thương, ông còn có những bút danh Huân Toàn, Nhị Ngọc, Mây Biếc, Ngọc Nhị, ông đã xuất bản tập truyện ngắn đầu tiên *Hình Như Là Tình Yêu*.

Sau 1975, ông không còn viết như trước kia, nhưng cũng có sách được in ra, đó là những truyện được viết trước, gom lại thành tập truyện xuất bản.

Ông độc thân, sống, viết và mất tại Sài Gòn vì bệnh ung thư năm 2005, hưởng dương 59 tuổi.

Tác phẩm:

- *Hình như là tình yêu* (Quán Văn, 1971)
- *Ở một nơi ai cũng quen nhau* (Quế Sơn, 1971)
- *Thư về đường Sơn Cúc* (Thời Mới, 1972)
- *Cô bé treo mũng* (Trí Đăng, 1972)
- *Chuyện hai người* (An Tiêm, 1972)
- *Nhà có hoa Mimosa Vàng* (An Tiêm, 1973)
- *Học Trò* (Vàng Sơn, 1973)
- *Hôn Lễ* (Nguyễn Đình Vượng, 1974)
- *Đôi Mối Dạ Hương* (Dạ Hương, 1975)

Trích văn:

Thư cuối

Bạn nhỏ!

Có lẽ đây là lần cuối cùng tôi còn gọi em là “bạn nhỏ” . Nhiều chuyện đã đến . Nhiều điều đã qua đi, thay đổi . Em không còn nhỏ dại nữa . Tôi không còn là người bạn của em nữa. Vào một khoảng thời gian nào đó, chúng ta đã gặp nhau, thương yêu, và rồi xa cách, tan vỡ .

Lần cuối cùng, chúng ta đã gặp gỡ tại một nơi chốn bất ngờ, không hẹn trước . Một thị trấn xa lạ đối với em và cả với tôi . Dầu nơi đó có núi, có biển, nhưng không phải là quê nhà của em, không phải là chốn thiết thân của tôi . Tôi bị đẩy đưa đến thành phố đó . Em một lần tình cờ ghé lại, trên con đường dài còn rất nhiều trạm đến của em .

HUỶNH ÁI TÔNG

Em phải hít thở biết bao nhiêu bụi đỏ và mệt nhọc trên những con đường núi gập ghềnh nắng cháy, mới tìm thấy tôi . Buổi chiều, tôi đón chờ và nhìn thấy khuôn mặt em r ám đen bơ phờ vì nắng bụi . Tóc em đã dài, nhưng cháy khô và rối bù . Dưới hình ảnh phong trần của một lữ hành khách, em có một nét đáng yêu và đáng ghét riêng biệt . Tôi không biết phải giải thích rõ ràng như thế nào, nhưng tôi không còn cười vui hơn hờ sung sướng mỗi khi gặp em . Sau một vài chuyện xảy ra trong cuộc sống riêng của tôi, hình như tôi không còn cười được nữa.

Tôi chỉ có thể mỉm cười gượng gạo . Và em biết điều đó . Em nói:

- Sao gặp em mà anh không có vẻ mừng một chút xíu nào .

Sau đó, trong một quán nước nhỏ vách gỗ sơ sài, gần bên cửa sổ có treo một chiếc đồng hồ kiểu Đại Hàn có cây kim chạy ngược chiều, tôi nói:

-“Anh đã hết thương em”

Giọng nói của tôi lúc đó chắc có vẻ cầu nhàu bực bội . Và tiếc rẻ, vì tôi tự nghĩ không điều gì đáng buồn chán bằng điều đó . Thế mà điều đó đã xảy đến . Tôi không còn thương em được nữa .

-Em cười có vẻ ái ngại tội nghiệp cho tôi . Em an ủi:

-Em không tin thế đâu . Em không tin là anh hết thương em .

Tôi vẫn cầu nhàu, gằm gừ:

-“Chà . Em tự tin dữ . Đừng kiêu hãnh quá như vậy. Thật tình mà nói em đừng giận, nhưng chắc chắn anh đã hết thương em rồi” .

VĂN HỌC MIỀN NAM

Em khúc khích cười như vừa nghe một lời nói dối vụng về nhất trên đời . Em lắc đầu, làm như em là gan ruột của tôi để nói chắc nịch:

-Anh đã quên em, theo đúng thói quen thông thường của anh, nhưng anh phải còn thương em .

-"Không ...không đâu . Đừng ép buộc anh về những chuyện tình cảm như thế . Anh đã nói hết rồi, thực sự hết rồi"

-Còn lâu à . Vắng mặt em, nên anh tưởng thế . Nhưng bây giờ gặp mặt em lại . Có em đây, anh đang thấy là đã thương em lại, phải không ?

-"Không ... Không mà . Anh hết thích em rồi"

-Em không tin .

-"Dĩ nhiên . Em có bao giờ tin anh điều gì đâu . Khi anh thương em, em không hề tin chuyện đó . Bây giờ anh đã ghét em thực tình, em cũng không tin điều này nữa . Chúng ta khởi đầu trong nghi ngờ, chúng ta tiếp diễn trong hoài nghi, rồi chúng ta kết thúc trong ngờ vực"

Em bật cười:

-Anh vẫn còn ăn nói hay ho thật . Nhưng hoàn toàn vô nghĩa .

-"Thôi. Mình không nói đến chuyện đó nữa . Tối nay, nên đi một vòng thành phố cho biết . Trước hết kiểm cái gì ăn đã, chắc là em đang đói bụng lắm phải không ?"

BỐI CẢNH:

Quán ăn vắng khách . Ngoài đường trời đã tối . Chỉ thấy ánh sáng nóng bức từ chiếc xe bán hủ tiêu mì cũ kỹ với những hình

HUỶNH ÁI TÔNG

vẽ màu mè đã tróc sơn .

-Ở đây có bán cơm không ? Cơm phân hay cơm đĩa cũng được

.

-Dạ không ...

-Vậy có cái gì ăn ?

-Dạ hủ tiếu, mì, đồ nhậu, mì xào dòn .

-Cho một đĩa mì xào dòn hai người ăn . Một “33”, một ly đá chanh .

Buổi ăn xong xuôi qua loa, không được ngon miệng .

Chiếc xe xích lô chậm chạp đi qua những con đường tối, ngấn ngủn và loay hoay trong thành phố vắng vẻ . Dừng lại trước rạp chớp bóng gần chợ . Tấm hình vẽ quảng cáo cho thấy là một phim cũ, đã xem lâu lắm rồi, phim hay: L’Été 42, có nhớ không: những bó hoa và nụ cười thiếu phụ diễm lệ, nhạc đệm bàng hoàng, chiếm giải Oscar về âm nhạc. Xe xích lô tiếp tục lăn bánh về phía đường biển . Vào ngôi quán lộ thiên dưới những lùm cây . Chợt trời đổ cơn mưa ngắn hạt mùa hè . Chạy vào trong quán . Chợt hết mưa .

“Mình đi ra bãi biển cho mát . Hết mưa rồi .”

Cát ướt hết, làm sao ngồi xuống được . Tối quá, anh . Biển ở đây gì xấu quá .

“Ban đêm mà . Làm sao em thấy xấu hay đẹp”

Cả một ngày nay em ngồi trên xe đò . Em mệt quá buồn ngủ nữa .

VĂN HỌC MIỀN NAM

Tôi kéo em lại gần . Bụi đường trên con quốc lộ suốt một ngày nay làm mất hẳn đi mùi thơm của tóc em .

Đừng hôn em .

“Ừ”

Em như một thiếp đi vào ngực tôi . Chúng ta kề sát bên nhau, bàn tay lơ mơ nắm nhẹ nhau . Chúng ta không còn ôm nhau siết chặt như thuở đầu nữa . Chúng ta không còn thèm thỗng vội vã tìm môi nhau như lúc trước nữa. Em thấy không ? Có một cái gì rời rã, lo lắng, bất an dẫu cho khi chúng ta vẫn đang gần gũi cận kề nhau . Em thấy không, chúng ta không còn yêu thương nhau nữa . Một cuộc gặp gỡ, một buổi tối, một lời hỏi thăm, nỗi dài sao được một tình yêu đã đến hồi hủy diệt .

Nhớ lại xem cái thời say sưa nhất . Em nói:

Bề gì, thì ta cũng đã quá thương nhau .

Đó là lời nói hay nhất của em trong số những lời em nói tôi kể từ năm 1971 cho đến đầu năm 1973 .

ĐÀM THOẠI TRONG GIA ĐÌNH EM:

- Mà thương hẳn thật sao ?

- Dạ .

-Mặt mày hẳn ra sao, tao chưa thấy bao giờ . Sao hẳn không đến đây ra mắt tao .

-Ảnh nhạt lắm mà má . Đây, có hình của ảnh đây nè, má coi tạm .

HUỲNH ÁI TÔNG

-Trời đất ơi . Cái thằng mặt mũi cau có râu rĩ như vậy mà mà thương sao . Trông hấn khó thương quá .

-Thì ba coi cũng khó thương thấy mò . Rồi má cũng thương ba quá xá mà .

- Đừng lẻo mép . Nhưng mà ... hấn có thương mà không ?

- Con cũng không chắc . Nhưng anh đã nói là có .

- Hấn nói sao ?

-Thôi má, chuyện riêng của con mà .

- Mà phải nói cho tao nghe . Hấn nói gì với mà ?

- Lập lại nghe mắc cỡ quá má à .

- Hừ ... với hấn thì mà đầu có mắc cỡ . Còn nói với tao thì mà xấu hổ à .

-Thôi được rồi ... Anh nói với con như vậy: “Anh yêu em”

-Trời đất, thằng đó chắc là kếp cái lương quá . Rồi mà trả lời hấn ra sao ?

-Con nói " Em cũng ..rứa "

-Thiệt là thiệt là ...tụi mà cá mè một lứa . Nhưng tụi bây đầu có thể cứ ồng ồng cái bài con cá “Anh yêu em, em yêu anh” suốt ngày mãi . Hấn phải tính chuyện lâu dài đứng đắn với mà chứ . Rồi hấn có muốn hỏi mà làm vợ không ?

-Có chứ, má .

-Hấn nói sao ?

-Má bắt con lập lại nguyên văn ?

-Ừ . Nguyên văn

- Nhưng má đừng kêu trời nữa .

-Ừ . Tao không kêu trời nữa . Tao sẽ nghiêng răng để nghe . Tụi mày cũng đâu sợ trời đất gì nữa mà tao kêu cho mỗi miệng .

-Để con nhớ lại coi ... À ... ảnh nói với con như vậy: “Em lấy anh quách cho rồi . Đừng cho ông bà già em biết cái mẹ gì hết . Anh với em tự động lấy nhau cha đi cho nó xong, những chuyện khác tính sau” .

-Trời ...không Lạy Phật ! Thằng khốn kiếp . Rồi mày trả lời hấn sao ?

-Con tát tai ảnh .

-Ồ ...Nãy giờ mới nghe mày làm một chuyện được . Mà cái thằng đó sao nó ăn nói gì cộc cằn thô lỗ quá vậy .

-Ảnh là cự u quân nhân đó má . Một thời gian anh đã đi lính lung tung đủ thứ

-Sao hấn không chết trận cho rồi .

-Con đâu biết . Ảnh cứ vác ba lô đi lòng vòng khắp nơi cả . Đức Dục, Đông Hà, Pleime, Lệ Minh, Tam Quan, Bồng Sơn gì gì đó ...mà chẳng bắn được một phát súng nào hết, cũng chẳng thấy ai bắn ảnh một phát, nên ảnh vẫn còn sống nhăn răng .

-Hừ ... không sớm thì muộn cũng có ngày trời hại hấn giùm tao .

HUYỀN ÁI TÔNG

-Má đừng lo . Ảnh đã thề thốt với con nặng lắm . Ảnh thề nếu sau này mà ảnh phụ bạc con thì ảnh chết vì đao kiếm, thân bị bốn ngựa phanh thây ngoài chiến trường .

- Mày cũng tin được à . Sao mày ngu quá vậy . Thời buổi này người ta đánh nhau bằng súng đạn, đi xe tăng, máy bay chứ làm gì còn đao kiếm với tứ mã phanh thây ... Cái thằng đó xảo quá . Mà thôi ... bây giờ mày tính sao ? Tao ngó bộ mày chắc không thể lấy ai ngoài hắn được .

-Không đâu má . Con sẽ không lấy ảnh . Ai mà lấy ảnh làm chồng thì khổ lắm . Tính ảnh hay lang bang, lại nghèo túng . Mà con thì lúc nào cũng cần có tiền để ăn hàng vật, may sắm áo quần, mua tiểu thuyết đọc, xem xi nê, sang băng nhạc ... vân ...vân ... Con không dại gì mà lấy ảnh . Con sẽ lấy một ông nào cỡ bằng tuổi của ba .

-Trời đất !

-Má lại kêu trời nữa . Có gì lạ đâu . Đàn ông mà cỡ bằng tuổi ba là con thấy cũng ...vừa . Một ông mới ly dị vợ hay vừa chết vợ càng tốt .

-Tao không hiểu nổi mày .

-Có gì khó hiểu đâu . Má không đọc tiểu thuyết của Francoise Sagan hoặc của Yasuko Harada nên má không biết là thế giới bây giờ mấy con nhỏ cỡ tuổi con có cái “mốt” là thường yêu mấy ông già .

-Thôi ...tao mệt quá . Mày tính sao đó thì tính

-Nói vậy chứ má đừng lo . Con còn đang đi học mà . Lấy cho xong cái bằng Bác sĩ rồi mới tính chuyện lấy chồng . Cũng còn lâu lắm . Con có dặn ảnh đợi con ...bảy tám năm nhưng ảnh sức mảy mà đợi . Chùng đó thì con đã lớn rồi, tụi con sẽ không

VĂN HỌC MIỀN NAM

còn thương nhau được nữa . Tụi con chỉ có thể thương nhau trong lúc, và bởi vì tụi con còn nhỏ . Lớn lên, ảnh sẽ chán nản mọi sự, và con sẽ say mê nhiều thứ khác .

Có tiếng ngập nhẹ, thở dài. Em cũng đã nói đúng như tôi nghĩ .

Đã hết hồi kết cuộc, lạnh lẽo và buồn rầu . Kết thúc như thế nào thì cũng bình thường, chán ngắt và tẻ nhạt như thế . Chẳng bao giờ có một đoạn cuối tung bùng đẹp đẽ hoặc lâm ly gay cấn, ngoạn trừ trong tiểu thuyết và điện ảnh .

Khi còn thương yêu, tôi đã biết tự trong đó đã chứa mầm sự hết . Dĩ nhiên, rồi phải kèm theo những lý do, những cái cớ nào đó, để khi nào cần có thể đem ra giải thích .

Sau đây là một vài lý do:

-Trong một thời gian đầu tiên, tôi đã quen đọc thư em . Tôi đã quen nghe thấy những điều em nói, những lời em viết, những chữ em nhảy nhót tinh nghịch trong tôi . Tôi đã ghiền những thứ đó rồi . Và khi tôi đột ngột bị “cúp” phần “luong thực” quen thuộc như thế, tôi không chịu nổi, tôi giận em, tôi bực tức em, tôi bất mãn . Dần dà, tôi ghét em thực sự .

- Tôi đã quen nghĩ rằng chỉ có mỗi mình tôi là được đọc, được thấy những lá thư của em . Rồi khi bị nhìn thấy những thư từ của em cho một người nào khác, bất cứ vì lý do gì: xã giao, thông thường ..v..v.. tôi cảm thấy khó chịu, thất vọng . Tôi cũng không chịu nổi .

- Tôi đã quen tưởng rằng chỉ mỗi một mình là được nhận những bông hoa nhỏ, cỏ lá Mà em đã hái vội đâu đó, thường gửi đến cho tôi . Nên khi tôi được biết em có thói quen phân phát hoa cho khá nhiều người, tôi không thể chịu nổi . Tôi đã coi thường những bông hoa và thư từ cũ, từ đó, tôi biết rằng mình không thể còn thương yêu nhau được nữa . Vì những điều

HUYỀN ÁI TÔNG

đáng quý nhất, giờ đây đã trở nên tầm thường . Vì những điều lẽ ra phải đáng kính trọng nhất, giờ đây đã bị coi thường rẻ rúng .

-Tôi đã quen mơ tưởng rằng em luôn luôn theo đúng những gì tôi muốn . Nhưng dần dần, em đã hoàn toàn làm trái ngược hẳn ý thích của tôi .

-Tôi thích em quanh quẩn mãi trong xó nhà bếp củi, và em đã trở thành một nữ khách đầy dáng vẻ rong chơi du lịch lang thang khắp nơi khắp chốn .

-Tôi thích em đừng vẽ vời làm thơ làm thân, và em đã sôi nổi làm nên những bài thơ, kỳ cục thay, lại rất đặc sắc, tưởng có thể gom góp để xuất bản thành một cuốn “Ma Nữ Thi” được .

-Tôi thích em đừng tập tành viết văn vớ vẩn, và em đã viết, kỳ cục thay, viết được nhiều truyện rất hay, sớm thành công, khá nhiều người biết tiếng (những ngắn Trái Khổ Qua, Đồi Cát, Quốc Lộ, Con Đường Không Dài ..v..v ...đăng liên tiếp trên tạp chí) .

Tóm lại, cứ mỗi lần em làm ngược lại ý muốn của tôi, là một lần em chứng tỏ em có lý hơn, là một lần chứng tỏ cho tôi thấy tôi đã sai lầm nặng nề . Và cuối cùng, giờ đây, chúng ta đã hoàn toàn mất nhau rồi. Em với tôi . Chúng ta không thể cùng nhau nhìn về một hướng . Cũng không thể cùng đi về một hướng . Con đường tốt đẹp nhất là con đường trên đó chúng ta đi ngược chiều với nhau . Nếu tình cờ đôi lần trong đời, chúng ta chợt đụng đầu nhau như những chuyến tàu khác hướng vẫn thường chờ đợi sát bên nhau đôi phút ở sân ga để chờ người bẻ-ghi, tốt hơn chúng ta nên quay mặt làm lơ, giả vờ không thấy, giả vờ không biết nhau, để mỗi người tiếp tục con đường riêng biệt của mình . Không ai là không đóng kịch một lần trong đời, chúng ta hãy đóng kịch với nhau trong những lần gặp gỡ như thế, nếu có . Và tôi hy vọng sau vài lần đóng kịch như thế, tôi

VĂN HỌC MIỀN NAM

sẽ thực sự không còn biết em, tôi sẽ thực sự thấy em như một người hoàn toàn xa lạ . Tôi cũng nghĩ rằng không điều gì đẹp để tốt lành cho bằng việc tôi tự thiêu hủy trong tôi cháy tiêu sạch những tất cả những rung động nào còn sót lại vì hình ảnh của em . Tôi tin chắc rằng tôi sẽ làm được điều đó .

Những lá thư từ Đường Sơn Cúc đã ngưng . Nhà bưu trạm đã dời đến một nơi khác . Tem thư đã tăng giá . Sức lực, tình cảm, tâm trí ... cũng không còn nhiều để nắn nét viết nên những điều đam mê cũ .

Love Story Made in V.N. của HNT và MN đã hết. Tất cả, nếu còn lại chút nào, thì chỉ còn lại trong mấy cuốn sách đang rao bán trên thị trường chữ nghĩa . Cuối năm nay, tôi có dịp đi bằng đường bộ trên Quốc lộ 1 từ Trung vào Nam . Khi xe đi qua thành phố Phan, lần đầu tiên trong những chuyến đi của tôi, tôi chợt chú ý đến thị xã này . Qua một cây cầu, một con sông bập bênh, những nhà cửa nhấp nhô trong bầu không khí ran đầy mùi cá mặn, tôi thấy một đám học trò áo trắng trên đường . Một lần, vì em, tôi thấy thích thêm một thành phố . Và xe đi suốt không dừng lại cho hành khách ăn trưa ở đây, xe tiếp tục chạy băng băng trên đường, bỏ lại bên đường tất cả .

Thêm một lần nữa, mùa xuân đang đến .

Tôi cũng không còn ca ngợi nổi mùa xuân .

Như những câu chuyện tình có bố cục cổ điển, tôi lại vừa được tin em sắp ... lấy chồng . Hai câu thơ mùi mẫn của TTKh hiện ra trong đầu tôi (không nhớ đúng nguyên tác, chắc sai vài chữ):

*Nếu biết rằng em sắp lấy chồng
Trời ơi người ấy có buồn không ?*

Buồn là cái chắc . Nhưng không nhiều, vì đây là một chuyện không có gì lấy làm bất ngờ . Tôi đã sửa soạn đón nghe tin này

HUYỀN ÁI TÔNG

từ lâu . Và cũng đã sửa soạn quà mừng đám cưới (Một cuốn sách có nhan đề có lẽ khá thích hợp trong những vụ này: HÔN LỄ, chỉ giá 6000đ, nhưng có kèm thêm chữ ký và lời đề tặng của tác giả) .

Có lẽ chúng ta cũng nên kết thúc bằng cái trò lảm cẩm này: mong em cho biết địa chỉ của em, tôi sẽ gửi trả em những thư từ, kỷ vật, ảnh hình xưa cũ hoàn lại cho em, dĩ nhiên cũng có mất mát một đôi chút vì những lần tôi đổi chỗ ở di chuyển từ nơi này đến nơi khác .

Cuối thư, xin thành thật chúc mừng em. Cũng bởi vì thành thật, nên tôi chỉ có thể chúc mừng chứ không chia mừng cùng em được .

1/1975

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Ngọc Tuấn Web: gio-o.com
- Hoàng Ngọc Tuấn Web: damau.org

22) Hoàng Xuân Hãn



Hoàng Xuân Hãn (黃春罕; 1908–1996)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Hoàng Xuân Hãn sinh năm 1908, quê làng Yên Hồ, huyện La Sơn, nay là xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Thuở nhỏ ông học chữ Hán và chữ Quốc ngữ tại nhà.

Năm 1926, Hoàng Xuân Hãn đậu bằng Thành Chung, rồi ra Hà Nội học trung học ở trường Bưởi. Sau đó một năm, theo thiên hướng, ông lại chuyển sang học chuyên Toán ở Lycée Albert Sarraut.

Năm 1928, Hoàng Xuân Hãn đỗ thủ khoa kỳ thi tú tài toàn phần và được nhận học bổng của chính phủ Đông Dương sang Pháp học dự bị để thi vào các trường lớn.

Năm 1930, Hoàng Xuân Hãn đỗ vào trường École normale supérieure và Trường Bách khoa Paris. Hoàng Xuân Hãn chọn học trường Bách Khoa. Trong thời gian này ông bắt đầu soạn cuốn *Danh từ khoa học*.

Năm 1932-1934, Hoàng Xuân Hãn vào học École Nationale des Ponts et Chaussées (Trường Cầu đường Paris).

Năm 1934 Hoàng Xuân Hãn trở về Việt Nam, 4 tháng sau đó sang Pháp. Trên chuyến tàu, Hoàng Xuân Hãn gặp cô sinh viên Nguyễn Thị Bích sang Pháp học Dực khoa.

Từ năm 1934 đến năm 1936 Hoàng Xuân Hãn trở lại Pháp, đậu cử nhân toán 1935 và thạc sĩ toán 1936 tại khoa Toán trường Đại học Sorbonne (*Licence des Sciences mathématiques Sorbonne*).

Năm 1936 Hoàng Xuân Hãn kết hôn với cô Nguyễn Thị Bích (sinh ngày 6/10/1911 tại Hà Nội) sau này trở thành dược sĩ.

Từ năm 1936 đến năm 1939, Hoàng Xuân Hãn trở về Việt Nam dạy các lớp đệ nhất ban toán trường Bưởi (nay là trường

HUỶNH ÁI TÔNG

Chu Văn An). Trong thời gian này ông hoàn tất cuốn *Danh từ Khoa học*.

Từ năm 1939 đến năm 1944, vì chiến tranh trường Bưởi phải rời vào Thanh Hóa. Tại đây, ông tìm thấy những tư liệu lịch sử về La Sơn Phu Tử và vua Quang Trung và những tấm bia nói về sự nghiệp của Lý Thường Kiệt.

Năm 1942, Hoàng Xuân Hãn cho xuất bản *Danh từ khoa học*.

Năm 1943, Đại học Khoa học được thành lập tại Hà Nội. Hoàng Xuân Hãn được mời dạy môn cơ học.

Tháng 4 năm 1945, vua Bảo Đại mời ông vào Huế để tham khảo ý kiến về việc thành lập chính phủ độc lập đầu tiên của Việt Nam.

Ngày 17 tháng 4 năm 1945, Hoàng Xuân Hãn tham dự nội các Trần Trọng Kim với chức vụ Bộ trưởng Giáo dục - Mỹ thuật.

Từ ngày 20 tháng 4 đến ngày 20 tháng 6 năm 1945, với chức bộ trưởng, ông đã thiết lập và ban hành chương trình giáo dục bằng chữ Quốc ngữ ở các trường học. Áp dụng việc học và thi Tú Tài bằng tiếng Việt, dùng tiếng Việt trong những công văn chính thức. Chính phủ Trần Trọng Kim tại chức được 4 tháng.

Sau ngày chính phủ Trần Trọng Kim từ nhiệm, Hoàng Xuân Hãn trở về dạy và viết sách toán bằng tiếng Việt, cùng cứu vãn những sách cũ, sách cổ bị đưa bán làm giấy lộn khắp đường phố Hà Nội.

Năm 1945, ông bắt đầu nghiên cứu truyện Kiều.

Từ 16 tháng 4 đến 12 tháng 5 năm 1946, Hoàng Xuân Hãn tham dự Hội nghị Đà Lạt.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Năm 1949, Hoàng Xuân Hãn xuất bản *Lý Thường Kiệt*.

Hoàng Xuân Hãn sang Paris năm 1951 và ở luôn bên Pháp. Trong thời kỳ 1951-1954 ông đã giúp Thư viện Quốc gia Pháp và các thư viện Dòng Tên ở Ý và Tòa Thánh Vatican làm thư mục về sách Việt. Hoàng Xuân Hãn vẫn tiếp tục công việc nghiên cứu, viết các bài gửi các báo *Sử Địa* (Sài Gòn, 1966-1974), tập san *Khoa học - Xã hội* (Paris, 1976-1987), *Đoàn Kết* (Paris, 1976-1981), *Diễn Đàn* (Paris 1991-1994).

Năm 1952, Hoàng Xuân Hãn xuất bản *La Sơn Phu Tử*.

Năm 1953, xuất bản *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo*.

Năm 1954 Hoàng Xuân Hãn sang Hội nghị Genève mong mỗi một giải pháp hòa bình: một chính phủ miền Nam có thể cộng tác với chính phủ miền Bắc để thực hiện việc thống nhất đất nước.

Ngày 21 tháng 7 năm 1992, Hoàng Xuân Hãn thành lập tại Pháp một hội văn hóa có tên là Hội Văn hóa Giáo dục Cam Tuyền do ông làm Chủ tịch. Hội có tôn chỉ và mục đích bảo vệ và phát huy văn hóa, giáo dục; nhất là bảo tồn văn hóa cổ Việt Nam tại Pháp và ở các quốc gia Tây phương.

Ngoài ra tại Paris, Hoàng Xuân Hãn đã hoàn tất công trình lớn về *Đoạn trường tân thanh* có tên "Nghiên cứu về Kiều" từ hơn 50 năm nay.

Hoàng Xuân Hãn mất lúc 7 giờ 45 ngày 10 tháng 3 năm 1996 tại bệnh viện Orsay, Paris. Thi hài ông được hỏa táng chiều ngày 14 tháng 3 năm 1996 tại nghĩa trang L'Orme des Moineaux, Les Ulis, Pháp.

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn được Nhà nước Việt Nam tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Cụm công trình Lịch sử và Lịch Việt

HUỶNH ÁI TÔNG

Nam: 1.Lý Thường Kiệt; 2. La Sơn Phu Tử; 3.Lịch và Lịch Việt Nam.

Tháng 8 năm 2011, Trường Đại học Ponts et Chaussées (Trường Cầu đường Paris), một trong những đại học có uy tín hàng đầu của Pháp đã chọn giáo sư Hoàng Xuân Hãn đặt tên cho giảng đường đại học thuộc trường. Trước đó, nhân kỷ niệm 100 năm truyền thống Trường Cầu đường Paris, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn được Nhà trường vinh danh là một trong 100 sinh viên tiêu biểu nhất trong lịch sử của Trường.

Tác phẩm:

- *Danh từ khoa học;*
- *Lý Thường Kiệt;*
- *Một vài kí vãng về Hội nghị Đà Lạt;*
- *Thiên Tình Sử Hồ Xuân Hương;*
- *Thi văn Việt Nam;*
- *La Sơn Phu Tử;*
- *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo;*
- *Nghiên cứu Kiều.*

Cùng nhiều công trình nghiên cứu, biên tập, chú thích các tác phẩm văn cổ như:

- *Đại Nam Quốc sử Diễn Ca (Lê Ngô Cát);*
- *Mai Đình Mộng ký (Nguyễn Huy Hổ);*
- *Văn tế Thập loại Chúng sinh (Nguyễn Du) ...*

Trích văn:

Nhớ lại Hội truyền bá quốc ngữ nhân kỷ niệm 50 năm

Bảy giờ vào khoảng cuối năm 1937; hơn một năm qua, tôi được bổ dạy những lớp lớn trường Bưởi sắp đi thi "bằng tú tài". Tuy công việc khá nặng nề, nhưng tôi cũng để một ít thời giờ

VĂN HỌC MIỀN NAM

tới thăm Trường Viễn Đông Bác Cổ của Pháp ở Hà Nội, vì muốn làm quen " cụ Tố ", là một nhân vật có một không hai ở đây. Tuy là một tay tây học nổi tiếng, nhưng cụ vẫn áo dài quần trắng, khăn xếp giầy đen như một thầy khóa thời xưa. Bởi là người bản xứ, cụ chỉ giữ một chức nhỏ, nhưng hầu hết các viên chức Pháp ở đây cần tới cụ trong khi làm việc trường hay khảo cứu. Vì vậy ai cũng kính nể cụ. Và đối với hàng trí thức ta, cụ lại là trưởng Hội Trí Tri, có hội quán, có thư viện, và đại đa số nhân viên là công chức tai mắt xứ Bắc Kỳ. Bởi những lẽ ấy, không những cụ được mọi người trọng, mà ảnh hưởng xã hội của cụ đang thời cũng không ít.

Một hôm gặp tôi, cụ liền hỏi : *«Họ đã mời ông vào hội chưa?»*. Tôi đáp : *« Chưa. Thực tôi rất bận dạy toán, không thể nhận vào Hội Trí Tri của cụ được.»*. Cụ cười và nói : *« Có phải tôi muốn nói hội trí tri đâu ! Tôi muốn nói Hội truyền bá quốc ngữ. Tôi tưởng ông đã biết chuyện rồi. »*.

Lần đầu nghe nói đến tên hội này, tôi lấy làm ngạc nhiên, rồi đáp : *« Không ai mời tôi cả. Và chẳng ngày nay ai mà chẳng học quốc ngữ; thì lập hội làm gì ? Hoặc quốc ngữ đây nghĩa là tiếng ta. tiếng và văn Việt ngữ ? Lập hội với mục đích ấy cũng tốt, vì ngày nay ai cũng muốn nói tiếng tây cho thoáng, chứ không hiểu đúng tiếng ta, đến đổi hạng làm hiểu rằng "yếu điểm" là điểm yếu, ngày càng nhiều.»*. Cụ để tôi nói dài mới ngắt lời, rồi đáp : *« Truyền bá quốc ngữ là truyền bá cách viết tiếng ta bằng những chữ la-tinh A, B, C. »*.

Tôi im lặng. Nhân lúc ấy, ông Trần Văn Giáp, cũng nhân viên trường Bác Cổ, thấy tôi, liền ghé lại chào. Nghe câu chuyện giữa cụ Tố với tôi ông bảo riêng tôi rằng : *«Tôi cũng muốn gặp ông để nói chuyện ấy. Đây là bởi một nhóm chú ý vào hành vi xã hội, đề xướng ra. Họ muốn lập những lớp bình dân dạy chữ quốc ngữ cho các em bé thất học và những người đứng tuổi mù chữ nhà nghèo. Họ muốn những người có danh nhưng "vô chính trị", như cụ Tố và chúng ta, đứng ra xin phép, thì may*

HUYỀN ÁI TÔNG

chi tòa thống sứ và sở mật thám mới cho phép. Sau khi được thành lập, hội lại phải quyên tiền để mua bút giấy cho học trò. Tụi mật thám rất sợ điều này, vì chúng nghi mình dùng tiền làm chính trị. Ông Nguyễn Hữu Đang, một chân trong nhóm sáng lập, có trách nhiệm liên lạc với các trí thức thiện chí. Ông ấy nhờ tôi hỏi ông có nhận giúp không.»

Rồi tôi gặp các bạn giáo sư trường Bưởi như các anh Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Xiển, Nguyễn Mạnh Tường, cũng đã được chạm ướm. Tôi nhận lời mời, nhưng Trần Văn Giáp cho tôi biết rằng tòa thống sứ kiểm chuyện để ngăn hội thành lập, lấy lẽ rằng không cần lập hội, vì ngày nay quốc ngữ đã được truyền bá rồi, và ngoài chữ Pháp, người ta chỉ dùng chữ quốc ngữ mà thôi. Cuối cùng, phải đổi tên hội ra « *Hội truyền bá học chữ quốc ngữ* » thì phòng chính trị mới cho phép lập. Nhưng phải nói thêm rằng bên Pháp bấy giờ còn có ảnh hưởng Phong trào bình dân (*Front populaire*), cho nên chính quyền thuộc địa cũng phải cởi mở ít nhiều.

Vì rất bận việc dạy toán, tôi không tới dự các buổi hội đồng, chỉ nhờ Trần Văn Giáp thay mặt và báo tin. Ảnh cho tôi hay rằng cụ Nguyễn Văn Tố đã được bầu làm hội trưởng, và Nguyễn Hữu Đang, Trần Văn Giáp và tôi được bầu vào ban tu thư. Tôi ngó ý với Trần Văn Giáp về việc soạn quyển sách dạy vần quốc ngữ. Đại ý như sau : « *Lối dạy và lối học của hội ta không cần theo lối chính qui của các sách và các nhà trường. Mục đích ta là muốn học cho dễ, cho biết đánh vần chóng, biết viết chóng. Mục đích là làm sao cho trẻ con hoặc người đứng tuổi học không sợ khó, không hay quên, lại lấy học làm vui thích. Ta cũng nên vừa dạy đánh vần vừa khiến cho học trò, nhất là những người lớn tuổi, hiểu sự cơ động các vần.*». Sau khi tôi đề nghị mấy mục đích trên, Trần Văn Giáp và Nguyễn Hữu Đang giao cho tôi hoàn toàn trách nhiệm soạn sách tập đọc, tuy các ảnh cũng chưa hiểu rõ tôi muốn thực hiện ý gì.



Tôi bèn tự đặt một số nguyên tắc giản dị trong nghề dạy: là dạy từ dễ đến khó, từ đơn đến tạp, dùng đủ các cơ quan tai, mắt, tay để tri thức dễ hấp thụ và giữ bền. Những nguyên tắc ấy như sau:

- 1) Không tách rời sự dạy các chữ cái rồi mới dạy đánh vần.
- 2) Khi dạy chữ cái, thì dạy lẫn lộn chữ vần bằng (phụ âm) và chữ vần trắc (nguyên âm), vì nếu dạy như vậy, thì khi mới học một chữ vần bằng và một chữ vần trắc, học trò đã có thể ghép lại thành vần, và phân tích để hiểu cơ cấu và cơ động của vần.
- 3) Gọi các chữ cái vần bằng B, C, D ... là Bờ, Cờ, Dờ... thay Bê, Xê, Dê... theo xưa. Làm như vậy thì đánh vần mới hợp lí cho các chữ C, G, H, X; kéo ví dụ đánh vần « XÊ A là CA » là không thuận, vì nó phải là « XA » Gọi thẳng các vần bằng kép : Gi là Giờ, KH là Khờ, NG là

HUYỀN ÁI TÔNG

Ngờ, NH là Nhờ, PH là Phờ, GU là Quờ, TH là Thờ, TR là Trờ.

4) Khi đánh những vần gồm hai phần (phụ âm đơn hay kép trước một nguyên âm, hoặc hai hoặc ba nguyên âm hỗn hợp thành một nguyên âm kép, nguyên âm đơn hay kép trước phụ âm đơn hay kép) thì bắt đầu đọc hai hoặc ba phần rời và mạnh như nhau, rồi dần dần vừa đọc díu lại, vừa đọc bé phần sau đi, vừa lắng tai nghe đã thành tiếng gì.

5) Về dạy viết, thì bắt đầu chọn những chữ dễ viết cho những ngón tay chưa từng cầm bút ; và có thể chỉ dùng ngón tay vẽ hình chữ nhiều lần cho nhớ. Hoặc dùng bút chì viết trước khi dùng bút sắt. Vì lẽ ấy tôi đã bắt đầu sách bằng hai chữ I, Tờ, vốn là hai chữ gọn gàng nhất trong vần. Tôi lại muốn, lúc mới vào học, học trò không nản lòng. Cho nên tôi đã đặt một ít câu về, phần để làm vui, phần để làm cho dễ nhớ mấy chữ học vỡ lòng. Ví như :

*I Tờ hai móc cả hai
I ngắn có chấm, Tờ dài có ngang.*

*O tròn như quả trứng gà
Ô thì đội mũ, O là thêm râu.*

6) Không đợi học hết những chữ cái mới học các dấu biến thanh. Học như vậy thì mới học ba buổi, mà đã ghép thành nhiều tiếng với I, T, O, Ô, Ồ và năm dấu. Tôi cũng đã đặt hai vế lục bát để dễ nhớ các dấu biến thanh ấy :

*Huyền ngang, Sắc dọc, Nặng tròn
Hỏi lom khom đứng, Ngã... buồn nằm ngang !*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Đó là luật âm thanh thuận miệng thuận tai. Cứ đọc đi đọc lại nhiều lần thì thấy luật đọc đầu.

7) Để dành lại cuối cùng những vần ngoại lệ đơn và kép K, GH, NGH trước những nguyên âm E, Ê, I thì chỉ cần học : K đọc Cờ như C, GH đọc Gờ như G, NGH đọc Ngờ như NG. Chữ GI đọc Gi. Lại giảng thêm rằng hễ có sự ngoại lệ rắc rối ấy, là bởi vần quốc ngữ được đặt ra bởi những giáo sĩ Bồ Đào Nha dựa theo vần của họ. Sau này, khi ta có dịp, ta sẽ cải cách cho nhập lệ hơn.

Với những nguyên tắc trên, tôi đã thảo quyển vần " *Truyện bá quốc ngữ* ". Các người trong ban tu thư chấp thuận rồi đem in, và phát cho các hội viên giảng dạy. Tôi còn nhớ bấy giờ cần nhiều tiền, phần để in sách, phần để mua bút giấy phát không cho thầy giáo và học trò

Ban tài chính rải khắp Hà Nội, lạc quyền những người hăng sản hăng tâm, hoặc tiên, hoặc đồ vật. Một nhóm phụ nữ hăng hái (các bà Đỗ Xuân Hợp, Nguyễn Đức Thụ, Trần Bảo Sơn, Phạm Thị Huệ, Trịnh Thị Vân, Nguyễn Thị Tuyên, Nguyễn Thị Bích...) đã mấy lần tổ chức buổi " đấu giá " ở hội quán Hội Khai Trí Tiến Đức tại bờ Hồ. Nhiều thanh niên, thanh nữ tình nguyện dạy những lớp tối cho trẻ em nghèo, những lao động nam nữ thất học, tụ họp tại một vài nơi, như hội quán Trí Tri, chợ Đồng Xuân, trường Sinh Từ và một số đình chùa. Nhờ vậy, phong trào truyện bá quốc ngữ rất sôi nổi mấy năm đầu và đã có thể lập chi nhánh ở một vài nơi mà chính quyền cho phép lập.

Tôi đã kết thúc quyển vần bằng một bài tập đọc có tính cách tổng quát. Tôi đã cố ý trừ sự nghi kỵ của sở mật thám mà chọn một bài gia huấn của ông tôi ("*Xuân đình gia huấn* " của Lê Kinh Thập), bắt đầu như sau :

HUỶNH ÁI TÔNG

*Sinh con trai gái đôi hàng
Mẹ nuôi cha dạy chăm thương đủ bề
Chữ rằng " Hữu phúc khán nhi "
Có con không dạy bởi gì mà nên ...*

Hồi bấy giờ có kẻ làm việc kiểm duyệt chính trị đã nói đến tai tôi rằng : « Họ đã biết tác giả quyển sách vẫn là ông. Họ thấy sách lạ, họ ngạc nhiên. Họ đã xét kỹ càng, nhưng không thấy dấu gì là tuyên truyền chính trị. Tuy vậy, họ vẫn nghi ngờ và theo dõi nhân viên hội. ».

Sự thử thách tổ chức hội và phương pháp dạy ở Hà Nội có kết quả lớn, nhưng chính quyền không để bành trướng cụ thể nhiều. Tuy nhiên, phương pháp " *I Tờ* " được nhiều nơi biết đến. Thậm chí có những kẻ không thức thời chế những người ít học là kẻ " *i tờ* ".

Sau ngày chính quyền Pháp bị Nhật quân triệt hạ, nhất là sau khi nhân dân ta tự chủ nắm trách nhiệm xóa nạn mù chữ cho toàn quốc thì phong trào mở lớp học bình dân, dạy văn quốc ngữ theo phép " *I Tờ* " bùng nổ từ thành thị cho đến thôn quê.

Hơn bốn mươi năm sau khi phong trào ấy ra đời, tôi ở đất người, còn được nghe kể một câu chuyện vừa cảm động vừa buồn cười, có liên quan đến hai tiếng " *I Tờ* " kia.

Có người phụ nữ, quê ở miền trong, nghe nói tôi là tác giả những câu về " *I Tờ* " cô ta nhắc lại những câu hát của trai gái gheo đùa nhau, nghe khi cô còn bé :

Trai : « *Ai về Chợ Viễ, Khánh Vân*
« *Hỏi thăm cô Tú đánh vẫn được chưa.* »

Gái : « *Đánh vẫn năm ngoài năm xưa*
« *Năm nay quên hết như chưa học vẫn.* »

VĂN HỌC MIỀN NAM

Trai : « *Bây giờ có lớp bình dân
« I Tờ ghép lại đánh vần như chơi ! »*

Gái : « *Bình dân ! Khổ lắm anh ơi !
« Không đi thì dốt, đi thì... bụng... T... O...» **

viết tại Paris. đầu hè năm 1988

Hoàng Xuân Hãn

Phụ bút : Trên đây tôi viết theo kí ức, vì nguyên bản văn đã mất từ lâu. Trong bản, tôi có viết bài tựa mang đại ý phương pháp bày trên. Tôi sợ trong bài trên có điều khác trong bài tựa. Tôi không biết nay còn bản in lần đầu sách tôi đã soạn ở đâu không. Nếu còn thì tôi mong có một bản ảnh sao để làm kỉ niệm

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Xuân Hãn Web: vi.wikipedia.org
- Hoàng Xuân Hãn Web: diendan.org

23) Huy Lực



Huy Lực Bùi Tiến Khôi (1937-)

HUỶNH ÁI TÔNG

Ông sinh năm 1937 tại tỉnh Bình Định, học Trung Học Cường Để Quy Nhơn, Đại Học Nông Lâm Súc Bảo Lộc. Trước năm 1975 là Chánh văn phòng, Giám đốc Trung tâm Huấn luyện Bộ Canh nông và Điền địa, Việt Nam Cộng Hòa.

Năm 1966 được giải thưởng Văn Chương của Việt Nam Cộng Hòa.

Định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1975. Hội viên danh dự hội Galaxy of Verse và American Poetry Society.

Năm 1984, ông được thành phố Houston bầu vào chức vụ “Nhà thơ Công Huân Danh Dự của thành phố Houston” (Houston’s Poet Laureate).

Năm 1985, ông được Hội Thi Ca Quốc Tế trao tặng Giải Thưởng Vàng Thi Sĩ.

Năm 1990, ông được Viện Danh Nhân Hoa Kỳ trao tặng Huy Chương Danh Dự và Chánh phủ Anh quốc trao tặng Huy Chương Vàng.

Năm 1990, ông được chọn là NGƯỜI CỦA NĂM 1990 (MAN OF THE YEAR 1990).

Năm 1991, ông được trao tặng giải thưởng NGƯỜI ĐƯỢC NGƯỠNG MỘ NHẤT THẬP NIÊN (THE MOST ADMIRER MAN OF THE DACATE).

Năm 1992, ông được trao tặng GIẢI THƯỞNG THÀNH CÔNG CỦA THẾ KỶ 20 (THE TWENTIETH CENTURY AWARD FOR ACHIEVEMENT).

Tác phẩm:

VĂN HỌC MIỀN NAM

Dạ Hội Mùa Xuân (1962)

Trời Thơ Bao La (1965)

Năm Tháng Mù Swong (1971)

Hạnh Phúc Có Thật (1972)

Tình Thơ (1987)

Trích thơ:

Mười năm

*Gió trở trời thu thả phấn hương
Mười năm mù mịt cõi muôn phương
Mưa bay kỷ niệm lên màu khói
Từng giọt râm ran nổi đoạn trường ...*

*Tích tắc người đi nhịp bước chân
Mười năm ngày trước gái thanh tân
Làm sao lợi ngược thời gian nhi
Tìm dấu trình nguyên giữ bụi trần...*

*Tình phai nhạt tợ ánh trăng sông
Mười năm dấu bẻ lẹ người tuôn
Tìm nhau sỏi ẩm đêm lưu lạc
Trong vũng tan thương đắm đuối buồn...*

*Thoai thoai đôi cao cỏ mượt nhưng
Mười năm thuở trước viếng mê cung
Quê người gặp lại tang thương quá
Cỏ úa rêu phai công lạnh lùng*

Sức Mạnh Tự Do

*Chấn động rung trời
tiếng hét tự do gâm lên bốn hướng
triệu triệu người bước đi hân hoan tin tưởng
sức mạnh nở bùng cơn lốc ước mơ*

HUYỀN ÁI TÔNG

*đêm đông tù ngục theo tuyết tan rồi
nắng xuân vàng bát ngát thơm tơ ...*

*Đây Hung-Gia-Lợi vùng lên rực rỡ màu cờ
lóp lóp xông ra tiến về thủ đô ánh sáng
đập nát búa liềm, phá cùm, bỏ đảng
ôi dòng sông xanh Danube nhiệm màu
sóng biếc dâng tình
kỷ nguyên mới Đông Âu ...*

*Nhân dân Hung tiên phong chiến tuyến dẫn đầu
đẹp tượng Lenin
tan tích hãi hùng xưa mai táng
đã hết rồi
đã thực sự qua rồi những ngày đại nạn
kèm kẹt ngục tù khốn khổ đau thương
không còn xe tăng họng súng ngăn đường ...*

*Này em có thấy không
tự do trong môi cười khoe mắt
trong tiếng run run mừng rỡ nghẹn ngào
trong thủy triều dâng Danube sóng lao xao
rộn rã mạch đời lên choáng ngợp ý dâng trào ...*

*Ôi Đông Âu bức tung xiềng xích
này anh công đoàn Ba Lan
kéo sụp bạo quyền nêu cao thành tích
đưa dân chủ tự do về
trên đất nước thân yêu
chính bàn tay công nông
xé nát chủ nghĩa Mác-Lê
lạc hậu ngu dân chậm tiến giáo điều ...*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Này em thấy không
tự do trên mặt mừng tay bắt
trong chiếc môi hôn nồng cháy đón chào
từng cảm giác bức tung mạch máu xông xao
thở nhanh lên
không khí tự do dân chủ ngọt ngào ...

Ôi Đông Đức vùng lên
triệu người tay trong tay tiến bước
kéo sập ngai vàng
lãnh chúa công nông độc tài bạo ngược
kẻ mạo nhận nhân dân để đàn áp nhân dân
khí thế dân chủ tự do
sóng ngầm bức tung, vũ bão mạnh muôn phần ...

Bức tường Bá Linh
chia cắt con tim, giam cầm tù ngục
lịch sử hằn đau, vết thương ô nhục
hàng triệu cánh tay tung cánh công tự do
ôi giờ phút thiêng liêng
cả nước run lên trong đoàn tụ hẹn hò ...

Sức mạnh tự do thế đấy, loài người ơi !
ta chờ đợi lâu năm, nhật nguyệt rã rời
đường ta đi khởi đầu từ Thiên An Môn tháng Sáu
hịch tự do truyền đi, phải viết bằng bút máu
máu của trí thức sinh viên
máu siêu việt con người
tự do nảy mầm trong lá thắm hoa tươi
cả vũ trụ nở tràn lan ý thức
từ Nga, TC, Tiệp Khắc, Bảo, Hung, Ba Lan
tiến về Đông Đức
những bước chân lên đường chấn động càn khôn
những cánh tay giơ cao quyết liệt hùng hồn
hãy trả lại con người

HUỲNH ÁI TÔNG

*quyền tự do quyền sống
ta đã nghe trong trời cao đất rộng
bạn trùm đảng lỗi thời co rúm nín thinh
nhất định ta sẽ về Hà Nội Bắc Ninh
xây đại lộ tự do
Huế, Sài Gòn nổi ba miền đất nước
tà áo em bay trong nắng vàng tha thướt
lượng xuân đời bát ngát tự do
quyền làm người trong hạnh phúc ấm no
cười chát ngất say bao la tinh khiết
ôi hạnh phúc quá
người dân tự do nước Việt
nhân tài Rồng Tiên
khắp năm châu về đất tổ Tiên Rồng
tự do bưng bưng
theo mặt trời lên rục rờ non sông.*

Xuân trên đất người

*Nghe xuân hờ hững bên ngoài
gió chao cánh bướm nắng cài song thưa
nụ hồng nở vội đông đưa
ta còn xuân? hay gió đùa trên người*

*Lao xao tiếng trẻ nô cười
tuổi thơ vang vọng xuân tươi má hồng
ta giờ quờ quạng hư không
xuân nào đây, với non sông mơ màng*

*Nghe từng giọt máu lang thang
xa tìm nhớ cội ngõ ngành châu thân
nằm yên thấm lạnh, lạnh dần
xuân khô từng sợi lột trần thịt da*

*Hương xuân trên đất người ta
ngủi vô lạ hoắc, thở ra bồi hồi*

*hương trầm còn lại trong tôi
oà lên nghi ngút xông đời quanh hieu...*

Ngày Bỏ Nước Ra Đi...

Những gì đã xảy ra trong tháng tư năm 1975, những ngày tháng hỗn loạn kinh hoàng trời long đất lở, ngày tự do sụp đổ đòi hỏi tận thế đó phải được mỗi người trong hàng chục triệu người ghi chép để truyền lại hậu thế mai sau. Bởi vì lịch sử của một dân tộc trong một giai đoạn nào đó, đâu có gì sống động trung thực hơn những câu chuyện được kể lại của nhiều người...

Tôi quen biết Alan Carter, trưởng phòng thông tin và thư viện của tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, như một tinh cờ văn chương định mệnh. Tại một buổi nói chuyện với đề tài “Những người yêu thơ” tại thư viện Hoa Kỳ ở Sài Gòn, tôi đề cập đến câu chuyện Tổng Thống John F. Kennedy. Ông Kennedy, là một người đẹp trai, một Tổng thống yêu thơ nhất trong các vị Tổng thống, bên cạnh ông thường có những tập thơ để ông đọc giải trí sau những giờ đầu đầu nhức óc giải quyết công vụ. Ông rất say mê những tác phẩm văn chương của nhà thơ Robert Frost. Năm 1960, trong ngày lễ nhậm chức Tổng thống, ông mời cho bằng được nhà thơ Robert Frost đến đọc một trong những bài thơ hay của thi sĩ như là một tiết mục trong chương trình lễ đăng quang này. Ở Việt nam ta, vua Tự Đức là một thi sĩ, nhưng không biết vua Tự Đức có mời các vị Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương đọc thơ trong ngày lên ngôi, tôi có nhờ học giả Tam Ích lục tìm tài liệu, nhưng câu hỏi chưa được trả lời thì giáo sư Tam Ích đã treo cổ, đập chồng sách kê cao làm chỗ đứng, vĩnh biệt ra đi...

Nhà thơ Robert Frost qua đời vào đầu năm 1963, thọ 88 tuổi. Ngày 26 tháng 10 năm 1963, đại học Amherst ở tiểu bang Massachusetts khánh thành một thư viện mới lấy tên thư viện

HUYỀN ÁI TÔNG

Robert Frost để kỷ niệm nhà thơ vừa quá cố; Tổng thống Kennedy đã được mời đến để đọc một diễn văn nói về thi ca và quyền lực, trong đó có những câu:

- Poet saw poetry as the means of saving power from itself (Thi sĩ đã thấy thi ca như là những phương tiện của bảo tồn sức mạnh tự chính nó)

- When the power corrupts, poetry cleanses. (Khi quyền lực thối nát đồi bại, thi ca làm sạch tẩy uế.)

- At bottom, poet held a deep faith in the spirit of man. (Từ đáy sâu thẳm thi sĩ đã giữ một niềm tin sâu xa vào tinh thần của con người.)

Đây là một bài diễn văn cuối cùng đầy ý nghĩa văn chương sâu xa nhất của Tổng thống Kennedy; và 27 ngày sau, Robert Frost đã đón Kenney về cõi thơ đời đời, khi ông Kennedy bị ám sát chết tại thành phố Dallas vào ngày 22.11.1963.

Ông Alan Carter rất thích thú về câu chuyện của tôi trình bày; và từ đó chúng tôi làm bạn sách vở với nhau. Carter tặng tôi hai tác phẩm của William Faulkner, hai truyện dài đã đưa Faulkner lãnh giải Nobel văn chương năm 1949; tôi tặng Carter quyển “Cuộc đời của bác sĩ Arrowsmith” bản dịch Việt văn tác phẩm của nhà văn Hoa kỳ Sinclair Lewis được giải thưởng văn chương năm 1930. Ông Carter vô cùng thích thú khi biết được độc giả Việt Nam đã thưởng thức văn chương Hoa kỳ trong một thời gian lâu dài hơn ông tưởng, trước khi người Mỹ ồ ạt đến Việt nam.

Alan Carter có bộ râu tuyệt đẹp phảng phất giống như nhà văn Ernest Hemingway được giải thưởng Nobel văn chương năm 1954 với cuốn “The old man and the sea”. Khi tôi bắt đầu dịch cuốn “Lão ngư ông và bể cá” được vài trang, thì một hôm Carter đem tặng tôi bản dịch ra Việt văn cuốn sách này vừa

VĂN HỌC MIỀN NAM

mới in xong, và hề hả khoe rằng ông biết sinh hoạt văn chương Việt nam hơn cả tôi, để đáp lễ tôi biết chuyện Kennedy yêu thơ hơn cả ông, một nhà ngoại giao văn hóa Hoa kỳ.

Những ngày kinh hoàng tháng tư năm 1975, bộ râu của Carter bạc trắng ra xác xơ thêm mỗi lần gió nổi. Trong giai đoạn lịch sử nguy kịch hấp hối, Toà Đại sứ Hoa-kỳ lãng quên con người văn hoá, những ưu tiên di tản do ông đề nghị như gió nhẹ ngoài tai. Cuộc kết thúc đã rõ ràng, không còn gì nữa, ông không còn giúp ai được nữa, kể cả một số đồng nhân viên cộng sự với ông trong cuộc di tản sống chết này. Cơ hội chỉ có một lần mà ông bắt lực buông xuôi, không bao giờ nữa, never more... never more... Tôi không biết ông đang phân trần với tôi, hay là ông đang đọc bài thơ “The Raven” “Con quạ” của thi sĩ Edgar Poe với điệp khúc “never more” lặp lại đến 11 lần ở cuối mỗi đoạn!

Và lần cuối cùng gặp nhau đó, ông Carter cho biết: khi đài phát thanh quân đội Hoa-kỳ gởi đến thính giả câu: “Mother wants you to call home” (Mẹ muốn bạn gọi về nhà) và tiếp liền sau đó bản nhạc “I am dreaming of a white Christmas” (Tôi đang mơ một lễ Giáng sinh trắng xoá) do ca sĩ Bing Crosby hát vang lên, đó là tín hiệu cuộc di tản toàn diện bắt đầu...

Alan Carter đã không giúp được tôi, đó là một trong 30 cơ hội chuẩn bị vượt thoát ra đi với 30 tên người quen biết thân thích cùng 30 địa chỉ số điện thoại ghi chép rõ ràng trên giấy để từng ngày liên lạc theo dõi. Lòng tôi quặn thắt đau nhói gạch bỏ cơ hội thứ 28 Alan Carter, như đã gạch bỏ từ cơ hội thứ nhất đến cơ hội thứ 27 trong mấy ngày trước đây. Nhưng tin tức Carter cho đã giúp tôi một chút hy vọng mong manh để bầu vùi vào hai cơ hội cuối cùng...

Trước năm 1975, trong nhiều lần công du Đài Loan tôi quen biết một nhân vật, ông Hồ Liên, một đại tướng trong quân đội của Tổng thống Tưởng Giới Thạch, một học giả tâm lý học,

HUỶNH ÁI TÔNG

một lý thuyết gia về chiến tranh tâm lý, một người nghiên cứu lịch sử chiến tranh và ông còn làm thơ nữa.

Một lần ông hỏi tôi:

- Trong lịch sử Trung Hoa đời Tống có một vị tướng Việt Nam dám đem quân sang đánh Trung Hoa ở Quảng Tây, Nam Ninh, giết chết Đô giám Quảng Tây, chiếm thành Ung Châu tiêu diệt hơn 5 vạn quân Tàu. Vị tướng Việt Nam đó rất được Tể tướng Vương An Thạch nổi tiếng đời Tống nể vì, nghe nói vị tướng Việt Nam đó là một thi sĩ?

Tôi hãnh diện cho ông biết đó là anh hùng Lý Thường Kiệt, vì sau thảm bại trên chính lãnh thổ Trung Hoa, năm 1076 Tể tướng Vương An Thạch chỉ thị cho các tướng Quách Qui, Triệu Tiết đem đại binh sang đánh phục thù. Tại bên cửa sông Như Nguyệt, quân hai bên xáp chiến vô cùng ác liệt dữ dội, Lý Thường Kiệt sai người giả làm thần nhân, đêm khuya cất lời ca sang sảng hùng khí bốn câu thơ đã làm phấn khởi nức lòng ba quân và đã đẩy lui được binh Tống:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên phận định tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!*

Thoát dịch ra Việt văn:

*Nước Nam sông núi, vua Nam ở
Phân định rõ ràng theo sách trời
Vì sao giặc nghịch sang xâm phạm?
Nếu cứ làm, chuốc bại tả toi!*

Tôi đã gửi tặng ông Hồ Liên nguyên bản bài thơ bằng Hán Văn và bản dịch tiểu sử của anh hùng Lý Thường Kiệt, ông vô cùng cảm kích và trong một bài ông viết đăng báo nói về sức mạnh

VĂN HỌC MIỀN NAM

của thi ca ông có kể chi tiết lý thú về vị anh hùng đất Việt phương Nam này.

Ngày 5 tháng 4 năm 1975 lúc 11 giờ 50 tối, Tổng thống Tưởng Giới Thạch qua đời, cả đảo Đài Loan buồn thảm nức nở đau thương. Ngày 18 tháng 4 năm 1975, một buổi lễ truy điệu đơn giản tại tòa Đại sứ Trung Hoa Dân quốc ở đường Hai Bà Trưng Sài Gòn, tôi đến tham dự và gặp lại ông Hồ Liên hiện làm Đại sứ Trung Hoa Dân quốc tại Việt Nam Cộng Hoà. Sau buổi lễ, ông mời tôi vào văn phòng và cho biết tình hình quân sự tại Việt Nam Cộng Hoà hiện nay cũng giống như Trung Hoa Dân Quốc năm 1949; sự hỗn loạn tâm lý cực kỳ nguy hiểm kéo theo sự sụp đổ nhanh chóng từng phần lãnh thổ như những con bài domino đẽ bẹp ngã chồng chất lên nhau. Trung Hoa lục địa đất rộng dân đông phải mất nhiều tháng, còn Việt Nam Cộng Hoà thì quá nhỏ.

Những lời nói của ông làm cho tôi khó thở nghẹn ngào. Sau đó ông cho biết thêm: Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc biệt phái hai chiếc tàu sẽ đến hải cảng Vũng Tàu để giúp di tản những người Trung Hoa liên hệ, và ông ký giấy giữ 5 chỗ cho vợ chồng và ba đứa con tôi. Khi đứng lên đưa tiền tôi ra về, nhìn vẻ thất thần trên khuôn mặt mất ăn mất ngủ vài tuần nay của tôi, ông Hồ Liên ái ngại, thành thật và quyết tâm giúp đỡ hơn:

- Có thể hai chiếc tàu Trung Hoa đến quá trễ và tôi muốn giúp ông một việc nữa, một việc cuối cùng. Sáng ngày 25-4-1975 tôi sẽ đáp máy bay về nước, chiều ngày 25-4-1975 tòa Đại sứ Trung Hoa sẽ vĩnh viễn đóng cửa, tôi cho ông mượn chiếc xe Đại sứ của tôi, chiếc xe ngoại giao đoàn có thể chạy đến bất cứ nơi nào kể cả trong giờ giới nghiêm... Đó là tất cả những gì người bạn Trung Hoa của ông có thể làm được. Chúc ông may mắn...

Và quả thật tôi đã có một chút may mắn trong cơ hội vượt thoát cuối cùng thứ 30, trước khi ca sĩ Bing Crosby cất tiếng hát

HUYỀN ÁI TÔNG

“Tôi đang mơ một mùa Giáng Sinh tuyết trắng” để báo hiệu cuộc di tản toàn diện bắt đầu, thì đại úy Kroll gọi điện thoại báo tôi vào ngay phi trường Tân Sơn Nhứt vào chiều ngày 27-4-1975.

Nguyễn thị Kim Oanh, cô em vợ tôi, có bằng B.S nhân viên phái bộ quân sự Hoa kỳ (viết tắt là D.A.O), trước khi ra đi đã nhờ đại úy Kroll giúp đỡ gia đình tôi vượt thoát bằng các chuyến bay quân sự Hoa-Kỳ. Nhờ chiếc xe của đại sứ Hồ Liên, gia đình tôi vượt qua công gác phi trường Tân Sơn Nhứt một cách dễ dàng. Nhưng đại úy Kroll hoãn ưu tiên của gia đình tôi, yêu cầu xe chúng tôi quay về nhà, chờ những chuyến bay sau.

Ngày hôm sau, ngày 28-4 lúc 4 giờ chiều, chúng tôi đang xem trực tiếp vô tuyến truyền hình buổi lễ bàn giao giữa Tổng thống ra đi Trần Văn Hương và tân Tổng thống Dương Văn Minh, thì chuông điện thoại reo vang, đại úy Kroll yêu cầu gia đình tôi vào ngay phi trường Tân Sơn Nhứt. Bầu trời tối sẫm, mưa đầu mùa rả rích, tôi quỳ lạy song thân tôi vừa mới di tản từ Quy Nhơn vào, rồi diu ba đứa con, tôi cùng vợ lên xe hối hả ra đi. Mẹ tôi dầm mình trong cơn mưa, chạy theo đưa tiễn, nước mắt nhiều hơn nước mưa dầm ướt trên khuôn mặt nhăn nheo khô héo của người...

Đường phố Sài Gòn chiều ngày 28-4 là cảnh cực kỳ hỗn loạn của ngày tận thế, mọi người bất chấp chỉ với một mục đích sống còn. Phải mất hơn một giờ rưỡi đồng hồ, xe chúng tôi mới đến công gác Tân Sơn Nhứt với hơn một trung đội quân cảnh Việt Mỹ, họ chặn tất cả mọi xe dân sự không cho vào phi trường. Tôi thấy một số nhân vật trong Hội đồng nội các không có nhân viên hộ tống, xe họ bị chặn lại và đuổi ra về. Khi gia đình chúng tôi trên xe đại sứ Trung Hoa được nhanh chóng chạy vào tới khu Air America, sát phi đạo thì những chiếc máy bay cộng sản trút bom xuống phi trường. May mắn thay gia đình chúng tôi thoát hiểm, chỉ cách chỗ chúng tôi không đầy

VĂN HỌC MIỀN NAM

100 thước, tôi thấy vài chiếc máy bay C47 bị phá hủy hư hại hoàn toàn.

Vào xẩm tối, tôi bắt tay anh Bảy Điện, người tài xế đã đến lấy xe tại Tòa Đại sứ Trung Hoa chiều ngày 25-4, và trong ba ngày qua anh đã ở luôn trong xe, việc cơm nước do Kim Yến vợ tôi cung cấp, anh bất chấp sự sôi sục hỗn loạn của tình thế, quyết tâm giúp đỡ tôi. Anh đúng là một người bạn thật sự cần thiết vì cả vợ chồng tôi lúc đó không lái xe và cần thiết thật sự một người tài xế trung thành. Anh là người công giáo, công chức ngạch tài xế lâu năm, đã lái xe cho Tổng trưởng bộ Ngoại giao, tôi là chức vụ thấp nhất anh lái xe đưa rước. Sự vui vẻ bình tĩnh giúp đỡ trong ba ngày cuối cùng của anh đã làm phong phú cuộc sống của tôi quá nhiều...

Chúng tôi ôm nhau, biết nhà tôi luôn luôn cầu Phật, anh nói:

- Trời Phật sẽ giúp ông bà. Tôi sẽ cầu nguyện Chúa phù hộ ông bà. Vĩnh biệt...

Rồi anh lên xe, nhìn chúng tôi làm dấu thánh giá và nói theo:

- Bây giờ tôi làm đại sứ Trung Hoa lái xe ra về!

Giây phút cuối cùng anh còn dạy tôi thêm một bài học: trong mọi hoàn cảnh, kể cả tình trạng thế thảm bi đát nhất, hãy cố gắng giữ một tình thần lạc quan hài hước, một nụ cười...

Chín giờ tối ngày 28-4, đại úy Kroll cho tôi biết chuyến bay đưa gia đình tôi sang Phi Luật Tân sẽ cất cánh vào lúc 4 giờ 30 sáng ngày 29-4. Lúc bấy giờ tôi thấy khoảng gần hai ngàn người Việt Nam trong những ngôi nhà và sân thể thao của cơ sở phái bộ quân sự Hoa Kỳ. Sự an ninh trật tự được một trung đội thủy quân lục chiến Mỹ trang bị đầy đủ đảm nhận làm chúng tôi vững dạ an tâm. Nhưng những thử thách chết người vẫn chưa buông tha cho gia đình tôi.

Suốt cả đêm máy bay lên xuống không ngừng, tiếng máy bay gầm thét, tiếng đạn pháo từ xa vọng lại, cầu không vận hồi hả tiếp diễn. Tôi nhìn theo những chiếc máy bay C130 đi lại trên bầu trời, tinh thần căng thẳng tột độ, không sao chớp mắt được. Bốn giờ 30 phút sáng 29-4, chuyến bay của gia đình tôi dự định cất cánh, thì đúng 4 giờ thần chết đã phủ phàng oái ăm đến sớm đổ ập xuống, tán đờm kinh hồn.

Hàng trăm hỏa tiễn, hàng ngàn đạn đại bác 130 ly đình tai nhưc óc xé bầu trời, mưa lửa vào phi trường Tân Sơn Nhứt và cơ sở quân sự DAO. Tôi xô vợ con tôi xuống một cái hồ cạn, sâu chừng năm bảy tấc, bên cạnh sân thể thao DAO. Các con tôi quá hãi hùng khóc ré lên, tôi bảo chúng lấy tay bịt tai, nằm cúi đầu sát xuống, còn tôi và vợ tôi mỗi người nằm đè lên chúng. Thật lạ khi cái chết sát kề, tôi không còn biết sợ là gì nữa, mở mắt nhìn chung quanh.

Ngoài xa một kho xăng của phi trường trúng đạn, bốc cháy khói đen đặc quánh bốc lên trên bầu trời, xen lẫn những đóm lửa tròn, những tia lửa đạn pháo cày nát không trung, tiếp theo những tiếng nổ trời long đất lở. Rồi lửa ngùn ngụt cháy lan nhanh. Một quả đạn nổ sát chiếc máy bay C130 đang đỗ trên phi đạo, tôi thầm nghĩ đó là chiếc máy bay đã sẵn sàng cho chuyến bay của gia đình tôi cất cánh lúc 4giờ 30 phút; giờ máy bay bị hư méo giống như một vật bằng nhôm bị bóp nát. Một trạm gác tại khu vực DAO cách chỗ tôi nằm không xa, hai người lính Mỹ nằm chết ngay do những đạn pháo ban đầu. Gần hơn, một người đàn bà nằm chết vì bị bức tường đè sập, trong lúc hàng trăm người Việt nam tán loạn bị khói lửa bom đạn lùa đi. Trong cơn bão lửa sấm sét bom đạn của ngày tận thế, tôi không còn đủ sức quan sát nữa, bèn bịt tai nhắm mắt lịm dần đi...

Tờ mờ sáng ngày 29-4, tôi đỡ các con tôi ngồi dậy, những thân người chết đã được khiêng đi, chỉ còn lại cảnh điêu tàn đồ nát.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Đây đó những đám cháy nhỏ vẫn còn đang bốc khói. Số người Việt Nam ở lại tại sân thể thao cơ quan quân sự DAO lúc bấy giờ còn khoảng vài trăm và đến trưa chỉ còn lại hơn 60 người. Một điều đặc biệt thấy rõ là không còn bóng dáng một quân nhân Mỹ nào, ngoại trừ một người Mỹ dân sự bên bàn điện thoại truyền tin. Tôi tiến đến bên cạnh ông ta:

- Thưa ông, chúng tôi có thể chờ đợi ở đây để được lên máy bay ra đi?

- Xin lỗi, tôi không biết, tôi chỉ được lệnh ngồi giữ điện thoại này. Đó là D day, ngày dài nhất ngày định mệnh của đời tôi. Đến trưa các con tôi đói lả, chúng đã không ăn uống gì từ chiều hôm trước, cùng lúc đó Touneh Hàn Thọ, Phó Tổng Thư ký Bộ Phát Triển Sắc Tộc, người bạn dân tộc thiểu số, nhà ở gần nhà tôi, Thọ vừa từ Sài Gòn lái xe đến mời gia đình tôi cùng ra về. Các con tôi leo lên xe, vợ tôi thấy như vậy là hợp lý, nhưng chần chờ đợi ý kiến của tôi. Tôi lấy sáu tập thơ đã xuất bản từ trong hành lý mang theo, ôm vai vợ tôi ghen ngào:

- Nếu em muốn, em có thể cùng các con ra về. Anh sẽ ở lại đây, nếu đi được thì sống còn. Anh không biết quyết định nào là đúng cho các con, nhưng ở lại đây với mấy quyển sách là hy vọng duy nhất cho đời anh.

Tội nghiệp cho vợ tôi, nàng và các con không thể bỏ tôi chết ở đây một mình. Đến 4 giờ chiều ngày 29-4, tôi mệt nhọc đói lả, tinh thần suy sụp kiệt sức, hy vọng dần dần tan biến đi theo bước chân của mặt trời từ từ xuống thấp phía tây. Tôi không còn đủ sức ngồi nữa, nằm dài ra trên đất, đầu gối lên chiếc xách tay nhỏ đựng mấy tập thơ, mắt hướng về người Mỹ dân sự ngồi gác điện thoại, cách chỗ tôi nằm khoảng năm sáu thước. Hơn bốn giờ chiều tôi mệt lả dần dần mê đi và tôi mơ hồ thấy người Mỹ dân sự ngoắc tay vẫy gọi.

HUỶNH ÁI TÔNG

Trước khi nhắm mắt hẳn, tôi thì thảo nói với vợ tôi đang ngồi bên cạnh:

- Anh thật sự hôn mê rồi, anh thấy người Mỹ vẫy tay gọi anh...

Vợ tôi nhìn theo, lớn giọng la lên:

- Nó vẫy tay mời gọi anh đó, anh không mơ đâu.

Tôi chậm chạp tiến đến chỗ hẳn ngồi. Người Mỹ dân sự đứng dậy bắt tay tôi:

- Các anh sẽ được di tản bằng máy bay trực thăng. Hãy bảo nhau dọn sạch nơi này.

Nghe đến đây, tiềm năng và sức sống trong cơ thể tôi bùng bùng nổi lên hồi phục. Tôi cùng với vài chục thanh niên còn nấn ná ở lại, trong đó có cả Hàn Thọ đã nghe theo quyết định của tôi, chúng tôi dầm mình trong mưa nỗ lực cất dọn thành đồng cao hàng trăm chiếc va-li Samsonite của những người chạy tán loạn đêm qua bỏ lại, trong đó chất chứa biết bao sự nghiệp, tâm sự, kỷ niệm của đời người...

Hơn 5 giờ chiều ngày 29-4, sân thể thao tại căn cứ quân sự DAO đã được dọn ỉ sạch sẽ bằng phẳng, sau đó một tiểu đội thủy quân lục chiến Hoa kỳ trang bị toàn tiểu liên với đạn quần đầy mình, từ máy bay trực thăng đổ xuống bảo vệ bãi đáp, theo đội hình chiến đấu. Khoảng nửa giờ sau, bốn chiếc trực thăng Chinook CH 53 đầu tiên đáp xuống sân thể thao căn cứ quân sự DAO và bốc đi những người từ tòa Đại sứ Hoa Kỳ hoặc những địa điểm tập trung khác do những chiếc xe buýt ào ạt chở đến. Rồi từng đợt bốn chiếc trực thăng Chinook đáp xuống, hồi hả bay lên, cầu không vận bằng trực thăng rầm rộ ào ạt quay cuồng... Chúng tôi vô cùng lo lắng sốt ruột, sợ lại trễ, sợ tai họa lại giáng xuống... Mãi đến đợt thứ bảy, hơn 60 người cuối

cùng còn lại tại sân thể thao căn cứ quân sự DAO, mới đến lượt ra đi...

Máy bay trực thăng Chinook CH 53 là một loại máy bay trực thăng lớn, hai cánh quạt ở đầu và đuôi, thường có thể vận tải 50 quân nhân Mỹ hoặc 60 người Việt Nam. Khi bốn chiếc máy bay cùng hạ xuống trong một sân thể thao hẹp, tám cánh quạt quay tít tạo ra một trận bão với sức gió 130 cây số một giờ. Tôi đã nhìn thấy một vài phụ nữ ốm yếu và trẻ em bị cuốn đi, nhưng nhờ sự dũng cảm tận tâm của binh sĩ Hoa kỳ, cuối cùng họ cũng được lôi vào trong lòng Chinook. Khoảng cách vài chục thước, nhưng dường như con đường dài vô tận cho ba đứa con tôi từ 6 đến 11 tuổi. Tất cả hành lý mang theo đều quăng bỏ lại, tôi ngồi xồm tiến lên theo kiểu ếch đi, đẩy hai đứa con trai đang bò bằng hai tay, chậm chạp từng thước một. Khi ra đi, tôi cho hai đứa con trai mặc đồng phục Hướng Đạo vì nghĩ rằng nếu chúng có bất hạnh chết đi, cũng được chết trong can đảm danh dự. Giờ thì con lóc 130 cây số một giờ đánh tôi tả bộ đồng phục ngắn, mong manh. Năm phút trôi qua, mà gia đình tôi tiến được chừng mười thước, trong lúc tất cả hơn 60 người hành khách khác đã vào lọt trong phi cơ. Nước mắt lưng tròng, tôi hoảng hốt tuyệt vọng... Không thể chờ đợi lâu thêm một phút nào nữa, hai người lính thủy quân lục chiến Mỹ xông ra, một người bồng hai đứa con trai tôi, một người khác nắm tay vợ chồng và đứa con gái lớn của tôi kéo vào lòng phi cơ, ngay tức khắc máy bay từ từ lên thẳng. Máy bay lên được 3 thước thì phải hạ xuống vì quá trọng tải. Cố gắng lên vài thước nữa, rồi cũng phải hạ xuống. Tôi nghe tiếng người Mỹ trưởng phi hành đoàn hét lên:

- Gắng một lần nữa, nếu không được thì giảm bớt hành khách!

Trời ạ, giá không hiểu Anh ngữ thì lòng tôi thanh thản an ổn hơn, giảm ai đây, hợp lý nhất và đại bất hạnh là gia đình tôi, những kẻ lên sau cùng.

Phi công hải quân Hoa kỳ quả thật kinh nghiệm tài ba và đầy bình tĩnh gan dạ. Lần thứ ba phi cơ lên nhanh và bắt đầu bay. Qua cửa hậu còn mở tôi thấy rõ máy bay vượt qua thành phố theo đường Vũng Tàu tiến về hướng đông. Tôi nhìn vợ tôi mặt mày hốc hác xanh tái đang ôm các con vào lòng, nước mắt nhạt nhòa dàn dụa nhìn xuống thành phố Sài Gòn, vĩnh biệt... vĩnh biệt...!

Khoảng 10 giờ tối, máy bay hạ cánh xuống tàu Hancock, một chiến hạm trong đệ thất hạm đội Hoa kỳ ở Thái Bình Dương. Tôi ăn qua loa miếng bánh mì, uống vài ly nước và ngã gục xuống ngủ mê mệt như chết cho đến ba giờ sáng ngày 30-4-1975; một cơn đau bụng quặn thắt khủng khiếp đánh thức tôi dậy và biết tin chuyến bay chở gia đình tôi là chuyến bay cuối cùng tại căn cứ quân sự DAO. Và cũng trong giây phút này, Tom Polgar, giám đốc cơ quan tình báo của tòa Đại sứ Hoa kỳ, đánh bức điện tín cuối cùng về Hoa Thịnh Đốn thông báo chấm dứt cuộc di tản; bức điện tín lịch sử nhìn nhận bạo lực đã chiến thắng tự do đã chết, có một nội dung đầy triết lý, nguyên văn như sau:

“Đây là một cuộc chiến lâu dài và khó khăn mà chúng ta đã bại trận” ...

“Kinh nghiệm đau thương độc nhất này trong lịch sử Hoa kỳ, không nhất thiết có nghĩa là sức mạnh siêu cường của quốc gia Hoa kỳ đã chấm dứt tiêu tan. Nhưng tầm quan trọng của sự thua cuộc và trường hợp đưa đến sự thất bại, buộc chúng ta phải nhìn nhận cứu xét lại những chính sách nhỏ giọt nửa vời (the policies of niggardly half measures) là đặc điểm chính chúng ta đã áp dụng vào cuộc chiến trên đất nước này, mặc dầu sự cam kết về nhân lực và tài lực thật ra đã vô cùng phong phú. Những người không học được gì từ lịch sử, sẽ lập lại sai lầm của lịch sử. Hy vọng rằng chúng ta sẽ không có một kinh

VĂN HỌC MIỀN NAM

nghiệm Việt Nam khác và đó là điều chúng ta đã học được trong bài học này.

Chấm dứt liên lạc từ Sài Gòn”

Anh Ngữ tại Hoa Kỳ

Trên con đường tiến hoá của một ngôn ngữ được thông dụng nhất trên hành tinh này, năm 2006 một dấu mốc quan trọng của Anh ngữ đã tiến đến giới hạn một triệu chữ (1 million words) trong phương tiện phong phú giao lưu của loài người.

Cơ quan Điều Hành Ngôn Ngữ Toàn Cầu (Global Language Monitor, viết tắt là GLM) do một nhóm chuyên viên truyền thông thành lập để nghiên cứu chiều hướng phát triển việc sử dụng Anh ngữ và ảnh hưởng sâu xa của Anh ngữ trong sinh hoạt văn hoá văn chương, và đời sống của con người. Theo cơ quan GLM cho biết, năm 2006, kho tàng Anh ngữ tại Hoa kỳ lên đến một triệu chữ, con số đáng quan tâm cho nhiều người.

Trong lúc Pháp ngữ phải được Hàn Lâm Viện duyệt xét, cơ quan này thành lập năm 1635 do Hồng y Richelieu chủ xướng. Viện Hàn Lâm Pháp toàn quyền quyết định về văn phạm, từ ngữ mới, đó mới là Pháp văn chính thức. Hàn Lâm Viện Pháp, một nhóm người sống trong tháp ngà chữ nghĩa, bảo thủ, chịu áp lực chính trị gò bó, thành thử Pháp ngữ không phát triển theo nhu cầu tiến bộ của đời sống, nên hiện nay vẫn chỉ trong khoảng 100 ngàn chữ nghèo nàn.

Nhìn lại Anh ngữ, nhất là Anh ngữ tại Hoa Kỳ, một ngôn ngữ tiến hóa nhanh nhất trong hàng vạn ngôn ngữ trên quả đất này. Hoa Kỳ là đất của những người di dân nên Anh ngữ cũng phối hợp phát triển hài hòa trộn lẫn theo ngôn ngữ và sinh hoạt của di dân.

HUỶNH ÁI TÔNG

Sau đây là một vài chữ Anh ngữ tiêu biểu được thành hình từ nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới:

<i>Chữ Anh ngữ</i>	<i>Được hình thành từ</i>	<i>Nghĩa</i>
Dentist	Pháp ngữ	Nha sĩ
Hamburger	Đức ngữ	Bánh mì kẹp thịt
Dinosaur	Hy Lạp ngữ	Khủng Long
Forum	La Tinh	Diễn Đàn
Alligator	Tây Ban Nha	Cá Sấu
Ao dai; Pho	Việt Nam	Áo dài, Phở

Sự khác biệt giữa Anh ngữ tại Hoa Kỳ và Anh ngữ ở Anh Quốc, một phần trong cách sử dụng biến hoá. Trong mức độ nào đó, người Hoa Kỳ đơn giản hoá trong vần đọc (spelling) và chấp nhận cho Anh ngữ thích ứng trong môi trường mới. Sự khác biệt này đã thành hình lớn dần và kéo dài hơn 300 năm. Vào thế kỷ XVII, người Anh đầu tiên đến Hoa Kỳ rồi dần dần người Đức, người Pháp, người Ý, người Thụy Điển; người Âu châu đến định cư tại phần đất Tân Thế Giới cùng với thổ dân da đỏ bản xứ. Trong sinh hoạt chung của một cộng đồng đa sắc dân, một American English Language đã thành hình.

Năm 1828, ông Noah Webster đã chính thức tách rời Anh ngữ tại Hoa Kỳ từ Anh ngữ ở Anh quốc, khi ông soạn và cho xuất bản quyển tự điển đầu tiên, An American Dictionary of the English Language. Ông Webster đã Mỹ hoá tiêu chuẩn cách đánh vần và đọc Anh ngữ, cùng in thêm nhiều từ ngữ mới, những chữ này chưa bao giờ có trong tự điển Anh ngữ ở Anh quốc. Từ đó, nhiều nhà xuất bản ở Hoa Kỳ lần lượt đua nhau

VĂN HỌC MIỀN NAM

làm tự điển theo đường lối của ông Webster và sách được chấp nhận hoan nghênh khắp hoàn cầu.

Đầu thế kỷ XX, với quá khứ huy hoàng của Anh quốc, những trí thức Hồng Kông nhận định rằng, Anh ngữ từ Anh quốc là Anh ngữ chính thống quý phái tiêu chuẩn. Thời đại và sinh hoạt loài người đã đổi thay, nền văn hoá giáo dục Hoa Kỳ tràn ngập khắp địa cầu. Cuối năm 2002 tại diễn đàn Houston, tôi ngồi cạnh giáo sư Paul Chu, người đã từng cùng tôi giảng dạy tại Đại học Houston, hiện là Chủ tịch Đại học Hồng Kông, ông ta thì thâm vào tai tôi phê bình diễn giả bà Margaret Thatcher nói tiếng Anh ngọng nghịu thụt lưỡi đã đốt và chỉ có tiếng Anh tại Hoa Kỳ là du dương đầy nhạc điệu trầm bổng hùng hồn.

Nhiều quốc gia trên thế giới có luật định bắt buộc chỉ dùng một ngôn ngữ chính thức trong một nước, gọi là quốc ngữ, nhưng ở Hoa kỳ không có luật dùng Anh ngữ là ngôn ngữ chính thức cho toàn thể liên bang. Chỉ có 23 tiểu bang có luật định dùng Anh ngữ làm ngôn ngữ chính thức, trong đó có tiểu bang California, nơi nhiều người Việt Nam định cư nhất ở Hoa kỳ. Tiểu bang Texas nhiều lần đưa dự luật Official English Laws ra thảo luận đều bị bác bỏ, vì số người Hoa kỳ gốc Mỹ Tây Cơ có thế lực chính trị khá mạnh.

Chuyên viên nghiên cứu ngôn ngữ Hoa Kỳ ghi nhận có trên 336 ngôn ngữ đã từng được sử dụng ở Hoa Kỳ, trong đó có 176 ngôn ngữ thổ dân da đỏ; 52 ngôn ngữ của thổ dân hiện nay không còn ai nói đến nữa.

Thổ ngữ da đỏ hiện nay được thông dụng nhiều nhất trong cộng đồng Hoa Kỳ là tiếng Navajo, nhiều tiếng này đã được biến hoá thành Anh ngữ. Vì Hoa Kỳ không có luật quốc ngữ chính thức, nên trong cuộc Tổng Kiểm Tra Dân số năm 2000, Văn phòng Thống Kê Liên bang đã phải in bản vấn đề lục kiểm tra bằng sáu thứ tiếng: Anh ngữ, Tây Ban Nha, Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn và tiếng Phi Luật Tân Tagalog.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 2006, khi cơ quan GLM đốt pháo bông ăn mừng Anh ngữ tại Hoa Kỳ đã có một triệu chữ, những tạp chí viết Anh ngữ sáng tạo phức tạp khó hiểu như Newsweek hoặc tạp chí sử dụng Anh ngữ đơn giản rõ ràng như Reader's Digest đều có bài đặc biệt hân hoan chào mừng. Trong một triệu chữ Anh ngữ này, nếu đại thi hào Anh ngữ Shakespeare đột nhiên tái sinh xuất hiện, có lẽ ông ta cũng ngạc nhiên ngỡ ngàng. Tất cả gia tài thi ca đồ sộ của ông để lại cho hậu thế, ông cũng chỉ sử dụng khoảng 24 ngàn chữ, trong số này có hơn 1000 từ do ông sáng tạo ra. Một người Hoa Kỳ sinh ra và lớn lên trên quê hương của mình, cấp sách đến trường học thi đậu bằng cử nhân kỹ sư BA, BS cũng chỉ sử dụng khoảng 14 ngàn chữ.

Năm 1984, tôi được thành phố Houston bầu vào chức vụ Houston's Poet Laureate, nhà thơ Công Huân Danh dự của thành phố Houston. Trong ba năm 1984-1987, tôi được mời làm keynote speaker, diễn giả chính của các buổi lễ văn hoá, xã hội. Một lần trong buổi lễ gây quỹ từ thiện năm 1985, thị trưởng thành phố Houston lúc bấy giờ, bà Kathy Whitmire giới thiệu tôi để đọc diễn văn khai mạc, bà nói tôi là một "*great bard*", nhà thơ lớn. Ông Warren Buffett, có bằng BS, MS, nhà tỷ phú giàu thứ nhì trên thế giới hiện nay, ông ngồi bên tay phải liền quay hỏi tôi chữ "*bard*" nghĩa là gì. Thì ra chữ "*bard*" nằm ngoài 14 ngàn chữ thông thường, còn chữ poet là thi sĩ ở trong 14 ngàn chữ thông dụng hàng ngày của người Hoa Kỳ.

Tiến sĩ Alan Greenspan, cựu Chủ Tịch Ngân Hàng Dự Trữ Liên Bang Hoa Kỳ, một nhân vật ngoại lệ, thường sử dụng ngôn ngữ cao lạ khác với tiếng sử dụng thông thường.

Khi còn trẻ, ông Greenspan muốn cầu hôn với người bạn gái, ông đã sử dụng ngôn ngữ văn chương đến hai lần mà cô ta vẫn ngơ ngác không hiểu, đầu cô ta là một minh tinh điện ảnh. Mãi đến lần thứ ba khi ông ta quỳ gối xuống và dâng chiếc nhẫn đính hôn, cô ta mới hiểu ra, lòng tràn ngập sung sướng ôm ông

VĂN HỌC MIỀN NAM

ta chấp nhận. Ngày 05 tháng 12 năm 1996, Chủ tịch Ngân Hàng Dự Trữ Liên Bang, Alan Greenspan tuyên bố thị trường chứng khoán trên toàn thế giới đã gia tăng một cách vô lý bằng hai chữ “*irrational exuberance*”, ngày hôm sau thị trường chứng khoán toàn cầu đã sụt giảm mất đi 100 tỷ Mỹ kim vì hai chữ này. Hai chữ “*irrational exuberance*” đi vào lịch sử tài chính thế giới như hai chữ đắt giá nhất của ngôn ngữ loài người.

Một nhà văn lớn Hoa Kỳ, tác giả trên 60 tác phẩm, ông John Updike tốt nghiệp Cử nhân Anh văn Đại học Harvard với hạng Tối Ưu Danh Dự (Summa Cum Laude) là một trong hai người giới thiệu tôi gia nhập Trung Tâm Văn Bút PEN Club Hoa Kỳ, ông được rất nhiều giải thưởng văn chương huy chương cao quý. Trường thiên tiểu thuyết “*Rabbit*” mô tả cuộc đời thăng trầm của một cầu thủ lừng danh, ông John Updike cũng chỉ sử dụng khoảng 18 ngàn từ Anh ngữ. Nhà văn nữ Hoa Kỳ gốc Phi châu Toni Morrison, bà được giải thưởng Nobel văn chương năm 1993, tiểu thuyết “*Beloved*” bán chạy nhất, bà cũng chỉ sử dụng khoảng 15 ngàn chữ Anh ngữ. Amy Tan nhà văn nữ Hoa Kỳ gốc Trung Hoa, có sách bán đến hàng triệu quyển và truyện của cô đã được đưa lên màn bạc, Amy Tan cũng chỉ sử dụng khoảng 13 ngàn chữ Anh ngữ khi viết tập truyện ngắn “*The Joy Luck Club*” và 14 ngàn chữ khi viết truyện dài “*The Kitchen God Wife*.”

Còn những nhà văn Hoa Kỳ chuyên viết tiểu thuyết kinh dị hoặc những chuyện tình ướt át, nồng nặc mùi tình dục, sách bán rất chạy, mỗi quyển họ thu vào hàng triệu đô la như hai tác giả Stephen King và Danielle Steel; những nhà văn này họ chỉ dùng khoảng 12 ngàn chữ Anh ngữ. Iris Chang cô sử gia vĩ đại nhất của người Trung Hoa tại Hoa Kỳ, cô tự tử qua đời năm 2005 khi chỉ mới 26 tuổi; cô viết hai quyển sử “*The Rape of Nanking*” và “*The Chinese in America*” cũng chỉ sử dụng khoảng 11 ngàn từ Anh ngữ.

HUỶNH ÁI TÔNG

Theo Văn Phòng Thống Kê Hoa Kỳ, 1/5 dân số Hoa Kỳ vào khoảng 60 triệu người từ 5 tuổi trở lên đã nói một ngôn ngữ khác tại nhà, không phải Anh ngữ. Trong số 60 triệu người này có 55% họ nói Anh ngữ lưu loát.

Cộng đồng Việt Nam chúng ta sử dụng Việt ngữ tại nhà lên đến hơn 75% và khoảng gần 50% nghe hiểu và phát biểu Anh ngữ lưu loát. Một học sinh Việt Nam đến Hoa Kỳ 10 tuổi tiếp tục đến trường để tốt nghiệp trung học và sau 4 hay 5 năm tốt nghiệp đại học ở Hoa Kỳ với văn bằng cử nhân, kỹ sư BA, BS, những người Mỹ gốc Việt này thường sử dụng khoảng 11 ngàn chữ Anh ngữ. Gần đây, những cuộc thi đánh vần toàn quốc Spelling Bee tại thủ đô Washington D.C. đã có nhiều học sinh gốc Việt tham dự, một phát hiện đáng mừng. Khi gần đến vòng chung kết, học sinh gốc Việt thường vấp ngã vì gặp những chữ tiếng Anh thành hình từ tiếng La Tinh, Hy Lạp, Đức, Do Thái. Mong sao các em đọc nhiều sách Anh ngữ hơn nữa để tiến sâu vào vòng chung kết cuộc thi đánh vần Spelling Bee và trong tương lai trở nên nhà văn Hoa Kỳ hầu thường thức cùng góp phần vào sự thăng hoa của kho tàng một triệu chữ Anh ngữ đã đạt trong năm 2006.

Tài liệu tham khảo:

- Huy Lực Bùi Tiến Khôi Web: vantuyen.net
- Huy Lực Bùi Tiến Khôi Web: oldcottage.net

24) Lê Phương Chi



Lê Phương Chi Lê Thanh Thái (1927-)

Lê Phương Chi tên thật Lê Thanh Thái bút hiệu khác Thái Tâm Canh, sinh năm 1927 tại Hàm Thuận Nam, Bình Thuận gốc Trung Phước Quế Sơn, Quảng Nam.

Hiện cư ngụ tại Sài Gòn

Đã cộng tác với các tạp chí :Tin Sách, Văn Bút, Bách Khoa, Mai, vv...

Tác phẩm :

- *Trở về* (truyện - 1958)
- *Con Gái Nữ Tướng Bùi Thị Xuân* (tiểu thuyết dã sử)
- *Đức Năng Thắng Số* (2000)
- *Tâm Tình Văn Nghệ Sĩ* (giới thiệu, phỏng vấn - 2001)
- *Đào Mã Tàn Thủy Hoàng* (với tên Thái Tâm Canh Sài Gòn Mai 1961-1963, 2003)

Tài liệu tham khảo:

- Lê Phương Chi Web: luanhoan.net

25) Lê Tất Điều



Lê Tất Điều (1942-)

Lê Tất Điều sinh ngày 02 tháng 8 năm 1942 tại Hà Đông. Di cư vào Nam năm 1954.

Khoảng năm 1960, ông bắt đầu viết, gửi đăng trong mục “Mỗi Ngày Một Truyện” trên báo ngôn Luận, rồi trong “Phụ trương” của nhật báo Sài Gòn Mới. Truyện ngắn đầu tiên *Cỏ Hoang* đăng trên tạp chí Bách Khoa, rất thành công, từ đó ông bước vào làng văn với truyện đầu tay *Khởi Hành*.

Ông rất thành công với những truyện viết cho tuổi thơ như *Những Giọt Mực*, ông có bút hiệu là Kiều Phong.

Ông dạy học. Cựu sĩ quan VNCH. Định cư tại Hoa Kỳ từ tháng 5-1975.

Ở Hải ngoại, ông thích làm thơ hơn viết văn, tập thơ Cao Tần của ông được độc giả nồng nhiệt đón nhận giới thưởng ngoạn đánh giá cao về tập thơ này, vì nó diễn tả được tâm trạng của người Việt di tản nơi xứ lạ quê người. Tập thơ gồm 17 bài, mỗi

VĂN HỌC MIỀN NAM

bài chỉ đánh số chớ không có tựa. Tập thơ Cao Tàn làm nên tên tuổi của nhà văn Lê Tất Điều, cũng là nhà thơ Cao Tàn.

Từ năm 1976 – 1979, ông hợp tác với tạp chí Hồn Việt, Bút Lửa, Văn Học Nghệ Thuật trong chức vụ tổng thư ký hoặc chủ bút.

Từ 1990, ông là Cố vấn niên trưởng Thư Viện Toàn Cầu. Ông định cư ở California.

Tác phẩm:

- *Khởi Hành* (1961)
- *Kẻ Tình Nguyên* (1963)
- *Quay Trong Gió Lốc* (1965)
- *Đêm Dài Một Đời* (1966)
- *Phá Núi* (1968)
- *Người Đá* (Đông Phương, 1968)
- *Những Giọt Mực* (Thứ Tư, 1970)
- *Anh Em* (1970)
- *Thơ Cao Tàn* (Bút Lửa, 1977)
- *Thư về Bloomington, Illinois* (Văn Nghệ, 1997)
- *Letters to Bloomington, Illinois* (tự xuất bản 1999)

Trích văn:

Những Giọt Mực.

Đêm hơi lạnh. Ánh trăng lọt qua cửa sổ, soi sáng một chút mặt ông Bàn. Bình mực thủy tinh đồ nghiêng, mang trên mình mảnh trăng nhỏ xíu, lấp lánh, xa vời.

Dòng mực xanh chảy lan trên mặt ông Bàn đã khô. Đáy bình còn một gợn đen đậm nhỏ. Đó là ba giọt mực cuối cùng.

Ông Bàn giận lắm. Chưa bao giờ ông giận đến thế. Chú Ngăn

HUYỀN ÁI TÔNG

Kéo sợ ông sẽ quẳng tất cả các vật trên thân thể ông xuống, kể luôn chú. Chú gắng thu xếp các vật trong lòng mình, cho chúng nằm thứ tự gọn gàng. Ở đậu trong bụng ông Bàn, chú Ngăn Kéo luôn tế nhị, giữ gìn.

Nhưng lần này, lỗi không ở chú Ngăn Kéo.

Ông Bàn to tiếng:

- Ông Cung, cụ Sách nghĩ coi: tôi làm sao chịu nổi. Trong phòng này tôi là món đồ xui xẻo, cực khổ nhất.. Vật gì cũng có thể nhảy lên mặt tôi được. Ban ngày tôi còn phải chống cả ánh nắng, ban đêm chống ánh trăng, toàn những món đồ do chị Cửa Sổ mang về.

Cửa Sổ nhỏ nhẹ:

- Ánh trăng và ánh nắng nhẹ tênh mà.

- Đồng ý. Nhưng chị phải biết ánh nắng có thể làm tôi vỡ mặt ra. Tuy nhiên việc đó bỏ qua. Tôi xin hỏi mọi vật: Tôi là bàn tôi đâu có là anh hề nhựa, sao mặt tôi ngày một bản thiu, kỳ cục, đầy những vết mực dọc ngang, lộn xộn?

Anh Bút Chì nằm bên cạnh cô Vỡ Quán Góc nói nhỏ:

- Cháu chỉ lỡ vẽ trên mặt bác một cái xe hơi, một cái nhà...

Anh Bút Bi cũng lên tiếng:

- Cháu vẽ một con vịt.

Ông Bàn giận dữ hơn:

- Hình đó đâu phải là con vịt. Đó là một thứ quái vật, đầu to như đầu ngựa, hai cẳng như cây tăm.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Tôi yêu cầu các cháu từ giờ đừng có trở tài hoạt hoạ nữa.

Cụ Sách lên tiếng nghĩa là mở cửa kho đạo đức:

- Những vật trên mặt ông Bàn không biết điều chút nào. Hãy noi gương những vật ở nhờ trong lòng ông Tú. Họ tới, họ đi, biết bao đợt rồi, lòng ông Tú vẫn sạch sẽ.

Ông Cung góp lời:

- Vật cẩn thận không bao giờ để lại dấu tích nơi mình đã cư ngụ, nhất là những dấu tích mất vệ sinh. Ngày xưa, khi còn đi theo các chiến sĩ, ta đã từng cắm trại, các chiến sĩ không để lại một cái hổ nhỏ.

Sau câu nói của ông Cung, ông Bàn đã bót càu nhàu, nhưng chưa nguôi giận.

- Lỗi tại tôi xin ông Bàn tha thứ. Tôi đứng không vững nên mới ra có sự.

Đó là câu nói của bình mực thủy tinh. Tất cả xô xao của mọi vật, cùng cơn giận của ông Bàn hình như bây giờ mới làm hấn búng tỉnh. Không phải hấn lì lợm, bướng bỉnh. Hấn là vật đăng trí mơ mộng nhất trong phòng.

Dù chứa mực trong lòng, thân thể hấn vẫn có những phần trong veo. Cảnh vật in hình trên đó, nhỏ xíu, mơ hồ. Không giống mặt gương, phản chiếu hình một cách máy móc, chính xác. Bình mực bóp méo khuôn mặt mọi vật theo ý hấn.

Những đêm trăng như đêm nay, đứng gần cửa sổ, hấn chứa cả trăng sao, bầu trời yên tĩnh. Vài cành cây bên cửa xao động làm cho mảnh thế giới in trên bình mực sinh động, đẹp tuyệt vời. Tất cả mang một màu xanh hơi tối. Nếu một chú kiến lạc vào thế giới nhỏ bé, xinh xắn ấy, chú sẽ biến thành thi sĩ.

HUỶNH ÁI TÔNG

Vì vậy, bình mực của chúng ta hoá ra là một vật mơ mộng.

Bình mực đỏ, từ cái miệng tròn vo của hần, mực trào ra, hào hứng như bọn tù vượt ngục. Mặt ông Bàn thêm một vết đen lớn khủng khiếp. Đó là lý do khiến ông giận dữ, nói những lời cay đắng, trách móc lung tung. Tai họa xảy tới từ hồi chiều.

Bình mực đã công khai nhận lỗi, dù chậm, ông Bàn cũng hài lòng. Ông già rồi, không chú ý tới dung nhan mình. Vết mực loang lớn thật, nhưng so với những hình vẽ lằng nhằng, những vết dao chém, nó cũng chẳng làm ông xấu hơn được. Tuy nhiên ông Bàn vẫn dọa:

- Bây giờ anh mới biết lỗi à? Tôi sẽ quẳng anh xuống đất, cho anh vỡ tan xác ra.

Ông Bàn rung nhẹ, các khớp gỗ kêu cọt két. Nhiều vật tưởng ông quyết liệt hạ bình mực, đều hoảng kinh. Cụ Sách cất tiếng:

- Xin ông Bàn bớt nóng.

Những cây Bút mực cũng cuống quýt can ngăn:

- Anh Bình mực thật dễ ghét, nhưng thiếu anh ấy, chúng cháu mất kho nhiên liệu, hoá vô dụng. Mong ông nghĩ lại.

Chỉ có Bút chì im lặng. Đương sự rất đặc chí vì có thể tự lực, tự cường. Hần viết ra những chữ mờ nhạt, nhưng khỏi cần nhờ vả, lệ thuộc anh nào. Bình mực sống chết chả ăn nhậu gì tới hần. Bút chì bị mang tiếng ích kỷ và vụng về. Hần phải đeo kè kè ở sau đuôi một cục tẩy tròn chuyện việc xoá những bước đi lỗi lầm của hần.

Những bông hoa thuộc loại tình cảm, nghe chuyện cãi vã xô xát đã thất kinh. Giọng hoa run rẩy:

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Ông Bàn chớ làm vậy! Ông Bàn chớ làm vậy!

Chỉ có ông Cung, vật từng trải, lão luyện là biết ông Bàn dọa chơi. Một vật dễ giận, dễ to tiếng, rồi dễ nguôi như ông Bàn, ít khi làm chuyện ác độc.

Bình mực thủy tinh cũng sợ hãi. Rơi từ mặt bàn xuống, chắc tan xác thật? Nhưng vật đang trí và mơ mộng này lại tự an ủi bằng trí tưởng tượng. Cần quái gì. Hấn nghĩ. Nếu tan thành trăm mảnh, ta sẽ là trăm mảnh lóng lánh sáng, trăm mảnh mang hình trăng tròn, trăm mảnh bầu trời ngoài khung cửa sổ....không còn một giọt mực nào dính trên thủy tinh, cả trăm mảnh sẽ trong veo.

Tuy nhiên trăm mảnh rục rờ đó không sống lâu, sẽ gặp nhau trong sự tăm tối của thùng rác. Kẻ mơ mộng, sau phút tưởng tượng tới sự tan tành đẹp đẽ, bỗng biết ớn:

- Tôi đã nhận lỗi rồi mà. Tôi xin hứa sẽ cẩn thận hơn.

Bình mực chưa dứt lời, mọi vật bỗng nghe tiếng khóc. Tiếng khóc vang lên từ trong lòng bình mực. Tiếng khóc tỉ tê tuyệt vọng.

Mọi vật sững sờ, im lặng, lắng nghe. Ông Bàn bối rối trước tiên:

- Này chú Bình mực, ta dọa chơi vậy thôi, sao mà nhút nhát quá vậy?

Bình mực cãi:

- Ông lầm rồi, tôi đâu có khóc.

Quả vậy, đó là tiếng khóc nhỏ bé của ba giọt mực cuối cùng, còn đọng dưới đáy bình.

HUỖNH ÁI TÔNG

Ba giọt mực tụ lại, như một giọt nước mắt đen lớn buồn thảm.

Hàng ngàn giọt mực đến rồi giã từ bình mực. Bình mực biến thành nơi tạm trú của chúng. Mới đầu vật mơ mộng này cũng lưu luyến, tất cả những khách trọ. Sau đó quen đi, hẳn trở về với nếp sống riêng tư.

Tiếng khóc của ba giọt mực khiến hẳn kinh ngạc.

Bông hồng khẽ hỏi:

- Làm sao các em lại khóc?

Một giọt mực nghẹn ngào:

- Bọn em đang khô dần.

Giọt mực thứ hai:

- Chúng em không bao giờ được làm bồn phận của loài mực.

Giọt mực thứ ba tiếp lời:

Tất cả những giọt mực cùng sinh ra đời với chúng em đều đã sống đầy đủ. Họ được những anh chị bút đón ra khỏi bình, họ biến thành chữ, thành hình vẽ. Họ khô trong danh dự vinh quang, chúng em không như vậy. Chúng em đang héo tàn trong đáy bình mực một cách vô duyên.

Những câu than thở của ba giọt mực khiến cho muôn ngàn chữ trong tất cả những sách vở bùng tỉnh.

Sau đó muôn ngàn chữ cùng hân hoan. Tiếng than của kẻ hậu sinh như lời khen tặng các vị tiền bối.

Cả những giọt mực đã khô hàng trăm năm, đang mờ tới nét chữ

cuối cùng cũng góp niềm kiêu hãnh.

Những giọt mực khô trong lòng cụ Sách thì reo vui hơi quá lố. Chúng át tiếng cười dù cố đè nén, vẫn làm cho những trang sách rung rung. Tất cả những giọt mực vào lòng cụ Sách đều biến thành lời đạo đức, khôn ngoan, dạy dỗ loài người, phác giác những chuyện huyền bí của vụ trụ. Những giọt mực ấy đã tìm được một địa vị hết sức cao trọng, như giọt mực xấu số thứ ba đã nói: “ Họ khô trong danh dự vinh quang ”.

Cụ Sách phải nạt khề:

- Này! Cười vui trước nỗi đau khổ của vật khác là vô ý thức.

Căn phòng đỡ mất trật tự.

Nhưng muôn ngàn chữ vẫn sung sướng, cười thầm, và ba giọt mực đang khô trong đáy bình, tiếp tục khóc tỉ tê.

Chỉ có năm sáu giọt mực khô trong lòng chị Vở cất tiếng an ủi:

- Không ra khỏi bình các em đừng buồn. Như bọn ta đây, đâu có gì là sung sướng. Chúng ta không hoá thành chữ, mà thành một cái hình quái gỡ.

Quả thực, cậu bé đã dùng những giọt mực này để vẽ một hình người đầu tròn, tóc lỏm chỏm, không có mũi, chân tay cong queo, kì dị.

Những giọt mực khác, biến thành hình vẽ xấu xí trong vở, trên bìa sách, trên mặt bàn, cũng đua nhau an ủi ba giọt mực. Họ cho rằng ở vĩnh viễn trong bình còn hơn là biến thành những quái thai.

Hàng trăm giọt mực, vết loang lớn trên mặt ông Bàn, bây giờ mới đủng đỉnh lên tiếng:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Còn bọn chúng tôi thì sao? Cũng nhục nhã lắm chứ. Cả trăm mạng hoá thành vết đen dơ dáy trên mặt ông Bàn, chúng tôi đâu có khóc.

Ba giọt mực vẫn khăng khăng:

- Thà làm một vệt đen còn hơn khô héo trong đáy bình. Chúng tôi biết không phải giọt mực nào cũng gặp may mắn khi ra đời. Nhưng đã là mực, phải được ghi một vết ở đâu đó. Là chữ, là hình vẽ, là một cái chấm xấu xí cũng được, chúng tôi muốn ra khỏi bình. Chúng tôi không muốn chết non và chết vô ích.

Các vật trong phòng lặng thinh. Ba giọt mực cảm thấy mình đang khô héo mau hơn, lại tí tê khóc. Bông hồng nghe thấy chuyện chết chóc, buồn rũ cánh. Chị Bóng bay thơ thân lặn tới một góc nhà, ngậm ngùi thương những vật nhỏ bé mong manh.

Chú con Quay muốn cất lời an ủi. Nhưng chính chú cũng nghĩ rằng một vật sinh ra đời chẳng để làm gì, chẳng có ích gì thì vật đó buồn phát khóc là phải.

Bỗng dung ông Bàn hỏi to:

-Sao? Cọ Sách, trong cái bụng đầy nhóc thông thái của cụ, không có ghi câu nào an ủi ba giọt mực hả?

Hỏi này, ông Bàn ưa trêu cụ Sách. Ông nghi cụ vẫn có ý coi thường ông. Bụng cụ đầy chữ, bụng ông chỉ có chú Ngăn kéo dốt nát. Thịnh thoảng ông tìm cách đưa cụ Sách vào thế kẹt. Chẳng hạn ông hỏi cụ: tại sao giày dép không có chân lại đi khắp nơi, bàn ghế có tới bốn chân thì nằm một chỗ.

Bây giờ ông lại làm cụ Sách lúng túng.

- Ờ...ờ...nghĩ rằng ba giọt mực không nên buồn quá thế. Trời sinh ra muôn vật: mỗi vật có một số phận....

Chưa bao giờ cụ lại nói một câu thiếu dứt khoát như vậy.

Ông bàn bồng phá lên cười:

- Ha! Ha! Ha! Xin lỗi cụ Sách! Nhà cháu không đồng ý với cụ. Theo quan niệm của vật dốt nát này thì ba giọt mực không có quyền khóc. Cả ba phải reo mừng vì đã sống những ngày đây ý nghĩa.

Cả phòng kinh ngạc, ba giọt mực nín khóc lắng nghe. Ông Bàn vẫn cười ha hả:

- Hãy coi cái thân tôi này. Tôi là bàn, tôi có hoá ra gì đâu, nhưng tôi đã để cho biết bao nhiêu vị ngồi trên mặt. Các vị ấy đều có ích, thế là cuộc sống của tôi có ý nghĩa.

- Ba giọt mực dưới đáy bình đâu có vô ích. Nếu họ không ở đó thì làm sao các anh chị bút có thể với tới hết tất cả những giọt mực khác?

- Ba giọt mực cuối cùng đã làm một việc có ý nghĩa nhất: họ đội những đũa khác trên đầu, suốt ngày này sang ngày khác. Nhờ vậy, những giọt đứng trên đầu họ mới bám vào ngòi bút, ra ngoài, biến thành chữ.

- Chú Bình mực phải biết điều đó chứ. Bao nhiêu thế hệ mực đã qua trong lòng chú? Mỗi thế hệ đều có ít nhất ba giọt mực nằm dưới đáy, nâng các giọt mực khác lên cao. Sau đó, những giọt hy sinh khô đi trong lặng lẽ.

- Khi này, tôi nghe các chữ, những giọt mực khô trong lòng cụ Sách đã cười. Thật là một lũ vô ơn. Dù vinh quang hiển hách đáng lẽ lũ ấy phải biết tới những giọt mực đã đội chúng lên, những giọt mực chịu nằm dưới đáy bình, chịu nhục nhằn, tắm tới và thiệt thòi.

HUYỀN ÁI TÔNG

- Vậy ba giọt mực bé tí teo, các cháu có quyền kiêu hãnh. Các cháu đóng góp vào rất nhiều sách vở. Và hàng tỉ chữ, hàng sa số hình vẽ trên cõi thế gian này đều mang ơn những giọt mực nằm dưới đáy bình.

Ông Bàn không cười nữa, căn phòng im lặng hoàn toàn.

Một lát sau, cụ Sách nói với ông Cung Tên:

- Lân này, tôi chịu thua lão già lỗ mãng. Lão chỉ có một cái bụng rỗng tuếch mà khôn gồm!

Trong bình thủy tinh lóng lánh, ba giọt mực cuối cùng kiêu hãnh hân hoan bốc thành hơi.

*

Trích thơ :

*Dẫm thẳng khùng hợ nhau bàn chuyện lớn
Gánh sơn hà toan chắt thử lên vai
Chuyện binh lửa anh em chùng cũng ón
Dọn tinh thần: cựa nhẹ đỡ ba chai*

*Rừng đất khách bạt ngàn màu áo trận
Xong hiệp đầu mây núi đã băng khuâng
Hào khí bốc đủ mùi thành chát ngất
Chuyện vá trời coi đã nhẹ như không*

*Một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn
Nửa đời xưa ta trấn thủ lưu đồn
Nay đất khách kéo lê đời rất nản
Ta tính sẽ về vượt suối trèo non...*

*Sẽ có lúc rừng sâu bùng chuyển động
Những hùm thiêng cựa móng thét rung trời*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Và sông núi sẽ vươn mình trở dậy
Và cò bay trên đất nước xinh tươi

Một tráng sĩ vô êm chùng sáu cõi
Thần tự do giờ đứng ở nơi nào?
Ta muốn đến leo lên làm đuốc mới
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao...

Thần tự do giờ hoài cây đuốc lạnh
Ta tiếc gì năm chục ký xương da
Sẽ làm đuốc soi tìm trong đáy biển
Những oan hồn ai bỏ giữa bao la...

Bình minh tới một chàng bình tĩnh giắc
Thấy chiến trường la liệt xác anh em
Năm tráng sĩ bị mùi chai quất gục
Đời tha hương coi bộ vẫn êm đềm

Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hào hùng uất hận gói lên nhau
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới:
Ta làm gì cho hết nửa đời sau?

*

Ta đã vượt muôn dặm dài biển cả
Đường tử sinh lui tới cũng đôi lần
Bỗng bình minh này ngồi thuyền, câu cá
Trôi dạt dờ như lá trên hồ xanh

Hỡi chú cá rong chơi miền nước biếc
Ta vượt đường muôn dặm chẳng tìm nhau
Bày đặt buồng cần mà quên thương tiếc
Cho đời êm, qua được mấy giờ đau

*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Quanh mình xôn xao chuyện thay quốc tịch
Ngậm ngùi bày dăm giấy cũ coi chơi
Thời cũ ó vàng rách rơi mấy mảnh
Xót xa đau như mình bỗng qua đời*

*Hồi kẻ trong hình mặt xanh mày xám
Ngươi sắp thành tên mọi Mỹ rồi ư
Hồi thắng chiến binh một thời dũng cảm
Mây lang thang đất lạ đến bao giờ*

*

*Mai một anh về có thằng túm hỏi
Mày qua bên Mỹ học được củ gì
Muốn biết tài nhau đưa ông cây chổi
Nói mây hay ông thượng đẳng cu li*

*Ông rửa bát chì hơn bà nội trợ
Ông quét nhà sạch hơn em bé ngoan
Ngày ngày phóng xe như thằng phải gió
Đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan*

*Nghệ thuật nói bỗng hóa trò lao động
Thằng nào nói nhiều thằng ấy tay to
Tiếng mẹ thường chỉ dùng chửi đồng
Hay những đêm sâu tí toáy làm thơ*

*Ông học được Mỹ đất trời bát ngát
Nhưng tình người nhỏ hơn que tăm
Nhiều đứa hồn nhiên giống bầy trẻ nít
Còn hồn ông: già cóc cỡ nghìn năm*

*Bài học lớn từ khi đến Mỹ
Là ngày đêm thương nhớ nước mênh mang
Thù hận bọn làm nước ông nghèo xí
Hận gáp nghìn lần khi chúng đánh ông vắng*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Nếu mai mốt bỗng đổi đời phen nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương

Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bò bịch hết không đũa nào là nguy
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng

*

Sau một tuần ngất ngư lao động
Thứ sáu anh thường thức trắng đêm
Vì đêm anh, Sài Gòn đang sáng
Đêm thao thức anh là ngày khôn khổ em

Ngày khôn khổ, thân em toi tả
Gói nhọc nhằn trong biểu ngữ vinh quang
Ta từng giấu lăm em nào biết
Anh chỉ cho em đôi chỗ giấu kho tàng

Trong công viên xưa có chiếc ghé đá
Giờ dầm mưa chiều hay tưới nắng mai?
Ghé như gà, bên hàng thông, em nhớ?
Ta bên nhau trên đó những ngày vui

Chiếc ghé từng nghe lá úa thở dài
Nghe đôi có mùa xuân cười rục rờ
Chia sẻ những buồn vui
Của thời em rất nhỏ

Em hãy đến tìm ở nhà thờ đỏ
Ngôi thánh đường gạch hồng như son
Nơi ta thường quanh quẩn những hoàng hôn
Tìm kỹ nhé: ngay sau cây thánh giá

HUỲNH ÁI TÔNG

*Em hãy tìm về sau căn nhà cũ
Đứng bên rào mà ngó lại vườn xưa
Em nhớ nhé: dưới tàn cây trứng cá
Những trái mộng hồng trong ánh nắng sau mưa
Ở góc vườn còn một viên gạch vỡ
Nơi nảy mầm hy vọng một giàn dưa
Kín đáo nghe em, giờ nhà đổi chủ
Nhưng kho tàng ta chắc còn nguyên đó*

*Đứng trước vườn xưa em hãy mỉm cười
Dù môi buồn đã héo xanh thương nhớ
Nuốt lệ thầm và cười cho tươi
Như chiều xưa đón anh về hớn hỡ*

*(Kho tàng ta có một ông thần
Nụ cười em là câu thần chú
Thần chú đọc xong kho tàng sẽ mở)*

*Kho tàng ta em yêu nhìn xem
Dưới ghé công viên anh giấu thời thơ dại
Trên tháp nhà thờ anh giấu niềm tin
Trong vườn cũ anh giấu thời hạnh phúc
Nơi nụ cười em anh giấu trái tim.*

*Hãy chia anh một nửa kho tàng
Để cùng tiêu trong chuỗi ngày khốn khó*

*Thêm một lần thứ sáu trắng đêm
Để hồn về một Sài Gòn đang sống
Gỗ tuyệt vọng cửa thiên đường đã đóng
Xin chia nhau ngày khốn khổ cùng em*

Cao Tần
Tháng 3-77

Tài liệu tham khảo:

- Lê Tất Điều Web: banvannghe.com
- Lê Tất Điều Web: rfa.org

26) Lữ Quỳnh



Lữ Quỳnh Phan Ngô (1942-)

HUYỀN ÁI TÔNG

Nhà văn Lữ Quỳnh tên thật là Phan Ngô, sinh năm 1942, tại Thừa Thiên – Huế. Thân phụ mất sớm, lúc một tuổi. Tuổi nhỏ phần lớn sống tự lập. Học sinh Quốc Học-Huế năm 1959-1962. Dạy học, trường Bán công Vinh Lộc 1962-1963. Cựu Sĩ Quan VNCH (Khóa 19 Trường Bộ Binh Thủ Đức, ngành HC Quân Y) Đơn vị phục vụ : *Tổng Y Viện Duy Tân - Đà Nẵng năm 1965-66. *Tiểu đoàn 22 Quân Y (SĐ22BB) Bà Gi –Bình Định, năm 1967-70, *Quân Y Viện Quy Nhơn, năm 1971-75.*

Là một trong ba thành viên sáng lập tạp chí Ý Thức, gồm Ngự Hữu, Lữ Kiều, là hậu thân của Gió Mai ở Huế 1958. Cho đến năm 1970, Ý Thức được cấp giấy phép xuất bản tại Sài Gòn, trở thành *Tạp chí Bán nguyệt san Văn Học Nghệ Thuật*

Đã viết trên các tạp chí *Phổ Thông* (1960), *Mai* (1961), *Bách Khoa* (1962), *Ý Thức* (1970), *Khởi Hành*, *Thời Tập* (1972), . . . và nhiều tạp chí khác trước năm 1975 ở Việt Nam.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, học tập cải tạo ở trại Côn Tiên, Ái Tử, Quảng Trị.

Năm 2001, định cư ở San Jose, California, USA. với gia đình.

Tác phẩm:

- *Cát Vàng* (tập truyện, Ý Thức, 1971)
- *Sóng Sương Mù* (tập truyện, Ý Thức, 1973)
- *Những Con Mưa Mùa Đông* (Truyện dài, Nam Giao, 1974)
- *Vườn Trái Đắng* (Truyện dài, đăng nhiều kỳ trên Ý Thức, 1971 – 1972)
- *Sinh Nhật Của Một Người Không Còn Trẻ* (Tập thơ Văn Mới, 2009).
- *Đi Để Thương Đất Nước Mình* (Ký Văn Mới, 2012)



Đồi cát ở Bình Thuận Ảnh lấy từ Internet

Tôi giữ nguyên thế nằm từ lúc vừa thức giấc. Gió làm lay động những lá cỏ ngoài lỗ châu mai. Tôi ngửi thấy mùi đất ẩm, và liên tưởng tới những nấm mồ hoang, những bộ xương trắng phếu trong hang sâu mà ngày còn nhỏ tôi đọc trong các truyện đường rừng. Bây giờ tôi nằm đây. Tôi đang nằm dưới một pháo đài chìm, có khác gì nấm mồ hoang trong trí tưởng? Tôi nằm im. Tôi muốn tan ra trong sự yên lặng của đêm. Trí óc tôi có thể tự do ngắm nhìn thân xác. Tôi nhìn nó – cái thân thể có ở tôi suốt một phần tư thế kỷ này vẫn có thể làm tôi cảm thấy lạ hoắc? Tôi thấy lòng hoang vu khi nhìn xuống mỗi vuông da thịt. Sao nó xa lạ đến thế? Tôi không còn nghĩ ngợi gì nữa. Như Chiến thế đó. Như những đám mây trắng lơ lửng trên vòm trời, như sự ngu si của ký ức. Tôi chợt buồn đến ứa nước mắt, như mọi lần mỗi khi nhớ tới Chiến. Tôi cứ tưởng rằng mình sẽ khóc thật dễ dàng khi đứng trước nấm cát vàng của Chiến. Nhưng không, trong tôi sợi thần kinh tuyến lệ hình như đã tê liệt hẳn rồi. Bây giờ người ta không còn khóc được nữa. Tâm hồn là đá, mà nỗi buồn cũng thành đá. Chiến đã nằm xuống và không một ai có thể thay hấn, sống phần đời còn lại. Những kẻ còn sống còn bôn đên tương lai mình, hướng gì nghĩ tới việc sống thay đời kẻ khác.

HUYỀN ÁI TÔNG

Ánh sáng mờ nhạt bắt đầu hiện rõ dần ở lỗ châu mai. Một hình chữ nhật màu sữa.

Tôi lắng nghe bước chân của người lính đi tuần phía ngoài. Tiếng động đều, rả rời, âm thầm không dứt. Nó lê thê như nỗi chán chường và cô đơn hơn sức chịu đựng. Tại sao tôi không chết lúc này. Cái chết của tôi thật hợp lý, vì tôi là lính. Tôi đã chờ đợi và chấp nhận. Còn Chiến thì không thể được. Chiến như một cây xanh. Đôi mắt hấn tròn xoe, đã nhìn qua chiến tranh và chắc chắn phải vượt qua sự chết. Những lời thì thầm của Chiến còn đó, hoài bão của Chiến còn đó. Nhưng bây giờ thì tôi phải thăm Chiến bên một nắm cát vàng, phải nghe gió thì thảo và hơi nóng mùa hạ hất lên từ đất.

Con đường cát mịn giữa hai hàng liễu xanh của chiều thu ngày nào. Những dấu chân tôi bơ vơ đến tội nghiệp trên cát. Ngày đó chưa mặc áo rừng, cổ chân chưa có những vết chai cứng vì giày trận. Cái thời mà quê hương còn tiếng chó sủa, đêm trăng còn nhìn lá dừa lấp lánh sương khuya. Con đường đó thật thơ mộng, đẹp dịu dàng như tuổi thơ, đã chôn vùi bao nhiêu vết chân Chiến. Quê hương những hoàng hôn chúng tôi nằm dài trên cát chờ sao mọc. Giọng Chiến còn đó, bao giờ cũng ngập ngừng : Tôi hiểu anh... Chúng mình phải phân đầu. Quá khứ bị thăm cũng là hơi men vắng vất trong hơi thở đủ ta say...

Tôi mỉm cười. Tôi đã say. Quá khứ cùng một dáng dấp. Tôi cúi đầu đi, quên cả đôi chân bỏng rát vì cát nóng mùa hạ. Quá khứ thăm thương của một thế hệ. Bây giờ thì tôi chưa nghĩ thế, nhưng từ khi Chiến chết, tôi đã nghĩ thêm được nhiều điều. Tôi cảm thấy thêm sự ngọt ngào của những củ khoai bột vàng, những chén cơm gạo đỏ trộn lẫn sắn khô, những đêm trăng bà mẹ của Chiến bắc thang hái trà, và chúng tôi nằm bên nhau thao thức. Chiến đã sống bên tôi, nhưng Chiến chưa nói hết. Có những điều hấn không muốn nói ra, nhưng tôi hiểu. Tôi còn nhớ rõ ràng khuôn mặt già nua đầy âu lo của người mẹ khi ngồi xếp từng lá trà hoặc những cuộn lá chuối khô để mang ra chợ

VĂN HỌC MIỀN NAM

bán. Chiến đã lớn lên bằng những đồng tiền kiếm được từ mỗi ngọn trầu, mỗi lá chuối qua bàn tay khô đét của người mẹ. Tôi biết Chiến đã nghĩ gì, khi ánh mắt đăm chiêu nhìn những đứa bé hàng xóm trần truồng ngồi chơi với cái bụng ỏng căng tròn như chiếc trống. Màu vàng trên da lũ trẻ còn thê thảm hơn thân phận của màu da quê hương. Tôi biết hẳn đang ao ước điều gì. Không thể ngồi mơ có chiếc đũa thần để lần lượt gỡ lên khắp bụng đám trẻ. Tôi nghĩ tới tương lai không một sự rào đón, không một chút đề phòng. Quê hương tôi đói khổ, lũ trẻ con cần được hướng dẫn. Những người mẹ của chúng không thể suốt đời đi chợ mỗi ngày bằng năm đồng bạc. Năm đồng bạc đủ mua mấy con cá vụn nấu với một trạch bóng nước cho cả gia đình cùng húp. Chúng ta phải phấn đấu, dù có chết đi cũng sung sướng vì được chết trong ước mơ làm nhỏ lại những cái bụng màu nghệ căng tròn, làm cho mỗi ngọn trầu, mỗi chiếc lá chuối khô có thể đổi được nhiều hơn những con cá vụn với năm đồng bạc chợ mỗi ngày. Tôi hiểu Chiến. Tôi chờ đợi, và không hề nghĩ tới một sự trắc trở, vì Chiến còn đi học, Chiến mới hai mươi tuổi.

Tôi nhớ thật rõ nét mặt của bà mẹ Chiến hôm tôi về thăm. Da mặt xạm đen, và hai gò má nhô hẳn ra. Bà nói với tôi, giọng bùi ngùi: Ngày Tết mà thằng Chiến không về được. Tôi than nhiên, vì tôi đã biết hẳn ngôi trong tù. Ở tù hẳn sẽ có dịp để suy nghĩ nhiều hơn. Cơm tù chắc chắn cũng không khổ hơn những bữa cơm nhà với mỗi ngày năm đồng tiền chợ. Quả thật tôi yên tâm hơn khi biết chắc chắn Chiến ở tù không vì lý do nào cả. Một buổi trưa ở trường về, bị người ta chặn ở đầu cầu rồi dẫn đi. Cảnh Chiến ngồi tù cũng không làm tôi cảm thấy buồn. Ở đời vẫn có vô số kẻ chỉ sợ có mỗi sự âm thầm, nhất là sự âm thầm của Chiến. Sự âm thầm làm kẻ khác nhìn vào tối mắt. Tôi lấy giọng ngọt ngào để trả lời mẹ Chiến: Chiến không có tội gì, thế nào người ta cũng thả anh về, bác nên yên lòng.

Người đàn bà rướm nước mắt: Người ta cũng bảo thế, nó còn dại đã biết gì mà người ta đòi làm tù làm tội...

Tôi tưởng tượng khuôn mặt Chiến sau những chấn song tù ngục, mà mỉm cười chua xót. Dù là mẹ, những người đàn bà làm sao hiểu được những mơ ước trong lòng con. Mẹ thương con bằng những củ khoai bột vàng buổi sáng, những bữa ăn đầm ấm buổi trưa, những đêm thức dậy nhìn con ngủ, đắp lại chiếc chăn, sửa lại chân mùng. Mẹ thương con bằng ấy thứ, nhưng mẹ làm sao hiểu được những tiếng thở dài vu vơ, những giấc ngủ chập chờn mộng mị nước mắt... Chiến ở tù thật yên ấm.

Thế là đêm giao thừa thiếu Chiến để đốt nến, thiếu Chiến để nhìn bàn tay run cầm cây hương thắp vào chuôi pháo. Tôi biết thiếu Chiến. Và tôi cảm thấy tết này không đầy đủ thật sự.

Tiếng pháo nổ dồn hơn mọi năm. Niềm vui cũng bùng sáng trong lòng mọi người.

Tiếng pháo nổ dồn quá, làm người ta nghĩ sự tốt đẹp, thanh bình phải đến trong năm mới. Nhưng pháo đã không nổ dồn như họ tưởng. Sự bình yên vốn có ở thành thị làm người ta không thể phân biệt được tiếng súng mấy giờ. Pháo nổ tràn ngập. Và súng nổ tràn ngập. Cho đến khi nhận ra sự bất an thì đã quá muộn. Thành phố thành chiến trường. Biết làm thế nào khi bên kia vành nôi là họng súng, trong lời ru hớt hã của mẹ là tiếng ì ầm của đại bác. Tôi không thể tưởng tượng được trong giây phút đó Chiến đã nghĩ gì? Lần đầu tiên trong đời phải đối diện chiến tranh, và cũng là lần mang theo vĩnh viễn cái vốn liếng xác xơ của quê hương nghèo khổ. Khi cánh cửa ngục được súng đạn và sự hỗn loạn mở tung, những người tù trở nên tự do. Họ quên nghĩ rằng họ đã vượt ngục. Họ đang sợ hãi sự chết, đang cố gắng vượt qua sự chết, vì bom đạn giây phút đó đang trút xuống quanh họ, trên cùng khắp các đường phố. Đạn bay ra từ mọi cánh cửa sổ. Bom dội xuống từ tiếng thét rợn rùng của máy bay. Những người tù cầm đầu chạy không định hướng, chạy theo đồng bào, theo tiếng khóc hãi

VĂN HỌC MIỀN NAM

hùng của trẻ thơ. Trong sự hãi hùng bi thảm nhất, tôi biết chắc một điều là Chiến đã chạy về phía tôi, về căn nhà mà mỗi buổi sáng buổi chiều, tôi đã nhắc tới Kim với Chiến. Những buổi trời sáng trong và chúng tôi cùng nhận ra khuôn mặt rạng rỡ của mình. Bước chân của Chiến thế nào mà chẳng run lên vì lo lắng và mừng rỡ. Bằng bước chân trần trên ngói gạch vụn, Chiến đã chạy như con nai giữa phố phường. Buổi sáng trời thật xanh, nhưng không một người chú ý. Tiếng súng làm căng thẳng trí não họ. Hơn nữa, họ đã dành hết thì giờ để nhìn thật kỹ khuôn mặt vợ con, nhìn mà cứ ngỡ nhìn lần cuối cùng. Không một ai nghĩ rằng bầu trời bấy giờ thật xanh, và giọng sông thì thật buồn đang âm thầm chảy. Chiến vẫn như một con nai không bao giờ nghĩ tới họng súng sẵn đang di chuyển theo mình. Tâm hồn Chiến trong sáng quá. Tâm hồn đó đầy ấp yêu thương, không biết tới tầm đạn đi cũng không nghĩ rằng mình có thể chết.

Tôi nghe kể lại, Chiến đã nằm chết thật thản nhiên trước mặt một trường tiểu học, phía sau sân vận động. Thành phố bấy giờ nhiều xác người quá, nên thân thể Chiến chẳng gây thêm sự tò mò nào cho kẻ còn sống. Chiến bị ngã giữa lúc muốn vượt qua con đường, con đường dẫn tới căn nhà quen thuộc, mà ở đó mỗi sáng mỗi chiều tôi đã kể về Kim với hấn. Nhớ lại buổi sáng cuối cùng được nhìn nụ cười ánh mắt của Chiến cùng câu chuyện vu vơ về một đám cưới. Chiến muốn ngày cưới Kim tôi phải mặc áo rộng xanh, và Kim chít khăn vành thật rộng, Chiến muốn thấy lũ trẻ xách lồng đèn, những người đàn ông mặc áo dẫu, đội nón Gò găng.

Cái gì Chiến ước mơ cũng tầm thường như thế cả. Hình ảnh một đám cưới ngày xưa, cũng như những đứa trẻ với chiếc bụng căng tròn vàng óng nước, những ngọn trầu, những lá chuối, những đồng bạc bé nhỏ trên tay mẹ già... Quả thật những ước mơ của Chiến quá nhỏ. Quá nhỏ, nhưng đến lúc buông xuôi hai tay, lòng chưa toại nguyện.

HUỖNH ÁI TÔNG

Tôi cảm thấy mắt mình cay rít, lạnh hai bên khóe. Bây giờ thì tôi không cảm thấy gì hết. Suốt ngày, tầm mắt với màu đỏ núi đồi, tôi thật thần nhiên khi nhớ tới quá khứ, khi nghĩ về tương lai. Và đêm xuống, dưới chiếc pháo đài chật hẹp này, tôi cũng bình thần ngắm nhìn thân xác mình. Tôi nghĩ tới cát bụi, nghĩ tới hư vô. Rồi tâm hồn tôi bỗng chao đi chơi với, như cảm giác một đêm nào uống say mềm ở thành phố, nhìn thẳng bạn vừa kéo violon vừa khóc tức tưởi. Tôi đã ôm hấn, kéo đầu hấn vào lòng mà thảm đĩ: Nín đi con, nín đi con. Còn khóc ta đánh chết bây giờ!

Tôi đã buồn thật nhiều. Tôi nhớ Chiến se sắt. Tôi muốn khóc cho Chiến nhưng không thể nào khóc được. Trong ánh sáng đầu tiên của ngày, tôi nghĩ đó cũng là điều bất hạnh.

LỮ QUỖNH

(Tạp chí *Bách Khoa*, số Xuân, 290-291, 1&15-2-1969)

Có Một Giác Mơ Như Thế

*tuyết bắt đầu rơi bên miền đông
miền tây tuyết chỉ rơi trong những giấc mơ
giấc mơ thì không có mùa đông mùa hạ
tuyết đuổi tôi trong nhiều đêm dài*

*dù Trần Hoài Thư ở New Jersey
có nhìn tuyết mà buồn
cũng không thể buồn bằng nỗi buồn tôi
khi tuyết tan trong bóng tối
thức giấc với bàn tay lạnh đặt lên trái tim mình
nghe nhịp đập thời gian*

*dù đêm vẫn có giấc mơ hồng
nhưng tuyết biến thành cơn bão trắng*

thôi hồng tan theo hư không

Tài liệu tham khảo:

- Lữ Quỳnh Web: luanhoan.net
- Lữ Quỳnh Blog: phamcaohoang.blogspot.com
- Lữ Quỳnh Blog: dk1967.blogspot.com

27) Mai Lâm



Mai Lâm Nguyễn Đắc Lộc (1897-1975)

Mai Lâm tên thật là Nguyễn Đắc Lộc, sinh ngày 7 tháng 11-năm 1897 ở Hà Nam, Bắc Việt, nguyên quán Hà Nội.

Năm 1915 đến 1918, ông theo học Trường Bưởi (Lycée du Protectorat).

Từ năm 1920 đến 1926, làm Thư ký Sở Vô tuyến điện thuộc phủ Toàn Quyền Đông Dương.

Cuối 1926, bỏ việc qua Paris, viết báo "Việt Nam Hồn" của Nguyễn Thế Truyền, ký bút hiệu Nguyễn Càn Khôn.

HUYỀN ÁI TÔNG

Năm 1927, về nước lại, viết báo Pháp ngữ, như : " L'argus Indochinois", " L'Ami du Peuple", "Oeuvre Indochinois" ...

Năm 1935, cùng Vũ Đình Duy chủ trương báo "Union Indochinoise"

Năm 1948, chủ nhiệm báo "Tân Dân" ở Hà Nội.

Năm 1954, di cư vào Nam, tiếp tục xuất bản báo Tân Dân tại Sài Gòn, báo này bị nhà cầm quyền Pháp tổ chức đập phá, đốt nhà in, đóng cửa, đe dọa.

Ông tự vẫn vào trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi biết đất nước rơi vào tay Cộng sản.

Tác phẩm:

- *Phan chu Trinh* (biên khảo, Hà Nội 1952)
- *Mộng xuân* (tiểu thuyết, Hà Nội 1954)
- *Sau hai mươi năm* (hồi ký, Đại Nam văn hiến, 1964)
- *Truyện Thảm Công* (truyện thơ, Saigon, 1964)
- *Hà Nội 100 năm trước* (di cảo)

Trích văn:

Hà Nội 100 năm trước

.....

*Nhóm TRAVAIL kéo cả đoàn,
Dân quê lao động hàng ngàn... hoan hô.
Nhà Đặc sứ đường Carreau,
Hô hào cổ võ hát hò nông nghênh...
Đất Thăng Long thưở thái bình,
Pháp-Nam ra vẻ thân tình... ngang ngang...
Phong trào lên xuống chóng tàn ,
Trò đời là chuyện "Thiên Phương Dạ Đàm".
Đến Hàng Bát, nhớ bạn vàng:
"Trần văn Long" hiệu "Ba Tàng" trừ danh.*

VĂN HỌC MIỀN NAM

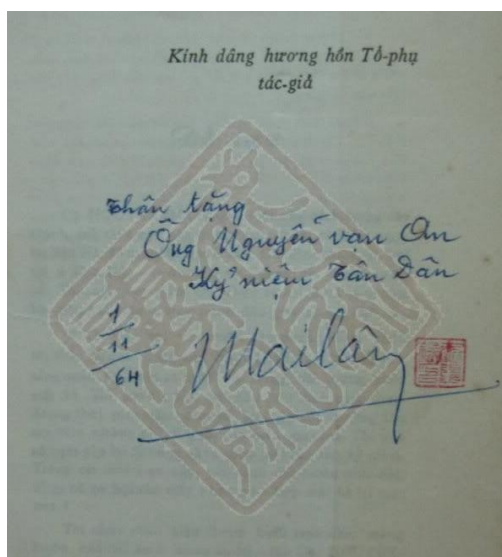
Nhớ lần mời lại tâm tình ,
Có anh " cháu họ " nhập thành hôm qua...
Cơm thường thân mật trong nhà ,
Hai già một trẻ " tam đa bầy hiền " !
Nguyên Tổng giám đốc Thông tin,
Nổi danh tay bọm " Martel " rành nghề ...
" Long " rằng " ICH " nó mới về ...
Mời anh lại chén để nghe... chuyện ngoài... "
Thấy anh chàng ICH vui vui ,
Tinh tình khả ái , con người dễ yêu...
Không như cán bộ nói điều ,
" Phìa " tin khoác lác, bịa điều nói kia ...
Rượu vào lời nói trở nghề ,
Từ ngày kháng chiến đến giờ vào đây...
Gió mưa dầu dãi bao ngày,
Thật tình khổ nhục chua cay phong trần...
Định chuẩn chẳng nhớ bao lần,
Chỉ chờ cơ hội đem thân trở về...
Rút nhiều kinh nghiệm đáng ghi,
Rõ ngay mặt nạ, trò hề đã rơi !...
Góm cho lòng dạ con người ,
Guom trăm giáo, mở miệng cười như không!
Từng chứng kiến đến kỳ cùng,
Chiến tranh là họa Tây Đông xưa rày.
Trận Vĩnh Phúc, thất bại cay ,
Núi xương sông máu chất đầy đồng sâu...
Bom " na-pan ' giội xuống đầu , ?
Kẻ tài " Đờ Lát " trước sau chưa từng . (De Lattre de
Tassigny)
Thật là cái thế anh hùng,
Kém gì Hạng Võ, Quan Công thưở nào ?
Tỏm thay là cuộc binh đao ,
Sa trường mới rõ ra vào... thất kinh!
Lắng tai nghe chuyện tâm tình,
Hai mươi năm tưởng như hình ngày qua !
Hiện nay còn sống cả ba,

HUỶNH ÁI TÔNG

Mái đầu điểm tuyết sương pha phủ đầy...
Nghĩ buồn thời thế vắn xoay,
Vấn vợ chân bước đó đây xa gần...
Ra Hàng Áo Cũ, Vải Thâm,
Qua đình Hàng Bút, Hàng Cân, Hàng Phèn.
Tạm Thương, Hàng Trống, Hàng Kèn,
Hàng Bô, Hàng Thiếc, Lò Rèn, Cổng Ô (Ô Quan Chưởng)
Hàng Dầu, Thợ Ruộm, Hỏa Lò,
Hàng Thùng, Cầu Gỗ, Bờ Hồ... đứng xem...
Quanh hồ tơ liễu rủ rèm,
Trăng soi đáy nước, sen trên mặt hồ.
Chiều thu gió gợn hôn thơ,
Khách Chuông Đài hỏi bây giờ còn ai?
Nhà Thủy Tạ, mái Đông Tây,
Á Áu hội ngộ tình say cuộc đời...

Tài liệu tham khảo:

- Mai Lâm Web: newvietart.com
- Mai Lâm Web: vanchuongviet.org



28) Mang Viên Long



Mang Viên Long (1944-)

Mang Viên Long sinh năm 1944, tại An Nhơn Bình Định, ông mồ côi cha từ khi còn trong bụng mẹ.

Năm 1952, lên 8 tuổi ông bị mồ côi mẹ, được người anh thay cha mẹ nuôi dưỡng cho ông học hành.

Năm 1966, ông tốt nghiệp trường Sư Phạm Quy Nhơn, được phân bổ dạy ở Trung Học Tổng Hợp Nguyễn Huệ Thị xã Tuy Hòa, Phú Yên.

Bắt đầu viết văn từ năm 1965 khi còn đang theo học ở trường sư phạm. Ông là nhà văn chuyên viết truyện ngắn. Có truyện đăng trên các báo: Văn, Bách khoa, Trình bày, Khởi hành, Hiện diện, Vấn đề, Ý thức, Đuốc nhà Nam, Phổ thông... Trước 1975, ông có 10 tác phẩm đã được in.

Theo học Sĩ Quan Trường Đồng Đế Khóa 3 (1971). Từ năm 1978, ông không còn được dạy học nữa, về Quê ở An Nhơn Bình Định, ông phải làm đủ mọi nghề để kiếm sống, sau cùng hành nghề sửa chữa chìa, ống khóa.

Gần đây ông viết trên Tuổi trẻ chủ nhật, Thanh niên, Văn nghệ

HUYỀN ÁI TÔNG

TP.HCM, Văn nghệ Trung ương, Văn hóa Phật giáo, Giác ngộ,
Văn tuyến, Hồn Việt và Văn nghệ các tỉnh thành ...

Tác phẩm:

- *Trên đỉnh sa mù* (tập truyện, 1969)
- *Mùa thu trồng trái* (tập truyện, 1970)
- *Phố người* (tập truyện, 1971)
- *Có những mùa trăng* (tập truyện, 1972)
- *Đoá hồng cho tình yêu* (tùy bút, 1972)
- *Biển của hai người* (tập truyện - Trẻ, 2003)
- *Hỏi lại chính mình* (tập truyện - Văn nghệ 2005)
- *Trái tim còn lại* (tập truyện - Văn nghệ, 2007)
- *Ông già và con chim hoàng ly* (tập truyện – VHSG, 2008)
- *Người giữ cầu bến sông* (tập truyện - Văn nghệ, 2009)

Trích văn:



Tạp Bút

Trước đây – trong một thư thăm, nhiều bạn vẫn có hỏi tôi một câu: “ *Cuộc đời đã đưa đẩy thế nào để anh đến với cái nghề ” không thể nghĩ ra là ”Sửa Khóa & Làm Chìa” mà anh đã gắn bó gần suốt cuộc đời còn lại? ”-* tôi đã “phớt lờ” luôn – vì chưa thể tâm tình cùng bạn lúc ấy!

VĂN HỌC MIỀN NAM

Đã nhiều năm qua – nhiều bạn văn cũng lại có “*thắc mắc*” vui tương tự vậy mỗi khi gặp nhau bên tách cafe (hay ly rượu khè khà tán gẫu) – nên hôm nay, ngồi “không” mà bỗng dung nhớ lại! Xin được có đôi điều chia sẻ cùng anh em – cho vui!

Được trở về quê nhà vào năm 78 - phải rời trường Trung học Tổng hợp Nguyễn Huệ (Tx Tuy hòa – Phú Yên) là nhiệm sở đang công tác - sau khi đã đôi lần “nuôi tiếc” cái nghề cầm phấn & bảng đen (vì thực ra tôi cũng chưa có một cái nghề “tay trái” nào lúc ấy để có thể kiếm sống qua ngày giữa thời buổi rất lộn độn & khó khổ đó cả, lúc trong tay không có chút tài sản nào có thể đổi...com áo cho con & bản thân) – nên đành lui tới Ty GD (chưa thành lập Sở GD) để hỏi han tin tức về chuyện xin dạy trở lại, mà không có chút hứa hẹn nào – tôi biết là đã đến lúc phải “mất dạy” luôn rồi! (Dạy văn thì “không được” – còn Anh văn thì...cũng “không thể” nốt! - nhà trường lúc bấy giờ chỉ dạy một sinh ngữ Nga văn thôi).

Sau một thời gian xin đi làm “tiểu công” (khuôn vác – phụ việc cho thợ xây đó mà) không kham nổi – Tôi quay sang làm “thợ đục” (ai có yêu cầu gì - thì làm theo họ - từ thợ điện, dọn vườn, phụ việc lật vật v v v) không có “thu nhập thường xuyên” - tôi đã quyết định vào Tuy Hòa – đến học nghề sửa chữa xe gắn máy với người bạn – anh Lê Tăng Minh (nguyên là thanh tra Tiểu học vừa chuyển...ngành sửa xe Honda sau 75) theo lời đề nghị giúp đỡ của anh! Tôi chỉ tốn tiền xe vào ra – còn mọi chi phí khác người bạn lo cho hết! (anh dạy nghề - ăn ở tại nhà – chu toàn mọi việc). Sau hơn một tháng “khẩn trương” học ngày đêm – tôi về nhà, viết bảng hiệu trên tấm ván nhỏ “*Sửa Chữa Xe Gắn Máy*” – gắn vào thân cây dừa phía trước. Mấy tháng hành nghề - lèo tèo vài khách hàng, công việc ngày càng vắng vẻ! Trong một hoàn cảnh mà người có xe Honda đang tìm người có xe đạp để đổi – và xăng dầu phải mua theo tiêu chuẩn, tem phiếu (ưu tiên cho cán bộ công nhân viên chức) – thì có ma nào ”dám” đi xe máy nổ? Tuy là treo bảng “Sửa Xe Honda” nhưng thực ra, sửa xe đạp là chính!

HUYỀN ÁI TÔNG

Nghề sửa xe đạp – Honda đòi hỏi các động tác mà căn bệnh thấp khớp mãn của tôi không thể đáp ứng. nên tôi cũng đang suy nghĩ – để “chuyển nghề” cho phù hợp với khả năng & sức khỏe & “thời đại” (!).

Một lần đi Qui Nhơn thăm ông bà ngoại của các con – tôi đi lang thang dọc đường phố Tăng Bạt Hổ, Phan Bội Châu – các ngã phố Võ Tánh, Gia Long (cũ) – và bỗng nhận ra chiếc tủ gỗ nhỏ của cậu em trạc 18 tuổi đặt ở góc đường. Đến gần, xem – hỏi han, chuyện trò cho vui! Cậu ấy rất nhiệt tình trả lời các câu hỏi của tôi – như đã thân nhau. Khi biết rõ hoàn cảnh và ý định của tôi muốn “học nghề” – Cậu đã vui vẻ giới thiệu tôi đến gặp “sư phụ” đang hành nghề “sử khóa & làm chìa” ở đường PBC. Thế là tôi đã mời “sư phụ” lên nhà tôi một ngày – để “truyền nghề” – với sự đãi ngộ xứng đáng! Từ dạo ấy – vừa học, vừa làm (có ghi chép cẩn thận vào mấy tập vở 100 trang như một “giáo án”) suốt mấy chục năm qua... Để cho được “đủ ăn”, tôi làm thêm nghề “*Bom Quẹt Gas*”, cộng với chiếc tủ gỗ nhỏ mua lại bên lề đường PBC của mấy gia đình chuẩn bị thu xếp để lên đường đi kinh tế mới với giá rẻ mạt làm tủ “*Sửa Kính Đeo Mắt*”. Một người phải làm việc bằng ba – mới có thể sống được trong thời gao châu củi quế này!

Có ai ngờ được rằng cái nghề mình đã đầu tư liên tục từ thưở lên sáu – ròng rã gần 20 năm, mà chỉ nuôi sống nổi mình được 12 năm – trong lúc, một cái “*nghề khơi khơi*” mà đã gắn bó & nuôi sống mình & giúp đỡ gia đình được hơn 30 năm? Âu đó cũng là một “cái số”? Cũng vui, trong ngần ấy năm – tôi cũng đã “truyền nghề” cho 10 “đệ tử” trong & ngoài tỉnh có hoàn cảnh khó khăn, kiếm sống được – và đang chuẩn bị... “về hưu” ở tuổi 70...

Có vài người bạn “nhẹ dạ & đa cảm” gặp tôi hành nghề “Sửa Khóa & Làm Chìa” ở góc phố chợ - mũi lòng, buồn! Họ cho biết không thể ngờ rằng tôi – một thời dạy học – viết văn. lại gặp cảnh ngộ bị đát đến vậy! Tôi chưa hề nghĩ mình “khổ” như

VĂN HỌC MIỀN NAM

lời chia sẻ của bạn – mà nghĩ, điều gì – rồi cũng có thể xảy đến cho tất cả! Hãy an vui & kiên nhẫn đón nhận mọi biến đổi của cõi tạm – để có niềm hy vọng mà sống tiếp. Tôi đã “ưng khẩu” đọc tặng anh mấy câu (có phải là thơ không? vì tôi “không biết” làm thơ) như sau:

*Chữ Thơ – chữ Thọ, cũng gần,
Làm Thơ, làm Thọ - ta mãn cả hai!
Làm Thọ thì để sinh nhai.
Làm Thơ thì để ...lai rai, đỡ buồn!*

Bốn câu thơ ấy thuộc loại “*văn chương truyền khẩu*” – nhưng, qua bao năm-nó vẫn được bạn bè nhiều nơi thuộc & nhắc nhở, như một kỷ niệm vui!

Tôi vẫn thường tâm sự với vài bạn thân: “*Trước - làm Thơ, ta vẫn vậy. Nay - làm Thọ, ta cũng chẳng khác!*”

Đang vắng khách, tôi “tranh thủ” ghi lại đôi điều chia sẻ “đại khái” với quý bạn văn & bạn đọc thân mến nhé – cho dzui vậy!

Quê Nhà, tháng 8 năm 2012

MANG VIÊN LONG

Mỗi truyện ngắn của ông là một bức tranh hiện thực trong sáng, phản ánh đời sống xã hội đương thời, không mang “*hương vị chính trị*”, rất gần gũi với bạn đọc ở mọi thời đại.

Tài liệu tham khảo:

- Mang Viên Long Blog: mangvienlong.vnweblogs.com
- Mang Viên Long Web: luanhoan.net

29) Minh Đức Hoài Trinh



Minh Đức Hoài Trinh Võ Thị Hoài Trinh (1930-)

Nhà văn nữ Minh Đức Hoài Trinh có bút hiệu Hoàng Trúc, Nguyễn Vinh, Bằng Cứ, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1930 tại Huế, tên thật Võ Thị Hoài Trinh, con của quan thượng thư Võ Chuẩn. là em ruột của nhà văn Linh Bảo.

Năm 1945, tốt nghiệp Trung học ở Quảng Ngãi, nhân đi thăm một người chị ở Hà Nội, Minh Đức bị cuốn theo làn sóng cách mạng, chống Pháp giành độc lập, từng theo dự khóa huấn luyện của Trường Văn hóa Kháng chiến do Đặng Thái Mai làm Hiệu trưởng, cán bộ giảng dạy có Trương Tửu, Nguyễn Tuân, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Đức Quỳnh, Sĩ Ngọc ...

Sau bốn năm tham gia kháng chiến, nhờ sự giúp đỡ của Đặng Thái Mai, Minh Đức về Hà Nội xum họp với gia đình.

Sống ở Pháp từ năm 1953, đến năm 1964 theo học tại đại học Sorbonne về môn Báo chí, năm 1967, tốt nghiệp ra đi làm phóng viên cho đài truyền hình Pháp RTF được cử đi săn tin ở Algérie, Do Thái ...

Từ năm 1969-1972, đặc trách theo dõi hoà đàm Paris về Việt Nam.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Năm 1973, Minh Đức về sống ở Việt Nam, dạy môn Báo chí ở Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn của Viện Đại Học Vạn Hạnh.

Minh Đức là thành viên trong Thi đàn Bạch Nga do Nguyễn Vũ chủ xướng, ngoài ra còn cộng tác với nhiều tờ báo và tạp chí như *Phổ Thông*, *Bách Khoa*, *Cao Đẳng Quốc Phòng*..., phụ trách viết "Bức thư hậu phương" đăng hằng ngày trên tờ báo *Đông Phương* để nâng cao tinh thần các chiến sĩ tiền tuyến. Nhiều bài thơ của Minh Đức được Phạm Duy phổ nhạc như: *Kiếp nào có yêu nhau, Đừng bỏ em một mình, Võ Tá Hân Nhớ Mẹ, Phan Văn Hưng Ai về xứ Việt*...

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Minh Đức trở lại Pháp, xuất bản tại Paris tạp chí "Hồn Việt", phụ trách chương trình Việt ngữ của đài phát thanh ORTF.

Năm 1979, Minh Đức đã tranh đấu với Văn Bút Quốc Tế tại đại hội ở Brazil, để thừa nhận Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại là thành viên chính thức, và là chủ tịch đầu tiên của TTVBVNHN.

Từ năm 1980, Minh Đức sang Hoa Kỳ định cư ở California.

Tác phẩm:

- *Lang Thang* (1960)
- *Thư Sinh* (1962)
- *Bơ Vơ* (Sáng Tạo, 1964)
- *Hấn* (1964)
- *Mơ* (1964)
- *Thiên Nga* (1965)
- *Hai Góc Cây* (1966)
- *Sám Hối* (1967)
- *Tử Địa* (1973)
- *Trà Thất* (1974)

HUỖNH ÁI TÔNG

- *Bài Thơ Cho Ai* (1974)
- *Dòng Mưa Trích Lịch* (Thanh Long Bruxelles, 1976)
- *Bài Thơ Cho Quê Hương* (Nguyễn Quang Paris 1976)
- *This Side The Other Side* (Occidental Press USA 1980)
- *Bên Ni Bên Tê* (truyện dài, Nguyễn Quang USA, 1985)
- *Niệm Thư I* (tái bản 1987)
- *Biển Nghiệp* (Nguyễn Quang USA, 1990)

Trích văn:

Cây Đàn Của Bá Nha

Bá Nha gặp Tử Kỳ sau khi đã thử thách nhau, sau khi đã xin lỗi vì ân hận, khi biết rằng “thạch trung khả tàng Mỹ Ngọc” (trong đá có dấu ngọc) và sau khi đã thốt lên một câu tâm sự: “*Tri thức mỗ thiên hạ, tri kỹ vô nhất nhân*” (dưới bầu trời quen hết mà người hiểu mình thì chẳng có một ai).

Tri kỹ là gì? Định nghĩa của người xưa, tri kỹ là khi đã có sự giao du hữu nghị rất thâm sâu với nhau. Chữ Kỹ tức là ta để ngược lại với chữ Nhân là người khác. Tri kỹ tức là người biết ta, hay là biết ta, mà thôi.

Khi con người đã biết rằng mình chẳng có ai đáng gọi là tri kỹ, tức là chấp nhận cái nghiệp cô đơn mà mình đã tạo lấy từ một kiếp nào trước, ở đây, Bá Nha vì cô đơn nên phải chọn cây đàn làm tri kỹ. Chỉ ở với cây đàn tức là lúc đánh đàn con người mới thấy rằng mình không còn cô đơn nữa.

Y gia ghi nhận rằng sự âu lo làm cho ngày tháng ngắn hơn, mà đánh đàn lại làm cho tháng ngày dài ra, cũng như làm cho con người sống lâu, trẻ lâu, so với những người có cuộc sống không âm nhạc.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Người quân tử, thường hay tìm đến với thi ca, âm nhạc, cây cỏ, những thú vui tao nhã, không hại mình mà cũng chẳng hại ai.

Bá Nha và Tử Kỳ, xét theo thuyết Phật thì tuy cách xa nhau, một người là quan Đại Phu nước Tấn, một người chỉ là ẩn sĩ nghèo, ở Hán Dương nước Sở. Hẳn kiếp trước có duyên nợ, có hồ hẹn nhau nên kiếp này mới được gặp nhau dù chỉ là trong một đêm.

Nếu nói là duyên nợ thì người gặp Duyên là Tử Kỳ mà người thiếu Nợ chính là Bá Nha. Bá Nha chỉ đàn cho Tử Kỳ nghe có mấy bản, sau đó là tàn đêm hai người phải giả từ nhau, Bá Nha về Tấn, Tử Kỳ chết, và Bá Nha là người sống để trả món nợ nhớ thương.

Con người Bá Nha mới đáng được mang ra phân tách chứ Tử Kỳ chết là hết nợ, chỉ người còn lại mới bị đọa đày trong sự khổ đau kỷ niệm, thương nhớ. Bá Nha đáng phải là một người sinh ra để hưởng thụ, nếu ông tầm thường hơn, kém chất quân tử hơn, vì ông có đủ mọi điều kiện để sung sướng.

Mới 28 tuổi đã làm đến chức Đại Phu nước Tấn, gia đình phải dư dả mới được ăn học đầy đủ, một mình mà có ba nơi Cầm Đài mà ngày nay còn tên tuổi. Cầm Đài chỉ là nơi ghé qua vài hôm đánh đàn, không phải là một ngôi nhà to lớn, một Cầm Đài ở Lô Sơn, một cái ở Chiết Giang và một cái ở Hán Dương, cái thứ ba hẳn là làm sau khi Tử Kỳ mất để ngồi tưởng đến bạn chứ đàn đâu nữa mà đánh.

Bá Nha đàn hay đến nỗi ngựa đang ăn mà cũng phải ngẩng đầu lên nghe (Bá Nha cổ cầm nhi lục mã ngưỡng mạc).

Muốn đàn hay ngoài cái tài thiên phú, còn phải có thì giờ để tập dượt, phải tìm được thầy, lắm khi phải đi xa bao nhiêu đường đất tốn kém bao nhiêu công của để học ra được một

HUYỀN ÁI TÔNG

chút gì chứ không phải một sáng một chiều mà có thể trở thành cảm sĩ, bất cứ là đàn gì.

Đàn Cầm tên gọi là Huyền Cầm, hay Cổ Cầm vì nó được tạo từ đời thượng cổ. Nhạc khí tục truyền do Phục Hy chế ra bằng 3 thứ gỗ độc đáo là cây Ngô Đồng, cây Tử và cây Tử Đàn.

Gỗ rất quan trọng khi cấu tạo một cây đàn, không phải bất cứ gỗ nào, gỗ gì cũng đóng được đàn tốt, thứ đàn xứng với tâm hồn và bàn tay của nghệ sĩ, nhất là khi nghệ sĩ còn là một bậc quân tử.

Gỗ Ngô Đồng nhẹ nên được chọn làm mặt đàn, Ngô Đồng không những chỉ nhẹ mà còn tạo nên được âm thanh vừa dài, vừa ấm, sử chếp, do một sự tình cờ, có người đốt gỗ Ngô Đồng trong lúc va chạm nghe âm thanh vang rất kỳ lạ, bèn lấy thử làm một cây đàn. Đàn lên rất hay, đến đời nhà Hán, có Thái Ung là một nhân vật rất uyên bác, ông còn là một tay thiện đàn, ông đã bắt chước theo, thấy kết quả nên người đời sau cứ thế mà theo.

Ngô Đồng có thứ hoa trắng gọi là Bạch Đồng, hoa tím gọi là Cang Đồng hay Ngô Đồng, quả Ngô Đồng lúc già nứt làm đôi, còn một tên khác nữa là Cầm Mộc vì được chọn làm nhiều thứ đàn.

Cây Tử gỗ nặng hơn, dùng để làm đáy đàn, lá cây Tử giống lá cây Ngô Đồng nhưng bé hơn, gỗ Tử được gọi là Mộc Vương, dùng để làm hòm rất quý, theo kinh nghiệm người ta cho rằng nhà làm bằng gỗ Tử không bao giờ bị sét đánh, hòm không mục nát, sâu mọt không ăn, có cây sống trên nghìn năm.

Tử đàn lại là thứ gỗ mọc ở vùng nhiệt đới, gỗ non màu hồng nhưng lúc già đổi sang màu tím, do đó mới được mang tên Tử Đàn. Gỗ trắng là Bạch Đàn gỗ vàng là Hoàng Đàn, gỗ này thá

VĂN HỌC MIỀN NAM

xuống nước sẽ chìm, mang mùi hương tự nhiên dùng làm trực đàn rất tốt.

Đàn Cầm dài 3 xích, 6 thốn, 6 phân để tượng cho 366 ngày của một năm. Trên tròn vun như bầu trời, dưới vuông như mặt đất lòng rỗng, dưới có 4 chân nhỏ, trên mặt đàn có hai lỗ gọi là Long Trì, Phượng Chiếu, tức là hồ của Rồng, ao của Phượng.

Gọi là Cầm vì nó đồng âm với chữ Cầm, tức là đánh đàn sẽ làm ngưng cầm những ý nghĩ dâm tà, bắt tâm người dùng lại ở chỗ trình chính.

Cầm được chia ra 5 thứ, nhất huyền, tam huyền, ngũ huyền, thất huyền và cửu huyền. Cả 5 cây đàn đều mang dương số, tức là số lẻ. Đàn của Bá Nha phải là thứ Ngũ Huyền, 13 phím đàn để tượng cho 13 tháng trong một năm, vì có tháng nhuận, cũng như Ngũ Huyền tượng cho Ngũ Hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và cho ngũ cung là Cung, Thương, Giác, Trung, Vũ.

Âm sắc của Huyền Cầm vốn u trầm, sâu xa và trang trọng. Thanh âm không vang, chất chứa, nhưng người xưa đánh đàn là để tu thân dưỡng tính, làm tan biến những ý nghĩ xấu xa hèn kém, đưa tâm trí đến chỗ thanh cao thoát tục. Tùy tâm mà tạo nên âm thanh. Cổ Cầm không dễ, cần có sự tập luyện, nhẹ nhàng hơn so với đàn sắt, đi đâu cũng có thể mang theo, bạn của người quân tử.

Vì xem đàn như tri kỷ, như bạn nên người xưa vẫn thường đặt tên cho đàn. Cổ Cầm có những tên như: Băng Thanh, Xuân Lôi, Ngọc Chấn, Hoàng Hộc, Thu Tiêu là những tên người xưa ưa chọn để đặt cho đàn.

Sử chép một hôm Bá Nha đi chơi ở phía Bắc núi Thái Sơn, gặp buổi trời mưa to gió lớn, phải ngưng thuyền ở dưới chân núi. Tâm trạng u buồn, mang đàn ra dạo khúc Lâm Vũ (Lâm Vũ còn dùng để gọi thứ mưa dầm quá 3 ngày). Qua tiếng nhạc,

HUỶNH ÁI TÔNG

Chung Tử Kỳ đã nghe trộm và đoán biết tâm trạng u ám của người đánh đàn mà chưa biết là ai.

Tử Kỳ chỉ là một ẩn sĩ, họ Chung, nhà nghèo, tuy có kiến thức rộng nhưng không muốn trẫm mình vào vòng danh lợi, không thi cử, không ra làm quan. Một phần vì chữ hiếu, cha mẹ già, chỉ muốn ở gần để phụng dưỡng, vì giao cho ai cũng không thể bằng chính mình.

Phải nhận rằng cái vốn liếng trí thức và đạo đức của Tử Kỳ là do nơi cha mẹ đã truyền lại, thêm với sự đọc sách để rồi suy tư, tự tìm cho mình một con đường lối sống. Sau một đêm nói chuyện, Ba Nha mời cùng sang Tấn với mình, dọn con đường tiến thân cho Tử Kỳ nhưng Tử Kỳ từ chối, bảo còn cha mẹ già không thể bỏ đi xa, thà chịu cuộc sống nghèo nhưng thanh sạch và được gần cha mẹ, ở Tập Hiền Thôn cách không xa bến sông.

Ở đây xin không đề cập đến những gì mà mọi người đều đã nghe, đã biết, những cái gọi là Cao Sơn Lưu Thủy của đôi bạn ấy, mà chỉ đưa câu chuyện ra để phân tích con người của Bá Nha và cây đàn của ông mà thôi.

Bá Nha, một người thiện Cổ Cầm và Tử Kỳ là một người thiện thính. Sách chép như thế, người đánh đàn này không phải là thứ nghệ sĩ đã dùng cây đàn để làm kế mưu sinh, không cần thính giả, không cần ánh đèn sân khấu, cũng không thiết những tràng vỗ tay, cũng như một chút hư danh do cây đàn đưa tới.

Bá Nha chỉ đàn cho mình, hẳn trên cây đàn của ông cũng có khắc những chữ “Tu thân lý tính” như của Khổng Tử, hoặc loại thơ “Duy sa đào ngộ, Chí tông hồng môn” như tất cả những cây đàn của các vĩ nhân xưa.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Bối cảnh xã hội của thời Xuân Thu nhiều nhưng nên mới sinh ra một số dị nhân, ẩn sĩ, những người chỉ muốn giữ mình cho thanh sạch nên cố tình xa lánh những cảnh phồn hoa, đô thị sang giàu.

Điểm đặc biệt của câu chuyện là sự “Thâu Thính” tức là nghe đàn trộm. Nghe trộm đàn mà làm cho đàn phải đứt giây “liệt huyền” thì đủ biết là người nghe không phải tầm thường. Biết nghe, biết thưởng thức đến làm rung cảm dao động đến Thần Nhạc, bắt đàn phải “liệt huyền” để báo cho người đánh đàn biết đang có sự hiện diện của tri âm, xin đừng so sánh với hoàn cảnh của những sự đứt giây đàn mà hằng ngày vẫn xảy ra, do bàn tay vụng về không biết vận trục, ngược xuôi, những bàn tay nhấn phím quá độ, hoặc những sợi giây đàn đã rĩ mục, thì sự đứt giây đàn này không phải để nói lên sự hiện diện của tri âm, thâu thính như hoàn cảnh Bá Nha và Tử Kỳ.

Âm nhạc là một ân huệ của Thượng Đế đã dành cho loài người, và loài người từ xưa đã thấu triệt điều ấy nên mới có câu rằng biết thanh mà không biết âm tức là cầm thú (tri thanh bất tri âm giả, cầm thú dã).

Thanh là những tiếng phát từ môi răng, nướu, lưỡi họng, mà âm là do từ tâm người đưa ra.

Thanh là những tiếng được mang tên Cung, Thương, Giác, Trung, Vũ. Thanh hợp với Khí thành Âm, và Âm là những sự Cương, Nhu, Thanh, Trọc, hòa lại với nhau, uống lấy nhau như rượu với bình để rồi hòa thành Âm.

Từ đời thượng cổ người ta đã biết dùng những mắt tre thổi lên thành âm thanh, làm chủ chốt nền móng của âm nhạc (xem phần Cổ Nhạc ở tập II). Mỗi âm thổi lên do những ống sáo dài hay ngắn, và những phù hiệu Cung, Thương, Giác, Trung, Vũ đã được dùng để ghi làn nhạc, ngũ âm này đã biểu tượng cho Quân, Thần, Dân, Sự và Vật.

HUYỀN ÁI TÔNG

Cung được gọi là Âm của Trung Ương, của đất đai của hướng Tây.

Thương thuộc hành Kim trong Ngũ Hành, là tiếng của mùa Thu, tiếng buồn thương oán nộ.

Giác là âm của hành Mộc, của tiếng gõ, tiếng cỏ hoa, tiếng của mùa Xuân.

Trung, hay Chùy là âm của Lửa, hành Hỏa, của mùa Hạ, tượng cho sự vật, dương khí ngưng đọng ở âm này, và cũng với âm Trung để gan lóng mọi sự.

Vũ là âm của nước, của hành Thủy, của phương Bắc nếu Giác là của phương Đông Cũng như Trung là âm phương Nam, thì Vũ là âm của phương Bắc, trầm và thâm sâu, đi thẳng vào lòng người.

Người biết phẩm Thanh tức có thể tri Âm.

Âm nhạc thuở ban sơ mang nhiều chiến đấu tính, về sau khi vào tay các văn nhân nghệ sĩ, nhạc trở thành một thứ Tĩnh Lực, người đời chỉ còn biết dùng nhạc để vui chơi giải trí, yến ẩm, dâm loạn mà thôi.

Đến một quốc gia nào, chỉ cần nghe tiếng nhạc, thì người biết “Phẩm Thanh” có thể nhận định được cái làn sóng chính trị đương thời, sẽ đưa đến chỗ thịnh hay suy. Âm nhạc của một nước thịnh trị thì nghe bình tĩnh, vui vẻ, mà hòa nhã. Âm nhạc của một nước sắp loạn, thường có giọng oán nộ, một nước sắp mất nghe có giọng buồn rầu và âu lo, quần quai, đau xót.

Những vùng có đất đai đơn bạc mà sông lớn thì khí huyết con người cũng nông nổi, đất đai thấp mà bằng phẳng thì tâm tính người cũng nhu nhược, đất phì nhiêu thì tính người hay lười

biếng... Tất cả những thứ ấy đều phản ảnh vào âm nhạc, mà người biết “Phẩm Thanh” đều nhận thấy, cảm thấy.

Trở về với Bá Nha, ông là loại người đại diện cho một nền văn hóa thuần túy, chưa bị ô nhiễm vì những đảo điên của xã hội. Hẹn với Tử Kỳ năm tới cũng ngày tháng ấy, trên bến sông ấy sẽ gặp lại nhau, suốt một năm đợi, để rồi đến nơi không thấy tri âm chờ mình.

Dùng tiếng đàn để gọi nhau cũng không nghe hồi đáp, sáng ngày mai gọi tiểu đồng cùng đi tìm, ngỡ rằng Tử Kỳ vì có cha mẹ già như ngọn đèn trước gió.

Trên đường vào Tập Hiền Thôn, gặp một ông cụ già tay xách hương hoa, hỏi thăm nhà Tử Kỳ. Khi người già ấy biết đây là Bá Nha, bạn của con trai mình thì oà khóc mà báo tin rằng Tử Kỳ đã chết đúng 100 ngày, trước khi chết có dặn cha mẹ phải chôn mình ở ngay bên vì có hẹn với Bá Nha là sẽ gặp nhau.

Bá Nha ngất đi sau khi nghe tin bạn đã chết, lúc tỉnh dậy, ông đàn một bài điệu Tử Kỳ, người trong làng lúc nghe tiếng khóc thì cảm động đến đứng chung quanh có vẻ thành kính nhưng, đến lúc nghe tiếng đàn lại khúc khích cười, cười trong khi lòng nghệ sĩ đang tang tóc. Hẳn vì bị những tiếng cười của lũ người chỉ hiểu được tiếng khóc mà không hiểu được cái đau thương thể hiện qua tiếng đàn, đối với người nghệ sĩ còn cay đắng hơn muôn nghìn tiếng khóc tầm thường, Bá Nha biết rằng từ nay không còn ai có thể hiểu mình nữa nên đã “Tuyệt Huyền Phá Đàn” tức là cắt giây và đập đàn, thế không đàn cho ai nghe nữa.

Đến đây xin mở vòng ngoặc để nói đến sự khác biệt của phạm phu thanh, và thánh nhân thanh. Người đời tầm thường làm sao hiểu được thế nào là thánh nhân thanh, cố nhiên là thấy đứng trước mộ thì khóc là phải lẽ, ai lại đàn thì phạm phu làm

HUỖNH ÁI TÔNG

sao hiểu được tiếng khóc của cây đàn, hay của người nghệ sĩ đã nhờ cây đàn khóc hộ mình.

Trong hai người bạn thì quả Bá Nha mắc nợ và là kẻ đáng thương nhất, đã mất tri âm lại chịu vì tri âm mà mất cả cây đàn là tri kỷ, cuộc sống rồi sẽ cô đơn biết mấy. Trái lại, Tử Kỳ là con người ít mang nợ, kiếp trước không tạo nghiệp, kiếp này cũng hiền hòa hiếu thuận, sống cuộc sống của một bậc ẩn sĩ, nếu không là thánh nhân. Chết sớm là một sự thoát tục sớm... Hơn nữa, chết rồi còn có kẻ vì mình mà đập đàn, và hẹn sẽ trở về thu xếp công việc để đón cha mẹ về phụng dưỡng thay cho mình. .

Người như Bá Nha và tình bạn của Bá Nha sẽ không bao giờ ai còn tìm thấy. Nhưng, với cuộc sống cô đơn không tri kỷ, không tri âm, liệu cuộc sống có còn đáng sống?

(trích Niệm Thư I)

Trích thơ:

Kiếp Nào Có Yêu Nhau

*Anh đừng nhìn em nữa
Hoa xanh đã phai rồi
Còn nhìn em chi nữa
Xót lòng nhau mà thôi .*

*Người đã quên ta rồi
Quên ta rồi hẳn chứ
Trăng mùa thu gãy đôi
Chim nào bay về xứ .*

*Chim ơi có gặp người
Nhấn giùm ta vẫn nhớ
Hoa đời phai sắc tươi*

Đêm gói sầu nức nở .

*Kiếp nào có yêu nhau
Nhớ tìm khi chưa nở
Hoa xanh tận ngàn sau
Tình xanh không lo sợ .*

*Lệ nhòa trên gói trắng
Anh đâu, anh đâu rồi
Rượu yêu nồng cay đắng
Sao cạn mình em thôi ?*

Tình chúng mình sẽ được vẽ lên tranh

*Chết đi anh cho em được ngồi bên mộ
Cho nước mắt hồng chảy thấm xuống thịt xương
Xin hãy chết đi trong một chiều bão tố
Cho suốt đời vũ trụ khoác thể lương*

*Nếu anh chết em sẽ ở gần anh mãi
Mỗi chiều về sẽ đốt nén hương xanh
Nghĩa trang tím bước hoàng hôn chạ rãi
Em gục đầu và sẽ gọi tên anh .*

*Anh còn sống là mình còn xa cách
Vì cuộc đời hay ghét kẻ yêu nhau
Vì hạnh phúc phải xây trên niề thử thách
Xã hội điên cuồng , nhân loại ngọp thương đau .*

*Anh chết đi để cho mình gặp lại
Trong giấc mơ anh sẽ để tìm em
Em sẽ siết anh trong vòng tay và mãi mãi
Ngạo với thời gian , ánh sáng và hương đêm*

*Nếu anh chết em sẽ là màu trắng
Vành khăn tang buộc mở tóc mong manh*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Ta sẽ yêu nhau , yêu nhau trong hoang vắng
Tình chúng mình sẽ được về lên tranh .*

Đừng Bỏ Em Một Mình

*Đừng bỏ em một mình
Khi trăng về lạnh lẽo
Khi chuông chùa u minh
Chậm rãi tiếng cầu kinh*

*Đừng bỏ em một mình
Khi mưa chiều rào rạt
Lũ chim buồn xơ xác
Tìm nhau gục vào mình*

*Đừng bỏ em một mình
Trời đất đang làm kinh
Rừng xa quần quai gió
Thu buốt vết hồ tinh*

*Đừng bỏ em một mình
Đừng bắt em làm thính
Cho em gào nức nở
Hòa đại dương mông mênh*

*Đừng bỏ em một mình
Biển đêm vời vợi quá
Bước chân đời nghiêng ngả
Vũ trụ vàng thênh thênh*

*Đừng bỏ em một mình
Môi vệ thân không linh
Tiếng thời gian rên rỉ
Đường nghĩa trang gập ghềnh*

Đừng bỏ em một mình

*Bắt em nghe tiếng búa
Tiếng búa nện vào đình
Hòa trong tiếng u minh*

*Đừng bỏ em một mình
Bóng thuyền ma lênh đênh
Vòng hoa tang héo úa
Yêu quái vẫn vô tình*

*Đừng bỏ em một mình
Cho cơn trùng rúc rĩa
Cỏ dại phủ mộ trinh
Cho bão tố bấp bênh*

*Đừng bỏ em một mình
Mấy ngàn năm sau nữa
Ai mái tóc còn xinh
Đừng bỏ em một mình*

Một cảnh cây khô

*Một cảnh cây khô
Từ phương trời nào
Theo sóng dạt dào
Trôi về nơi mô ?*

*Cành xưa ngây thơ
Chưa hề mong chờ
Chưa nghe ân ái
Quen đời hoang sơ*

*Trên lòng cát vắng
Áo cát màu trắng
Chiều nay gió về
Trao bờ yên lặng*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Cành non mong manh
Từ rừng xa xanh
Chiều nào bật gió
“Lìa cây sao đành”*

*Cành khô về đây
Ghi lời mê say
Của chàng gió bé
Lẳng lơ đêm ngày*

*Giã từ cây yêu
Nương hương xiêu xiêu
Say men nước mắt
Trôi theo cô liêu ...*

*Đêm nay cảnh buồn
Mơ tình quê hương
Mật mờ thăm thẳm
Cây rừng yêu thương .*

Gục đầu bên mộ Mẹ

*Gục đầu bên mộ Mẹ
Nước mắt chìm tha ma
Lựa tâm hồn ai xé
Kính cầu ai ngân nga?*

*Lòng ta hằng mơ ước
Có hôm nao được về
Con tàu xuôi bến nước
Hân hoan vang tình quê...*

*Mẹ ơi ngày ấy đến
Chúng không cho con về
Ôi lũ người chưa yêu mến
Là những tấm lòng chưa biết say mê!*

Lòng chúng làm bằng thép
Tim chúng vậy bùn nhơ
Cầu hư danh gương ép
Chà đập lên giấc mơ...

Thế là hết Mẹ ơi
Tàu nhỏ neo đi rồi
Con không về với Mẹ
Máu rướm mềm lên môi!

Nghiến răng kìm cắn tức
Lang thang chiều tha ma
Quên làm sao u uất
Nguôi làm sao xót xa?

Gục đầu bên nấm mộ
Mẹ ơi con không về
Chuông nhà thơ ai đó
Ai nghe buồn lê thê?

Nhớ Mẹ

Ai trở về xứ Việt
Mang giùm ta thư này
Nơi quê hương có mẹ già đơn chiếc
Thư viết rằng :
“Ta nhớ mẹ nơi đây”

Thương mẹ màu tóc trắng
Mỗi khi nhìn áng mây
Đôi mắt mờ xa vắng
Khi sương chiều đang xây
Khi cành cây rớt lá
Tôi tả trong bóng nắng

HUỶNH ÁI TÔNG

*Khi mùa đông buốt giá
Thương mấy đốt xương gầy*

*Xa xôi lắm có ai về xứ Việt
Nhấn hộ rằng ta hận dưới trời Tây
Đâu những giờ yến tiệc
Mẹ mở nồi cơm nóng khói thơm bay
Ta vẫn thăm luyến tiếc
Thuở nào nằm gối lên tay
Nghe vắng vắng câu ... Hồ ơi, tha thiết
“Hồ ơi, cái ngủ mày ngủ cho say”
Ngoài mưa gió như không ngừng rên siết
Mà lòng ta nắng sớm vẫn hây hây*

*Có ai về xứ Việt
Nhấn hộ ta đôi lời
Nơi phương Tây xa ấy
Ta hận thương biết mấy
Đâu những giờ yến tiệc
Bên nồi cơm vun đầy
Thơm bay làn khói trắng
Nhưng mẹ giờ xa vắng
Ta vẫn thăm luyến tiếc
Nhớ khi nằm gối tay
Nghe vắng vắng câu hát
Tiếng mẹ hiền đâu đây*

*Nhưng còn đâu nữa
Nắng bên ngoài lòng vẫn chớm heo may
Những đêm như đêm nay
Ta muốn lòng ta say, thật say
Men rượu nồng trong màu khói thuốc
Quanh mình rộn rã nhạc cuồng quay
Pha lê tan tác vỡ
Tàn thuốc tả toại bay*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Ta muốn cười lên trong nước nở
Thả tâm hồn mơ đến một bàn tay*

*Ai trở về xứ Việt
Xin đừng chân nơi này
Cho ta nhắn một lời khi xa cách
Xin nhắn rằng :
“Ta nhớ mẹ hôm nay”*

Ai về xứ Việt

*Ai trở về xứ Việt
nhấn giùm ta, người ấy ở trong tù
Nghe đâu đây vang giọng hòen rên xiết
Dài lắm không đặng đặng mấy mùa thu*

*Ai đi về xứ Việt
thăm giùm ta, người ấy ở trong tù
Cho ta gửi một mảnh trời xanh biếc
Thay giùm ai, màu trời ngục âm u.*

*Các bạn ta ơi, bao giờ được thả
Đến bao giờ ăn được bát cơm tươi
Được lắng nghe, tiếng chim cười trong gió lá
Đến bao giờ*

*Bao giờ hòen uất mới nguôi?
Người bạn tù ơi, ta không quên đâu
Nhớ hôm xưa, nhìn đôi tay cùm xích
Hàng song thưa chia cách vạn tình Ngâu
Ai tra tấn nghe lòng ai kim chích*

*Ai sửa soạn lên đường về xứ Việt
Ta gửi về theo một ít tự do
Và nhiều lắm nhiều nhớ thương tha thiết
Đến cửa ngục tù chia bớt chút buồn lo*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Còn bạn nữa, biết nhau từ thưở ấy
Ta sẽ về đón ở cửa âm u
Đời sẽ đẹp mùa Xuân hồng biết mấy
Dầu ngoài kia mây có trĩu mùa Thu...*

Minh Đức Hoài Trinh là một nhà thơ, tích cực hoạt động cho văn hóa, nhân quyền, thơ của bà được nhạc sĩ tên tuổi phổ nhạc, nhiều khi nghe nhạc người ta chỉ nhớ tên nhạc sĩ mà quên đi tên tuổi của bà một nhà thơ đương thời.

Tài liệu tham khảo:

- Minh Đức Hoài Trinh Web: tambut.wordpress.com
- Minh Đức Hoài Trinh Web: e-thuvien.com

30) Minh Quân



Minh Quân Công Tăng Tôn Nữ Bích Lợi (1928-2009)

Nhà văn nữ Minh Quân, tên thật là Công Tăng Tôn Nữ Bích Lợi, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1928, tại thành phố Nha Trang, quê nội Thừa Thiên, Huế, quê ngoại Đà Nẵng.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Ngoài bút hiệu thường dùng là Minh Quân-Chị còn có các bút danh khác là: Lan Vinh, Bửu Lợi, Mặc Lan, Mặc Tâm, Nhiệt Hà... Bài Thơ đầu tiên của bà được đăng trên tuần báo Dân Chủ vào năm 1951. Lần lượt những truyện ngắn, thơ, bút ký đăng rải rác ở Nhân Loại, Thân Chung, Nữ Lưu, Tuổi Hoa-, Phổ Thông. Phụ Nữ Việt Nam, Văn Nghệ, Xã Luận.

Sau 1975, viết cho các báo, tạp chí tại Thành Phố HCM như: Sài Gòn Giải Phóng, Văn Nghệ Thành phố, Người Lao Động, Kiến Thức Ngày Nay... là hội viên Hội Nhà Văn TP HCM.

Trong hơn nửa thế kỷ cầm bút, bà đã cho xuất bản hơn 40 tác phẩm là tập truyện, truyện dài, truyện dịch, bút ký, truyện thiếu nhi và 1 tập thơ

Bà mất vào ngày 6 tháng 12 năm 2009, thọ 81 tuổi.

Tác phẩm:

- *Đơn sơ* (Thơ)
- *Lữ quán giết người*
- *Anh hùng Suzuki*
- *Túp lều của chú Tom* (của Harriet Beeche Towe, cùng Mỹ Lan dịch)
- *Đất và người*
- *Vượt đêm dài* (truyện thiếu nhi)
- *Trời Âu qua mắt Việt* (du ký)
- *Những ngày cạn sữa*

Tài liệu tham khảo:

- Minh Quân Web: giaoduc.edu.vn
- Minh Quân Web: mangvienlong.vnweblogs.com

31) Ngô Thế Vinh



Ngô Thế Vinh (1941-)

Nhà văn Ngô Thế Vinh, bút hiệu Tâm Bình, ông sinh năm 1941 tại Thanh Hóa, Trung Việt.

Năm 1968, tốt nghiệp Đại học Y khoa Sài Gòn .

Trong ban biên tập, nguyên Tổng thư ký rồi Chủ bút báo sinh viên Tình Thương trường Y khoa Sài Gòn từ 1963 tới khi báo đình bản 1967.

Năm 1968, bị động viên nhập ngũ, được phân bổ làm y sĩ Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù.

Tu nghiệp ngành Y khoa Phục hồi tại Letterman General Hospital San Francisco.

Trở về Việt Nam, làm việc tại trường Quân Y.

Sau 1975, tù ba năm qua các trại cải tạo Suối Máu, Trảng Lớn, Phước Long, Bù Gia Mập...

VĂN HỌC MIỀN NAM

Ra trại, về Sài Gòn, một thời gian sau trở lại làm việc tại Trung Tâm Phục Hồi Bà Huyện Thanh Quan và trường Vật Lý Trị Liệu Sài Gòn.

Tới Mỹ tám năm sau 1983, cải tạo tự nguyện thêm 5 năm để trở lại ngành y: thời gian đầu làm volunteer đầy các ở bệnh viện, rồi clinical fellow Đại học USC trước khi trở lại làm bác sĩ nội trú rồi thường trú các bệnh Đại học SUNY Downstate Brooklyn New York.

Tốt nghiệp ngành Nội khoa American Board of Internal Medicine và hiện làm việc tại một bệnh viện miền nam California.

Tác phẩm:

- *Mây Bão* (Sông Mã, 1963)
- *Bóng đêm* (Khai Trí, 1964)
- *Gió Mùa* (Sông Mã, 1965)
- *Vòng đai Xanh* (Thái độ, 1971)
- *Mật Trăn ở Sài Gòn* (Văn Nghệ, 1996)
- *Cửu Long Cận Dòng Biển Đông Dậy Sóng* (Văn Nghệ, 1999)
- *The Green Belt* (Ivy House 2004)
- *The Battle of Saigon* (Xlibris, 2005)

Trích văn:

vực dậy từ tro than – đi qua những cánh đồng chết

TRỞ LẠI THĂM XỨ CHÙA THÁP

Hơn 30 năm sau trở lại thăm đất nước Cam Bốt vẫn là một thứ kinh nghiệm “độc nhất vô nhị.” Năm 1970 là đi vào một đất nước Cam Bốt đang chìm đắm trong chiến tranh từ Việt Nam tràn sang. Thị trấn Krek không xa biên giới Việt Nam thường

HUYỀN ÁI TÔNG

xuyên là mục tiêu của những trận mưa pháo và hỏa tiễn. Tiếp theo đó là những năm tháng kinh hoàng của chiến dịch “cấp duồn” người Việt dưới chính quyền Lon Nol, rồi là những năm “tẩy sạch chủng tộc” của Pol Pot. Năm 2001 trở lại một đất nước đã trải qua những năm tháng ác mộng của mệnh mông những Cảnh Đổng Chết mà tưởng như mới hôm qua. Một đất nước với nền hòa bình còn non trẻ và mìn bầy thì đầy rẫy sau những năm nội chiến đẫm máu. Nhưng Cam Bốt đang vực dậy từ tro than và hướng về tương lai. Đối với du khách thì Cam Bốt nay thực sự trở lại với bản đồ Đông Nam Á do sự kỳ vĩ của các khu đền đài Angkor, một tụ điểm du lịch mà có lẽ không một nước Á Châu láng giềng nào có thể sánh bằng. Lại thêm triển vọng từ 2002 mở ra một cuộc du lịch đầu tiên bằng thuyền hovercraft [ACV / Air Cushion Vehicle] 14 ngày khởi hành từ giang cảng Tư Mao/ Simao tỉnh Vân Nam xuống Cảnh Hồng qua khu Tam Giác Vàng [Miền Điện, Thái, Lào] xuống tới Luang Prabang – Vạn Tượng – Pakse vòng qua thác Khone xuống Cam Bốt – lên Biển Hồ tới Siem Reap – Angkor trở lại Nam Vang trước khi xuống ĐBSCL Việt Nam và bến đỗ sẽ là cảng Cần Thơ. Tuy chưa phải là cuộc hành trình suốt dọc con sông Mekong qua 7 quốc gia do có một khúc sông không lưu thông được qua các hẻm núi từ Tây Tạng xuống Vân Nam nhưng đây vẫn sẽ là một cuộc du lịch sinh thái / Ecotour 2,900 km đường sông qua 6 nước vô cùng hấp dẫn: du khách còn hy vọng được thấy những con cá Pla Beuk và Irrawady Dolphin cuối cùng còn sống sót trên sông Mekong trước khi trở thành những hình ảnh của quá khứ. Nhưng đó là chuyện của tương lai năm 2002. Bây giờ là tháng 12 của năm đầu thế kỷ 21. Không với tính cách du lịch mà là một du khảo/ fieldtrip tới với một khúc đoạn khác của con sông Mekong, khúc sông đã từng loang máu và nổi trôi những chum xác không đầu của người Việt. Cấp Duồn luôn luôn như một mối ám ảnh. Người Việt người Khmer nói chung vẫn có cách nhìn mang dấu ấn tiêu cực về nhau bắt nguồn từ mối thù hận lịch sử. Cao Xuân Huy tác giả Tháng Ba Gãy Súng nói với tôi: – Anh không sợ bị Cấp Duồn à? Người Lào đầu sao cũng hiền lành hơn người Miên.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Huy muốn so sánh chuyến đi Lào sông sè của tôi và chuyến đi Cam Bốt sắp tới. Hoàng Khởi Phong Người Trăm Năm Cũ cũng đưa ra một ý kiến không thuận lợi: – Cuốn sách xong rồi anh còn đi Cam Bốt làm gì, anh vẫn còn thời gian để thay đổi ý kiến. Tuy không phải là một lời can ngăn nhưng chắc chắn đó không phải là một phát biểu đồng tình. Anh Đỗ Hải Minh/Dohamide người bạn Chăm lâu năm của báo Bách Khoa trước 1975 có lời khuyên tôi chưa nên đi ở một thời điểm quá gần biên có 911 – nhất là khi tôi tỏ ý định đi thăm cộng đồng người Chăm Islam gần 500,000 người trong số 11 triệu dân Khmer theo Đạo Phật. Mấy người bạn Mỹ nơi bệnh viện tôi làm việc, có người gốc Green Beret từng qua Cam Bốt, cũng ngạc nhiên về “nơi đến nghỉ hè” của tôi. Thêm một thay đổi bất ngờ nữa là người bạn đồng hành Nguyễn Kỳ Hùng, vào giờ chót phải hủy bỏ chuyến đi theo dự kiến vì một dự án cuối năm của hãng Điện Toán Gateway mà anh là kỹ sư kế hoạch phải ở lại để hoàn tất. Anh là một phóng viên nhiếp ảnh trẻ tài hoa đã cùng đi với tôi trong chuyến về thăm ĐBSCL cách đây 2 năm. Tôi hiểu rằng là một phóng viên, cho dù không ra chiến trường nhưng cũng có những mặt trận khác. Hiệp Hội Phóng Viên Không Biên Giới cho biết trong năm 2001 đã có 31 nhà báo thiệt mạng trong khi hành nghề, tương đương với con số của năm 2000, đó là chưa kể số ký giả bị cầm giữ. Ý thức những bất trắc chứ không phải chối bỏ nhưng nếu có gặp trắc trở thì cũng là chuyện đương nhiên của nghề nghiệp phải vượt qua và tận cùng xa hơn nữa, ở một thời điểm nào đó – là cái chết, có ích hay không, vẫn là điều mà mỗi chúng ta phải đối diện hàng ngày, như điểm hẹn cuối cùng của mọi cuộc hành trình. Đến với con sông Mekong với tôi đã như một tiếng gọi quặn rũ – như một cuộc trở về, để tìm tới với Biên Hồ, con sông Tonlé Sap cùng với khúc đoạn khác của con sông Mekong. Điều mà thể hệ sắp tới có thể không còn cơ hội để thấy được sinh cảnh phong phú nhưng quá mong manh của một dòng sông sẽ trở thành “*Con Sông của Quá Khứ.*”

VÀI HÀNG TIN MỚI TRƯỚC CHUYẾN ĐI

HUỶNH ÁI TÔNG

Cam Bốt vừa được Tổng thống Bush loại ra khỏi danh sách những nước được coi là vận chuyển ma túy lớn nhất thế giới. Vẫn còn 23 nước có tên trong sổ đen của Cơ Quan Bài Trừ Ma Túy Mỹ/DEA trong đó có Trung Quốc, Miến Điện, Thái Lan, Lào và dĩ nhiên có cả Việt Nam. Cam Bốt đang có kế hoạch cho giải ngũ khá tốn kém cho khoảng trên 30,000 quân nhân (bao gồm cả sĩ quan và hàng tướng lãnh) trước cuối năm 2002, trả họ về đời sống dân sự. Kế hoạch chủ yếu được tài trợ bởi Ngân Hàng Thế Giới, với hy vọng giảm thiểu số lượng súng đạn đang còn tràn ngập trên đất nước Cam Bốt tạo thuận cho hòa bình, “cải thiện nhân quyền” đồng thời tiết kiệm được 10 triệu đôla mỗi năm dùng cho các kế hoạch phát triển xã hội và kinh tế. Nhưng tham nhũng vẫn là trở ngại lớn nhất trong việc sử dụng số tiền 42 triệu tài trợ ấy. Thủ tướng Hun Sen vừa ban hành sắc luật đóng cửa tất cả các phòng trà ca nhạc karaoke trên toàn quốc với lý do tệ nạn xã hội: tội ác bạo động, dĩ điểm lan tràn, dịch HIV phát triển ở các tỉnh miền quê do các cô gái karaoke trở về gieo rắc. Các tổ chức du lịch thì lại coi đây như “*một đôn giáng khác*” sau biến cố 911 vì số lượng du khách đã giảm tới 20% chủ yếu thành phần từ Âu Châu và Bắc Mỹ, chỉ còn trông vào khách Á Châu lại rất thích giải trí trong các hộp đêm. Trùng hợp với chuyến viếng thăm của Chủ tịch Nhà Nước Việt Nam Trần Đức Lương, đã xảy ra hai vụ cháy lớn tại các khu xóm nhà lá ở Nam Vang mà cư dân phần đông là người gốc Việt. Hai khu này vốn nằm trong kế hoạch giải tỏa của chính quyền Nam Vang. Trong khi mỗi bang giao giữa Việt Nam và Cam Bốt ngày một thêm căng thẳng vì tranh chấp biên giới như một vấn đề tồn tại lịch sử. Chính quyền và không ít người Cam Bốt vẫn coi ĐBSCL với hàng triệu người Việt gốc Khmer là thuộc Cam Bốt mà người Việt mới xâm chiếm bằng cuộc Nam Tiến từ mấy thế kỷ sau này.

ĐƯỜNG VÀO SIEM REAP

Trong cuộc chiến giữa Thái và Pháp (1941), Nhật đã ép Pháp phải cắt một phần đất của Cam Bốt nhượng cho Thái. Nhưng

VĂN HỌC MIỀN NAM

sau khi Nhật thất trận (1946), Thái phải trả lại đất. Có lẽ vì vậy mà có tên Siem Reap có nghĩa là “Xiêm bại trận.” Là một tỉnh nhỏ đồng quê nằm phía tây bắc Biển Hồ, cảnh trí xanh tươi với những bóng dừa, cây cau, cây me và đủ các loại cây trái nhiệt đới – giống như ở ĐBSCL. Nguyên là vị trí trọng yếu với các ngọn đồi chiến lược, các vua Khmer đã dựng nên khu đền đài Angkor như kinh đô từ thế kỷ thứ 9 tới thế kỷ 13, nơi đây cũng từng là bãi chiến trường trong suốt những năm nội chiến của mấy thập niên qua. Thời kỳ “sau Khmer Đỏ”, Siem Reap là một thị trấn đang thức dậy vì là điểm hẹn xuất phát cho những đoàn du khách tới thăm kỳ quan Angkor – nhất là từ khi có đường bay trực tiếp đón du khách ngoại quốc từ Bangkok vào Siem Reap mà không cần vòng qua ngã Nam Vang. Những chuyến bay tới Nam Vang thì càng ngày càng trở trái, du khách thì đổ dồn về Siem Reap, nhà khách phi trường quá tải và đang được các đội xây cất mở rộng. Các khách sạn tiện nghi kể cả Sofitel 5 sao mau chóng mọc lên bao gồm cả sân golf, phải kể cả dự án đầy tham vọng của các doanh nhân Mã Lai lập các màn Shows “âm thanh và ánh sáng” kỳ vĩ ngay trên khu đền đài Angkor Wat nhưng kế hoạch bị khựng lại do cuộc khủng hoảng kinh tế Á Châu vừa qua. Dấu mốc 911 cũng thay đổi thành phần du khách: thưa thớt đến từ Bắc Mỹ và Âu Châu, đa số là du khách tới từ các nước Á Châu: Nhật bản, Đài Loan, Đại Hàn, Trung Quốc...Chỉ cần giấy thông hành khi tới – Visas on arrival. Đội cảnh sát phi cảnh Siem Reap có vẻ chuyên nghiệp làm việc lối dầy chuyên: những người đàn ông Khmer vạm vỡ da sậm đen tóc quăn y phục thẳng nếp. Cho dù với thông hành Mỹ, tôi vẫn được giữ lại khá lâu với người đại úy trưởng toán với cặp mắt thật sáng nhưng lạnh. Khi trao lại sổ thông hành cho tôi, rất nhiều ngụ ý anh nói với tôi bằng tiếng Việt rất ngắn gọn hai tiếng cảm ơn. Và tôi hiểu rằng những ngày trên xứ Chùa Tháp với giấy tờ tùy thân gì đi nữa thì tôi vẫn thực sự mang căn cước một Người Việt. Tôi đang tìm tới với cộng đồng người Khmer, cộng đồng người Chăm mang theo cả gánh nặng quá khứ của gần ba thế kỷ. Liệu đến bao giờ thì mới rũ sạch được món nợ lịch sử này.

ĐẾN VỚI ĐẾ THIÊN ĐẾ THÍCH

Đề thăm hết các khu đền đài phế tích Angkor trải rộng trên một chu vi trên 35 km, có lẽ du khách phải cần ít nhất từ 3 ngày tới một tuần lễ. Vì không phải là một cuộc du lịch tới Angkor, tôi chỉ có một ngày để đến thăm một nền văn minh rực rỡ nhưng đã suy tàn của con sông Mekong. Năm 1943, chàng thanh niên 31 tuổi Nguyễn Hiến Lê trong dịp đi công tác cho Sở Công Chánh ở Siem Reap, đã có dịp đi thăm Đế Thiên Đế Thích và ông đã viết một du ký ngắn về chuyến đi này. Hơn nửa thế kỷ sau ông, tôi đến với Angkor, đến với những khối đá khổng lồ và vô tri của Angkor nhưng được kết hợp thành một tổng thể kiến trúc hài hòa lại được tô điểm bởi vô số những tác phẩm điêu khắc hết sức tinh vi. Toàn cảnh thì đây là công trình vĩ đại của các kiến trúc sư bậc thầy, của một đội ngũ điêu khắc gia tài hoa và rất giỏi về cơ thể học. Bao nhiêu bút mực để vinh danh Michelangelo thời Phục Sinh của Phương Tây nhưng du khách đến với Đế Thiên Đế Thích chỉ biết âm thầm ngưỡng mộ những nghệ sĩ lớn khuyết danh và không thể không tự hỏi họ từ đâu tới và hôn họ ở đâu bây giờ. Tác phẩm của họ hoàn tất trước Michelangelo ít nhất là hàng 5 thế kỷ. Bình minh trên Angkor Wat là một cảnh quan tuyệt đẹp, một khúc giao hưởng tĩnh lặng kết hợp giữa thiên nhiên và kỳ tích của con người. Năm ngọn tháp vươn lên trên một nền trời từ màu xám đang dần ửng đỏ. Mặt trời lên, hàng cây thốt nốt cao đứng soi bóng như nhân chứng của ngàn năm (cây thốt nốt vẫn được coi là biểu tượng của đất nước Cam Bốt). Sương đêm còn đọng long lanh trên những tàu lá súng bông súng trên mặt hồ. Bước lên những bậc thang, đi vào khu đền đài với hàng ngàn thước đá chạm trổ như một pho sử đá cảnh trần gian, vươn lên là các tượng đá hùng vĩ uy nghi gây cảm giác choáng ngợp, để tưởng như thời gian ngưng lại cho phút trầm tư về nỗi phù du của các triều đại và kiếp người. Hướng lên những tượng Phật ánh mắt từ bi và nụ cười bí ẩn mà thanh thoát – với nụ cười La Joconde, cô chỉ là một pho bản mờ nhạt không sao sánh được. Bây giờ là bình minh của trời đất nhưng lại là hoàng hôn của một nền văn

VĂN HỌC MIỀN NAM

minh. Không, hoàng hôn của hai nền văn minh: Angkor-Khmer và Champa. Gặp gỡ những người Khmer bây giờ, người ta cũng không tránh được cảm nghĩ của Henri Mouhot – người tái phát hiện đền đài Angkor cách đây hơn một thế kỷ, và cách đây một năm (2000) tôi đã ngồi bên ngôi mộ ông bên bờ hoang vắng của con sông Nam Khan một phụ lưu của con sông Mekong trên Thượng Lào, rằng khó mà tin họ có cùng dòng dõi và có liên hệ gì tới thế hệ đã qua xây dựng nên kỳ quan Angkor. Cảm giác thật kỳ lạ vương vất khó tả khi chứng kiến đám bà sơ ngồi trên bệ đá cao của một khu thư viện hoang phế, hướng về phía mặt trời mọc cùng hát bản thánh ca hồn nhiên vô tư với thanh âm thoảng xa trong gió và trong nắng mai.

TỪ LÀNG NỎI VIỆT NAM

Từ Siem Reap bằng thuyền máy về hướng nam ra tới khu Chong Khneas hay còn được gọi là Khu Làng Nổi Người Việt phía tây bắc Biển Hồ, với sinh cảnh phong phú của đám cư dân sống trên sông nước. Nguồn tài nguyên phong phú của Biển Hồ đã thu hút đủ sắc dân từ các nơi đổ tới và hình thành những khu làng nổi trong vùng đồng lũ và trên Biển Hồ. Nếp sống ấy hầu như ít thay đổi từ hàng trăm năm nay. Họ chủ ý sống bằng nghề chài lưới và cá vẫn là nguồn lợi tức chính – ngoài cá lưới được từ Biển Hồ còn phải kể tới nghề nuôi cá lồng, trại nuôi cá sấu, nuôi rắn, nuôi vịt, đồn củi, săn chim thú và cả vớt các loài rong tảo. Tới với khu làng nổi là tới với vẻ đẹp của một sinh cảnh thiên nhiên đồng lầy còn hoang dã. Những khu làng nổi này cũng di chuyển theo mùa, theo mực nước lên xuống. Bình minh hay hoàng hôn trên khu làng nổi là một trong những cảnh quan tuyệt đẹp của Biển Hồ.

TỚI TRÀM CHIM VÙNG SINH THÁI PREK TOAL

Từ Chong Khneas, khoảng hai tiếng đồng hồ bằng thuyền máy chạy băng băng trên mặt Biển Hồ gió mạnh sóng khá lớn trên trời mây vẫn vũ có cảm tưởng như đang trên mặt biển. Từng

HUYỀN ÁI TÔNG

đọt nước hắt vào trong ghe, người ướt thì không kể gì nhưng phải bảo vệ chiếc máy chụp hình Canon – không waterproof đã một lần bị ướt ống kính khi tôi đang nhắm chụp hình một chú chim lạ chắc là mỗi cánh tam ghé đỗ trên một cụm lục bình trở bông tím đang nổi trôi giữa biển nước chẳng thấy đâu là bờ. Băng qua Biển Hồ đi về hướng nam để tới được Prek Toal thuộc tỉnh Battambang, là khu làng nổi khác của người Khmer, nơi đây có đặt văn phòng Sở Bảo Tồn Biển Hồ (Environmental Research Station for Tonle Sap Biosphere Reserve). Vùng Sinh Thái Prek Toal với Tràm Chim là một trong ba khu sinh thái của Biển Hồ. Đây là nơi tụ hội đông đảo của một số loài chim hiếm quý. Từ xa trên Biển Hồ, đã thấy bay lượn những đàn chim nước lớn nhỏ đủ loại. Như một hiện tượng thiên nhiên kỳ diệu, diện tích Biển Hồ co giãn theo mùa. Là hồ cạn với 2,500 km² mùa khô, tới mùa mưa bắt đầu từ tháng 6 tháng 7, do nước con sông Mekong dâng cao tạo sức ép khiến con sông Tonle Sap phải đổi chiều, chảy ngược vào Biển Hồ, khiến nước hồ dâng cao từ 8 tới 10 mét và tràn bờ làm tăng diện tích Biển Hồ lớn gấp 5 lần khoảng hơn 12,000 km². Chính con sông Mekong và Biển Hồ đã từng là cái nôi của nền văn minh Angkor. Do một sắc lệnh của Hoàng gia Cam Bốt từ tháng 11/1993 quy định Biển Hồ Tonlé Sap là Khu Đa Dụng Bảo Tồn (Multiple Use Protected Areas). Tiếp sau đó qua bao vận động của Sihanouk, mãi tới tháng 10 năm 1997 Biển Hồ mới được UNESCO công nhận là Khu Bảo Tồn Sinh Thái (Biosphere Reserve). Để quản lý Khu Bảo Tồn Sinh Thái, Biển Hồ được chia làm 3 khu: khu trung tâm (core), khu đệm (buffer zones), và khu chuyển tiếp (transition zones). Mục đích lâu dài là bảo vệ các khu trung tâm để tương lai sẽ trở thành công viên quốc gia. Ba khu trung tâm có giá trị bảo tồn cao là: _ Prek Toal rộng 31,282 ha _ Boeng Tole Chhmar hay Moat Kla rộng 32,969 ha _ Stung Sen 6,586 ha Với hệ sinh thái hết sức đa dạng bao gồm những con suối, những hồ, các cánh đồng lũ, các loại thảo mộc đất sũng. Tất cả kết hợp tạo thành một hệ thủy học duy nhất của Biển Hồ, nuôi dưỡng một quần thể sinh học phong phú bao gồm vô số loại cá, các loại chim nước, các loài

VĂN HỌC MIỀN NAM

bò sát, loài lưỡng cư (amphibians), các động vật có vú, các rong tảo và vi sinh vật. Trong những thung lũng, gần 2/3 diện tích những cánh đồng lầy của Biển Hồ bao phủ bởi quần thể các loại cây sống dưới nước gồm hơn 190 chủng loại. Rừng lầy đóng một vai trò sinh tử để nuôi dưỡng và tái sinh các nguồn sinh vật, có tác dụng cộng sinh (symbiosis) hỗ tương như một chuỗi thực phẩm không lồ. Riêng về cá, có tới hơn 200 loại cá trong Biển Hồ trong đó bao gồm hơn 70 loại cá có giá trị dinh dưỡng và thương mại lớn. Cá đánh được chỉ riêng ở Biển Hồ đã chiếm hơn 60% tổng số cá nước ngọt của Cam Bốt. Mỗi e ngại hiện nay là số lượng cá ngày một sút giảm, số cá lớn cũng ngày một ít đi. Riêng về các loài chim, do nguồn thức ăn vô cùng phong phú, cộng thêm với sinh cảnh đồng lầy và rừng lầy rất biến thiên, tạo nên vùng cư trú lý tưởng cho vô số loài chim nước. Khảo sát sơ khởi cho thấy có hàng trăm loại chim trong số đó có 12 loại được coi là hiếm quý đối với thế giới. Rừng lầy Biển Hồ còn là sinh cảnh cho các loài bò sát, loài có vú: 23 loại rắn, 13 loại rùa, 1 loại cá sấu, vượn khi, mèo báo, rái cá... Tính đa dạng và biến thiên trong Biển Hồ cho tới nay chưa hoàn toàn được biết rõ nếu không muốn nói là thiếu sót. Cần có ngay một kế hoạch quy mô nghiên cứu, ghi nhận và theo dõi các loài cá chim, cây cỏ và rong tảo, phẩm chất biến thiên của nước và toàn cảnh hệ sinh thái nói chung. Bởi vì với tốc độ khai thác quá mức như hiện nay, một số chủng loại hiếm quý có khi đã bị tiêu diệt trước khi được biết tới, giống như tình trạng ở thác Khone Nam Lào. Bây giờ là giữa tháng 12, mực nước xuống thấp tới 1/3 thân cây mộc. Những bụi rác khô vương trên cành cao cho thấy mực nước đỉnh lầy cách đây 3 tháng phải cao hơn tới 3 mét. Giữa các chòm cây, không có lấy một đường nước quang đăng phía trước. Chỉ thấy nhấp nhô trên mặt nước là các bụi cây thấp. Có lẽ với một chiếc ghe tam bản nhỏ là thích hợp để di chuyển trong rừng lầy. Chiếc ghe thuê hiện giờ là một thuyền máy khá lớn để đi trên Biển Hồ. Chỉ có tôi là Việt Nam, với ba người Khmer trên một chiếc ghe giữa mênh mông khu rừng lầy. Cứ chạy được một đoạn chiếc ghe khựng lại do cánh quạt bị quấn đây những dây nhợ và các bụi cây nhỏ. Mỗi lần

HUYỀN ÁI TÔNG

như vậy thì tài công và người phụ máy lại phải nhảy xuống nước bị bõm loay hoay tháo gỡ. Họ có vẻ bức bối lớn tiếng như gậy gộc nhau và nét mặt hiện vẻ hung dữ. Trong khi người hướng dẫn mới lên ghe từ Trạm Bảo Tồn thì vẫn cứ ngồi yên nơi mũi ghe, vẻ mặt khắc khổ đen sạm lác đàu tỏ vẻ mất kiên nhẫn. Giữa rừng lủ không phương hướng, dưới bầu trời nắng gắt là những cánh chim bay lượn. Tiếp tục đi tới hay quay trở về, không biết quyết định nào là đúng và tôi cũng không thiếu tưởng tượng để một thoáng nghĩ rằng nếu có chuyện gì xảy ra ở một nơi xa xôi hẻo lánh – một thứ no man's land như nơi đây thì tôi cũng ở một thế rất bị động. Tôi cũng hiểu rằng bản năng con người thì bao giờ cũng như một con thú đang im ngủ, mọi tỏ lộ nét sợ hãi chỉ có tác dụng đánh thức thú tính và tôi đã chọn thái độ thân nhiên gần như phó mặc. Nhưng rồi cuối cùng thì chiếc ghe máy cũng tới được trung tâm Tràm Chim. Do có điện đàm trước từ văn phòng Khu Bảo Tồn, Meas Rithy một thanh niên còn rất trẻ có ý chờ đó tôi từ khi nãy. Anh không nghĩ là với thuyền máy lại có thể đi chậm đến như vậy. Meas tốt nghiệp BS về Lâm Nghiệp (Forestry) Đại học Hoàng gia Phnom Penh, từ ngày ra trường được bổ nhiệm làm trưởng trạm Prek Toal – Tonle Sap Biosphere Reserve. Vì thường xuyên tiếp xúc làm việc với các viên chức UNESCO. Meas nói tiếng Anh lưu loát. Cũng do quen tiếp đón các đoàn khách, kể cả khách du lịch, Meas cũng dành cho tôi một briefing vừa đủ và ngắn gọn để hiểu hơn về Tràm Chim và Khu Bảo Tồn. Do tôi cũng có làm Home work trước chuyến đi nên những điều anh nói ra chỉ giúp hệ thống hóa những thông tin mà tôi có được và quan trọng hơn là sau đó Meas giúp tôi một chuyến quan sát thực địa có hướng dẫn. Bước đầu như một thách thức, Meas chỉ cho tôi một cái chòi buộc cheo leo trên ngọn cây cao như trạm quan sát. Phải leo lên bằng nhiều bực thang dây đu đưa. Với những năm lính tráng và cả ba năm tù đầy, thì đây chẳng phải là một thử thách. Tôi thoăn thoắt leo lên trước. Chòi nhỏ chỉ đủ treo một chiếc võng và sàn đứng là những thân cây xếp ngang buộc bằng dây trạo. Có lẽ đây là điểm cao nhất để có một cái nhìn toàn cảnh tràm chim. Từ đây bằng ống nhòm

VĂN HỌC MIỀN NAM

có thể nhìn ra từng lùm cây xa, với vô số chim lớn nhỏ đậu từng chùm trên đó. Meas giảng cho tôi đặc tính của một số loài chim. Meas nói thêm thời gian lý tưởng để thăm Tràm Chim là từ tháng Giêng tới tháng Ba cũng là mùa nước cạn [cùng thời gian với Tràm Chim Tam Nông Đồng Tháp Mười] rừng lũ trở thành vùng đất bùn với rất nhiều vũng và các hồ cạn với ê hề tôm cá, cũng là thời gian để các loài chim muông tụ về đây nhiều vô kể – sinh cảnh ấy chắc phải vượt xa cuốn phim kinh dị về chim của Hitchcock. Như một kỳ quan môi sinh – ecological wonder. Không ăn sáng mà cũng chưa có ăn trưa. Tôi được anh tài công chia cho nửa hộp cơm trắng với một khúc Lạp xưởng rất nhiều mỡ. Bụng đói nên ngon miệng với từng miếng cơm thật ngọt. Sau đó tôi và Meas bước xuống chiếc xuồng tam bản nhỏ với một người chèo để tới gần hơn với từng vòm cây và đám chim muông. Con thuyền nhỏ lướt nhẹ trên mặt nước giữa vẻ đẹp hoang sơ và trinh nguyên của khu rừng lũ. Ghe dừng lại từng chặng để tôi có thể quan sát từng loại chim khác nhau trong số đó có chủng loại được coi là hiếm quý cần được bảo vệ như: Spot-billed Pelican / chim bồ nông mỏ đốm, Oriental Darter / bồ nông cổ rắn Đông phương, Lesser Adjutant, Greater Adjutant, Black Necked Stork / sếu cổ đen, Painted Stork / sếu vằn, Milky Stork / sếu sữa, Glossy Ibis / cò quăm, Grey-headed Fish Eagle / chim ưng đầu xám... Tôi cũng được biết từ buổi sáng sớm cùng ngày đã có mấy nhà điều học người Pháp đi bằng thuyền nhỏ ra các vòng xa hơn để chụp hình và quay phim một loài vịt trời cánh trắng / White-winged Duck được coi như rất quý hiếm. Trên vòng về, tôi được biết thêm về cuộc sống Meas. Lương 15 đôla một tháng không đủ sống vẫn còn phụ thuộc bố mẹ nhưng anh vẫn say mê công việc đang làm là bảo vệ rừng lũ và đám chim muông. Anh không hay biết gì về chuỗi những con đập bậc thềm khổng lồ Vân Nam và cả tình huống nếu Biển Hồ xuống thấp 1 mét thì hậu quả tức thời là sẽ mất đi 2,000 km² diện tích rừng lũ – dĩ nhiên có khu bảo tồn Prek Toal. Meas không có được tầm nhìn xa hơn Tràm Chim của anh và chỉ ôm ấp một giấc mộng con, mong ước sao có được mối quen biết – mà anh gọi là

HUỶNH ÁI TÔNG

connections, để có cơ hội đi học thêm nhất là ở Mỹ. Trước khi rời Prek Toal trở về Siem Reap, chia tay anh, tôi không quên phân đóng góp tương trưng 20 đôla như một hỗ trợ duy trì sinh hoạt Khu Bảo Tồn.

JAYAVARMAN VII SIEM REAP

Thời gian còn lại ở Siem Reap, tôi tới thăm bệnh viện Nhi đồng Jayavarman VII được Sihanouk và Hun Sen cùng cất bằng khánh thành năm 1999. Đây là bệnh viện thứ ba, hai bệnh viện kia là Kantha Bopha I và II ở Nam Vang. Beat Richner là một khuôn mặt huyền thoại – giám đốc cả ba bệnh viện không chỉ là một bác sĩ Nhi khoa, ông còn là nhạc sĩ cello chơi nhạc Bach có hạng. Gốc Thụy Sĩ, từng là bác sĩ điều trị trong trong một bệnh viện nhi đồng ở Nam Vang từ 1974 – 1975 cho tới khi Khmer Đỏ tiến chiếm thủ đô. Năm 1991, Richner được Sihanouk yêu cầu giúp phục hồi bệnh viện nhi đồng này. Năm 1992, bệnh viện Kantha Bopha bắt đầu hoạt động. Năm 1996, thêm một bệnh viện kantha Bopha II được khánh thành cũng ở Nam Vang. Ba năm sau khánh thành thêm một bệnh viện ở Siem Reap-Angkor: bệnh viện Jayavarman VII, với cái tên chọn đặt bao hàm một nội dung lịch sử. Jayavarman là tên vị vua anh hùng cuối cùng của triều đại Khmer-Angkor thế kỷ 12, có công mở mang bờ cõi vương quốc rộng lớn nhất, không chỉ xây dựng các khu đền đài kỳ vĩ nổi tiếng như Bayon, ông còn quan tâm tới các công trình công ích như mở mang đường xá, xây cất nhiều đường trường và các bệnh viện. Mọi điều trị trong bệnh viện Jayavarman VII rất tiêu chuẩn, tất cả đều miễn phí cho mọi trẻ em nghèo Cam Bốt. Bệnh viện còn là nơi giảng dạy thực tập cho sinh viên y khoa và các nội trú. Để điều hành cả ba bệnh viện, mỗi năm cần tới 9 triệu đôla do tặng đỡ của tư nhân chủ yếu từ dân chúng Thụy Sĩ. Bác sĩ Richner cứ 3 ngày ở Nam Vang, 3 ngày cuối tuần ở Siem Reap. Cho dù vô cùng bận rộn nhưng mỗi tối ngày thứ bảy bao giờ cũng có một buổi hòa nhạc Bach ở bệnh viện. Beatocello in Concert do chính Richner trình diễn để gây quỹ nhưng vào cửa thì tự do. Tới

VĂN HỌC MIỀN NAM

tham dự phần đông là du khách ngoại quốc đang tới viếng thăm khu đền đài Angkor. Giữa một thị trấn nhỏ, không xa Đền Thiên Đế Thích, trong khí hậu của lục địa Á Châu Gió Mùa, cảm giác thật kỳ lạ khi thả mình trong dòng nhạc J.S.Bach qua tiếng đàn cello của người bác sĩ nhi khoa tên Richner để thấy rằng không còn giới hạn Đông và Tây như Kipling thường nói, bây giờ thì con sông Mekong như đã hòa lẫn vào con sông Danube. Người thầy thuốc nghệ sĩ ấy đã đưa nhạc Bach đầy tiết tấu và trí tuệ vào các khu đền đài của Châu Á. *Bach At The Pagoda* với những nốt nhạc còn vang xa, vươn xa tới cả Những Cánh Đồng Chết để xoa dịu vổ vể và là nguồn an ủi. Rời bệnh viện Siem Reap sạch sẽ khang trang với hình ảnh những bà mẹ Khmer tin tưởng ôm con từ ngoài cửa đi vào, cùng một lúc hùng lên trong nắng mai trên cao nơi mái ngói đỏ là tượng Jayavarman VII hao giống đầu tượng Phật với cạnh đó là một câu trích dẫn có lẽ do chính Richner chọn, với ẩn dụ đầy ý nghĩa: *Les souffrances des peuples sont les souffrances des rois / Nỗi thống khổ của thần dân cũng chính là nỗi đau của đấng quân vương* – Jayavarman VII. Vua Sihanouk của một thời sắp qua, Vua Hun Sen của thời đại mới có cảm nhận được niềm đau nào không của những người Khmer sống sót đi ra từ Những Cánh Đồng Chết. Richner gợi nhớ hình ảnh một Schweitzer chăm sóc những người bệnh Hansen / phong cùi ở Lambaréné Phi Châu, cũng là một nhạc sĩ nhưng trước Richner hơn nửa thế kỷ. Phần ngày còn lại, tôi cũng tới thăm trại nuôi cá sấu cách trung tâm thị trấn 2 km. Trại nuôi cá sấu thì đâu có gì lạ nhưng do chuyện kể kinh hoàng không thể tin là có thật, thời Pol Pot lính Khmer Đỏ đã ném các nạn nhân còn sống xuống hồ cho đàn cá sấu xúm vào ăn thịt. Bây giờ trại chủ yếu nuôi sấu bán sang Thái Lan với giá 2,000 đôla/ con để lấy da. Cảnh cá sấu ăn thịt người thì không thấy nhưng chỉ riêng cảnh cho cá sấu ăn bình thường hàng tuần mỗi thứ sáu cũng đã khiến cho người xem phải lên ruột.

NAM VANG: CÂU LẠC BÔ KÝ GIẢ NGOẠI QUỐC –
FCCC / Foreign Correspondents' Club of Cambodia, rất quen

HUỶNH ÁI TÔNG

thuộc với các nhà báo trong những năm chiến tranh, nằm trên đường bờ sông Preah Sosovath, là một khu nhà lầu 3 tầng kiến trúc từ thời Pháp, có buồng với balcon nhìn xuống con sông Tonle Sap, nơi cho các nhà báo ngoại quốc tạm ghé qua và có dịp gặp gỡ nhau. Cho dù 3 ngày trước đó từ Siem Reap đã điện thoại giữ chỗ trước và được hứa hẹn có xe ra đón tại phi trường, nhưng rồi đã không có xe đón phải thuê taxi về câu lạc bộ và rút cuộc cũng không có buồng trống. Không quá giàu tưởng tượng nhưng tôi hiểu rằng Nam Vang không phải là một nơi 100% an toàn đối với khách ngoại quốc. Chọn leo lên lưng một chiếc Honda ôm hay bước vào một chiếc taxi-chui không bằng hiệu là không biết được đưa về đâu. Bởi vì cướp có vũ trang vẫn thường xảy ra. Cũng đã có lời khuyên cáo cho du khách là ở tình huống nào thì cũng không bao giờ nên chống cự, chỉ nên gơ tay đầu hàng để bọn cướp muốn lấy gì thì lấy, chủ yếu là tiền và đồ trang sức có giá. Thẻ tín dụng hay passport thường được ném trả lại sau đó. Cũng có lời đồn đãi rằng chính một số cảnh sát Cam Bốt đã tham dự vào đám tội phạm ấy. Trước cửa FCCC lúc này là đám lái xe ôm và cả taxi-chui, hỗn hào tranh giành khách như một bầy kên kên: tên giành máy hình, tên khác kéo hành lý với nhao nhao những câu hỏi như chỉ để đánh giá con mồi: you are Chinese, you are Thai, you are Japanese? Muốn hiểu sao thì hiểu, nhưng quả thật thiếu khôn ngoan để cho bọn chúng biết mình là người Việt. Thấy bên cạnh FCCC là quán Cafe Internet, tôi trả lời là đang cần vào internet và đã có phòng ở khách sạn. Vấn đề là làm sao thoát được bọn chúng, để từ đó có thể mượn phone liên lạc với người tài xế taxi vừa đón tôi từ phi trường Pochentong về. Với một chiếc taxi có bằng hiệu đăng ký, tài xế có tên và số hand phone lại biết chút tiếng Anh, thì cũng là một chọn lựa tương đối an toàn. Sok Thon tên người tài xế, qua điện thoại anh ta nhận ra tôi ngay, đáp ngắn gọn: No Problem và hứa trở lại đón tôi thay vì ra phi trường. Thở phào nhẹ nhõm, tạm quên đi cái hỗn độn và nóng bức bên ngoài cánh cửa kính để vừa thưởng thức ly capuccino trong căn phòng máy lạnh vừa vào Internet gửi Email cho Người Họa Sĩ Via Hè

VĂN HỌC MIỀN NAM

New York, một biệt danh Mai Thảo đặt cho Khánh Trường, để chúc mừng cuộc triển lãm hơn 100 bức tranh và kỷ niệm báo Hợp Lưu 12 năm mà vì ở xa tôi không thể tham dự.

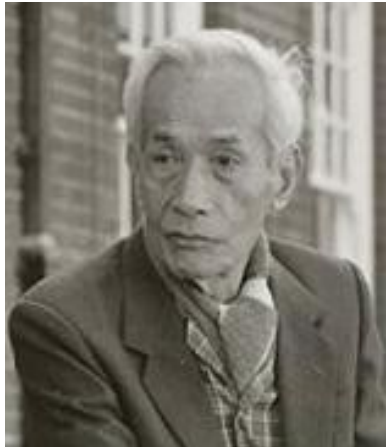
(trích từ tác phẩm “*Cửu Long Giòng Sông Nghẽn Mạch*”)

Là một bác sĩ nhưng Ngô Thế Vinh không viết về phạm vi y học chuyên môn của mình, ông lại viết về địa hạt lịch sử, môi trường, ông có tấm lòng với dân tộc nhìn xa, thấy trước.

Tài liệu tham khảo:

- Ngô Thế Vinh Web: smashwords.com
- Ngô Thế Vinh Web: damau.org

32) Nguyễn Cao Đàm



Nguyễn Cao Đàm (1916-2001)

HUỶNH ÁI TÔNG

Ông sinh ngày 12 tháng 5 năm 1926 tại Vĩnh Trung Hà Đông. Ông bắt đầu chụp ảnh nghệ thuật từ năm 1949 và là một trong những sáng lập viên Hội Nhiếp ảnh Việt Nam tại Hà Nội năm 1952.

Từ đó ông đã tham dự nhiều cuộc thi nhiếp ảnh quốc tế ở Hong Kong (1956), Pháp (1956), Bỉ (1958); Huy chương Đồng ở cuộc triển lãm ở Munich, Đức (1958), Huy chương Bạc ở Ahmedabad, Ấn Độ (1958); Huy chương Đồng ở Trento, Ý (1958); Huy chương Bạc ở Moenchenlabad, Đức (1959)... cùng nhiều giải thưởng khác tại các cuộc thi ở Singapore, Tây Ban Nha...

Nguyễn Cao Đàm từng là giám khảo của các cuộc triển lãm nhiếp ảnh quốc tế tại Sài Gòn từ năm 1957 đến 1975. Đặc biệt, đã hai lần liên tiếp được Hội Nhiếp Ảnh Bỉ trao tặng huy chương vàng và trở thành hội viên danh dự của Hội Nhiếp Ảnh Bỉ (Hon F.Kortrijk). Ngoài ra, Nguyễn Cao Đàm còn là hội viên chính thức của Hội Nhiếp Ảnh Hoàng Gia Anh (A.R.P.S.) và là hội viên danh dự của Hiệp Hội Nhiếp Ảnh Gia Đông Nam Á (Hon S.E.A.P.S.).

Trong nhiều thập niên, những tác phẩm nghệ thuật của ông đã được triển lãm nhiều lần tại các quốc gia trên thế giới trong đó có Úc, Pháp, Hoa Kỳ, Đức, Bỉ, Hồng Kông, Đại Hàn, Singapore, Ấn Độ, Tây Ban Nha, Nam Phi, Nhật Bản...

Sau khi cộng sản cưỡng chiếm Miền Nam, tháng 5 năm 1990 ông và gia đình sang định cư ở Úc. Với tâm hồn đa cảm và lòng yêu nghệ thuật nhiếp ảnh thiết tha, Nguyễn Cao Đàm vẫn tiếp tục say mê đeo đuổi bộ môn nghệ thuật nhiếp ảnh, và là người có công đào tạo, hướng dẫn nhiều người Việt hải ngoại trở thành những nhiếp ảnh gia tài hoa.

Ông từ trần tại tại Úc vào ngày 4 tháng 6 năm 2001, hưởng thọ 75 tuổi.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Ông đã đoạt các giải thưởng quốc tế :

- Chứng chỉ danh dự (Honorary Cert.) 11th International Salon, Hong Kong 1956
- Huy chương đồng (Bronze Medal) 9th Salon de Bordeaux, Pháp 1956
- Huy chương vàng (Gold Medal) Kortrijk, Bỉ, 1958
- Huy chương đồng (Bronze Medal) Munich, Đức, 1958
- Huy chương bạc (Silver plaque) Ahmedabad Ấn Độ, 1958
- Huy chương đồng (Bronze Medal) Trento, Ý, 1958
- Huy chương bạc (Silver Medal) Mönchengladbach, Đức, 1959
- Chứng chỉ danh dự (Honorary CERT), 14th, International Salon, Hongkong, 1959
- Huy chương vàng (Gold Medal) Kortrijk, Bỉ, 1966
- Huy chương bạc (Silver plaque) Madrid, Tây Ban Nha, 1961

Những sách đã xuất bản :

- *Bước Đầu Chụp ảnh*
- *Việt Nam Quê Hương yêu dấu* (cùng nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh)
- *Cao Nguyên* (cùng Trần Cao Lĩnh)
- *Bước Đầu Nhiếp ảnh nghệ thuật* (cùng Trần Cao Lĩnh)
- *Nhiếp ảnh nghệ thuật bước hai* (cùng Trần Cao Lĩnh)
- *Vietnam Our Beloved Land* (cùng Trần Cao Lĩnh)

Trích văn:

Ánh sáng là nguồn gốc của hình ảnh - nhiếp ảnh là nghệ thuật ánh sáng - nên chúng ta phải nghiên cứu kỹ về ánh sáng.

(Trích *Bước Đầu Chụp Ảnh*)

HUỲNH ÁI TÔNG

Ảnh:



Bóng tối và ánh sáng



Mây trôi cây cao

VĂN HỌC MIỀN NAM



Trần trê hy vọng

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Cao Đàm Web: vi.wikipedia.org
- Nguyễn Cao Đàm Web: nguoiviet.com

33) Nguyễn Đồng



Nguyễn Đồng (1940-)

HUYỀN ÁI TÔNG

Nguyễn Đồng sinh năm 1940 ở Cần Thơ, theo học ban Triết và tốt nghiệp Đại học Đà Lạt năm 1965.

Thời niên thiếu, vì thích mỹ thuật nên đến học vẽ với họa sĩ Nguyễn Cường. Về sau cũng có theo học dở dang ở Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định, rồi được tu nghiệp thêm về đồ họa (Graphics) ở Manila. Khi về làm việc ở Trung Tâm Học Liệu thuộc Bộ Giáo Dục trên đường Trần Bình Trọng gần Chợ Lớn, anh đặc trách hẳn về mỹ thuật cho trung tâm này, rồi đã sống toàn phần như một họa sĩ chuyên nghiệp: Làm đồ họa, vẽ minh họa, thiết kế trang trí, sáng tác tranh, thỉnh thoảng cũng viết nghiên cứu và phê bình mỹ thuật cho vài tờ báo và tạp chí ở Sài Gòn như Tin Sáng, Hiện Đại, Trình Bày, Văn, Tiền Tuyến, Bách Khoa.

Triển lãm lần đầu tiên năm 1965, rồi tiếp tục sinh hoạt thường xuyên với Hội Họa Sĩ Trẻ ở Sài Gòn cho đến năm 1975.

Lập gia đình với nữ họa sĩ Nguyễn Thị Hợp, tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn năm 1964.

Năm 1979, Nguyễn Đồng cùng gia đình định cư ở Tây Đức. Năm 1980, anh bày triển lãm ở viện bảo tàng địa phương Heimatmuseum, thành phố Buchholzid.

Năm 1981, làm việc cho một hội tư có tên gọi Vietnamesisches Kulturzentrum (Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam) ở Bonn (bây giờ là thủ đô của Cộng Hòa Liên Bang Đức), ông tổ chức Triển Lãm Vietnamesische Kunst (Nghệ Thuật Việt Nam) tại Trung Tâm Văn Hóa Bonn; có lẽ đây là một triển lãm mỹ thuật tương đối có qui mô đầu tiên ở hải ngoại với sự góp mặt của nhiều họa sĩ Việt Nam đang sống tại Đức, Pháp, và Hoa Kỳ. Từ đó đến nay, liên tục triển lãm ở Paris và một vài thành phố khác ở Đức như Munich, Bonn, Munchen. Nguyễn Đồng tiếp tục triển lãm thường xuyên tại Pháp, Đức và Hoa Kỳ.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Năm 1985, tái định cư ở Hoa Kỳ, là giám đốc mỹ thuật của cơ sở xuất bản "Người Việt," tiếp tục tham dự các sinh hoạt mỹ thuật của cộng đồng Việt Nam, thường chủ yếu tổ chức ở phòng sinh hoạt Thế Kỷ của cơ sở Người Việt, ở các trường đại học, hoặc các nhà bảo tàng địa phương như cuộc triển lãm vào tháng 6 năm 1996 ở Bảo tàng Châu Á Thái Bình Dương vùng Los Angeles.

Trích văn:

"Từ cảm tính đến tạo hình, tác phẩm là một sự ngưng đọng thành sự vật, sự ngưng đọng của tình cờ, một thứ tiếng nói không lời, một vật chết. Nhưng lạ thay, nó vẫn nặng trĩu ý nghĩa, không ngừng toát hơi thở tinh thần, như triển nở của bông hoa. Trong giới hạn của chỉ một đưa-đến-gần một lý tưởng luôn luôn còn là xa lạ, nó vẫn đi xa không ngớt, như một dẫn thân làm cung cách hiện hữu cho con người ở đời"

(trích trong Vụng tập triển lãm năm 1969 của Hội Họa sĩ Trẻ)

Tranh:



Bìa sách

HUỶNH ÁI TÔNG



Phố Lạ



Vườn Dừa

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đồng Web: hocxa.com
- Nguyễn Đồng Web: nguoivietblog.com

34) Nguyễn Gia Trí



Nguyễn Gia Trí (1908-1993)

Hoạ sĩ Nguyễn Gia Trí sinh năm 1908 tại một làng quê nghèo bên sông Hồng, thuộc Tràng An, Thường Tín, Hà Đông (nay thuộc huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội), trong một gia đình làm nghề thêu phẩm phục triều đình, ông là em ruột Giáo sư Nguyễn Gia Tường (nguyên Hiệu trưởng Trung học Chu Văn An (Trường Bưởi - Hà Nội).

Nguyễn Gia Trí cùng với Tô Ngọc Vân, Nguyễn Tường Lân, Trần Văn Cẩn là bốn cây đại thụ của nền mỹ thuật hiện đại Việt Nam (nhất Trí, nhì Vân, tam Lân, tứ Cẩn).

Ông học Trung học tại Trường Bưởi, rồi vào học Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (khóa 5: 1929) nhưng mới học xong năm thứ 3, ông bỏ học về mở xưởng vẽ riêng và tự học thêm; vì cho rằng nhà trường không dạy gì hay hơn. Dù được thầy dạy là họa sĩ Inguimberty khuyên ông học nốt 2 năm cuối và sau khi tốt nghiệp giáo sư ấy sẽ đề bạt với Nha Học chánh Đông Dương để cho ông làm giáo sư dạy ở trường. Nhưng ông vẫn nhất quyết làm theo ý mình, và luôn tỏ lòng kính trọng giáo sư Inguimberty mà ông gọi là “cụ I”.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1934, do bạn bè và thầy học khuyên nhủ ông trở lại trường học tiếp khoá 7, đến năm 1939-1940 thi tốt nghiệp.

Từ khi báo *Phong Hóa, Ngày Nay* xuất bản ông là một trong các họa sĩ giúp trình bày, vẽ các phụ bản cho các báo này. Chính ông là người đã tạo ra các nhân vật *Lý Toét, Xã Xệ...* với bút hiệu RIGT trên 2 tờ báo này và đã gây nên một ấn tượng sâu sắc nơi độc giả, khán giả.

Những năm 1940, ông đã chuyển sang sáng tác chuyên về chất liệu sơn mài, đã tạo ra được một phong cách riêng. Với chất sơn, sơn than, vàng, bạc, vỏ trứng, sơn cánh gián, Nguyễn Gia Trí đã tạo cho tranh sơn mài một vẻ đẹp lộng lẫy, một chiều sâu bí ẩn, đưa kỹ thuật sơn mài lên đỉnh cao, khẳng định tầm quan trọng của chất liệu hội họa này trong nền mỹ thuật Việt Nam.

Tưởng cũng nên tìm hiểu sơ qua về Sơn mài, và sự tìm tòi phát kiến của họa sĩ Nguyễn Gia Trí qua bài viết của họa sĩ Tô Ngọc Vân: *"Danh từ sơn mài (laque) là một danh từ mới đặt sau này để chỉ một kỹ thuật trước kia gọi là Sơn Ta nhưng đã biến hoá hẳn do nghệ thuật mài sơn. Kỹ thuật Sơn Ta cũng tương tự như sơn Tàu, có từ đời nhà Hán. Sử dụng cùng với Sơn Ta một nguyên liệu là sơn sống. Chất sơn sống này, ở nước ta, miền Phú Thọ sản xuất rất nhiều và vẫn bán sang Tàu cùng Nhật. Từ năm 1931 trở về trước, công dụng Sơn Ta cũng như Sơn Tàu ở Tàu và Sơn Nhật ở Nhật là phủ lên đồ vật làm nó tôn vẻ lộng lẫy, lên những vật dùng thường như cái khay, cái tráp, đôi guốc... đồ thờ như hương án dài, bát đĩa... đồ trang trí như câu đối, hoành phi, bình phong... màu sắc đại để có: sơn, đen, nâu cánh gián, vàng bạc theo cổ truyền. Nói rõ ra, Sơn Ta chỉ có*

VĂN HỌC MIỀN NAM

công dụng trang trí, địa vị là ở trong trang trí. Mặc dầu ở Nhật, nghệ thuật sơn có tế nhị hơn cả, nhưng chưa một nước nào nghĩ đến tìm tòi, sử dụng nguyên liệu sơn một cách khác cổ truyền, phiêu lưu trong nghệ thuật sơn để tìm một con đường nào tăng phẩm giá mỹ thuật sơn bằng cách phát minh thêm khả năng của nó...

Song, từ 1931 trở đi, nhờ sự tìm tòi thiết tha của một số họa sĩ có tài bỏ sơn dầu để chuyển hẳn về sơn mài, Sơn Ta đã vượt được ra ngoài nơi cầm hãm, ngang nhiên trên đường bao la của hội họa, cứ phương trời xa lạ mà tiến. Từ cái tráp, chiếc guốc, nó vượt lên bức họa lồng khung quý giá, từ một phương tiện phụ thuộc làm tôn vẻ đồ vật, nó trở nên một phương tiện độc đáo diễn đạt nỗi tâm hồn người nghệ sĩ, một phương tiện lấn át cả Sơn Dầu. Quên dĩ vãng Sơn Ta đổi tên nhũn nhận là Sơn Mài."

Sau ngày Pháp tái chiếm Hà Nội, ông lưu vong sang Trung Hoa, Hồng Kông. Trong thời gian sống ở nước ngoài, ông vẽ tranh mà kiếm sống qua ngày.

Năm 1950, ông trở về nước bị Pháp bắt đưa đi an trí tại Thủ Dầu Một (nay thuộc tỉnh Bình Dương) đến năm 1953 mới được trả tự do. Năm 1955, ông lập gia đình với bà Nguyễn Thị Kim là em họ vợ họa sĩ Lemur Cát Tường (áo dài Lemur) và sống cho đến ngày mất.

Từ năm 1954-1975, ông sáng tác rất nhiều tranh, triển lãm tại các phòng tranh trong và ngoài nước được giới hội họa tán thưởng, khâm phục về nghệ thuật tạo hình của ông.

HUỖNH ÁI TÔNG

Nguyễn Gia Trí pháp danh Thiện Trân, do tuổi già yếu sức sau khi bị liệt thân thể, do xuất huyết não, đã mất lúc 22 giờ 30 ngày 20 tháng 6 năm 1993, tại nhà riêng số 493 Nguyễn Kiệm, Quận Phú Nhuận, Sài Gòn, thọ 85 tuổi.

Tác phẩm:

Tác phẩm ông được chính quyền Pháp, Việt Nam sưu tầm trưng trí tại Phủ Chủ tịch và Bảo tàng Mỹ thuật TP. HCM.

Những tác phẩm được người xem thán phục:

- Chải tóc
- Khi tỉnh rượu lúc tàn canh
- Cảnh thiên thai
- Vườn xuân Trung Nam Bắc

Những bức tranh đầu tiên mang nhiều dấu ấn của chủ nghĩa hiện thực và ấn tượng Châu Âu:

- Hoàng hôn trên sông
- Phong cảnh Móng Cái

Các tác phẩm của họa sĩ Nguyễn Gia Trí đã được chỉ định là Bảo vật Quốc Gia. Vì thế, những tác phẩm của ông đã không được phép rời khỏi Việt Nam.

Những năm 1970, gia tài của Nguyễn Gia Trí có tới hàng nghìn cây vàng. Nhưng đến khi nhắm mắt, xuôi tay, ngoài vài tấm tranh, tài sản của ông chẳng có gì đáng kể, tất cả đã được họa sĩ dành cho nghệ thuật!

Trích văn:

15.06.1976

Giữ tâm linh trong sáng. Đừng để nó bị mờ đi vì tiền tài danh vọng. Tâm linh người nghệ sĩ là ngọn lửa nuôi sống nghệ thuật, nuôi sống con người. Mỗi nghệ sĩ có bước đi riêng, và phải là bước đi thực sự. Phải sống thực thì cuộc sống mới phát triển. Những cây có hoa thơm, trái ngọt, là những cây thực sự sống. Sống mãnh liệt, sống vui tươi. Nó có biết đâu từ khi nó nhỏ xíu, cho đến lúc nó ra hoa, ra quả...điều phải đến sẽ đến, nếu anh biết sống và làm việc đúng cách, dám đặt ra những cái lớn, để đi sâu vào, đi đến đích. Phải có đề cao với mọi cảm dỗ của tiền bạc, danh vọng. Tiền là cái để mình sống và làm việc thuận tiện hơn, khi tạm đủ rồi thì phải hết sức xa rời nó. Đừng bao giờ đem so sánh việc mình làm với người khác. Đi sâu vào thiên hướng mình để tìm ra cái đẹp của riêng mình. Rất ít người có thể sống trong hiện tại. Thường thì người ta sống vì quá khứ hoặc vì tương lai. Người nghệ sĩ làm nghệ thuật, trong lúc làm, đó là họ đang sống hiện tại với cái nghĩa đúng nhất. Làm nghệ sĩ phải chấp nhận đói rách, thiếu thốn. Sáng tạo là mình phải vượt lên mình để tìm cái mới. Bắt chước mình hôm qua là chết.

(Trích Họa sĩ Nguyễn Gia Trí nói về sáng tạo)

Tô Ngọc Vân nhận định về tranh sơn mài của Nguyễn Gia Trí như sau: *Đến cuộc thí nghiệm của Nguyễn Gia Trí, lối sơn ta không còn là một mỹ nghệ nữa. Ở óc, ở tâm hồn người làm ra nó đã được nâng lên mỹ thuật thượng đẳng. Nghệ thuật của Nguyễn Gia Trí là ý tưởng tình cảm của Nguyễn Gia Trí đúc lại, một nét, một vết, một màu đều ở tay nghệ sĩ mà ra. Đứng trước những tác phẩm ấy người ta cảm thấy tất cả cái bản khoán yêu muốn khoái lạc - thứ nhất là khoái lạc của Nguyễn Gia Trí.*

HUỲNH ÁI TÔNG



Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Gia Trí Web: vietgle.vn
- Nguyễn Gia Trí Web: vi.wikipedia.org

35) Nguyễn Mạnh Côn



Nguyễn Mạnh Côn (1920-1979)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Nguyễn Mạnh Côn sinh ngày mùng 7 tháng 5 năm Canh Thân (1920) tại Hải Dương, nhưng cư ngụ ở Hà Nội. Thuở nhỏ, ông học ở Hà Nội. Năm 1939, ông cộng tác với báo *Đông Pháp*, và sau đó (1945) là báo *Thống nhất*. Có nguồn nói rằng năm 1942-1943, ông cũng từng là sĩ quan trong quân đội Nhật Bản, khi đội quân này đổ bộ vào Bắc Kỳ vào tháng 9 năm 1940.

Năm 1949-1950, Nguyễn Mạnh Côn làm nhân viên Trường võ bị Trần Quốc Tuấn (nay là Trường Đại học Trần Quốc Tuấn, hay còn gọi là Trường Sĩ quan Lục quân 1) ở Sơn Tây.

Năm 1951, ông hồi cư về Hà Nội, rồi đi dạy học tư.

Năm 1954, ông di cư vào Nam làm việc ở Đài phát thanh Sài Gòn. Sau đó, ông còn viết sách và làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút báo *Chỉ đạo* (1956-1961), Chủ bút báo *Văn HỮU*, đồng thời cộng tác với các báo, như: *Tia sáng*, *Tin mai*... Ông có bút hiệu Đăng Vân Hào, Nguyễn Kiên Trung.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Mạnh Côn bị chính quyền mới bắt đi học tập cải tạo, và mất trong trại cải tạo, ngày 1 tháng 6 năm 1979.

Tác phẩm:

- *Việt Minh, Người Đi Đâu?* (1957)
- *Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử* (1958)
- *Kỳ Hoa Tử* (1960)
- *Truyện Ba Người Lính Nhảy Dù Lâm Nạn* (1960)
- *Lạc Đường Vào Lịch Sử* (1965),
- *Con Yêu Con Ghét* (1966)
- *Mối Tình Màu Hoa Đào* (1967)
- *Giấc Mơ Của Đá* (1968)
- *Tình Cao Thượng* (1968)
- *Đường Nào Lên Thiên Thai?* (1969)
- *Hòa Bình...Nghĩ Gì...Làm Gì* (1969)

HUỖNH ÁI TÔNG

- *Sống Bằng Sự Nghiệp* (1969)

- *Yêu Anh Vượt Chết* (1969)

Trích văn:

Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử - Nguyễn Kiên Trung.

Hà Nội, ngày 3 tháng 9 năm 1945

Thân ái Trung,

Hôm nay viết cho Trung mà tâm hồn tôi còn thấm máu của cả một rừng cờ, còn rục tiếng reo của muôn vạn người say sưa giữa vườn hoa Ba Đình.

Chao ơi Trung,

Chúng tôi hôm qua, đã uống từng tiếng, từng chữ của bài Tuyên Ngôn Độc Lập. Và thế là chúng ta trở nên những công dân của một nước độc lập, trước quốc tế, trước thế giới, trước nhân loại và trước Đất Trời.

Tôi có thể nói với Trung rằng mười lăm đêm nay tôi không hề chợp mắt ngủ. Mà tôi không mệt. Trái lại, sau mỗi đêm thao thức để toan tính, để thêm khát những ngày mai nhất định rục rờ, rục rờ như Cha Mẹ tôi, Ông Bà tôi chưa bao giờ biết, thì cứ mỗi lần ánh sáng mặt trời trở lại chiếu vào lá cờ đỏ thắm vẫn phấp phới trước cửa nhà là mỗi lần tôi được tiêm thêm một liều sinh lực. Mỗi ngày chúng tôi một thêm khỏe, mỗi ngày chúng tôi một thêm hăng hái.

Chúng tôi hăng hái đến nỗi có những lúc muốn chết, muốn chết ngay cho tổ quốc, và chết ngay giữa lúc vinh quang sáng chói này.

Trung mỉm cười nghi ngờ, -Trung cho rằng tôi nói cho đẹp, cho

bánh mà thôi?

_ Nhưng không đâu! Trung! Trung ở nơi hải ngoại, giữa quang cảnh thành Ba Lê đã phục hồi tự do và đời sống hoa lệ, làm sao Trung có thể hiểu nổi lòng bạn Trung ở nước nhà?

Tôi biết Trung có tham gia chiến khu “Pháp tự do” chống Đức. Tôi tưởng tượng được cuộc đời gian khổ mà Trung và các đồng chí của Trung đã sống. Tôi cảm thông được niềm hân diện cũng như nỗi vui mừng của Trung khi bước lên giải phóng Ba Lê.

Tôi hiểu Trung nhưng Trung không thể hiểu tôi. Bởi lẽ tôi biết rõ hoàn cảnh Trung, mà Trung không biết gì về hoàn cảnh của tôi. Tôi viết rõ hơn nữa nhé, Trung là khách đến đất Pháp, Trung thấy Bạo Ngược đàn áp Tự Do, nên con người “mã thượng anh hùng” đã không bỏ lỡ cơ hội tiếp tay cho Công Lý thắng Cường Quyền. Như thế là Trung có mọi điều kiện để mình tự bằng lòng mình.

Có phải hoàn cảnh của Trung đúng như thế không?

Còn hoàn cảnh của Minh thế nào? Chắc trung muốn hỏi lại như vậy. Cho nên, sau đây, tôi sẽ thuật lại cho Trung hay những gì đã xảy ra chung quanh tôi, trên đất nước, từ ngày Trung ra đi, tới nay thắm thoát đã trọn sáu năm (tôi sẽ không ngại viết dài, vì tôi biết Trung sẽ không ngại đọc dài. Tôi vụng về nhưng chận thành nên những gì tôi thuật lại với Trung đề là những sự kiện có thật. Và cũng bởi vậy, nếu lá thơ này không thể có giá trị văn chương thì ít ra nó cũng có giá trị tâm tình, giữa Trung với tôi, và giá trị tài liệu, đối với lịch sử dân tộc Việt. Vì lịch sử là gì, nếu không phải là một thứ tâm sự lớn lao, bao gồm tất cả tâm sự vụn vặt nhưng tâm thành của mỗi người dân như chúng ta?)

HUỖNH ÁI TÔNG

Vậy thì Trung ơi, đây là chút ít lịch sử Việt Nam, từ 1939 đến 1945. Lịch sử của một dân tộc qua sự sống của một cá nhân lịch sử chủ quan. Nhưng mỗi cá nhân lại là một phần tử của con số hai mươi nhăm triệu cá nhân có khả năng dựng nên lịch sử. Bởi thế Trung có thể tin lời tôi.

Năm 1939 là năm Trung sang Pháp, để thỏa mãn tính giang hồ nhiều hơn để giúp “mẫu quốc” chống Hitler. Cuối năm ấy, theo gót Trung, tôi cũng đi Hương Cảng.

Tôi nhớ lại tâm tình của chúng ta lúc bấy giờ: Chúng ta thèm khát không gian như loài người thèm khát khí trời. Vì trong chúng ta là cả một tâm hồn đào tạo bởi văn hóa Pháp. Chúng ta thèm khát tự do mà tự do không có. Sự học như mở cho ta một cánh cửa sổ, để nhìn ra ngoài thì thấy cảnh vật huy hoàng chói lọi, nhưng chúng ta không tới được cảnh vật, vì cửa sổ cao quá (hay thấp quá?)

Chắc Trung không quên rằng, vào năm đó, tâm hồn ta hèn yếu đến nỗi ta không dám nhảy qua cửa sổ. Ta cũng không dám cả nghĩ đến sự nhảy qua cửa sổ. Căn nguyên của sự hèn nhát này là sự quá quen hưởng thụ một cuộc sống tuy thiếu tự do mà thừa yên ổn. Nết xấu chung của hai ta, của chung của đa số thanh niên thời ấy, là cầu an.

Riêng chúng ta, nhờ địa vị của Cha Mẹ, được thoát thân ra đi. Ra đi để học hỏi, Trung tâm sự với tôi thế, và tôi cũng nhủ lòng như thế.

Nhưng trái với Trung, có hoàn cảnh để kéo dài sự học hỏi đến ngày nay, tôi đã lại trở về Hà Nội tháng sáu năm 1940.

Tôi về nước không phải bị bắt buộc; tiền nhà vẫn gửi sang đều đặn, và sự học vẫn vẫn tiến bộ đều đều. Sự “quy cô hương” của

VĂN HỌC MIỀN NAM

tôi thành ra không có lí do chính đáng đến nỗi về hà Nội sáu tháng rồi mà tôi không dám về thăm Thầy tôi: tôi biết nói với người thế nào để khỏi hổ thẹn vì sự thẳng thức đòi đi năm trước?

Thầy tôi có lẽ hiểu, và thương tình con trẻ hay thay đổi, nên cũng không hỏi lại về việc này. Duy Mẹ tôi, thương tôi một cách khác và lo sợ cho con có điều gì u uất trong lòng, Mẹ tôi nhất định hỏi tôi cho ra lẽ. Thành thử có một buổi chiều tôi phải thu hết can đảm để trả lời Mẹ tôi rằng: “Con chắc rồi đây sẽ có những sự biến chuyển lớn lao trong đất nước.”

Mẹ tôi nhìn tôi ngạc nhiên không hiểu. Tôi lại không sao nói rõ hơn. Ý tôi muốn nói thêm rằng tôi không muốn vắng mặt khi có những biến chuyển lớn lao trong đất nước, nhưng tôi hổ thẹn quá mà không nói nên lời.

Tại sao có thể mà tôi lại hổ thẹn, chẳng hóa ra làm thân trai, chú trọng đến việc nước là xấu xa lắm sao? – Chắc không phải thế. Tôi hổ thẹn, có lẽ vì trong tình trạng dân ta hồi ấy, sự cam lòng vâng lệnh chính phủ bảo hộ đã là sự quá quen rồi. Và trong thâm tâm, trong tiềm thức, có lẽ tôi nghĩ đến Thầy tôi là người sinh ra tôi, đến nhiều người ở địa vị cao quý hơn cả địa vị của Thầy tôi, mà thấy các “bậc trên” ấy còn không bận tâm lo việc nước, thì cái cá nhân tiều mọn của tôi dám nói đến việc nước, há chẳng phải ngông cuồng, khoác lác lắm sao?

Căn nguyên sự hổ thẹn của tôi là như thế. Nhưng tôi không chỉ hổ thẹn không mà thôi đâu. Sự hổ thẹn ngăn ngui, sự tủi cực về sau mới lâu dài hơn; cứ mỗi khi nghĩ rằng trong toàn dân không có mấy ai muốn lo việc nước, tôi lại thấy thấm thía trong tâm hồn một thứ cảm xúc như bàng hoàng lo sợ, như tủi nhục, như uất hận...

Trạng thái tâm lý này của tôi kéo dài trong mấy tháng. Cảm xúc xao xuyến đến chỗ bế tắc cả khả năng suy nghĩ, tôi tự

HUYỀN ÁI TÔNG

nhiên lâm vào một thời kỳ sinh hoạt hoàn toàn theo con đường phóng đảng và trụy lạc, lấy thú vui ở ạt bên ngoài để đàn áp tâm tưởng sôi nổi bên trong.

Nhưng cũng may là thời kỳ này chóng hết. Tôi về nước chỉ được mấy tháng là quân Nhật tiến đánh vào Lạng Sơn.

Cho đến nay tôi vẫn không biết lý do thực sự vì sao người Nhật đánh Lạng Sơn, vì trước khi tiến đánh, họ đã điều đình với người Pháp và đã giành được ít nhiều quyền lợi.

Có lẽ họ cho rằng quyền lợi giành được chưa đủ, có lẽ rằng họ nghĩ thế nào cũng phải chiếm Đông Dương để thực hiện khối “Đại Đông Á”, có lẽ nữa là đoàn quân Nhật ở Hoa Nam bị du kích Trung Hoa tiêu hao đến độ phải vội vã tìm lối thoát ra bờ biển...? Tôi không biết rõ, nhưng lại biết rõ một điều khác, chẳng kém phần hệ trọng, là người Nhật đến, đánh thức tinh thần quật khởi của người Việt.

Thật thế. Trước khi người Nhật vào Lạng Sơn thì một tập thể cách mạng Việt Nam đã vùng lên chiếm chính quyền và lập tỉnh chính phủ ở đó. Phong trào này vội vã, ô hợp. Tuy trên cấp lãnh tụ có những Trần Trung Lập, Nông Kịch Du, Đoàn Kiếm Điểm, Hoàng Lương, nhưng cấp lãnh tụ cũng không làm gì nên chuyện, với đa số nhân sự là binh sĩ của Pháp (đội pháo thù ở Lạng Sơn) cùng là dân chúng chưa hề biết, được học thế nào là chiến thuật đấu tranh cách mạng.

Chính vì thế mà tính chính phủ của Phục-Quốc quân chóng bị tan vỡ, sự tan vỡ nguyên do ở sự thỏa hiệp giữa Nhật với Pháp một phần lớn: Nhật trả chủ quyền toàn vẹn, nghĩa là cả vùng Lạng Sơn cho Pháp. Nhưng sự tan vỡ còn chủ ở sự non kém về kỹ thuật lãnh đạo của cấp chỉ huy: Đáng lẽ lập chiến khu, phân tán lực lượng để đánh du kích (như chiến thuật của quân đội Trung Hoa lúc đó đương chống Nhật), thì 2 lãnh tụ Trần Trung

VĂN HỌC MIỀN NAM

Lập, Đoàn Kiểm Điểm lại tập trung quân lực, giàn thành trận địa chiến, để quân pháp có dịp huy động cơ giới tiêu diệt.

Cuộc khởi nghĩa Lạng Sơn tan vỡ, người Pháp trả thù cực kỳ dã man. Hơn nữa, rút kinh nghiệm vụ Yên Bái, bọn Chauvet, Lannèque, Lartigue, dùng dây thép xâu tay hàng ngàn người vào với nhau rồi đem ra bắn ngoài bãi bắn kia. Nhưng trái lại vụ Yên Bái, chúng không cho một tờ báo nào đăng tin. Vì thế mà dân ta ít người biết đến cuộc khởi nghĩa chống Pháp lớn lao nhất từ trước, có hàng ngàn quân tham dự giao chiến.

Cuộc khởi nghĩa tan vỡ, không gây nổi một luồng sóng dư luận xôn xao như hồi Yên Bái khởi nghĩa. Tuy nhiên, nếu không có dư luận mạnh mẽ, thì ít ra cũng có một thứ uất hận ngấm ngấm trong lòng người Việt, càng kín đáo càng sâu sắc, đành rằng những người Việt này chỉ là một thiểu số.

Trên đây tôi có nói Nhật muốn thực hiện khối Đại Đông Á, hoặc ít ra là nhờ danh nghĩa ấy mà lôi cuốn người da vàng giúp họ đánh người da trắng. Người Nhật không đại nên người Nhật lợi dụng niềm uất hận này, cùng lợi dụng tấm lòng khát khao độc lập của người Việt, để gây một tinh thần chống Pháp, thân Nhật. Trông cậy ở quân lực của Nhật để diệt Pháp, để khôi phục độc lập cho tổ quốc và để tham gia bình đẳng vào khối thịnh vượng chung Đại Đông Á, đó là thái độ chính trị của một số khá đông người Việt lúc bấy giờ (bạn anh, chao ôi, cũng là một phần tử đại dột trong số đông này!).

Nhưng người Nhật đã không đại, rồi lại đại. Đại có lẽ vì quá khôn. Có lẽ họ chỉ thấy cần giải quyết được đối thủ chính là lực lượng Hoa Kỳ, tất sau đó họ rảnh tay tha hồ làm mưa làm gió. Có lẽ ngay từ lúc bấy giờ họ đã không thật tâm với dân tộc Việt. Có lẽ đối với Đông Dương họ tạm thời họ chỉ cần đến cứ địa quân sự và tiếp tế lương thực, cho nên họ mặc cho người Pháp giữ việc cai trị để giúp họ rảnh tay làm việc khác. Có lẽ họ đã khôn như thế ở Việt Nam, ở Phi Luật Tân, ở Miến Điện,

HUYỀN ÁI TÔNG

ở Mã Lai. Mặc dù ở mỗi nơi họ xử sự một cách khác. Có lẽ vì thế mà khi Anh vào Miến Điện, Hoa Kỳ vào Phi Luật Tân, thì mặc dầu những hứa hẹn thịnh vượng chung và bình đẳng của họ, các dân tộc sở quan đã bỏ họ mà theo Đồng Minh: Đó là một trong những lý do khiến họ bị thất bại.

Trở về đây nước ta. Người Nhật cứ hứa hẹn và cứ xui ta theo Nhật chống Pháp, người Pháp cứ khéo léo với Nhật và khùng bố ngằm những người chống lại họ. Còn người Việt, đa số vẫn thần nhiên trước “định mệnh”, thần nhiên đến độ có thể coi họ là những kẻ bàng quang đứng xem 2 con gà chọi nhau, làm như con gà nào thắng, con nào bại, cũng không liên hệ gì tới ai hết (vì theo đa số, thì tham dự cuộc đấu tranh là chỉ làm tay sai cho một trong hai bên, để rốt cuộc bên nào thắng vẫn cứ đô hộ Việt Nam như thường).

Tình trạng kéo dài như thế hơn 3 năm.

Năm 1944 là năm người Pháp tìm ra được một kế hoạch cực kỳ khôn ngoan (nhưng khôn quá lại hóa dại cho mà xem!): Lợi dụng việc người Nhật mỗi năm cần dùng một số thóc gạo của Việt Nam để nuôi quân, họ bày ra một phương pháp vô cùng xảo quyệt, vô cùng nham hiểm.

Họ bày ra một cách bắt nông dân bán thóc theo tỉ lệ ruộng cấy. Người Nhật mua, trả tiền. Người Pháp mua cũng trả tiền. Nhưng người Nhật mua 1 thì người Pháp bắt nông dân bán mười, bán trăm. Bán kỳ hết thóc trong cót trong lằm.

Kết quả là ngót 2 triệu người Việt Nam chết đói ở Bắc Việt.

Trung ơi, Trung không tin có phải không? Vì Trung nghĩ Bắc Việt có bao nhiêu người mà chết đói được 2 triệu... vì Trung nghĩ bán thóc lấy tiền thì lại đong thóc, có sao đâu mà phải chết đói đến 2 triệu người, phải không Trung?

Nhưng Trung không thể tưởng tượng được sự tàn ác của bọn thực dân. Trung không thể ngờ rằng trong Việt Nam có thóc thừa mà không có than, phải đổ thóc vào lò máy đốt cho xe lửa chạy. Thế mà không một hạt thóc, không một hạt gạo ra Bắc. Đó là 1 quyết định của thực dân.

Trung lại không ngờ được rằng tất cả – Trung đọc cho kỹ: tất cả nông dân phải bán thóc. Người cấy 1 sào không đủ ăn cũng phải bớt ăn mà bán. Người cấy đủ ăn, chừng ba mẫu, phải bán quá nửa, nên thiếu gạo ăn trong một nửa năm. Người có hàng chục hàng trăm mẫu phải bán quá số thu hoạch bình thường, đến các kho dự trữ cũng phải mở ra để lấy thóc bán.

Vụ chiêm năm 1954, nông dân bán gần hết thóc, nhưng sống vất vưởng đến được vụ mùa. Vụ mùa nông dân bán gần hết thóc, nên chỉ đủ sống được đến cuối năm.

Đầu năm 1954, giữa một mùa rét kinh hồn như một trăm năm nay chưa từng thấy, người ta đã gặp những xác chết khô đét, co quắp bên lề đường cái quan.

*

Trung ơi, Trung làm thế nào mà tưởng tượng được cái cảnh một người chết đói? Trung làm sao mà tưởng tượng được cái cảnh hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu người chết đói?! Nhất là những người chết đói đó là đồng bào của trung?

Trung đi trên đường cái, từ Thái Bình sang Ninh Giang, sang Hải Dương rồi lên Hà Nội... Trung không đi quá 50 thước đã lại gặp ngổn ngang vài ba, hay năm bảy cái xác chết trần truồng và chồng chất lên nhau: Đó thường là 1 gia đình bỏ làng đi tìm kế sống ở tha phương. Họ đi, nhưng đói quá không đi được, nên ngã xuống đấy. Có người may mắn (!) lên con chuột rút mà chết ngay được. Nhưng cũng có người thoi thóp mãi không chết. Và đến lúc ấy, trong giây phút sự sống chợt trở về,

HUYỀN ÁI TÔNG

họ nghĩ đến nhau, thương nhau, nên thu hết sức tàn mà lê lại gần nhau, ôm lấy nhau, nhìn nhau khô nước mắt, cầm tay nhau, để chết.

Trung đi trên đường cái, nhưng Trung không đi được, vì tấm lòng của Trung không nở. Trung dừng lại, đem chút ít tiền có trong túi phân phát cho những người còn tỉnh. Họ cầm tiền ngỡ ngác: Họ có ăn được tiền đâu ? Rồi Trung nhìn họ, thấy họ lặng lẽ buông tay cho tờ giấy nhỏ rơi xuống đất, đến lúc đó trung mới hiểu hết nông nổi thảm thiết của họ, và chắc là trung sẽ ứa nước mắt.

Nhưng trung lại cứ đi, bởi lẽ Trung còn sống. Qua gần cầu Bo, Trung sẽ thấy những người hành khất ngoạm vào xác chết, nhai ray rút miếng thịt không còn máu, rồi phát điên. Trung sẽ thấy cái quán cơm bên đò Nhổng bán thịt người.

Trung sẽ thấy đứa hài nhi lồm cồm bò trên người mẹ nó đã chết. Trung sẽ thấy đứa hài nhi khác nhay mãi vú mẹ nó đã chết. Trung sẽ thấy người đàn bà ôm đứa con thơ trong lòng mà nhỏ nước mắt vào người nó: Vì hai mẹ con cùng chờ chết.

Chết đói ! Cả vạn người chết đói, cả triệu người chết đói.

Ở Hà Nội người ta dùng xe rác chở người chết đói đem chôn. Chôn vào từng hố lớn, dài hàng chục thước. Xác vất xuống ngổn ngang, có cái xác thật là xác, nhưng có nhiều cái xác còn cựa quậy...Người phu xác rùng mình, đau thắt ruột. Nhưng người phu rác có muốn cứu chỉ được một người, không cứu nổi ngàn người. Nên người phu rác nghiêng răng, gạt cả những xác chết cùng những người chưa chết xuống hố sâu.

Trung ơi trung, Trung sẽ nghĩ rằng Trung thà bán hết cả quần áo, bán hết cả sách vở, bán đến cả tài sản của Thầy Mẹ Trung chưa chia cho Trung, để cứu những người chết đói...Nhưng cái thống khổ, cái kinh khủng của Trung, lúc đó, là không biết cứu

VĂN HỌC MIỀN NAM

những ai. Trung không thể có hàng triệu bì gạo để chia cho tất cả mọi người. Nếu Trung vẫn cứ bán hết đi, hãy biết cứu lấy một số người qua cơn đói một ngày, thì ngày mai Trung lại nằm xuống như họ !

Vậy thì cái kinh khủng của Trung là trông thấy đồng bào chờ chết, hay đương chết, mà Trung phải làm thình. Để sống.

*

Để sống mà rửa mối hận ngút trời ấy, phải chăng Trung?

Hắn thế, vì đó cũng là suy nghĩ của muôn người trai trẻ như Trung, như bạn Trung.

Đó cũng là lý do, cũng là HOÀN CẢNH, để cho có cuộc Cách Mạng Tháng Tám này.

*

Cách Mạng Tháng Tám bùng nổ trước hết là để tuyệt hận cho ngót hai triệu đồng bào ta đã chết đói.

Những người mẹ đến lúc chết còn thu sức tàn mà ghì đứa con bé bỏng vào lòng, hình như để còn bao nhiêu sinh lực thì truyền cho nó, cho nó được sống.

Những người cha bắt lực, trông từng đứa con ngã xuống mà hận thịt mình không ăn được, máu mình không uống được.

Những người dân của những làng chết đói cả làng, của những huyện mười phần người còn một.

Hai triệu người oan thác, vì thực dân muốn đánh vào quân phiệt một đòn tinh thần chí mạng: gạt cho người Nhật chịu trách nhiệm về hai triệu mạng người này.

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhưng rút cục người ta không thể lừa dân chúng đến thế, người Việt-Nam đã đành căm giận người Nhật đến xương tủy, nhưng người Việt-Nam căm giận người Pháp cũng chẳng kém gì.

Trước mắt hơn bảy triệu người Việt miền Bắc còn sống sót, cái chết kinh hoàng, khủng khiếp của đồng bào họ đã thấm tóe vào hai chữ vắn tắt: Ngoại thuộc.

Vì chỉ có ngoại nhân, khát máu tanh lòng, mới đành tâm và nhẫn tâm giết đến hai triệu người Việt. Chỉ có ngoại nhân mới can đảm chém đầu Nguyễn Thái Học ở Yên Bái, xử bắn Trần Trung Lập ở Lạng Sơn. Chỉ có ngoại nhân mới đầu độc non nửa dân số Việt-Nam bằng rượu và thuốc phiện. Chỉ có ngoại nhân mới thu vét hết vàng bạc ở đất này mang về nước họ. Chỉ có ngoại nhân mới cố tình đẩy đoạ dân chúng Việt-Nam trong cảnh lầm tan, cực nhục, và u mê, tối tăm.

Thành ra ngót hai triệu người chết năm 1945, từ tháng Giêng đến tháng Tư, là chết để đem linh hồn dâng vào luyện sự tinh ngộ và ý chí phục thù cho toàn dân.

Đó là HOÀN CẢNH cho phép đấu tranh bộc phát.

Đấu tranh lúc đó quy tụ cả vào Mặt trận Việt Minh.

Giữa một ngàn người được tổ chức, không có lấy một người được đọc qua chính cương của mặt trận. Nhưng cần gì, khi mới nói hờ một câu, tự nhiên người ta đã đồng tình đánh Nhật đuổi Tây?

Mặt trận Việt Minh, chính tôi cũng biết, chỉ là một đảng của riêng một số người, lập ra để theo đuổi những mục đích riêng của họ. Nhưng trong số mục đích của họ có mục đích đánh Nhật đuổi Tây. Và hơn nữa, họ hoạt động có khoa học, có tổ chức nhất trong các đoàn thể lúc bấy giờ. Họ lại nắm được yếu

VĂN HỌC MIỀN NAM

tổ quyết định là có bằng cứ có liên lạc với Đồng Minh, được Đồng Minh tiếp tế vũ khí và giao cho nhiệm vụ tình báo kháng Nhật. Họ chụp ảnh sĩ quan Hoa Kỳ đương dự lớp huấn luyện cán bộ, ảnh phi cơ Mỹ thả dù tiếp tế cho chiến khu. Họ in những ảnh ấy vào một tờ giấy lớn gọi là báo “Dân Chủ”, số đặc biệt. Sự tuyên truyền thật hết sức khôn khéo: Người ta chỉ tưởng như mình mới biết được một nguồn tin đặc biệt. Người ta không thấy mình bị tuyên truyền trước ảnh chụp, bởi lẽ, theo đại chúng, ảnh chụp chỉ chứng minh một sự kiện có thật, khác hẳn lời tuyên truyền. Đại chúng tin tưởng, gây nên một luồng dư luận hoan nghênh Việt Minh mạnh mẽ. Đến nỗi dư luận này, sau cùng, lại có tác động vào tâm lý của một số người đã biết rõ mấy người Mỹ trên chiến khu chỉ là nhân viên liên lạc để “xem xét khả năng” của Việt Minh, ngõ hầu công nhận sự hoạt động của họ sau này. (Sự công nhận đã không có, vì được tin Nhật đầu hàng và một cuộc đổ bộ lên bờ biển Việt-Nam không cần đến nữa, mấy sĩ quan Mỹ đã bỏ về bộ Tư lệnh quân đội nước họ ở Côn Minh. Một số về qua Hà Nội, xung vào phái bộ Điều Tra Tù Binh (Phái Bộ Patti, 21-9).

Sự hoan nghênh Việt Minh, vì thế mà lan rộng rất nhanh. Nhanh đến nỗi, ở nhiều vùng, công tác tổ chức đảng viên không theo kịp lòng ngưỡng mộ của công chúng. Người ta thao thức chờ đợi, lần mò tìm kiếm cho được “anh cán bộ” để xin đi theo hoặc để giúp tiền bạc, khí giới.

Thân ái Trung,

Năm Trung ra đi, có một phút nào chúng ta dám mơ ước rằng một cụ phán giả sẽ chia đôi lương hưu trí, một bà chủ tiệm kim hoàn sẽ chia đôi tài sản cho những người sắp đứng lên làm một cuộc khởi nghĩa? Ấy thế mà chính những ai tha thiết với cuộc sống bình thản của họ nhất, sẽ lại là những người hăng hái nhất.

Cuộc khởi nghĩa quả nhiên là một sự quật khởi của những

HUỲNH ÁI TÔNG

người tư bản, tiểu tư bản và trí thức. Lẽ cố nhiên tôi không định nói tất cả những phần tử tư bản, tiểu tư bản v.v... đã quật khởi, nhưng tôi muốn cho Trung nhận thấy rõ rệt được rằng vừa đây dân ta đã làm được một cử chỉ cao quý về tinh thần nhiều hơn về vật chất.

Tôi không quên chính tôi vừa mới viết “hai triệu người chết đói để tạo ra hoàn cảnh đấu tranh”. Như thế đáng lẽ cuộc khởi nghĩa phải là công trình cái thành phần xã hội đã có nhiều người chết đói nhất, để giành lại quyền lực về thóc gạo, là vật chất, để không bao giờ bị đói một lần nữa. Cuộc khởi nghĩa đáng lẽ phải là một cuộc khởi nghĩa của đồng bào nông dân vô sản.

Nhưng sự thật không giản dị như vậy. Vì sao? – Có lẽ vì đồng bào ta ở nông thôn chưa ý thức được cái bổn phận của bộ máy nhà nước đối với họ. Trải hàng chục, hàng trăm đời người, kể từ những thời kỳ bị đô hộ tàn bạo nhất đến những thời kỳ tự chủ oanh liệt nhất đồng bào ta ở nông thôn có lẽ không có ai dám nghĩ rằng nếu nhân dân có bổn phận phục tòng chính quyền, thì chính quyền, ngược lại, có bổn phận phục vụ nhân dân.

Tinh thần dân chủ có đâu đã nảy nở được giữa cảnh đồng ruộng? Đồng bào ta, trước năm 1945, chỉ có thể có một chiều suy nghĩ: làm dân là phải tuân phép vua, tuân lệ làng, lúc đó người dân sẽ có quyền được sinh sống và kiếm ăn thông thả.

Năm 1945 chỉ là một năm “khó làm ăn”. Đáng lẽ oán giận chính quyền thu hết thóc, làm cho hai triệu đồng bào của họ phải chết đói, thì những người sống sót lại đi tìm những căn nguyên trực tiếp của từng nạn nhân mà họ quen biết. Chả hạn như ông Chánh tổng X. có rất nhiều thóc, nhưng phát chẩn quá tay, đến lúc hết thóc không vay, không đong được ở đâu mà ăn nữa. Chả hạn như bà Phó Y. thấy đồng bào trong xã bán ruộng rẻ quá nên bán hết thóc để tậu ruộng, vào tháng Hai, không ngờ

VĂN HỌC MIỀN NAM

đến tháng Tư bà Phó Y. ôm mớ văn tự mà chết đói. Ấy, đại loại mỗi người tìm thấy một hoàn cảnh, một hoàn cảnh trước mắt, để tạo ra một căn nguyên hợp lý cho sự lâm nạn của đồng bào họ sau này. Chính bởi thế mà ngay vụ đói và sau vụ đói người Việt-Nam ở nông thôn không biết đến thủ đoạn tàn ác, ghê gớm của thực dân. Chính cũng bởi thế mà tôi có thể nói quyết với Trung rằng nếu vụ đói năm 1945 quả nhiên có gây ra hoàn cảnh cho tinh thần đấu tranh, thì tinh thần ấy chỉ nảy nở trong đám người có hiểu biết, có học hành, và được đủ no để biết sợ cái đói. Những người tư sản trí thức.

Thế rồi nổi niềm phẫn uất, căm hờn, sẽ truyền từ cái nhân tư sản trí thức sang cái quả dân tộc đa số là nông dân. Trung còn lạ gì trạng thái tâm lý của đồng bào nông thôn của chúng ta? Họ là những người còn giữ được tâm hồn trong sạch nhất, lành mạnh nhất trong khối dân tộc. Đúng như tinh thần cô truyền của đời sống xã hội ta, đồng bào nông thôn thật sự vẫn còn coi trọng đạo đức, lễ nghĩa, và học thức hơn của cải với uy quyền nhiều lắm. Chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy một bạn điền nghèo túng đương quy lụy tên chủ điền trọc phú. Chúng ta càng dễ thấy nhiều người khúm núm, sợ sệt trước một viên quan huyện hồng hách.

Nhưng chúng ta biết chắc rằng, một khi ra khỏi nhà tên trọc phú, khỏi công đường của viên quan huyện, tức khắc cái khúm núm, cái quy lụy, cái sợ sệt sẽ biến đi ngay. Và cứ mỗi khi gặp được hoàn cảnh được tự ý lựa chọn một thái độ, nhất là trong cơn nguy biến hay vào những giờ phút nghiêm trọng, người nông dân còn giữ được nhiều phần chất phác kia nhất định sẽ có một thái độ rập khuôn với thái độ của người có đạo lễ, có học hành hay có kiến thức nhất trong thôn xóm.

Trung sẽ bảo tôi: – “Đó là một thái độ khôn ngoan, nhưng đa số quân chúng nước nào mà chẳng khôn ngoan như thế?”. Tôi hoàn toàn đồng ý với Trung. Ý của Trung, hơn nữa, lại giúp cho sự nhận thức của tôi thêm chắc chắn, là một cuộc khởi

HUYỀN ÁI TÔNG

nghĩa lớn lao của toàn dân, ở đâu cũng thế, ít khi do đại chúng tự động thực hiện được.

Một cuộc khởi nghĩa – hay một cuộc cách mạng – bao giờ cũng có một cơ sở chỉ đạo, một cơ sở lãnh đạo. Cơ sở trước có thể là một người, một nhóm người, hoặc có thể chỉ là một ý chí mãnh liệt chung của một số người. Trong trường hợp chúng ta, cơ sở chỉ đạo khởi nghĩa là một danh vị trừu tượng, là ý chí giành độc lập, diệt ngoại xâm, để tuyết hận cho hai triệu người “tử vì đạo”, và để bảo đảm cho tương lai khỏi trông thấy một vụ oan khốc tày trời như thế nữa.

Ý chí trên đây là một sự kiện có thật, không thể chối cãi được, giữa tầng lớp tư sản, trí thức của xã hội ta năm 1945. Đánh Nhật, đuổi Tây, giành độc lập... đó là ý chí chỉ đạo. Ý chí lãnh đạo sẽ từ mặt trận Việt Minh mà tới.

Tôi chưa muốn vội vã xét đoán đến thiện chí hay những ý định khác của số người mới này. Tôi hãy muốn tách ra một tính chất rõ rệt của họ. Họ là những người có được học tập, được huấn luyện về phương pháp lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa. Họ là những người may mắn nắm được một số lợi điểm: Có một chút giao dịch với Đồng Minh, có một chiến khu để gọi là nơi đồn trú lực lượng võ trang (mặc dầu, nói cho thật chiến khu [1] của họ không phải tự họ đánh mà chiếm được).

Bao nhiêu hy vọng kháng Nhật đều đặt vào sự thắng lợi của Đồng Minh, bởi ai nấy đều biết rằng một đội quân cách mạng ô hợp đâu có dám đương đầu với quân đội Nhật. Đó là lý lẽ khiến một chút giao dịch với Đồng Minh có thể giúp cho Việt Minh nắm được hầu hết thành phần quả cảm của giai tầng tư bản trí thức. Có thành phần này, Việt Minh dễ dàng nắm được hầu hết đồng bào cần lao ở nông thôn và thành thị.

Thế là trong thời gian rất ngắn, mặt trận Việt Minh trở nên đoàn thể mạnh nhất giữa các đoàn thể cùng chung một mục

VĂN HỌC MIỀN NAM

địch phục quốc. Cái mạnh của Việt Minh rõ rệt là không chủ ở một tiểu đoàn bộ đội ô hợp, và cũng không chủ ở năng lực cán bộ như theo lẽ thường. Cái mạnh của Việt Minh mạnh ở ngay chỗ địch bỏ một khu vực không chiếm đóng, và ở ngay sự “thăm viếng” của mấy sĩ quan với hạ sĩ quan Mỹ.

Nhưng không ai chối cãi được rằng Việt Minh rất mạnh. Lòng hỏi lòng, một lãnh tụ Việt Minh chắc chắn phải nhận thực lực chủ quan của mình rất yếu: Quân đội không đủ đánh một trận rất nhỏ, cán bộ không đủ tung vào một tỉnh hơn một triệu dân (như tỉnh Nam Định).

Thế mà Việt Minh rất mạnh, đối với bất cứ ai ở ngoài nhìn vào, thực lực của Việt Minh là cả một khối hai mươi năm triệu người. Trong nhất thời không nói đến chủ nghĩa một cách vội vã [2], Việt Minh chỉ nói đến mục đích trước mắt: Giành độc lập. Một tiếng Việt Minh hô “Tiến lên!” thì ở ngay những nơi không có bóng vía một cán bộ, tiếng hô sẽ được hàng trăm, hàng ngàn cái miệng tư sản trí thức nhắc lại, rót vào tai quảng đại quần chúng, trong chốc lát biến thành một cơn bão táp những tiếng hô “Tiến lên!”. Người ta hô “Tiến lên!” để được thoả nỗi lòng thèm khát độc lập, nhưng cứ mỗi lần nhắc lại một tiếng hô của Việt Minh là một lần bồi đắp sức mạnh cho Việt Minh. Người ta vô hình chung biến thành Việt Minh tất cả.

Biết bao nhiêu người lẫn lộn toàn dân với Việt Minh như thế. Một người nhằm làm cho nhiều người bên cạnh nhằm theo. Đến nỗi sức mạnh của toàn dân khi đấu tranh giành độc lập, đáng lẽ chỉ là của toàn dân hoặc là của chung của tất cả những ý chỉ chỉ đạo, thì lại biến thành sức mạnh riêng của Việt Minh. Người người nào nức, thậm chí những đoàn thể cùng một mục đích với toàn dân cũng huyền hoặc sâu xa, và đương nhiên có Việt Minh là đoàn thể mạnh nhất hồi ấy.

Đó là căn nguyên thứ nhất, nó đã khiến cho những đoàn thể tại thủ đô, khi quân Nhật đầu hàng, nhường (!) quyền ưu tiên lãnh

HUỶNH ÁI TÔNG

đạo cuộc khởi nghĩa cho Việt Minh. Mặc dầu quân đội Nhật, tuy đầu hàng nhưng còn nhiệm vụ giữ trật tự trong nước, đã tỏ ý rõ rệt sẵn sàng giúp đỡ các đoàn thể quốc gia chống lại Việt Minh, mà người Nhật biết rõ là có chủ trương chính trị quá khích.

Người Nhật không lạ gì thực lực của Việt Minh, dám quyết tiêu diệt thực lực ấy trong vài ngày. Có lẽ cũng có nhiều người biết như thế nhưng người ta e rằng thực lực của Việt Minh tuy yếu kém, mà về tinh thần Việt Minh chính là toàn dân, diệt Việt Minh người ta sợ toàn dân công phẫn, kháng cự.

Người ta đành để cho Việt Minh đòi, và đòi được lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa. Bỏ lỡ cơ hội ngàn năm có một, người ta không biết rằng toàn dân lúc ấy sẽ chỉ ngã về ai giành được độc lập thật sự. Thành ra có những người có thể đem tài, sức, ra viết những trang lịch sử oanh liệt, thì những người ấy lại thoái lui, sợ lịch sử kết tội tranh giành quyền lợi, làm hại cho công cuộc đấu tranh của toàn dân. Thành ra ngày 17 tháng 8 vừa rồi, có trọn vẹn ba lá cờ chạy hiệu giữa đám biểu tình của Tổng hội Công chức mà huy động được hơn trăm ngàn người đi biểu tình ngày 19. Rồi lại có không đến ba mươi cán bộ Việt Minh, thụt lại phía sau đoàn biểu tình vĩ đại ấy mà “cướp” được chính quyền ở một nước hai mươi năm triệu dân.

Trung hãy nghe tôi tả rõ cuộc biểu tình tổng khởi nghĩa ngày 19 tháng 8.

Người ta bảo nhau, rủ nhau may cờ để đi biểu tình tuần hành. Ít lắm là đoàn biểu tình có một trăm ngàn người: Nếu đi từng nhà, triệu thỉnh từng người, thì cán bộ Việt Minh chỉ tập hợp được vài ngàn người. Nhưng không mấy ai được gặp cán bộ. Chỉ cần một người nói lên: “19 tháng 8!”, thế là đủ một truyền mười, mười truyền trăm, đến ngàn, đến trăm ngàn.

Chúng tôi vác cả một rừng cờ đến đợi ở trước nhà Hát Lớn từ

VĂN HỌC MIỀN NAM

bốn giờ sáng. Mãi hơn tám giờ mới có micro với loa phóng thanh. Mấy cán bộ Thành của Việt Minh lên đọc, ngập ngừng, những lời hiệu triệu yếu đuối so với khí thế bùng bùng của chúng tôi đứng nghe. Hơn mười giờ bắt đầu biến biểu tình thành tuần hành “thị uy” về phía Bắc bộ phủ. Ông Khâm sai Phan kế Toại có lời ước hẹn đầu hàng từ hôm trước, ra đón đoàn đại biểu – các cán bộ – tận ngoài công phủ. Tin tức loan truyền, nhanh như chớp: “Đã cướp được Bắc bộ phủ!”.

Người ta đã có quyền hành chính. Bây giờ đi cướp quyền quân sự. Tượng trưng cho quân đội lúc đó là hơn một ngàn Bảo-an binh đóng ở trại lính Khố xanh cũ, đường Đồng-khánh. Khi đoàn tuần hành đi đến ngã tư Đồng-khánh, Rollandes, thì các cán bộ đại biểu đi chậm lại rồi mất dạng. Hơn trăm ngàn người dồn nhau, tiến vào sát cổng trại Bảo-an. Cổng đóng. Phía trong cổng, hai khẩu súng máy hạng trung và ước độ năm chục binh sĩ, hoặc nằm bên cạnh súng, hoặc nấp mình sau những bức tường cuốn, súng đặt lên vai, nòng quay về phía cổng. Người đi đầu – không có vũ khí – trông thấy hai sĩ quan Nhật đứng giữa lính, muốn quay lại. Người phía sau không thấy gì cả, thúc bách nhau tiến lên. Chen chạt quá, tay đã co lên không buông xuống được, tay đương thông không co lên được.

Cứ dồn nhau như thế, đến một giờ rưỡi thì có kẻ xuẩn động ném gạch vào lính Nhật gác ở ngã tư Chợ-Hôm, Hàm-long. Lính Nhật nổ súng, hai người bị thương nơi chân. Náo động. Có tiếng hô “Đánh! Đánh!”.

Cuộc biểu tình có thể trở nên lưu huyết. Bộ Tư lệnh Nhật, trong năm phút, phái chiến xa đến chặn tất cả mọi ngã đường vào chỗ đoàn tuần hành. Nội bắt xuất... cho đến năm giờ chiều, ngày chớm Thu sắp tàn. Sương bắt đầu xuống. Cờ vác mỗi tay, đã cuộn giấu vào bụng áo. Chiến xa Nhật vẫn chặn đường. Một vài người muốn ra về đều thấy lưỡi lê dí vào bụng. Hoang mang bắt đầu. Phía ngoài hàng rào chiến xa có nhiều người mẹ đi tìm con, nước mắt chạy quanh. Chỉ một nửa giờ

HUỶNH ÁI TÔNG

nữa là tối. Quân Nhật có thể cho từng người một ra về sau khi, khám xét kỹ lưỡng. Cuộc khởi nghĩa tự nó sẽ tan vỡ. Nhưng bỗng có tiếng reo lên như động biển. Thì ra trong san trại Bảo-an, lá cờ Quẻ Ly vừa hạ xuống, lá cờ của Tổng khởi nghĩa được kéo lên. Chiến xa Nhật mở máy về trại. Hơn một trăm ngàn người xô nhau ra về, mãi đến bảy giờ tối mới tan hẳn. Và người ta xôn xao hỏi nhau: “Sao? Sao?”. Có người nói không xong, có người lại quả quyết rằng mắt thấy hai sĩ quan Nhật bị trói chặt giải đi, và uỷ ban Tổng khởi nghĩa đã chiếm trọn trại lính.

Nhưng sự thật, sự thật muôn đời, là uỷ ban đã bỏ chết đồng bào trước họng súng Nhật. Tôi không hề có ý định, hoặc làm tăng, hoặc đánh giảm giá trị những phe đương sự. Và lại tôi tin rằng những hành động quyền biến không bao giờ có giá trị vĩnh viễn. Giá trị vĩnh viễn nằm trong khả năng xây dựng của con người.

Tôi thành thực không muốn lịch sử sẽ chép rằng ngày 19 tháng 8 năm 1945, dân tộc ta đã làm một cuộc Tổng khởi nghĩa oanh liệt, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh.

Tôi không bắt công, tức bỏ giá trị của Việt Minh trong ngày 19 này, vì thật quả giá trị ấy không hề có.

Tôi càng không có ý làm sút giảm giá trị của toàn dân trong ngày 19 này, bởi giá trị của toàn dân sẽ còn nhiều dịp để bộc lộ. Tôi chân thành nói với Trung như thế.

Trở lại buổi tối hôm Tổng Khởi Nghĩa, dân trong thành hoang mang cực độ. Ngày hôm sau lại có tin quân Pháp từ Xuân-mai (Hoà-bình) đánh đến Hà Đông. Và đây mới là lúc tôi trông thấy giá trị của người dân Việt hiển hiện thành việc làm: Người ta vớ lấy bất cứ một đồ vật gì có thể cầm lên tay mà đập vào đầu hay xuyên vào ngực kẻ thù, người ta phóng xe đạp, bám vào xe hơi, vào tàu điện như những chùm xung, người ta vào Hà-đông

VĂN HỌC MIỀN NAM

chặn giặc. Hàng vạn người đã đi, rồi trở về không: Trại Bảo An Hà Đông (dưới quyền chỉ huy của Quân Dưỡng) không chịu theo về chính quyền mới. Có thể thôi.

Thế rồi lặng lẽ luôn mười ngày, chỉ toàn những tin biểu tình cùng những tin lụt lội, lụt to quá ở Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Bình, Hưng Yên. Ngày thứ mười, tức là ngày 30 tháng 9, có tin bộ đội Giải phóng về đến thủ đô. Tiếng đồn có hàng chục ngàn binh sĩ mặc toàn đồ kaki, mang toàn súng máy Mỹ!

Cũng ngày thứ mười, trên các tường nhà xuất hiện lá thư ký tên Nguyễn Ái Quốc. Bức thư với tên ký không gây xúc động gì cả. Người ta đang chờ đợi một cái gì to lớn, chẳng hạn như tin Đồng Minh công nhận Chính Quyền Lâm Thời. Cho nên không mấy người sung sướng vì biết Nguyễn Ái Quốc còn sống. Âu cũng là một chứng cứ thêm rằng sự náo nức thật quả bắt nguồn từ chính tâm lòng của mỗi người tha thiết đến Độc lập.

Hôm qua là ngày Tuyên Ngôn Độc Lập. Một nhân vật mới xuất hiện: Hồ Chí Minh. Chưa mấy ai nghe tên Hồ Chí Minh, mà có người bảo là Nguyễn Ái Quốc đấy. Không có bằng chứng gì. Giá có bằng chứng cũng chưa chắc đã gây thêm xúc động. Hoặc giả còn gây ra hoang mang vì tính chất cán bộ Mạc Tư Khoa của họ Nguyễn là khác.

Nói đến xúc động đoạn đầu thư này có câu “hăng hái đến muốn chết ngay cho tổ quốc”, tưởng không nói thế nào hơn được nữa. Giữa vườn hoa Ba Đình (lối vào Vườn Bách Thú), hằng trăm ngàn người lắng tai nghe ông Hồ đọc bản tuyên ngôn. Lời văn giản dị sáng sủa. Tự bản văn cũng không gây được mấy xúc động. Là vì chúng tôi đã bị kích thích đến cùng độ, ngay từ khi chưa đi hội. Cho nên bản văn không lạ, mà chúng tôi như uống từng chữ một, mỗi chữ lại mát lạnh hay sôi sục trong tâm hồn. Sự việc bên ngoài không theo kịp trí tưởng tượng bên trong của mọi người. Mỗi người đều có một chút hận lòng vừa

HUỲNH ÁI TÔNG

mới rửa được trong hai chữ Độc Lập. Mỗi người đều có một cách riêng để đoán trước xem Độc Lập là thế nào. Trong không khí bao dung của mùa Thu có ai còn tiếc gì không thả lòng cho một giấc mơ không ngủ?

Riêng tôi, tôi theo đuổi một ý nghĩ nhất định. Không có bằng cứ gì chắc chắn mà tôi vẫn luôn luôn cho rằng dân Việt thông minh hơn dân Nhật. Đất Việt lại trù phú hơn đất Nhật. Tôi không thấy mình điên rồ, khi tưởng tượng một trận chiến đấu, một trận thắng oanh liệt thì đúng hơn, khi người Việt chống nhau với giống người còn văn minh hơn người Nga. Nghĩa là một trận Lữ Thuận kèm thêm một trận Đối Mã oai hùng. Lại có khi nghĩ đến nước Tàu, đến vua Quang Trung sớm yếu..., rất có thể Việt Nam độc lập sẽ đòi lại Lưỡng Quảng, mặc dầu đòi hai tỉnh ấy chỉ có nghĩa là nhận nuôi thêm ngót trăm triệu dân đói khát!

Nói thế để Trung ở bên ấy chân trời biết rằng Độc lập là cởi mở cho tất cả mọi tài năng cũng như cho tất cả mọi hy vọng. Không có gì có thể giúp người nước ngoài tưởng tượng nổi thế nào là Việt-Nam độc lập, kể cả lòng yêu nước thắm thiết của từng người. Bởi lẽ Việt-Nam độc lập là thoả mãn được một sự đòi hỏi thâm kín, truyền kiếp – từ khi dân Việt lập quốc, có bao giờ thực sự độc lập như bây giờ đâu!

.....

Thân ái Trung,

Tôi vừa mới thuật lại, dài dằng dặc, mấy mẫu tư tưởng của một số anh em thanh niên ít hơn chúng ta dăm, bảy tuổi. Tôi thuật lại đúng, cho nên miễn phê bình, dù chỉ để tỏ lòng tin tưởng của tôi hơi họ, hoặc chỉ để chống lại quan niệm độc đoán của họ về nghệ thuật.

Tôi thấy chỉ cần phải nói cho Trung biết ít ngày sau đêm họ nói

VĂN HỌC MIỀN NAM

chuyện với tôi thì xảy ra việc quân Pháp bỏ khu chiến miền Đông Nam. Sự rút lui của đoàn quân Viễn Chinh là cả một sự vội vã, cả một sự sợ hãi trông thấy. Có điều lạ, là không có một lời tuyên truyền, dân chúng ùn ùn bỏ nhà cửa theo quân đội. Dân chúng bám vào xe chở hàng, như chùm sung, tràn lên đồ làm chìm mất vô số. Rồi đi xe tay, đi bộ, mẹ công con, chồng dắt vợ, trên vai tòn ten đôi quang thúng, có khi tiền bạc thì quên, lại đem đi mấy cái nồi đất. Tôi xuống tận Nam Định. Buổi tối, đèn mờ mờ, trông đoàn người ra đi không mấy may khác những người, chín năm trước, ra đi kháng chiến.

Nhưng vẫn khác, bởi ra đi kháng chiến, người ta tuy lặng lẽ mà nhộn nhịp, tuy đau khổ vì tan vỡ, mà hy vọng xa xôi nhưng mãnh liệt vẫn tràn ngập không gian. Còn lần này ra đi, chỉ có những bóng đen cam nín cúi đầu xuống mặt đường, và lưng còn dưới gánh nặng.

Hình ảnh của tội lỗi, của hối hận, hay của sự cam tâm chịu đựng vò xé bởi sự lia bỏ vĩnh viễn quê cha đất tổ? Hình ảnh của một đoàn quân chiến bại?- Không! Hơn nữa, Trung ơi, vì đây là hình ảnh của những bị người phản bội, bị phản bội trong lòng tin tưởng thiết nhất. Đây là người nông dân không chịu đôi nóc nhà thờ đột nát lầy mủi ruộng tốt, đây là người nông dân trọn đời không có gì để cho ai một chút, nhưng ngót tám năm vừa qua đây, không có gì để tiếc không cho kháng chiến.

Kháng chiến với họ không phải là lá quốc kỳ dù đẹp dù xấu, không phải là bài quốc ca dù dở dù hay, cũng chưa hẳn là một chính quyền hoàn toàn việt nam hay những quyền tự do căn bản... Kháng chiến, trong tâm hồn người dân lành, chỉ là làm thế nào cho được sống yên ổn, dù nghèo đói, thiếu thốn trăm bề, trong căn nhà có bát hương thờ tổ phụ, bên bờ ao đã soi bóng nhiều đời mẹ hiền, và trên mặt những thửa ruộng biết bao nhiêu đời nông phu kiên nhẫn đã cấy, đã bừa, cho nhuyễn cả những viên đá sỏi, cho cây lúa mọc được lên, rồi trĩu nặng bông vàng dưới một thứ ánh sáng mặt trời không thể có ở nơi

HUYỀN ÁI TÔNG

đâu khác. Kháng chiến là làm thế nào giữ cho khỏi đứt đoạn sự quen thuộc với thôn xóm, tình tương trợ của họ hàng, vì không có những thứ ấy, người dân lành thấy mình bơ vơ, lạc lõng trong đời sống. Kháng chiến còn nhất là sự giữ gìn cho toàn vẹn, sự bù đắp cho tăng thêm một chút gia sản, dù hèn mọn đến đâu cũng vẫn là “của hương hỏa” làm sự bảo đảm tương lai cho đàn con lũ cháu, sau này.

Đối với người dân lành, kháng chiến là như thế. Dốc một lòng, và “để cho con cái chúng ta giữ được như thế lâu dài”, họ đã hy sinh tất cả những gì là của họ. Họ đã chịu cho giặc đốt nhà thờ, chịu cho du kích tát cạn ao chuôm để xẻ hào giao thông, chịu bỏ cỏ những bờ xôi ruộng mật vì những ngày dân công xa vắng. Cuối cùng họ mặc dầu không được huấn luyện, đã dám cầm thanh mã tấu, cái câu liêm, đi trước quân đội để đánh Pháp: họ đã liều cái mạng họ. Vì họ tin lời người cán bộ mà nghĩ rằng “để cho con cái chúng ta được yên hưởng về sau”! (người nông dân không yêu con kiểu cách như người thành thị. Không chịu nung, không quán quít. Người nông dân yêu con bằng một tình yêu hồn nhiên, một tâm tư chất phác: Con cái là khả năng làm cho đời sống không bao giờ tận cùng: Cha mẹ chỉ là một đoạn đường, trong khi con cái là tất cả, là vĩnh viễn)

Yêu như thế, tin như thế, thế mà họ bị phản bội. Phản bội không vì điều đình với Pháp. Phản bội đã đến, ngấm ngấm, dần dà, từ lâu rồi. Từ ngày họ không được giết con gà cúng bố mẹ, từ ngày Đảng bắt buộc đấu tranh phải khởi sự giữa vợ chồng, con cái, giữa thôn xóm, giữa họ hàng. Từ ngày hạt thóc vàng, là kết quả của trăm cay nghìn đắng, của vợ kéo chồng cày, phải đem gánh tất cả ra trụ sở Nông hội xã để nộp thuế Nông nghiệp. Nghĩa là từ ngày họ hết sạch, cả của lẫn người, nhất là người.

Sự phản bội gây ra thất vọng mênh mông và mất mát trọn vẹn, đến nỗi bước chân ra khỏi căn nhà quen thuộc, họ không tìm thấy vật gì đáng kể là còn lại, đáng đem theo vào một bên

quang thúng, cho cân với bên kia đặt đũa con mới chập choạng tập đi. Đi, đi hẳn, có khác gì chết trong lòng người dân lành, cái chết héo hắt, dần mòn của linh hồn? – Đến chết còn kinh ngạc, chưa muốn chịu thật rằng họ chẳng có một cách nào khác nữa, ngoài sự rời bỏ quê hương, không hy vọng gì trở lại.

Sự ra đi của những người dân lành thật biết bao nhiêu cay đắng. Bởi nhớ những lần tản cư kháng chiến, họ liêu chạy trước tầm súng giặc, một đổi đường một đổi nghi, để quay lại tìm lần trong chân trời, cái vệt thăm dài là làng xóm, là quê hương họ. Lần trước họ nhìn lại, nhìn lại là hy vọng. Còn lần này, họ cúi đầu xuống mặt đường...

Tôi hiểu nỗi đau đớn của những người nông dân ấy. Thời thế đã bắt họ trở thành những chiến sĩ, vì tự họ, họ chỉ muốn cày ruộng, làm nhà, cuộc đời họ, lành mạnh những tự cao mặc cảm, không bao giờ muốn tranh cướp. Sức khỏe của họ, trí khôn của họ, họ chỉ quen dùng vào việc giành giật với thiên nhiên, với mưa nắng, gió bão, với khô nẻ hay lụt lội, những khóm lúa “chít hết hai gang tay”, có nhiều bông “lớn như đuôi trâu”. Tâm sự họ đơn giản, họ là người, có thể một đôi khi gian dối về đầu thóc, thúng gạo hay con lợn, con bò, nhưng họ không bao giờ dám nghĩ người ta có thể lừa nhau về quê hương, đất nước và tổ tiên. Họ đã ra đi kháng chiến, tin theo bọn cán bộ, với tâm sự đơn giản ấy. Họ đã bị phản bội, bị “bán đứng cả cút” cho một thứ chủ nghĩa Cộng Sản nói thì đẹp vô cùng, mà đến lúc thực hành thì hà hiếp bóc lột hơn cả bọn Chánh Sứ, Tây đoan thời trước.

Họ biết đau khổ, lần đầu tiên trong một lãnh vực rộng lớn. Tôi đoán được nỗi lo sợ của họ ở cặp mắt họ nháo nhác quay ngược, quay xuôi tìm kiếm, tuy không có gì mà chờ đợi. Họ muốn nhìn thấu ý nghĩa của sự việc đã vượt họ xa quá, để nhận định con đường phải đi cho tới được yên ổn. Họ thấy tôi đứng một mình bên cột đèn, có lẽ nét mặt khổ sở của tôi làm cho họ tin tưởng hay chỉ bằng vào cặp kính trắng là dấu hiệu của con

HUỶNH ÁI TÔNG

người có học, họ đến gần tôi cất tiếng hỏi, ngập ngừng e sợ: “Ông ơi! Chúng cháu đi về đâu bây giờ?”

- Đi về đâu? Người nông dân ra đi để bảo vệ lấy một chút tài sản tinh thần, người nông dân tiểu tư sản đã hỏi tôi như thế. Lời hỏi chân thực, họ chắc chắn sẽ đi về hướng tôi chỉ cho họ. Mặc dầu họ không biết tôi, trong đáy sâu của bản năng họ vẫn tin tưởng ở tầng lớp trí thức, theo một truyền thống chưa bao giờ đứt đoạn.

- Đi về đâu? Tôi biết trả lời họ ra sao, một khi chính chúng ta còn tự hỏi lẫn nhau câu ấy?

- Đi về đâu? Tôi yếu đuối chỉ tay về phía Hà Nội. Dưới bầu trời không trăng sao, con đường nhựa thăm thẳm tan vào đêm tối. Tôi rùng mình, có cảm giác cả không gian thấp xuống, nhỏ lại trong màu đen chập chập. Con đường đưa vào đáy một cái túi không lối thoát. Tù ngục.

Họ đi rồi. Thì tôi muốn kêu lên, gào lên, để gọi họ trở lại: Đảng nào cũng chết, thà ở đây mà chết, còn bao nhiêu sinh lực hãy tập trung lại để chết cho can đảm! Nhưng có một chút gì ngăn cản không cho tôi làm cử chỉ tuyệt vọng ấy. Một chút gì..... thiết tha, tính gan góc và ý chí tận tụy của Quảng, tiếng khóc của anh Chắt Hòe, bước đi của chị Nhiễm thấm máu chân vào rễ cây rừng Nghĩa lộ. Tôi nhớ lại tất cả sự dai dẳng chịu đựng của con người tiểu tư sản, của con người tìm tự do, và nhớ lại lời người bạn trẻ về một sự tai hại cần thiết, một nơi nghỉ dưỡng sức cho những người chiến đấu đã quá mệt, một địa điểm tập trung những khả năng còn đương lên.

Tôi nghĩ: “Chia đôi đất Việt!”

Trong bụng tôi nao nao một sức nặng muốn bùng lên, trong cổ tôi tanh nhạt một vị kinh tởm, tôi có cảm giác sắp nôn xuống mặt đường tất cả tim phổi, dạ dày, ruột non, ruột già. Những bộ

VĂN HỌC MIỀN NAM

phận ấy đã sống vì kháng chiến, nay kháng chiến bị ô nhục, bị phản bội, tất cả thân thể tôi bỗng ngập trong mùi máu.

Tôi nhìn lên ngọn đèn vẫn ú áy trong sương đêm. Ngọn đèn đỏ nhào xuống vĩa hè. Tôi choáng váng mày mặt, phải ngồi thụp xuống đất. Hai tay tôi chống lên những ngọn cỏ mát rượi, tôi đưa tay áp lên trán, trán tôi nóng rùng rục. Tôi cứ ngồi yên mãi như thế lâu lắm.

Thế rồi đất nước bị chia đôi thật. Trong tâm hồn tôi, như tâm hồn một bố già thấy chủ bán mất một phần thửa vườn cũ, có những dòng nước mắt tê tái, tủi nhục.

Từ Hải Phòng, tôi nhiều lần trở lên Hà Nội, những tưởng sẽ ra ngồi khóc trên bãi cỏ Hồ Gươm cho nhẹ nỗi đau khổ. Nhưng mỗi lần ra tới đó, lưng quay vào tòa Thị sảnh, mặt nhìn ra phía Tháp Rùa, thì đáng lẽ than van yếu đuối, tôi lại kinh ngạc thấy mình bình thản đặt vấn đề tính toán.

Có lẽ từ trong tiềm thức, tôi đã học được, hay được truyền tiếp nguồn sinh lực của số đồng bào đông như kiến cỏ trên con đường Nam Định, Hà Nội. Ở Hà Nội, tôi đi thăm nhiều trại tạm trú của đồng bào, trong khi chờ đợi phương tiện vào Nam. Đình, chùa, nhà thờ, nhà thương, trường học, thậm chí trại giam và trại lính, bất cứ đâu, miễn có đất đặt quang gánh nghỉ chân và có mái che mưa nắng. Tôi len lỏi tìm người quen không thấy, nhưng đến đâu cũng nhanh chóng thành quen hết cả. Đồng bào, hàng trăm ngàn người ù lên để trả lời chung những câu hỏi. Hỏi: tại sao đi? Trả lời: Vì không ở được. Hỏi: Tại sao không ở được? Thì chính tôi đã trả lời ngay trên đây. Nhưng, mặc dầu biết chắc mình không lầm, tôi thành thật vẫn muốn nghe tiếng nói của người trong cuộc.

Tôi hỏi, đồng bào tranh nhau thuật chuyện làng, chuyện nhà, cả đến chuyện riêng của mình. Một bà mẹ chừng bốn mươi tuổi-

HUYỀN ÁI TÔNG

thế hệ chúng ta! Ôm con nhỏ trong cánh tay gầy guộc, vừa kéo vạt áo lau đôi mắt đỏ mọng vừa kể:

- “Ông ơi, các anh cán bộ xã, các anh ấy bảo chúng cháu bỏ cúng ông vải, vì cúng vải là duy tâm, là chống chính phủ Cụ Hồ. Các anh cán bộ phát động gọi họp ngoài đình để đấu cụ Cừ xóm Hạ, bảo là kẻ thù của nhân dân. Ban Nông hội xã thu thuế bắt phơi khô quạt sạch, chúng cháu gặt về mười phần phải nộp đến bảy, tám phần rồi. Rồi đến các anh cán bộ dân công, các anh ấy chia lân thế nào mà mấy vợ chồng bố con nhà cháu lúc nào cũng có người phải đi phục vụ chiến dịch. Các anh cán bộ bảo thế nào chúng cháu cũng xin vâng, vì các anh ấy bảo thế là theo Cụ Hồ kháng chiến. Chúng cháu cũng muốn kháng chiến lắm, nếu có phải khổ gấp trăm, gấp ngàn hồi Pháp thuộc chúng cháu cũng cô chịu.

Người đàn bà ghen ngào khi bắt đầu vào đến đoạn thương tâm:

- “Nhưng về sau có hai điều làm chúng cháu cay đắng, nhục nhằn quá. Là hồi tháng Một năm ngoái, chúng cháu mới gặt xong tay, là đảng gọi họp, bảo chúng cháu đấu ruộng, đấu trâu vào, làm chung. Bố thằng cháu có ý kiến xin cứ để cho ai làm của nấy (vì chả nói ông cũng biết, chúng cháu cấy ít mới làm tốt được, tám sào ruộng nhà cháu là khóm lúa cứ như khóm lúa nếp cả ấy ông ạ) nhưng anh cán bộ giận dữ, buộc là bố cháu phản động, bảo vệ tư hữu (khốn nạn, chúng cháu có mấy sào ruộng quên thì tư hữu, tư hiếc gì!). Bố cháu có nói muốn làm lấy tốt để cho mấy đứa cháu mỗi đứa một tí, gọi là thơm thảo của cha của mẹ chúng nó, thì anh cán bộ bảo cháu cụ Hồ đã có đảng, có Bác.

- “Sau rồi nghe chừng bố cháu buồn bực lắm, mà những nhân dân (!) khác cũng thế, anh cán bộ mới bảo nhân dân về thảo luận với các con, cháu xin chúng nó có bằng lòng lấy ruộng gia tài không. Bố cháu bằng lòng ngay, những tưởng các cháu

VĂN HỌC MIỀN NAM

nó đại, bảo chia ruộng cho chúng nó thì chúng nó mừng. Nào ngờ bố cháu vừa hỏi chưa dứt câu, cái thằng Nhớn nhà cháu này- người đàn bà chỉ đứa nhỏ, chừng tám tuổi, mắt ráo hoảnh, mặt căng căng- nó đã bảo ngay “ bố bần thiêu, ù lì, ngoan cố”. Bố cháu giận quá, có đánh nó mấy cái khế, thế mà nó lu loa lên rằng áp bức nó, cấm đoán nó, không cho nó làm cháu cụ Hồ. Nó lại còn đi báo cáo cho ban xã cảnh cáo bố cháu, là chúng cháu có để nhưng chính đảng với Bác nuôi, nên từ nay phải hòa bình (!) với nó. Thế là bố cháu đợi đến đêm hôm ấy thấp hương van với ông bà ông vải, rồi cuối canh Ba cuốn gói đi ngay”.

Người đàn bà nói đến đây liếc nhìn thằng Nhớn. Mặt nó trân tráo, đáng ghét quá. Tôi khẽ hỏi, thì bà cho biết vợ chồng phải lừa nó ngủ, lấy giẻ nhét vào miệng rồi trói nó lại mà xé rào, vừa cõng em nó, vừa khiêng nó đi trốn (vì thế không đem theo được tí đồ đạc nào hết). Tôi ngạc nhiên, sao vợ chồng bà không để nó lại:- “Cái đồ bất hiếu bất mục ấy, đem nó đi làm gì?”. Nhưng bà ta đã trả lời ngay tôi rằng “ nước mắt bao giờ cũng chảy xuôi”, rằng “cháu nó đại, nghe người ta dụ dỗ, rồi bố cháu sẽ khuyên can cháu”

Lời nói đi thẳng vào đáy lòng khiến cho tôi cảm động. Bao lâu nay quen dùng kỹ thuật để diễn tả tâm tình tế nhị, thiết tha, nhưng rồi ren, giảng mắc, tôi ngạc nhiên thấy cả một bầu trời cao rộng và xanh trong của tình yêu hồn nhiên, giản dị.

Tôi thành thực hổ thẹn, phải nhận rằng bao nhiêu học hành, bao nhiêu từng trải, chỉ làm cho tâm hồn tôi càng ngày càng thêm suy yếu. Tâm hồn tôi đâu còn có khả năng thương yêu một cách trọn vẹn đến thế? Và lòng tin trong tôi không đủ, khiến cho đối trước tương lai, tôi phải đặt ra bao nhiêu câu hỏi không thể trả lời. Tôi thật không bằng người đàn bà chẳng bao giờ nghĩ rằng con cái có bổn phận phải yêu thương và hy sinh ngược lên cho cha mẹ. Tôi học ở trường “hoài nghi” của tinh thần Pháp, hôm nay thật sùng sảng vô ngần khi nhận thấy trên đời quả nhiên có những tâm tình “yêu không đòi yêu lại”.

Tôi lại còn được những bài học khác. Bài học về sự khiếp nhược của chúng ta trên đường đời. Chúng ta nhìn về tương lai, tính đếm lợi hại, không lúc nào không cần đến sự giúp đỡ bên ngoài: Nào là sự bảo trợ của một chính quyền dân chủ, nào là quyền tự do cá nhân, nào là cơ sở kinh tế bắt đầu xây dựng. Cuộc sống của chúng ta là một chuỗi dài những điều kiện. Chúng ta quá nhiều tự ti mặc cảm, so sánh với gia đình nông dân kia, đi chỉ đem theo được có hai thứ vốn liếng: Một là lòng tin ở mình và ở đồng bào mình, rằng đi bất cứ đến đâu cũng có những người tốt; hai là lòng tin ở trời, “trời sinh voi, trời sinh cỏ”, tin ở trời mà thật ra là chắc bằng vào sức khỏe với đức tính cần cù, kiên nhẫn và chịu đựng của mình.

Sự thật hết sức rõ rệt, là nếu chúng ta ở vào địa vị họ, trong một ngàn người chưa dễ có một người đã dám đi tay không như họ. Tôi đã nói: Vì đời sống của chúng ta phụ thuộc nhiều quá vào những loại vật chất phù phiếm mà chúng ta tưởng rằng không có không được. Có lẽ chính vì thế mà chúng ta không tìm thấy Lẽ Sống. Lẽ Sống hình như phải là định nghĩa của những hoạt động nhất định thiết yếu của con người, là lao động, tin yêu, và sáng tạo. Lao động để bảo vệ lấy bản thân mình, có bảo vệ được bản thân mình chắc mạnh mới có tin yêu vạn vật quanh mình, có tin yêu vạn vật quanh mình thì sự sáng tạo, để truyền tiếp nòi giống, truyền tiếp những vẻ đẹp của Vũ trụ và loài Người, lúc đó mới thật có nghĩa lý.

Thân ái Trung,

Tôi nhiều lần len lỏi giữa đám đông những người nông dân ra đi để tìm hiểu họ hơn nữa. Trên bãi xi măng các phi trường Bạch Mai, Gia Lâm, có những tốp người quần nâu áo vá chen nhau tránh nắng dưới bóng những chiếc Dakota hay Nord-Atlas hai thân. Sự hạnh ngộ không thiếu ý nghĩa sâu sắc, đối với ai kia mới ngày này tháng trước, thoáng nghe tiếng máy bay âm ì đã mau mau xuống hầm, xuống hồ, âm bây giờ sắp

VĂN HỌC MIỀN NAM

trèo vào bụng của chính những con chim dữ tợn ấy, để ngòi vào đúng những chỗ đặt bom, mìn, mắc đạn, làm một chuyến đi suốt đời không bao giờ mơ tưởng.

Sự hạnh ngộ này, tôi hoảng nhiên thức tỉnh, là cả một cuộc đảo lộn của lịch sử. Có viên sĩ quan phi công Pháp quặt tay ra sau lưng để làm thang cho một em nhỏ trèo lên vai, rồi truyền sang ngòi thu lu trên bánh xe kép của chiếc Nord-Atlas. Lớn, bé, với tất cả số đồng bào ngòi quanh đây, cùng nhau vui cười hi hã. Cuộc đảo lộn thật rõ rệt: Giai đoạn thực dân đã hết, giai đoạn sau đã bắt đầu bằng những chuyến đi tập trung vào miền Nam của những người chống Cộng.

Tôi viết “ giai đoạn sau... chống Cộng”, viết xong mới ý thức được rằng, từ trước đến nay, chúng ta quả thực chưa từng có một mặt trận và một giai đoạn chống Cộng. Không kể mặt trận trò hề Tâm, Hữu, những con người yêu tự do, những con người tiểu tư sản đã có lần nào họp được nhau thành tập thể có trách nhiệm hẳn hoi trước lịch sử?

- Chưa có, nhưng sẽ có, vì phải có. Vì Nam Việt là cứ điểm cuối cùng của chúng ta, nếu chúng ta không muốn có ngày biến thành đồ vật. Và lại, chính Cộng Sản đã dồn vào Nam-Việt hàng trăm ngàn đồng bào từ này phải bầu vú lấy nhau để sống. Cộng Sản, khi thắng Pháp bằng chiến tranh, không ngờ đã hoàn bị cho người tiểu tư sản một đoàn quân cảm tử. Một đoàn quân, từ nay là cái nhân mãnh liệt trong cái quả dân tộc. Một cái nhân, vốn là cái quả của kháng chiến.... Nếu chúng duy tâm, sẽ cố nhiên cho rằng Đạo Trời huyền bí, yếu mà được, mạnh mà thua là như thế.

Nhưng chưa chắc chúng ta đã duy tâm, cũng như chưa hẳn chúng ta đã duy vật (bôn-sơ-vích). Chúng ta hay biết cứ nhận chân một sự kiện cụ thể, nó chứng minh rằng sau ba, bốn năm phân ly kẻ bị mê hoặc, kẻ bị đàn áp tàn nhẫn, thì bây giờ đồng

HUYỀN ÁI TÔNG

bào nông thôn, nền móng của xã hội ta, đã lại trở về với trí thức.

Tôi muốn thú nhận với Trung rằng, ngay lúc này, trong tâm hồn tôi tràn đầy một viễn tượng tương lai rực rỡ. Những người bạn trẻ của tôi đã rời khỏi Hà Nội, người đi Pháp, đi Mỹ, người vào Nam, mỗi người nắm trong tay một kế hoạch cho những ngày sắp tới.

Họ đến thăm tôi để từ biệt, không ai quên nháy một mắt và hất đầu một cái không đầu, để tỏ vẻ đồng tình một cách khoái trá. Riêng tôi còn ở lại, hàng ngày đi tiễn những người lên máy bay không quen biết, nhưng cũng từng đêm ra ngồi trên bờ Hồ Guom, lắng nghe tiếng im lặng của cảnh vật, của ánh đèn tan trên mặt nước, và của cả bóng đen u uẩn dải quanh Hồ.

Lòng hỏi lòng, tôi thấy mình như con ngựa mệt mỏi dọc theo lối mòn kháng chiến quanh co, nay ra đến con đường mới vừa thẳng vừa rộng, thốt nhiên đâm sợ. Sợ, nhưng cũng có mừng: Đàn ngựa trẻ đang phóng lên nước kiệu ... Tôi linh cảm Việt Cộng lại đương nhằm, nhằm ở chỗ đáng giá anh em ta quá thấp.

Tôi chấm hết thư ở đây, bằng một điểm hy vọng. Đừng trách nhau chủ quan. Hai mươi năm triệu cái chủ quan sẽ làm nên lịch sử, nghe đâu tôi đã viết thế cho Trung, trong bức thư thứ nhất, để bên vực một ý muốn lạ đời: ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ.

Hải Phòng,

Ngày 1 tháng 8, năm 1954, viết hết.

Trong bài viết Kỷ niệm về Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Triệu Nam đã viết:

Trước ba mươi tháng Tư 75, tôi tiếp xúc với Nguyễn Mạnh

VĂN HỌC MIỀN NAM

Côn nhiều hơn, thường xuyên hơn là với mọi văn hữu khác. Một thời, anh chủ biên tờ Chỉ Đạo, cơ quan ngôn luận của Người Việt Tự Do Chống Cộng. Tôi là bình bút. Khi tờ báo này được giao cho Nha Chiến Tranh Tâm Lý (tiền thân của Cục Tâm Lý Chiến) thì anh là cộng sự viên. Hồi đó, tôi phụ tá cho chủ bút Kỳ Văn Nguyên, đặc trách biên tập.

Nguyễn Mạnh Côn là một văn sĩ có chân tài. Kiến thức phong phú. Bút pháp linh thông. Văn phong bình dị, trong sáng. Văn mạch sung mãn, bất tận. Văn thái chuyển biến linh hoạt theo từng tình huống. Khi cần thì viết như một nhà thông thái, hoặc như một nhà phân tâm học. Tuy vậy vẫn mang tính đại chúng, dễ hiểu. Nơi anh, có một đặc điểm nổi bật. Là hay khai dụng đề tài khoa học để lung khởi, đẩy đưa câu chuyện. Do đó, độc giả, dầu muốn dầu không cũng phải lưu tâm đến nội dung của chủ đề chính. Chẳng hạn như truyện Bán Linh Hồn Cho Quỷ được mở màn bằng mấy ẩn số toán học. Hơn nữa, anh hay viết về khoa học giả tưởng. Một cách sáng tạo, độc đáo. (.....)

(....) Dứt câu, nó hất hàm cho tên quản giáo đứng gần đó. Tên này bèn gọi một thằng tròng giới vào, cho anh ném đòn phủ đầu. Rồi anh bị tống vào kiên giam. Tại đây, cứ hai tù nhân một cặp đầu lưng vào nhau mà quỳ trên hai ô vuông gạch bông. Quỳ mà động não, suy nghĩ. Quỳ xong là viết kiểm điểm. Viết xong lại quỳ. Rồi viết tiếp, khai cho bằng hết. Sau này, có một tên cán bộ văn hóa trung cấp ở Sài Gòn, chỉ vì “thiếu cảnh giác” hay vì “sơ hở sao đó” đã tiết lộ với báo chí nước ngoài khá nhiều về Nguyễn Mạnh Côn. Trước hết là Nhà văn của chúng ta đã không đáp ứng đúng yêu cầu của Cách mạng. Anh chỉ ôn lược những việc đã làm. Kể lại nội dung từng sáng tác. Chớ không tự lên án mọi hoạt động nói chung của mình. Có nghĩa là anh không nhận tội. Một tên quản giáo nó hỏi anh:

- Mà viết phản động đến như vậy mà còn cho là không có tội ư? Vậy mà có biết rằng Cách mạng chỉ giam giữ mày một thời gian nào đó thôi, rồi tha cho mày về hay không? Chứ giữ

HUYỀN ÁI TÔNG

mày ở lại làm cái gì cho tốn cơm, tốn gạo.

- Vậy các ông muốn tôi phải làm gì đây? Nguyễn Mạnh Côn hỏi tên cán bộ nọ.

- Sẽ có người hướng dẫn cho mày. Y nói xong là bỏ đi.

Hôm sau, có một tên làm dịch vụ đã thông. Nom lạ hoắc. Không biết gã ta hành nghề ngỗng gì ở ngoài đời. Gã cầm trên tay một bịch ni lông trong suốt. Cố ý giơ lên cho đối tượng nhìn thấy bên trong có những gói mỏng, nhỏ. Thì ra là thuốc phiện quết, cô lại. Như thể thuốc cao. Chỉ nuốt chừng, xài đỡ khi thiếu bàn đên. Gã lải nhải bên tai Nhà văn một chập lâu. Đại ý thuyết phục như vậy:

- Anh nên thành thật viết một bài kiểm điểm nhận mình có tội. Giờ, ăn năn hối hận, hứa với Đảng sẽ đổi mới tư tưởng, sẽ chuyển hướng sáng tác. Nếu anh chịu tuân hành nghiêm chỉnh pháp lệnh của Nhà nước thì chắc chắn anh sẽ được trả tự do đúng thời hạn. Thuốc đây, hãy xài tạm, hậu phục hồi sự minh mẫn cho trí óc. Đừng khí khái hão mà chuốc họa vào thân, làm khổ cho vợ con. Ngộ biến tòng quyền là cách xử lý khôn ngoan của người biết tùy thời, lựa thế mà sống, anh ơi! Gãy còm, tong teo như anh, chịu đòn sao thấu...

Nguyễn Mạnh Côn thẳng thắn đáp:

- Ông cứ việc báo cáo lại với chúng nó về tất cả những điều tôi nói. Tôi không tôn thờ cái chủ nghĩa cộng sản mà tôi đã đi xuống chân ấy được. Tôi không bẻ cong ngòi bút, tôi không làm văn nô được. Đừng hòng dùng á phiện mà lung lạc tôi.

Việc gì phải đến đã đến. Nhà văn của chúng ta đã tự sát. Bằng

cách nào, không nghe ai bộc tiết. Chỉ biết, trước ngày anh quyền sinh, anh gặp trưởng Trại mà hỏi y:

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Cách Mạng công bố là chỉ giam tôi có thời hạn. Sao đã quá hạn mà không thả?

Tên cai ngục cười gằn mà bảo:

- Nói dễ nghe nhỉ? Mày ngoan cố quá, cứng đầu quá mà. Mày có chịu nhận tôi đâu mà đòi Nhà Nước tha cho mày.

Kẻ thù chưa kịp hạ thủ Nguyễn Mạnh Côn thì anh đã tự tìm cho mình cái chết rồi. Anh đã chết vinh. Anh đã bảo toàn được danh dự và tiết tháo của kẻ sĩ. Là mọi kẻ sĩ uy vũ bất năng khuất, anh đã không “lạc đường vào lịch sử” như một nhân vật trong truyện anh viết. Trái lại, anh đã đi thẳng vào lịch sử với tư cách một chiến sĩ tiên phong chống cộng trên mặt trận văn hóa.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Mạnh Côn Web: vi.wikipedia.org

- Nguyễn Mạnh Côn Web: saigontimesusa.com

36) Nguyễn Mộng Giác



Nguyễn Mộng Giác (1940-2012)

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác sinh ngày 4 tháng 01 năm 1940 tại Xuân Hòa, huyện Bình Khê, bây giờ đổi thành huyện Tây

HUỶNH ÁI TÔNG

Sơn, tỉnh Bình Định. Thời kháng chiến chống Pháp 1946 đến 1954, ông học tiểu học và trung học tại vùng kháng chiến. Sau Hiệp định Genève 1954, tiếp tục học tại trường Trung học Cường Để ở Quy Nhơn, trường Võ Tánh ở Nha Trang, rồi học năm chót của bậc trung học tại trường Chu Văn An, Sài Gòn.

Năm 1963, ông tốt nghiệp thủ khoa Đại học Sư phạm ban Việt Hán tại Huế. Ông dạy tại trường Đồng Khánh, Huế hai niên khóa, rồi đổi vào Quy Nhơn làm hiệu trưởng trường Cường Để, rồi làm Chánh sở Học chánh tỉnh Bình Định cho đến năm 1974 vào Sài Gòn làm chuyên viên nghiên cứu giáo dục tại bộ Giáo Dục.

Bắt đầu viết văn năm 1971, đã cộng tác với các tạp chí Bách Khoa, Văn, Thời Tập, Ý Thức.

Năm 1974, được giải thưởng của Trung tâm Văn bút Việt Nam, về truyện dài *Đường Một Chiều*.

Năm 1981, vượt biên tị nạn qua ngả Nam Dương, đến định cư tại Hoa Kỳ cuối năm 1982.

Ở hải ngoại đã cộng tác với các báo Đồng Nai, Việt Nam Tự Do, Người Việt, Văn, Văn Học Nghệ Thuật. Chủ bút tạp chí Văn Học, California, Hoa Kỳ, từ 1986 đến tháng Tám /2004.

Định cư tại thành phố Westminster thuộc quận Orange, California, ông mất ngày 2 tháng 7 năm 2012, thọ 72 tuổi.

Tác phẩm:

1. Xuất bản tại miền Nam trước năm 1975:

- *Nỗi băn khoăn của Kim Dung* (Văn Mới, 1972)
- *Bão rớt* (Trí Đăng, 1973)
- *Tiếng chim vườn cũ* (Trí Đăng, 1973)

VĂN HỌC MIỀN NAM

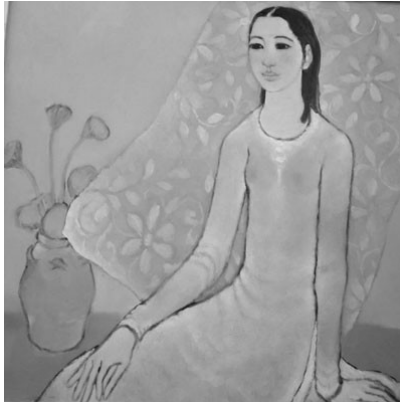
- *Qua cầu gió bay* (Văn Mới, 1974)
- *Đường một chiều* (Nam Giao, 1974)

2. Xuất bản ở hải ngoại:

- *Ngựa nắn chân bon* (Người Việt, 1984)
- *Xuôi dòng* (Văn Nghệ, 1987)
- *Mùa biển động* (Văn Nghệ, gồm tất cả 5 tập)
- . *Những đợt sóng ngầm* (1984)
- . *Bão nổi* (1985)
- . *Mùa biển động* (1986)
- . *Bèo giạt* (1988)
- . *Tha hương* (1989)
- *Sông Côn mùa lũ* (4 tập, viết từ năm 1977-1981)
- *Nghĩ về văn học hải ngoại* (Văn Mới, 2003)
- *Bạn văn, một thuở...* (Văn Mới, 2005)

Trích văn:

Giếng Ước



Tranh Nguyễn Trung

Hiệu phở buổi sáng thứ tư vắng vẻ hơn những hôm khác. Tôi chọn cái bàn ở góc phòng, nơi có thể nhìn được qua lớp cửa

HUYỀN ÁI TÔNG

kính những người khách sắp tới. Người bồi bàn bỏ quây tính tiền đến hỏi:

- Cần thứ gì đây ?

Giọng anh ta cố làm ra thân mật tự nhiên, như hai người bạn đã thân từ lâu nói chuyện với nhau. Anh ta trạc tuổi tôi, khuôn mặt trắng trẻo, để ria mép, đôi mắt biết cười. Tôi đáp:

- Tôi còn chờ một người bạn nữa. Cho tôi một tách cà phê sữa nóng trước đi!

Anh ta gật gù. Tôi không hiểu anh ta gật gù vì cái gì. Một lúc dường như không tìm được câu nói nào hợp cảnh, anh ta thân mật hỏi:

- Filtre nhé ?

- Vâng, tôi còn nhiều thì giờ.

Người bồi bàn kiêm thu ngân viên (hay là thu ngân viên kiêm bồi bàn?) quay gót. Tôi có nhận xét là cách tiếp khách của những người bồi bàn ở hiệu ăn Tàu khác hẳn cách của các bồi bàn Việt. Ở tiệm Tàu, có thể người bung hủ tiếu hoành thánh ra chính là ông chủ của một dãy các hiệu ăn, tiền 100 đô đốt đi không hết. Nhưng khi làm bồi, ông ta đóng trọn vai trò một người bồi bàn. Ông ta xem thực khách là vua, khép nép nhún nhường trước khách hàng. Vâng dạ tíu tít. Cái gì cũng gật. Quả ớt ngọt? đúng lắm anh Hai! Trái cam cay? Thưa phải! Không có gì cay hơn cam, cay hơn cả chili Mê, hơn cả kim chi Đại Hàn! Cái gì cũng “hầu ló” miễn là trả tiền đủ! Ở cái tiệm ăn Việt Nam, không hề có các điều đó. Người bung phở muốn chứng tỏ cho khách biết mình chỉ tạm thời làm công việc này như một chuyện chẳng đáng dừng, trong quá khứ họ không hề động tay đến bếp núc. Và tương lai thì chắc chắn không thể hạ

VĂN HỌC MIỀN NAM

mình làm việc này. Thực khách là bạn, là người chịu ân, người được hân hạnh có một “bậc” một “đấng” tạm thời ần ần hân hạ. Câu hỏi đầu lưỡi để lấy “order” luôn luôn có vẻ kẻ cả, bất cần.

Mười phút sau, người bồi bàn bung tách cà phê tới. Ở quầy râu ngân, đã có một bà trạc 30 tuổi trang điểm kỹ càng, tóc búi cao ngự ở đó rồi. Tôi nghĩ: “Anh không phải ông chủ, không phải râu ngân viên. Nhưng cũng không hề muốn người khác xem mình là bồi bàn. Thôi được! Cũng là bồi bếp một lũ như nhau, khỏi cần sắc mắc làm gì!” Tôi hỏi băng quơ làm quen:

- Sáng nay vắng khách nhỉ?

Anh bồi bàn vỗ vai tôi:

- Mười giờ sáng thứ tư. Chỉ có mấy tương thất nghiệp như anh tới đây thôi! Tìm chưa ra việc hả?

Tôi gật. Anh ta hỏi:

- Ông bạn tới chưa?

- Bạn nào ?

- Anh vừa bảo đang đợi một người bạn nữa.

Tôi trực nhớ tới Toàn:

- Ồ phải! Chắc hẳn sắp tới!

Người bồi bàn nói:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Lại một tướng thất nghiệp khác.

- Vâng.

Bà chủ ở cuối phòng gọi lớn: “Có khách tới” với giọng lạnh lói. Người bồi bàn vội vã tiến về phía cửa hiệu đón cặp vợ chồng già vừa vào.

Tôi đợi Toàn gần một giờ. Uống hết tách cà phê sữa, đốt nửa bao thuốc Chesterfield, suýt gọi phở để ăn cho xong rồi về, thì Toàn mới lò dò đến. Toàn xin lỗi rồi rít:

- Định gọi điện thoại cho ông nhưng không đổi được tiền xu để bỏ vào máy. Chờ lâu không?

Tôi nhìn đồng hồ, hơi mĩa mai:

- Sơ sơ một giờ đồng hồ thôi!

Toàn kéo ghế ngồi xuống, xoa tay nói:

- Thì giờ rộng rãi, hãy tiêu hoang như triệu phú đi. Không có tiền để tiêu thì hãy tiêu thì giờ.

- Ông uống gì ?

- Cái gì cũng được.

- Cà phê ở đây tệ. Khét và nhạt.

- Từ sáng tới giờ tôi nốc ba ly cà phê rồi. Này anh (Toàn ngoắc anh bồi lại). Cho tôi một tô phở đặc biệt và một chai Coors.

Người bồi bàn nghiêm mặt như ông quan tòa:

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Không được phép uống rượu tại đây !

Toàn cãi:

- Bia không phải là rượu. Thôi được! Cho một ly nước chanh vậy.

- Chỉ có Seven Up chứ không có nước chanh !

- Thôi được, cho Seven Up.

Toàn lắc đầu, nhìn theo người bồi bàn, hỏi tôi:

- Ông tới số hay sao mà chọn cái quán kỳ dị vậy?

Tôi cãi:

- Nhưng phở ngon. Tới đây ăn phở chứ không phải để nghe một điều “yes, sir”, hai điều “yes, sir”. Vả lại, ông nên bớt rượu chè đi! Lo sống đang hoàng đế còn “làm lại cuộc đời!”

Toàn ngớ ngàng nhìn tôi, chưa hiểu tôi nói đùa hay nói thật. Nét mặt anh đổi:

- Phải, nên “làm lại cuộc đời”. Nghe thê thảm chẳng khác gì cô Kiều sau mười lăm năm lưu lạc quyết giữ sạch nợ trần. Ô, ông kêu gì ăn đi chứ!

Tôi gọi thêm một tô phở tái. Anh bồi cần nhần tại sao không gọi luôn một thể cho anh khỏi đi lại nhiều bận. Toàn nổi câu hỏi:

- Anh là bồi bàn hay là cha mẹ chúng tôi?

Thế là hai bên bắt đầu cãi vả nhau. Tôi và bà chủ hiệu phở can

HUỶNH ÁI TÔNG

cả hai phía. Toàn dẫn tức giận ngồi xuống bàn, lẳng lẳng ăn phở rồi bỏ ra bãi đậu xe trước. Tôi ngồi lại nghe lời phân trần của cả bà chủ lẫn anh bồi, xin lỗi giùm Toàn đôi lời để giữ hòa khí, rồi mới đi. Tôi trách Toàn:

- Ông điên rồi !

Toàn bậm môi không nói gì. Tôi hỏi:

- Bây giờ đi đâu ?

- Đi đâu cũng được, miễn không còn phải thấy bản mặt của một con người nào hết! Lên núi đi!

- Năng bỏ mẹ mà đòi lên núi. Xuống biển cho gần.

- Cũng được. Ông đi xe tôi.

Tôi ái ngại:

- Xe ông không có bảo hiểm, tay lái nặng chình chịch, ớn quá!

Toàn không nói năng, mở cửa xe, đề máy, rồi chồm người mở cửa phía tay phải chiếc xe cho tôi lên. Chiếc xe gầm gừ một lúc, khói tỏa mù tiếng nổ mới hết khục khặc như người suyễn. Toàn lái xe ra đường, nhưng không chạy về phía biển. Tôi hỏi:

- Ông đi đâu vậy?

- Xuống biển.

- Xuống biển sao lại chạy ngược ngả này.

Toàn thân nhiên đáp:

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Mùa này học trò nghỉ hè, xuống bãi biển khác nào đi dạo chợ bán da người. Tôi chờ ông tới một bãi biển hoang, chỉ có cát, nắng, và mỏm đá có hào bám.

Tôi chán nản bảo:

- Điên hay sao mà tới mấy chỗ khi họ cò gáy áy vào giờ này. Lớ xớ mấy ông đội xếp Mỹ tưởng hai thằng “gay” thì bỏ mẹ!

Toản không đáp lời tôi, lặng lẽ lái đúng luật tốc lực tối đa 55 dặm giờ trên xa lộ 5, chạy về hướng San Diego. Đến một khoảng đồi trọc, Toản dừng xe lại. Tôi hỏi:

- Có trục trặc gì vậy ?

- Không. Mình xuống đây.

- Xuống đây làm gì ?

- Đi vào trong kia có đường mòn dẫn xuống bờ biển.

Tôi cần nhân:

- Hai thằng đực rựa mà bỏ công phu tìm khúc biển vắng thế này, không là dân “gay” cũng là những thằng trốn nhà thương điên ra. Chán ông quá!

Nói thế nhưng tôi vẫn đi theo Toản, lòng hơi tò mò, muốn biết ông bạn định giờ trò gì nữa.

Qua khỏi một ngọn đồi thấp cỏ áy, lại phải lội một quãng lầy nước lên đến mắt cá mới tới chỗ giáp múi hai ngọn núi cây cối um tùm hơn. Ở khe núi, có một con suối cạn nằm dưới một cái thác nhỏ đã khô. Dấu vết còn lại là những mảng rêu nâu bám trên sườn đá dựng thẳng và một vũng nước trong và cạn ở ngay

HUYỀN ÁI TÔNG

chân thác. Hơi nóng tỏa từ vách đá át cả hơi mát từ biển xanh thổi vào. Tôi nói :

- Vườn Địa đàng của ông đây phải không?

Toản không đáp, chạy lại chỗ vũng nước quỳ xuống cố tìm vật gì. Tôi ngăn:

- Uống nước tù nguy hiểm lắm. Ông muốn tự tử hãy tìm cách khác.

Toản ngừng lên, ngoắc tôi lại:

- Ông đến tìm giúp tôi đồng xu coi !

- Đồng xu gì ?

Toản chờ tôi tới gần, trở về phía bên kia vũng nước:

- Ông tìm giùm phía bên kia. Đừng thọc tay xuống, nước bị khuấy đục, khó tìm. Chỉ lấy mắt mà dò. Lâu ngày bùn và lá mục phủ lên, khó tìm, nhưng cố thử xem.

Tôi chăm chú nhìn kỹ đáy vũng nước. Vài chiếc lá mục nằm lẫn lộn giữa một lớp bùn nâu hiện rõ dưới làn nước trong, nhưng không thấy xu xiết gì cả. Tôi mỏi tay và hoa mắt vì chói nắng, bực dọc bảo:

- Thôi! Chạy theo cái trò điên của ông như thế đủ rồi. Đi về!

Đột nhiên Toản reo lên hí hửng:

- Đây rồi !

Toản sẽ sàng nhẹ nhẹ đưa bàn tay vào vũng nước như sợ làm

VĂN HỌC MIỀN NAM

đau khối nước bình yên, dùng hai ngón tay nhón lên một đồng 25 xu rỉ xám vì bị ngâm nước lâu ngày. Tôi tò mò hỏi:

- Kỷ niệm cuộc tình thứ 101 của ông phải không?

Toản hớn hờ khoe :

- Vậy là có chuyện vui cho con bé Mai nhà tôi cuối tuần này rồi. Ông muốn ở lại tắm biển hay đi về?

Thấy Toản chỉ muốn về, tôi đáp ngược:

- Đã xuống đây thì phải tắm biển. Điên sao mà về liền khi chưa nhúng chân xuống nước mặn!

Toản xịu mặt, nhưng đành phải theo tôi đi lần theo khe núi, xuống một doi cát ngắn và hẹp nằm giữa những hòn đá lờm chờm xác hàu. Biển xanh ngấn ngắt. Và hiu quạnh lạ lùng!

Chúng tôi tắm nắng trên mặt cát không có vết chân người, nhàn nhã như hai ông tỉ-tỉ-phú cỡ Aristotle Onassis nằm tắm nắng trên một hòn đảo mua riêng để mỗi năm ghé máy bay trực thăng lại phơi da một lần. Tôi bắt đầu thấy khoái mùi thơm trinh nguyên của cát ấm, gió biển và rong rêu bị sóng đẩy giạt lên bờ, nằm lim dim tận hưởng ảo giác Kha Luân Bố tìm ra Mỹ châu. Toản thì lại có vẻ bứt rứt không yên. Thật lâu, không dần được nữa, Toản hỏi:

- Sao ông chẳng hỏi tôi chuyện gì cả ?

- Có gì đâu mà hỏi ?

- Chuyện đồng xu.

Tôi cười, bây giờ mới xoay người nằm nghiêng nhìn Toàn:

- Chuyện điên điên dớ dẩn của ông nghe chỉ thêm mệt!

Toàn tức giận:

- Sao ông biết là chuyện điên. Ông không muốn nghe thì thôi!

Tôi khích :

- Ừ, nằm yên hưởng nắng gió một chút, rồi về !

Toàn đành nằm yên một lúc nữa, độ mười phút. Cuối cùng anh ta xuống nước:

- Không kể cho ông nghe tôi chịu không được. Cứ âm ức trong lòng.

Tôi không nỡ đùa dai thêm nữa. Chúng tôi nằm nghiêng quay mặt vào nhau. Toàn nói:

- Hồi sáng đến trễ hẹn với ông chỉ vì cãi nhau một trận trên điện thoại với thằng khốn nạn đó. Tôi không hiểu nếu mặt giáp mặt với nó, tôi có đủ can đảm phun ra chừng ấy câu độc địa hay không. Nếu nó không cúp, tôi còn nói nữa!

- Thằng nào vậy ?

- Ông hỏi đùa hay thành thật không biết ?

- Làm sao tôi biết hết những người ông cãi cọ với họ. Tính ông hay cáu, một ngày cãi với bao nhiêu người! Làm sao...

Toàn ngắt lời tôi :

- Nhưng không bao giờ tôi gọi những người tôi cãi cọ với họ là “thằng khốn nạn”. Trừ hắn. Tôi biết ông biết rõ, hoặc cũng đã nghe bạn bè xầm xì về chuyện gia đình tôi, nên đã hiểu hắn là ai. Thôi! Hắn không đáng được nhắc tới. Mà nhà tôi, cũng không nên nhắc tới nữa. Sáng nay tôi nhắc điện thoại lên, bấm số, chỉ vì hy vọng rằng mùa này nghỉ hè, cháu Mai có ở nhà và chính cháu sẽ bốc điện thoại lên, trước khi hắn và nhà tôi chịu ngồi dậy. Nhà tôi đi làm về muộn, về nhà lại còn lo nấu nướng phục dịch cho hắn. Hắn ưa nhậu, khảnh ăn, năng mệt thường ngủ đến 10 giờ sáng mới dậy. Hắn nhậu say, lại còn... nên tôi đoán không thể dậy sớm. Gọi lúc 8 giờ sáng chắc chắn sẽ được nói chuyện với cháu Mai. Nhưng sáng nay xui dễ sợ. Hắn trả lời điện thoại ông ạ. *“Xin lỗi tôi được tiếp chuyện với vị nào đó ạ”*. Ông xem, nó khách sáo rởm không chịu được. Tôi mím môi đáp muốn gặp *“chị Tàn”*. *“Nhà tôi dậy muộn. Xin cho biết quý danh để tôi bảo nhà tôi gọi lại cho ông”*. Máu tôi sôi lên! Cái giọng “ông chủ” đáng ghét quá chừng! Nào là *“nhà tôi”*, nào là *“bảo nhà tôi”*. Trước kia có bao giờ tôi dám xem nàng như một vật sở hữu của mình như thế đâu! Nói hơi cái lương một chút, ông đừng cười, tôi coi nhà tôi như một làn hương thấp thoáng lơ lửng, tôi không dám thở mạnh, không dám nặng tay. Sợ nàng tan đi. Ông nhìn cháu Mai thì biết. Cháu là một thiên thần. Cháu là hình ảnh tôi nhìn nhà tôi. Ông đừng cười mỉa! Ừ, nhà tôi bên ngoài có vẻ tháo vát, thực tiễn, mạnh khỏe, phàm tục, thứ gì cũng được. Nhưng qua mắt tôi, nhà tôi đúng y như cháu Mai. Mảnh khảnh, yếu ớt, buồn rầu, mơ mộng, lơ lảo, chói với. Những thứ đó tôi đọc được hết trong đôi mắt của cháu mỗi cuối tuần, khi tôi được phép đến đón cháu đi chơi.

Tòa cho phép nhà tôi được tiếp tục nuôi cháu. Việc ấy tôi không kêu ca gì. Trẻ con sống với mẹ vẫn hợp tình hợp lý hơn sống với cha. Chưa kể mọi sự đổ vỡ phần lớn do tôi. Trong bảy ngày mỗi tuần, tôi còn được cái ân huệ đón cháu đi chơi trọn

HUYỀN ÁI TÔNG

ngày thứ bảy, sáng chủ nhật trả cháu về, như vậy công bằng. Nhưng điều khổ tâm cho tôi, là cứ áy náy thắc mắc trong sáu ngày còn lại, có thể hẳn cố giờ hết mảnh khõe mua chuộc tình thương của cháu Mai. Hẳn có nhiều cơ hội và thì giờ hơn tôi để làm việc đó. Tôi chưa bao giờ mặt đối mặt với hẳn, nhưng qua điện thoại, tôi biết hẳn nói khéo. Bọn bè tôi, trừ ông là kín đáo không nhắc tới, đều nửa đùa nửa thật bảo hẳn đẹp trai hơn tôi, nhã nhặn hơn tôi. Tôi mất năng, nhưng không thể để mất cháu Mai được.

Tôi âm thầm ganh đua với hẳn để chiếm tình thương của cháu. Mỗi tuần, đến chiều thứ sáu, tôi không yên tâm làm được gì cả. Tôi bứt rứt đi ra đi vô, phác họa một chương trình giải trí thật vĩ đại cho cháu. Chương trình lại phải thay đổi cho cháu khỏi nhàm. Hai tuần trước, tôi dẫn cháu xuống tận đây!

- Thật à? Cháu có đòi về ngay lập tức khi tới chỗ khi ho cò gáy này không?

Giọng Toàn đầy kiêu hãnh :

- Không đòi nào! Tôi vạch ra cả một “kế hoạch”, chuẩn bị đầy đủ mọi thứ, cháu chán sao được. Tôi bảo cháu hai cha con mình chơi trò Kha Luân Bố tìm ra châu Mỹ. Cháu hỏi Kha Luân Bố là ai, tôi trực nhớ mới nói tới Columbus. Cháu cãi là Columbus chỉ phiêu lưu tìm đất lạ có một mình cùng với thủy thủ đoàn chứ không dẫn theo con gái. Tôi bảo sử chép sai, thế mà cháu vẫn tin ông ạ! Tôi chuẩn bị mang theo cả hai bộ quần áo cũ, con dao, và mớ bông gòn, chai xăng để dùng đá nhúm lửa nướng hot dog, dùng dao chặt cây làm lều lá y như thời trước. Cháu nó thích quá, chạy nhảy, nô đùa, hò hét, tắm biển suốt cả buổi sáng. Buổi chiều, chúng tôi giả vờ làm những kẻ thám hiểm chống gậy dò từng bước tìm hiểu Mỹ châu. Tôi đi trước, cháu đi sau cười hích hích. Tôi nhắc: “Coi chừng tụi da đỏ. Đừng để cho chúng nó lột da đầu nghe Mai.” Cháu cũng

VĂN HỌC MIỀN NAM

nhắc tôi: “Bố phải giết cho được tù trưởng Wounded Knee. Nhớ cướp cho được con ngựa thực khỏe để hai bố con mình cưỡi nghe bố!” Ông nghĩ xem, tôi bày trò đến cỡ đó thì sáu ngày còn lại kia coi như vứt đi! Một ngày cháu sống với tôi, cháu sẽ nhớ đời!

Gần xé, hai bố con tôi gặp cái thác khô và ngọn suối cạn tụi mình đến lúc này. Đến đây là “phần phụ diễn” ngoài chương trình, ngoài “kế hoạch” của tôi. Chúng tôi mệt nhoài vì leo núi và cưỡi lừa. Mặt cháu bết hồng, hơi tái và nhể nhãi mồ hôi. Tôi bảo cháu ngồi nghỉ một chốc bên “hồ”, rồi trở về chỗ để xe, ngược xa lộ Năm lên Los Angeles ăn cơm Triều châu. Cháu nhìn vũng nước tròn như cái giếng ông với tôi đã thấy, đột nhiên hỏi tôi:

- Bố có đồng xu nào không ?

Tôi ngạc nhiên hỏi :

- Chi vậy ?

- Cho con 25 xu để quăng xuống cái “Wishing Well” này.

Tôi bàng hoàng cảm động ông ạ ! Trẻ con tinh mắt hơn mình nhiều. Phải rồi, những cái “giếng ước” xây tại các thương xá (nơi người ta quăng những đồng 1 xu, 5 xu, 10 xu, 25 xu xuống lòng nước trong róc rách chảy từ các thác giả để cầu nguyện những điều ước ao) có khác nào vũng nước cô độc này đâu. Khung cảnh ở đây lại bao la hơn, gần gũi với Đấng Tạo Hóa hơn. Nếu có một Đấng Tạo Hóa Toàn Năng ẩn mặt bên những giếng ước để lắng nghe những lời cầu xin thành khẩn, thì tại đây, bên cái giếng ước này, xa hẳn tiếng xe cộ, tiếng nhạc rock, tiếng chửi rủa, tiếng mặc cả buôn bán... Ngài phải nghe rõ những lời cầu xin hơn chứ! Tôi lục túi, còn hai đồng 1 xu, một đồng 5 xu, một đồng 10 xu, và một đồng 25 xu. Cháu chọn

HUYỀN ÁI TÔNG

đồng 25 xu, và nhón đồng tiền bằng hai ngón tay như tôi làm lúc này, chồm người cổ thả nhẹ vào giữa mặt giếng ước. Sau đó, cháu quì gối trên nền sỏi, chấp tay lại, lim dim thăm ước.

Ông nhìn được cháu vào lúc đó phải nhận cháu đúng là thiên thần. Cháu chỉ thiếu đôi cánh trắng. Cháu quì như thế khá lâu. Lúc đã ước xong, đứng dậy, tôi hỏi cháu:

- Con ước những gì ?

Cháu không đáp, chỉ hỏi lại :

- Thường thường bao lâu thì có kết quả hờ bố?

Tôi đáp liền:

- Một tuần.

Cháu có vẻ hớn hờ vui mừng. Hai bố con tôi ra về. Tối hôm đó sau khi ăn một bữa cơm Tàu thật ngon ở Anaheim, tôi hỏi cháu có thích đi xem phim không. Cháu bảo thích được về ngủ nhà bố một đêm để sáng mai còn về với mẹ.

Như mọi lần trước, tôi cứ muốn hỏi thăm cháu nếp sống ở nhà bên đó ra sao, nhưng không dám hỏi. Cháu Mai thì tíu tít nháy từ chuyện nọ đến chuyện kia, nên tôi chỉ vô tình chộp được những mảnh rời, ghép lại chưa chắc đúng sự thật. Tôi làm ra vẻ lơ đãng khi hỏi:

- Tôi ở bên đó con ngủ với ai ?

Cháu đáp:

- Con ngủ với Ngân.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Tôi chưa kịp hỏi, cháu đã giải thích:

- Ngân con của “bác” đó bố !

Tôi cảm thấy nóng mặt. Nhưng vẫn cố làm tỉnh hỏi tiếp:

- Ngân nó có thương bố nó không ?

Mai ngẫm nghĩ một lúc, rồi đáp:

- Con không biết. “Bác” không thương Ngân nhiều như bố thương con đâu.

Tôi sung sướng vội hỏi:

- Sao con biết ?

Cháu trả lời đơn giản:

- Vì “bác” không bao giờ cho Ngân tiền cả! Bố này, con kể chuyện này bố đừng mắng con nhé!

- Ủ! Không bao giờ bố mắng con. Chuyện gì vậy?

- Hai đồng bố cho tuần trước, con đã cho con Ngân một đồng rồi.

- Tốt! miễn là đừng tiêu hoang.

- Nó xin, con thấy tội! “Bác” mà biết được, chắc Ngân bị đòn liền!

- Ngân tiêu phí tiền lắm à? Ăn hàng à?

- Không, Ngân nó nói với con là nếu nó để dành được 50 đồng,

nó sẽ “runaway”.

Tôi giật mình hỏi:

- Nó mấy tuổi rồi ?

- Nó bằng tuổi con. Đêm nó khóc hoài, làm con ngủ không được! Nhưng nhiều đêm con cũng làm nó ngủ không được! Thế là hòa !

Cháu cười tự nhiên như kể một chuyện vui. Tôi vừa hạnh diện vì tìm thấy một “điểm xấu” của hắn, lại vừa xót xa cho cháu. Nhiều đêm Mai của tôi cũng khóc trong giấc ngủ trẻ thơ sao? Những tối thứ bảy cháu ở lại với tôi, cháu đều vui tươi hồn nhiên. Đêm nào trong sáu ngày còn lại cháu đã khóc? Đêm chủ nhật nhớ bố? Tôi mong thế!

Phải đợi tới tối thứ bảy tuần rồi, lần đầu tôi mới tận mắt thấy cảnh cháu khóc một mình. Chương trình giải trí cuối tuần vẫn hấp dẫn như thường lệ, cháu vẫn vui đùa như mọi lần. Quá khuya, tôi chợt thức giấc vì nghe có tiếng động lạ. Cháu Mai ngồi hẳn dậy, và thút thít khóc giữa ánh sáng mờ ngọn đèn ngủ 5 watts. Tôi thảng thốt hỏi:

- Sao con khóc ?

Cháu cố nén những cơn uất nghẹn, đáp lại :

- Đúng một tuần rồi bố ơi! Chúa có nghe lời con ước bên “Wishing Well” đâu!

- Nhưng con đã ước gì ?

Cháu đáp thì thào:

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Con ước bố lại sống với mẹ.

Ông ạ, nghe cháu nói thế, tôi choáng váng cả người. Biết nói thế nào với cháu đây! Cuối cùng tôi bảo :

- Mới một tuần, còn ngắn quá con ạ! Chúa có nhiều việc phải lo, con hãy chờ thêm ít lâu nữa!

Cháu nó cứ khóc mãi. Tôi biết cháu không tin lời tôi, lần này là lần đầu!

Cali 12-7-86

(Nguồn: từ tập truyện ngắn Xuôi dòng, nhà xuất bản Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1987)

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Mộng Giác Web: diendantheky.net
- Nguyễn Mộng Giác Web: smashwords.com

37) Nguyễn Nho Sa Mạc



Nguyễn Nho Sa Mạc Nguyễn Nho Bửu (1944-1964)

HUỖNH ÁI TÔNG

Nguyễn Nho Sa Mạc tên thật Nguyễn Nho Bửu. Bút hiệu khác: Nguyễn Thị Liên Phương. Sinh năm 1944 tại La Qua , Điện Bàn ,Quảng Nam .

Có lẽ bài thơ Bài Vàng Lạnh là bài thơ đầu tiên được đăng tạp chí Mai của Hoàng Minh Tuynh.

Từ đó, thơ anh đăng trên các tạp chí Mai, Văn, Bách Khoa, Văn Học ...

Niên khóa 1964, Nguyễn Nho Sa Mạc từ trường Trần Cao Vân Tam Kỳ, ra trường Phan Châu Trinh Đà Nẵng, để theo học lớp độnhất C. Tại đây, anh có thêm một số bạn văn nghệ như nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ, nhà vănVương Thanh, các nhà thơ Hà Nguyên Thạch, Đynh HoàngSa, Thành Tôn, Luân Hoán, Thái Tú Hạp...

Mất sau khi đưa vào bệnh viện cấp cứu, không rõ nguyên nhân, vào tháng 02 năm 1964 tại bệnh viện Đà Nẵng, hưởng dương 20 tuổi.

Tác phẩm:

- *Chung nhau tuổi mộng* (cùng với Hoàng thị Bích Ni,1963)
- *Vàng Lạnh* (Thư Quán Bản Thảo, 2007)

Trích thơ:

Vàng Lạnh tặng Luân...

*chuyện bữa ấy chiều nay em kể lẽ
màu môi chôn kỷ niệm đã lâu rồi
mi mắt đó ghi ân tình đó vỡ
đời nữ sinh vàng lạnh tháng ngày trôi*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*em đã khóc cả buổi chiều hôm trước
chúng bạn đùa đã biết chuyện riêng tư
nỗi yêu thương trong đời người con gái
bảo em buồn nức nở trước trang thư*

*mới hôm nao người và em gặp gỡ
chiều Quảng Nam còn khép kín chân em
người bước đi qua con đường phố nhỏ
trời mùa xuân em đứng đón bên thềm*

*em thầm bảo em thương người ấy lắm
thương những chiều đại lộ bóng người sang
em đứng đấy với môi hồng má thắm
nhìn phố dài bỗng chốc biến rừng hoang*

*chuyện bữa ấy chiều nay em kể lể
dáng mi trầm nuối tiếc những ngày qua
thứ bảy chiều chúng mình mừng sinh nhật
của mối tình sớm nở sớm đi qua*

Nguyễn Thị Liên Phương (Tạp chí Mai)

Vàng lạnh 2

*Đừng nói nữa bài thơ vàng lạnh ấy
tình ngày xưa xin trả lại cho người
kỷ niệm buồn vui một thuở xa xôi
chợt đứng dậy đi lần vào thương nhớ*

*anh bỏ đi tìm tình yêu thành phố
những khi buồn muốn nhắc lại tên em
đếm những vì sao rơi rụng bên thềm
chợt thức giấc thấy đời mình cô độc*

*làm con trai lần đầu yêu để khóc
tạp thư màu xanh nước mắt đau thương*

HUỶNH ÁI TÔNG

*xin trả lại em thành phố với con đường
từng buổi sáng buổi chiều ta qua đó*

*hai mươi tuổi hôm nào yêu người em môi đỏ
tình khai sinh bằng tiếng hát hoàng hôn
những âm thanh nào nuốt chảy qua hôn
em có thấy tình ra đi nhè nhẹ*

*em còn nhớ chuyện hôm nào kẻ lẻ
đôi bàn tay chưa xiết chặt làm cầu
khi tâm hồn hai đứa chưa yêu nhau
con nước chảy đi xa rồi cát lở*

*em có nghe muôn hành tinh đổ vỡ
những mảnh buồn bốc cháy giữa không trung
tình yêu hôm nay mệt mỏi vô cùng
đời vàng lạnh xin em đừng nói nữa*

Trống Không

*Tôi ôm tôi nằm ngủ
Giữa buổi chiều trống không
Tóc dài hoang rùng rú
Điệu thờ buồn không trung.*

*Cỏ mọc đầy thân thể
Rêu phủ đầy dung nhan
Tôi trở thành nắm mộ
Đi hết khoảng thời gian.*

*Hai bàn tay bé nhỏ
Nằm giữa mặt nhìn trời
Bao nhiêu lần xin xỏ
Tôi trọn vẹn là tôi.*

Biết thân mình bé bỏng

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Phận bèo bọt lạc loài
Còn đời thì cao rộng
Nhưón mắt chạy theo coi.*

*Mình nghèo hèn khờ dại
Mà đời thì giàu sang
Thôi chối từ thời đại
Bằng giấc ngủ hoang mang.*

*Chao, tên mình ai gọi
Trong giấc buồn muôn năm?
Hàng cây không tiếng nói
Nhìn ai mà âm thầm?*

*Tôi ôm tôi nằm ngủ
Giấc ngủ dài không tên
Chiều trời mây nội trú
Tất cả cùng đi lên*

Còn ở đó

*còn ở đó màu da vàng thượng cổ
tổ tiên tôi từ sơ thủy vốn buồn
hai bàn tay đã đào sâu lòng đất
trông muôn ngàn cây sậy trái tình thương*

*với nước mắt đã ươm từng ngọn lúa
thêm mồ hôi thêm mạch sống quê hương
tôi đã thấy ngày Trường Sơn quần quai
ôm cánh tay Việt Bắc khóc đau thương*

*còn ở đó lời phong dao tình ái
bốn nghìn năm lịch sử chảy trong hồn
đưa trẻ nít vành nôi kêu má má
hình ảnh nào hơn cảnh mẹ ru con*

HUỶNH ÁI TÔNG

*tôi khôn lớn nhìn nỗi buồn đất nước
một giòng sông biên giới hai loài người
nỗi đau đớn chất chồng cao bằng núi
ôi Sài Gòn – Hà Nội cháy trong tôi*

Mùa xuân 21

*chiều cuối năm trái buồn lên via phố
trời quê hương nhiều mây trắng sa mù
hai mươi tuổi những ngày nuôi mộng đỏ
đã xanh rồi cây trái mọc suy tư*

*thân với máu xin thấp làm sương khói
giữa trần gian về tìm lại con người
vững tóc đỏ tháng ngày qua cỏ úa
lửa của đời thiêu đốt tuổi hai mươi*

*con mắt trùng hôn vào lòng đất ẩm
cọng rác khô da thịt cũng khô cần
thiên nhiên vẫn mặt-trời-trên-cao-mọc
người tìm chi khu vườn cũ giá băng ?*

*tôi gọi nhỏ tên người sa nước mắt
ở trên đời vừa đúng hai mươi năm
máu sẽ khô- xin tim này đừng rụng
giữa hư vô phần mộ nhỏ yên nằm*

*lũ bạn tôi đưa còng lưng năm ngủ
đưa vừng lên trong số phận lưu đầy
mỗi trái tim hàn vết thương chia cắt
nỗi nhục này cho con cháu mai sau*

*tôi thì vẫn tháng ngày xa phiêu lãng
giữa lênh đênh tìm nắm một bàn tay
trời tháng giêng những ngày sâu nỗi gió
nhớ Sài Gòn thương Hà Nội mây bay*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Luân Hoán viết: “.... Chúng tôi thương tiếc một người bạn, thương tiếc một thi tài đang sung sức, hứa hẹn góp tay rất ngoạn mục cho nền thi ca Việt Nam. Dòng họ Nguyễn Nho ở Vĩnh Điện của anh có đến mấy người thi sĩ, nhưng đã có hai người mệnh yếu. Nguyễn Nho Nhượng và anh, không thoát qua lời tỵ tiên đoán:

*Ở trên đời vừa đúng tuổi hai mươi
máu sẽ khô, xin tim này đừng rụng...”*

(Nguyễn Nho Sa Mạc)

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Nho Sa Mạc Web: luanhoan.net
- Nguyễn Nho Sa Mạc Web: hocxa.com

38) Nguyễn Thị Thụy Vũ



Nguyễn Thị Thụy Vũ Nguyễn Băng Linh (1939-)

Nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ tên thật là Nguyễn Băng Linh. Sinh năm 1939 tại Vĩnh Long, con nhà thơ Mặc Khải, chị của

HUỖNH ÁI TÔNG

nhà văn Hồ Trường An (Nguyễn Việt Quang). Vào nghề dạy học từ năm 1957, bỏ dạy lên Sài Gòn từ năm 1961, từ 1963 chuyên viết văn. Chủ trương các nhà xuất bản Kim Anh, Hồng Đức, Kẽ Sĩ.

Đã cộng tác với các tạp chí Bách Khoa, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Vấn Đề, Khởi Hành, Hoa Tình Thương, Tin Sáng, Tiếng Nói Dân Chủ, Đồi, Lập Trường, Dân Chủ Mới, Dân Ý, Ánh Sáng, Tin Mật, Tiến Bộ... Được Giải Thương Văn Chương Toàn Quốc năm 1970 với truyện dài *Khung Rêu*.

Bà có sống chung với Tô Thùy Yên một thời gian. Sau 1975, Tô Thùy Yên cùng gia đình định cư ở Mỹ, bà vẫn sống ở Việt Nam với các con của bà.

Tác phẩm:

- *Mèo Đêm* (1966)
- *Lao Vào Lửa* (1967)
- *Chiều Mênh Mông* (1968)
- *Thú Hoang* (1968)
- *Ngọn Pháo Bông* (1968)
- *Khung Rêu* (1969)
- *Như Thiên Đường Lạnh*
- *Nhang Tàn Thấp Khuya*
- *Chiều Xuống Êm Đêm*
- *Cho Trận Gió Kinh Thiên*

Trích văn:

Lòng trần

Con đê dài rộng, hai bên trồng dừa Tân Quan cao hơn đầu người thẳng hàng, đều khoảng. Những quày dừa màu hồng hoàng ỏn trái. Bóng dừa chìm dưới đáy nước của hai đầm sen - bên trái đầm sen trắng, còn bên phải đầm sen hồng. Từ con đê

VĂN HỌC MIỀN NAM

đi vào khoảng ba trăm thước, một ngôi chùa nằm im lìm giữa hai hàng dương.

Chùa này vì ít thiện nam tín nữ lui tới nên càng thêm vẻ đìu hiu, lạnh ngắt. Từ đường cái nhìn vào, ít khi người ta nhìn thấy bóng dáng những nhà tu. Chỉ nhìn thấy chiếc tháp cao trơ vơ với rêu bám nham nhở và vài viên gạch mục rớt ra lở lói. Mái chùa thấp ảm ướt và bóng tối đặc quánh. Tiếng kêu vo ve của đám muỗi đói lẫn tiếng chí chóc của đàn chuột dưới những bàn thờ và tiếng vỗ cánh của đàn dơi hoang. Cao hứng chúng bài tiết bừa bãi không vị nể các ông Phật đang ngồi trang nghiêm nhìn ánh đèn chong leo lét. Bình hoa huệ sắp tàn, chỉ còn vài búp gắng gượng trên chót nhánh. Những cánh trắng héo hắt rớt tả tơi trên bàn thờ không mấy ai buồn dọn quét chăm sóc.

Lâu lắm, người ta mới thấy bóng một sư nữ gầy gò xanh xao ngoài năm mươi tuổi ngồi bên hông chùa, uể oải cầm chiếc dao cùn chặt những cành dương khô rớt trên nền đất và bó thành từng bó nhỏ. Ni cô ngồi dưới bóng nắng loang lổ đỏ, khoác chiếc áo cà sa màu cà. Hình như bà cố tìm vài mảnh nắng rớt nhiều nhất trên nền đất để hóng nắng. Giữa màu lá xanh bao quanh da mặt, bà càng thêm nhợt nhạt. Đôi mắt trũng sâu nhiều, trông trắng nhìn bằng quơ khi cánh tay gầy guộc khô khan của bà đưa chiếc dao chành lên xướng vài lượt, và giọng ho húng hắng được đề nén làm bà run rẩy.

Bà đã đến tu ngôi chùa này hồi hai gò má còn hồng và nụ cười tươi sáng ản một chút ngổ ngáo. Nay hàm răng trắng xa xưa đã rụng mất vài ba cái và đóng bợn vàng ối.

Ông yết ma vốn người bán nam bán nữ, cao to mập trắng hều và có đôi mắt lém lỉnh. Hình như ông yết ma này gọi ni cô bằng dì họ. Ông này cùng theo bà đến chùa hồi mười tuổi và bây giờ ông đã quá ba mươi. Ông có tật lãng tai, mỗi khi ni cô nói với ông điều gì, bà phải lấy tàn hơi gào thét. Ông cứ vênh tai ra, nét mặt ngơ ngác như người đi lạc vào một thế giới xa lạ

HUYỀN ÁI TÔNG

thiếu âm thanh. Ni cô mỗi lần muốn đàm đạo với ông cháu quý phải nặng hơi mỗi cổ nên bà lười biếng ít muốn nói chuyện với ông ta lâu. Ngoài hai người, còn có một chú tiểu đầu để chỏm với theo tóc dài vắt qua vành tai. Chú tiểu này vừa giúp đỡ ni cô như một tiểu đồng, vừa làm thông ngôn khi ni cô muốn nói chuyện dài với ông yết ma. Chú tiểu có vẻ nhẫn nhục và cam chịu. Chú sống thui thủi giữa hai người lớn, mỗi người có một thế giới bùng bít. Họ chỉ hợp nhau vào những buổi tụng niệm, còn ngoài những giờ lo cho Đấng Từ Bi, họ mỗi người mỗi việc tưởng chừng như sự hiện diện của nhau thật là mờ nhạt thừa thãi. Chú tiểu lo phần cơm nước. Những bữa cơm dọn với rau muối mè, tương hột đơn sơ, chú tiểu có thể quán xuyên chu tất. Mỗi buổi sáng, chú ra sau chùa bứt những đọt mùng toi, hái những bông mướp vàng ối còn thơm mật, nhổ vài nắm rau đáng mọc dọc mé đê đem vào luộc. Ông yết ma ngoài mấy buổi tụng kinh, gõ mõ, còn có bổn phận vun quét rườn rau, cung dưỡng mấy dây bầu và giàn mướp sai trái. Cái quá khứ không tì vết của ông yết ma - ông sống xa người trần tục không tiếp nhận cuộc sống đầy rẫy bon chen - khiến ông chỉ hiểu cuộc đời lờ mờ ngoài mái chùa. Cơm rau mỗi ngày hai bữa, ông làm việc hùng hục ngoài vườn rau và ngủ li bì vào những giờ rảnh rỗi. Những giấc ngủ êm đềm khoan khoái nuôi dưỡng thân xác ông mỗi ngày một to béo đầy đặn. Về mặt ông cười cợt dễ dãi và phẳng phiu như tâm hồn ông. Đi tu từ lúc còn bé, ông sống kham khổ cũng đã quen. Ông cảm thấy yên phận để dọn mình mai sau về với Phật Tổ, dầu làm con chuột uống dầu tại chùa Tây Phương cũng cam. Đầu óc ông tiêm nhiễm giáo lý một cách lờ mờ, cuộc sống trong kinh kệ chưa in rõ vào đầu óc ông. Ông còn mơ ước gì hơn; vả lại, ông không có thì giờ để nghỉ ngơi suy ngẫm gì ngoài những thủ tục đọc kinh trồng rau. Công việc nhà chùa chiếm hết ngày tháng. Ông dạy chú tiểu học kinh và cách tụng kinh. Chú ấy cũng là người để cho ông ta tâm sự về sự tiến triển của mấy dây bầu, của nụ hoa mướp có mùi thành quả. Chỉ có vậy thôi, thế mà ông ta sống lây lất hơn hai mươi năm qua đến không ngờ. Ngày đó, ông theo ni cô Diệu Tâm đến ngôi chùa này giữ vai trò một tiểu đồng, Lúc đó còn

VĂN HỌC MIỀN NAM

su cộ và ni cô thì mới ngoài ba mươi tuổi, dung nhan còn mặn mòi sắc lẽm. Đến khi su cộ qua đời và đợc mai táng trong cái tháp trước sân chùa, ni cô Diệu Tâm mới lo quán xuyên ngôi chùa này.

Những ngày rằm hoặc những ngày lễ Phật, chỉ vài ba thiện nam tín nữ đến dâng hương vợi vĩa. Hình như họ nghĩ rằng chùa nào đông đúc tấp nập, Phật Trời mới có mặt thường xuyên. Chớ chỗ buồn bã như vậy, chắc Phật Trời cũng lười lui tới. Ông yết ma cảm thấy phoi phới trong cuộc sống trống vắng quạnh hiu. Những lúc đám khách thập phương này chiếu cố chùa, ông có cảm tưởng như họ đến quấy rầy sự yên tĩnh của ông. Nhưng ông phải giữ đúng quy luật nhà chùa là cửa thiền lúc nào cũng mở rộng. Ông biết lán mán về quá khứ của ni cô ngày xưa lúc bà mới hai mươi tuổi, bà là vợ kế của nhà phú hộ trong làng Đạo Ngạn thuộc tỉnh Mỹ Tho. Ruộng vườn của bà cò bay thẳng cánh. Thừa đó, tất cả phụ nữ miền Nam chưa hề trang điểm, thế mà bà đã biết dùng phấn nộ do các công chúa của triều đình Huế sai ti nữ đem bán. Trước khi đánh phấn, bà dùng chỉ đánh cho sẵn lại rồi lăn lên da, nhờ sạch những sợi lông măng để cho da mặt tiếp nhận phấn dễ dàng. Đoạn bà dùng phấn nộ bôi lên mặt, lấy giấy hồng đơn thấm nước đắp lên mặt má. Bà nhai trầu cho đôi môi nhuộm đỏ.

Thật ra bà vốn là đào hát bộ, tên Năm Thàng. Ông phú hộ có tính phong lưu tao nhã. Đòi ông chỉ có việc lấy hát xướng làm tiêu khiển. Bất kỳ gánh hát nào có bà, ông cũng ngồi ghe bầu theo coi cho bằng đợc. Ngồi ghé thượng hạng để cầm chầu, ông say sưa chiêm ngưỡng tâm nhan sắc chim sa cá lặn của bà trong vai Phàn Lê Huệ, Hồ Nguyệt Cô, hoặc Lưu Kim Đính. Người bạn theo hầu kiêm luôn anh đầu bếp giỏi, và tối đến, đợc theo chủ xem hát. Người phu trạo đã bắt đầu ghiền cuộc sống rày đây mai đó. Cũng bao nhiêu tuồng hát đó mà nhà phú hộ nọ vẫn coi hoài không chán mắt. Đối với ông, cô Năm Thàng từ cánh gà tuôn ra làm đổi mới cả sân khấu.

HUỲNH ÁI TÔNG

Hai năm xuôi ngược mỗi mê, ông cố gắng điều đình với ông bầu gánh chuộc cô Năm Thằng bằng mười mẫu đất, đem về làm vợ kế. Muốn thoát khỏi cảnh đời rày đây mai đó, cô Năm Thằng bằng lòng với ngôi vợ thứ hai do sự đồng ý cưới hỏi rõ ràng của bà phú hộ. Cuộc sống huyên náo bỗng dừng lại làm cô Năm ngõ ngàng xa lạ. Sự giàu sang và chiều đãi, nâng như nâng trứng hứng như hứng hoa của chồng không bao lâu làm cô thêm nhớ lại cuộc đời sống cũ. Cô nhớ sân khấu, nhớ đời sống lang thang trên những chiếc nghe chài xê dịch từ làng này sang tỉnh khác. Cuộc sống tập thể tuy quấy nhiễu cô thường xuyên, nhưng đem lại cho tâm hồn cô những đổi mới. Cô say những vai trò nữ tướng, công chúa, bà hoàng... để bồi xỏa tạm bợ trong vài tiếng đồng hồ đời sống nghèo đói cơ cực của mình. Một cô đào hát tên tuổi chưa được mấy mà đã làm bà phú hộ, có kẻ hầu người hạ. Thế mà cảnh giàu có vẫn không quyền rũ được cô lâu, không đủ quyền lực làm cô quên hẳn quá khứ.

Ni cô Diệu Tâm trở mình thức giấc. Bà lần mò ra chánh điện để kịp gác công phu. Trong im vắng hoàn toàn, ni cô nghe rõ tiếng chuột bọ chạy rột rẹt và tiếng thằn lằn trên kèo nhà chắc lười. Bên ngoài, ếch nhái dưới ao con trời giọng uênh oang át cả tiếng dế trong bụi ô rô nhọn hoắt. Ni cô bước ngang phòng ông yết ma. Tếng ngáy từ trong buồng vọng ra ào ạt, đều đặn. Bỗng giọng mớ ú ó vang lên:

- Ê! mấy thằng chẵn trâu, bây bẻ trộm bầu của người ta hả? Bớ Phật Kim Cang, Phật La Hán vắn họng nó cho rồi. Bớ Hộ Pháp.

Ni cô mỉm cười, bỏ xuống nhà sau rửa mặt. Nước mưa chứa trong hàng mái dầm sau hậu liêu mát lạnh lôi bà ra khỏi cơn ngầy ngật buồn ngủ. Bà trở lên chánh điện vắn to ngọn đèn và thành kính cầm dùi động vào cái đỉnh đồng chung. Tiếng chuông ngân dài như réo gọi ông yết ma ngủ muộn và nhắc cho

VĂN HỌC MIỀN NAM

chú tiểu đến lúc tụng kinh công phu. Sau đó, từ lò cạo heo, tiếng heo bị thọc huyết eng éc bên kia sông, cách chùa hơn năm trăm thước. Tiếng kêu cứu thê thảm của mấy con heo vẫn số nổi đuôi tiếng công phu. Phía sau chùa là lò rèn. Tiếng nổ lách tách của đám than vừa rục cháy nghe rất vui tai. Hai ống bễ khò khè như tiếng ngáy ngủ của loài trâu nước.

Chú tiểu dụi mắt đi ra đỡ lấy dùi chuông thay cho ni cô. Bà ngồi âm thầm giữa chánh điện hai bàn tay gầy lần tràng chuỗi hạt hồ phách, ni cô tụng hết tuần kinh lui vào trai phòng bên tách trà nhạt còn bốc khói. Bà ôn lại ngày bà còn là một cô đào chánh đã làm say mê biết bao nhiêu vương tôn công tử. Ông phú hộ Thọ đã chia gần nửa số gia sản của ông để đổi cô. Rồi cô bỏ sân khấu về sống trong một ngôi nhà nền đúc cao tới ngực có hàng chục người hầu hạ. Mỗi lần cô giam mình sốt mẩy, thầy lang được rước về tận nhà và ở lại đó cho đến khi cô khỏi hẳn. Cô mê món ếch bắc thảo chung đường phèn. Người tớ gái đem cục mỡ gàn thận ếch để vào một cái thố vẽ bát tiên và cho đường phèn vào, chung cách thủy. Cục mỡ ếch nở to bằng cái chén trong như pha lê, thơm ngọt ngào rồi đặt chiếc thố sứ vào cái mâm bằng gỗ quý. Trong lúc cô dùng ếch bắc thảo, hai đứa con gái đứng hầu quạt hai bên. Cuộc sống lắm kẻ nuông người chiều đó níu kéo cô được vài ba tháng. Một hôm đoàn hát Cẩm Đường Ban có dịp trở lại làng Đạo Ngạn, cô Năm Thành cảm thấy có cái gì xót xa ray rức không yên thúc dục cô, nhứt là khi tiếng chiêng trống và tiếng phèng la nổi lên inh ỏi ở đầu đình. Cô Năm bèn chồn không thể tả, thế rồi đêm hôm sau đó, lúc ông phú hộ yên giấc cô lần mò bỏ trốn theo đoàn hát và tiếp tục nghiệp dĩ. Phải chăng cô muốn thay đổi cái không khí nhòn nhọt âm thầm trôi nổi bên cạnh ông chồng chỉ có lòng sủng ái, nhưng tình yêu cô cho ông còn lơ mờ chưa thắng nổi tiếng trống chầu.

Khi ông phú hộ biết cô đã trốn về đoàn hát, lập tức ông xuống ghe bầu cùng với người phu trạm đi theo. Cuộc săn đuổi gian nan không làm ông thất vọng. Ông tin tưởng sự đi theo vừa

HUYỀN ÁI TÔNG

giúp ông tiêu dao ngày tháng, vừa có dịp săn sóc cô và mong rằng ngày nào đó, cô Năm sẽ hồi tâm quay trở về. Mãi cho tới ba năm sau, ông vẫn vừa đi theo cô Năm Thành vừa tập soạn tuồng hát. Ông đã gởi gắm tâm sự, tình ý vào bản Hát Nam, Hát Khách và Hát Vãn. Ông để hết tâm trí vào các tác phẩm thai nghén suốt mấy năm liền và sau đó được đưa lên sân khấu để cho cô Năm thủ diễn. Kỳ lạ, sau khi diễn xong tuồng hát của chồng, cô Năm Thành ôm ông phú hộ Thọ khóc hu hu rồi cởi áo mũ giáp trả lại sân khấu và hai vợ chồng đưa nhau về chốn cũ sống lại cuộc đời cố định. Cô Năm mới tìm thấy tình yêu muộn màng nhưng có một sức mạnh lôi cô ra khỏi ánh đèn sân khấu vĩnh viễn, bỏ hẳn cuộc sống nay miếu này một đình nọ. Chỉ một năm sau, cô sanh được một đứa con trai khá khinh. Đứa con trai đó nói lời tông đường của ông phú hộ trong khi bấy lâu nay ông cứ ngỡ là mình tuyệt tự. Ông mừng đến sa nước mắt khi đứa con trai độc nhất của ông càng lớn càng giống những nét thanh tú trên gương mặt của ông và cô Năm.

Ông phú hộ toan tính biết bao nhiêu về dự định tương lai cho đứa bé. Nhưng ông đột nhiên chết bất thần vì một tiếng sét long trời sập vào nhà làm đổ cả tủ kiếng và giết ông nhanh chóng. Cái chết tức tử đó làm cho dân làng xầm xì bàn tán là ông ăn ở thiếu phúc đức nên trời sai Thiên Lôi xuống giết gấp rút như vậy.

Từ đó, cô Năm đoạn tuyệt cuộc đời cũ ngay trong ý nghĩ và tận tụy chăm sóc đứa con để đền ơn đáp nghĩa với người vừa là tri kỷ vừa là bạn chung tình đã cho cô một niềm tin yêu bao la. Nhất định cô chẳng đời nào cho con cô nối nghiệp cô. Cuộc đời hát xướng bị người đời cho là vô loại. Cô cũng chẳng mơ con cô giàu có như cha nó chỉ ước ao sau này nó sẽ có nhiều bằng cấp học hành đỗ đạt. Cô ẩn nhẫn sống nuôi con, mặc dầu lúc ông phú hộ vừa mới chết, còn biết bao nhiêu người gấm ghé được lấy cô, nhưng cô quyết không buồn ngó đến họ.

Đến ngày giỗ chồng, đợi vào lúc nửa đêm, cô Năm Thành hóa

VĂN HỌC MIỀN NAM

trang, mặc áo giáp đóng vai Đoàn Hồng Ngọc oai phong lẫm liệt cầm dao múa trước bàn thờ làm như ông phú hộ đang ngồi trên ấy thưởng thức tài nghệ siêu phàm của cô. Đường đao bay vun vút quấn lấy người cô. Trong im vắng, cô cất tiếng hát nhỏ nhỏ những bài hát trong những vai tuồng mà ngày xưa ông phú hộ đã dày công biên soạn. Sau những đường đao bay như rồng lộn, cô Năm đứng thẳng người nhìn đăm đăm lên bức ảnh ông phú hộ và hai hàng nước mắt chảy dài trên đôi má.

Đứa con của cô được một năm thì bị một cơn sốt dữ mà tất cả danh y đều bó tay đầu hàng. Cô Năm tê điếng trong niềm tuyệt vọng. Đã bao lần ý nghĩ tự sát chập chờn qua tâm não cô. Ba lần tự tử bằng ba cách: cắt gân máu, uống dầu nóng, treo cổ được phát giác ngay.

Cô lần tính lại đã quá hai mươi năm, nổi đau khổ và bất hạnh xa cũ đã bắt đầu mờ nhạt. Những việc nhà chùa làm cô bận rộn suốt năm bôi xóa dần những nỗi buồn thảm, tưởng chừng vãi ri rả hành tội cô trong khoản đời còn lại.

Nắng đã lên từ chân vườn, sau chùa, vài ba đứa mục đồng đang nghêu ngao mấy bản Kim Tiền. Nắng tuôn ánh sáng hình rì quạt trên mặt đất. Ni cô Diệu Tâm lục đục ở trú phòng. Những cây tre non được vót từng cọng nhỏ bằng cây tăm nhang bày đầy trong cái nia. Ni cô Khê nệ bụng nồi nước cơm từ bên bếp đem lên để kê bên nia tăm tre cắt dài khoảng ba tấc. Ni cô dùng những loài lá có mùi thơm như lá quao, lá ngũ trảo, lá bưởi phơi khô rồi giã nhỏ xây lấy bột đựng trong mấy chiếc thau đầy ắp. Chú tiểu ngồi bên cạnh rây lại lần nữa phần bột mịn, thơm ngát, cho vào cái chậu tráng men sứ trắng vẽ hoa hồng đỏ. Ni cô bỏ những cây tre chẻ nhỏ vào một ống tre cao độ hai tấc đựng nước cơm gạo mới đặc quánh như hồ nhúng ướt rồi mang ra lăn những cây tre đó vào chậu bột lá mịn. Hồ trên thân cây tre chẻ nhuộm quện lấy bụi lá thơm và những cây nhang này được đem đi phơi nắng.

HUYỀN ÁI TÔNG

Tất cả những thức ăn lẫn hương hoa cúng kiếng đều do một tay ni cô làm ra. Xài không hết, bà mang ra chợ bán lấy tiền bỏ vào quỹ nhà chùa. Đặc biệt bà có tài làm tương ta. Bà lựa nếp đem xôi rồi bỏ vào nia ủ bằng lá tranh hay lá ngấy độ ba ngày cho nếp lên men rồi thắng đường cho chút muối, đổ vào nếp làm tương ta. Những món hàng do nhà chùa sản xuất sẽ nhờ chú tiểu đem ra nhồi chợ bán lẻ. Công việc bề bộn đó chiếm cả ngày, ni cô Diệu Tâm say sưa, có khi quên cả việc ăn uống. Mãi đến chập choạng tối, lúc bao tử đòi hỏi gấp rút, bà vào nhà bếp xới tô cơm nguội ăn với chút tương ta. Ăn uống thiếu thốn lâu ngày làm thân thể bà gầy gò và những cơn ho húng hắng xảy ra thường xuyên. Nhưng bà không để tâm đến và cơn bệnh cũng lây lất trôi qua khi ông yết ma chưng cho bà chín lá chanh với chút đường phèn bung lên cho bà uống. Món thuốc ho không tốn kém này cũng làm bớt cơn đau ngực và bà tiếp tục lây lất với cơn bệnh.

Diệu Tâm cảm thấy bút rút nơi ngực. Hình như có một bàn tay nắm lấy trái tim, bà ngọt ngào tưởng chừng trai phòng này thiếu không khí. Bà gượng ngồi dậy tựa lưng vào thành giường một lúc rồi cố gắng đứng dậy đẩy nhẹ cánh cửa sổ. Ánh nắng tủa vào khe cửa âm ỉ rớt trên một lờm giường và lác đác vài mảnh vuông trên nền gạch tàu. Diệu Tâm lần dò ra ngoài để tìm chút thoáng khí. Ni cô lầm lũi bước ra ngồi tựa lưng bên tháp sư cụ và ngược mặt nhìn trời. Cơn lạnh tiết ra từ trong lá, từ ao sen làm bà rờn rợn. Cơn ho tiếp tục và ni cô cảm thấy hình như chiếc tháp muốn xiêu đổ và mặt trời tủa ra nhiều vành sáng nhảy múa trước mắt. Diệu Tâm bám chặt lấy thềm cửa tháp và cơn buồn nôn hồi hải dâng lên, ni cô chỉ còn thấy cánh vật đảo lộn, ánh sáng và bóng tối xoay tít, và nơi ngực như có cả khối tháp đè lên đó. Tiếng chim vụt tắt ngấm đâu đây và cơn gió rào trên ngọn dương ngừng lại.

Ni cô bưng mắt nghe tiếng nói ào ào vắng vắng đâu đây. Ni cô nhướng đôi mắt còn chút ít thần sắc nhìn quanh trai phòng. Chú tiểu túc trực bên giường mừng rỡ hỏi dồn:

- Dạ thưa ni cô cảm thấy đỡ chưa?

Bà lặng lẽ gật đầu và muốn ngồi dậy. Chú tiểu hiểu ý đến đỡ bà lên tựa lưng vào thành giường. Bỗng cửa trai phòng vụt mở. Diệu Tâm nhếch mép cười tiếp nhận sự có mặt của đứa cháu dâu và cô em họ đến đúng lúc bà thấy cơn bệnh này không hy vọng lành. Đứa cháu dâu gọi bà bằng cô chuyên nghề sống với nghề cò gian bạc lận và nghề cho vay đoạt nợ. Nghề nghiệp nâng đến mức tuyệt xảo. Riêng cô em họ cùng đi theo cô cháu dâu đến thăm bà là một tay từng nhổ râu ông huyện này, cạo đầu ông phủ kia. Cô em họ có tám nhan sắc cũng ưa nhìn thôi, nhưng cô có biệt tài hễ cập sách với ông nào thì nạn nhân tình ái của cô phải tán gia bại sản một cách nhanh chóng và êm thấm. Hai người đàn bà thân thích này thường lui tới cửa thiền hầu sấm hỏi để chuộc tội. Họ thích thân thiện với bà có lẽ nghĩ rằng khi Diệu Tâm đắc đạo để về châu Đàng Từ Bi sẽ với tay níu họ theo lên cõi Niết Bàn. Vì mặc cảm tội lỗi nên họ càng thích đi chùa dâng hương đem lễ lộc hồng hổi lộ Trời Phật cho giải bớt những oan kiên mà ở trần gian họ đã làm, đang làm và tiếp tục làm nữa... Càng thấy họ đi chùa là phải hiểu rằng họ vừa làm được một cái áp phe. Khi có nhiều tiền, họ lại vào chùa thành khẩn hối lỗi, nhưng khi bước ra khỏi chánh điện thì họ lại quên tuốt.

Ni cô mệt nhọc gắng gượng trả lời họ vài ba câu hỏi thăm sức khỏe. Rồi không còn ngồi được nữa, bà nằm rũ xuống. Cô em họ đề nghị ông yết ma nên tụng kinh cho Diệu Tâm để nếu như bà có phải về nơi cực lạc cũng sớm được nhẹ nhàng hồn phách.

Ni cô nghe trong người rã rời từng khớp xương. Bà cố mở mắt nhìn ánh đèn vàng vọt đặt trên chiếc bàn cạnh bàn nước. Cổ họng bà khô đắng và lạt lẽo. Ni cô hé mắt nhìn cô em họ đang ngồi bên cạnh và cô cháu dâu đang lấy quây rót nước từ trong vỏ bình vào tách định bung lại. Ni cô khoác tay tỏ ý không cần uống nước. Bà đã ăn chay ròng rã hơn hai mươi năm quá đậm bạc nên thân thể bà thiếu cả chất đạm.

HUYỀN ÁI TÔNG

Bà làm việc quần quật, suốt ngày. Không biết bà tìm cách quên ần tỉnh hay để tăng ngân quỹ nhà chùa. Người ta thấy ni cô Diệu Tâm không sống cho mình nữa, kể từ khi bà bước vào chùa này. Bà sống kham khổ, nhẫn nhục và chịu đựng. Tiền công quỹ nhà chùa được đem ra bố thí cho những người tàn tật nghèo khổ. Bà ăn uống bất thường và coi việc ẩm thực là điều phụ thuộc. Chỉ cần một chén tương và một nhúm rau chắm tương cũng rồi một bữa. Từ một tháng nay, bà không ăn uống được như thường nhật, mỗi khi ăn xong, bà đều mửa thóc mửa tháo ra, đến cả thuốc men cũng không giữ được trong bao tử. Họ hàng hay được tin bà thọ trọng bệnh cho mời biết bao danh y đến cứu chữa. Phần linh hồn thì do ông yết ma và một số sư sãi các chùa lân cận đến tụng niệm siêu độ.

Thân xác bà mỗi mòn trong giấc hôn mê chập chờn, bà nghe tiếng tụng niệm ngoài chánh điện. Trong bóng tối mù mờ, loáng thoáng có tiếng muỗi vo ve, đột nhiên ni cô Diệu Tâm cảm thấy miệng mình lạt quá, lạt kinh khủng. Phải chi có một chút nước tương để bà nếm thử. Trí óc của bà dán chặt vào ý nghĩ lưỡi bà khô đi, đồng thời nước dãi tuôn ra đầy miệng. Thế rồi ý nghĩ của bà trôi xa hơn, nước tào vị yếu, rồi nước mắt. Cơ thể bà vụt bùng lên. Nước mắt! Nước mắt! ni cô Diệu Tâm nuốt ực nước miếng. Một nỗi xót xa làm nước mắt bà ướt đầm. Có cái gì chống đối trong từng thớ thịt, khớp xương của bà.

Bà vụt nghĩ, nếu có một muống nước mắm chui vào bao tử bà thì có lẽ những chấn động, phản đối trong cái cơ thể mỗi mòn sinh lực của bà sẽ dịu xuống, và muống nước mắm sẽ đem lại cho bà sự khỏe khoắn để bà ngủ một giấc thật ngon và ngày mai bà sẽ tiếp tục sinh hoạt lại như cũ dưới mái chùa này.

- Nước mắt! Muống nước mắm!

Ni cô hoàn toàn quên mất cái đời sống hiện tại ở trong chùa, quên cả mấy mươi năm tu hành khổ hạnh. Bà rơi trong một ý

VĂN HỌC MIỀN NAM

thức mù mờ chỉ có hình bóng muống nước mắm bằng sứ trắng chứa một thứ nước vàng và trong suốt như nước trà. Kê miệng mà nếm thử thì biết. Ni cô Diệu Tâm co rúm lại, thở hắt hắt. Ba tiếng muống nước mắm như ba nhát búa đập vào đầu óc bà làm bà lão đảo.

Ngoài hậu liêu, hình như trời đã chiều. Mùi thuốc bắc sắc trong siêu ngai ngái bay lên làm bà có cảm tưởng mình sắp nghẹt thở.

Bà phải uống một muống nước mắm. Ngày mai dầu có phải đọc kinh sám hối, bà cũng không màng. Bà tin chắc rằng dầu đọc kinh cứu khổ cứu nạn với Bạch Y Quan Thế Âm Bồ Tát cũng chưa chắc mầu nhiệm bằng một muống nước mắm. Nước mắm sẽ là một món thuốc tiên làm cho cây khô trở bông. Cố gắng lấy hết tàn hơi, bà thều thào gọi chú tiểu kiểm cho bà một muống nước mắm. Tất cả những người có mặt bên giường đều ngạc nhiên lẫn hốt hoảng.

Diệu Tâm lập đi lập lại mấy lần:

- Mô Phật! Cho tôi muống nước mắm, tôi uống vào sẽ hết bệnh liền.

Tiếng kêu gọi như một lời van vỉ, thê thảm. Hai tay Diệu Tâm chìa ra tuyệt vọng. Chú tiểu bung đến gần tách trà ướp sen kề gần miệng. Ni cô khép chặt môi, lắc đầu phản đối:

- Tôi chỉ cần uống một chút nước mắm cho mặn môi.

Nói xong ni cô dim hồn vào trong con đồng thiếp hai cánh tay còn xòe ra quờ quạng van xin.

Cô em họ bước ra trai phòng thử thăm:

- Rõ là ma đưa lối, quỷ dẫn đường. Hỡi nào tới giờ chỉ ăn chay

HUỶNH ÁI TÔNG

lạt, đến lúc sắp chết lại đòi uống nước mắm. Tôi nhất định chống lại lời ma quỷ xúi bêu, xui khiến chỉ phạm trai giới. Thà đề cho chỉ chết mà không mang tội với Trời Phật và không uống công tu khổ hạnh hai mươi mấy năm nay.

Nói đoạn bà xuống trú phòng ngồi nói chuyện áp phe với cô cháu dâu, hoặc những thành quả bà đã thu đoạt được kể từ ngày bà bước chân vào đời. Giọng bà oang oang uốn éo và những tràng cười nói xôn xao vọng lên trên chánh điện. Ông yết ma với đôi mắt nhắm lại và nét mặt phẳng phiu dễ dãi thường nhật nhuốm một chút lo âu. Không khí nặng nề trùm xuống, nghẹt thở. Tiếng hét từ trai phòng vang lên. Ông lẹ chân tông cửa vào vừa lúc chú tiểu định bước ra, về mặt còn hốt hoảng. Tất cả đứng im lặng quanh giường chờ đợi phút nghiêm trọng của ni cô trong khi cô đang vật vã từng đợt với tử thần. Tiếng nói bà vụt sang sảng như lúc còn ở trên sân khấu. Giọng nói trong trẻo tinh táo, nhưng đôi mắt bà vẫn nhắm nghiền:

- Tôi mới biết thương mình mấy năm mình khổ công theo đuổi tôi, mình đặt tuồng hát cho tôi hát.

- Con ráng học cho đỡ đạt làm quan nghe con cung của má.

- Tôi chỉ thích sắm vai Đoàn Hồng Ngọc hơn làm Phần Lê Huệ. Minh thích tôi diễn vai nào nhất?

- Bớ này Tiết Giao! Ô này bạc tình lang! Mặt chàng đẹp trai mà làm chi? Lời chàng ngọt ngào mà làm chi? Cổ thiệp ngày nay mất ngọc, thân thiệp bơ vơ.

Cả một quá khứ trôi nhanh lên ký ức bà rõ rệt và nhanh như một đoạn phim quay hết tốc lực của nó. Bà độc thoại từ quãng đời sân khấu đến quãng đời làm vợ ông phú hộ Thọ. Giọng bà sang sảng vụt dừng lại và dưới ánh đèn hiu hắt, ni cô mở trừng trừng đôi mắt trắng nhợt như cố thu nhận hình ảnh sau cùng

VĂN HỌC MIỀN NAM

của đời sống và ni cô quờ quạng hai bàn tay trơ xương với lời van vỉ đứt nối:

- Hãy cứu tôi, cho tôi uống một muổng nước mắm thôi.

Cô cháu dâu nhìn bà em họ:

- Mợ ơi! Mợ nhờ sư sãi đọc kinh trừ tà nghen. Cần nhứt là canh giữ đừng cho ai đem nước mắm lại.

Bà em họ tức mình:

- Để tôi đi đọc kinh cứu khổ. Hồi xưa Phật Thích Ca gần đắc đạo thì ma vương tới phá. Còn cái chị này sắp về Tây Phương tới nơi mà cũng chưa yên thân.

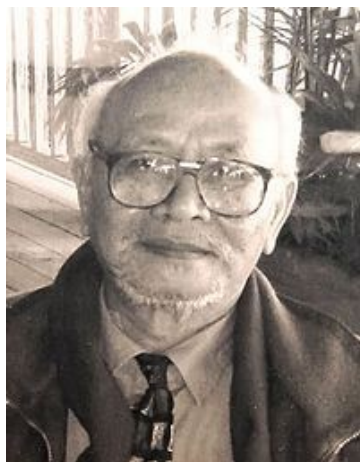
NGUYỄN THỊ THỤY VŨ
1969

Nhận định về truyện ngắn của Nguyễn Thị Thụy Vũ, Tạ Tỵ viết trong Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ Hôm Nay: "*Thụy Vũ viết truyện ngắn với nhiều thể tài, mỗi thể tài được hàm chứa sự cuồng nhiệt của tuổi trẻ trong vấn đề tình yêu, cũng như nỗi nhức nỏ về thân phận, thân phận người con gái với những ước mơ táo bạo về dục tình*"

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Thụy Vũ Web: vietmessenger.com
- Nguyễn Thị Thụy Vũ Web: xuquang.com

39) Phạm Công Thiện



Phạm Công Thiện (1941-2011)

Phạm Công Thiện sinh ngày 1 tháng 6 năm 1941 tại Mỹ Tho, ông là người Thiên Chúa Giáo.

Người ta cho rằng ông rất thông minh, năm 13 tuổi đã viết sách, báo. Năm 15 tuổi, ông đã đọc thông viết thạo năm ngoại ngữ Anh, Pháp, Nhật, Hoa, Tây Ban Nha, ngoài ra còn biết tiếng Sanscrit và tiếng La Tinh.

Năm 1957, 16 tuổi, ông xuất bản cuốn tự điển *Anh Ngữ Tinh Âm*, nhưng từ vài năm trước đó cho đến khi rời Việt Nam vào năm 1970, ông đã cộng tác với các báo *Bông Lúa*, *Phổ Thông*, *Bách Khoa*, *Văn*, *Giữ Thơm Quê Mẹ*. Ông chỉ cộng tác với *Bách Khoa* sớm nhất là năm 1957 hay muộn hơn.

Từ những năm cuối thập niên 1950 ông đi dạy Anh ngữ tại một số trường tại Sài Gòn. Năm 1960, khi được 19 tuổi, ông khởi sự viết cuốn "Ý thức mới trong văn nghệ và triết học" khi chưa

VĂN HỌC MIỀN NAM

được 19 tuổi. Thời kỳ này ông viết nhiều sách về Phật Giáo, dù ông theo đạo cơ đốc.

Đầu năm 1964, ông chuyển ra Nha Trang sống để an dưỡng sau một cuộc "khủng hoảng tinh thần". Tại đây ông quy y với Hòa Thượng Thích Trí Thủ, xuất gia tại Phật học viện Hải Đức Nha Trang có pháp danh là Thích Nguyên Tánh..

Chúng ta hãy đọc một đoạn về cái duyên xuất gia của Phạm Công Thiện, do thi sĩ Quách Tấn viết:

Khoảng đầu năm 1964, Phạm Công Thiện bị khủng hoảng tinh thần, ở Mỹ Tho ra Nha Trang an dưỡng. Lên chơi chùa Hải Đức, Thiện ước được sống trong cảnh u tịch trong ít lâu để lấy lại sức khỏe. Tôi liền đến xin thượng tọa, và tỏ thật rằng Thiện là một thiên tài và là người Cơ Đốc giáo, mọi người trong chùa tỏ ý không bằng lòng. Thượng tọa cười:

“Không hề gì, có bác Quách bảo đảm.”

Nhưng để “đề phòng”, thượng tọa cho dọn một căn phòng dưới xưởng làm hương để Thiện ở, trưa chiều lên chùa ăn cơm.

Được nơi ăn chốn ở vừa ý, Thiện bảo tôi:

“Để đền ơn ông, tôi xin hẹn trong sáu tháng sẽ đọc và hiểu được kinh chữ Hán.”

Tôi không dám tin, nhưng cũng không dám ngờ.

Ở Trại Thủy, cả ngày Thiện nằm đọc sách. Tỉnh thoảng tôi đến thăm Thiện và thượng tọa Trí Thủ. Một hôm thượng tọa bảo tôi:

“Anh chàng có đạo tâm.”

HUỖNH ÁI TÔNG

Tôi cười thòm trong bụng: “Đạo Thiên Chúa hay đạo Phật.”

Ba tháng sau, tôi lên Hải Đức, không thấy Thiện nơi xưởng hương. Hỏi người làm hương trong xưởng cho biết rằng thượng toạ Trí Thủ đem anh lên ở nơi cốc của thượng toạ hơn một tháng rồi.

Tôi bèn leo dốc lên cốc: một nhà sư trẻ đang ngồi xếp bằng ngay ngắn, mắt lim dim trên chiếc ghé dài nơi cốc. Nhìn kỹ thì là Phạm Công Thiện! Rõ là một nhà sư 100 phần trăm. Thiện ngồi yên, tôi lẳng lặng đi vào cốc. Thượng toạ Trí Thủ mừng rỡ, muốn gọi Thiện. Tôi “xin đừng”. Sau mấy câu hàn ôn như thường lệ, thượng toạ nói:

“Thiện quy y với tôi rồi, tôi đặt cho pháp danh là Nguyên Tánh.”

Tôi không tỏ ý tán thành cũng không tỏ ý phản đối. Đối với Thiện quy y cũng thế mà không quy y vẫn thế.

Mấy tháng sau – tháng 9 năm 1964. Tôi lên Hải Đức một lần nữa. Cốc đóng—người trong chùa cho biết thượng toạ cùng Thiện vào Sài Gòn, còn lâu mới về. Tôi cảm thấy bùi ngùi như nhớ nhưng, như thương tiếc.

Tôi ngẫu chiếm một tuyệt:

Lịu địu

*Áo giữ ngày sương gió
Lên chùa thăm cố nhân
Non nghiêng thềm nắng xế
Lịu địu bóng nhân vân.*

Sau nghe tin Thiện dạy học ở Đại học Vạn Hạnh, rồi đi Mỹ, đi Pháp. Còn thượng toạ Thích Trí Thủ thì trụ trì chùa Già Lam, rồi được phong hoà thượng, thỉnh thoảng mới về Nha Trang

VĂN HỌC MIỀN NAM

thăm chùa cũ và nghỉ ngơi. Thiện thì từ ngày từ giã Nha Trang, tôi không còn gặp lại...”

Cũng trong năm 1964 này, ông cho ra đời cuốn sách *Tiểu luận về Bồ Đề Đạt Ma, tổ sư Thiên Tông*, mà sau đó đã trở nên nổi tiếng

Từ năm 1966 - 1968, ông là Giám đốc soạn thảo chương trình giảng dạy cho tất cả các Phân khoa thuộc viện Đại học Vạn Hạnh. Từ năm 1968 - 1970, giữ chức Khoa trưởng Phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn của Viện. Tại đây ông cũng là sáng lập viên và chủ trương biên tập của tạp chí *Tư Tưởng*.

Ông rời Việt Nam từ năm 1970, chuyển sang sống ở Israel, Đức, rồi sống lâu dài tại Pháp, ông dạy Triết tại Université du Mirail ở Toulouse.

Cuộc đời Phạm Công Thiện có những dị thường hơn người. Từ một tín đồ Thiên Chúa giáo, đến năm 1964, ông trở thành thầy tu với pháp danh Nguyên Tánh. Năm 1970, sống tại Pháp, Phạm Công Thiện cởi bỏ áo cà sa, lấy vợ - một người theo đạo Cơ Đốc.

Năm 1983, làm giáo sư Phật giáo viện College of Buddhist Students ở Hoa Kỳ. Từ đó đến nay Phạm Công Thiện lúc thì sống ở Hoa Kỳ, lúc thì sống ở Úc, tiếp tục viết sách. Phần lớn tác phẩm của ông là nghiên cứu về Phật giáo.

Ngày 8 tháng 3 năm 2011 (mùng 04 tháng Hai năm Tân Mão), ông qua đời tại thành phố Houston, Texas, Hoa Kỳ, hưởng thọ 71 tuổi.

Tác phẩm:

- *Tiểu luận về Bồ Đề Đạt Ma, tổ sư Thiên tông* (1964)
- *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* (1965)

HUỖNH I TÔNG

- *Trời thng Tư* (1966)
- *Ngày sanh của rn* (1967)
- *Im lng h thm* (1967)
- *H thm của tư tưởng* (1967)
- *Mặt trời không bao giờ c thực* (1967)
- *Chỉ cn tiếng thơ trên mặt đất — Tr về Rainer Maria Rilke* (1969)
- *Henry Miller* (1969)
- *Bay đi nhng cơn mưa phn* (1970)
- *Ý thức bùng vỡ* (1970)
- *Đi cho hết một đm hoang vu trên mặt đất* (1988)
- *Sự chuyển động ton diện của tâm thức trong tư tưởng Phật gio* (1994)
- *Triết lý Việt Nam về sự vượt biên* (1995)
- *Nguyễn Du, đại thi hào dn tộc* (1996)
- *Khơi mạch nguồn thơ thi sĩ Seamus Heaney* (1996)
- *Làm thế nào để trở thành một bậc b tt sáng rực khắp bốn phương trời* (1998)
- *Tinh túy trong sáng của đạo lý Phật gio* (1998)
- *Trên tt cả đỉnh cao là im lng* (2000)
- *Một đm siêu hình với Hàn Mặc Tử* (2000)
- *Khai ngôn cho một câu hỏi để hiểu: Triết Học Là Gì?* (2000)
- *Đối mặt với 1000 năm c đơn của Nietzsche* (2000)

Dịch phẩm đ xuất bản (danh mục chưa đầy đủ):

- Jiddu Krishnamurti, *Tự do đầu tiên và cuối cùng* (1968)
- Martin Heidegger, *Về thể tính của chân lý* (1968)
- Martin Heidegger, *Triết lý là gì?* (1969)
- Friedrich Nietzsche, *Ti là ai? Đây là người mà chúng ta mong đợi!* (1969)
- Nikos Kazantzakis, *Rn luyện tâm thuật huyền linh* (1991)

Trích vn:

VĂN HỌC MIỀN NAM
Hai Vị Thiền Sư

Tôi được may mắn quen biết Tuệ Sỹ và Lê mạnh Thát khi hai vị này còn rất trẻ và còn dưới hai mươi tuổi. Bây giờ hai vị đã được 45 tuổi (cả hai đều sinh năm 1943).

Lúc tôi quen biết hai vị thì hai vị hầy còn là những chú tiểu ở chùa; bây giờ thì hai vị đã trở thành hai vị Thiền sư lỗi lạc và lại cũng là Anh Hùng Dân Tộc của Lịch Sử Việt nam hiện đại. Tại sao "gọi là Anh Hùng Dân Tộc" thì rất dễ nhận thấy (mà cụ thể nhất là cái án tử hình về tội "phản cách mạng và bạo động vũ khí lật đổ chế độ", vân vân).

Nhưng tại sao gọi Lê Mạnh Thát và Tuệ Sỹ là "hai vị Thiền sư lỗi lạc nhất, thông minh nhất, uyên bác nhất, trong sạch nhất của Việt nam hiện nay"? "Thiền sư" à? Chỉ nội cái danh hiệu "thiền sư" đã là mệt rồi, lại còn thêm mấy chữ mơ hồ như "lỗi lạc nhất, thông minh nhất.."? Tôi muốn nói về Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát với tất cả thận trọng và suy nghĩ chín chắn cẩn kẽ, và tôi xin chịu mọi trách nhiệm về cái nhìn khác thường của tôi đối với nhị vị.

Tại sao là "thiền sư"? Và "thiền sư": Là thế nào? Không cần trả lời trực tiếp về những câu hỏi bất thường này. Nơi đây, tôi chỉ xin nhấn mạnh đôi điều gián tiếp và ai muốn hiểu gì thì cứ hiểu. Không ai có thể tự nhận đủ thẩm quyền tôn giáo và tâm linh để trả lời dứt khoát những câu hỏi bất thường trên. Chỉ có những kẻ bỏ cả trọn đời mình lặng lẽ sống chết với cái gọi là "Bồ Đề tâm" hay "Phát Bồ Đề Tâm" thì may ra mới trực nhận đầu đó khí phách và thần dụng băng lảng của "ngịch hành thiền".

Mấy chữ "thiền sư" đã bị người ta lạm dụng để tự truy tặng một cách lố bịch hay truy tặng kẻ khác với nông nổi dễ dãi tự mãn phê phỡn nông cạn, nhất là từ lúc Thiền hay Zen trở thành cái mốt trí thức đôn mạt. Bất cứ người nào tỏ vẻ "kiêu ngạo

HUYỀN ÁI TÔNG

khác thường" một chút là có những hành động cử chỉ "ngược đời trái đạo" một chút thì tự gán hay bị gán là "thiền sư".

Lê Mạnh Thát và Tuệ Sỹ không bao giờ tự nhận lời "thiền sư" và cũng không bao giờ nghĩ mình là cái gì cả trên mặt đất này. Hai người này chỉ là những kẻ lễ độ khiêm tốn một cách tự nhiên và không bao giờ biết giả vờ "hạ mình" với ý đồ kín đáo chà đạp lên trên kẻ khác.

Có sống bên cạnh Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát từ ngày này qua ngày khác, trong những hoàn cảnh khác nhau, thì mới may ra cảm nhận đôi chút tác phong thiền sư kín đáo toát ra một cách tự nhiên và một cách "vô công dụng hạnh" từ đời sống thường nhật và tinh thần "diệu nhập" của hai vị. Tôi xin gọi hai vị này là "thiền sư" với tất cả đấng đo thận trọng và với tất cả ý nghĩa cao đẹp và "như thực" của một danh xưng "xung thiên chí"...

Giữa dòng thác lũ ào ạt và địa chấn thường trực của sinh mệnh, thế mệnh, và tính mệnh của quê hương, một sớm hôm nào đó, tôi đã được xô đẩy lặn hụp với Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát; tất cả ba anh em chúng tôi đều xuất thân từ Viện Phật Học miền Trung mà vị cha già của chúng tôi Hòa Thượng Trí Thủ (người đã bị Cộng sản Hà Nội thủ tiêu ngay lập tức sau khi Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát bị bắt giam vào ngày 1 tháng 4 năm 1984, vì "tội tán thành, ủng hộ, che chở, đùm bọc hành động phản cách mạng, lật đổ chế độ Cộng sản").

Đối với tôi, từ lúc nào cho đến lúc nào thì Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát cũng như và hơn cả "những đứa em ruột thịt" (mang vị thế "đàn anh" thì chỉ thực sự là "anh" khi mình có đủ sức mạnh và sở kiến xô đẩy cho những đứa em vượt xa hơn mình, và sự thực hiện nay là Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát đã vượt xa hẳn tôi đến nghìn trùng biên tế trong việc cứu mang trọn vẹn Tính Mệnh Việt Nam mà hậu quả bi đát là cái án tử hình do Hà Nội tàn nhẫn thực hiện bao nhiêu lần đối với bao nhiêu bộ óc siêu việt và bao nhiêu Anh hùng Liệt sĩ bất khuất của Dân Tộc.)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Cả ba anh em đều lớn lên, trưởng thành và làm việc với Viện Đại Học Vạn Hạnh mà chúng tôi coi như mái nhà gia đình trong cả nghĩa đen lẫn nghĩa trắng; chúng tôi đều là thành phần chính yếu nhất của Ban Biên Tập Tạp chí Tư Tưởng do tôi chủ trương thành lập, cùng với Ngô Trọng Anh, Tuệ Sỹ, Trí Hải (Phùng Khánh), Chân Hạnh, Lê Mạnh Thát.

Tất cả ý thức dẫn đạo cho cả Viện Đại Học Vạn Hạnh là do chính tất cả anh em chúng tôi quyết định (vị Viện Trưởng đương thời chỉ có thể lực về mặt hành chánh quản trị đại học, còn tất cả đường hướng tư tưởng triết lý dẫn đạo đều do chúng tôi khai thông và thể hiện trong những năm từ 1966 đến 1970, sau đó, tôi xa lìa Việt Nam cho đến nay và tôi không còn biết rõ tinh thần Vạn Hạnh như thế nào từ 1970 cho đến khi bị Cộng sản đóng cửa vào khoảng sau năm 1975.

Thực sự từ những năm 1966 cho đến 1970, Lê Mạnh Thát đang còn du học tại Hoa Kỳ, học ban tiến sĩ tại Viện Đại Học Wisconsin, Madison, hình như mãi đến năm 1973 mới về Đại Học Vạn Hạnh nhưng chúng tôi vẫn liên lạc với nhau thường xuyên, nhất là qua bài vở của tạp chí Tư Tưởng.

Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát đều sinh năm 1943 (Thát sinh quán tại Quảng Trị và Tuệ Sỹ thì nguyên quán tại Quảng Bình và ra đời ở Paksé tại Lào). Tên thực của Tuệ Sỹ là Phạm Văn Thương và pháp hiệu Tuệ Sỹ do chính mình tự đặt ra, có lẽ vì muốn theo gương của vị Đại Thiên sư đời Trần Tuệ Trung Thượng Sỹ? Cũng như Lê Mạnh Thát đã tự đặt pháp hiệu là Trí Siêu để gọi lại tên tuổi của hai vị Trưởng lão Thiên sư có tài và có đức nhất thời hiện đại?

Tuệ Sỹ và Trí Siêu đều tu ở chùa từ lúc rất bé nhỏ; cả hai đều rất giỏi chữ Hán, và rành chữ Pháp, chữ Anh, đọc hiểu chữ Đức, đọc được chữ Pali và chữ Phạn (Lê Mạnh Thát cũng biết đôi chút chữ Tây Tạng); cả hai đều có kiến thức uyên bác về

HUYỀN ÁI TÔNG

những kinh luận chính yếu của Phật giáo Nguyên Thủy và Đại Thừa.

Ít có nhà Phật học nào ở Việt nam có thể am hiểu tường tận về tư tưởng Vasubandhu và cả tư tưởng Asanga cho bằng Lê Mạnh Thát; cũng như có ít người hiểu được tư tưởng Abhidharma (hệ thống phức tạp nhất của Phật giáo Nguyên Thủy) và tư tưởng Nagarjuna một cách sâu sắc cho bằng Tuệ Sỹ.

Chẳng những thế, Lê Mạnh Thát và Tuệ Sỹ đều có kiến thức sâu rộng về Triết học Tây Phương (Tuệ Sỹ đọc rất kỹ Heidegger và Michel Foucault; bài diễn thuyết đầu tiên về Michel Foucault tại Việt Nam đạo đó là do Tuệ Sỹ thuyết trình tại giảng đường Đại Học Vạn Hạnh; còn Lê Mạnh Thát rất thông thạo về Marxism, đọc cặn kẽ bộ Recherches logiques của Husserl, hiểu biết rành rọt Wittgenstein và Bertrand Russell và Merleau-Ponty.

Tuệ Sỹ thì có tâm hồn thi sĩ chơi vui, sống trọn vẹn trong thế giới nghệ thuật và thi ca, thổi sáo, chơi dương cầm, làm thơ, say mê thi sĩ Đức Hoelderlin, đọc hết toàn tập đường thi ngay nguyên tác, viết một tác phẩm sâu sắc thơ mộng nhan đề "Tô Đông Pha, Những Phương Trời Viễn Mộng"; còn Lê Mạnh Thát thì không biết làm thơ và chẳng hề để ý đến nghiên cứu văn chương nghệ thuật, mà chỉ say mê luận lý học, khoa học và toán học, nghiên cứu sâu rộng về kinh tế, chính trị, và quân sự nhất là lịch sử thế giới, đặc biệt nhất là lịch sử những cuộc cách mạng ở thế giới (trong thư viện của tôi ngày xưa tặng cho Phật Học Viện Nha Trang có bộ sách Révolution Russe của Trotski).

Hồi đó vào khoảng năm 1962 hay 1963, tôi thấy Lê Mạnh Thát thường mượn đi mượn lại bộ sách ấy. Lê Mạnh Thát rất nặng tính thực nghiệm duy lý khoa học. Tôi còn nhớ vào năm 1968, nhân dịp được US State Department mời qua thăm viếng một

VĂN HỌC MIỀN NAM

số trường đại học Hoa Kỳ, tôi có dịp gặp Lê Mạnh Thát tại Wisconsin và không ngờ đó là lần cuối cùng và mãi đến bây giờ là 20 năm rồi mà chúng tôi vẫn chưa gặp nhau lại; đêm cuối cùng ấy, chúng tôi đã thức suốt đêm nói chuyện, và Thát đã làm tôi tức cười một cách khó quên khi Thát đề nghị sử dụng computer để hệ thống hóa tư tưởng bao la của Bát Nhã Ba La Mật. Còn nói riêng về mặt lịch sử Phật giáo bộ Chân Nguyên toàn tập (2 cuốn) và bộ Sơ thảo Lịch Sử Phật giáo Việt Nam (mới in được 2 cuốn) của Lê Mạnh Thát là những sử liệu quý báu nhất chưa từng thấy xuất hiện tại Việt Nam từ cả thế kỷ nay.

Chính Thát là người đầu tiên đã phát hiện ra "Sáu Bức Thư" quan trọng ở thế kỷ thứ V ở Việt Nam giữa Đạo Cao, Pháp Minh và Lý Miểu. Trong Nghiên Cứu Lịch Sử năm 1981 ở Việt Nam. Trần Văn Giàu đã trích dẫn tài liệu của Lê Mạnh Thát về "bằng chứng sáng tỏ của một số sinh hoạt văn hóa của nhân dân Giao Châu hồi thế kỷ thứ V... rằng sinh hoạt văn hóa đó đã phát triển đến một trình độ đáng tự hào, mang nhiều đặc sắc dân tộc, yêu nước. "cả một kho tàng chờ đợi chúng ta khai thác."

Lý thuyết gia cộng sản Trần Văn Giàu đã tận lực khai thác sự phát hiện của Lê Mạnh Thát để xuyên tạc một cách ngu xuẩn tất cả nội dung tư tưởng cao siêu của Việt Nam ở vào thế kỷ thứ V. Cộng sản Việt Nam cũng sử dụng và khai thác triệt để những công trình nghiên cứu độc đáo của Lê Mạnh Thát về Nguyễn Trãi, nhân dịp UNESCO tổ chức kỷ niệm lần thứ 600 ngày sinh nhật của Nguyễn Trãi. Điều này ít ai biết.

Nếu không bị giam tù ngày 1 tháng 4 năm 1984 thì chắc chắn Lê Mạnh Thát còn tiếp tục phát hiện biết bao điều bí ẩn dấu kín "đã chôn vùi trong bóng tối ngàn năm" như lời của Trần Văn Giàu nói về sự phát hiện tư liệu lịch sử về thế kỷ thứ V ở Việt Nam do Lê Mạnh Thát khai quật ra từ "Hoàng Minh Tập" và sau cùng mới đây khi Lê Mạnh Thát và Tuệ Sỹ bị Hà Nội kết

HUYỀN ÁI TÔNG

án tử hình thì đó chính là sự phát hiện lỗi lạc nhất của nhị vị để cho cả thế giới thấy rằng Cộng sản Việt Nam đã lạnh lùng tàn phá tiêu diệt tất cả những gì là tinh ba, là trí tuệ thượng đẳng tâm linh siêu việt của dân tộc.

Từ lúc hãy còn rất nhỏ cho tới lớn khôn trưởng thành, Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát đều sống một đời tu hành khắc khổ và trong sạch hoàn toàn, không bao giờ ham mê danh vọng thế tục, không bao giờ để ý đến địa vị xã hội và chẳng bao giờ biết đến tiền bạc lợi lộc cho chính bản thân.

Trong lòng nhị vị vẫn thường trực hùng hực thế nguyện vô biên đến Giác ngộ vì lợi cho tất cả và giải thoát cho tất cả, mà bước đi hùng dũng đã được thể hiện oanh liệt nhất hiện nay là dâng hiến cả sinh mệnh mình để giải phóng quê hương thoát khỏi cái chủ nghĩa ngu xuẩn nhất, tàn bạo nhất và vô minh nhất của thế kỷ XX.

Chúng ta chỉ đủ sức nhìn thấy được những Thiên sư đứng nghĩa mỗi khi nào chúng ta có đủ sức mạnh tâm linh để tự quên mình, cũng như Đại sư Đạo Cao đã dạy thống thiết trong sách "Sáu Bức Thư ở thế kỷ thứ V" mà Lê Mạnh Thát đã phát hiện cho toàn dân tộc:

"Nếu quên mình mà hết lòng thành thì tất cả cảm và có cảm thì tất có thấy: không cảm thì không thấy. Thánh nhân đâu phải không thường ở với quần sinh, đâu phải là ta không thường thấy".

Lê Mạnh Thát và Tuệ Sỹ đã quên mình mà hết lòng thành thì tất nhiên nhị vị cảm được tất cả những đồ vỡ bi đát của quê hương và kiếp người: Hai người đã được hết tất cả tính mệnh của Việt Nam thì tất nhiên nhìn thấy được những gì vẫn giữ lại Việt tính, và họ đã lên đường trở thành những Đạo sư dẫn đường cho cả dân tộc. Lúc Hà Nội kết án tử hình Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát hay bất cứ kẻ nào khác vô danh đã tranh đấu cho

VĂN HỌC MIỀN NAM

quyền làm người Việt Nam thì chính Hà Nội đã kết án tử hình toàn thể dân tộc.

Khi mà toàn thể dân tộc Việt nam bị một chế độ tàn bạo kết án tử hình thì đó cũng là lúc chế độ ấy đang tự hủy diệt trong lòng địa chấn linh diệu của Đại mệnh Việt Nam

Phạm Công Thiện
California ngày 18.10.1988

Thơ:

*"mười năm qua gió thổi đồi tây
tôi long đong theo bóng chim gầy
một sớm em về ru giấc ngủ
bông trời bay trắng cả rừng cây
gió thổi đồi tây hay đồi đông
hiu hắt quê hương bến cỏ hồng
trong mơ em vẫn còn bên cửa
tôi đứng trên đồi mây trở bông
gió thổi đồi thu qua đồi thông
mưa hạ ly hương nước ngược dòng
tôi đau trong tiếng gà xơ xác
một sớm bông hồng nở cửa đông".
(Trích trong tập thơ "Ngày sinh của rắn")*

*"tôi chấp chới
đáng giọng
giữa tháng ngày mơ mộng
nốt ruồi của hương
hay nốt ruồi của rigvéda
tôi mửa máu đen
trên nửa đêm Paris
tôi giao cấu mặt trời sinh ra mặt trăng
tôi thủ dâm thượng đế sinh ra loài người
cho quế hương nằm ở nhà thương điên của trí nhớ*

HUỶNH ÁI TÔNG

mặt trời có thai!

Mặt trời có thai!

Sinh cho tôi một đứa con trai mù mắt"

(Trích trong tập thơ "Ngày sinh của rắn")

"...Thôi nôi con trường giang mọi rợ

tôi mọi mãi mỗi trường an

con điều hâu chạy bắt con chim

con chim lòn qua kẽ núi

lọt ra gió Hải Nam thổi hiu hắt về Trường Sơn

nước Trường Giang mẹ ru chim ngủ

con lớn khôn rồi bỏ mẹ bay xa

Cha con già Trường Sơn con ơi

trường giang đi chảy mãi nửa đời

trường sơn già ngồi đứng hứng mưa

mưa đi từ dưới chân đò bỏ câu thượng thủy Tây Hồ

con lớn khôn rồi quên đất quên sông

con sông nào Cửu Long chảy từ thượng tứ

Mỹ Tho buồn thấy chết trôi sông

Súng nổ bên cầu quay

Mẹ bỗng con đóng cửa

Linh Tây dương đang say rượu giao thừa

Bông cúc vàng đây sân ướt máu

Ba con già con trẻ đi xa

Súng nổ trên mái lều

Nhà cháy bên hông

Mấy dì con chơi tứ sắc

Con còn nhỏ quá con ơi

..."

(Trích bài thơ "Trường giang Mỹ Tho")

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Công Thiện Web: vi. wikipedia
- Phạm Công Thiện Web: chuahaiduc.org

40) Phạm Hoàng Hộ



Phạm Hoàng Hộ (1931-)

Phạm hoàng Hộ sinh ngày 03 tháng 08 năm 1931 tại làng Thới Bình Cái Khế, tỉnh Cần Thơ. Thuở nhỏ, ông học tiểu học ở các trường Bassac, Nam Hưng và College de Cần Thơ và năm 1946 sang Pháp tiếp tục bậc Trung học lấy bằng Tú Tài I và II. Sau đó, ông theo học tại Đại học Sorbonne Paris, đậu bằng Cử nhân Khoa học năm 1953 và bằng Cao học về Khoa học thiên nhiên (Sciences naturelles) vào năm 1956.

Năm 1957, Phạm Hoàng Hộ về nước, được bổ nhiệm vào chức vụ Giám Đốc Hải học Viện Nha Trang từ 1957-1962. Tại đây ông tiếp tục công trình nghiên cứu rong biển VN, một phần của công trình nghiên cứu này được dùng cho luận án Tiến sĩ Khoa học mà ông đệ trình vào năm 1961 ở Đại Học Paris.

Năm 1962, ông được bổ nhiệm làm Khoa Trưởng Trường Đại học Sư Phạm Sài Gòn cho đến năm 1963, ông từ chức để phản đối chánh sách Phật Giáo của Tổng Thống Ngô đình Diệm.

Sau ngày 1 tháng 11 năm 1963, ông tham gia Chánh Phủ Lâm thời của Thủ Tướng Nguyễn Ngọc Thơ với chức vụ Tổng

HUỶNH ÁI TÔNG

Trường Giáo Dục, tuy nhiên không lâu sau đó chánh phủ này bị lật đổ vào ngày 30 tháng 01 năm 1964 do cuộc Chinh lý của Tướng Khánh, Khiêm và Đại Tá Cao Văn Viên, ông trở về với công tác giảng dạy môn Thực vật học, Trường Đại học Khoa học, Viện Đại học Sài Gòn.

Năm 1966, ông được bổ nhiệm vào chức vụ Viện Trưởng, cũng là sáng lập viên của Viện Đại học Cần Thơ, ông giữ chức vụ này đến năm 1970 .

Sau đó từ 1970 -1984, ông tiếp tục công trình giảng dạy và nghiên cứu thực vật đến năm 1984.

Năm 1984, do sự can thiệp của Tổng Thống Pháp Giscard d'Estaing với nhà cầm quyền Việt Nam, Phạm hoàng Hộ và một số trí thức sang Pháp tỵ nạn, ở Viện Bảo Tàng Thiên Nhiên Paris, ông làm việc ở cương vị của một Associate Professor trong suốt sáu năm để hoàn tất công trình nghiên cứu Cây Cỏ Việt Nam trước khi đi định cư ở Canada.

Phạm Hoàng Hộ từng là hội viên của một số Hiệp Hội Khoa Học Quốc tế, đã hợp tác với "National Academy of Sciences of America" để nghiên cứu về ảnh hưởng của *thuốc diệt cỏ màu da cam* dùng trong chiến tranh VN đến sự tăng trưởng của bào thai và sức khỏe con người.

Ông cũng từng là Cố vấn về môi sinh cho Ủy ban Mekong.

Ông Phạm Hoàng Hộ từng tham dự:

- Các Khoá hội thảo quốc tế Bảo Vệ Thiên Nhiên tại Athene năm 1957, Rong Biển tại Barritz năm 1961, Hiệp Hội Khoa Học vùng Thái Bình Dương tại Bangkok năm 1957, tại Tokyo năm 1966, tại Bogor năm 1973 và Hiệp Hội các Viện Trưởng Viện Đại Học Quốc Tế tại Seoul năm 1969.

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Các Phái đoàn Nghiên cứu về kỹ nghệ hóa việc sử dụng các loại Rong biển tại Japan năm 1960, Phái đoàn Nghiên cứu Rong biển thêm lục địa tại Cambodia năm 1973.

Trong sự nghiệp giảng dạy, ông huấn luyện một số sinh viên tốt nghiệp Diploma, chủ nhiệm của một số chương trình huấn luyện Cao học và Tiến sĩ.

Ông định cư ở Canada từ năm 1990

Tác phẩm:

- *Rong Biển Việt Nam* (1969)
- *Tảo học* (1972)
- *Sinh học Thực vật* (tái bản lần thứ tư, 1973)
- *Hiển hoa Bí tử* (tái bản lần thứ nhì, 1975)
- *Cây cỏ miền Nam Việt Nam* (1972)
- *Cây Cỏ Việt Nam* (6 tập, 1991-1993)
- *Cây Cỏ Vị Thuốc Ở Việt Nam* (2006)

Trích văn:

Thay Lời Tựa (a)

“ Khi làm việc ở Hải Học Viện Nha Trang và ở Museum, tôi có hoài bão xuất bản những quyển sách về Thực vật chúng Việt Nam bằng ngoại ngữ để công bố công trình khảo cứu của mình ra bốn phương, như lời hứa ngầm khi trình luận án.

Song nay tôi đã đổi ý và cho xuất bản bằng tiếng Việt. Đó là để chứng minh rằng ngôn ngữ nào, miễn được chăm sóc, đều có thể diễn tả kiến thức ở mọi trình độ. Tôi biết rằng có nhiều người cho rằng không ấn hành trong một ngôn ngữ quốc tế là phí công, giới khảo cứu làm sao biết đến. Nhưng tôi thấy chẳng cần đến việc ấy. Được mấy mươi triệu người Việt Nam biết và dùng, có giá trị nhiều hơn là được vài ngàn học giả

HUỶNH ÁI TÔNG

chuyên môn thường thức. Tôi đã bỏ cái tự hào sai là tranh đua cùng người ngoài để tự tạo lấy thanh danh, làm thom lây dân Việt. Tôi tin rằng cái tự hào ấy không thực tế, vì một người Việt Nam hay không bằng nhiều người Việt Nam khác: cầm đuốc soi thành phố người có vẻ không thức thời trong khi nước nhà còn u ám. Cái tự hào trên thật ra chỉ để che đậy sự trốn tránh trách nhiệm, sự bỏ phận sự trước con cháu chúng ta một cách không tha thứ được.

Tạo ra cho chúng ta một nền văn chương khoa học là một công trình rất bao la. Vì thấy nó quá to tác nên nhiều học giả chấp nhận giải pháp dễ nhất: học ngay trong văn chương ngoại ngữ vô cùng phong phú, dồi dào. Cái học như vậy sẽ cho ra những người giỏi, nhưng ta không quên rằng nền văn minh bây giờ là văn minh của đại chúng chứ không phải của vài người được nữa. Ta đừng để cho sự phong phú của văn hoá nước ngoài đè bẹp ta. Người Nhật, cách đây một thế kỷ, hà đã không hoảng sợ trước sự hùng mạnh của khoa học nước ngoài sao? Mà nay họ đã tự tạo được một nền văn chương khoa học riêng biệt đã gần đến lúc bằng hay hơn cả các nước ấy!

Hơn lúc nào hết, câu của Nguyễn văn Vĩnh còn văng bên tai “ Nước Việt Nam ta sau này hay hay dở là ở chữ quốc ngữ”. Trong thế giới tương lai, sự lệ thuộc về văn hóa khoa học sẽ là sự lệ thuộc chánh.

Bộ sách này hẳn không đầy đủ ;việc kiểm kê nước ngoài dầu do rất nhiều nhà thông thái hơn bên ta, còn vẫn chưa hoàn thành sau cả trăm năm làm việc. Nó hẳn chứa nhiều sai lầm, tôi sẽ rất hân hoan được ai bước sau sửa chữa; viên gạch đầu tiên bao giờ cũng bị lún mất, song sự mạng của nó hoàn thành nếu trên đó nảy sanh một ngôi nhà tốt đẹp hơn.(b)

Thực vật chúng Việt Nam gồm vào khoảng 12.000 loài, ấy là chưa kể các Rong, Rêu, Nấm.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Dựa vào con số này, Việt Nam là một trong những quốc gia phong phú về các loài thực vật. Pháp chỉ có 4.800 loài, Âu Châu 11.000 loài, Ấn độ 12-14.000 loài. Canada với một diện tích to lớn gấp 30 lần Việt Nam nhưng chỉ có 4.500 loài kể cả các loài ngoại nhập.

Miền Bắc Mỹ Châu, rộng lớn gấp 65 lần Việt Nam nhưng chỉ có hơn 14.000 loài mà thôi. Toàn thể Á Châu, rộng lớn gấp 23 lần quê hương ta tuy nhiên chỉ có khoảng 14.500 loài cây cỏ.

Nguyên nhân của sự phong phú rất phức tạp. Trước hết Việt Nam, không có sa mạc, nằm trong vùng nhiệt đới, thuận hợp cho sự sinh sôi nảy nở của cây cỏ. Nằm trên khối Indosinias của vỏ trái đất nên bền vững từ nhiều triệu năm qua và không chìm ngập dưới biển. Ngoài ra vào nguyên đại đệ tứ, Việt Nam không bị bao phủ bởi băng tuyết nên không mất đi một số loài thực vật như nhiều nơi gặp phải. Sau cùng sự phong phú về thực vật ở Việt Nam do yếu tố địa hình đặc biệt của xứ sở, Việt Nam nằm trên trục giao lưu giữa Nam Trung Quốc, Malaysia, Indonesia và cả Philipines. Tính trung bình rừng Amazon ở Nam Mỹ có 90 loài cây cỏ/ha so với 160 loài/ha ở Việt Nam và vùng Đông Nam Á.

Tính chất phong phú này là một điểm phúc cho dân tộc Việt Nam. Như tôi đã viết (1968) :

“ Hiễn hoa là ân nhân vô giá của loài người: Hiễn hoa cho ta nguồn thức ăn căn bản hằng ngày; Hiễn hoa cung cấp cho ta, nhưt là người Việt Nam, nơi sinh sống an khang. Biết bao cuộc tình duyên êm đẹp khởi đầu bằng một miếng Trầu một miếng Cau .Hồi xưa,mấy ai trong chúng ta đã không chào đời bằng một mảnh tre để cắt rún, rìi nhao? Lúc đây nguồn sống hay những khi nhàn rỗi. Chính Hiễn hoa cung cấp cho loài người thức uống ngon lành để say sưa cùng vũ trụ. Lúc ốm đau, cũng chính Cây Cỏ giúp cho ta được thảo hiệu linh...”

HUYỀN ÁI TÔNG

Tuy nhiên những ân nhân này của chúng ta đang bị hiểm họa biến mất, tuyệt chủng, vì rừng nước ta bị khai phá quá đáng, bị đẩy lùi đến dưới mức độ an toàn, khu vực rộng lớn đất màu mỡ đã bị xoi mòn và cảnh sa mạc đang bành trướng mau lẹ.

Đã đến lúc chúng ta có thể hét vang và gào to :

*“ Thần dân nghe chǎng? Sơn hà nguy bién.
Rừng dày nào còn, Xoi mòn đang tiến....
Đâu còn muôn cây làm êm ấm núi sông.... ”*

Kho tàng thực vật ấy chúng ta có phận sự phải bảo tồn. Sự bảo tồn và phục hồi Thiên nhiên ở nước ta vô cùng cấp bách. Chúng ta có thể tự thực hiện vì mỗi người của chúng ta, dù lớn hay nhỏ đều có thể góp phần vào sự bảo tồn ấy. Yêu nước không phải chỉ cầm súng chiến đấu, hiến thân vì tổ quốc mà thôi. Thời bình, người kinh doanh tạo ra nhiều công ăn việc làm mới cho nhân dân cũng đáng phục đáng ca tụng. Và chúng ta bằng những hành động nhỏ hằng ngày, sự đóng góp của chúng ta cũng quan trọng không kém: Không quăng bậy một tia lửa, một tàn thuốc, là ta đã góp phần tránh nạn cháy rừng. Không đốn phá bừa bãi một cây, là ta đã bảo vệ thiên nhiên. Trồng cây không chỉ là phận sự của Nhà Nước hay của các công ty lâm nghiệp. Xung quanh nhà chúng ta có thể tìm trồng cây lạ, hiếm có của vùng hay chỉ có ở Việt Nam. Các thôn làng thị xã nên có một công viên hay vườn Bách thảo trồng những cây đặc biệt của vùng mình Cây Dó đâu có gì lạ, nhưng là niềm tự hào của dân tộc vì có từ thời Hồng Bàng và dân ta đã biết lấy trầm từ nó. Trồng các loài cây lạ cũng là một yếu tố quyến rũ du khách: loại Phong lan Thủy tiên màu hường của chúng ta chỉ trồng được ở một vườn Bách Thảo ngoại quốc và đã gây nên niềm tự hào và ghi vào bộ sách Guinness thế giới (1988). Ngoài ra các làng quận huyện tỉnh thành cần tạo ra phong trào trồng cây gây rừng để bảo vệ thiên nhiên, môi sinh và tránh lũ lụt v.v...Chúng ta không phải làm những việc có tính cách vĩ đại như đem vi trùng vào nốt sần *Rhizopium* để tăng năng xuất

VĂN HỌC MIỀN NAM

đậu nành, trồng được các cây như cây Dó tạo trầm, du nhập lúa Thần Nông, Nho, Dưa hấu.....nhưng chỉ trông đợi ở từng cá nhân đóng góp những kế hoạch nho nhỏ vào việc trồng cây chắc chắn cũng sẽ đem đến lợi ích cho xứ sở nhứt là trong giai đoạn khai thác hiện tại ở quê nhà để tăng cao sản xuất nông lâm ngư nghiệp.

Cây cỏ như đã nói, không phải là cỏ cây vô loại mà là những ân nhân nuôi dưỡng chúng ta, che chở bảo vệ và chữa bệnh cho chúng ta.....Hy vọng bộ sách CÂY CỎ VIỆT NAM gồm 3 quyển này sẽ giúp cho các bạn trẻ nhận biết và làm quen nhiều hơn với những người bạn thiên nhiên hữu ích này.

Ghi chú:

- a. Sách Cây Cỏ Việt Nam.
- b. Lời mở đầu của GS Phạm hoàng Hộ về quyển sách Rong Biển Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Hoàng Hộ Web: ptgct.com

41) Phạm Ngọc Thảo



Phạm Ngọc Thảo (1922-1965)

Ông sinh ngày 14 tháng 2 năm 1922 tại Sài Gòn, nguyên quán Vĩnh Long. Cha ông là Adrian Phạm Ngọc Thuần một địa chủ

HUỶNH ÁI TÔNG

lớn người Công giáo, có quốc tịch Pháp. Ông Adrian Phạm Ngọc Thuần có tới hơn 4000 mẫu đất và gần 1000 căn nhà rải rác ở khắp các tỉnh Cần Thơ, Châu Đốc, Long Xuyên, Rạch Giá, Sa Đéc, Vĩnh Long. Ông Thuần có quốc tịch Pháp nên các con đều có quốc tịch Pháp.

Theo Pháp tịch, ông có tên là Albert Phạm Ngọc Thảo, còn gọi là Albert Thảo. Mọi người thường gọi là Chín Thảo vì ông là con thứ 8 trong gia đình.

Lúc nhỏ ông học một trường tư thục công giáo nổi tiếng ở Sài Gòn đó là trường Taberd. Năm 1939, ông có ra Huế học một năm học, sau đó trở lại Sài Gòn học tiếp. Khi học xong tú tài, ông không sang Pháp du học (do Thế chiến thứ hai xảy ra), theo học trường Kỹ sư Công chính Hà Nội.

Khi Cách mạng tháng Tám bùng nổ, anh cả của ông là Gaston Phạm Ngọc Thuần tham gia Việt Minh ở Vĩnh Long và giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến Nam Bộ (sau này làm đại sứ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại một nước Đông Âu). Anh trai thứ bảy Phạm Ngọc Hùng học ở Pháp, lấy vợ Pháp rồi về Việt Nam ra chiến khu chiến đấu, làm Ủy viên Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam. Phạm Ngọc Thảo tuyên bố huỷ bỏ Pháp tịch, từ Hà Nội quyết định trở về Vĩnh Long theo anh tham gia kháng chiến, làm việc ở Văn phòng Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ.

Năm 1946, trường Võ bị Trần Quốc Tuấn khai giảng. Ông cùng 12 chiến sỹ Nam Bộ khác được cử ra Sơn Tây học tập. Tốt nghiệp khoá I, ông được điều về Phú Yên nhận nhiệm vụ làm giao liên.

Sau khi trở về Nam Bộ, ông được giao nhiệm vụ Trưởng phòng mật vụ Ban quân sự Nam Bộ, tổ chức tình báo đầu tiên của cách mạng ở Nam Bộ, rồi được bổ nhiệm làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 410, Quân khu 9.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Những năm 1952-1953, ông là sĩ quan tham mưu trong một số đơn vị chủ lực của Việt Minh tại miền Tây Nam Bộ. Cũng trong những năm ở chiến khu này, ông lập gia đình với bà Phạm Thị Nhiễm, là em ruột giáo sư Phạm Thiều, nguyên đại sứ tại Tiệp Khắc.

Sau Hiệp định Genève, ở lại miền Nam hành nghề dạy học tại một số trường tư thục Sài Gòn. Phạm Ngọc Thảo trở lại Sài Gòn giữa lúc tình hình rất khó khăn: lực lượng Bình Xuyên gây rối khắp nơi. Sau cùng, ông về Vĩnh Long dạy học ở trường Nguyễn Trường Tộ. Sau này Giám mục Ngô Đình Thục đã giới thiệu ông với Ngô Đình Nhu và ông được sắp xếp vào làm việc ở Sở Tài chánh Nam Việt.

Năm 1956, ông đưa vợ con lên Sài Gòn sinh sống, làm việc tại ngân hàng quốc gia; rồi được chuyển ngạch quân sự, mang cấp bậc Đại úy đồng hóa.

Tháng 5 năm 1956 được sự giới thiệu của ông Huỳnh Văn Lang, Tổng giám đốc Viện Hối đoái và Bí thư Liên kỳ bộ Nam Bắc Việt của đảng Cần Lao, Phạm Ngọc Thảo được cử đi học khóa huấn luyện tại trung tâm Nhân vị tại Vĩnh Long. Đến tháng 10 năm 1956, ông gia nhập đảng Cần Lao.

Sau khi gia nhập đảng Cần Lao, ông phụ trách tổ quân sự, giữ nhiệm vụ nghiên cứu về chiến lược và chiến thuật quân sự và huấn luyện quân sự cho các đảng viên Cần Lao. Tháng 1 năm 1957 Phạm Ngọc Thảo tham gia biên tập nguyệt san Bách Khoa - tạp chí của một nhóm trí thức đảng Cần Lao.

Năm 1957, ông được điều về làm việc tại Phòng Nghiên cứu chính trị của Phủ tổng thống. Từ đó, ông lần lượt giữ các chức vụ Tỉnh đoàn trưởng Bảo an tỉnh Vĩnh Long, rồi Tỉnh đoàn trưởng Bảo an tỉnh Bình Dương.

Năm 1960, sau khi học một khóa chỉ huy và tham mưu ở

HUỶNH ÁI TÔNG

Trường Võ bị Quốc gia Đà Lạt, Phạm Ngọc Thảo được thăng thiếu tá và được cử làm Thanh tra Khu Trù Mật.

Năm 1961, ông được thăng lên Trung tá và được cử làm tỉnh trưởng tỉnh Kiến Hòa, tức Bến Tre ngày nay, để trực nghiệm Chương trình Bình định. Từ khi ông nhậm chức, tình hình an ninh tại vùng này trở nên rất yên ổn, không còn bị phục kích hay phá hoại nữa.

Sau đó, ông được cử sang Hoa Kỳ học một khóa về chỉ huy và tham mưu, rồi trở lại làm việc ở Sở Nghiên Cứu Chánh Trị.

Tháng 9 năm 1963 Bác sĩ Trần Kim Tuyến nguyên Giám đốc Sở Nghiên cứu chính trị (thực chất là trùm mật vụ) và Phạm Ngọc Thảo âm mưu một cuộc đảo chính. Phạm Ngọc Thảo đã kêu gọi được một số đơn vị như Quân đoàn 3, Quân đoàn 4, Biệt động quân, Bảo an... sẵn sàng tham gia. Để chấm dứt âm mưu đảo chính này, ngày 6 tháng 9 năm 1963, Tổng thống Diệm đã cử Trần Kim Tuyến đi làm Tổng lãnh sự tại Ai Cập.

Sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ ngày 1 tháng 11 năm 1963 (cuộc đảo chính do một nhóm tướng lĩnh khác chủ mưu), Phạm Ngọc Thảo được lên chức đại tá, làm tùy viên báo chí trong Hội đồng Quân nhân Cách mạng. Một thời gian sau, ông được cử làm tùy viên văn hóa của Tòa đại sứ Việt Nam tại Mỹ.

Đầu năm 1965, Phạm Ngọc Thảo bị gọi về nước vì chính quyền Sài Gòn đã nghi ngờ, muốn bắt ông. Vì vậy, ông đã đào nhiệm và bí mật liên lạc với các lực lượng đối lập khác để tổ chức đảo chính ở Sài Gòn.

Ngày 19 tháng 2 năm 1965, Phạm Ngọc Thảo cùng thiếu tướng Lâm Văn Phát, đại tá Bùi Dzinh và trung tá Lê Hoàng Thao đem quân và xe tăng vào chiếm trại Lê Văn Duyệt, đài phát

VĂN HỌC MIỀN NAM

thanh Sài Gòn, bến Bạch Đằng và sân bay Tân Sơn Nhất. Tướng Nguyễn Khánh đào thoát bằng máy bay ra Vũng Tàu.

Ngày 20 tháng 2, hội đồng các tướng lĩnh họp ở Biên Hòa. Các tướng cử Nguyễn Chánh Thi làm chỉ huy chống đảo chính và ra lệnh cho Phạm Ngọc Thảo, Lâm Văn Phát và 13 sĩ quan khác phải ra trình diện trong 24 giờ.

Ngày 21 tháng 2 năm 1965, các tướng tiếp tục họp tại Biên Hòa, quyết định giải nhiệm Nguyễn Khánh và cử tướng Trần Văn Minh làm Tổng Tư lệnh Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Ngày 22 tháng 2 năm 1965, Quốc trưởng Phan Khắc Sửu ký sắc lệnh bỏ nhiệm tướng Nguyễn Khánh làm Đại sứ lưu động, một hình thức trục xuất khỏi nước cho đi lưu vong. Ngày 25 tháng 2 năm 1965, Nguyễn Khánh rời khỏi Việt Nam.

Ngày 11 tháng 6 năm 1965, Quốc trưởng Phan Khắc Sửu và Thủ tướng Phan Huy Quát tuyên bố trả lại quyền lãnh đạo quốc gia cho quân đội.

Ngày 14 tháng 6 năm 1965, Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia đã được thành lập do tướng Nguyễn Văn Thiệu làm Chủ tịch.

Ông Võ Văn Kiệt kể lại: “tôi thấy Phạm Ngọc Thảo quá khó khăn nên đi tìm anh để đưa về chiến khu. Nhưng anh bảo vẫn còn khả năng đảo chính thành công, quyết tâm ngăn chặn bàn tay đế quốc Mỹ định đưa quân viễn chinh vào miền Nam, cản trở kế hoạch ồ ạt đổ quân vào Đà Nẵng cuối tháng 5/1965...”.

Đại sứ quán Mỹ cũng đề nghị đưa ông ra nước ngoài an toàn nhưng ông từ chối.

Sau khi nhậm chức, tướng Thiệu quyết định tìm bắt và giết Phạm Ngọc Thảo, để trừ hậu họa. Tướng Lâm Văn Phát đã ra trình diện và chỉ bị cách chức, nhưng đại tá Phạm Ngọc Thảo

HUỶNH ÁI TÔNG

phải trốn nhiều nơi, cuối cùng đến trốn trong Đan viện Phước Lý ở xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, Biên Hòa. Nơi trú ẩn này bị lộ, lúc 3 giờ sáng ngày 16 tháng 7 năm 1965, khi ông vừa ra khỏi Đan viện Phước Lý thì bị an ninh quân đội mai phục sẵn bắt rồi đưa về một suối nhỏ gần Tam Hiệp, Biên Hòa, định thủ tiêu.

Tuy nhiên Phạm Ngọc Thảo không chết mà chỉ bị ngất vì viên đạn chỉ trúng cằm. Ông được linh mục Cường, cha tuyên úy của Dòng Nữ tu Đa Minh, Tam Hiệp cứu chữa. Sau đó An ninh quân đội tới truy tìm, ông lại bị an ninh quân đội bắt về Cục an ninh quân đội, đường Nguyễn Bình Khiêm, Sài Gòn. Ông bị tra tấn dã man và bị đánh vào hạ bộ đến chết vào đêm 17 tháng 7 năm 1965. Khi đó ông mới 43 tuổi.

Năm 1987, Phạm Ngọc Thảo được nhà nước truy tặng danh hiệu Liệt sĩ, phong quân hàm Đại tá quân đội nhân dân Việt Nam, danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Là một người học Công Chánh, tham gia chỉ huy quân đội kháng chiến cấp Tiểu Đoàn, Phạm Ngọc Thảo tham gia viết cho tạp chí Bách Khoa trong hơn một năm, ông đã viết 20 bài báo nói về các vấn đề chiến lược, chiến thuật, nghệ thuật chỉ huy, huấn luyện quân sự, phân tích binh pháp Tôn Tử, Trần Hưng Đạo.... nhưng ông không có để lại tác phẩm nào, cũng chưa có ai sưu tầm các bài viết để in thành sách của ông.

Trích văn:

Trên tạp chí Bách Khoa trong bài “*Một số ý kiến về vấn đề lãnh đạo tinh thần một đơn vị quân đội*” (1/3/1957). Phạm Ngọc Thảo viết:

Tôi nhớ có một lần trong một trận phục kích, lúc địch đã đến gần mà một anh tiểu đội trưởng trung liên lại lên đạn có tiếng động. Địch quá gần không cách nào nói gì cả. Tức quá vì sợ

VĂN HỌC MIỀN NAM

mắt thời cơ nổ súng, tôi gõ trên đầu anh ấy một cái thật mạnh. Lúc xong trận, về đồn trại kiểm thảo, tôi bị cấp trên phê phán là thiếu tư cách chỉ huy, nhưng tất cả anh em binh sĩ đều phản đối. Họ phản đối vì họ hiểu rằng tôi chẳng có ý nghĩ gì khinh miệt đội viên. Khi họ đã thông cảm rồi thì họ không có chấp về hình thức gì đâu. Họ là người rất chất phác và rất giàu tình cảm. Thành thật thương họ, họ sẽ thành thật thương lại mình. Đã thương nhau thì sẽ hiểu nhau.

Sau năm 1975, tác giả Nguyễn Trường Thiên Lý tức Trần Bạch Đằng viết truyện *Giữa biển giáo rừng giương*, được đạo diễn Khôi Nguyên tức Lê Hoàng Hoa quay thành phim truyện *Ván Bài Lật Ngửa*, dùng nhân vật có thật và những sự kiện để hư cấu thành truyện, ca tụng Phạm Ngọc Thảo là một điệp viên xuất sắc, hoạt động đơn tuyến trong lòng địch, tức là ca tụng Cộng sản tổ chức giỏi, có những điệp viên ngoại hạng, nhưng có người chứng minh cho thấy Phạm Ngọc Thảo có quyết tâm chọn lựa, không theo đề nghị của Tòa Đại Sứ Mỹ, cũng không theo Võ Văn Kiệt. Ông đi theo con tim, cam chết tại nơi mình chọn lựa, để phục vụ tổ quốc.

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Ngọc Thảo Web: vi.wikipedia.org

42) Phạm Việt Châu



Phạm Việt Châu Phạm Đức Lợi (1932-1975)

Nhà văn Phạm Việt Châu tên thật là Phạm Đức Lợi. Sinh năm 1932 tại làng Hiếu Thiện, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

HUỶNH ÁI TÔNG

Di cư vào Nam sau hiệp định Genève. Năm 1954, bị động viên vào khóa 5 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Thông thạo các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nhật, Trung-Hoa và từng là Giáo Sư Anh Ngữ tại trường Sinh Ngữ Quân Đội (Cây Mai).

Đã đóng góp rất nhiều trong việc soạn thảo tập tài liệu song ngữ Giải Đoán Không Ảnh và đã được tưởng thưởng Lục Quân Bội Tinh của Hoa Kỳ trong những công tác ấy.

Từng là nhân viên nòng cốt trong ban Liên Hợp Quân Sự 4 bên và là trưởng phái đoàn VNCH đầu tiên ra Hà Nội năm 1972 để thi hành hiệp định Paris.

Chức vụ cuối cùng trong QLVNCH là Trung Tá Trưởng Ban Nghiên Cứu Chiến Lược – Khối Tình Báo – Phòng Nhì Bộ Tổng Tham Mưu.

Đã từng cộng tác với các báo: Bách Khoa, Phụng Sự, Quân Đội, và nhật báo Chính Luận. Các bút hiệu đã dùng: *Mạc Ly-Châu, Phạm Chi-Lãng, Phạm Việt-Châu.*

Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh đã đăng trên tạp chí Bách Khoa từ 1969-1974.

Sau khi Cộng sản chiếm miền Nam VN, Phạm Việt Châu đã tuần tiết tại tư gia ngày 5 tháng 4 năm 1975, hưởng dương 43 tuổi.

Tác phẩm:

- *Tự Do* (thơ)
- *Loạn và Máu* (kịch)
- *Giông Tố Đêm Giao Thừa* (kịch)
- *Lộng Gió* (tiểu thuyết)
- *Diễm* (tiểu thuyết)
- *Nắng Tắt Trên Làng Mai* (tiểu thuyết)

VĂN HỌC MIỀN NAM

- *Tìm Hiểu Thơ Tự Do* (tập I, II và III, hợp soạn)
- *Tìm Hiểu Thi Ca Miền Núi* (hợp soạn)
- *Dạ Lan Hương* (thơ - chưa in)
- *Quân Lực Cộng Sản VN* (biên khảo hợp soạn, 1975 chưa in).

Trích văn:

Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh

Dẫn Nhập

Cho đến khi người viết cầm bút viết những dòng này, năm 1968, học sinh Việt từ Nam chí Bắc vẫn còn phải đọc trong sách những dòng đầu địa lý về xứ sở mình: nước Việt Nam ở về phía Đông bán đảo Ấn-Hoa!

Cái bản chất lệ thuộc trong địa danh Ấn-Hoa đã hạ nhục tất cả các quốc gia độc lập trong khu vực, cũng như cái bản chất chur hầu trong quốc hiệu An-Nam đã làm cho người Việt chúng ta phải tủi hổ khi nghe người khác gọi mình và đã quyết liệt xóa bỏ bằng chính máu của mình.

Tại sao lại Ấn-Hoa, Ấn-Trung hay Ấn-độ Chi-na (Indochine)? Có phải vì trước đây người Tây phương khi nhìn về Đông phương đã không thấy gì hơn là hai quốc gia khổng lồ này? Một vùng gồm nhiều nước có vẻ hỗn tạp, không thể ghép vào Ấn vì chẳng phải là Ấn, không thể ghép vào Hoa vì cũng chẳng phải là Hoa, nhưng không đáng được mang một cái tên riêng, vậy âu đặt luôn là Ấn-Hoa cho dễ nhớ. Tây phương đã nghĩ vậy và đã làm vậy. Cũng với cung cách ấy, họ còn gọi khu vực chúng ta ở bằng những danh hiệu đầy tính chất lệ thuộc khác như Tiểu-Hoa (Little China) theo người Anh, như Ngoại-Ấn (L'Inde Extérieure) theo một số học giả Pháp.

HUYỀN ÁI TÔNG

Tuy nhiên, chậm lắm là sau Thế chiến II, người Tây phương cũng đã phải mở mắt rộng hơn để nhìn rõ hơn những gì đã xảy ra khi cả thế giới nhược tiểu bùng bùng trỗi dậy, nhất là ở vùng địa đầu tối quan yếu này. Với tiếng nói của một số dân nhiều hơn Liên Xô, nhiều hơn dân Hoa Kỳ và bằng toàn thể dân số Mỹ-la-tinh hợp lại cùng trỗi lên điệp khúc đòi tự do, giải phóng, đòi chỗ đứng riêng biệt trong tập thể nhân loại, thì tất nhiên âm vang của nó không thể không buộc người khác phải chú ý.

Sử gia D.G.E. Hall, giáo sư đại học ở Luân Đôn, đã lớn tiếng nhắc nhở người Tây phương không nên gọi vùng đất ở miền Đông Nam Châu Á này bằng bất cứ danh từ gì có liên quan đến hai chữ Trung Hoa và Ấn Độ. Vì gọi như vậy, chắc chắn sẽ bị người trong vùng phản đối và hơn nữa còn là cố ý phủ nhận sự cá biệt của khu vực này, tức phủ nhận một sự thực lịch sử. Vẫn theo ông, sự thực lịch sử đó là: dù có chịu ảnh hưởng rõ rệt của văn minh Hoa và Ấn, vùng đất này từ xưa đến nay vẫn có một nền văn hóa riêng biệt không thể chối cãi được. Nghệ thuật và kiến trúc ở Angkor, Pagan, Trung Java và các khu vực nguyên là nước Chiêm Thành cũ rõ ràng khác xa nghệ thuật và kiến trúc Ấn Độ. Ngay cả đến Việt Nam, nơi đã bị người Tàu cai trị từ năm 111 trước Công nguyên tới 939 sau Công nguyên, và dưới đời nhà Hán đã trở nên đối tượng cho một nỗ lực Hán hóa khốc liệt, vẫn phát triển một hướng đi riêng và vẫn bảo tồn được bản chất văn hóa cá biệt với những cỗi rễ tiếp nối từ thời tiền bị trị.

Đi xa hơn, học giả W.G. Solhiem, thuộc đại học Hawaii, đã vạch rõ ràng việc đặt cái tên Ấn Hoa cho vùng này phản ánh kiến thức ấu trĩ của Tây phương về trào lưu du nhập văn hóa. Ông đã chứng minh ngược lại là chẳng những ánh sáng văn minh đầu tiên không phải từ Ấn và Hoa chiếu rọi vào miền Đông Nam mà chính là từ miền Đông Nam tỏa lên và tỏa sang Hoa và Ấn. Qua các cuộc khai quật có hệ thống trong vòng 10 năm nay (nhất là giai đoạn từ 1963 đến 1968 tại Non Nok Tha,

VĂN HỌC MIỀN NAM

Bắc Thái), nhóm chuyên viên thuộc hai trường đại học Otago (Tân-Tây-Lan) và Hawaii (Mỹ) đã chứng minh một cách khá chính xác rằng: về nông nghiệp, miền Đông Nam Châu Á đã trồng lúa (gạo) từ trên 3.000 năm trước Công nguyên, nghĩa là trước Ấn Độ và Trung Hoa ít ra là 1.000 năm; về kỹ thuật, miền Đông Nam Châu Á đã biết đúc đồng bằng khuôn đôi sa thạch từ 2.300 đến 3.000 năm trước C.N., nghĩa là trước Ấn Độ 500 năm và trước Trung Hoa 1.000 năm

Vậy thì, hãy trả cái gì của César cho César. Vùng đất mà chúng ta đang nói tới cùng các quần đảo lớn nhỏ bao bên ngoài ở miền Đông Nam châu Á, chúng ta hãy gọi nó là Đông Nam Á, một cái tên đúng đắn nhất y cứ vào Châu và vị trí trong Châu, như người ta đã gọi Đông Âu, Bắc Âu, Nam Mỹ, Trung Mỹ, v.v....

Toàn thể Đông Nam Á gồm các nước Việt Nam, Lào, Kam-puchia, Thái Lan, Miến Điện, Indonesia, Phi-líp-pin, Mã Lai Á và hai mẩu đất phân ly trong khu vực Mã Lai là Singapore và Brunei (thuộc Anh). Để chỉ rõ ràng hơn, người ta gọi bán đảo vào đại lục Á Âu trước có tên Ấn Hoa nay là Đông Nam Á Lục Địa (Southeast Asia Mainland), phần còn lại là Đông Nam Á Hải Đảo (Southeast Asia Islands) gồm chuỗi đảo chạy vòng cung từ eo biển Malacca tới Luzon nối liền Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương.

Thực ra thì danh xưng Đông Nam Á đã xuất hiện từ năm 1943 trong cái tên của Bộ Tư Lệnh Liên Hợp Anh Mỹ (Anglo-American Southeast Asian Command) đặt tại Tích Lan. Đặt một bộ tư lệnh riêng cho một vùng trong thế chiến không thể là một chuyện ngẫu nhiên của Đồng Minh mà chắc chắn bắt nguồn từ một nhu cầu có tính cách chiến lược. Tầm quan trọng của toàn thể khu vực này đã đặc biệt gây sự chú ý trước hết cho những người chỉ huy quân đội các phe lâm chiến, sau nữa tới các nhà lãnh đạo của các đế quốc. Đó là điều bất hạnh nhất cho nhân dân Đông Nam Á mà chúng có đã rành rành trước mắt

HUYỀN ÁI TÔNG

chúng ta ngày nay, khi Đông Nam Á trở nên vùng tranh chấp hàng đầu của hai đế quốc Cộng Sản và Tư Bản.

Trở ngược lại trước Thế chiến 2, chúng ta thấy nhân dân các nước trong vùng đều chịu chung một số phận bị Tây phương thống trị. Trừ Thái Lan, dù chưa chính thức bị trị, nhưng cũng đã kinh qua nhiều phen tủi nhục vì sự chèn ép của Tây phương. Trong trạng huống ấy, đế quốc Tây phương đã trở thành kẻ thù số một trước mắt nhân dân Đông Nam Á. Và dĩ nhiên, họ đã vùng lên chống lại.

Suốt thế kỷ qua, nhân dân Đông Nam Á đã viết những trang sử đấu tranh thật anh dũng. Tuy nhiên, trong cuộc đổi đời vĩ đại và khá đột ngột (từ một xã hội sống thụ động trong nền nếp được áp định sang một xã hội luôn luôn xáo động với các ý thức, tư trào mới), họ đã không kịp sửa soạn để tự định đoạt lấy số phận bằng chính hướng đi của mình. Nhóm này đã lao theo chiều bài Đại Đông Á của Nhật và đã vỡ mộng khi thấy Nhật chẳng qua cũng chỉ mưu đồ thay thế Tây phương trong vai trò thống trị. Nhóm khác đã khoác vội lấy bộ áo xã hội đỏ vì tưởng đó là lá bùa chống thực dân hữu hiệu nhất. Nhưng khoác vào thì dễ, cởi ra thì khó! Như con thiêu thân đã chịu đèn, họ vẫn tiếp tục lao vào lửa và vô tình đã trở thành tay sai của một trong những đế quốc gian manh nhất thế kỷ: Đế Quốc Cộng Sản. Một số người khác, có thể là những nhóm ôn hòa hơn, hoặc đôi khi đã được kẻ thống trị tự trao trả độc lập (trong một cái thế không thể dừng.) Nhận mà không tốn công nhiều, họ trở thành những đứa con phung phí, chỉ biết dựa vào nước mẹ đỡ đầu cho tới khi chợt thấy mình không còn đứng nổi một mình nữa thì đã quá muộn. Nghĩa là đã đem dân tộc họ trở lại tình trạng bị trị, dĩ nhiên dưới một hình thức khác xảo quyết hơn, của đế quốc Tư Bản.

Cái thảm kịch chung của thế giới nhược tiểu là ở đó, nhưng cái thảm kịch của riêng Đông Nam Á lại còn khốc liệt gấp bội do nơi vị trí định mệnh của toàn vùng.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Nói đến vị trí định mệnh, trước hết chúng tôi nghĩ đến hình ảnh cái lò pha trộn các món văn hoá, sản phẩm tư tưởng từ mọi ngã và mọi thời kỳ của lịch sử loài người. Trong quá trình phát triển, Đông Nam Á đã có những sắc thái sinh hoạt riêng biệt, đồng thời cũng tiếp nhận hai nền văn minh Hoa, Ấn cùng tất cả các hình thái, tín ngưỡng thuộc các tôn giáo lớn của nhân loại. Sang kỷ nguyên mới, thế giới mở rộng, Đông Nam Á lại tiếp nhận một cách cởi mở nền văn hóa Âu Tây. Một sự điều hợp kỳ lạ giữa cái mới và cái cũ, giữa bảo thủ và tiến bộ, giữa tĩnh và động, có lẽ không ở đâu bộc lộ rõ rệt cho bằng xã hội vùng này. Trạng thái đặc biệt ấy không phải chỉ là một sự pha trộn Đông Tây kiểu Nhật Bản qua ly rượu champagne bên đĩa cá sống sashimi cổ truyền, mà hơn thế nữa, còn là sự phơi bày diễn trình văn minh nhân loại như có người đã hình dung "văn-hóa thời đại đồ đá cộng sinh cùng các phòng thí nghiệm năng lực nguyên tử" (stone age cultures coexisting with atomic energy laboratories).

Chuyển sang giai đoạn đấu tranh ý thức hệ, Đông Nam Á một lần nữa lại là mảnh đất thử lửa của các lực lượng đối kháng trên mặt đất. Dầu muốn dầu không, như định mệnh đã an bài, Đông Nam Á cũng đã bị nhuộm xanh nhuộm đỏ lổ chỗ khắp nơi. Và hơn bất cứ nhóm dân nào trên thế giới, người dân Đông Nam Á đã kinh qua những thử thách mới từ chiếc bánh bằng bột-lọc-trộn-thủy-tinh ngoài phủ kem hồng của Mạc Tư Khoa đến những đồng đô la tuy thơm mùi giấy nhưng bên trong đã được tẩm sẵn vi trùng đòi bại ở bên kia Thái Bình Dương. Những kinh nghiệm bằng máu và nước mắt ấy đang chói lên từ nội tâm những kẻ có ý thức và sẽ là ánh lửa làm phản tỉnh những phần tử còn mê lừa trong ảo vọng nương nhờ ngoại viện. Tuy nhiên, cho đến khi giác ngộ đủ triệt để ngõ hầu chuyển hoá thời cơ, nhân dân Đông Nam Á nhất là nhân dân Việt, vẫn còn tiếp tục phải hứng chịu những đòn thù từ đôi bên quật xuống.

HUỶNH ÁI TÔNG

Thành ra cái tính chất khai phóng trong việc tiếp nhận các tư trào mới nếu đã làm cho Đông Nam Á trở thành nơi đúc kết tinh hoa của tư tưởng loài người, thì trên thực tế cũng đã là mối họa triền miên có tính cách lịch sử, lúc âm ỉ, khi bộc phát, luôn luôn treo trên đầu nhân dân Đông Nam Á: đó là nhu cầu bành trướng quyết liệt của Trung Hoa về phương Nam. Nhu cầu ấy từ lâu đã trở thành quốc sách và dù cho Trung Hoa có ở trong chế độ quân chủ, dân chủ, tư bản hay độc tài cộng sản, mưu đồ Nam tiến vẫn được tiếp tục duy trì, tuy chiến lược có thể thay đổi, mỗi thời một khác.

Bàn tiếp đến cái mà chúng tôi gọi là vị trí định mệnh, nếu đứng trên bình diện nhân văn, chúng tôi đã nghĩ đến hình ảnh cái lò pha trộn các món văn hoá, thì đứng trên bình diện nhân chủng, chúng tôi lại thấy hình ảnh cái hồ lớn nằm kề lục địa Đông Á để hứng lấy và bao bọc tất cả những bầy cá bị săn đuổi từ các dòng suối dòng sông tản lạc về: chúng tôi muốn nói tới các bộ tộc Bách Việt qua nhiều đợt nam thiên dưới áp lực của Hán tộc.

Ngày nay, xét về xã hội Người tại Đông Nam Á, những nhà nghiên cứu nhân chủng không khỏi ngạc nhiên khi thấy một khu vực có vẻ hỗn tạp nhất nếu nhìn thoáng qua bên ngoài, lại cũng là nơi tương đối rất thuần nhất nếu đào sâu bới rẽ bên trong. Thật vậy, trừ những sắc dân cổ còn lại rất ít và khối người Trung Hoa mới hình thành gần đây, tất cả thành phần dân số chính cấu tạo nên tập thể Đông Nam Á ngày nay đều bắt nguồn từ chủng-tộc Bách Việt, mà các nhà nhân chủng học Tây-phương khi phân loại thường gọi là Indonesian hay Malay.

Milton W. Meyer, giáo sư sử học ở California, đã xác nhận "Khởi đầu từ năm 2.500 trước CN, từ phương Bắc, các giống người Malay đã mang theo văn hóa tiểu Mã xuống vùng này. Họ là tổ tiên của những dân tộc Phi-luật-tân, Indonesia, Mã Lai, Việt Nam, Thái Lan và Miến Điện. Những cuộc di cư của họ đã xảy ra trong nhiều thế kỷ. Đất gốc của họ là lãnh thổ

VĂN HỌC MIỀN NAM

Trung Hoa ngày nay và họ đã tạo nên những đợt nam thiên triển miên tiếp diễn xuống khắp vùng Đông Nam Á”.

Với hình ảnh cái hồ, chúng tôi cũng nghĩ tới đoạn đường chót của cuộc hành trình lịch sử. Thật vậy, chúng ta không còn đường nào, nơi nào để mà thiên di xa hơn nữa. Cửa ngõ thế giới đã khép lại trong khi áp lực từ phương Bắc, dưới hình thức này hay hình thức khác vẫn tiếp tục đè nặng xuống. Chúng tôi cũng không thể nghĩ khác hơn là ý nghĩ của những người Thái-anh-em ở bên kia bờ sông Cửu về cùng một mối lo chung của nhân dân Trăm Việt trên vùng định mệnh này. Ý nghĩ ấy đã được cựu ngoại trưởng Thái Thatnat Khoman phát biểu "Không còn chỗ nào cho chúng tôi lùi (thêm) được nữa! Do đó, với chúng tôi, nơi đây là kháng điểm đầu tiên và cũng sẽ là kháng điểm cuối cùng."

Là kháng điểm cuối cùng, thật thế! Cái ý nghĩ bi tráng ấy phải được cảm chiêu sâu sắc để từ đó khơi dậy ý thức đề kháng tự nhiên, chẳng riêng với Trung Hoa mà còn với tất cả các cường lực khác.

Từ lâu, miền đất rộng lớn bao la ở cực nam đã bị người Âu nhanh chân đoạt được và chuyển hình từ thuộc địa thành các tân quốc gia của riêng giống da trắng. Ngay bây giờ, ngọn cờ của các đế quốc thực dân Tây Âu cũ vẫn còn bay phát phới bên trong và sát cạnh Đông Nam Á, như Bồ ở Timor, Pháp ở Tân Calidonie, Anh ở Brunei, ở Solomon, ở Gilbert, Ellice, vv... "Lãnh thổ" của Mỹ cũng vốn nằm kề Đông Nam Á với các quần đảo Caroline và Mariana (thủ phủ: Guam); ấy là chưa nói đến các căn cứ quân sự còn đây đây ngay trong vùng. Cùng góp phần chia sẻ ảnh hưởng, người ta còn thấy Nga, với những tấn công ngoại giao mới, với hải lực ngày càng tăng cường hùng hậu ở ngay vịnh Bengal gần kề; và Nhật với cuộc xâm lăng kinh tế đã và vẫn còn đang được đẩy mạnh.

HUỶNH ÁI TÔNG

Tuy nhiên, điều đáng quan ngại hơn cả vẫn là những mầm ảnh hưởng xấu mà đế quốc đã gieo được trong lòng các dân tộc Đông Nam Á. Chính những mầm này đã nảy nở thành tầng lớp tay sai của các đế quốc và đã đưa đến sự phân hóa giữa các dân tộc và trong nội bộ mỗi dân tộc trong vùng. Sự phân hóa ấy đã làm suy yếu toàn thể khu vực và đã là chướng ngại quan trọng nhất cho mọi nỗ lực kết khối để sống còn và tiến bộ.

Nhìn thẳng vào quá trình hình thành và tiếp nối để sắp đặt đường đi nước bước cho mai sau, nhìn thẳng vào những vấn đề gai góc nhất để tìm giải pháp xác đáng, nhìn thẳng vào mặt những đế quốc hiện đại đang xâu xé vùng đất này để cùng quyết tâm đối phó, nhìn thẳng vào những vết rạn phân cách các dân tộc anh em để cùng đưa tay bắc một nhịp cầu kết hợp, đó là công việc mà thế hệ hôm nay yêu dân tộc, yêu quê hương, yêu vùng đất đã nuôi dưỡng mình nên làm và phải làm. Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh mong được là một đóng góp nhỏ bé trong muôn một.....

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Việt Châu Web: damau.org

43) Phan Lạc Tuyên



Phan Lạc Tuyên (1928-2011)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Phan Lạc Tuyên sinh năm 1928, là hậu duệ đời thứ 13 của họ Phan cư phách ở làng Hữu Bằng, Thạch Thất, Sơn Tây.

Năm 1951, đang học dở dang trường Luật tại Hà Nội, Phan Lạc Tuyên được gọi vào danh sách đào tạo Sĩ quan trừ bị khoá 1 của Quân đội Quốc gia Việt Nam

Tới đầu năm 1960, do BS Trần Kim Tuyến giới thiệu, Phan Lạc Tuyên được Tổng thống Ngô Đình Diệm cho mời vào trong dinh với ý định “coi mặt” để cử giữ chức Tiểu khu trưởng kiêm Tỉnh trưởng tỉnh Bình Dương. Nhưng sau đó được bổ dụng làm Chỉ huy phó Liên đoàn Biệt động quân.

Rồi Phan Lạc Tuyên tham gia cuộc đảo chánh ngày 11 tháng 11 năm 1960 do Nguyễn Chánh Thi và Vương Quang Đông lãnh đạo, khi thất bại các ông ép buộc Đại úy Phan Phụng Tiên phải cầm lái DC4 rồi bay thẳng sang Phnôm Pênh xin tị nạn chính trị.

Về phần Đại úy Phan Lạc Tuyên, dùng xe Jeep cùng với một số thân tín chạy về Tây Ninh rồi chạy qua Phnôm Pênh xin tị nạn chánh trị.

Tháng 3 năm 1962, tất cả mọi người tị nạn chính trị đều được phép ra khỏi trại, tự do kiếm việc làm. Nhờ vốn tiếng Pháp và khả năng viết báo, Phan Lạc Tuyên xin được một chân trong ban biên tập tờ La Dépêche Du Cambodge (Điện Báo Campuchia) do Châu Seng, Bộ trưởng Thông tin sáng lập. Phan Lạc Tuyên vừa làm báo vừa xin được dạy môn Văn chương Pháp tại Lycée Anna Kout.

Trong thời gian còn ở trại tị nạn, nhóm Biệt Động quân của Phan Lạc Tuyên được Mặt Trận Giải Phóng móc nối, nên năm 1963 tất cả được lệnh bí mật rời khỏi Phnom Pênh trở về mật khu ở Tây Ninh, họ được phân công tác đi các nơi, riêng Phan Lạc Tuyên được điều động ra Bắc.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1971, Phan Lạc Tuyên xin được học bổng đi Ba Lan học, sau ba năm học ở Ba Lan lấy được bằng Tiến sĩ về khảo cổ học, về Hà Nội được hơn 1 năm thì Cộng sản chiếm được miền Nam. Ông được điều vào Nam công tác tại Viện Khoa Học Xã Hội.

Ông tham gia giảng dạy tại Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại TP. HCM từ những ngày đầu thành lập, và cũng từ đây ông đi sâu vào nguyên cứu Phật giáo, rồi phát tâm Quy y Tam bảo với Hòa thượng Chơn Thiện, lúc này là Phó viện trưởng Học Viện Phật Giáo Việt Nam, với pháp danh là Nguyên Tuệ.

Hơn 20 năm gắn bó với học viện trải qua 5 khóa học, ông đã góp phần trong việc đào tạo trí thức Phật giáo.

Cuối năm 2008, ông vào chùa Diệu Pháp phát nguyện đi tu, xin với thầy Trụ trì ở đây cho một Pháp tự để khẳng định quyết tâm tu tập của mình, vì ông đã có Pháp danh rồi. Và xưng danh đầy đủ của ông từ nay là Phan Lạc Tuyên, pháp danh Nguyên Tuệ, Pháp tự Quảng Đạo Nhân. Và cứ thế ông tu cho đến tận những ngày cuối đời tại chùa Diệu Pháp ngày 10 tháng 11 năm 2011, sau đúng 50 năm cuộc bể dâu, thọ thế 83 năm, nương cửa Không tu trì 3 năm.

Tác phẩm:

- *Giải phóng Liên khu 5* (cùng viết với Phạm Viết Châu, 1955)
- *Mùa Hoa Mới* (1956)

Trích thơ:

Tình Quê Hương (Đan Thọ phổ nhạc)

*Anh về qua xóm nhỏ
Em chờ dưới bóng dừa
Ánh chiều lên mái tóc*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Tình quê-hương đơn sơ.

*Quê em nghèo, cát trắng
Tóc em lúa vừa xanh
Anh là người lính chiến
Áo bạc màu đấu tranh*

*Em mời anh dừng lại
Đêm trăng ướt lá dứa
Bên nồi khoai mới luộc
Ngát thơm, vườn gâu thưa.*

*Em hẹn - Em sẽ kể
Tình quê hương đơn sơ
Mẹ già như chiều nắng
Nhớ con trai chưa về*

*Ruộng nghèo không đủ thóc
Vườn nghèo nong tâm thưa
Ngõ buồn màu hoang loạn
Quê nghèo thêm xác xơ*

*Anh : chiến binh tiên tuyến
Về giải phóng quê em
Bao nhịp cầu đất nước
Nói về quê miền Trung.*

*Anh sẽ là anh đàn em nhỏ
Là con của mẹ giữ quê hương
Quê nghèo mai sẽ tươi mầm sống
Đàn trẻ thơ reo giữa lúa vàng.*

*Người em nhỏ mắt thơ bừng tin tưởng
Vui nhìn đoàn trai trẻ tới miền Trung.*

Tài liệu tham khảo:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Phan Lạc Tuyên Web: vietmass.com

- Phan Lạc Tuyên Web: phattuvietnam.net

44) Tạ Ký



Tạ Ký (1928-1979)

Tạ Ký sinh năm 1928 (Mậu Thìn) tại làng Trung Phước, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Làng Trung Phước nằm trên hữu ngạn con sông Thu Bồn, là một vùng có nhiều núi non. Phong cảnh hữu tình, đồi núi quê anh là nơi Bùi Giáng đã đi chăn dê, hai chàng thi sĩ đất Quảng xuất thân cùng một làng, thậm chí nhà ở cùng một xóm với nhau.

Sau năm 1954, ông bỏ dĩ vãng ở Lê Khiết của Khu Năm vào Sài Gòn học lại ở đại học Văn Khoa đường Nguyễn Trung Trực.

Sau trở thành giáo sư văn chương tại trường Trương Vĩnh Ký và một số trung học tại đô thành. Tạ Ký có thơ đăng trên Đời Mới và Văn Nghệ Tiền Phong

Đầu thập niên 60 ông bị động viên nhập khóa 14 Liên Trường Võ Bị Thủ Đức, ra Trường được phân bổ về dạy Võ Bị Quốc Gia, Đà Lạt. Sau đó ít lâu được biệt phái về dạy học lại.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Năm 1970 ông xuất bản tập thơ *Sầu Ở Lại*, đã đoạt giải thưởng Văn Chương Việt Nam Cộng Hòa.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, bị ném mù cay đắng trong "con gió bụi", cảnh nhà nát tan, vợ con ly tán, ông được về năm 1977, cuối năm 1978 xuống Chợ Mới ở, rồi bị bệnh và mất tại đó vào năm 1979, thọ chưa trọn đời người, hưởng dương mới 51 tuổi.

Làm thơ tử thi còn học tiểu học cho mãi đến những năm cuối của đời mình, cuộc đời của Tạ Ký gắn liền với thơ, cũng như với việc dạy học.

Hai mươi hai năm sau ngày ông mất, vào ngày 5 tháng Tư năm 2001, gia đình và bạn bè đã dời mộ ông từ Chợ Mới, An Giang về cải táng tại nghĩa trang Gò Dưa, Thủ Đức, bên cạnh mộ phần của nhà thơ Bùi Giáng, với ước mong đặt để trở lại chỗ nằm và chỗ đứng xứng đáng cho ông, trong cuộc đời cũng như trong lòng người.

Tác phẩm:

- *Sầu ở lại* (1970)
- *Cô đơn còn mãi* (1973)

Trích thơ:

Thêm buồn

*Tôi sẽ chết dễ dàng như đã sống,
Mất không buồn vì nhắm đến muôn thu.
Con chim nào xanh, giấc mộng nào hư,
Lời bay bướm lặng dần vào dĩ vãng.
Ba mươi đến khỏi lo tiền cơm tháng!
Em mỉm cười, em có hiểu gì đâu!
Tôi từng nghe chó sủa suốt đêm thâu,
Và chim hót suốt mùa đông lạnh lẽo.*

HUỶNH ÁI TÔNG

Ôi con chim hồng tìng bay lạc nẻo,
Đường về trái tim hun hút thời gian.
Thuở xưa kia người ấy đẹp tuyệt trần,
Cao nguyên ngực, Thái Bình Dương mắt biếc,
Anh đào môi, tóc trường giang quân riết,
Tháp da gà chưa một bóng du lang.
Anh đến bên em lời nói ngập ngừng ...
Ốc đảo chập chòn giữa trưa sa mạc,
Gót ngọc quay đi, một trời chét khát!
Thuở xưa kia thời mười tám, hai mươi,
Có chàng trai cười vẫn nở trên môi,
Tin tưởng lắm chuyện trên trời dưới đất,
Nhân ái, Công bằng, Yêu đương, Bất khuất,
Viết chữ hoa trong óc trẻ mười lăm!
Nay ba mươi biết được chuyện xưa lắm,
Thì đau khổ đã hằn trên trán nhỏ,
Và uất hận vạch trời nhưng chẳng tỏ,
Rồi cô đơn như một kẻ chân cừu
Trên đồi cao nhìn tinh tú luân lưu.
Tôi hốt hoảng như một người phạm tội,
Tôi muốn chạy nhưng mà đường nghẽn lối,
Chúa thì xa, Phật cao vút tìng không.
Phật tại tâm nhưng tâm đã bệnh bông,
Tiếng chuông Châu không ru hồn kẻ khổ,
(Một chiếc linh hồn mang mang thiên cổ)
Anh đến bên em quỳ gối nguyện cầu,
Em đẹp vô vàn như hạt trân châu,
Ai yêu mến mà không hề nói quá!
Nhưng than ôi! Em không là tượng đá,
Đội thời gian nhìn kẻ thế nhân qua.
Tôi làm thơ để mang tiếng tài hoa,
Mà vẫn điệu chỉ là châu ngọc hão
Yêu sai lỡ tự mình gây gió bão
Trách vu vợ mà chẳng trách mình ngu,
Thời loạn ly khởi sự tự bao giờ!
Tôi sẽ chết dễ dàng như đã sống,

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Đất nghĩa trang có chắc chi còn rộng,
Không biết nằm đâu sẽ hướng phương nao?
Nghĩ thêm buồn cho câu chuyện mai sau!*

Ruồi Và Em

Ruồi từ hổ tiêu bay lên

*Tiếng ruồi lao xao như sóng gợn
Mắt ruồi nâu làm nhớ tóc Tây phương
Ruồi đậu trên dây thép gai như chuỗi hạt huyền
Anh tặng em ngày cưới
Ruồi đậu trên dây thép gai như những nốt nhạc
Dây thép gai kẻ nhạc không đều
Làm sao em hát*

Có bày én về

*Không phải để báo tin xuân
Vì anh biết mùa xuân đã chết
Có bày én về tìm ruồi trên giây thép
Chuỗi hạt huyền vỡ tan*

Anh gọi tên em

Mấy lần.

T6, Long Khánh 1976

Dâng

*Đêm lạnh bốn bề gió hú
trần gian mênh mông hoàng hôn
thời gian trở về bến cũ
thịt xương xua đuổi linh hồn*

HUỶNH ÁI TÔNG

*có thưở chiêm lành mến chúa
nơi nơi cỏ mướt đồng xanh
có thưở đời là nhung lụa
danh từ chỉ có anh, em*

*ai đọc dòng kinh huyết lệ ?
ai rung chuông động luân hồi ?
hẹn nhau gặp ngày tận thế
không ta mà cũng không tôi*

Đoạn Trường Gợi Lại

*Bước chân nào nặng phù du
Ngón tay nào thất sầu trời hờn.
Cô đơn rồi vẫn cô đơn,
Bốn mươi thu đó đòi cơn đoạn trường.*

*Sông xa bãi cát vàng hanh,
Đìu hiu bến vắng, mong manh sương chiều.
Mười lăm năm giấc mộng vèo,
Bốn dây nhỏ máu xuôi theo Tiền Đường.*

*Từ em lần lữa lâu xanh,
Cuộc say đầy tháng, tàn canh, vẫn thừa.
Chờ đây bên cạnh người xưa,
Nửa đêm tái ngộ nghe mưa cuối trời.*

*Mà thôi, đàn kiếm giang hồ,
Trở về cát bụi, cơ đồ ngã nghiêng.
Say đến khóc, cười như điên,
Ngàn xưa động lại một thiên nào người!*

Dòng Thơ Hôm Nay

*Nghe như mình đã ngủ
Từ mười mấy năm qua.*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Quờ tay trong bóng tối
Ngắt vội một cành hoa.*

*Tuổi em mười sáu nhé,
Hay đã ba mươi rồi?
Cành hoa đêm đã héo
Hay vài cánh còn tươi?*

*Ly cà phê sánh đặc
Dạ hội tan từ lâu
Còn gì mà thức mắc
Đời không là của nhau.*

*Đi giữa lòng thành phố,
Cúi mặt trông bóng mình
Đôi bàn chân xương xẩu
Con đường rộng thênh thênh*

Sơ Nguyễn

*Hay là tôi đến thăm em?
Chiều không mưa, trăng chưa ngả bên thềm
Đường nhân thế lối đi về Vĩnh Viễn.
Tôi chín chắn như thủy thủ già vượt biển
Đọc mây sao tìm hướng của phong ba
Mùa lũ xuân mà ngày cũng sắp tà,
Nên do dự khi mang buồn đến biếu.
Người con gái thường vô tình chẳng hiểu
Kẻ thương mình thức trọn giấc chiêm bao.
Ba mươi tuổi rồi biết nói làm sao,
Lòng luyến mộ lẫn ít nhiều chua chát.
Trời hôm nay vài gợn mây tím nhạt.
Hay là tôi đến thăm em?
Thương là thương, dù đêm trắng cả đêm
Vẫn thức chép những vần thơ gửi tặng.
Lòng chúng ta hẫng nhiều phen cay đắng,*

HUỖNH ÁI TÔNG

*Đường em đi hoa đẹp nở bao lần?
(Nhũng đóa hoa tình của một thời xuân)
Cũg buồn thật nếu nhìn nhau đảm đui,
Cũg chán thật nếu lòng kia tiếp nối,
Và yêu đưng thành nhũng chiếc hôn nồng,
Giác chiêm bao gòn gợn nhũng đưng cong.
Hay là tôi đến...?
Dòng mắt em xanh,
Mong manh mong manh
Nửa chiều sơ nguyệt.*

Sầu Ở Lại

*Đời lờ nhũng sầu bên cốc rượu
Mượn vui bè bạn sống qua ngày
Đoạn trường hơn cả thân ca kỹ
Cơm áo làm quên chuyện nước mây
Năm cùg tháng tận đời hoang vắng
Bên quán ngờ đâu lại gặp mây
Gọi để mừng nhau khi hội ngộ
Thì xin hãy cạn chực ly đầy
Quàng vai tìm chút dư hương cũ
Nhắc đến hằng trăm chuyện đổi thay
Nhắc đến nhũng thằg nay đã chết
Nhũng thằg đưng sống kiếp trâu cày
Bạn ơi, nước mắt mình tuôn đầy
Ngồi nhậu bên đưng ta khóc đầy*

Buồn như

*Buồn như ly rượu cạn
Không còn rượu cho say
Buồn như ly rượu đầy
Không còn một người bạn.*

Buồn như đêm khuya vắng

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Qua cửa sổ trông trăng
Buồn như em nói rằng:
Nhớ anh từng đêm trăng*

*Buồn như yêu không được
Dù người yêu có thừa
Buồn như mối tình xưa
Chỉ còn dòng lưu bút.*

*Buồn như buồn như thế,
Buồn như một kiếp người.
Đây cõi lòng quanh quẽ
Buồn như đóa hoa rơi.*

Tài liệu tham khảo:

- Tạ Ký Web: talawas.org
- Tạ Ký Blog: thaita.wordpress.com/taky/

45) Tản Hoài Dạ Vũ



Tản Hoài Dạ Vũ Nguyễn Văn Bồn (1946-)

Nhà văn Tản Hoài Dạ Vũ tên thật là Nguyễn Văn Bồn, các bút danh khác: Nguyễn Giao Thủy, Nguyễn Kim Vân rồi Tản Hoài

HUỖNH ÁI TÔNG

Đạ Vũ, sinh năm 1946 tại Giao Thủy, Quảng Huế, Đại Lộc, Quảng Nam.

Đã đăng thơ trên các báo và tạp chí ở Sài Gòn từ năm 1963, lúc đang là học sinh Quốc Học, Huế (1962-1965).

Thực hiện nhiều tờ báo, tập san trong suốt 10 năm (1965-1975); trong đó, đáng kể có tạp chí Việt (1968-1969). Chủ tịch Sinh viên Đại học Sư phạm Huế và Phó Chủ tịch Hội đồng Sinh viên Liên khoa Huế (1968-1969).

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm và cử nhân Văn khoa Huế. Anh có thời gian dạy học tại Trường Trung học Trần Cao Vân- Tam Kỳ, rồi là Giám học Trường Trung học Quảng Điền- Thừa Thiên- Huế.

Từ 1 tháng 4 năm 1975 đến năm 1976, ông được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng Trường Quốc học Huế.

Năm 1978, ông được **đổi** về công tác tại Sở Văn hóa - Thông tin Quảng Nam, nghiên cứu văn học dân gian.

- Hội viên của Hội Hồng Sơn (1965) đến năm 1968 đổi tên thành nhóm Việt.
- Hội viên Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam
- Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.
- Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam

Tác phẩm:

- *Văn nghệ Dân gian Quảng Nam – Đà Nẵng* (Tập I, 1983- Tập II, 1984),
- *Văn học Dân gian Quảng Nam* (Miền biển -Tập III, 2001)
- *Văn học Dân gian Quảng Nam* (Truyện cổ các dân tộc miền núi -Tập IV, 2004)
- *Truyện cười Thủ Thiêm* (1987)

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Văn học Dân gian huyện Tiên Phước (2005)
- Thủ Thiệm, tiếng cười dân gian độc đáo xứ Quảng (2007)
- Chân dung thơ (1994)
- Phác họa chân dung một thế hệ (viết với Nguyễn Đông Nhật - 2007).
- Thơ tình Tần Hoài Dạ Vũ (thơ 1992)
- Ngọn lửa quạnh hiu (thơ 1996)
- Tình yêu và vàng trắng lửa (thơ 1997)
- Suy niệm hoàng hôn (thơ 2005).

Trích văn:

Điệp Khúc Tàn Phai

*Sau những năm tháng dài , bao nhiêu năm nào anh có nhớ ,
với chút danh vọng muộn màng anh đến thăm em*

*Anh đi tìm cái mình đã mất và mất chính cái mình muốn
tìm*

*Em hư hao đôi mắt nhìn xa lạ . Ngày nắng như một chiếc
khăn nạm bạc quán lên cổ anh những ẩn ức oi nồng . Anh
thở khó nhọc , kỷ ức nhạt nhòa dồn đẩy anh đến bên đường
số mệnh*

*Anh nói những điều vu vơ không định nói và im lặng về
những điều bao nhiêu đêm không ngủ được nằm trong
bóng tối nhớ em anh đã nói với riêng mình*

*Anh đi tìm cái mình đã mất và mất chính cái mình muốn
tìm*

*Em trưởng thành để em lại xa lạ . Em khôn ngoan nên anh
chẳng thấy lại ngày xưa .*

Tự thẹn với chính những gì cứ viễn vông ôm ấp anh ngời

HUYỀN ÁI TÔNG

ngu ngo ngó trời

Ngày nắng trong mưa , những tình cảm không ngừng hao hụt- những thương nhớ thành cuồng lưu trong lòng anh chấy xiết- suốt chặng đường mòn mỗi bao ước vọng không thành , tháng năm còn để sót lại những ám ảnh của một mùa xuân dang dở . Anh ngâm thơ hay anh đơn giản trước em ?

Anh đi tìm cái mình đã mất và mất chính cái mình muốn tìm

Anh trở về trong nỗi cô đơn , chiều đã xuống , những con chim đang về tổ . Còn anh , có chiếc tổ nào cho anh quay lại ? Rã rời trong những câu hỏi anh buông mình vào những mắt lưới ưu tư , chiếc tổ sau cùng anh dành tâm ẩn trú

Phải chi ta đừng gặp lại nhau . Phải chi anh đừng yêu em . Khúc hát phai tàn một ngày tháng giêng nhạt nắng .

Anh đi tìm cái mình đã mất và mất chính cái mình muốn tìm

Trên Đường Về

*Ta là viên đá
nằm bên bờ sông
có con chim lạ
hót trong đáy lòng*

*Hồn tan từ độ
em về dưới hoa
Trăng tàn máy độ
con tim hiền hòa*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Em về dưới hoa
ngồi nghe sương vội
Con chim ngoài nội
hót tuổi xa nhà*

*Em ngồi dưới hoa
hồn tan dâu bể
Bên sông viên đá
nằm mơ đường về.*

Giã từ quá khứ

*Khi mùa xuân gãy cánh lại nơi đây
Em mười chín lên xanh màu thiếu nữ
Con chim hót trên tầng cao biệt thự
Anh ngồi trơ giữa khoảng trống mênh mông
Một lần tìm nhau - tuổi trẻ xuôi dòng
Trận bão rút xoá mờ từng khuôn mặt
Sau tiếng nói đôi tay thềm chiếm đoạt
Môi đại khờ đem mật đắng trao nhau
Rừng tóc em nở trắng những hoa sầu
Nghe thân thể trôi dân trong tiếng khóc
Giữa buổi tim xây xốt xa vừa mọc
Đã lên cao trong một thoáng không ngờ
Chết hết rồi tuổi trẻ với ngậy thơ
Ngàn sao rụng dưới ao hồ nước đục
Em hót hoảng giữa khu vườn đạo đức
Anh bàng hoàng trên thành phố ăn năn
Trở lại đường xưa cỏ đã héo tàn
Làm khách lạ anh giã từ quá khứ.*

Quy ẩn, về đâu?

Kính tặng anh Tường Linh (nhân đọc “Khúc ca quy ẩn”)

Chiều xuống bên trời, mưa nữa đây

HUỶNH ÁI TÔNG

buồn như triều rộng sóng dâng đầy
phương xa đã thấm mùi lưu lạc
đã ngán chuyện mình mãi đổi thay
chẳng tiếc hư danh, đành phận mỏng
xoay tay mộng ngắn chẳng qua ngày
chiều nao soi bóng trong vịnh hiển
để tối nay ngồi nhâm đắng cay
thôi thế màu đời trăm sắc ảo
ngày về mây trắng trôi hai tay

Nhớ xưa ta đến đời như mới
nuôi mộng sóng hồ mắt đắm say
phơi phới tim vui lòng nhịp bước
buồn đau ngỡ đạp dưới chân giày
ta đi không nhớ người thương nhớ
không tiếc tình vương ở cuối mây
không hèn đâu màng câu lỗi hẹn
cười khinh danh lợi thế gian này
đâu hay đời cứ cho gian dối
thế sự trêu người mưa bóng mây
lối cũ quay về sương khói lạnh
tuổi xuân che mặt khóc hao gầy
thì ra ảo tưởng là ta đây
và cũng là ta kẻ trót vay
giấc mộng sóng hồ tan bọt nước
cười mình trí cạn, chẳng cơ may
“gẫm bao chí lớn trong thiên hạ
chẳng được còn xanh với cỏ cây
thì ta một chấm nhân sinh nhỏ
mong mọi gì hơn ở kiếp này?”(1)
biết thế mà không đành dạ thế
bụi đường trăm lớp giữ chưa bay

Tìm em cửa nhỏ mong tương ngộ
duyên muôn còn chẳng một chút này
mỏi gối gan hùm thay lột vỏ

VĂN HỌC MIỀN NAM

*gửi thân yếm thắm, óc chưa lầy
đêm đêm đối bóng thăm tâm sự
chẳng bắt trăng vàng trên gối say
chẳng hẹn người về chung lối mộng
chỉ mong dâu bể lấp mau đầy
nào hay nhân ngãi không đành phận
cuối cuộc tang thương để dấu giày
trong máu pha cung đàn tiễn hận
quạt mờ xanh nắm cỏ trên tay*

*Ai dẫn chân ta về xóm trúc?
am không xơ xác tám thân gầy
nghe câu thuyết pháp lòng như đất
chẳng ngộ cho mình được mấy may
quay bước, làng xưa tìm lối cũ
mẹ cha già yếu bỏ bao ngày
về nương bóng hạc quên đời bạc
bất hiếu thôi đành con chấp tay
quê cũ dòng xanh sông chảy lại?
tuổi thơ khói bếp có sum vầy?
ngàn năm mảnh đất đan trong kén
lại hóa thành thơ cho bướm bay
bạn cũ đã xa ngoài vạn lý
tạ lòng ai hát bóng trăng lay?*

*Ai về cố quận cam quy ẩn
ta xót chi đời những lúc say
manh áo ân tình đành bạc thếp
sâu lòng mấy buổi chẳng ai hay
đời thôi xin cứ bay như khói
chẳng có ai về lau mắt cay
dấu trốn được ra ngoài hữu hạn
hư vô cũng lạnh cuối chân mày!*

2-12-2001

Hẹn về quê Huế

HUỲNH ÁI TÔNG

*Em có sầu thương không hở em
Xa nhau rồi mắt có buồn thêm
Tên anh có viết đầy trang vở
Có gọi thăm nhau trong những đêm?*

*Trời chắc còn sương trong tóc em
Nắng vàng hanh đẫm nét môi mềm
Hương cau còn thoảng trong vườn vắng
Áo lụa em còn phơi trước hiên?*

*Và những chiều mưa em có trông?
Khi hoàng hôn rụng kín con đường
Bàn tay lạnh những ngày xa cách
Còn biết tay nào tay nhớ thương?*

*Anh sẽ về một sáng mùa thu
Sông Hương còn trắng những sương mù
Áo em trắng nhịp cầu thương nhớ
Bóng ngả lòng anh câu hát ru*

*Anh sẽ giong thuyền trên nước xanh
Chở trăng Gia Hội vào Nội thành
Soi nghiêng mái tóc thề Tôn nữ
Thiếp giữa một vùng hương mỏng manh*

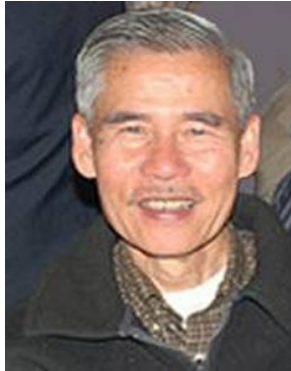
*Anh sẽ hôn lên vàng trán em
Tuổi ngây thơ ngủ đó êm đêm
Môi em anh gọi là hoa đỏ
Sẽ nở trong lòng sau mỗi đêm*

*Chờ anh về thăm nhé, Huế ơi!
Đường xa nhưng không thể sai lời
Chiều nay nắng trở trong lòng mắt
Con nước linh hồn không muốn trôi.*

Tài liệu tham khảo:

- Tần Hoài Dạ Vũ Web: vanchuongviet.org
- Tần Hoài Dạ Vũ Web: voque.org

46) Thành Tôn



Thành Tôn Lê Thành Tôn (1943-)

Thành Tôn tên thật là Lê Thành Tôn sinh ngày 09 tháng 9 năm 1943 tại xã Lộc Phước, con ông Lê Mẫn và bà Nguyễn Thị Cưu. Thành Tôn sống tại quê nhà một thời gian ngắn, rồi cùng gia đình dời ra thị xã Hội An để tránh khỏi lửa chiến tranh. Qua hết cấp tiểu học tại gia, Thành Tôn vào trung học Trần Cao Vân, Tam Kỳ.

Năm 1958, Thành Tôn trở lại Hội An, theo học tại trường Trần Quý Cáp, trong hai niên khóa đệ tam và đệ nhị.

Năm 1962, Thành Tôn đến Đà Nẵng học năm đệ nhất tại trường Phan Châu Trinh, cuối năm học Thành Tôn đỗ tú tài toàn phần.

HUỶNH ÁI TÔNG

Vì hoàn cảnh gia đình, nên vừa học Văn Khoa Huế, vừa dạy giờ tại các trường tư thục Phan Thanh Giản, Thánh Vinh Sơn (một chi nhánh của trường trung học Sao Mai, tại An Hải). Cùng lúc này Thành Tôn ghi danh học hàm thụ môn triết tại Đại học Đà Lạt.

Năm 1966, Thành Tôn thành hôn cùng chị Phan Thị Trinh là công chức y Thuế Vụ Đà Nẵng.

Năm 1967, Thành Tôn thi hành lệnh động viên, nhập ngũ theo học khóa 25 trường Bộ binh Thủ Đức.

Sau khi mãn khóa ra trường Thành Tôn được phân bổ về Tiểu Khu Quảng Tín, nơi đây được chọn làm chánh văn phòng (bí thư) cho hai đời Tỉnh trưởng Quảng Tín (Quảng Nam): Đại tá Hoàng Đình Thọ, và Đại tá Đào Mộng Xuân. Sau đó anh được chuyển về phòng Tâm Lý Chiến, giữ chức Trưởng phòng cho đến cuối tháng 3 năm 1975.

Thành Tôn đã làm thơ khi còn đi học và đã có thơ đăng trên Bách Khoa, tiếp theo là Văn Học, Văn, Vấn Đề, Khởi Hành, Nghệ Thuật, Sóng Văn, Quảng Đà. Năm 1969, tập thơ đầu tay *Thấp Tình* của ông ra đời.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Thành Tôn cũng như các Sĩ Quan Quân Lực VNCH, đều bị đi học tập cải tạo, ông bị đi cải tạo ra tận miền Bắc.

Năm 1997, Thành Tôn được đi định cư tại Hoa Kỳ theo diện HO, ông chọn cư ngụ tại Nam Cali, vì nơi này có môi trường hoạt động văn nghệ, nhưng ông chưa có thêm tập thơ nào.

Tác phẩm:

- *Thấp Tình* (Ngưỡng Cửa, 1969)

Trích thơ:

Nói Với Con Gái

1.

Con thức dậy cùng con chim sẻ non hé mồm trên mái hiên

Con nhện rê rà chăng lưới dưới chiếc nôi đung đưa

Bóng tối thẹn thùng dấu mặt

Nước đái con tinh khiết chan hòa

Con thức dậy cùng lúc con mèo thì thâm cùng con chuột nhất

Con chó con đùa bỡn với chiếc đĩa bếp

Bà nội đang vo nước gạo trong xanh vào lòng thau trắng

Mẹ nhóm đóm lửa hồng cho một ngày rục rờ.

2.

Con thức dậy với đôi mắt dịu dàng của tuổi thơ cha không có

Đôi má mồm mồm của ấu thời mẹ đánh rơi

Đôi môi hồng hào ngọt dịu của thiên thần bỏ quên đêm hợp cần

Đôi tay hào hoa vẽ vào chân không vùng trời ảo tưởng

Đôi chân son thì thảo gió sớm

Con thức dậy và nằm đó cùng mặt trời

Con hãy khóc lên cùng với ngày rạng rỡ

Con hãy cười cùng ánh sáng ngày hình

hãy khóc, hãy cười cùng bà, cùng mẹ đi con.

3.

Cha cũng thức dậy trên chiếc giường đung đưa của bệnh xá

HUYỀN ÁI TÔNG

*Trong khi những người bạn chuyển tay cây súng lạnh
vọng canh ngoài*

Đúng lúc tiếng súng ì ầm cùng với đất

Cha thức dậy cùng quê hương ta chan hòa máu đỏ.

4.

Con thức dậy cùng cha

Thức dậy cùng cha

Thức dậy để quê hương ta cùng thức.

Hồi Âm

*Ngày anh đi, tôi vẫn còn bé dại
chỉ biết cười thôi, dù buổi chia ly
nhưng vẫn nhớ, khi thuyền nan quay lái
dòng sông xanh dậy sóng tiễn người đi*

*anh say hải hồ, tôi mê học hỏi
tình cảm chúng mình nào đã...tàn phai
lời tiếc thương anh nhắn về thăm hỏi
bất trí tôi ôn lại tháng năm dài*

*ừ nhỉ, ngày xưa , cái gì lưu luyến
dòng sông xanh. Trăng thắm. Lũy tre làng
bến nước ò ngoan, núi chờ mây quyện
pháo đỏ, rượu nồng...Giỗ, Tết xênh xang*

*tất cả ngày xưa , chừ là kỷ niệm
bến Trâu Dầm, cầu Bà Đội...tang thương !
vì bởi thời gian một lòng quyết chiếm
cả chúng mình, cả bướm, cả muông chim*

*nào Bích, nào Ngân, nào Hà, nào Tố
đã không còn vết tích của ngày xanh*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*mà lại Ngọc Bích, Thu Hà...rất ngộ
đang bôn ba trên mấy nẻo kinh thành*

*và những Đào tong, Thi gầy, Hải móm
cũng lên đường đẹp loạn giữ quê hương
như anh biết tre tàn măng sẽ nhóm
câu hát : à ơi...vẫn quyện trong sương*

*chưa rượu tao phùng đã nhiều ngậy ngát
khi ngày xưa sống dậy ở trong tôi
tiếng hát ru con, ru tình thứ nhất
tiếng quê hương hay tiếng nói cuộc đời*

*tôi phục tài anh, ngày xưa, còn nhớ
và mối tình gắn bó với quê làng
muốn ngỏ đôi lời, nhưng sao vẫn ngại
anh có buồn khi người ấy sang ngang ?*

Miền cư ngụ

1.

*bước chân đuổi theo cùng ngày tháng
con đường vòng không dẫn đến đâu
muốn soi mặt mình gương đã rạn
tôi trở về tôi như vực sâu*

*tôi thỏa thuận xác thân miền cư ngụ
nhận sống đời như chuyện đã đành
cha mẹ anh em cùng ngôn ngữ
trao đổi nhau như dĩ nhiên*

2.

*kể từ đó đứng ngồi cho phải phép
vô lễ nằm khi thiên hạ đi*

HUỶNH ÁI TÔNG

*cũng có lúc tưởng mình lộn kiếp
nhìn tay chân mặt mũi nghĩ hơi kỳ*

*đặt câu hỏi cho từng người đã gặp
nhưng lạ thay , bị từ chối cảm thông
nên trở về tôi thẳng lạ mặt
trở về tôi cùng một chiếc gông*

*làm kẻ lưu vong trên thân xác
có đứng đi đâu ý định riêng
phải sống là đầu hàng cái chết
sao tranh dành nhau một miếng ăn*

3.

*bây giờ tôi như kẻ tử thương
nén cái nhìn tật nguyên lên thân thể
tay có cụt tôi ôm em bằng môi
chân có què tôi đi bằng hai vế*

*đến trăm tuổi đời, tôi ngã xuống
sống đã khôn thì thác phải thiêng
thôi giả từ anh em nó về đất*

tôi rời tôi như một chiếc tên

Cuộc đuổi bắt

*Tôi chóng mặt đi theo chiều tròn ốc
Va vào đâu dội lại số phận buồn
Tay thủ thế lẫn từng vòng ảo tưởng
Mặt mày tôi lem luốc nổi bi thương*

*Thử đứng lại nhưng dòng sông vẫn chảy
Tôi buông tôi theo triều lũ xa bờ
Mặt xây xẩm tay ngoằn ngoèo mắt dạy*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Đám đá tôi và cầu xé thơ

*Tôi xa lạ như tháng ngày cuốn hút
Tách khỏi tôi vào đứng lại nhìn
Mặt vuông vức, tóc đen niềng cốt nhục
Đá vào tôi con vạ đảo điên*

*Tôi lầy trốn để thặng bằng lại
Nhưng quần quanh sơ ý vấp luôn luôn
Trò chơi cũ không gây thêm hào hứng
Tôi ngọt ngào như vết thương*

*Để kiếm sống kéo lê đời ảo thuật
Khán giả ngoài la ó xua tay
Tôi xa lạ ngắm xem từng khuôn mặt
Chợt hiểu rồi tôi nhảy múa lẩn quay*

*Trò giải trí từng ấy năm cương lại
Đi vòng vòng theo lịch sử xem
Khi đã giáp mặt mình gương cũng vỡ
Tôi vô cùng như bóng đêm.*

Ranh Giới

*Vui riêng, cười lẻ, khóc thầm
đời sao sống vậy hồi âm cõi nào
vô ra nhạt bóng lao đao
co thân thủ thế trông vào những đầu*

*nhện buồn chỉ đó canh trâu
lười chẳng hồn dựng mắt sầu nhạt thừa
tới lui chân lạc tay thừa
mẹ cha cũng vậy nên chưa hiểu giùm*

*xuống lên trời tận đất cùng
anh em ngày một muôn trùng cách xa*

HUỖNH  TÔNG

máu hồng mạch sẻ lần qua
bàn chân via phố một ta kẻ chờ

dây dưa chấp nẻo ơ thờ
ngọn đèn chứng dm cũng mờ bóng quen
sống không tiếng động thân hèn
lại qua cũng vậy chi bằng thu thân

đi, về bóng lạ bàn chân
dòng sông nghiệp dĩ tiếp dân biển khơi
quanh co nghĩ rộng đất trời
cái tôi hiện hữu một thời vong nô

khép dần cánh cửa hư vô
thân chưa nhập thể cơ hồ cách xa

Cuối cuộc kiếm tìm

Tôi ro bước trên sợi giy ngò vực
nhưng lạ thay vẫn giữ được thăng bằng
tôi giả la với tôi từng un khúc
tra hỏi mình phải sống đây chng

nó đã đến trú nơi tôi từng bỡ
và tò mò lục lạo nỗi ưu tư
tôi hẳn tui có gì đâu đời sống
tóc đã thưa dần râu đã hư

tôi rờ khắp châu thân rồi tự hỏi
có tay chân mặt mũi cũng tình cờ
ở trong đó âm thầm vang tiếng gõ
và máu hồng chắc cũng hư vô

tôi tra gạn tôi như cuộc chiến
không lý do trên số phận con người
sống ln lt để thấy mình hiện hiện

VĂN HỌC MIỀN NAM
mãi rồi quen nghĩ cũng vui

*khi bắt gặp tôi thấy mình ủy mị
thân cong vòng uốn dẫu hỏi băng quơ
gwơng trước mặt vô tình không tráng thủy
nên lập lòe tôi nổi hư vô*

Thuyết giáo

1.

*Trên mỗi tâm thân xem đã nặng
hai vai sâu đeo nhánh tử sinh
bởi có mặt anh tôi hiện diện
nhưng mỗi chúng ta là cõi riêng*

*sống không là cõi phúc
chết đâu nổi cực thân
đứng đi như trò bấm nút
không là nhau nhưng chấp nhận chung*

*cần có mặt nhau như tấm kiếng
sao hóa trang thêm những râu
khi mở mắt biết mình sẽ nhắm
tranh dành chi nổi thiệt hơn*

2.

*Đời chưa đủ giả dối
sao còn đeo mặt nạ chung thân
sống là thu vào trong chiếc vỏ
ta vấy vùng cho nó lẩn*

*làm người không lựa chọn
diệt sinh đâu là chuyện tiên thiên
mỗi chúng ta còn đeo thêm chiếc bóng*

HUỖNH Ỉ TÔNG

dẫn co và lẩn quẩn trong chân

*không là anh nếu tôi vắng mặt
sống là soi vào nhau
đừng sắp chúng ta thành công cụ
đã đành là động vật như ai*

*hãy cúi xuống gõ bốn chân như ngựa
hãy đứng lên từng bước như đười ươi
cử động đó đâu là ta có phải
bởi sống đời không luận suy*

3.

*Tôi bắt tay anh chắc gì thân thiện
nhưng đâu thù nghịch nhau
sống là đứng dựng xoay hai mặt
sắp ngựa gì cũng chung*

Kẻ đào ngũ

*Buổi sáng soi gương và đội mũ
Lòng đã hồ nghi khuôn mặt quen
Dấu vết riêng nào trên nhân dạng
Đã hằng hằng không tuổi tên*

*Chân bước ra đường luôn chạm mặt
Những bàng hoàng trên nhan diện ai
Sống nửa đời người chưa dám chắc
Chân dung ta trung thực bao phần*

*Nên nhiều lúc tâm thần chấn động
Một kẻ nào ẩn dạng, âm mưu
Hắn tà giáo hay giòng chính thống
Mặt đầm đầm đường nét hư vô*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Những đội đập ngày đêm bán loạn
Trán phăng phiu dấy sóng muôn phiến
Thân chống bộ xương tròn hữu hạn
Hồn mang ảo giác kẻ tham thiên*

*Ngực sóng đã mơ hồ nhịp đập
Tìm trong tay kẻ lạ âm thầm
Cõi nào phân chia miền tranh chấp
Thân vô cùng rần rụa mối thương tâm*

*Ta bắt gặp ngoài ta hình bóng
Những đường quen nét thuộc nghi ngờ
Kẻ đào ngũ lâm li, ngấp ngọng
Nhàn nhạt trong cơ thể hồ đồ*

*Kẻ đào ngũ, chính ta trong hấn
Ngực cơ hồ đập nhịp ai xa*

Niềm riêng

*Ngắm ta dị tướng kỳ hình
Ngay thân thất lạc cong mình bơ vơ
Trăm năm xê dịch hằng giờ
Tình thâm nhòa nhạt từng giờ lá bay
Ngoài tầm mắt thịt, vòng tay
Sáng ra phiến trán đã đầy dấu nhấn
Gương soi mặt nọ thường hằng
Ta trong ý kẻ đôi đàng loanh quanh
Máu nào trăm sợi phân ranh
Bóng chao tượng động hồn nhanh xác rù
Cuộc ta, một cõi biên khu
Thác thiêng ảo giác sống ngu đời đời
Khoanh tay chịu tiếng ngậm lời
Phàm thân linh thể đất trời hư không*

Kẻ Lãng tử

HUỶNH ÁI TÔNG

*Quán trưa ghé một ta ngồi
Ly bia cũng nhạt cảnh đời tiêu sơ
Vào ra quen mặt nghi ngờ
Vòng quay đã lặt đĩa mờ âm thanh*

*Buồn buồn thổi khói lên nhanh
Mờ hơi ẩm quán lạnh tanh hồn người*

*Ngoài trời vội vội mưa rơi
Phố quen nhàn nhạt cảnh đời bay bay
Co ro hồn tỉnh chân say
Thân ta ướt át quên ngày nông cơn*

*Nhớ em trăm sợi chồn vờn
Nhạc hâm nóng máu đập dồn da gai*

*Bia lưng. Ghé nóng. Mưa mài
Quanh ta cảnh tượng nhạt phai tình người
Ngồi đây trông thật thành thoi
Tủy xương đậm dật trăm lời nôn nao*

*Cảnh ta, kẻ lạ trông vào
Dài đuôi mắt liếc đủ xao dòng tình*

Nói với cô bé ngồi quán

Tặng các bạn hội quán: Đán, Lâm, Danh

*Vào đây, ghé quán, khuya người
Quán như địa phủ, nhạc đời nhân gian
Quầy trơ, mắt bé ngỡ ngàng
Thuyền ai đổ bến, lòng nàng băng khuâng*

*Hồn ta trái gió đầy sân
Tình ta, mây cũng mấy lần thu nao*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Vào đây bàn nhấ, câu chào
Quen như thân thể, lạ nào chén ly

Đòi nhau, khói thuốc quên đi
Bên tai cổ nhạc làm lý canh tân
Trên kia dáng bé tân ngân
Lời yêu chậm nói, tình gần tay trao

Vào đây đèn đu hanh hao
Bóng ai theo đến kẻ nào quay lui
Cúi đòi trên chén ly, khuya
Mắt nhau một hướng, tình chia mấy trùng

Ngồi thẳm, góc quán mông lung
Xa nghe lời kẻ, gần chùng dáng ai
Vào đây nhạc đĩa đây vai
Vòng quay nhịp lặ, kim mài giọng quen

Mòn hao sợi tóc trăm năm
Khuya, mừng máu chậm. Tình, bằ tim mau
Ngậm lòng, quán vắng, ơn nhau
Ly tro ghé nóng, bé chau mắt nhìn

Vào đây như một đứ tin
Khói tan đóm thuốc, đòi vin tay nào
Miệng cười kín nộ lao đao
Tình chia nghĩa sót, câu chào riêng ai

Trách gì ý lỡ, lời sai
Cho nhau góc quán đêm dài dung thân
Thôi em trả đố tình gần
Ta xin bóng chiếc, đòi cần nhau, đâu ?

Vào đây, ghé quạnh, khuya nhàu
Tình như cổ tích đòi sau kẻ thẳm.

HUỶNH ÁI TÔNG

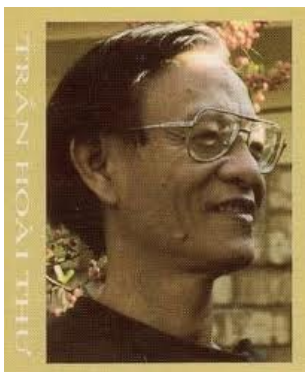
Về Thơ của Thành Tôn, Luân Hoán đặt hy vọng:

Những bài thơ đã xuất hiện ở các tạp chí Văn Học, Hợp Lưu, Văn...và các đặc san Quảng Nam Đà Nẵng chắc chắn cũng sẽ được tập hợp, gióng hàng ngay thẳng dưới một tên gọi rất Thành Tôn, ông bạn đã Thấp Tình lên để đi Thuyết Giáo cái đạo tình thương yêu, nhân bản của đời thường.

Tài liệu tham khảo:

- Thành Tôn Web: damau.org
- Thành Tôn Web: xuquang.com

47) Trần Hoài Thư



Trần Hoài Thư Trần Quý Sách (1942-)

Trần Hoài Thư tên thật Trần Quý Sách, sinh năm 1942 tại Đà Lạt Việt Nam. Tuổi thơ thất lạc cha, theo mẹ sống khổ cực ở thành phố Nha Trang. Sau đoàn tụ với thân phụ mới theo học Quốc Học Huế, đại học Sài Gòn. Từ năm 1964-1966, là giáo sư toán trường trung học Trần Cao Vân tỉnh Quảng Tín (nay đã sát nhập lại vào Quảng Nam).

Năm 1967, nhập ngũ khóa 24 SQTĐ Thủ Đức. Phục vụ tại đại đội 405 Thám kích vùng II trong 7 năm. Hai năm cuối cùng,

VĂN HỌC MIỀN NAM

trước ngày mất nước, làm phóng viên chiến trường vùng IV. Hai lần bị thương: lần thứ nhất tham chiến trận giải cứu thành phố Qui Nhơn, tết Mậu Thân; lần thứ hai: tấn công lên đồi Kỳ Sơn Bình Định, 1971.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, bị học tập cải tạo hơn 3 năm.

Năm 1980 ty nạn tại Mỹ, định cư ở New Jersey, Trần Hoài Thu

quyết tâm xây dựng lại cuộc sống mới trên xứ người, ông trở lại nhà trường năm 38 tuổi. Ít năm sau, ông tốt nghiệp Cử nhân Điện toán và Cao học Toán Ứng Dụng tại Đại Học Stevens Institute of Technology. Sau đó vào làm việc cho công ty điện thoại AT &T với chức vụ *Member of Technical Staff* về *Systems Engineering* rồi qua làm *Project Leader* về ngành tin học cho công ty IBM.

Khởi sự viết văn từ năm 1964. Truyện ngắn đầu tay *Nước Mắt Tuổi Thơ* đăng trên tạp chí Bách Khoa Sài Gòn. Ngoài Bách Khoa, còn cộng tác với Văn Học, Đồi, Bộ Binh, Thời Tập, Vấn Đề, Khởi Hành, Ý Thức. Sau 1975, có truyện đăng trên Nhân Văn, Hồn Việt, Dân Quyền, Diễn Đàn, Sóng, Văn Học, Quê Mẹ, Đới Mới.

Trần Hoài Thu đã nghỉ hưu từ năm 2004, đã cùng với những người bạn như Phạm Văn Nhân, Trần Bang Thạch ... xuất bản tạp chí không định kỳ *Thu Quán Bản Thảo* và ông chủ trương nhà xuất bản Thu Quán. Nhà xuất bản đã in, phát hành một số tác phẩm như: *Thơ Vũ Hữu Định*, *Quanh Quán Chuyện Đồi* (truyện của Trần Bang Thạch), *Hương Sắc Mong Manh* (thơ Hoài Khanh), *Một Mình Như Cánh Lạ* (thơ Hạc Thành Hoa), tập truyện của Y Uyên vv...

Tác phẩm:

- *Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang* (Ý Thức, 1968),

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Những Vì Sao Vĩnh Biệt* (Ý Thức, 1970),
- *Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi* (Ý Thức, 1971),
- *Một Nơi Nào Để Nhớ* (Con Đường, 1974)
- *Ra Biển Gọi Thăm* (1995),
- *Ban Mê Thuộc Ngày Đầu Ngày Cuối* (1997),
- *Về Hương Mặt Trời Lặn* (1998),
- *Thơ Trần Hoài Thu* (1998),
- *Mặc Niệm Chiến Tranh* (tùy bút),
- *Thủ Đức Gọi Ta Về* (hồi ức).
- *Ngày Vàng* (thơ)
- *Ô cửa* (thơ)

Trích văn:

Chiến tranh

Suốt cả một buổi trưa hai thằng chúng tôi mắc nạn không thể bò xuống đồi. Tư bị đạn trúng bả vai và chân. Còn tôi thì bị lựu đạn làm bể cả bắp đùi.

Lúc này mạnh ai nấy thoát. Bởi ai cũng biết rằng nếu ở lại thì chết bởi những họng súng đang sẵn môi từ cao điểm. Rõ ràng đây là một cuộc thí quân. Họ ra lệnh chúng tôi phải chiếm đồi với M16, và lựu đạn, trong khi địch ẩn núp trong những hang kiên cố, với lợi thế là thấy rõ chúng tôi, còn chúng tôi thì như những kẻ đui mù. Họ không hiểu chiến trường chó má này vì họ ở trên trời hay ở đằng sau. Họ làm sao hiểu chúng tôi làm sao có đủ khuru giác của lũ chó săn để có thể đánh hơi địch hay có đôi mắt thần để biết địch đang làm gì. Chúng tôi chỉ biết tuân lệnh, không cần biết địch đã dọn sẵn mìn, chờ chúng tôi có mặt là đại liên hai bên sườn nả xuống như mưa để cả bọn ngã nhào lẫn lộn đủ kiểu mà bị thương mà chết. Tư ơi! Thế nào cũng có quân tiếp viện. Tôi đã cố an ủi thằng bạn trung đội trưởng trung đội bốn. Nhưng Tư cứ một chặp lại rên rỉ. Cả hai chân tao, bụng tao bị trúng đạn. Trời ơi, tao đau quá. Tao chịu không nổi. Cho tao một viên đạn. Tao van mày hãy bắn tao đi. Nó van tôi, van một thằng bạn cùng sống chết với nó. Tôi thì

VĂN HỌC MIỀN NAM

bất lực. Lúc này chẳng cầu khẩn ai. Tổng Thống, Đại Tướng, Trung Tướng, Mặt Trời hay đại bàng. Họ thì ở xa quá. Chỉ có chẳng là mặt trời và những đám mây trắng bình thân trôi qua trên bầu trời. Chỉ có chẳng là một nỗi im lặng khủng khiếp. Và giữa lúc đó, tôi chỉ biết cầu nguyện. Tôi đọc mà không cần biết mình đọc để làm gì. Nam Mô Quan Thế âm Cứu Khổ Cứu Nạn. Lạy Trời Lạy Phật. Lạy Chúa Quyền Năng. Tôi đã bất lực rồi. Tôi khinh mạn tôn giáo và những gì siêu hình. Nhưng bây giờ, rõ ràng, tôi đã bị thua cuộc.

Tư là chuẩn úy, có mặt tại đơn vị này gần một năm. Hắn sắp cưới vợ. Người hôn thê là cô giáo trường quận. Hắn cứ nhắc hoài nàng, và chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng cùng ngày vui của hắn. Có ở trong một đơn vị tác chiến, mới hiểu được tình nghĩa giữa những người trong cuộc với nhau. Phía chúng tôi sẽ đại diện nhà trai mà đại diện là những ông thượng sĩ, trung sĩ nhất già của đơn vị. Hắn làm sao biết lần xuống núi này là lần mặt vận... Cả một đơn vị chịu trận. Cứ thế chúng tôi không còn chỗ nào bầu vùi. Bởi địch quá mưu mô xảo quyết. Họ đợi khi chúng tôi đến giữa bãi đất trống, họ mới nổ súng.

Bây giờ hắn thều thào, tiếng mất tiếng còn:

- Minh, mày hãy nghe tao nói. Mày phải tìm cách rời khỏi chỗ này... Thế nào bọn chó má này sẽ xuống đây lục soát...Nghe lời tao, hãy tìm cách rời đây... Rồi hắn khóc:

- Nếu mày có gặp Thanh Mai, nói với nàng hãy quên tao..

Tôi nhìn hắn, ghen ngào. Bên cạnh hắn là xác người lính truyền tin. Chiếc máy với ống liên hợp nằm tro vợ trên đất, tiếng máy vẫn sôi rè rè. Nó gần như trong tầm tay nhưng chúng tôi thì vô vọng. Tôi van lơn hắn:

- Tư, mày không hề gì đâu. Thế nào cũng có quân tiếp viện.

HUỶNH ÁI TÔNG

- ĐM, quân tiếp viện. Đến nước này mà mày còn nói đến quân tiếp viện. Này Minh, trong quân đội mày là khoá đàn anh của tao... Nhưng mày là bạn tao.

- Phải tao là bạn mày.

- Mày hãy nghe tao nói. Mày là nhà văn. Tao là độc giả của mày. Mày phải sống. Mày nghe rõ chưa. Mày phải sống để mà viết lại...

Rồi hấn gào lớn:

- Phải viết lại cảnh này. Thăng Trí, thăng Luông đang nằm cạnh tao đây cũng cần mày. Thăng Trí cống tao, rồi chết vì tao... Mày hãy nói cho mọi người biết về những cái chết chó má như thế này. Chết mà không được bắn một viên đạn như thế này...

- Tư. Tao xin nghe mày. Tôi đau đớn nói.

- Tao đau sống cũng vô ích. Hai chân tao, ngực tao, ruột tao... Chỉ còn cái đầu tao là không trúng đạn... Rồi hấn la. Không, hấn mắng tôi.

- Sao lại không chịu chạy. Mày hèn à. Điều hâu mà hèn à.

Rõ ràng, hấn thách tôi. Tôi muốn nghẹn ở cổ họng. Phải, tao không hèn đâu. Và tôi nhắm mắt, cố cầm cơn đau, trườn về phía sau. Đạn lại sủi bọt. Tôi chỉ còn cách vục sâu khoảng chừng hai thước. Một viên đạn xướt qua bả vai tôi. Máu đầm cả cánh tay áo. Tôi nhào đại xuống vục thẳm. Tôi té nhào giữa những bụi gai nhọn. Nhưng tôi quên hết cơn đau nhức. Chỉ có chăng là bắp đùi bị tê buốt vô cùng tận. Máu càng thấm cả một ống quần. Hai tay tôi lại cố vạch bụi. Và tôi lại vô cả những bãi phân người ghê tởm. Thì ra nơi này là chỗ cầu tiêu của địch. Tôi cứ bò, rồi trườn. Lúc này, tôi chỉ nghĩ đến bản thân mình.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Càng xa càng tốt. Đau cũng không bằng nỗi sợ hãi. Chính nỗi sợ đã bắt tôi quên hai cùi chỏ trầy trụa máu, và cả khúc chân như thể bị liệt đến nơi. Tôi cứ men con suối khô mà xuống. Những hòn đá cứ tiếp tục lăn theo. Và hai bàn tay tôi nhóp nhóp phấn màu đen đặc. Ruồi nặng giật mình bay lên tán loạn. Nhưng tôi không cần để ý.

*

Ngày hôm sau, quân tiếp viện mới lên lấy lại xác những người mắc kẹt. Tư bị bom xăng làm cháy thui như heo bị nướng. Những xác bây giờ không còn hình dạng nữa sau hàng trăm quả đạn từ căn cứ rớt xuống ngọn đồi. Địch chết vì đạn hơi ngạt. Còn ta thì bị nướng thiêu vì bom lửa. Tóc cháy quăn. Hai hàm răng trắng hếu. Những đường kẻ như háng, hay cổ bị nứt thành từng lằn, mở vàng như sáp ong. Có xác thịt da căng ra như quả bóng. Có xác như thể một thân cây bị cháy đen.

Chúng tôi phải cực khổ để nhận diện những người tử trận. Lúc này người ta mới thấy giá trị của con người còn thua cả con chó bị xe cán.

*

Từ quân y viện, tôi chống gậy trở về đồi với cả một con tim tan nát. Có lẽ từ trước đến giờ, tôi chưa bao giờ chạm trán cùng những điều quá sức tưởng tượng như thế này. Có lẽ tôi chưa bao giờ chuẩn bị để đối phó với cảnh huống của một đơn vị tan hàng. Bởi trước đến bây giờ đơn vị tôi chỉ biết thắng chứ chưa bao giờ biết thua.

Từ dưới công Sur đoàn tôi gọi điện thoại lên hậu cứ. Trung sĩ nhất Phú, hạ sĩ quan hậu cứ, lái xe dodge xuống đồi đón tôi. Anh ta mừng rỡ như bắt được vàng:

- Thân nhân lên đồi nhiều lắm. Họ làm tôi muốn khùng. Có ông đỡ gánh nặng cho tôi.

- Tại sao?

- Họ đòi mạng chồng con họ. Họ nằm vạ trên sân. Nay ông, ông phải đề phòng. Coi chừng họ xé xác ông ra đấy.

- Còn thiếu úy Mận ?

- Ông sợ quá nên cũng chạy luôn

Xe lên đồi. Người lính gác bắt súng chào. Tôi chào lại. Nắng lóa trên mái tôn doanh trại. Tôi nói với Phú anh dừng xe xa văn phòng đại đội một tí để tôi có thể lên vào phòng tôi. Mở cửa ra. Chiếc rương bằng ván của Trinh, người lính ô đô của tôi, nằm đây. Nhưng chủ của nó đã đi mất, mất mà không bao giờ trở lại. Tôi thì thảo một mình tôi nghe: Trinh ơi, vĩnh biệt em. Tôi đứng yên lặng. Căn phòng tối mờ. Mới hôm nào, cửa sổ lúc nào cũng mở ra, và nắng rọi vào phòng tươi thắm. Mới hôm nào tiếng nói chuyện hoặc cãi nhau ồn ào từ câu lạc bộ vọng về cũng như tiếng keng khua liên hồi cho một cuộc tập hợp lên đường và Trinh vào phòng hỏi tôi ông thầy cần gì em mang theo. Và phòng cạnh là phòng của chuân úy Tư. Hết rồi những buổi hai thằng đèo honda xuống chợ quận. Hết rồi những lần ngồi nhậu, hấn cứ luôn luôn chối cụng ly với chúng tôi. Và cũng hết rồi cơn mơ của hấn về một người vợ hiền, một ngôi nhà dưới đồi, trong cư xá sĩ quan. Trời ơi, khi con người đang bước vào giây phút cuối cùng, tất cả cuộc đời hấn còn lại trong những câu trời trần. Hấn trời trần tôi phải nhớ lại cái cảnh cả một nửa đại đội nằm xếp hàng mà chết. Vâng, Tư ơi, tao nhớ lắm, nhớ không bao giờ quên, nhớ mày nhờ tao nói với người vợ sắp cưới là hãy quên mày, nhớ lần mày mắng tao đồ hèn không dám bỏ chạy thoát thân. Nhớ cả cảnh thằng Tánh vát thằng Huang xuống đất rồi nói như khóc: Tao không thể cõng mày được nữa. Tao bị trúng đạn rồi. Mày hãy tha lỗi cho tao. Nhớ đến chiếc máy truyền tin vô chủ. Nhớ đến một mặt trời đỏ xuống cả khối nham thạch... Và tự nhiên hai lỗ tai tôi bỗng dựng đầu nhức không thể tả. Hình như có cả muôn ngàn âm thanh nhức buốt như đóng nện vào màn nhĩ.

Có tiếng gõ cửa. Giọng của trung sĩ nhất Phú:

- Thiếu úy tôi có thể vào được không?
- Vào đi.
- Có vợ chưa cưới của chuẩn úy Tư cần gặp thiếu úy.

Trời ơi, có ở trong hoàn cảnh này, mới tha lỗi cho nỗi mềm yếu của tôi. Tôi cố gắng không để lộ đôi mắt ràn rụa nhưng có sao tôi lại ôm mặt. Không phải tôi hận. Cũng không phải tôi đau. Những trạng thái tình cảm đã lắng rồi. Nhưng tôi không can đảm để phải kể cho một người về một người. Mà phải nói gì? Nói về một cái chết anh hùng chẳng? Nói về những lời trời trần chẳng? Nói về cảnh một người bị thương khắp tay chân, thân thể, quên cả mình để dục tôi phải nhớ mà viết. Để cho nàng phải hãnh diện có người chồng sắp cưới hy sinh vì tổ quốc. Tôi không phải là lãnh tụ, hay chuyên gia tâm lý chiến. Cái đau khổ này. Nỗi mất mát này là có thật. Còn những mỹ từ kia thì xa vời. Nói ra lúc này thì quá bất nhẫn.

Tôi bật đèn phòng. Người vợ chưa cưới của Tư, đôi mắt quầng thâm, mái tóc ôm cả bờ vai bất hạnh trong bộ đồ đen, đã đến bên giường rồi ôm lấy chiếc gối mà áp mặt vào. Bên cạnh đầu giường là chiếc bàn có tấm hình chụp Tư và nàng lộng trong khung. Nàng khóc âm ức. Khóc tức tưởi. Tôi và Phú đứng bất động. Trời ơi, tôi phải làm gì. Tôi không quen với cảnh đau khổ. Tôi sợ nước mắt của người khác. Tôi muốn biến khỏi nơi này lập tức:

Tiếng nói của nàng như kẻ lẽ, xoáy tận tim tôi:

"Anh hứa với em là anh sẽ xin phép để lo cho đám cưới, sao anh lại không xin phép? Anh ơi, hôm nay, em mang cho anh cuốn sách mà anh ưa thích"

Nàng nói như một người bị mộng du. Tôi chỉ biết cúi đầu. Phú nói thâm bên tai tôi: Tôi nói lính dọn mấy đồ đạc của chuẩn úy

HUỶNH ÁI TÔNG

Tur nghe. Tôi gật đầu. Nhưng khi Phú vừa mới mở cửa ra ngoài, thì thêm một người đàn bà bỗng con chạy vào phòng. Chị là vợ của Trinh. Chị vát con xuống đất, rồi níu lấy chân tôi. Thằng bé khóc ré lên cùng với tiếng kể lể của chị:

"Thiếu úy ơi, thiếu úy tại sao không giữ gìn chồng em để anh phải chết thảm như vậy hả thiếu úy. Anh ơi, sao anh lại bỏ mẹ con em. Anh chết gì mà thảm quá hở anh"

Chị rống lên. Thằng bé cũng khóc thét. Tôi mất hết bình tĩnh. Bây giờ tôi có ý nghĩ là làm loạn. Tôi điên khùng chụp súng chạy ra ngoài, nhắm phía ngọn đồi chó đẻ và bắn cuồng điên....-/-

Trần Hoài Thu trả lời phỏng vấn của Châu Hải Châu đăng tải trên tạp chí Sóng:

"... Tôi không có tham vọng trở thành một nhà văn. Tôi chỉ thật sự viết văn khi 20 tuổi và viết tùy hứng. Ngày tôi ở Thám Kịch, tôi kê giấy trên gò mả, viết dưới ánh trăng, hay trùm poncho viết trong ánh đèn pin quân đội. Đọc lại những bài viết của mình trước đây đôi khi tôi phải lạnh mình. Thủ thật tôi không thể ngờ tôi là kẻ sống sót để viết những dòng trả lời này. Qua Mỹ, tôi vừa làm, vừa học, vừa viết. Cũng tùy hứng. Tuy nhiên ngòi bút trở nên thận trọng hơn. Cái kinh nghiệm đờn đau của đất nước là một bài học cho người cầm bút phải không anh?"

(tạp chí Sóng, số 73 tháng 6 năm 1988)

Mai Thảo viết về Trần Hoài Thu:

"... Phía tôi nhìn thấy cho Trần Hoài Thu là cái phía của những người trẻ tuổi đặt sống thành suy nghĩ, tự thành trong cô đơn một đời, xuôi chảy thuận dòng theo đồng hành và thế hệ, nhưng vẫn bảo toàn nghiêm mật được cá nhân mình. Vì biết sống và viết cách nào cũng phải bắt nguồn từ đó."

(Văn số 197 ngày 1-3-1972)

Tài liệu tham khảo:

- Trần Hoài Thư Web: luanhoan.net

48) Trần Kim Thạch



Trần Kim Thạch (1937-2009)

Giáo sư tiến sĩ Trần Kim Thạch sinh ngày 01 tháng 01 năm 1937 tại làng Nam Ô, quận Hòa Vang nay là quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng trong một gia đình là dòng dõi hậu duệ Nhà Trần di cư vào Đà Nẵng từ khoảng thế kỷ XVI. Nội tổ là cụ Trần Đình Liệu làm quan triều Nguyễn. Thân phụ là nhà giáo, nhà trí thức Trần Kim Bảng bút hiệu Thiên Giang, thân mẫu là nhà văn Vân Trang, cả hai đều hoạt động trong Mặt Trận Giải Phóng, và cô ruột là nhà giáo Trần Thị Hợp Phố, cũng là nhà văn bút danh Hợp Phố là những người nổi tiếng từ trước năm 1975 ở Miền Nam. Thân phụ của ông cũng là anh em cột chèo với học giả Hồ Hữu Tường .

Năm 1955: Đỗ tú tài toàn phần, là cựu học sinh trung học Pétrus Ký Sài Gòn

HUỖNH ÁI TÔNG

Năm 1958: Cử nhân Vạn vật học Khoa học Đại học đường Sài Gòn

Năm 1960: Tốt nghiệp Cao học Vạn vật học Khoa học Đại học đường Sài Gòn và được học bổng toàn phần của Tập đoàn Dầu khí Shell đi du học tại Vương quốc Anh.

Năm 1964: Tốt nghiệp tiến sĩ tối danh dự tại Viện Nghiên cứu Trầm tích học thuộc Đại học Reading Anh quốc lúc mới 27 tuổi.

Năm 1964-1974: Giảng dạy với tư cách giảng viên (1964), giáo sư ủy nhiệm (1970) & giáo sư thực thụ (1972) tại Khoa học Đại học đường Sài Gòn và được bầu làm Trưởng ban Địa chất thuộc trường đại học này. Ông cũng là người Việt đầu tiên được giao chức vụ Trưởng ban khoa học của một trong những trường đại học hàng đầu của Miền Nam lúc ấy.

Năm 1973-1975: Tổng thư ký Hội Địa chất Địa lý Miền Nam Việt Nam.

Năm 1975-1976: Phó Ban lãnh đạo Đại học Khoa học Sài Gòn (Phó hiệu trưởng).

Năm 1976-1985: Giáo sư, Trưởng khoa Địa chất của Trường Đại học Tổng hợp thành phố HCM.

Năm 1986-2003: Giáo sư Trường đại học Khoa học Tự nhiên (Đại học Quốc gia thành phố HCM). Phụ trách bộ môn trầm tích.

Ông nghỉ hưu từ năm 2003 nhưng vẫn làm việc nghiên cứu địa chất, biên soạn sách cho tới ngày mất. Ông mất ngày 28 tháng 7 năm 2009 tại TP. HCM

Thành tích:

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Được Nhà nước tái công nhận chức danh Giáo sư ngành Địa chất học (1980)
- Thành viên Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam^[6]
- Thành viên hoạt động của Viện Hàn lâm khoa học New York - Mỹ (1993)
- Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học New York- Mỹ (1993)^[7]
- Thành viên Hiệp hội Dầu khí Quốc gia Mỹ (AAPG - 1993)
- Phó chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh (1983-1998)
- Thành viên Ban Cố vấn khoa học của Chính Phủ thời cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt và cựu Thủ tướng Phan Văn Khải (1990-2003).
- Được tặng thưởng Huy chương 30 năm Vì sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo và nhiều bằng khen giấy khen của Chính phủ, chính quyền các cấp. Được đề nghị xét truy tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân.

Tác phẩm:

- *Cơ bản địa chất học* (Lửa Thiêng, 1964)
- *Đất đá kỹ nghệ Miền Nam* (viết chung với Lê Quang Xáng, Lửa Thiêng, 1966)
- *Khoáng sản Miền Nam* (Lửa Thiêng, 1968)
- *Địa chất học thực hành* (viết chung Nguyễn Văn Vân và Lê Quang
- *Xáng* (Lửa Thiêng, 1970,)
- *Lịch sử thành lập đất Việt* (viết chung với Lê Quang Xáng, Lê Thị Đính, Lửa Thiêng, 1970)
- *Lịch sử địa cầu* (Việt Khoa, 1971)
- *Biên khảo về người tiền sử thế giới và Việt Nam* (Lửa thiêng, 1971)
- *Dầu hỏa Miền Nam Việt Nam* (Lửa Thiêng, 1972)
- *Địa cầu trong không gian và thời gian* (Lửa Thiêng 1972)
- *Cổ sinh vật học* (viết chung với Lê Thị Đính, Lê Quang

HUỶNH ÁI TÔNG

Xáng, Lửa Thiêng 1972)

- *Đường lên Hóa tinh* (Lửa Thiêng, 1973)
- *Dấu ấn văn hóa từ đất đá* (Trẻ 2001)
- *Kim cương* (Trẻ, 2002)
- *Địa chất dầu khí* (Rick Wilkinson / Đại học Quốc gia TP.HCM, 2002)
- *Chu Lai, một lối vào thế kỷ 21 của Việt Nam* (Trẻ, 2003)
- *Bí mật vũ trụ* (Nxb. Trẻ, 2006)
- *Thương pháp Đào Chu Công* (2003, chưa xuất bản)

Trích bài viết:



Mẫu đất hóa đá của giáo sư Trần Kim Thạch

“Năm 1994, tôi bắt đầu làm thí nghiệm ở nhà bếp của mình, mất hơn nửa năm mà chẳng đạt kết quả gì, tôi chợt nhớ đồng bào ta cũng thường nhồi đất sét với vôi tôi và nước ót (nước lầy ở ruộng muối sau khi khai thác muối), đem phơi nắng thì đạt được một khối đất khá cứng. Tại sao mình không bắt đầu từ kinh nghiệm này? Tôi chuyển qua thử nghiệm với đất sét, thực hiện rất nhiều kiểu pha trộn với tỷ lệ đất sét, vôi, nước ót cho từng loại đất sét khác nhau để rồi tìm ra một đáp số: Chỉ sau 7 ngày đã cho ra những khối đóng rắn chịu được độ nén khoảng 3kg/cm^2 và không tan trong nước nữa, sau 28 ngày thì đạt được độ nén 10 - 20 kg/cm^2 . Thử dùng máy đánh trứng để trộn kỹ hơn, đem ép chặt và phơi nắng thì độ chịu nén tăng đến 30%.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Như vậy, ngoài yếu tố hóa chất (vôi, nước ót) còn có 3 yếu tố quan trọng: trộn, nén, phơi. Vào đầu năm 1999, tôi đạt được các kết quả mong muốn với đất cao lanh thuần chất, không pha lẫn đất nào khác.

Thử thay vôi bằng magie oxit (MgO), kết quả thật bất ngờ: Hỗn hợp hóa cứng nhanh hơn và cho ra sản phẩm rất đẹp. Đã có thể làm được tượng nhỏ, tượng lớn, có hoặc không pha màu... Song có lẽ việc polymer hóa không tạo được sản phẩm song toàn như đá kết tinh từ đất nóng chảy: Nó chỉ bằng một thứ phiến đá cứng argillite (đá đất sét) của thiên nhiên. Mặt khác, nếu chỉ thành công trong phòng thí nghiệm thì đó là một trò xa xỉ. Vậy tôi làm đá này để làm gì và cho ai?

..... Ước mơ đầu tiên của tôi là đồng bào xa xôi ở đồng bằng sông Cửu Long có nền nhà tự tay làm lấy, bền mãi theo thời gian, ráo nước ngăn phèn, sạch sẽ quanh năm. Sau đó đến sân phơi nông sản như lúa, bắp, cà phê, tiêu... là những sân phơi không có xi măng làm hại mùi, rất cần thiết cho các vùng sâu. Nó có thể bị lũ ngập tràn mà không hỏng, chịu đựng được mưa nắng mà không rã. Giá thành không đáng là bao ngoài một chút phụ gia và công sức. Nếu giá một bao 50kg (kèm một gói phụ gia nhỏ) chỉ bằng phân nửa xi măng lại có kết quả tương đương với xi măng thì đường nhỏ ở mọi nơi của nông thôn sẽ được xử lý tốt, cùng lúc với phá bỏ cầu khỉ. Nhu cầu này lớn lắm.

Tôi từng thấy bà con nhập vải địa chất với giá 30.000 đồng/m² để trải đáy ao nuôi tôm, mà cứ hai năm lại phải thay lưới một lần. Nếu lót đáy bằng đá cùng chất lượng mà giá thành thấp chỉ bằng phân nửa hay một phần ba thì lợi cho nhà sản xuất rất nhiều".

Tài liệu tham khảo:

- Trần Kim Thạch Web: vi.wikipedia
- Trần Kim Thạch Web: vietbao.vn

49) Trần Thái Đĩnh



Trần Thái Đĩnh (1922-2005)

Ông Trần Thái Đĩnh chào đời ngày 14 tháng 11 năm 1922 tại Hưng Yên (Có tài liệu ghi là ông sinh năm 1921 tại Hưng Yên). Từ thuở nhỏ, gia đình đã cho ông theo học trường đạo địa phương, tiếp xúc đều đặn với môi trường tôn giáo, nuôi dưỡng chí hướng tu trì. Ông gia nhập Tiểu chủng viện Trung Linh, Bùi Chu.

Tốt nghiệp tiểu chủng viện, thầy Đĩnh được gửi theo học tại Đại chủng viện Saint Sulpice (Xuân Bích) Hà Nội. Trở lại Bùi Chu, thầy tiếp tục học thần học tại Đại chủng viện Quần Phương, và thụ phong linh mục năm 1947.

Tân linh mục Trần Thái Đĩnh được chỉ định dạy học tại Tiểu chủng viện Bùi Chu.

Năm 1953, Linh mục qua Pháp học thêm, tự nguyện xin gia nhập tu hội Saint Sulpice tại Issy-les-Moulineaux. Tu hội này chuyên đào tạo các linh mục, nhất là tu đức thiêng liêng, trong chủng viện. Linh mục theo học Ban Tiến sĩ Triết học tại Institut Catholique de Paris và đồng thời tranh thủ theo những khóa học tại *Collège de France*, từ 1955 đến 1957.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Năm 1958, Linh mục Trần Thái Đình đỗ Tiến sĩ triết Học tại Paris, Linh mục trở về VN giảng dạy Triết học tại Đại chủng viện Bùi Chu, lúc đó có trụ sở ở Đường Làng 21, đường Hoàng Hoa Thám, Gia Định. Ông dần dần được mời giảng dạy tại các đại học Huế, Đà Lạt, Sài Gòn, Đại Chủng Viện Xuân Bích Vĩnh Long đến 1958 và sau chuyển lên Thị Nghè, Gia Định năm từ năm 1959.

Linh mục giảng dạy trong Ban Triết Học Tây Phương tại Trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, khoảng năm 1974 cuộc đời biến động và bệnh hoạn đã đẩy ông vào chỗ bế tắc và khủng hoảng, Linh mục tạm trú ở Tu Hội Đắc Lộ gần nhà Hưu Dưỡng Các Linh Mục Bùi Chu, Ngã tư Bảy Hiền bên đường Lê văn Duyệt nói dài hướng về Tây Ninh, và Kampuchia.

Mỗi khi lên Viện Đại Học Đà Lạt dạy học, Linh mục Trần Thái Đình vẫn dâng Thánh Lễ tại nhà nguyện Năng Tĩnh. Nhưng mỗi lần Linh mục Viện Trường Lê Văn Lý mời Linh mục làm Khoa Trưởng chính thức Trường Đại Học Văn Khoa Đà Lạt, Linh mục đều từ chối lấy lý do không được khỏe và nhức đầu, mỗi khi lên chỗ cao độ như Đà Lạt. Nhưng về sau mới được biết ông băn khoăn vì khi làm việc tại Vĩnh Long, một số linh mục tu sĩ tỏ ra thái độ kỳ thị Bắc Nam, đối với các linh mục di cư vào Nam. Trong đó có thể việc Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục sử dụng giáo quyền cấm đoán không được giảng dạy Phật Giáo ở Đại Học.

Năm 1972, ông giữ chức Trưởng Ban Việt Ngữ tại Đại học Văn Khoa Đà Lạt. Cũng năm ấy được bầu làm Bề Trên Tu hội Saint Sulpice tại Việt Nam và Giám Đốc Đại chủng viện Xuân Bích tại Huế. Trong hoàn cảnh thuận tiện ông cũng được mời dạy Triết Tây cho Đại học Văn Khoa Huế.

Năm 1973 vì một tai nạn xe gắn máy, ông bị thương phải điều trị gần một năm trời. Trong hoàn cảnh chìm đong và bi quan cũng như gặp một vài bất trắc, ông đã chuyển hướng đời tu.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1975, vì tai họa cộng sản, trong hoàn cảnh bất đắc dĩ, ông công khai rời bỏ hàng ngũ linh mục, sống đời bình thường như mọi người. Ông lập gia đình đạo đức, hằng ngày vẫn dâng lễ tại Nhà thờ Bình Hòa, và có khi giúp đánh đàn phong cầm cho ban hát nhà thờ. Ông đặc biệt tôn sùng Thánh Giuse. Sau nhiều năm thảng thất chí dưới chế độ vô đạo, ông quay lại với sách vở, đọc và viết những gì ông muốn lưu ngôn.

Ông dường như muốn tránh mặt anh em và bạn hữu, cho đến ngày cộng sản xâm chiếm miền Nam, thì hoàn cảnh bé tắc lại càng đưa ông xa cuộc sống bình thường và hoà đồng với mọi người.

Ông trình diện tại Trường Văn Khoa Đại Học Sài Gòn với tính cách giáo sư Đại Học công lập giảng dạy triết học tại Trường Văn Khoa Sài Gòn, không còn thi hành các chức nhiệm linh mục. Ông vẫn câu tiến trong học vấn và hướng dẫn người trẻ cầu học. Đã có biết bao sinh viên trở thành cốt cán trong cuộc đời theo tinh thần ông. Đã thành thân biết bao linh mục, tu sĩ nhờ học vấn và chí hướng của ông.

Sau 30/4/1975, các giáo sư triết học ở miền Nam đều không được giảng dạy lại môn dạy trước kia. Giáo sư Trần Thái Đình chuyển sang giảng dạy Pháp Văn, như nhiều giáo chức khác và dịch thuật thêm nhiều tài liệu hầu hết là Công giáo để sinh sống. Ông lập gia đình với cô Nguyễn Thị Trần, cô là thư ký một thời gian tại một căn cứ quân sự của quân đội Úc đóng quân tại vùng Bà Rịa.

Ông bà được ba con trai, trong đó hai con đầu đã lập gia đình, còn người con thứ ba đã đi tu gia nhập Dòng Thánh Thể, hiện đang tập tu và học vấn tại một thành phố nhỏ phía nam gần Manila, Phi Luật Tân.

Từ khi về hưu, gia đình ông đã chuyển về cư trú lâu dài tại số 144 đường Nơ Trang Long, Bình Thạnh, Gia Định cho đến khi

VĂN HỌC MIỀN NAM

ông qua đời tại nhà riêng ngày 12 tháng 11 năm 2005 (có tài liệu nói là ngày 13/11) tại Sài Gòn, hưởng thọ 83 tuổi.

Tác phẩm:

- *La théorie du Bouddhisme (Lý thuyết Phật Giáo) Luận án Tiến sĩ Triết Học* (Paris - 1960)
- *Khái niệm bản ngã trong tư tưởng Triết Học Phật Giáo* (Sài Gòn)
- *Triết học nhập môn* (Sài Gòn - 1961)
- *Người Công giáo trước thời đại* (viết chung Sài Gòn: Đạo và Đời, 1961)
- *Những Suy Niệm Siêu Hình Học của Descartes* (Sài Gòn - 1962)
- *Triết học Descartes*
- *Triết Học Hiện Sinh best seller* (1967)
- *Cơ Cấu Luận, Hiện Tượng Học Là Gì?* (Sài Gòn-Hướng Mới, 1968)
- *Biện Chứng Pháp là gì?* (Sài Gòn - Hướng Mới, 1969)
- *Triết học Kant* (Sài Gòn - 1969)
- *Triết Học Hiện Sinh, phóng dịch từ Colin Wilson.*(Sài Gòn - 1972)
- *Phương Pháp Luận Descartes* (Sài Gòn - 1973)
- *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công giáo*, bản dịch cuốn *Catéchisme de l'Église Catholique của Giáo Hội - Pháp* Paris: Mame/Plon. 1992. (Orange, CA Thời Điểm Công Giáo, 1995)
- *Những Lời Giảng Dạy Của Chúa Giêsu* (TP. HCM)

Thư ngỏ gửi GS. Nguyễn Văn Trung

Anh Trung,

Cách đây chừng hai tháng, tôi được một người bạn gửi cho bài “*Người truyền bá chủ nghĩa hiện sinh nói về chủ nghĩa hiện sinh*”, do anh ấy cắt ở tập tài liệu “*Hãy Tỉnh Táo*”. Tôi bận quá, nay mới viết trả lời anh được, vì tôi coi đây là một món nợ tình

HUYỀN ÁI TÔNG

thần đối với sự thật, cũng như đối với bạn bè, trong đó có người đã chết như anh Lê Tôn Nghiêm, có người nay sống xa thành phố chúng ta như LM Thân Văn Tường.

Anh nói anh Lê Tôn Nghiêm, LM Tường và tôi nằm trong âm mưu của đế quốc Mỹ muốn dùng chủ nghĩa hiện sinh để lũng đoạn xã hội miền Nam trước 75. Theo bài kể lại, thì anh đã nói: “Để truyền bá chủ nghĩa hiện sinh có chất lượng, Mỹ đã sử dụng những giáo sư có khả năng, uy tín vào mục đích này...Đợt đầu hầu hết là những giáo sư du học ở nước ngoài tham gia truyền bá chủ nghĩa hiện sinh như Lê Tôn Nghiêm, Trần Thái Đình, Nguyễn Văn Trung, Lê Thành Trị, Thân Văn Tường...” (tr. 72). Tôi rất lấy làm lạ sao anh lại lôi chúng tôi vào câu chuyện của anh! Mà nói Mỹ dùng chủ nghĩa hiện sinh làm vũ khí phá hoại cũng là điều không đúng sự thật, vì:

a) Mỹ làm gì có chủ nghĩa hiện sinh mà mang vào VN? (Chủ nghĩa hiện sinh là riêng của Pháp mà Mỹ không bao giờ ưa Pháp, cũng như Pháp không bao giờ chịu Mỹ). Tôi đó ai có thể kể tên một triết gia hiện sinh người Mỹ. Ngay bên Anh quốc, triết hiện sinh cũng hoàn toàn vắng bóng: năm 1956, tôi nghỉ hè 4 tháng bên Anh, ở chung một trại hè với một giáo sư triết người Anh trong vòng 1 tuần. Ông này rất thông thạo về các trào lưu tư tưởng triết học cổ kim, nhưng về triết hiện sinh, ông chỉ đọc Heidegger và Jaspers, và ít đọc Sartre. Ông bảo Sartre chỉ là văn chương, và “văn chương bản thiêu” (ông nhắc tới cuốn “*La Nausée*” và cuốn “*l’Âge de Raison*” của Sartre). Ông cho tôi coi tuyển tập triết Tây Phương bằng tiếng Anh, trong đó người ta dành cho Sartre một bài duy nhất hai trang, dịch sang Anh ngữ: The Hole (le trou, cái lỗ) Phải chăng anh Trung đã cảm hứng trang sách này của Sartre để viết rằng ... người đàn bà là “cái lỗ thịt”?

Vậy như mọi người đều biết chủ nghĩa hiện sinh là một phong trào chỉ có tại Pháp, do ảnh hưởng lớn lao của Sartre về văn chương và văn nghệ (tiểu thuyết, kịch nghệ, điện ảnh, “các

động hiện sinh” của giới trẻ), nhưng giới hiểu biết, nhất là giới đại học và giới cầm bút, đều biết 4 cái triết cùng được gom lại trong phong trào hiện sinh chẳng có gì giống nhau hết. Cho nên những vị giáo sư triết được mọi người khâm phục như J. Walls, P. Ricoeur.... đều đồng ý gọi triết của K. Jaspers là philosophie de l'existence (triết hiện sinh), triết của Heidegger là philosophie de l'être (triết hiện hữu), triết của Marcel là Néo-Socratisme (Tân Socrate, hoặc triết học hiện hữu: “Être et Avoir” là một trong những tác phẩm nòng cốt của ông). Vậy chỉ còn Sartre là được dành cho danh xưng *existentialisme* (chủ nghĩa hiện sinh). Triết của Heidegger rất sâu xa và khó hiểu, vì ông muốn cái làm cho mỗi sự vật là nó. Triết của Jaspers là một sự vươn lên không ngừng, vươn tới chân tướng của con người và vươn lên tới siêu việt. Triết của Gabriel Marcel là một sự tra vấn về bản chất con người, bản chất xã hội. Chỉ có triết của Sartre là một thứ buông thả và ông dùng quá nhiều chất liệu dục tính trong các phân tích về con người. Chính Sartre cũng là triết gia duy nhất trong nhóm hiện sinh *đã sống hết sức buông thả*, có thể nói là vô luân. Suốt 30 năm trời, ông đã sống như đôi vợ chồng với Simone de Beauvoir, mà không phải là vợ chồng. Rồi về cuối đời, cả khi ông đã ngoài cái tuổi thất thập cổ lai hy, lại có thêm hai người phụ nữ nữa, cùng với Simone, phục vụ sinh lý cho ông: đó là Arlette, “người con nuôi” của Sartre trên danh nghĩa pháp lý, và một người đàn bà nữa mà tôi không nhớ tên, và không có tài liệu trong tay. (Xin xem Document Paris-Match, bài của Bernard-Henry Lévy, quãng năm 1991)

Tôi thấy cần nhắc lại những điều này có vẻ thừa quá, nhưng vẫn phải nhắc lại, vì bài thuyết trình của anh có những chỗ nhập nhằng. Chẳng hạn anh nói anh Lê Tôn Nghiêm, LM Tường và tôi giảng dạy chủ nghĩa hiện sinh ở Đại Học, có thể bản thân anh đã làm việc này, chớ chúng tôi thì tuyệt đối không: hãy soát lại các giáo trình của anh Nghiêm và của tôi ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn và Đại Học Văn Khoa Huế, có bao giờ chúng tôi dạy chủ nghĩa hiện sinh đâu? LM Thân Văn

HUỶNH ÁI TÔNG

Tường có dạy Đại Học bao giờ đâu? Ông chỉ dạy Đại Chung Viện Sài Gòn. Không lẽ ông giảng dạy chủ nghĩa hiện sinh cho các chủng sinh? Thực ra ông chỉ viết mấy bài về triết Gabriel Marcel trong tạp chí *Bách Khoa* thôi, mà triết của Marcel đâu có phải là thứ triết buông thả và sa đọa?

b) Bài thuyết trình của anh làm cho người ta có cảm tưởng như đế quốc Mỹ đã chi phối và khuynh đảo việc giảng dạy Đại Học ở Sài Gòn trước 75 đã có phần nào tự trị Đại Học, không có Mỹ nào, đảng chính trị nào, dù là Đảng Cần Lao của Nhu-Diệm, ở trên hoặc cạnh Hội Đồng Khoa. Trừ một trường hợp dưới chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm: Giám Mục Ngô Đình Thục đã ép chính quyền, cụ thể là Viện Đại Học Huế, không cho anh dạy ở Huế nữa, và chuyển anh về Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Cũng Giám Mục Thục lấy giáo quyền cấm tôi không được dạy triết Ấn Độ và tư tưởng Phật giáo ở Đại Học Văn Khoa Huế nữa. Thật ra đây là vấn đề cá nhân. GM Thục cấm tôi dạy về Phật Giáo, nhưng ông không có quyền cấm dạy môn tư tưởng Ấn Độ và Phật Giáo, vì giữa lúc đó Thượng Tọa Thích Thiện Ân vừa đậu Ph.D. ở Nhật về tới Huế, và Thượng Tọa tiếp tục giảng dạy môn mà tôi đã phụ trách từ ba năm trước đó.

Trở lại nền tự trị đại học, anh còn biết rõ hơn tôi rằng các giáo sư phụ trách các bộ môn đều toàn quyền và chịu trách nhiệm soạn thảo giáo trình, giảng dạy, ra đề thi, chấm thi, cho đậu hoặc đánh trượt về môn mình phụ trách.

Đàng khác, cho tới tháng 4/1975, nền đại học miền Nam và cụ thể là Đại Học Văn Khoa Sài Gòn vẫn nằm gọn trong tay các giáo sư du học ở Pháp hay ở Bỉ về. Mấy anh em du học ở Mỹ về đều chịu cảnh “*ăn cơm nguội, nằm nhà ngoài*”, khó được trọng dụng, và nếu được thu dụng thì bị xếp lương thấp. Vấn đề văn bằng M.A. chỉ được xếp lương ngang với Cử Nhân, và việc các đương sự đã tranh đấu để được xếp ngang hàng với Cao Học, là một cuộc kèn cựa dai dẳng ai cũng biết.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Tóm lại, nếu chỉ có triết của Sartre là chủ nghĩa hiện sinh, thì rõ ràng chỉ có anh Trung và mấy đệ tử của anh, cộng thêm vài nhà thơ, là những người đã truyền bá chủ nghĩa hiện sinh bùng nổ trước năm 75. Anh Lê Tôn Nghiêm có viết về triết hiện sinh của K. Jaspers, nhân việc xuất bản bản dịch cuốn *“Triết Học Nhập Môn”* [7] của Jaspers, mà anh đã thực hiện. LM Thân Văn Tường viết mấy bài sâu sắc về triết Gabriel Marcel. Còn tôi, chiều theo ước muốn chánh đáng của một số anh em trí thức và sinh viên muốn hiểu nguồn ngọn của triết hiện sinh, tôi đã bỏ công nghiên cứu các tác phẩm của Kierkegaard, của Nietzsche, của Husserl và của 4 triết gia hiện sinh, từ 4 triết gia trong cái phong trào mệnh danh là hiện sinh. Tôi đã nghiêm khắc phê phán triết học của Sartre, đồng thời đề cao những nét hướng thượng và cao đẹp của triết Jaspers và triết Marcel. Đó là điều người ta không thấy nơi anh Trung. Anh say sưa phổ biến tư tưởng của Sartre. Sartre viết 5 hay 6 cuốn *“Situations”*, thì anh Trung cũng viết theo 4 hay 5 cuốn *“Nhận Định”*, và cuốn *“Ca Tụng Thân Xác”* của anh Trung hao hao như cuốn *“La Nausée”* và cuốn *“L’Âge de Raison”*. Anh Trung nói một số anh em Giáo Sư Đại Học nằm trong *“âm mưu của đế quốc Mỹ”* sử dụng anh em để tha hóa và làm sa đọa xã hội miền Nam trước 75. Nếu chỉ có triết của Sartre và chủ nghĩa hiện sinh của Sartre là dơ nhớp và tha hóa con người, nhưng đúng là chỉ có anh Trung và mấy đệ tử của anh là những người đã gây ảnh hưởng xấu trong giới trẻ miền Nam trước 75, trong cái gọi là phong trào chủ nghĩa hiện sinh.

Bạn bè đều thấy anh Lê Tôn Nghiêm và tôi là những người không có tham vọng chánh trị, không tham gia nhóm nào hết. Không phải chúng tôi nhát đảm, nhưng bản chất con người chúng tôi là những nhà giáo thuần thành, chỉ lo nghiên cứu và giảng dạy. Còn anh Trung, ngoài việc viết văn, anh còn đi vào hoạt động chánh trị với tờ *“Hành Trình”* và tờ *“Đất Nước”* mà anh là người sang lập và chủ biên. Anh lại còn giao dịch với các chánh khách, ta có, Mỹ có, trong số này có thượng nghị sĩ Mc Govern đã có lần vận động để được ra tranh cử chức Tổng

HUỶNH ÁI TÔNG

Thống Mỹ sau đó, nếu tôi không nhớ lầm. Có lẽ vì tất cả những chuyện phức tạp này mà sau năm 1975, anh Trung đã được chánh quyền cách mạng mời đi tỉnh tâm dưỡng trí mấy tháng tại Chí Hòa

Res clamat domino, của chủ nào thì thuộc về chủ đó, không nên gắp bỏ cho người. Ngay thẳng là cái đức của con người trí thức!

Bình Thạnh 6/2/1996
(Đã ký Trần Thái Đĩnh)

Tài liệu tham khảo:

- Trần Thái Đĩnh Web: dunglac.org

50) Trần Trung Lương



Trà Lũ Trần Trung Lương (1935-)

Nhà văn Trần Trung Lương bút hiệu Trà Lũ, sinh năm 1935 tại làng Phú Vinh, Phát Diệm, Kim Sơn, Ninh Bình.

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Cao Học Anh Văn, Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, Cao Học Ngữ Học tại Đại Học Cardiff, Anh quốc (1965). Giảng sư, Đại Học Sư Phạm và Văn Khoa Sài Gòn (1967-1975).

Tháng 6 năm 1975, ông vượt biên và được định cư tại Canada, làm công chức Bộ Văn Hóa Ontario, Canada. Chủ Tịch Trung tâm Văn Bút Việt Nam Ontario, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (1991-1995).

Tác phẩm:

- *Miền Đất Hạnh Phúc* (1989)
- *Đất Mới* (1991)
- *Miền Đất Hứa* (1993)
- *Đất Thiêng Đàng* (1995)
- *Đất Yêu Thương* (1997)
- *Đất Lạnh Tình Nồng* (1999)
- *Đất Quê Ngoại* (2001)
- *Đất Anh Em* (2003)

Trích văn:

Trong 444 Chuyện Cười của Trà Lũ

Ông Tư Chơi bị bắt ra tòa về việc ông ngoại tình.

Tòa phán quyết:

“Ở với vợ lớn, không được ở với vợ nhỏ”. Vì bà vợ lớn bị đau không ra tòa được.

Ông Tư Chơi bèn sửa phán quyết của tòa rồi đưa về nhà cho vợ đọc.

Ông chỉ sửa chút xíu, chỉ đổi chỗ dấu phết mà thôi.

Phán quyết được sửa như sau:

“Ở với vợ lớn không được, ở với vợ nhỏ”.

Một câu chuyện ngắn khác, chuyện “Thiên Thần Bay”

HUYỀN ÁI TÔNG

Bé hai lên 4 tuổi hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, thiên Thần có cánh và biết bay phải không mẹ?

- Đúng. Nhưng sao con lại hỏi vậy?

- Tại vì lúc sáng khi mẹ đi chợ thì con thấy ba gọi chị Hai giúp việc là “Thiên Thần có cánh của anh ơi”.

Con chưa thấy chị ấy bay bao giờ. Vậy bao giờ thì chị Hai bay hờ mẹ?

- Ngay bây giờ! (trang 400)

Nguồn gốc người Nhật là người Huế:

Một nhà nhân chủng học Nhật Bản đi tìm nguồn gốc người Nhật. Ông đã chu du khắp thế giới mà không hề tìm ra dấu vết. Nơi cuối cùng ông đến là Việt Nam. Một bữa kia ông đi xe lửa từ Sài Gòn ra Huế. Khi vừa ra khỏi nhà ga thì ông nghe thấy hai người địa phương đang nói chuyện với nhau:

Mi đi ga ni?

Ừ, tau đi ga ni. Mi đi ga mô?

Ga tê. Tau đi ga tê.

Ga tê ga chi?

Ga Lăng Cô tê

Rằng đông như ri?

Ri mà đông chi!

Mi ra ga mô?

Ra ga Nam Ô

Khi mô mi đi?

Chừ chi khi mô

Mi lo ra đi

Ừ, tau đi nghe mi.

Nghe xong, ông Nhật mừng quá, thốt lên: Tạ ơn Trời, tôi đã tìm ra nguồn gốc tổ tiên của tôi rồi. Người Huế chính là tổ tiên của người Nhật Bản. (trang 38)

Tiếng Huế và mùa Xuân

Chuyện phiếm Canada:

VĂN HỌC MIỀN NAM

Giải đất thân yêu này đang vào xuân. Cỏ cây đang thức dậy. Dân làng An Lạc chúng tôi họp nhau chào mừng mùa xuân tuần qua. Vui vẻ quá sức. Giữa bầu không khí tung bừng này, Cụ Chánh tiên chỉ đã mang thư ông Từ Hoè viết từ miền Tây ra đọc. Ông ta viết miên man nhiều chuyện lắm, và thăm hỏi hết mọi người, đặc biệt Cô Cao Xuân. Trong cái miên man đó nổi bật nhất là hai việc : Ông bảo ông thích thú nhất về tin con heo đã khiến các khoa học gia quốc tế chứng minh được rằng các dân tộc miền Nam Thái Bình Dương đều có gốc VN. Và việc thứ hai, ông trả lời không dám nhận biệt danh Abbé Pierre mà dân làng chúng tôi định đặt cho ông. Các cụ còn nhớ việc này chứ ?

Đây là hai chuyện dài, tôi xin kể từ từ.

Thứ nhất là chuyện con heo. Tết chú Tru đã qua rồi, mà chuyện chú vẫn còn dài dài. Ngay đầu năm Hợi vừa qua, cả thế giới đều sôi nổi về việc khám phá của nhóm khoa học gia Keith Dobney và Greger Larson thuộc Viện Đại Học Durham bên Anh. Nhóm này đã bỏ công khảo sát 781 giống heo thuộc miền Nam Thái Bình Dương. Họ so sánh ‘gene’ của nhóm heo này với ‘gene’ còn lưu trữ trong các viện bảo tàng và họ thấy rằng các con heo ở đây có nguồn gốc từ các con heo VN ngày xưa. Thế nghĩa là gì ? Thừa, có nghĩa là các con heo gốc VN đã tới đây. Phải có người đem chúng tới chứ. Người này là ai ? Thừa, chính là các chủ nhân VN ngày xưa, cách đây khoảng 3.600 năm.

Dân làng tôi nghe đến đây thì nhao nhao lên. Chị Ba Biên Hoà hỏi ngay : vậy hoá ra các sắc dân ở Nam Thái Bình Dương này đều có tổ tiên VN cả sao ? Ông bồ chữ ODP nói ngay : Thì các khoa học gia vừa chứng minh như vậy đó ! Từ lâu thế giới đã công nhận VN có 3 nền văn hoá lớn rất lâu đời : Văn hoá Hòa Bình tại miền Bắc, Văn Hoá Đông Sơn tại miền Trung, Văn Hoá Óc Eo ở miền Nam. Người Việt cổ đã bành trướng đi khắp nơi. Các cụ tổ tiên ta có thể xuất phát từ Hòa Bình, hay Đông

HUYỀN ÁI TÔNG

Son, hay Ốc Eo. Những khám phá vừa qua đã làm sáng tỏ thêm chân lý này : Chính người VN đã tìm ra Châu Mỹ, qua ngã Nam Thái Bình Dương. Ông ODP nhấn mạnh : đây là lập thuyết của học giả uy tín Olov R.T.Janse đăng trên quý san quốc tế Southeast Asian mùa hè năm 1973, và Tạp chí uy tín National Geographic số tháng Ba, 1971.

Và ông ODP nói tiếp : Tôi đã theo rồi rất kỹ lập thuyết trên đây, và chưa hề thấy có bài báo nào phản bác được các lập luận này. Bà con nhớ kỹ nha, tổ tiên mình đã tìm ra Châu Mỹ, chứ không phải ông Columbus. Các cụ ta đã tới Bắc Mỹ qua 2 ngã, từ miền nam tiến lên và từ miền bắc đổ xuống. Đoàn người miền Bắc này chính là người Da Đỏ. Mà theo cụ Trà Lũ thì người Da Đỏ chính là con cháu mẹ Âu Cơ ngày xưa đã theo eo biển Bering mà xuống.

Nghe đến đây, cả làng vỗ tay, cười ha hả. Ai cũng tỏ ra thích quá chừng. Ông H.O. nhìn anh John rồi hỏi : Anh đã thấy quê hương của Chị Ba Biên Hoà, vợ của anh, vĩ đại chưa ?

Anh John chấp tay kính cẩn trả lời : Em đã biết việc này từ lâu rồi ạ. Dân làng lại vỗ tay khen cái anh Canada này hóm hình và dễ thương lạ lùng.

Rồi Cụ Chánh nói : Nhờ ông Từ Hoè mà cả làng ta bây giờ nắm vững vấn đề các sắc dân ở Nam Thái Bình Dương rõ ràng có gốc VN rồi nha. Xin cảm ơn bạn Từ Hoè. Bây chừ lão xin nói tiếp về việc bạn Từ Hoè không dám nhận danh hiệu ‘Abbé Pierre’.

Các cụ còn nhớ Linh mục Philippe Henry Grouès người Pháp có biệt danh Abbé Pierre này chứ ? Ông được người Pháp coi là bố nuôi của những người đói rách và vô gia cư ấy mà. Ngài vừa nằm xuống ngày 22.1.2007. Không những cả nước Pháp mà cả thế giới đã thương tiếc và coi ngài là vị thánh sống. Abbé Pierre quả là một vĩ nhân. Ông Từ Hoè viết trong thư : “

VĂN HỌC MIỀN NAM

Tôi không xứng đáng xách dép cho Ngài. Dân làng chớ thấy tôi giúp vợ chồng chú Paul phục vụ bữa ăn sáng cho người homeless ở nhà thờ mà gọi tôi là Abbé Pierre. Chớ ! Tội chết !”.

Trong mấy chục năm qua, thế giới Công Giáo có hai bậc đại thánh : Mẹ Teresa Calcutta bên Ấn Độ và Abbé Pierre bên Pháp. Cả hai vị đều xả thân ròng rã trên 40 năm giúp đỡ người khổ nghèo bệnh tật. Cả hai vị đều tin rằng những người đau khổ này chính là hiện thân của Chúa Giêsu, chính là anh em ruột thịt của mình. Hai vị đã chứng minh đức tin bằng việc làm. Abbé Pierre đã thành lập được 440 cộng đoàn tình thương mang tên Emmaus trên 37 quốc gia, riêng tại Pháp có 115. Đây là những trung tâm tiếp đón lớp người mà theo lời Abbé Pierre đã mắc 5 căn bệnh thời đại : không bánh mì, không nhà, không việc làm, không trường học, không được chữa trị bệnh tật.

Mẹ Teresa Calcutta khi nằm xuống thì cả nước Ấn Độ khóc thương và tổ chức quốc táng. Abbé Pierre cũng vậy, khi nằm xuống, cả nước Pháp đã khóc thương và đã làm lễ quốc táng. Bao nhiêu đại diện đoàn thể xã hội và tôn giáo đã đến nghiêng mình trước linh cữu của ngài, đặc biệt người ta thấy có hai đại diện Phật Giáo mang tang trắng. Theo di chúc, thi thể Cha đã được an táng tại nghĩa trang Esteville miền Normandie, bên mộ phần những người đói rách đầu tiên mà Cha đã chôn cất họ tại đây.

Ông Từ Hoè cho biết hiện nay ông và vợ chồng chú Paul mỗi sáng thứ Bảy và Chủ nhật phục vụ bữa ăn sáng cho khoảng 100 người vô gia cư. Ban đầu con số này chỉ vào khoảng 30, nhưng từ khi ông và chú Paul cho họ ăn xôi và bánh mì giò chả VN thì con số đã từ từ tăng lên tới 100. Cha sở nhà thờ đang lo sẽ không đủ chỗ đón tiếp vì con số này coi bộ đang tăng lên nữa.

Phe các bà nghe chuyện đạo thì thấy khô. Các bà đòi nghe chuyện ướt cơ. Gớm thế. Ông ODP liền cười. Ông hỏi các bà còn muốn nghe chuyện con heo bên Tàu không ? Bà nào mất

HUYỀN ÁI TÔNG

cũng sáng lên rồi gật đầu lia lịa. Chị Ba Biên Hòa giao hẹn phải là chuyện heo sạch. Chắc chị sợ chuyện con heo mang nghĩa tầm bậy. Ông ODP trả lời ngay : Hôm nay tôi xin nói chuyện chữ nghĩa, không có gì dơ dáy cả. Rằng ngày xưa ở bên Tàu nhà nào mà nuôi được con heo thì được coi là khá giả, vì con heo là cái vốn quý, heo mẹ đẻ ra một bầy heo con. Bầy heo con bán được bao nhiêu tiền. Chiết tự chữ Gia là nhà, ta thấy chữ miên là mái nhà ở trên và chữ thi là con heo ở dưới. Con heo nằm dưới mái nhà, đó là chữ Gia, gia là nhà, nhà người Tàu ngày xưa.

Chữ Gia này nhắc ta tới chuyện thiên tài Mạc Đĩnh Chi đi sứ sang Tàu. Tàu ra một vé đối để thử tài sứ giả VN, vé xuất như thế này :

An nữ xuất thi nhập vi gia

Câu này có nghĩa là chữ An nếu bỏ bộ nữ bên dưới đi mà cho bộ thi vào thì sẽ thành chữ Gia. Thiên tài Mạc Đĩnh Chi đối lại ngay lập tức :

Tù nhân xuất vương lai thành quốc

Câu này có nghĩa là chữ Tù nếu bỏ bộ nhân bên trong đi mà cho bộ vương vào thì thành chữ Quốc.

Sau khi nghe vé đối tuyệt diệu này của sứ thần VN, vua quan Tàu hết sức kính phục Mạc Đĩnh Chi và từ đó không dám thử tài nữa.

Phe các bà lại bảo chuyện văn chương về con heo bên Tàu của các ông, hay thì có hay nhưng vẫn còn khô và cao siêu. Các cụ đã thấy phe các bà trong làng tôi khó tính chưa ? Bỏ chữ ODP ngày đầu xuân có khác, thật là sung sức. Ông cười hê hê rồi trả lời : Cái này dễ thôi, xin có chuyện ướm ngay. Rồi ông đem chuyện học giả Nguyễn Bá Triệu ra kể. Rằng kỳ tết vừa qua,

VĂN HỌC MIỀN NAM

trong báo xuân Cao Niên ở thủ đô Ottawa, ông thích nhất bài của cụ Nguyễn Bá Triệu. Bài này cụ Triệu viết về nhiều chuyện lắm.

Thứ nhất là chuyện các câu đối ngày xưa khi cụ còn bé đi học. Rằng bữa đó ông thầy giảng bài về cách làm câu đối, rồi thầy ra bài tập. Thầy ra vế xuất : Năm quả cam xanh. Cái lắt léo ở chỗ chữ đầu câu là tiếng Việt, còn chữ cuối câu là tiếng Pháp, hai chữ đồng nghĩa với nhau. Năm là xanh/ cinq. Thế mà có trò đã đáp lại ngay : Sáu con bọ xít. Xít là âm của six trong tiếng Pháp, cũng có nghĩa là sáu. Quả là giỏi. Thầy giáo nhìn trò Triệu xưa nay nổi tiếng hay chữ nhưng rất tinh nghịch. Trò Triệu xin thầy tha tội tục thì mới dám đối. Thầy gật đầu. Trò Triệu liền đối : Mười cái lỗ đít. Đít là âm Pháp văn của chữ dix, cũng là mười. Thầy giáo nghe xong, bảo rằng câu này không được chính vì Mười là âm bằng đối với Năm cũng là âm bằng, nhưng ý thì được. Rồi thầy kết luận : Cứ theo cái vế đối của anh thì tôi thấy sau này anh sẽ đông con lắm vì những mười cái ấy cơ mà. Cụ Triệu cho biết ông thầy đã nói rất trúng, vì cụ có những 9 con lận. Cụ còn tự thú ngày xưa đi lính cụ cũng bay bướm lắm, đưa con thứ mười rơi rụng đầu đó mà cụ không dám đem về trình cụ bà đó thôi.

Cũng chưa hết chuyện. Theo cụ Triệu, câu đối ra là Năm quả cam xanh, và bắt tiếng cuối phải là tiếng Pháp, chứ nếu cho tiếng cuối là tiếng Tàu thì ta có một lô câu đối rất chính rất hay như sau :

Sáu gói phẩm lục, Bảy thăng cu sất, Tám cái nạo bặt...

Cụ Chánh trong làng có quen biết Cụ Nguyễn Bá Triệu. Cụ kể rằng hồi xưa có nghe Cụ Nguyễn Bá Triệu trong một bữa tiệc vui đã luận về điềm gờ trong mấy bài hát của VNCH. Chẳng hạn bài quốc ca mở đầu bằng : Này công dân ơi quốc gia đến ngày giải phóng... Trước 1975, miền Nam hoàn toàn có chủ quyền nên có cần ai giải phóng đâu. Nói tới giải phóng là nói

HUỶNH ÁI TÔNG

tới Mặt Trận Giải Phóng, tay sai của CS Hà Nội. Lời bài quốc ca này không ngờ báo diêm gở thật. Rõ ràng VC núp dưới cờ Mặt Trận đã giải phóng Miền Nam. Chưa hết. Trước 1975, miền Nam còn một bài hát mà lúc đó ai cũng cho là rất hùng ‘ Hàng ngàn cánh tay giơ lên, hàng vạn cánh tay giơ lên... Bài này được dùng làm nhạc hiệu cho một chương trình văn nghệ trên đài Quân Đội. Bây giờ ngồi nghĩ lại, Cụ Triệu giật mình. Hóa ra lời hát đó là diêm gở. Cánh tay giơ lên tức là dấu hiệu đầu hàng. Giá như lời hát ấy là ‘ một ngàn năm tay giơ lên’ thì hay biết mấy ! Năm tay giơ lên là dấu hiệu cương quyết, chứ cánh tay giơ lên thì là dấu hiệu đầu hàng thật. Chắc Cụ Nguyễn Bá Triệu muốn nhấn hậu thế : Sau này khi nước VN hết nạn CS, những ai soạn lời quốc ca thì phải suy nghĩ cho kỹ.

Anh John bây giờ mới lên tiếng : Chuyện các bác kể từ đầu tới giờ toàn là chuyện văn chương văn nghệ quá khứ, đã xưa, đã cũ. Xin các bác cho em nghe chuyện văn chương văn nghệ gì hiện tại, nóng sốt và mới cơ. Cái anh John này bây giờ ăn nói quả là khéo, một điều bác một điều em, nghe rất Bắc kỳ, phải không các cụ.

Mọi người lại chờ tiếng nói của bồ chữ ODP. Ông này hôm nay quả là sung mãn và quả là giỏi, cái gì cũng biết. Ông bèn nói về việc Hội Nhà Văn Hà Nội vừa công bố 100 bài thơ hay nhất thế kỷ 20. Bài hay đứng đầu là bài Nguyên Tiêu của thi sĩ Hồ Chí Minh. Nghe đến đây, mấy bà trong làng tôi bùm miệng cười. Mấy bà này quả là vô phép vô tắc. Hai người cười to nhất là cô Cao Xuân và cô Tôn Nữ. Ông ODP liền lên tiếng hỏi cô Cao Xuân lý do cười. Mẹ Huế bèn nói ngay : Mỗi lần nghe ai nhắc tới Bác Hồ là nhà thơ nhà văn thì tôi nhớ ngay tới việc Bác Hồ lấy bút hiệu Trần Dân tiên để viết sách ca tụng chính mình. Xưa nay trên thế gian này chưa hề nghe ai có lương tri mà làm như vậy. Bữa nay tôi nghe bài thơ của Bác Hồ đứng đầu danh sách 100 bài thơ hay thì tôi cười là vậy.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Chị Ba Biên Hòa và Cụ B.95 nghe tới đây thì kêu nhưc đầu. Hai vị không muốn nghe thơ nữa. Anh H.O. lên tiếng liền : Hôm nay ngày đầu xuân, xin làng cho bàn chuyện văn chương thi phú. Tôi có 2 bài thơ mà ai nghe xong thì khỏi bệnh nhưc đầu liền. Tôi mới đi VN, khi ở Hà Nội thì chép được 2 bài thơ. Cả hai bài nói về tượng ông Lê Nin mà CSVN đã cung kính dựng lên ở vườn hoa Ba Đình. Tác giả hai bài thơ không phải là mấy ông thi sĩ trong Hội Nhà Văn, cái hội làm văn làm thơ theo đơn đặt hàng của Đảng, theo lệnh của Đảng, mà tác giả chính là người dân. Nói là hai bài thì không đúng hẳn. Nó chỉ là một bài mà có hai phần. Phần đầu làm trước năm 1975, phần sau làm sau khi khối Xô Viết tan hàng. Phần đầu như thế này :

*Lê Nin quê ở nước Nga
Sao ông lại đến vườn hoa nước này ?
Ông uốn ngực, ông chỉ tay
Ông xem như thể nước này của ông.*

Phần sau tiếp phần trước, có lẽ làm vào đầu thập niên 1990.
Toàn bài như sau:

*Lê Nin quê ở nước Nga
Có sao lại đứng vườn hoa nước này
Ông vênh mặt ông chỉ tay :
“ Tự do hạnh phúc chúng mày còn xa !
Kìa xem gương của nước Nga
Bảy mươi năm lẻ có ra cái đéch gì !”*

Nghe đến đây thì cả làng phá ra cười. Cụ B.95 nghe xong thơ thì gật đầu : Đúng, ở Hà Nội có tượng Lê Nin rất lớn. Rõ ràng ông ta uốn ngực ông ta chỉ tay. Cụ B.95 chưa hề vào Saigon nên cụ hỏi : Thế Miền Nam có dựng tượng tổng thống Mỹ Kennedy như miền Bắc dựng tượng Lê Nin không ? Anh H.O. liền trêu cụ B.95 : Cụ hỏi còn thiếu một phần : “ Và khi ông Kennedy chết có ai ở miền Nam khóc Kennedy như đại văn hào Tố Hữu ở miền Bắc khóc Xít Ta Lin và gọi ông ta là ông

HUỖNH ÁI TÔNG

nội không ?”. CỤ phải hỏi như thế mới đầy đủ. Cái anh H.O. này ăn nói linh tinh quá.

Bà CỤ B.95 nhăn mặt và nói ngay : Câu nói của anh làm tôi lại nhức đầu mất rồi. Tôi bắt đền anh đó. Lâu quá tôi không nghe tiếng ‘bắt đền’. Tiếng này nghe dễ thương làm sao, phải không các cụ. Anh H.O. hôm nay cũng vẫn chương chữ nghĩa lắm, mùa xuân mà. Anh bảo anh xin đền CỤ bài thơ rất bình dân và đạo đức này :

*Sao em cứ bảo anh già,
Làm anh không biết anh già ở đâu
Anh già cái tóc cái râu
Nhưng riêng cái ấy còn lâu mới già.*

Phe liền ông chúng tôi nghe xong thì vỗ tay cười hô hô, cho là hay quá sức, còn phe liền bà thì hứ một tiếng rồi la là thơ tục tũ. Anh H.O. bèn lên tiếng ngay : Ai bảo câu thơ số 4 là tục tũ thì đầu người đó có sạn và đây tư tưởng bậy bạ. ‘Cái ấy’ trong câu thơ là ‘tiếng cười’. Xưa nay có ai nói tiếng cười già nua bao giờ đâu. Tiếng cười bao giờ cũng làm cho con người trẻ ra, đẹp ra. Kìa xem hai bức ảnh cô trung tá Không Quân phi hành gia Hoa Kỳ Lisa Nowak thì rõ liền. Tấm ảnh chụp cô mặc áo phi hành, miệng cười rất tươi, sao mà cô ta trẻ đẹp thế, hạnh phúc thế ! Còn bức ảnh khi cô ta thất tình và mặc áo tù, sao mà cô ta già và xấu thế !

CỤ B.95 nghe đến đây thì vái anh H.O. một cái. CỤ bảo cụ không cãi lại được phe liền ông các anh. Rồi cụ cười khi khi. Cả làng cười theo. Tiếng cười quả là thuốc bổ, thuốc thân ái, lại có chất truyền nhiễm.

Rồi cụ nhìn anh John. À, theo thói quen thì đã đến giờ cụ B.95 hỏi thần tượng John về chuyện thời sự Canada. Anh thưa ngay : Bữa nay xin cho cháu khát các chuyện Canada. Năm mới này, cháu định học tiếng Huế. Cháu đã biết nói tiếng Nam, tiếng

VĂN HỌC MIỀN NAM

Bác, chỉ còn tiếng miền Trung là chưa. Nói xong, anh liền quay vào cô Cao Xuân : Xin Chị dạy tôi nói tiếng Huế. Cô Cao Xuân chớp chớp đôi mắt, trông yếu điệu thực nữ quá chừng. Ông Từ Hoè thích cô là phải. Cô hoàng tộc liền đáp : Tiếng Huế mênh mông như trời đất, biết bắt đầu từ mô. Chừ xin tặng anh bài thơ của T.K. thác lời cô học sinh Huế trả lời một cây si. Anh mà học thuộc bài này thì biết nói tiếng Huế ngay. Bài thơ như sau :

*Người ở mô răng mà kỳ dữ rứa
Giờ ra chơi cứ ngó miết người ta
Và reo lên khi thoáng thấy đi qua
Tụi bạn tưởng 'có răng rồi mới rứa'
Người ở mô mà vô duyên rứa hi
Trao phong bì rồi háp tấp bỏ đi
Ờ thương thương nhớ nhớ làm chi
Về ba mạ biết ri là chết
Mắc có chi mà theo người ta cho mệt
Người răng mà ưa lẻo đẻo làm đuôi
Lỡ một lần như rứa cũng vui vui
Nhưng ngày mai, thôi đừng theo rứa, hi !*

Anh John nghe xong, mặt mũi trông sung sướng phớn phở quá chừng. Anh hét to lên : Chị đọc thơ mà du dương như hát. Giọng đất thần kinh có khác. Các bác ơi, mùa xuân đang tới thật rồi nè.

Ngoài những chuyện cười, người đọc có thể thấy tác giả Trà Lũ Trần Trung Lương đem tâm tình gắn bó với đất nước của ông, qua việc tựa cuốn sách nào của ông cũng có chữ đất, như Đất Thiên Đàng, Đất Yêu Thương, Đất Lạnh Tình Nồng, Đất Quê Ngoại, Đất Anh Em, Đất Nhà, Đất An Lạc, Đất Thiên Thai, ...

Tài liệu tham khảo:

- Trần Trung Lương Web: dunglac.org

51) Trần Trung Sáng



Trần Trung Sáng (1954-)

Trần Trung Sáng sinh năm 1954, tại Sơn Phô, Hội An, Quảng Nam, nay là Cẩm Châu, Hội An, Quảng Nam.

Năm 1971, truyện ngắn đầu tay *Con nai nhỏ trên đoạn đường gian nan* với bút danh TÀN HOA được đăng trên tạp chí Bách Khoa.

Tập thơ đầu tay in vào năm 17 tuổi, tựa đề *Vành khăn tang cho tuổi*, bút danh TRẦN SAO HOA

Năm 1996, Tốt nghiệp Đại học Ngữ văn (Đại học KHXHNV TP HCM).

Từ 1988 làm báo, viết văn, là Trưởng Văn Phòng Trung Tâm Báo Văn Hoá Khu vực Trung trung bộ, Trưởng ban văn học thiếu nhi Hội nhà văn Đà Nẵng.

Năm 1999, triển lãm tranh lần đầu: Tranh dán giấy TRẦN TRUNG SÁNG, Hội nhà báo TP Đà Nẵng tổ chức

Tác phẩm:

- *Ngày Chủ nhật tuyệt vời* (tập truyện 1988),

VĂN HỌC MIỀN NAM

- *Cổ tích hoa sĩ gù và con chim xanh* (tập truyện 1989),
 - *Búp bê phiêu lưu ký* (truyện vừa 1991),
 - *Ông hoàng đu đu* (tập truyện 1994),
 - *Ký sự về người họa sĩ ở ngục tù Đảo* (truyện ký 1995)
- v..v...

Trích văn:

Bầy ngựa bơ

Xưa nay, mọi người sống trong phố cổ nhỏ bé Hội An đều cho Sơn là đứa bé có hoa tay. Cứ hễ mỗi lần có tờ giấy trắng trước mặt là hẳn nguyệt lịch ngoác ra đủ thứ hình ảnh quen thuộc hằng ngày một cách hồn nhiên, sống động, ai nhìn cũng tấm tắc khen ngợi. Vậy mà, đối với thằng Tùng - bạn thân của Sơn, hẳn lại nói rằng, Sơn chỉ được cái vẽ cao bồi: cao bồi cỡi ngựa, cao bồi nhả khói thuốc, cao bồi bắn súng một tay, cao-bồi bắn súng hai tay...

Thiệt tình, thằng Sơn cũng cảm thấy nói vậy là chí lý. Với những chàng cao-bồi, chẳng hiểu vì nhập tâm, vì cảm xúc hay sao... mà chỉ cần ai đó nhắc qua một tiếng, lập tức hình ảnh chiếc nón rộng vành, khẩu súng ru-lô, chú ngựa tung vó... đến với Sơn bằng những đường cong hình chữ s hoặc dấu hỏi tuôn ra, nối liền nhau thuận thực. Một lần, Đạt - một thằng dân Huế học trọ buộc miệng:

- Thằng ni mà cho ra xóm Gia Hội của tau học vẽ phong xi-nê thì chắc hẳn vẽ cao- bồi đẹp hết biết!

Thằng Đạt kể luôn một mạch về cái nghề vẽ phong xi-nê trên xứ Huế. Nghe đâu, nghề đó có từ thời Pháp thuộc, nhưng phải đợi cho đến khi họa sĩ Lê Vinh đi học nghề tứ xứ chôn mô về sinh sống tại xóm Gia Hội, thì cả đất Huế mới thấy sừng sốt, bàn tán về những bức họa quảng cáo xi-nê. Đạt nói, có lần ông đã vẽ một bức tranh panô cao-bồi cao vài chục mét dựng ngay trước rạp chiếu bóng Trần Hưng Đạo làm cho cả quảng đường

HUYỀN ÁI TÔNG

bên bờ sông Hương suốt mấy tuần liền cứ đông nghẹt cả người. Từ đó, khắp mọi nơi, cứ nhắc đến tranh xi-nê, tranh cao-bôi là người ta nhắc đến xứ Huế và họa sĩ Lê Vinh.

Câu chuyện tưởng vu vơ, nghe qua rồi bỏ, không ngờ lại đánh động một giấc mơ tận trong sâu thẳm của cả Sơn lẫn Tùng. Nhiều năm qua, hai đứa luôn gần gũi thân nhau, vì cả hai đều cảm thấy mình là những đứa trẻ bị đối xử tệ bạc, bỏ rơi trong gia đình và vì thế, chúng thường mơ ước, bàn bạc nhau về một kế hoạch bỏ nhà ra đi, đến một phương trời thật xa. Bây giờ, thì cái điểm đến của kế hoạch đó bỗng đã hiện ra một cách rõ ràng: Sơn sẽ học nghề vẽ phong xi-nê, vẽ tranh cao-bôi. Tùng sẽ làm bất cứ việc gì, để lo cho Sơn học nghề họa sĩ trên đất Huế, rồi tiếp tục đi đâu nữa hẵng hay...

Sự việc càng diễn biến nhanh hơn, khi sau vài ngày, thằng Tùng dò xét, nắm rõ được thằng Đạt cũng là một thằng lỏi đây tâm trạng: cha hắn vừa lấy vợ nhỏ ở Huế, nên tổng hắn vào đây học trọ để giảm bớt va chạm trong gia đình. Hèn chi, từ hồi vô đây đến chừ, mặt hắn cứ buồn thiu, âm a, âm ức.. Rồi Tùng vỗ tay vào vai Sơn một cái thật mạnh, khẳng định:

- Thằng Đạt chịu rồi. Hắn sẽ bỏ học trở về Huế, chọc tức ba hắn. Hắn đồng ý dẫn tụi mình về xóm Gia Hội. Hắn hứa sẽ giới thiệu mi gặp họa sĩ Lê Vinh để học nghề...

*

Con mưa Huế cùng cái lạnh thấu xương, thấu tuỷ làm hai gã thiếu niên xứ Quảng nhột nhột cả mặt mày khi lần đầu đặt chân đến đất thần kinh. Rời bến xe, vừa đi dọc đường thằng Đạt vừa xuyt xoa lúc thì nói:” Cầu Trường Tiền đó, tụi bây thấy đẹp không?”, lúc thì chỉ : “ Chợ Đông Ba kia kia..”, “ Cầu Gia Hội đây rồi”... Vậy mà hai thằng bạn vẫn cứ chỉ rít thuốc, ngơ ngơ, ngác ngác, im re như người vô hồn. Thằng Đạt chọt ray rút âu lo, cảm thấy nặng trách nhiệm vì đã mở đường cho hai đứa bạn bước vào cuộc phiêu lưu vô tận, nên trấn an: “ Tụi bây đừng lo.

Có tau đây, tau sống là tội bây sống. Tau chết, tội bây mới tính chuyện lui bước”.

Đêm đó, cả ba đứa về nhà Đạt gặp cô Yến - mẹ của Đạt. Gia cảnh nhà Đạt đúng như lời hấn đã kể. Cha hấn lấy vợ kế từ nhiều năm trước, bỏ mặc cô Yến trong ngôi nhà che tôn lụp xụp sinh sống bằng nghề dạy học. Từ nhỏ, Đạt đã sống với gia đình mới của cha hấn, nhưng đôi lúc không chịu đựng được những trận roi đòn, hấn học của cha và di ghẻ, hấn lại chạy về nhà mẹ ruột ở vài hôm. Hấn giới thiệu phóng đại về trường hợp của hai người khách lạ để nói toạc dự định lâu dài : “ Hai đứa ni gia đình hấn cũng giống con mẹ ả. Ba tội hấn có vợ nhỏ đánh đập tội hấn ghê lắm, không sống nổi. Tội hấn ra đây, con sẽ tìm việc. Còn lần ni, con cũng bỏ học luôn, con về đây đi làm nuôi mẹ, ở với mẹ..”. Cô Yến hốt hoảng xoa tay: “Bậy! Bậy! Tội con lỡ ra đây thì ở chơi ít hôm, rồi về. Cha mẹ đi tìm chết luôn đó!”. Rồi cô Yến xoa đầu cả ba đứa giống y như tất cả đều là những đứa con hoang của cô phiêu dạt trở về. Cô khóc thút thít, kể chuyện này sang chuyện khác. Toàn những chuyện buồn về kiếp người trầm luân, với mong mỏi, bọn trẻ phải nhìn vào đó, chọn đường mà đi, hòng tìm đến cuộc đời tươi sáng...

*

Hoạ sĩ Lê Vinh vẫn giữ công việc vẽ pa -nô xi-nê chính thức ở rạp Trần Hưng Đạo, nhưng thường ngày ông vẫn ghé qua để mắt đến nhóm đệ tử ruột đang kế nghiệp ở rạp Châu Tinh, bên cạnh chân cầu Gia Hội cũng là nơi gần kề ngôi nhà ông đang sinh sống và làm xưởng vẽ. Dù vậy, Đạt phải lui tới mai phục nơi xưởng riêng của người hoạ sĩ tài danh này dăm ba lần mới tiến cử Sơn gặp được ông.

Lúc này hoạ sĩ Lê Vinh trạc ngoài 35 tuổi. Dáng người cao dong dong. Râu mép. Tóc vuốt ngược. Áo ca-rô. Quần jean mang nịt to bằng. Giày cao cổ. Trong con mắt của Sơn, ông có nét đẹp mạnh mẽ, hao hao phong cách tài tử gao cội Charles

HUYỀN ÁI TÔNG

Bronson, như vừa bước ra từ màn bạc...Nghe xong ý định đề đạt của Sơn và Đạt, ông không từ chối, nhưng vẫn tất lạnh lùng:

- Dân đi bụi hờ ? Được thôi. Nhưng hãy suy nghĩ kỹ đi. Trước hết, phải ở đây nấu cơm cho thợ, phụ việc nấu hồ, pha sơn, đóng pa – nô... Vài ba tháng rồi nói tới chuyện học nghề. Chịu nổi không?

Hoạ sĩ Lê Vinh nói xong, bỏ đi. Nhóm thợ thầy còn lại trong xưởng vẽ ngạc nhiên, nhìn chăm chặp vào Sơn bàn tán: “Thằng ni bộ mã trông ra con nhà giàu có, học hành tử tế, răng đi bụi rúa hè?”. Một người lớn tuổi nhất trong nhóm trách quở Tùng :” Răng mi sử bậy rúa? Hể thằng ni ưa học hoạ thì mi biểu hấn thi vô trường mỹ thuật ở thành nội, chớ học vẽ xi-nê màn chi? Mà cái tướng hấn như rúa lằm rằm đi nấu cơm, rúa chén .. cho nhà ông Vinh?”. Thằng Tùng hựt hắng cái giọng : “ Tụ vi...hấn vẽ cao-bồi đẹp lằm!...”

Dù vậy, Đạt và Sơn cũng không đến nỗi quá thất vọng, bởi, cũng ngay trong xóm Gia Hội ấy thôi, một đứa bạn vừa là anh em họ hàng của Đạt - từng có thời phụ việc cho xưởng vẽ Lê Vinh, nay về nhà làm nghề thợ mã . Thằng này tên Mừng. Nghe phong phanh câu chuyện, hấn nói: “Có việc cho thằng ni rồi. Khôi lo. Cứ về nhà tau làm thợ mã. Nghề ni cũng phải vẽ đó... Đề tau coi thử hấn vẽ tới đâu!”.

Thật bất ngờ, xưởng sản xuất đồ mã của nhà Mừng lại có không khí vừa gần gũi, tự nhiên, lại vừa hào hứng, hấp dẫn của một nơi chốn nửa là xưởng thủ công, nửa là xưởng vẽ. Có khoảng gần mười người làm việc - phần lớn đều ở độ tuổi thiếu niên. Ngay khi Sơn vừa bước đến, hấn có cảm tưởng mọi thứ trong ngôi nhà đã quen thuộc với hấn tự bao giờ. Mừng nói:”Ai chỉ thứ chi mi làm thứ đó. Vài ba bữa rồi quen. Cũng vui lằm!”.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Về phần Tùng, vừa đến xóm Gia Hội, hắn đã nhanh chóng có một chân chạy bàn ở một quán cà phê có tên : “Café Trẻ” - nơi tụ tập phần lớn của bọn học trò lau chấu suốt ngày bầu quanh dàn âm thanh luôn mở nhạc ầm ỉ. Hắn vẫn giữ tâm nguyện, sẽ làm bất cứ việc gì để nuôi thằng Sơn học nghề họa sĩ thành tài, rồi hai đứa cùng nhau rong ruổi...

*

Xưởng sản xuất hàng mã của gia đình Mừng có lẽ là một cơ sở làm ăn thịnh đạt nhất nhì của nghề này trên đất Huế. Hàng hoá suốt ngày luôn có người vào ra giao, nhận để lo các việc tế lễ, cúng kiếng, nhờ vậy cũng chẳng mấy ai chung quanh tò mò gặng hỏi về sự hiện diện của Sơn. Thịnh thoàng, đôi lần Mừng giao cho Sơn phác hoạ bút chì một số mẫu hàng mã đơn giản như : áo, mào, giày, dép.. Nổi hứng, Sơn hí hoáy một loạt tranh cao bồi. Bọn trẻ con chung quanh nhìn thấy rất hào hứng ủng hộ, nhưng Mừng vẫn tỏ vẻ lưỡng lự :” Ừ, mi cũng là đứa có hoa tay đặc biệt. Thế mà ta vẫn dám nói chưa chắc mi vẽ được con ngựa hơn tau”. Mừng nói, ở Trung Hoa có những họa sĩ nổi tiếng bỏ ra cả một đời chỉ để vẽ tranh ngựa mà thôi. Bởi vì con ngựa là một hình tượng nghệ thuật vừa khó vẽ, vừa lại được ưa chuộng nhất. Thế rồi, Mừng căng một tờ giấy to tướng dán lên tường, vẽ liền một mạch cả chục con ngựa đủ kiểu: ngựa gặm cỏ, ngựa lao đến như mũi tên, ngựa lồng lộn tung bồm... chen lẫn bên nhau. Sơn thán phục lạ lắm: “ Mi học tranh ngựa ni hồi đi vẽ xi-nê hở ?”. Mừng chum chim bí ẩn một hồi, rồi nói: “ Có chi mô, mỗi lần phác hình mẫu con ngựa cho hàng mã, tao lại dợt đủ dáng kiểu hết. Ngày mô cũng mày mò làm rứa rồi quen. Mi cứ thử đi...”.

Cứ thế, xứ Huế từng ngày đến với Sơn êm đềm và đầy hào hứng. Đêm đêm, dù người rời rả, mệt nhoài, Sơn vẫn rất thích thú nằm nghe những âm thanh lao xao vọng từ đầu cửa sổ của xóm thuyền ghe Gia Hội, mà rạo rức tưởng tượng đến viễn cảnh sông nước giang hồ của ngày mai...

HUỖNH ÁI TÔNG

Tờ giấy vẽ tranh ngựa bây giờ được dán ở một bức tường trống gần sân thượng trên ngôi nhà của Mừng. Bầy ngựa xen lẫn nhau đã có đến cả trăm con, trong đó có những con do Sơn thể hiện học hỏi từ kinh nghiệm của Mừng. Dăm ba ngày, Tùng tranh thủ lúc quán cà phê vắng khách chạy đến thăm Sơn. Hắn thường đem theo bánh mì, cà phê, thuốc lá... Cả hai đứa cùng ăn uống, rồi phì phà khói thuốc, mơ mộng. Nhiều khi nghe những hồi chuông của một giáo đường gần đó vang lên giục giã, Tùng giật mình chồm sát người vào bức tranh ngựa trên tường hỏi hã: “Sơn ơi, hình như bầy ngựa chuyển động. Có những con đang chồm lên kia...”. Sơn cười nói: “Chắc tụi hã không chịu ở yên một chỗ. Phải tiếp tục phóng về phía trước. Ngựa hoang mà!”.

Ở chừng mực một ý nghĩa nào đó, nói theo kiểu xi –nê: “đầu xanh đã lấm bụi đời”, thế nhưng Tùng và Sơn vẫn còn bị ràng buộc bởi một nguyên tắc từ cô Yến - mẹ của Đạt : mỗi tuần hai đứa phải ghé đến ăn cơm nhà cô Yến ít nhất một lần. Cô nói rằng, Đạt không chịu nghe lời ba hã, thì bằng mọi cách, cô cũng sẽ lo cho hã chuyên trường về Huế ở với cô, đi học tử tế. Cô muốn thường xuyên biết tin hai đứa, để rồi tìm cách liên lạc giao lại gia đình.

Thật ra, Sơn và Tùng mỗi đứa có một hoàn cảnh riêng, và lại càng không giống Đạt, vì chẳng đứa nào có di ghê. Sơn lớn lên trong gia đình kinh doanh buôn bán, anh em khá đông đúc, nên một vài đứa bị xem là khó quản lý phải gởi cho bà con họ hàng vùng ngoại ô Hội An theo dõi việc học tập. Tùng cũng sinh ra trong một gia đình lao động bình thường, có cha làm nghề lái xe chạy đường dài, nhiều khi đi cả tuần vắng nhà, ít quan tâm con cái...Ngoài ra, chẳng có gì đặc biệt hơn. Hoặ có đặc biệt chăng, đó là bỗng dưng hai đứa cùng trùng nhau một tâm trạng cô độc trong chính ngôi nhà của mình, và cùng khát khao một chân trời mới...

*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Một buổi sáng, bất ngờ, tại nhà cô Yến, một người học trò cũ đến thăm cô lại là người quen vốn ở cùng xóm với Sơn, đang là sinh viên đi học tại Huế. Anh ta ngạc nhiên nắm lấy tay Sơn: "Ừa, mi làm chi ở đây?". Sơn hốt hoảng lắp liếm: "Nhà ông chú tui ở ngoài ni. Tui ra thăm ông mấy bữa...". Còn Tùng thì cố tình loay hoay tránh né, quay mặt. Thế nhưng, trước mặt cô Yến, anh sinh viên nhanh chóng tiết lộ tất cả sự việc của hai đứa mà anh đã biết được khi về thăm nhà mới đây, cùng một thông tin quan trọng: mẹ Sơn đang bệnh nặng!

Thoắt chốc, cô Yến quyết định mọi việc phải sắp xếp và diễn ra nội trong buổi trưa hôm đó. Cô Yến tự tay mua vé xe dẫn hai đứa trở lại Hội An giao tận gia đình.

Đột ngột rời Huế như một giấc mơ. Một giấc mơ khởi đầu thật lộng lẫy, nhưng kết thúc lại quá sơ sài. Sơn bùi ngùi từ giả xưởng hàng mã của Mừng, để lại bầy ngựa hoang bơ vơ, lòng lộn như muốn nhảy tung khỏi tấm giấy dán trên tường. Mừng an ủi:

- Mi về đi học lại, ít hồi ra thi vào trường mỹ thuật, về đây ở với tau...

Thằng Tùng mắt đỏ hoe, nổi thuốc, lặng lẽ nhả khói liên tục. Hắn đã có thói quen hút thuốc thành thực hơn, kể từ sau mấy tuần giúp việc ở quán cà phê Trẻ. Trời lại mưa. Mưa rả rích. Mưa dai dẳng. Mưa như ngày hai đứa đặt những bước chân đầu tiên trên cầu Gia Hội. Nhưng giờ đây, Huế chỉ còn là ký ức nhạt nhoà phía sau lưng...

*

Kể từ chuyến đi giang hồ bất thành lần đó, hai gã thiếu niên trong câu chuyện đều trở lại cuộc sống phẳng lặng, học hành, khôn lớn bình thường.

Thằng Tùng giống như cha nó, kẻ nghiệp chạy xe đường dài để

HUỶNH ÁI TÔNG

nuôi một gia đình vợ con nheo nhóc.

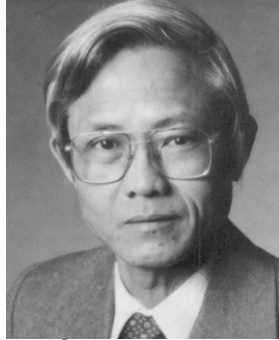
Về phần Sơn, hẳn không vào trường mỹ thuật Huế và cũng không gặp cơ hội để phát triển cái hoa tay độc đáo khi bước vào đời, ngoài việc sao chép tranh bán cho khách du lịch phố cổ. Dù vậy, có lần, trong nỗi nhớ dằn vặt về tuổi hoa niên, hẳn đã một mình lăm lũi tìm lại xóm nhỏ Gia Hội ngày xưa. Thế nhưng, nơi ấy mọi thứ đã đổi thay: họa sĩ Lê Vinh đã qua đời và các rạp chiếu bóng vốn rất ế ẩm, với kỹ thuật quảng cáo hiện đại không ai còn nhắc đến những người vẽ pa-nô xi-nê. Cô Yến cùng Đạt và gia đình Mừng đã chuyển dời đến một nơi nào khác. Chỉ duy nhất, cái xưởng sản xuất hàng mã ai đó thay thế vẫn không thay đổi nhiều. Chẳng hiểu vì sao, Sơn cứ tin rằng, trong ngôi nhà cũ, trên bức tường gần sân thượng, vẫn còn cả bầy ngựa hoang đang cuống cuồng nhảy lên hí vang rộn rã...

Phuong Mai viết về Trần Trung Sáng: *Nhà văn Trần Trung Sáng, là cây bút có quá trình gắn bó lâu dài với văn học thiếu nhi. Dường như hầu hết các tác phẩm đầu tiên của anh đều viết về thiếu nhi. Đó là các tập **Ngày chủ nhật tuyệt vời, Ông Hoàng đu đủ, Cổ tích họa sĩ mù và Con chim xanh, Búp bê phiêu lưu ký...** Truyện của anh thường viết về những chuyện bình thường, gần gũi, quen thuộc trong cuộc sống, nhưng sống động, thú vị, dễ đọc, dễ nhớ rất hợp với lứa tuổi. Trong những năm gần đây, bạn đọc nhận thấy Trần Trung Sáng ra mắt một số tập sách có thiên hướng người lớn. Thế nhưng, anh cho biết, những trang viết mơ ước nhất của ngày mai, với anh vẫn là viết về thiếu nhi.*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Trung Sáng Web: vanchuongviet.org

52) Trần Văn Tích



Bác sĩ Trần Văn Tích (1932-)

Sinh năm 1932 tại làng Quảng Lượng, Quảng Trị Tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa, Đại học Y khoa Sài Gòn. Cộng tác với tạp chí Bách Khoa.

Từ 1984 định cư ở Cộng hòa Liên bang Đức. Hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam Lưu Vong.

Cộng tác thường xuyên với hai tạp chí Văn Học (California) và Làng Văn (Toronto).

Tác phẩm:

- *Tư tưởng Lão Trang trong Y thuật Đông phương* (An Tiêm, 1972)
- *Đông y xybécnetic* (Câu lạc bộ Y học dân tộc, 1981)
- *Sự muôn năm cũ* (Làng văn 1992)
- *Nho y Nguyễn Đình Chiểu* (An Tiêm 1993)
- *Văn sử y dược trong truyện chương Kim Dung* (Thanh Văn, 1995).

Trích văn:

Nếu Miền Nam Thắng

HUỖNH ÁI TÔNG

Cuộc chiến quốc-cộng vừa qua đã chấm dứt với sự chiến thắng của Miền Bắc. Có người đặt giả thuyết là nếu Miền Nam chiến thắng thì sẽ ra sao. Chẳng hạn ông Bùi Tín. Trả lời một cuộc phỏng vấn, ông Bùi Tín kể rằng : *“Tôi đã gặp một số vị trong chế độ Sài Gòn cũ, có một vị là trung tướng nói với tôi rằng : “Nếu chúng tôi chiến thắng, tức miền Nam thắng miền Bắc, không chắc chính sách của chúng tôi đối với các ông đã hơn gì so với chính sách của các ông đối với chúng tôi. Có khi chúng tôi lại có những trại giam tàn bạo hơn.”* (1)

Hoặc chẳng hạn bạn đồng nghiệp Vũ Ngọc Tấn. Trên *Tạp San Y Sĩ* số 193, tháng tư 2012, nơi trang 30, bác sĩ Vũ Ngọc Tấn viết : *“Nay xin nêu lên một câu hỏi trong một trường hợp giả định. Nếu trong chiến tranh VN, thay vì cộng sản là kẻ chiến thắng nhưng đảo nghịch lại, ta - những người miền Nam - là kẻ chiến thắng, và miền Bắc sau những đợt oanh kích trái thảm.. đã quá kiệt quệ và đầu hàng, thì ta đã đối xử với những người CS miền Bắc như thế nào? Ta cũng làm đúng như họ đã cư xử với chúng ta (như đã nêu ở trên) - hay ta đối xử với họ như Bắc quân đã đối xử với Nam quân trong nội chiến Mỹ? Tôi nghĩ đây là một câu hỏi thành thực và đáng đắn, xin dành một chút suy nghĩ trước khi trả lời.”*

Không thể dành một chút suy nghĩ để trả lời câu hỏi của bạn Vũ Ngọc Tấn hoặc để phủ định ức thuyết do ông trung tướng nào đó đưa ra; bởi vì muốn làm việc này, cần vận dụng tư duy khoa học.

Tư duy khoa học chặt chẽ, hợp lý tiến hành theo một quy trình chính xác dựa vào một hệ thống quy tắc khiến cho những nhận xét và suy luận không tự mâu thuẫn. Trong khoa học thực nghiệm, đặc biệt trong khoa học ứng dụng - chẳng hạn trong y khoa - giả thuyết xây dựng trên cơ sở nhận xét và được thực nghiệm kiểm chứng (ví dụ thử nghiệm tác dụng của thuốc trên động vật rồi kiểm chứng trên người tình nguyện). Trong khoa học xã hội - như triết học, sử học, văn học, luật học, kinh tế

VĂN HỌC MIỀN NAM

học, chính trị học, ngôn ngữ học v.v.- là khoa học nghiên cứu những quy luật hình thành, hoạt động và phát triển của xã hội và của con người, nghiên cứu các quan hệ giữa con người với nhau - ví dụ giữa người cộng sản và người quốc gia - đóng vai trò kiểm chứng là kinh nghiệm, là lịch sử. Kinh nghiệm sống của miền Nam, lịch sử văn hoá của nó phủ nhận giá trị của giả thuyết do ông trung tướng đưa ra được ông Bùi Tín ghi nhận; đồng thời cũng phản bác ức thuyết do tác giả Vũ Ngọc Tấn trình bày, theo đó “*Ta cũng làm đúng như họ đã cư xử với chúng ta*”. Giả thuyết của ông trung tướng, ức thuyết của anh bạn họ Vũ đều không có cơ sở, đều vô căn cứ vì chúng không ăn khớp với hiện thực lịch sử loài người; vì chúng không có nền tảng luận lý, văn hoá, chính trị.

Chế độ Việt Nam Cộng Hoà là một chế độ thân Tây phương. Những người góp phần xây dựng, củng cố, bảo vệ nó - trong số có kẻ viết bài này - đều chịu ảnh hưởng các nền văn minh Âu Mỹ không nhiều thì ít. Cho nên có thể khẳng định là nếu Miền Nam chiến thắng trong cuộc chiến ý thức hệ thì chính sách đối xử với tù hàng binh đối phương không thể nào tàn ngược như chính sách của chế độ cộng sản, lại càng không thể tàn ngược hơn. Chỉ có hai chế độ đạt được tiêu chuẩn đối đãi phi nhân đối với các cộng đồng mình không ưa là chế độ quốc xã và chế độ cộng sản. Chế độ cộng sản còn hơn chế độ quốc xã ở tính cách mọi rợ đều cảng.

Văn hóa Miền Nam là một nền văn hóa có căn bản nhân bản. Chủ nghĩa nhân bản tin vào con người, hướng con người đến mục đích mưu cầu hạnh phúc vật chất và tinh thần mà không xúc phạm nhân phẩm. Từ trào lưu sơ khởi với những Rabelais (*Gargantua, Pantagruel*), Du Bellay (*Défense et illustration de la langue française*), Montaigne (*Essais*) cho đến thế kỷ XX, *humanisme* đã thường xuyên phải chiến đấu với những hiện tượng hoặc những hệ thống phủ nhận cá nhân và giá trị con người của cá nhân; từ chống chiến tranh tàn sát nhân loại bằng kỹ thuật hiện đại đến chống độc tài quốc xã, chống đảng trị

HUYỀN ÁI TÔNG

cộng sản vì chúng hủy diệt nhân tính. Hãy đọc *Nineteen Eighty Four*.

Chủ nghĩa nhân bản đó thấm đẫm nền văn hoá Miền Nam quốc gia, con người Miền Nam quốc gia hô hấp bầu khí quyển chân lý đạo đức do nó cung cấp, suy nghĩ hành động theo tư duy lý luận của nó. Khác hẳn và ngược hẳn với chủ nghĩa cộng sản của Miền Bắc trước 1975.

Việt Nam Cộng Hoà tuy là một xã hội có nhiều khuyết điểm nhưng vẫn là một xã hội chủ yếu xây dựng trên tinh thần nhân bản. Bởi thế tự thân cơ cấu nó có những đối lực, đối trọng; môi trường nội thể nó có những máy hãm, chất cản. Để khiến cho nó chẳng thể nào “*có những trại giam tàn bạo hơn*” trại tập trung cải tạo cộng sản. Những đối lực, đối trọng, những máy hãm, chất cản, trong trường hợp chúng ta đang bàn, là dư luận báo chí quốc nội và quốc ngoại, là thành phần đối lập và chống báng. Nếu Miền Nam mà đày đọa người cộng sản thất trận như người cộng sản đã đày đọa người Miền Nam thất trận - chỉ như thôi, đừng nói hơn - là các ông Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan với các tờ báo *Đổi diện*, *Đứng dậy*; các bà Kiều Mộng Thu, Ngô Bá Thành, ni sư Huỳnh Liên, ông nhà văn Vũ Hạnh, bà nhà văn Minh Quân; các tổ chức “tranh đấu đòi cải thiện chế độ lao tù”, các phe nhóm “phản đối chế độ chuồng cọp” và hàng hàng lớp lớp những thành phần phóng viên, ký giả Mỹ, Pháp, Anh, Đức, Úc, Phi, Nhật cùng với những trí thức chuyên gia “tiên bộ” à la Erich Wulff, à la André Menras alias Hồ Cương Quyết (2) v.v..và v.v..sẽ nhao nhao lên tố cáo, biểu tình, xuống đường, tuần hành, đốt xe hơi, đánh cảnh sát, hô khẩu hiệu, nằm vạ trước thềm Quốc hội, chiếm đóng trụ sở Đại học, lại v.v..và v.v.. Miền Nam từ bản chất không thể nào làm được như ông Bùi Tín nghĩ tưởng, lại càng không thể làm được như ông trung tướng giả dụ.

Miền Nam đã từng chiêu hồi hàng trăm ngàn người cộng sản. Trong khi đó thì chính con gái Staline đã rời bỏ chế độ Nga

VĂN HỌC MIỀN NAM

Xô-viết. Không có nhà thơ nào ở Miền Nam đề cao chủ nghĩa tàn sát đồng bào như Tố Hữu, như Xuân Diệu. Không có nhà văn nào hoan nghênh căm thù và sát nhân như Chế Lan Viên :
“Chính vì thương yêu mà người cộng sản phải căm thù. Chính vì muốn cho ngày mai sẽ đến một xã hội không còn kẻ giết người, mà hôm nay ta phải tiêu diệt chúng nó.” (3)

Trong khi đó nhà thơ Cao Tần chủ trương:

*Nếu mai một bỗng đòi đời phen nữa
Ông anh hùng, ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cái tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương.*

Cách mạng vô sản khác với cách mạng tư sản, theo học thuyết cộng sản. Một trong những sự khác biệt đó là : cách mạng tư sản thường kết thúc bằng việc nắm chính quyền nhưng đối với cách mạng vô sản thì nắm chính quyền chỉ là bước đầu của cách mạng, vì chính quyền mới sẽ được sử dụng làm đòn bẩy để cải tạo nền kinh tế cũ và tổ chức nền kinh tế mới. Thực tế lịch sử chứng minh rằng thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chuyên chính vô sản là thực hiện những sự cải tạo về kinh tế, xã hội và chính trị tại các nước được mệnh danh là dân chủ nhân dân, từ châu Âu qua châu Á, từ châu Phi qua châu Mỹ. Về mặt sinh học, đường lối câu thúc thân thể những phần tử thù nghịch đối kháng để làm công việc gọi là cải tạo họ dựa chủ yếu vào các học thuyết, chủ trương của những tác giả Nga hay Liên Xô cũ Timiriazev, Lyssenko, Setchenov, Pavlov; qua đó người dân được cải tạo hàng loạt trong nhà tù lớn xã hội chủ nghĩa. *“Toàn bộ lịch sử chủ nghĩa cộng sản mang dấu ấn những tập thể xã hội hay chủng tộc bị tàn sát hay xua đuổi có hệ thống không phải vì những gì họ từng làm, mà vì những gì họ vốn là.”* Jean-Francois Revel nhận xét như vậy trong cuốn sách liên quan đến tác phẩm *Hắc thư về chủ nghĩa cộng sản.* (4)

Những “tập thể xã hội hay chủng tộc” được Jean-Francois Revel đề cập thì ở Việt Nam sau tháng tư 1975 không hề thiếu : nguy quân, nguy quyền, văn nghệ sĩ, nạn kiều người Hoa, giới tư sản và tư sản mại bản. (5)

Trong lý luận, ý kiến cho rằng miền Nam mà thắng thì sẽ đối xử với Miền Bắc cũng tội tệ như Miền Bắc từng đối xử với Miền Nam sau 1975, thậm chí có thể còn tội tệ hơn, là một định đề. Từ định đề đó, tôi xin tiếp tục chứng minh qua hoàn cảnh lịch sử của nước Đức. Ai cũng biết rằng Tây Đức đã thắng Đông Đức, tư bản đã thắng cộng sản, tự do đã thắng độc tài. Không hề có trại tập trung học tập cải tạo. Điều này cả thế giới đều thấy và đang thấy. Các Ủy viên Trung ương Bộ Chính Trị đảng cộng sản Đức một số phải ra toà, nhưng chỉ bị lãnh án tương xứng với tội trạng; và họ đã được xử theo luật pháp của chính nước Cộng hoà Dân chủ Đức (Đông Đức)! Egon Krenz, Tổng Bí thư cuối cùng, chỉ lãnh án mấy năm rồi được Thị trưởng Berlin Klaus Wowereit ân xá. Erich Wolff, viên tướng không mặt chỉ huy cơ quan tình báo mật vụ Đông Đức Stasi, chết già trong một viện dưỡng lão. Sĩ quan không phải đảng viên cộng sản thuộc quân đội nhân dân được thu nhận vào quân đội liên bang. Thời gian phục vụ trong bộ máy công quyền cũ đương nhiên được tính vào thâm niên hưởng hưu bổng của công nhân viên chức về hưu sau ngày thống nhất. Vợ của thủ lĩnh Đông Đức cuối cùng, bà Margaret Honecker, ung dung sống ở Chile với lương hưu bổng được chính quyền chuyển cho đều đặn hàng tháng. Bà còn kiện cáo chính quyền Angela Merkel vì cho rằng hưu bổng của mình không đúng tiêu chuẩn!

Thử dùng một tiên đề làm xuất phát điểm cho hệ thống lý luận *ai thắng ai*, nhiều người Đức đã đưa ra chuyện giả định rằng nếu Đông Đức chiếm được Tây Đức thì chuyện gì sẽ xảy ra? Tờ nhật báo *Bild*, có số độc giả rất lớn, đã mời gọi độc giả góp ý về chủ đề liên hệ và người viết bài này cũng đã mượn chính

hoàn cảnh bản thân và quê hương để gửi thư cho tờ báo đăng tải vào mục ý kiến độc giả.

Trong trường hợp này, Honecker đã có sẵn tư tưởng Marx-Engels-Lénine-Staline-Mao Trạch Đông, chỉ việc mang ra áp dụng chó đăm quân công cán chính Tây Đức.

Có thể có người bảo Đức thống nhất trong hoà bình còn Miền Nam bị Miền Bắc chiếm đóng sau một cuộc chiến. Muốn trả lời, có thể vẫn dùng lịch sử hiện đại Đức để chứng minh. Khi thế chiến thứ hai chấm dứt, nước Đức bị quân đồng minh Anh Mỹ Pháp và Liên Xô chiếm cứ. Trên vùng lãnh thổ do Anh Mỹ Pháp quản trị, các viên chức cao cấp và sĩ quan Đức bị tập trung vào những trại câu lưu. Người Đức dùng chữ *Internierung* để chỉ biện pháp này. Trung bình họ bị giữ ba, bốn tháng. Họ bị an trí như vậy nhằm làm thủ tục thanh lọc để tìm kiếm các tội phạm chiến tranh. Có người bị chở sang Anh, sang Pháp. Không nghe người nào bị đưa sang Mỹ. Sau đó, họ trở lại đời sống dân sự, kiếm việc làm tự mưu sinh. Có người lập nghiệp luôn ở Anh, ở Pháp. Cấp tướng bị giữ lâu hơn nhưng cũng chỉ một hai năm. Viên tướng chỉ huy căn cứ quân sự Penemüde ở Bắc Đức, nơi từng bắn hàng loạt hoả tiễn sang Luân đôn, đã được cấp nhập cảnh sang Hoa Kỳ năm 1948. Cựu Tổng thống Richard von Weizsäcker của Đức từng là sĩ quan cấp úy trong binh chủng SS *Schutzstaffel*, đơn vị bảo vệ của chế độ phát xít, và nhà văn được giải Nobel văn chương Günter Grass cũng vậy!

Trong khi đó những người Đức do quân đội Nga Xô- viết bắt giữ bị đối xử khác hẳn. Họ bị đưa về giam giữ trên đất Nga, bật tin tức gia đình, không biết đến ngày về. Họ phải lao động khổ sai để cải tạo. Họ bị đánh đập hành hạ, họ bị bỏ đói trong tuyết. Kẻ thắng trận tiếp tục xem họ là kẻ thù với tất cả ý nghĩa kinh hoàng của chữ đó. Khi Thủ tướng Adenauer lên cầm quyền, ông tích cực can thiệp cho họ, năm lần bảy lượt đích thân sang Mạc tư khoa năn nỉ thỉnh cầu chính quyền Nga Xô cho họ trở

HUỶNH ÁI TÔNG

về nguyên quán. Tôn không biết bao nhiêu công của, cuối cùng rồi chế độ cộng sản cũng cho người tù hàng binh Đức qui hương. Nhưng thay vì cho họ về Tây Đức thì một số lại bị giao cho nhà cầm quyền Đông Đức, với lập luận người Đức thì về nước Đức, Đông Đức chẳng phải cũng là Đức hay sao? Cộng sản thì ở đâu và bao giờ cũng mọi rợ đều cang như vậy!

Thật ra phía đồng minh cũng có chương trình “cải tạo” dành cho người Đức. Chương trình này chủ yếu được ủy thác cho bộ Tham mưu quân đội Anh nghiên cứu thi hành trên toàn lãnh thổ Tây Đức, gọi là *re-education*. Nhưng nó không có “lên lớp,” không có “thu hoạch.” Nó chỉ có sách vở, báo chí, phim ảnh, phát thanh v.v...

Như vậy, và dẫu rằng người Anh, người Pháp, người Mỹ không hề là đồng bào đồng hương với người Đức, nhưng bởi vì chủ nghĩa nhân bản nhân đạo vốn là căn bản của nền văn minh văn hoá phương Tây - mà, như đã trình bày, Việt Nam Cộng Hoà chịu ảnh hưởng sâu đậm - nên người Đức phía Tây đã được đối xử như là những *con người* bại trận; trong khi người dân Đông Đức bị chủ nghĩa cộng sản Nga xem như một *loài vật* hạ đẳng.

Lý luận *à la* Vũ Ngọc Tấn về *quốc* và *cộng* đôi chỗ khó chấp nhận. Chẳng hạn kiến giải được xem là hiển nhiên, chẳng cần chứng minh : “*Trần Độ là người mà ta coi như là đã từ bỏ cộng sản và tìm về phía chúng ta.*” (trang 28). Bằng chứng nào cho phép kết luận Trần Độ đã từ bỏ cộng sản? Những người như Trần Độ, Dương Thu Hương, Bùi Tín, Nguyễn Minh Cần, Vũ Thư Hiên là những tín đồ của chủ nghĩa cộng sản và họ chưa hề lên tiếng từ bỏ chủ nghĩa cộng sản. Có chăng - trừ Trần Độ - họ chỉ tạm thời rời bỏ mảnh đất hiện đang do chế độ cộng sản thống trị. Hơn nữa, có người tiếp tục biện hộ cho chủ nghĩa Mác-Lênin. Họ lại càng không hề tìm về phía chúng ta, hai chữ “chúng ta” được hiểu là phe quốc gia tự do dân chủ chống cộng. Bà Dương Thu Hương rất bộc trực, bà bảo bà

VĂN HỌC MIỀN NAM

không thèm chơi với “ngụy“. Ông Vũ Thư Hiên điềm đạm hơn, ông chỉ yêu cầu hội trường nào có treo cờ nền vàng ba sọc đỏ thì xin cho ông miễn đến. Chúng ta tự trọng nên chúng ta sẵn sàng tôn trọng lập trường của các nhân vật vừa kể. Tất nhiên tôn trọng lập trường của họ không hề có nghĩa là “sỉ nhục” họ. Trái lại, hoàn toàn trái lại. Và cũng chẳng phải vì vậy mà chúng ta vĩnh viễn đẩy họ về hàng ngũ những kẻ thù không đội trời chung của chúng ta. Vừa tự do vừa hữu trách, chúng ta chấp nhận sự “hội nhập“ của họ vào chính trường quốc gia nhân bản. (6)

Trong quốc hội liên bang và trong hội đồng đại biểu một số tiểu bang của nước Đức thống nhất hiện đang có một số đảng viên *Đảng Tả, Die Linke*. Thủ đô Berlin hiện đang do một liên minh hồng-đỏ giữa SPD (khuynh hướng thiên tả) và Die Linke (cộng sản/thiên cộng) cai trị. Sahra Wagenknecht bảo rằng Stalin là người tốt. Gesine Löttsch gửi thiệp chúc mừng sinh nhật Fidel Castro. Cả hai hiện đang là nữ dân biểu thuộc khối cộng sản/thân cộng. Về cơ bản vốn theo chủ nghĩa nhân bản nên nước Đức thống nhất hiện có một Tổng thống và một Thủ tướng đều xuất thân từ nửa nước Đức cộng sản cũ. Không thể nào có tình huống tương tự xảy ra, nếu Đông Đức chiến thắng Tây Đức. Đó là chân lý lịch sử.

Bài đã dài, tôi không muốn viết thêm. Thực ra muốn viết thêm thì còn nhiều điều đáng để viết thêm lắm.

Ba ngày trước ngày Quốc Hận 2012

(1) Bùi Tín.- *Gà cùng một mẹ*. Thiện Chí xuất bản. CHLB Đức. 1998. tr. 107.

(2) Erich Wulff là giáo sư Tâm thần học người Đức từng giảng dạy tại Đại học Y khoa Huế thuộc thành phần thân cộng. André Menras là một người Pháp. Theo các tin tức loan tải trên internet thì đương sự được Hồ Chí Minh đặt cho tên Việt là Hồ

HUỶNH ÁI TÔNG

Cương Quyết. Menras thuộc thành phần phản chiến, từng treo cờ Việt cộng tại tượng đài Thủy quân lục chiến trước trụ sở Quốc hội Việt Nam Cộng Hòa.

(3) Chế Lan Viên.- *Nghĩ cạnh dòng thơ*. Nhà Xuất bản Văn Học. Hà nội. 1981. tr. 90.

(4) Horst Moller (Hrsg).- *Der rote Holocaust und die Deutschen. Die Debatte um das "Schwarzbuch des Kommunismus"* (Lò hoả thiêu đỏ và người Đức. Cuộc tranh luận xung quanh cuốn sách "Hắc thư về chủ nghĩa cộng sản"). Piper Verlag. München/Zürich. 1999. tr. 249.

(5) Trong y khoa, sinh viên Miền Nam năm thứ hai khi học về Pavlov chỉ được học về phản xạ có điều kiện; trong khi đó, sách Sinh lý học Miền Bắc trình bày đông dài về học thuyết Pavlov, nhấn mạnh đến những định hình động hình thần kinh nhằm lý giải và biện hộ cho chủ trương học tập cải tạo với mục đích xây dựng những con người mới xã hội chủ nghĩa. Lyssenko không được giới khoa học Miền Nam biết đến, trong khi Miền Bắc, theo Nga Xô-viết, nhiệt liệt đề cao học thuyết Mitchourin-Lyssenko; học thuyết này phủ nhận vai trò của *gen*, xem *gen* là duy tâm. Chính nhà khoa học vĩ đại của Miền Bắc, Giáo sư Bác sĩ Tôn Thất Tùng, cũng từng trồng ngô theo học thuyết Lyssenko. Tất nhiên ông không thu hoạch được ngô và cũng chẳng hái bẻ được bắp! Sinh lý học, di truyền học đều hòa nhau tích cực phục vụ cho chính trị.

(6) Một số lớn luận cứ trình bày trong bài này rút từ Trần Văn Tích.- *Nhân tính tự bản chất* đăng tải trên *Làng Vãn*, số 193, năm 1999, từ trang 41 đến trang 44.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Văn Tích Web: hoinhavanvietnamluuvong.info
- Trần Văn Tích Web: svqy.org

53) Trùng Dương



Trùng Dương Nguyễn Thị Thái (1944-)

Nhà văn Trùng Dương tên thật là Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1944 tại Sơn Tây, Bắc Việt. Năm 1954, theo gia đình di cư vào Nam, sống ở Sài Gòn, học Đại học Kiến Trúc. Năm 1965, do Võ Phiến giới thiệu Trùng Dương có truyện ngắn đầu tay *Sao Rung* đăng trên Bách Khoa, sau đó cộng tác thêm với các báo Văn, Văn Đè, Đời, Diễn Đàn, tác phẩm đầu tay là tập truyện *Vừa đi vừa ngóe nhìn*.

Ngoài lãnh vực văn chương, Trùng Dương còn sinh hoạt trong các ngành phát thanh, truyền hình, báo chí, điện ảnh.

Trùng Dương nguyên là chủ nhiệm-chủ bút nhật báo Sóng Thần (Sài Gòn, 1971-75), và là tác giả của nhiều truyện ngắn, truyện dài, biên khảo, phóng sự, minh hoạ, và một vở kịch ba màn, *Các Con Tôi Đã Về* (1978) ghi lại những ngày cuối cùng ở Sài Gòn vào mùa xuân 1975.

HUỶNH ÁI TÔNG

Định cư tại Hoa Kỳ từ 1975, Trùng Dương trở lại trường học và tốt nghiệp ngành báo chí, công quyền và các vấn đề quốc tế tại Đại học Tiểu Bang California, Sacramento.

Từ năm 1991- 93, Trùng Dương làm phóng viên cho tờ The Mountain Democrat, Placerville, California, sau đó về cộng tác với nhật báo The Record, Stockton, California, từ cuối 1993 tới khi về hưu giữa năm 2006.

Trùng Dương cư ngụ tại tiểu bang Oregon, Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Vừa Đi Vừa Ngược Nhìn* (tập truyện - Khai Trí, 1966)
- *Mưa Không Ướt Đất* (tập truyện - Văn, 1967)
- *Con Hồng Thủy và Bông Hoa Quỳ* (Trình Bầy, 1968)
- *Chung Cư* (tập truyện - Tân Văn, 1971)
- *Một Cuộc Tình* (tập truyện - Tân Văn, 1972)
- *Lập Đông* (tập truyện - Văn, 1972)
- *Ngàn Cánh Hạc* (dịch Kawabata Yasunari, Trình Bầy, 1969)
- *Đường Về Trùng Khánh* (dịch Han Suyin, chung với Hồ Hải Nguyễn Vũ Thiện, khoảng 1970)
- *Người Đàn Bà Trong Cồn Cát* (dịch Kobo Abe, An Tiêm, 1971)

Một số tác phẩm chưa in:

- *Thành Trì Cuối Cùng* (truyện dài, đăng từng kỳ trên nhật báo *Thần Phong*, Saigon, khoảng 1970-71)
- *Những Người Ở Lại* (truyện dài, đăng từng kỳ trên nhật báo *Sóng Thần*, 1973)
- *The Prophet* (dịch Kahlil Gibran, đăng rải rác trong một số tạp chí, 1968-70)

Trích văn:

Độc sách trong nước về lịch sử báo chí Miền Nam 1865-1995

Một bữa lục lợi trong Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ tại <http://catalog.loc.gov/>, tôi thấy cuốn “Lịch sử báo chí Sài Gòn-TP. Hồ Chí Minh, 1865-1995”, ghi tên tác giả là Nguyễn Công Khanh, do Nhà Xuất bản Tổng hợp TP-HCM ấn hành năm 2006. Tò mò, tôi nhờ cậu em ở Sài Gòn kiếm cho một cuốn. Cậu em không những gửi cho tôi cuốn sách đó mà còn thêm ba cuốn nữa, hai tập thơ và một cuốn lý luận phê bình văn học tại Miền Nam 1954-1975, đề “chị đọc cho biết tình hình sách vở bên nhà”.

Cuốn sách về báo chí Miền Nam, với cái bìa trình bày khá trang nhã và mang một sắc thái hoài cổ, tuy cũng về báo chí Miền Nam từ 1865 đến 1995, cũng một nhà xuất bản và cùng năm, nhưng tựa và tên người biên soạn thì lại khác với cuốn trong văn khố Thư Viện Quốc Hội. Tựa là “Báo chí ở Thành Phố Hồ Chí Minh – 100 Câu Hỏi Đáp Về Gia Định – Sài Gòn TP. Hồ Chí Minh”, với tên người biên soạn là Trương Ngọc Tường và Nguyễn Ngọc Phan (xin xem hình bìa sách). Tôi đoán cả hai cuốn có lẽ cùng là một, chỉ khác cái tựa, vì không thể nào một nhà xuất bản lại in hai cuốn sách cùng nội dung.

Trong bài này tôi sẽ dùng cuốn sách đang có trong tay, và gọi là “100 Câu Hỏi Đáp Về Báo Chí Miền Nam”, tắt là “100 Câu Hỏi Đáp”, cho tiện.

Báo chí Miền Nam 1865-1995

Phải nhận là nhìn qua mục lục liệt kê 100 câu hỏi và đáp, một người muốn tìm hiểu về báo chí Miền Nam từ thời Pháp thuộc đến gần đây, dù chỉ một cách rất tổng quát, sẽ có cảm tưởng mình đến đúng cái “mỏ” hứa hẹn nhiều thông tin thú vị. Mỗi câu hỏi, và cũng là tựa của mỗi bài, độ từ 2 tới 4 trang, như sau: “001/ Xin cho biết về sự ra đời của báo chí ở Sài Gòn –

HUỶNH ÁI TÔNG

Thành phố Hồ Chí Minh”; hoặc “002 / Xin cho biết về luật báo chí dưới chế độ thuộc địa”; hoặc “003 / Xin cho biết về nội dung tờ Gia Định Báo”; hoặc – cái này có vẻ ngờ ngờ — “006 / Vua Tự Đức và các quan nhà Nguyễn xem báo như thế nào?”; hoặc “007 / Báo chí thời Pháp thuộc lấy tin từ nguồn nào?”; hoặc, cái này đặc biệt thú vị đối với tôi, “017 / Xin cho biết về nhà báo nữ nổi tiếng của tờ Lục Tỉnh Tân Văn vào những năm 1930-1934” (trả lời: đó là nữ sĩ Mạnh Mạnh Nguyễn thị Kiêm, mà từ hồi nào tới giờ tôi cứ đinh ninh bà chỉ viết truyện hay thơ, như hầu hết các nữ sĩ cùng thời ở ngoài Bắc). Và câu hỏi/tựa cuối cùng, khá kích thích óc tò mò của tôi, là “100 / Xin cho biết về các trang thông tin điện tử ở thành phố Hồ Chí Minh”.

Có cả những câu hỏi/tựa bài liên quan đến báo chí thời Việt Nam Cộng Hoà trong hai thập niên 1954-1975 — một thiện chí rất đáng ghi nhận của các soạn giả, và có thể là khuynh hướng chung bây giờ ở trong nước. Phải vậy thôi vì chúng ta đang sống ở thế kỷ 21, không thể tiếp tục, như con đà điểu, vùi đầu dưới cát.

Phải nói rằng đây là một lối dàn bài khá thú vị vì đơn giản, ngắn gọn và dễ đọc. Tuy nhiên, những thông tin trong cuốn “100 Câu Hỏi Đáp” ấy có bao nhiêu độ chính xác, bao nhiêu phần không bị ô nhiễm bởi chính trị ý thức hệ và chủ trương văn học chỉ đạo (mà nhiều người ta thích dùng cụm từ “văn dĩ tải đạo”), thì cần xét lại.

Dẫu sao, tôi phải ghi nhận ham muốn tìm hiểu về một phần của nền văn học Việt Nam đã bị vùi dập quên lãng trong một môi trường nặng màu sắc chính trị ý thức hệ lâu nay ở trong nước, đó là văn học Miền Nam nói chung, và bộ môn báo chí của Miền Nam, đặc biệt của thời điểm 1954-1975, nói riêng. Từ ham muốn tìm hiểu dẫn tới những nỗ lực rất đáng khích lệ, mà điển hình là cuốn “100 Câu Hỏi Đáp” này. Tôi chỉ muốn nêu ra

một số sai sót mà tôi biết được, để độc giả lưu ý và tùy nghi lượng định khi đọc những bài khác trong cuốn sách.

Những sai sót trong phần đề cập tới tờ Sóng Thần

Trong bài này, vì không sẵn tài liệu và vì sự hạn chế của một bài điểm sách, tôi sẽ chỉ đề cập tới một tờ báo mà tôi biết rõ nhất vì đã sống và thờ với nó trong suốt bốn năm, 1971-1975, cũng như đã nhìn nó tắt thở ngay trước mắt mình, đó là tờ Sóng Thần. Tôi cũng không định, và cũng không thể làm một việc bất công, dùng đó như một thước đo sự chính xác của nội dung của 99 câu hỏi-đáp còn lại trong cuốn “100 Câu Hỏi Đáp”. Việc đó, như đã nói ở trên, để độc giả tùy nghi lượng xét lấy, tùy theo trình độ hiểu biết và thông minh của mình. Tôi thấy có nhu cầu phải lên tiếng, một phần, vì cuốn sách đã nằm trong văn khố của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ.

Tờ Sóng Thần được đề cập tới trong câu hỏi-đáp số 078, trang 286-287, tựa là “Xin cho biết về tờ Sóng Thần”, và qua hai trang bài thấy đầy rẫy những sai lầm. Khi tôi scan lại và gửi hai trang đó đi cho vài người bạn, họ hỏi tôi có phải đó là một cố ý. Tôi thẳng thắn đáp là tôi không tin như vậy, mà chỉ có cảm tưởng là người soạn có thể thiếu tài liệu và hiểu biết, có nhiều phần đoán mò, viết đại (xin xem hình hai trang hỏi-đáp về tờ Sóng Thần). Tôi viết bài này cũng là để cung cấp một số dữ kiện về tờ báo, để những nhà viết về báo chí Việt Miền Nam trong tương lai và muốn đề cập tới tờ Sóng Thần có được tài liệu từ nguồn chính, một người trong cuộc.

Tờ Sóng Thần ra đời vào một ngày (tôi không nhớ ngày) vào tháng 10, năm 1971, và bị rút giấy phép vào tháng 2, năm 1975. Microfilm của những số báo Sóng Thần (trừ những số báo bị tịch thu không ra được tới sạp bán) hiện được lưu trữ tại thư viện Kroch Library Asia thuộc Đại học Cornell, Ithaca, N.Y. Bộ phim gồm bảy cuộn, mang số 5004, gồm 1971: Oct.-Dec., 1972-1974, 1975: Jan.-Feb.

HUỶNH ÁI TÔNG

Khởi thủy Sóng Thần là cơ quan ngôn luận của nhóm chống tham nhũng Hà Thúc Nhơn (tên một đại úy y sĩ đã bị sát hại vào năm 1970 trong khi đơn thương độc mã chống tham nhũng trong chính quyền Nha Trang). Nhóm này gồm Bác sĩ Phạm Văn Lương, Giáo sư Nguyễn Liệu, Hà Thế Ruyệt, Phan Nhự Thức, Uyên Thao, Lý Đại Nguyên và một số người khác tôi không nhớ hết tên, và những người vì lý do riêng, không muốn công khai. Sau vì nhu cầu chuyên nghiệp, tờ báo tách ra đứng riêng, mặc dù vẫn theo chủ trương chống tham nhũng trong chính quyền và quân đội. Hồi ấy, tham nhũng ở Miền Nam chỉ bằng một phần nhỏ, so với bây giờ, và cũng chẳng lãnh đạo nào dám ngang nhiên tặng đảo, đất hay cho ngoại bang thuê mỏ, thuê rừng để bỏ túi riêng, như bây giờ. Và cũng không có lãnh đạo nào dám bênh vực tham nhũng, cho rằng tham nhũng ở Việt Nam còn thua xa vài quốc gia khác, như mới đây, ở Việt Nam.

Sóng Thần được hình thành là do đóng góp tiền bạc dưới hình thức mua cổ phần của các cổ đông và độc giả. Tờ báo có trụ sở đặt tại 133 đường Võ Táinh, Saigon (không phải ở miền Trung như ghi trong cuốn *Báo chí TP. Hồ Chí Minh*). Tờ báo do tôi đứng tên làm chủ nhiệm, và nhà văn-nhà báo Chu Tử làm chủ biên. Sóng Thần chống tham nhũng ngay từ lúc đầu, chứ không phải mãi tới cuối năm 1974, như ghi trong bài “Xin cho biết về tờ Sóng Thần”. Tuy vậy, Sóng Thần chống tham nhũng, không chống chế độ hay chính phủ, như một số báo chí ngoại quốc hồi ấy xếp loại là “anti-government”. Ngoài ra là thông tin, bình luận thời cuộc, xã hội, và giải trí (mà việc đăng tải những truyện feuilleton là một).

Báo có anh Nguyễn Đức Nhuận lo trị sự, một người rất tận tụy, không những đối với tờ báo, mà còn với gia đình của anh chị em tòa soạn. Phát hành thì có Sáu Cao (tôi không nhớ trọn tên họ của anh, anh chị em quen gọi anh là Cao vì anh ... rất cao và gầy, người miền Nam, năng nổ, bộc trực). Tôi vẫn nhớ hình ảnh anh Sáu ngời kiêu nước lứt (tức ngời xôm, theo lối diễn tả

VĂN HỌC MIỀN NAM

của người Bắc), bút rút, khốn khổ, buồn so, mỗi khi nghe tin báo bị tịch thu vì một lý do nào đó, và anh không có báo để phát hành.

Phần tòa soạn thì anh Uyên Thao điều hành, với tư cách tổng thư ký, và anh Trương Cam Vĩnh làm phụ tá. Phụ trách về trình bày và dàn trang, lo in ấn có các họa sĩ Đăng Giao, Huy Tường, và Vị Ý. Hồi ấy, chúng tôi đưa báo đi nhà in mượn người ta in, nhưng có riêng một dàn sắp chữ với khoảng một tá thợ, cậu nào cậu nấy lúc nào cũng mình trần vì phòng sắp chữ vốn là một cái gác lửng trần thấp nên rất nóng, và lem luốc vì mực. Phòng sắp chữ nằm phía sau tòa soạn, do xếp typo Tấn, một thanh niên gốc miền Nam, rất tận tụy, trông coi. Giờ nhìn lại tôi không khỏi xấu hổ mà nhìn nhận là trong số thợ sắp chữ đó có một số em chỉ mới trên dưới 10 tuổi, đủ biết đánh vắn để có thể sắp chữ, bỏ học đi làm để kiếm sống giúp gia đình. Tôi cũng còn nhớ cảnh Tấn giục bài, “để mấy đứa nhỏ có bài sắp chữ”, có lần đứng bên cạnh bàn làm việc của tôi với cái thước kẻ, hề thấy viết được khoảng nửa trang, cậu ta kê thước kẻ vào trang giấy xé cái rẹt, đem phân giấy có chữ xuống nhà sắp chữ, mặc tôi ngẩn ngơ như con gà vừa bị cắt đầu. Sau kinh nghiệm đó, tôi thường viết bài ở nhà, nếu bữa nào chậm bài cho Tấn.

Thành phần biên tập, bình luận và nhiếp ảnh khá đông, nòng cốt gồm có Vũ Ánh, Đỗ Ngọc Yến, Lý Đại Nguyên, Đường Thiên Lý, Lê Thiệp, Dương Phục, Nguyễn Tiến Sơn, Lê thị Bích Vân, Anh Điền, Nguyễn Tân Dân, Chóe Nguyễn Hải Chí, Hùng Phong, Nguyễn Tuyền, Thục Viên, Triều Giang, Chu Vi Thủy, Vũ Ngọc Long, vv. Bên cạnh đó là một hệ thống các văn phòng đại diện ở các tỉnh, đặc biệt là Đà Nẵng, Huế và Quảng Trị, với Nguyễn Kinh Châu, Nguyễn Quý, Ngy Thanh, Đoàn Kế Tường và nhiều anh em khác. Cộng tác viên thì càng đông hơn. Thường xuyên lui tới tòa soạn tôi nhớ nhất có các anh Trần Phong Vũ và Vũ Đức Vinh, cả hai hồi ấy làm đài phát thanh Sài Gòn, với anh Vinh là tổng giám đốc. Về sau này, sau khi nhật báo Đuốc Nhà Nam của ký giả lão thành Trần Tấn

HUỶNH ÁI TÔNG

Quốc tự ý đóng cửa để phản đối luật báo chí mới 007/1972 đòi mỗi nhật báo phải ký quỹ 20 triệu đồng, Sóng Thần (tồn tại nhờ vay tiền ký quỹ, và số tiền này còn nằm ở Ngân Hàng Quốc Gia khi biến cố 30 tháng 4, 1975 xảy ra) mời được bình bút Ngọa Long về cho có màu sắc người Miền Nam vì đa số thành phần biên tập là những người gốc miền Bắc di cư năm 1954. Khác với lời ghi trong cuốn “100 Câu Hỏi Đáp” là cả ba nhà báo kỳ cựu gốc miền Nam Trần Tấn Quốc, Nam Đình và Ngọa Long “cùng sang cộng tác với Sóng Thần”, thực tế chỉ có một mình ông Ngọa Long bằng lòng về hợp tác thôi.

Riêng về các nhà văn nhận lời viết feuilleton cho Sóng Thần thì khởi thủy gồm có Nguyên Vũ, Cung Tích Biền, Nguyễn Thụy Long, Vũ Ngọc Đĩnh, Hoàng Hải Thủy, vv. Sau thêm một số khác nữa trong đó tôi nhớ hơn cả, vì là do chính tôi mời, mà lại mời viết hồi ký chứ không phải tiểu thuyết, để in song song, một phần cũng là nhằm lôi cuốn người đọc, đó là hai nhà văn nữ Túy Hồng và Nguyễn Thị Thụy Vũ. Tôi đã dự tính sau hai nhà văn này thì sẽ mời Nhã Ca và Nguyễn Thị Hoàng viết hồi ký song song như thế, nhưng chưa kịp, không nhớ vì lý do gì. Cả bốn chị đều là những nhà văn có nhiều sách truyện đã xuất bản và được nhiều người biết tới và đọc, khác với tôi, một người viết truyện “xuân thu nhị kỳ”, như chủ bút Văn đạo ấy, Trần Phong Giao, đặt cho tôi, có thể vì tôi luôn có những sở thích khác lôi cuốn mình, không chỉ mình văn chương. Những người viết feuilleton cho báo hàng ngày là cộng tác viên, không nằm trong thành phần biên tập.

Ngoài công việc thông tin, nhật báo Sóng Thần còn tham gia vào hoặc tài trợ cho một số những sinh hoạt giáo dục (như hỗ trợ cho chương trình gây quỹ học bổng cho trường Quảng Ngãi Nghĩa Thục dạy học miễn phí cho vài trăm em học sinh trung học nghèo ở Quảng Ngãi, do Nguyễn Liệu và trên 100 giáo sư trung học ở Quảng Ngãi đảm trách); xã hội hoặc nhân đạo (như chương trình xây nhà giúp người nghèo, hoặc gây quỹ và phát động chiến dịch hốt xác và chôn cất gần 2,000 nạn nhân chiến

VĂN HỌC MIỀN NAM

cuộc trên Đại lộ Kinh Hoàng trong trận Mùa Hè Đỏ Lửa 1972); hoặc văn nghệ (như lập nhà xuất bản Nhân Chủ, hỗ trợ gánh hát cải lương Bạch Tuyết-Hùng Cường, thực hiện phim “Yêu”, do Đỗ Tiến Đức đạo diễn, dựa vào cuốn tiểu thuyết cùng tên của Chu Tử).

Cái ưu điểm của Sóng Thần, và lý do tờ báo lôi cuốn được nhiều người tham gia, hỗ trợ, đó là, ngoài chủ trương chống tham nhũng làm sạch hậu phương để hỗ trợ tiền tuyến chống Cộng đảng bảo vệ một Miền Nam tự do, còn do chỗ này: đó là tờ báo do nhiều người làm chủ, với tư cách cổ đông góp phần hùn vốn, và niềm tin của họ đặt vào hoài bão của nhóm chủ trương, cũng là ước vọng của họ. Tôi chỉ là người đứng tên trên giấy phép xuất bản và chịu trách nhiệm đối với chính quyền, trong đó có những màn đi hầu tòa mỗi khi báo bị tịch thu. Tôi còn nhớ mỗi lần tôi mặc áo dài đến tòa soạn, thế nào cũng có người hỏi: “Bữa nay bà đi hầu tòa hả?” Vì tôi ít khi mặc áo dài, mà thường mặc âu phục để đi xe đạp cho đỡ vướng. Nói tóm lại, không có các anh chị em khác đã cộng tác với Sóng Thần và sự tin tưởng vào lý tưởng của tờ báo từ các cổ đông và độc giả, chắc chắn đã không có tờ Sóng Thần. (TD, 5/2010)

Lạc đường vào văn chương

Hồi học trung học đệ nhất cấp tôi khá giỏi toán, một hai muốn theo đuổi ban toán. Thành thực mà nói thì tôi thích toán học vì toán học chỉ một phần nào, mà còn vì cái tính cạnh tranh với con trai nữa. Tôi sinh ra là một trong sáu chị em gái trong một gia đình 11 người con, và tôi là thứ bảy trong đám lúc nhúc ấy. Cha mẹ tôi nguyên là con nhà nông bị chiến tranh đưa đẩy ra tỉnh lập nghiệp vào giữa thập niên 1940, nhưng một phần, tôi nghĩ, là do chính cha tôi cũng muốn vậy, và tình trạng bất ổn nơi thôn quê đã cho ông một cái cơ vững chắc — ông vốn là con trai út và duy nhất của gia đình gồm năm chị em — để bỏ làng đem vợ con ra tỉnh lập nghiệp. Ông vốn có một đam mê dành cho máy móc xe hơi, không thích công việc đồng áng

HUỶNH ÁI TÔNG

mặc dù đã hẳn là ông rất thông thạo việc canh tác, và chỉ có ra tỉnh ông mới tìm được sự thoả mãn nghề nghiệp.

Cha tôi ít học, học lực chỉ tới hết tiểu học. Mẹ tôi, như hầu hết con gái đàn bà sinh ra và lớn lên ở thôn quê, hoàn toàn mù chữ (có điều tôi không hiểu làm sao bà cầm sách kinh đọc vanh vách, có thể là vì đã thuộc nằm lòng mọi câu kinh và cả những bài hát đạo). Hồi trẻ, bà nổi tiếng đẹp nhất làng, chỉ muốn đi tu, song có lẽ không được ơn Chúa gọi cho nên, mặc dù có nhiều người theo đuổi, bà nhận lời lấy cha tôi, con của một gia đình điền chủ trong làng Trình Xá thuộc tỉnh Hà Đông. Khi nói ông bà rất bảo thủ, nếu không nói là cổ hủ. Điều này có thể hiểu được khi tôi có dịp quan sát những gia đình Việt tị nạn trong suốt mấy chục năm qua, đặc biệt là gia đình của mấy người thân: Đối với những người, nhất là những người đơn giản như cha mẹ tôi, bị bật rễ ra khỏi nơi chôn nhau cắt rốn của mình, ôm ghì lấy những phong tục tập quán và lối suy nghĩ cũ của mình là một nhu cầu, nếu không nói đây là nơi nương tựa không thể thiếu trong cuộc đời lưu xứ của họ.

Mấy câu nói tôi nghe khá thường xuyên, oái oăm là nhiều lần từ cửa miệng của mẹ tôi, khiến tôi không bao giờ dám đi tìm “đồng minh” nơi bà, đó là: “Mười đứa con gái không bằng một đứa con trai”, “Con gái là con người ta”, “Con gái không cần học nhiều”, hoặc tệ hơn, “Con gái học nhiều chỉ để viết thư cho trai”. Câu sau này thì cha tôi hay nói, chứ mẹ tôi hình như chưa hề nói, vì một cách thâm kín, bà tôn trọng sự học vấn, theo truyền thống “tôn sư” hơn là hiểu được tầm mức quan trọng của giáo dục.

Thử tưởng tượng, theo tâm lý học, phải nghe những câu đó từ bé, một đứa trẻ phải cảm thấy như thế nào. Nó sẽ cảm thấy mình thừa thãi, rằng mình không được cha mẹ thương yêu, rằng mình là gánh nặng của cha mẹ, và mình không là cái gì cả. Khi tôi hỏi tại sao như vậy thì mẹ tôi và những người con gái, đàn bà quanh tôi chỉ đáp vồn vện, “Nó là như vậy, từ hồi nào

VĂN HỌC MIỀN NAM

tới giờ, hỏi gì mà vớ vẩn!” Khi tôi vặn hỏi thêm, rằng thế còn các Bà Trưng, Triệu ngày xưa thì sao, họ còn được học cả võ nghệ nữa, nếu không làm sao họ kêu gọi được những người khác cùng đứng lên đánh lại quân Tàu, thì họ nhìn tôi như thể tôi từ một hành tinh khác tới.

May sao, cha mẹ sinh con nhưng trời sinh tính. Tôi không chấp nhận như thế, mặc dù tôi không ý thức được thái độ chống đối chưa thành hình đó. Chỉ biết là tôi thương mẹ tôi và tất cả những người đàn bà nhẫn nhịn quanh tôi, thương nhiều lắm. Những lần nằm giỗ giấc ngủ buổi trưa ở Hải Phòng, nơi tôi trải qua thời thơ ấu của mình trước khi theo gia đình di cư vào Nam năm 1954, tôi nghe người chị dâu lớn ru con bằng những câu thơ Lữ bước sang ngang của Nguyễn Bính, tôi thấy thương chị vô cùng, mặc dù chị đã không lữ bước sang ngang, vì chị thương anh Cả tôi lắm vì anh hiền lành, đẹp trai nhất nhà, nếu không là nhất họ, trông như tây lai ấy; song lấy anh tôi, chị cũng “lấy” luôn cả đám em lúc nhúc của anh nhiều đứa còn nhỏ, phải săn sóc tẩm gội cho nữa.

Một lần, hồi ấy tôi mới khoảng 6, 7 tuổi, được cho về quê đi dự đám cưới của con gái con của ông cậu ruột. Hình như đó là cái đám cưới đầu tiên tôi được tham dự — hoặc do trí nhớ của tôi đã bắt đầu biết ghi nhận? — từ lúc đón dâu tới đám rước dâu nhiều màu sắc đi qua những cánh đồng lộng gió cả tiếng đồng hồ mới tới làng chú rể — những hình ảnh tiếp tục sống trong ký ức tôi về sau này, một phần cũng vì vẻ đẹp mộc mạc của đám rước dâu. Cô em họ hơn tôi cả chục tuổi ấy khóc sụt sùi từ trước khi đón dâu. Tôi thấy tôi cũng khóc theo. Tôi thương chị Bạch (tôi vẫn quen gọi cô em họ này là chị), tưởng tượng cảnh bỗng dưng phải bỏ những người thân yêu để đến một nơi xa lạ, sống với những người xa lạ. Liệu có sẽ được thương yêu, hay bị đẩy đoạ như những chuyện mẹ chồng nàng dâu mà về sau này khi biết đọc, tôi hay lén đọc. Hình như cũng trong thời kỳ này tôi biết tới những tác phẩm của nhóm Tự Lực Văn Đoàn nhằm đổi mới văn chương và cải cách xã hội, trong

HUỶNH ÁI TÔNG

đó có sự bất công đối với người đàn bà, là những tác phẩm đã ra đời cả chục năm trước khi tôi cất tiếng khóc góp mặt với đời vào năm 1944.

Hồi ấy thái độ chống đối của tôi là một thái độ tự phủ nhận, phủ nhận chính cái thân phận của mình: tôi ghét làm con gái vì những thua thiệt trong gia đình và ngoài xã hội ấy. Tôi ganh đua với con trai trong việc học. Tôi đo khả năng và trình độ của tôi với đám con trai, không bao giờ dùng mẫu mực của các bạn gái. Như vậy thành một thói quen: những gì các bạn gái cùng lớp của tôi làm thì tôi không tham gia, trong đó có việc chép thơ và cả làm thơ (tôi là thứ một câu thơ bẻ ra làm hai cũng không biết làm, mặc dù sau này có theo học ban văn chương), và nhất là việc mơ sẽ lấy được một tấm chồng, tới một đám cưới với người mình yêu, hoặc không yêu thì cũng phải có một đám cưới cho linh đình, để người ta nhìn vào tấm tắc khen mình có phước. Tôi không hiểu tại sao con gái lớn lên phải lấy chồng, tại sao không lấy chồng thì bị chê cười, nhạt báng là gái già. Tất nhiên là tôi cũng yêu đương, nhưng không bao giờ nghĩ tới việc lấy chồng và mơ một đám cưới cho-người-ta-trông-vào.

Tôi dồn mọi chú tâm vào việc học, vì tính cạnh tranh với con trai nhiều hơn là vì một ý thức (chỉ thành hình về sau này) về việc học vấn sẽ khai phóng và trang bị cho mình những hiểu biết, từ đó thêm tự tin, độ lượng, và độc lập về cả tinh thần lẫn vật chất. Cũng có vài lần thất tình, song đây lại là lúc tôi càng chú ý mũi vào việc học hơn bao giờ hết. Học trường không đủ, còn xin đi học tư thêm nữa các lớp Anh văn và cả Việt văn về cách viết luận đề (hồi ấy tôi khá giỏi về môn viết luận đề, khiến có vài người quen khuyên tôi sau này học làm luật sư). Một lần, cô em kế tôi, không rõ là làm mất tiền học phí hay dùng tiền đó vào việc khác, làm cha tôi giận lắm, cúp cả tiền học các lớp tư của tôi (hồi ấy tôi đã được vào Gia Long học, nhưng đi học tư thêm), với một câu tuyên bố bất hủ, “Con gái học nhiều chỉ tổ viết thư cho trai”. Tôi đau khổ lắm, ngồi khóc nguyền

VĂN HỌC MIỀN NAM

một buổi tối, khóc lớn lắm kia, vừa khóc vừa kể lể cho tất cả hàng xóm cùng nghe nỗi niềm của mình.

Khi nạp đơn vào trường Gia Long sau khi đậu bằng Trung học hạng bình thứ, tôi một hai đời theo ban toán, là môn tôi cho là chỉ có bọn con trai tri mới theo học. Tôi không muốn thua. Ban toán đã hết chỗ, mà tôi thì không muốn học ban vạn vật vì hồi ấy chưa biết thích khoa học. Cuối cùng chỉ còn lại ban văn chương. Tôi đành phải chấp nhận ban văn chương. Nhưng sự chống đối đối với môn mình buộc phải chọn đó vẫn ngầm ngầm thể hiện qua những năm trung học đệ nhị cấp, dưới hình thức này hay hình thức khác.

Chống đối hiển nhiên nhất là tôi không thích truyện Kiều, hồi ấy, đã hẳn, dù vẫn học. Cho đó là chuyện mượn của Tàu, không có gì để hãnh diện cả — hồi ấy, tôi chưa đủ trình độ để thấy cái tài tình trong việc sử dụng thể lục bát và đặc biệt cách xây dựng nhân vật của văn hào Nguyễn Du. Cũng hồi ấy, phải học thì học, nhưng tôi không thích những Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc, Ai Tư Văn, cho là quá uỷ mị. Những dòng thơ Đường mang tính hoài cổ, kỹ thuật cứng ngắt, rắc rối. Tôi không thấy rung động khi đọc các bài thơ lãng mạn Pháp mà các bạn gái của tôi nhiều người thuộc nằm lòng. Nhưng tôi khoái Alfred de Vigny: *Gémir, pleurer, prier est également lâche. / Fais énergiquement ta longue et lourde tâche / Dans la voie où le Sort a voulu t'appeler, / Puis après, comme moi, souffre et meurs sans parler*, qua bài thơ “La Mort du Loup”. Và không thích cả những thơ văn lãng mạn tiền chiến của văn chương Việt. Song tôi ghê ngao những Nguyễn Công Trứ: phải có danh gì với núi sông và thích cái triết lý xuất xứ của ông; những Cao Bá Quát kiêu bạc: Một chiếc cùm lim chân có để / Ba vòng xích sắt bước thì vương; những Hoàng Cầm: Trãi con oi tương lai đầy ánh sáng / Cha đứng đây trông suốt được ngàn thu, trong kịch thơ Hận Nam Quan; hoặc Thế Lữ: Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua / Khinh lữ người kia ngạo mạn ngân nga / Dương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm, qua bài “Hồ

HUYỀN ÁI TÔNG

Nhớ Rừng”. Tôi yêu cái ngang ngược và ngạo mạn của Hồ Xuân Hương. Tôi học Đoạn Tuyệt, song thích Đôi Bạn của Nhất Linh hơn vì trong đó có cảnh Dũng đi làm việc nước. Tôi muốn làm việc nước, có vẻ như “độc quyền” của đàn ông con trai. Tôi không muốn làm Thiếp trong khung cửa.

Mẹ tôi ngắm ngẫm hỗ trợ lòng yêu thích việc học của tôi bằng cách... hề thấy tôi cầm một cuốn sách, không cần biết đó là sách học hay... tiểu thuyết, thì không bắt tôi làm việc nhà, việc bếp núc. Bà Liễu, cô giáo dạy nữ công gia chánh của tôi hồi đệ tam ở Gia Long, một lần bắt tôi đứng giữa lớp mắng về tội không làm bài, làm con nhỏ Hoà ngồi cạnh tôi bật dậy bênh tôi, nói nhưng con này nó vẽ giỏi lắm đó cô. Bà Liễu bấu môi mĩa mai, ừ, ừ, nữa nó dzẽ đồ ăn cho chồng nó ăn, dzẽ áo cho con nó mặc, rồi cho tôi một quả trứng. Bà chị dâu lớn của tôi đã vậy lại còn vun vào, “Nấu nướng, khâu vá học mấy hồi, cô đừng bận tâm. Học chữ mới lâu.” Được thể, tôi càng dần mình đi sâu vào vườn hoa văn nghệ muôn hồng nghìn tía. Cha tôi cũng làm ngờ mặc kệ tôi, vì bận rộn kiếm cơm nuôi một bầy con còn nhỏ ăn như tằm ăn rỗi — từ di cư vào Nam ông thất bại liên miên. Cũng có thể, một cách âm thầm, ông mong tôi sẽ thành cái gì — tôi là người đầu tiên trong gia đình giật được hai cái bằng tú tài —, nhưng ông không khuyến khích vì có lẽ sợ như vậy là đi ngược lại truyền thống chẳng.

Cũng trong thời kỳ này tôi làm quen với văn chương hiện sinh, qua sự giới thiệu của người yêu đầu đời. Tuy vậy, tôi không thích Jean-Paul Sartre. Tôi buồn chán, bề ngoài có vẻ thời thượng, nhưng thực ra vì những lý do gia đình riêng tư. Cha tôi làm ăn thất bại liên miên từ ngày vào Nam sau khi khám phá ra mỏ vàng, do việc bán tống bán táng tài sản của mình vào giờ phút chót để đi Nam, khi đem ra bán, thử thì hoá ra vàng giả. Có lúc ông sinh ra cờ bạc, hai lần phá sản, gia đình túng thiếu. Các anh lớn của tôi không khá gì. Các chị thì bận bịu với gia đình riêng và cả gia đình chồng. Mẹ tôi tìm an ủi trong việc sớm tối đọc kinh và đi nhà thờ. Lũ anh em sáu đứa chúng tôi

VĂN HỌC MIỀN NAM

còn nhỏ sống như một bầy thú hoang không người hướng dẫn. Tôi đi học chỉ có một chiếc áo dài trắng và một cái mũ xanh dương nhạt đồng phục nhà trường. Mất cận thị nặng nhưng mãi tới năm đệ tam mới xin được tiền của ông anh lớn đi làm kính. Người tình đầu của tôi được bố mẹ lo cho đi Pháp học vì lúc ấy chiến tranh đã bắt đầu với sự ra đời của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Từ Bordeaux, anh gửi về tặng tôi đĩa hát 45-tour bài *Demain tu te maries*.

Tôi đau khổ nhưng không muốn nôn mửa vào cuộc đời vì tôi yêu nó. Mặc dù đang rất khốn khổ song một cách vô ý thức tôi biết rồi tôi sẽ tìm ra ý nghĩa của cuộc sống, sẽ ra khỏi vùng sương mù đang vây phủ tuổi mới lớn. Tôi đọc và xem những phim dựa trên tiểu thuyết của Françoise Sagan để mơ mộng, ao ước một đời sống không phải bận tâm về chuyện vật chất mà chỉ có rong chơi và yêu đương hồn nhiên như cỏ cây. Nhưng tôi thích Albert Camus, nếu không nói là yêu ông ta, mê mẩn với và cả nương tựa vào những *L'Étranger*, *La Peste* để sống. Đầu đó trong cuốn tiểu thuyết *La Peste* của Camus, tôi nhặt được câu đã trở thành một trong hai phương châm sống của tôi từ thuở mới lớn (phương châm kia là bài học rút ra từ chuyện Tái Ông Thất Mã, mà tôi đã thường nghĩ tới và nghiền ngẫm mỗi khi vấp ngã, để vực mình dậy đứng tiếp tục đi tới). “*Tout ce que l'homme pouvait gagner au jeu de la peste et de la vie, c'était la connaissance et la mémoire,*” Camus viết. Một người bạn sau này quen nhau ở trường kiến trúc, nhân lúc nói chuyện văn chương, đã tìm mua tặng tôi cuốn *La Chute*, với lời viết tặng cho “*une petite amante de Camus*”. Bây giờ vẫn còn thích văn hào này vì văn phong — ở mỗi cuốn tiểu thuyết Camus có một văn phong riêng — và vì ảnh hưởng sâu đậm ông đã để lại trong đời tôi. Ngoài ra, hồi ấy tôi cũng mê *Gone With The Wind* của Margaret Mitchell, cuốn sách dày cả ngàn trang mà tôi đã đọc cả bảy bốn lần, hai lần trước và hai lần sau 1975, cùng là đọc cuốn Anne Edwards viết về đời bà, *Road to Tara*, tới hai lần rồi mà vẫn không chán. Phim *Gone With The Wind*

HUỶNH ÁI TÔNG

thì xem nhiều lần lắm, một phần vì sở thích điện ảnh, một bộ môn tôi cũng đã theo học và theo đuổi một thời gian.

Cũng đồng thời trong thời gian dậy thì này tôi làm quen với hội hoạ. Tôi có cái may mắn có thiên phú về vẽ, có được “mười ngón tay bắt được của trời” như diễn tả (hình như) của cố nhà văn Mai Thảo, chủ trương tạp chí văn học Sáng Tạo hồi cuối thập niên 1950, và Văn sau này. Tôi không bao giờ có ý tưởng trở thành nhà văn, hay cả nhà báo. Thực ra tôi vẽ từ khi mới biết cầm bút tập viết, và đã thực hiện nhiều truyện bằng tranh, đã bán cho mấy đứa nhỏ hàng xóm lấy tiền mua giấy vẽ tiếp. Có một dạo tôi mơ làm hoạ sĩ. Tôi đặc biệt mê tranh Van Gogh. Nhìn những nét cọ cuộn cuộn trong Starry Night, những mảng màu vàng lúa mì, xanh da trời và đen của đàn quạ vùn vủ quần quai trong Wheatfield and Crows, tôi nghe lòng thổn thức. Sau khi đậu tú tài hai, tôi dự kỳ thi tuyển vào trường Cao Đẳng Mỹ Thuật. Hàng năm trường này chỉ chọn 20 thí sinh, phần lớn là những người đã từng theo học lớp dự bị một năm của trường. Năm ấy, 1962, tôi đậu hạng 10. Tôi nghĩ tôi được chọn có thể vì hai lý do, một là vì bài vẽ truyền thần của tôi xuất sắc, mà xuất sắc một phần tại tôi dùng than, khiến đường nét và bóng trên người mẫu ở trần mạnh và dễ nổi, lấn át những bức vẽ đa số bằng bút chì của các thí sinh khác; và nữa, tôi là một thí sinh có thể là duy nhất năm ấy có bằng tú tài đôi. Về khoe với nhà tin thi đậu vào trường Mỹ Thuật, chả ai mừng cho tôi hết. Bố tôi, vẫn muốn tôi đi thi vào trường Sư Phạm, còn phán, “Làm hoạ sĩ chỉ chết đói. Con gái không làm hoạ sĩ.” Tôi đành đi thi vào Sư Phạm, và trượt. Đành ghi danh học Luật và Văn Khoa rồi, sau này, Kiến Trúc.

Thường trường Mỹ Thuật chọn một số thí sinh, tôi không biết là mấy người, cho đậu dự bị để nếu có người nào trúng tuyển không học thì họ đôn lên. Chỗ tôi bỏ không học ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật vào tay người đậu dự bị số một năm ấy: đó là người sau này trở thành điều khắc gia Lê Thành Nhơn (1940-2002). Tôi chỉ biết tới điều này khi gặp lại Nhơn khoảng một

VĂN HỌC MIỀN NAM

thập niên sau đó, tại xưởng điêu khắc của anh ở đường Nguyễn Du, giữa những pho tượng lớn hơn người thật, mà bức tượng gây ấn tượng vô cùng sâu đậm, như niềm hãnh diện của tôi về anh, là tượng Phan Thanh Giản với nét đau đớn của một người sắp uống thuốc độc tự tử như một tạ tội với triều đình Huế vì đã để mất ba tỉnh miền Nam vào cuối thế kỷ thứ 19. Nhơn kể với tôi về việc chính anh là người được đôn lên học chỗ tôi bỏ trống năm ấy. Tôi suy ngẫm về sự việc này: may mà tôi bỏ không theo đuổi hội hoạ, vì Nhơn đam mê, tài giỏi và xứng đáng hơn tôi, rất nhiều. Theo cảm quan nghệ thuật của tôi, anh là một Michelangelo của Việt Nam. Với sự hiện diện của anh, tôi không tiếc đã không có dịp theo đuổi nghệ thuật tạo hình.

Tôi lớn lên không có người để tâm sự. Có tâm sự cũng chưa chắc đã được thông cảm, nếu không là bị phán đoán, điều chẳng giúp gì được cho tôi hết. Trong nỗi hoang mang cùng tận, đặc biệt từ sau khi người tình đầu của tôi (nay đã qua đời, ở tuổi mới 55) đi du học, tôi cầm bút viết. Một phần cũng vì viết không tốn kém gì nhiều, như vẽ, và chỉ cần một xấp giấy trắng và cây bút, và ngồi viết ở đâu cũng được. Nỗi niềm thì đã ở cả trong đầu, trong tim.

Một trong những truyện ngắn đầu tiên của tôi, “Sao Rụng”, được nhà văn Võ Phiến giới thiệu đăng trên tờ bán nguyệt san Bách Khoa do Lê Ngọc Châu làm chủ nhiệm, vào năm 1965. Ông Võ Phiến hỏi ấy nghĩ tôi có thể “đi xa”, vì “Sao Rụng” là câu chuyện không phải về tôi, như với đa số những người mới viết còn ít kinh nghiệm sống và hay viết về mình. “Sao Rụng” (trong tập truyện Vừa Đi Vừa Ngược Nhìn, Khai Trí, Sài Gòn, 1966) là chuyện về một con bạn thân, mà tôi rất thương, đi lấy chồng. Người chồng lớn tuổi hơn nó nhiều và nó không yêu, song phải lấy vì một nhu cầu gia đình, như cô Kiều của Nguyễn Du, để lại một cậu bé hàng xóm — một nhân vật hoàn toàn tưởng tượng — thậm yêu trộm nhớ trong tuyệt vọng.

Và tôi... lạc đường vào văn chương kể từ đây.

HUYỀN ÁI TÔNG
(09-2009)

Nhà văn Hồ Nam (Vương Tân) viết về Trùng Dương như sau:

Giữa cái thế giới văn chương nữ giới, với Nguyễn thị Hoàng là đầy kinh nghiệm sống, loảng soảng những chữ và nghĩa - Nguyễn thị Thụy Vũ thâm nhập thực tế ngôn ngôn chuyện đời; còn Nhã Ca thơ mộng, và Túy Hồng cay đắng tình đời. Trùng Dương lừng lững tự lột trần quá khứ, tự mổ xẻ bản thân; phơi bày ra trang viết, làm cho thiên hạ trợn tròn con mắt vì kinh ngạc; nhưng thi nhau tìm đọc. Đọc, vì tò mò, vì muốn khám phá thân phận người nữ hôm nay.

.....

Mấy lúc sau này, Trùng Dương cố gắng nhiều trong việc tu từ, việc dùng chữ nghĩa có hay hơn - nhưng quan niệm văn chương của Trùng Dương thì vẫn không thay đổi, trong khi ở Mỹ xuất hiện hàng loạt nhà văn nữ viết sách báo hơn Trùng Dương, ồn ào hơn, đề cập chuyện phòng the dữ dội hơn Trùng Dương - thành ra Trùng Dương bị “tụt hậu” rất xa ngay trên lãnh địa “sở trường” của chính mình.

Tổng kết hơn 40 năm làm văn, làm báo của Trùng Dương, người ta thấy cái làm nên tên tuổi lẫy lừng của Trùng Dương vẫn là tập truyện ngắn “*Mưa không ướt đất*”; và chỉ thế thôi - còn những truyện ngắn, truyện dài khác của Trùng Dương vẫn chỉ là cái bóng của “*Mưa không ướt đất*”.

Tài liệu tham khảo:

- Trùng Dương *Những truyện hay nhất của quê hương chúng ta*
- Trùng Dương Web: tienve.org
- Nhà văn Trùng Dương Web: thang-phai.blogspot.com

54) Tường Linh



Tường Linh Nguyễn Linh (1930-)

Nhà thơ Tường Linh tên thật là Nguyễn Linh, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1930 (Canh Ngọ) tại làng Trung Phước huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, làng Trung Phước ngày nay là xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tường Linh có thơ đăng trên các tạp chí Bách Khoa, Mai, Phổ Thông, Tin Văn ...

Sau năm 1954 Hiệp định Genève chia đôi đất nước, ở quê nhà vẫn chưa yên, ông bỏ quê ra Đà Nẵng rồi Huế, Quảng Trị vào Nam để tìm việc làm, cuối cùng năm 1956 tại Sài Gòn, ông đã tìm được việc làm là thầy cò, sửa morasse cho một nhà in trên đường Lê Thánh Tôn, ngụ ở Gia Định lập nghiệp tại đây.

Năm 1965, ông được giải thưởng của Bút Việt với truyện ngắn *Làng*.

Tác phẩm:

- *Thơ Tập Làm Thuở Nhỏ* (in thạch bản, Tam Kỳ 1950)
- *Mùa Di* (in thạch bản, Bồng Sơn 1953)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Mùa Hoa Cải* (Huế 1955)
- *Mây Cổ Quận* (Tao Đàn, Saigon 1962)
- *Nghìn Khuya* (Tao Đàn, Saigon 1965)
- *Thu Oi Từ Đó* (Tao Đàn, Saigon 1972)
- *Giọt Cổ Cầm* (Đà Nẵng 1998)
- *Về Hỏi Lại* (Đà Nẵng 2001)
- *Thơ Tường Linh tuyển tập* (Văn Học, 2011)

Trích văn:

Nơi Bùi Giáng Chấn Đê

Đầu năm 2007, trong thời gian nằm bệnh viện, tôi nhận được tin buồn muộn màng về anh bạn, cùng làng, cùng lứa tuổi với tôi, đã từ trần tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Đó là anh Văn Phú Nhẫn. Viết văn, làm thơ, anh ký bút danh Bạch Linh.

...

Trước năm 1945, làng Trung Phước của chúng tôi ở phía Tây huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam có sáu phái (đơn vị như ấp, thôn) là phái Thượng, phái Hạ, phái Thị, phái Trung, phái Trà Viên và phái Giáp Nam. Nhà anh Văn Phú Nhẫn ở phái Giáp Nam, phái bên trái quan lộ theo hướng chợ Trung Phước vào đèo Le, giáp ranh với xã Quế Lộc ngày nay*.

Anh Văn Phú Nhẫn chỉ có hai anh em, người em trai của anh là Văn Ngọc Hưng. Hai anh em mồ côi cha rất sớm. Thân mẫu của hai anh, được người làng gọi là bà giáo Nhẫn theo lối lấy tên con trai đầu để gọi một cách kính trọng, thuộc thành phần trung nông, lo thờ chồng, nuôi hai con ăn học nên người.

Trong nhiều điều tôi nhớ về người bạn quê xưa vừa qua đời nói trên nổi đậm lên thời gian thi sĩ Bùi Giáng chấn đê tại quê chúng tôi. Nơi Bùi thi sĩ ngày ngày thả đê là rặng đồi cây lúp xúp, một chi sơn giữa dãy núi Chúa và núi Hòn Tàu. Rặng đồi này ở ngay phía sau nhà hai anh Phú Nhẫn và Ngọc Hưng.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Thời gian này là trọn năm 1951 và mấy tháng đầu năm 1952. Thi sĩ Bùi Giáng *chỉ chẵn đê trong vòng một năm rười ảy mà thôi*.

Như nhiều người trong chúng ta có biết, nơi sinh của Bùi Giáng là làng Vĩnh Trinh thuộc huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam, nhưng thân phụ của thi sĩ là cụ Cửu Tý có nhà cửa, vườn cây và nà trồng dâu bắp bên sông tại Trung Phước huyện Quế Sơn. Bùi thi sĩ thành hôn hồi đầu năm Ất Dậu 1945 rồi đôi vợ chồng trẻ lên Trung Phước ở với gia đình.

Trung Phước và mấy làng lân cận như Đại Bình, Trung Lộc, Phước Bình... đời nào cũng có nhiều người làm thơ. Họ kết thân với nhiều nhà thơ gần xa và các nhà thơ này thường lui tới giao thiệp với nhau. Thời Bùi Giáng đến ở tại Trung Phước thì tại địa phương này có các nhà thơ đã thành danh như Huỳnh Lý, Hoàng Châu Ký, Huỳnh Hưng, Nguyễn Thụy Khải, Tạ Ký... Bạn thơ của họ từ các nơi xa thường đến đây ở chơi năm bảy hôm. Người viết bài này còn nhớ trong số đó còn có các nhà thơ nổi tiếng như Trinh Đường, Khôi Anh (Phạm Văn Kỳ), Hồ Thấu, Nguyễn Đình, Hồ Hiếu Dân... Bùi Giáng đến với quê hương thứ hai này có thể vì hai lý do: lập nghiệp với gia đình và kết bạn thơ.

Sau Tết Ất Dậu ấy, khi đã rời làng Vĩnh Trinh lên Trung Phước, chị “Sáu Giáng” quản lý nà dâu, bán dâu rừng nửa cho các hộ nuôi tằm. Mẹ tôi thường bảo tôi đến mua dâu của chị vì chị tính giá “nói” hơn các chủ nà khác, chưa sẵn tiền trả ngay thì chờ xong lứa tằm sẽ thanh toán cũng được.

Tôi và một số bạn yêu thơ trong làng rất quý mến thi sĩ Bùi Giáng. Chúng tôi gọi thi sĩ bằng cái tên thân mật là anh “Sáu Giáng”.

Suốt mấy năm ở cùng làng, ngày ngày gần gũi nhau, tôi không hề thấy anh biểu lộ chút gì gọi là “điên” cả. Anh rất hiền, ít nói, hay cười, y phục luôn gọn gàng, sạch đẹp. Anh cũng chẳng mấy khi nói về thơ, tranh luận về lĩnh vực thi ca lại càng không. Chỉ khi nào chúng tôi đến nhà anh thì anh mới đưa cho

HUYỀN ÁI TÔNG

xem bản thảo những bài thơ hoàn chỉnh của mình. Anh chỉ làm thơ tại nhà chứ không bao giờ ghi ghi chép chép trước mặt người khác tại bất cứ đâu.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp 19/12/1946, mấy nơi giáp ranh với Trung Phước chỉ cách một dãy núi và đường trường Thạch Bàn như Thu Bồn, Kiềm Lâm, phía tả ngạn là Phú Thuận, Giao Thủy... đều bị Pháp tạm chiếm, đóng đồn. Vùng Trung Phước đổ lên mãi tận đầu nguồn sông Thu Bồn, chạy vào phía Nam của tỉnh gồm huyện Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước, Trà Mi là vùng tự do rộng lớn của ta tiếp giáp với các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, suốt chín năm chống Pháp là vùng bất khả xâm phạm. Địa phương tôi ở là khu Hoàng Văn Thụ có một công binh xưởng lớn chế tạo vũ khí, có nhiều cơ quan, kho tàng của ta. Đây cũng là địa bàn thường có các đơn vị chính quy cấp tiểu đoàn trú đóng và xuất kích đánh địch tại vùng xuôi.

Không tiền công, lán chiếm, đóng đồn được, Pháp dồn sức vào việc dùng máy bay thả bom, bắn phá ác liệt vùng tự do của ta. Xã tôi, nhất là khu vực chợ Trung Phước, phải chịu vô số lần máy bay giặc trút bom, bắn phá, có cả bom napalm (xăng đặc). Xóm cụ Cừ Tý (thân phụ anh Bùi Giáng) nhà cửa khang trang, vườn xanh tốt nhất địa phương, lại gần chợ, nên thường bị máy bay giặc oanh kích nhiều hơn các nơi khác.

Thi sĩ Bùi Giáng có cái “tật” chết người là không bao giờ chịu vào hầm trú ẩn để tránh bom đạn của máy bay giặc. Khi nghe tiếng keng báo động vang lên từ gò Đồn, mọi người vội chạy ra khỏi nhà và xuống hầm, chỉ riêng anh Sáu Giáng cứ đứng nơi góc sân để... coi. Anh theo dõi hoạt động của máy bay giặc và tùy từng lúc mà la lớn cho mọi người trong hầm nghe:

- Nó thả bom. Hai quả... bốn quả...
- Nó chúi... bắn.
- Xóm chợ có nhà cháy! (...)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Cụ Cửu Tý và mọi người cự nự anh về chuyện không nấp hầm thì thi sĩ của chúng ta lại cười và giải thích một cách rất... Bùi Giáng: “nó thả bom, nó bắn chắc chi đã trúng, lỡ trúng chắc chi đã chết?”.

Thấy nguy hiểm quá nên sau cái Tết năm Tân Mão 1951, cụ Cửu Tý mua bảy dê năm con vừa lớn vừa nhỏ cho “Bán Giù” của cụ làm công việc chăn dê. Cụ thuê người vào thôn Giáp Nam làm cái chuồng dê thô sơ bên mé đồi sau nhà bà giáo Nhẫn như đã nói ở trên. Sáng thật sớm, Bùi thi sĩ mang theo cơm gói bằng mo cau và ông tre đựng nước chè, vào đây mở cửa chuồng lừa bảy dê lên đồi cho chúng ăn lá cây. Chủ dê ngồi hay nằm trên cỏ dưới bóng mát của một lùm sim già. Anh nhìn trời, ngắm núi, ngâm nga thơ của các nhà thơ nổi tiếng. Tôi chưa bao giờ nghe anh ngâm hay đọc thơ của anh, lại càng không bao giờ nói về thân thể mình với bất cứ ai. Điều này anh giữ cho đến cuối đời:

*Hỏi tên, rằng biển xanh dâu
Hỏi quê, rằng mộng ban đầu đã qua*



Nơi Bùi Giáng chăn dê - ảnh của Tường Linh

Và Bùi Giáng đã trả lời chung những ai muốn hiểu sâu về con người, đời riêng, tâm sự của mình như nhiều người đã thấy nơi bìa sau cuốn Tư Tưởng Hiện Đại của anh viết được tái bản tại Sài Gòn năm 1972:

“Thi sĩ sinh ra như mọi người giữa cỏ cây ly kỳ và chết đi giữa cỏ cây ly kỳ gay gắt”...

HUYỀN ÁI TÔNG

Hồi ấy, cụ Cửu Tý giao việc nuôi dê cho anh Sáu Giáng mục đích là để anh tránh xa vùng oanh kích hàng ngày của máy bay Pháp chứ không phải vì kinh tế.

Thời gian này, các vùng hậu phương thực hiện chủ trương “tăng gia sản xuất, tự cấp tự túc”. Thấy anh Bùi Giáng chăn dê, tưởng đây là một kiểu làm ăn có lợi nên có người cũng tạo bầy dê thả rong trên cùng dãy đồi này. Năm ấy tôi đã thoát ly. Một lần về phép, tôi đến thăm và ở chơi trọn ngày với anh Sáu Giáng. Hai anh Văn Phú Nhẫn và Văn Ngọc Hưng cũng có mặt. Gần trưa, “ông chủ dê” lấy gói cơm mo cau cắt ra từng miếng ngon lành mời chúng tôi ăn. Cơm gói chấm muối mè, lại ngồi dưới bóng lùm sim râm mát, bốn anh em chuyện trò quá đổi hưng phấn, gói cơm hết veo mà bụng mỗi người vẫn còn... âm ức. Nhưng không sao, bà giáo Nhẫn đã đoán trước có sự này nên tăng cường kịp thời cho chúng tôi một rổ cơm nóng lót lá chuối với một trã cá đồng kho lá gừng ngon tuyệt!

Khi uống nước chè tươi, anh Giáng nói với chúng tôi rằng anh ngại dê của anh lộn với dê người khác. Chúng tôi đề nghị anh hãy trông vào cổ mỗi con dê một cái vòng tre nhuộm màu khác nhau. Ba đứa chúng tôi tìm tre, pha phẩm màu thực hiện ngay. Do đó sau này mới có giai thoại mỗi “em dê” của thi sĩ Bùi Giáng mang một chiếc “kiếng” có màu trắng, đen, xanh, vàng, đỏ. Điều này, sau khi Bùi Giáng từ trần thấy có người viết gần đúng sự thật. Kỳ dư, về sự chăn dê, địa điểm và số năm chăn dê của thi sĩ Bùi Giáng đã có nhiều người viết nhưng đều không đúng. Chẳng hạn có người nói Bùi Giáng chăn dê vì bất mãn cuộc đời, anh chăn dê tại Vĩnh Trinh nhiều năm gần giống như ông Tô Vũ đời Hán Vũ Đế bên Tàu...

Chính xác, thi sĩ Bùi Giáng không hề chăn dê tại quê nhà Vĩnh Trinh và anh chỉ chăn dê trong vòng một năm rưỡi như đã nói ở trên. Đầu năm 1948, phu nhân của anh từ trần. Sau đám tang, anh bỏ nhà đi đến các địa phương phía Nam của tỉnh Quảng Nam, vào Quảng Ngãi, Bình Định, vào tận Phú Yên. Đến năm 1950, anh trở về nhà. Nghe có kỳ thi Tú tài đặc biệt của Liên khu 5 tổ chức tại Bồng Sơn tỉnh Bình Định, anh đi thi và đỗ Tú

VĂN HỌC MIỀN NAM

tài toàn phần. Về nhà, anh chuẩn bị mọi thứ rồi theo đoàn người băng rừng lội suối ra Liên khu IV để học đại học tại Hà Tĩnh. Đây là trường đại học của ta trong thời kháng chiến chống Pháp. Nhưng ngay hôm khai giảng, vì không vừa ý điều gì đó, Bùi Giáng bỏ học và lại băng rừng lội suối về lại Quảng Nam. Chuyến đi ra rồi đi trở vào toàn luôn đường rừng, tránh các đồn bót của Pháp... mất trọn 3 tháng. Nội cái chuyện ra đi vào hết sức gian nan, nguy hiểm này cũng đã nói lên một phần tính-cách-Bùi-Giáng.

Khoảng tháng 5 năm 1952, Bùi Giáng đã từ già Trung Phước, ra Đà Nẵng rồi ra Huế một thời gian ngắn, sau đó vào Sài Gòn tự học, làm thơ, biên khảo, trước tác, dịch thuật một khối lượng tác phẩm đồ sộ đủ loại cho đến tận ngày cuối đời. Thi sĩ Bùi Giáng từ trần lúc 14 giờ 15 phút ngày thứ Tư, 7-10-1998, nhằm ngày 17 tháng 8 năm Mậu Dần tại Bệnh viện Chợ Rẫy Sài Gòn, thọ 73 tuổi (17-2-1926 – 1-7-1998).

Nơi thi sĩ Bùi Giáng chôn đê thờ trước, bây giờ mé đồi đã thành đất thổ cư, nhiều nhà mọc lên, toàn cảnh đã khác xưa. Bà giáo Nhẫn khả kính, thi sĩ Bùi Giáng, anh Văn Phú Nhẫn và bao người quen thân nhau thời ấy đã không còn nữa. Anh Văn Ngọc Hưng, một trong những người thuộc lứa đàn em rất gần, rất kính mến thi sĩ Bùi Giáng nay là Đại đức Thích Thiện Huệ, trụ trì chùa Tâm Thành, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp...

Đêm trực tang thi sĩ Bùi Giáng tại chùa Vĩnh Nghiêm các bạn văn nghệ sĩ đã nói với nhau: cuộc đời và sự nghiệp văn thơ của Bùi thi sĩ là “bất khả tư nghị”.

Vâng, tôi cũng nghĩ như vậy. Tuy nhiên, riêng về việc chôn đê của cố thi sĩ thì tôi xin phép được viết để trả lại đúng sự thật cho một mẫu giai thoại về một con người, một thi sĩ có khá nhiều giai thoại.

Trích thơ:

HUYỀN ÁI TÔNG
Đi giữa đôi bờ

*Tôi về, thuyền ngược nước sông Thu
Thăm thăm nguồn xa, núi mịt mù
Mưa vẫn còn mưa, chiều vẫn lạnh
Đôi bờ hiu hắt, bãi hoang vu*

*Đứng lặng trong mưa Vĩnh Điện buồn
Chân cầu trắng xóa nước sông tuôn
Thuyền lên mắt nước bờ sông khuất
Cổ tháp Bằng An lạnh lẽo hồn*

*Qua nhánh sông này, mưa, vẫn mưa
Có gì khơi lại nỗi niềm xưa
Tình ơi, Giao Thủy hai nguồn nước
Gặp gỡ nhau sao chẳng đợi chờ?*

*Bến mộng Gia Hòa xanh ngắt dâu
Áo tơ vàng cũ biết tìm đâu
Con đường dương liễu reo ngày trước
Dương liễu chiều nay vọng nhạc sầu
Núi điệp trùng mây, quê ta ơi!
Về đây người lại nhớ nhưng người
Chợ chiều Trung Phước mờ sương khói
Dâu biển bao nhiêu lắm đổi đời!*

*Mai sớm tôi đi, thuyền xuôi dòng
Đôi bờ, xin gửi chút thương mong
Quê hương chờ gọi tôi là khách
Bài độc hành ca viết chừa xong.
Quê nhà, 9-9-1964*

Nhấn hoàng thành có người Tôn nữ

*Hôm qua có người quen về Huế
đi chuyến tàu đêm*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*ga buồn, mưa nặng
anh nghĩ về em nhưng không gì gửi tặng
còn rất nhiều sầu đâu nữa gửi cho em*

*Chừ còn gì đâu gửi ra Huế nữa
mất hết từ ngày đi
mất hết từ hôm bắt đầu nổi nhớ
đường ra như có lấm biền thùy!*

*Vì biết sẽ buồn
nên ngày xưa anh không hứa hẹn
vì giống tổ nên thuyền không cập bến
vì em là chim hót giữa hoàng thành
vì anh là mây trời còn luyến chiều xanh*

*Không cho gì nhau
mà chừ phải trả
hãy trả cho anh nghìn khuya sầu
nghìn lần tìm em trong mộng biếc đêm sâu*

*Anh trả lại em cả kinh thành mưa bụi
mưa mờ dáng trúc Kim Long
mưa rắc lệ cho Nam Giao buồn tủi
vườn Nguyễn Hoàng hoa chẳng nở chiều đông*

*Làm sao trả công em
mấy mùa phượng nở
mấy thuở phượng tàn
mấy độ hoa rơi khắp đường Thành Nội
tính tháng tính năm
xuân biếc, thu vàng...*

*Có đòi lắm cũng khó bề trả được
không chứng nhân mà không thể chối từ
nếu duyên số đã đoan từ kiếp trước
thì kiếp này anh vẫn vụng đường tu.*

HUỶNH ÁI TÔNG

Còn gì nữa
dù không đòi, không trả
không hỏi về: em có đợi trông anh?
chân trời cũ, anh trở thành khách lạ
làm phé vương để được nhớ hoàng thành

Xưa thắc mắc chính là đây em nhé!
màu thời gian nhuộm tím ước mơ rồi
em có khóc, dăm ngàn anh biết thế
kiếp độc hành không thể bước chung đôi.
Phuong Nam , 1959

Nhớ hai miền Huế - Quảng

Nửa đêm tôi choàng dậy
Tiếc hoài một giấc mơ...
Trời khuya vắng lặng, trăng mờ
Xóm chài thêm thiếp bên bờ Cừu Long...

Ra đi một sớm mai hồng
Bỏ lại sau xe những màu khăn vẩy biệt
Ờ nhi, sao mà tha thiết
Ngọt sao những mầu ân tình!
Tôi nhớ về đất Huế xinh xinh
Có người em nghiêng nghiêng vành nón lá
Áo tím, áo lam rập rờn nắng hạ
Em dịu lành như dáng trúc Kim Long
An Cừu triển miên nắng đục, mưa trong
Chiều vắng vắng tiếng chuông chùa Thiên Mụ
Dòng Hương Giang ngày nay, chuyện cũ
Duyên nào trao qua mấy nhịp Trường Tiền
Những bình minh chấp chới cánh chim hiền
Ai nữ cảm thơ ca tình Vĩ Dạ?

Trang ký ức giờ đây còn rõ quá:
Những chiều buồn bước ngược dốc Nam Giao

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Ngày tôi đi, đường rải xác hoa đào
Ai thỏ thẻ: trông anh ngày trở lại.*

*Quê hương tôi bên ni đèo Hải
Nhấp nhô bóng thuyền Cửa Đại
Già nua nếp phố Hội An
Ngũ Hành Sơn năm cụm ngóng sông Hàn
Chùa Non Nước trầm tư hương khói quỳên.*

*Đêm Đà Nẵng vọng về cơn sóng biển
Bún Chợ Chùa thương nước mắt Nam Ô
Tôi muốn về Trung Phước giữa mùa ngô
Thăm quê ngoại Đại Bình cam đỏ ổi
Sớm Duy Xuyên tơ vàng giăng nghẽn lối
Chiều Điện Bàn xe đạp nước thay mưa
Sông Thu chẳng thiếu đò đưa
Bùi khoai Tiên Đũa, mát dừa Kiến Tân
Quê Sơn núi liếp mấy tầng
Thương bòn bôn Đại lộc, nhớ rượu cần Trà My.*

*Một người đi, vạn người đi
Đưa chân tám hướng mà ghi vết đời
Thủy triều sông Cửu đầy, voi
Nước tìm biển cả, tình người tìm nhau
Hai miền thương, một nhịp cầu
Ga xưa còn nhớ con tàu viễn phương?
Tiền Giang, mùa măng cụt 1958.*

Khúc Ca Quy Ân

*Bạch diện qua rồi, vẫn trắng tay
Thư sinh buổi trước, gã công nay
Lạc đường quay ngựa, vương tình bút
Xa ruộng, lia quê, nhớ luống cày
Đọc sách nửa đời chưa sáng ý
Bão bùng toi tả cánh mơ bay*

HUỶNH ÁI TÔNG

Nghìn câu nguyện ước tan theo mộng
Ráng đỏ mây phai nắng cuối ngày
Hiên vắng ta ngồi đêm nguyệt tận
Mắt buồn người hiện giữa cơn say
Khúc thu người tiễn ta chiều cũ
Dương liễu đầu sông lá rụng đầy
Không chén trường đình mà lão đảo
Không màng sự nghiệp cũng ngây ngây
Sông Thu nào phải là sông Dịch
Hai phía thâm đầu nhận lạc bầy
Ta đã hẹn người ngày tái kiến
Hội Xuân đời ghé hội rông mây
Người không còn nữa, ta phiêu dạt
Trở lại còn ai gặp nữa đây ?
Quê cũ, cổng làng ai đứng đợi ?
Chiều Xuân lạnh chiếu rượu xuân bày
Sông xưa lở cả đôi bờ đẹp
Hoang vắng, đò thoi cập bến này
Trời mệnh mông quá, vô tình quá !
Không hận nhưng lòng tiếc lắm thay !
Vốn nặng cưu mang tình cố lý
Về nhìn hiên cúc gió thu lay
Ta ngâm khe khẽ bài tương biệt
Người trách thâm qua nét nhú mày
Nhân ảnh mờ chìm trong đáy cốc
Rượu chiều sóng sánh bởi heo may
Ta chờ nghe tiếng thân thương cũ
Người gửi riêng ta thuở đọa đầy
Chiều bỗng tuôn mưa, trời nổi sấm
Chén buồn còn lại chất men cay
Bóng người mãi mãi là hư ảnh
Mưa suốt đêm trường, gió lạnh vây
Rượu rót chờ người không hiện nữa
Bài thơ chiêu niệm ý hao gầy
Cố nhân ! Ta gọi tên bằng hữu
Vạn nẻo trăm luân mất dấu giày

VĂN HỌC MIỀN NAM

Ta ngó lên nguồn, trông xuống biển
Hỏi cùng nam bắc, hỏi đông tây ...
Lặng im xẻ ghé tan đàn hết !
Tiếp những mười năm hẹn đã chầy
Mồ bạn lạc loài bao cõi lạ
Nén hương chưa đốt tỏ lòng này
Tri âm, tri kỷ như sao sớm
Chút nghĩa kim bằng cũng hiếm thay !
Cuối cuộc viễn hành đơn độc quá
Bơ phờ cánh hạc khép đường bay
Gã bao chí lớn trong thiên hạ
Chẳng được còn xanh với cỏ cây
Thì ta một chấm nhân sinh nhỏ
Mong mọi gì hơn ở kiếp này ?
Cũng chẳng tính chi còn với mất
Càng không than vãn chuyện riêng tây
Đàn xưa trôi lại bài lưu thủy
Lắm nỗi niềm trao với nước mây
Khúc ca quy ẩn đưa xa nhịp
Khắc nét đời thơ chiếc bóng gầy
Vang mãi dư âm triều hệ lụy
Thơ chào tuyết tích gửi ai đây ?
Tân Ty 2001

Huỳnh Như Phương viết về nhà thơ Tường Linh:

Đọc một tập thơ, hiểu một tâm hồn, luận đề quen thuộc ấy càng đúng với thơ Tường Linh. Đó là một tâm hồn hết mực khiêm cung mà chất chứa bao nỗi niềm tâm sự để viết ra những vần thơ, như “tiếng trúc trầm luân”, thấm sâu vào những tâm lòng Việt Nam bình dị.

Tài liệu tham khảo:

- Tường Linh Web: t-van.net
- Tường Linh Web: saimonthidan.com

55) Túy Hồng



Túy Hồng Nguyễn Thị Túy Hồng (1938-)

Nhà văn Túy Hồng tên thật Nguyễn Thị Túy Hồng sinh ngày 12 tháng 10 năm 1938 tại Chí Long Phong Điền Thừa Thiên. Tốt nghiệp đại học sư phạm Huế. Dạy Trường Hàm Nghi Huế và Mạc Đĩnh Chi Phú Lâm, Sài Gòn.

Năm 1961, bắt đầu viết truyện ngắn *Bát nước đầy*.

Đã cộng tác với: Văn Hữu, Bách Khoa, Lập Trường, Văn, Văn Học, Tin Sách, Nghệ Thuật, Kịch Ảnh, Con Ong, Điều Hâu, Tia Sáng, Độc Lập, Tin Sáng, Thần Phong, Thời Nay, Đời Nay, Khởi Hành, Tiền Tuyến, Vấn Đề...

Giải nhất văn học nghệ thuật Sài Gòn 1970.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, gia đình Túy Hồng đã ở đảo Guam, từ Sài Gòn đến Phú Quốc rồi ra đi những ngày trước. Định cư tại Seattle Washington Hoa Kỳ từ 1975.

Tác phẩm:

VĂN HỌC MIỀN NAM

- *Thở dài* (1963)
- *Vết Thương Dậy Thì* (1967)
- *Tôi Nhìn Tôi Trên Vách* (1970)
- *Những Sợi Sắc Không*
- *Trong Mưa Móc Hạt Huyền* (1970)
- *Bướm Khuya* (1971)
- *Nhánh Tóc Sợi Dòn* (1972)
- *Mối Thù Rực Rỡ*
- *Eo Biển Đa Tình* (1973)
- *Trong Cuối Cùng*
- *Sạn Đạo*
- *Tay Che Thời Tiết*
- *Mưa Thâm Trên Bông Phấn*
- *Thông Đưa Tiếng Kệ*

Trích văn:

Lòng thành

Thưa bà,

Lâu nay tôi vẫn theo dõi lời của bà trên mục “Giải đáp tâm tình”. Bà đã dàn xếp bao nhiêu rắc rối nội tâm. Những người nghe bà bây giờ có lẽ đã bình yên rồi. Hôm nay, tôi xin mạn phép tuân tự kể câu chuyện dài đời tôi và mong bà giúp đỡ cho đoạn kết.

Vì câu chuyện ấy có liên quan đến những điều xảy ra trong đời tôi sau này, cho nên mặc dù như thế không được khiêm tốn tôi vẫn phải thưa ngay rằng trước đây bốn năm tôi đã từng là một ca sĩ có tên tuổi ở đô thành. Trời cho tôi giọng hát hay, cái may mắn ấy giúp tôi nuôi sống gia đình.

Nhà cũng có anh, nhưng trong hoàn cảnh cần phải hy sinh này, anh tôi lại làm reo đòi cho có một gia đình riêng của anh. Đàn ông lấy vợ khi nào cũng còn kịp; nghĩ thế nên cả nhà tôi kết bè

HUYỀN ÁI TÔNG

phản đối nàng dâu chưa về nhà chồng. Ai mà ung được người chị dâu biết gần hết chuyện đời ấy, chị nói chuyện liên hồi trước mặt đàn ông. Chị quá tỉnh táo, không bao giờ để lộ cảm xúc lên mặt hay ngập ngừng im lặng trước nam phái.

Mẹ tôi bảo anh: “E hấn nhai mày.”

Anh tôi nổi cộc. Anh đem cả số tiền tháng lương mới lãnh về chặt hai ra, làm mỗi lửa. Anh đành đoạn thoát ly gia đình! Cha mẹ tôi có con trai đầu lòng mà không nhờ được. Gánh nặng trên đôi vai ngang, tôi phải hát đêm ngày. Ở tuổi hai mươi, con gái bây giờ vẫn còn rất trẻ, nhưng lòng tôi thì già đấng lại. Đau buồn trĩu nặng trên mi mắt. Già tự trong lòng già ra. Tôi không có nhan sắc để giúp đỡ cho tiếng hát, cố tránh chuyện buồn để tìm tươi non cho gương mặt.

Tôi theo học nhạc từ năm mười lăm. Trên đầu lưỡi tôi vẫn quen nháy nhót những tiếng ca rộn rã. Ở chéo khăn tay, trên ngực áo mặc ở nhà, luôn luôn khập khểnh những nét nhạc vui đời. Gia đình níu nhờ tiếng ca của tôi. Tôi đem hơi ca đổi lấy tiền. Các chị em ở nhà đi ra đi vào mòn guốc, ai cũng đẹp hơn tôi cả. Trôi nhất là Thanh, cốt cách chứa trong cái băng tú tài. Có người mời Thanh đóng phim. Thanh cười. Nó đang chờ ngày làm bà lớn. Trong cuộc sống thiếu điều kiện vật chất nhưng vẫn trau chuốt bề ngoài, dĩ nhiên chúng tôi va chạm lung tung. Lục đục cãi nhau cả ngày từ khi mặt trời mọc cho đến lúc trăng lên. Gây gỗ sa đà mê man, quên cả việc đóng cửa gương đề phòng hàng xóm. Bao nhiêu tật, bao nhiêu tướng trên người đều bị xoi ra hết. Thật là nhìn ra nhìn vào, đời ở đâu cũng đều thấy khổ. Làm con gái trong nhà này như làm tướng cướp. Thanh hét ra lửa, ngọn đòn của nó bao giờ cũng độc, hạ liền độc thủ trong nháy mắt:

“Đó, đó là chị, chị Liên của tôi đó. Chừng ấy tuổi rồi mà chưa có chồng. Chị tưởng cha mẹ hãnh diện vì chị lắm chắc. Không đi cho rồi, còn ở nhà báo hại mãi. Vẫn biết chị luống tuổi thì

sinh ra gắt gỏng, khó nết: nhưng ai đại gì mà làm nạn nhân cho sự khùng hoảng kia.”

Phần tôi, lập công đầu trong gia đình, nhưng Thanh vẫn tìm cách hạ:

“Đồ khôn nhà đại chợ. Cái đồ ca sĩ ưỡn ẹo ra hát bị bọn cao-bồi chửi vào mặt cũng phải vuốt mà chịu. Còn về nhà thì... thì...”

Tôi tức giận oằn người. Chỉ có cách nói xấu nó với người ngoài mới trả được hận. Ra đường Thanh đẹp, tinh thần cao.

Tôi mắng lại: “Dù có làm chi đi nữa, ta cũng hãnh diện nuôi mi một phần. Mi là cao-bồi ở nhà, cao-bồi vườn, vì mi chửi tao ở đây còn tụi bạn mi ở dọc đường dọc chợ chửi tao trên bục ca.
Cân quá.”

Bao giờ gây sự với Thanh, tôi cũng được tiếp sức cả. Các chị ở ngoài mỗi người “thở” vào một câu làm Thanh hao mòn khí phách. Bao giờ Thanh cũng phải đương đầu với một lực lượng. Thanh cô đơn, nó phải khóc cho sự yếu thế của mình.

“Ai cũng có vây cánh cả, chỉ mình tôi là trợ trợ. Hoàn cảnh dồn mình vào chỗ xấu. Chị Hiền, chị là tiên hiện xuống nhà này, chị hát ra vàng mà. Tôi mà đi khỏi cái nhà này, khi khuất mắt cái sào huyết đàn bà là không thềm ngoài lại, không thềm lui một bước. Chị Hiền, được, cho chị hơn tôi đi, hiện tại bây giờ thì chị hơn đi, nhưng để còn tương lai coi ai đã hơn ai.”

Bao giờ cũng khoe vốn! Tôi mong cho Thanh đi lắm. Tôi mong cho các chị mỗi người có một “lối đi đưa đến thành La-mã.”

Thưa bà, chị em cứ xáo trộn mãi nên mẹ hằng ao ước gả trộm cả bấy cho một chàng!\

HUỶNH ÁI TÔNG

Thời gian làm con gái, chúng tôi sống vô trật tự với nhau; ngoảnh đi ngoảnh lại tuổi ba mươi đã gần kề. Đêm nằm mà nóng gan, nóng phổi. Cha tôi mài miệt xem sách trọn tuổi già để quên lo. Mẹ tôi chơi bài tứ sắc và dạy dỗ con cái. Bà la mắng con nhiều nhất là ba câu, đánh tứ sắc ù được ba ván đầu, còn thì “xiu” dài. Khi mẹ rầy chúng tôi vài tiếng không nổi, bỏ đi chỗ khác thì lòng nặng trĩu; khi mẹ phủi áo tan sòng tứ sắc thì “túi rỗng không và lòng cũng rỗng không.” Trong truyện Tàu có anh Trình Giảo Kim ráng được ba búa đầu rồi vác đại phủ co giò chạy, bà có đọc *Thuyết Đường* không? Mẹ tôi chắc là hậu thân của tướng Tàu đó. Đánh đầu thua đây. Mẹ muốn thả lỏng cho chúng tôi tự giác lỗi lầm. Có lẽ mẹ tôi bắt chước J. J. Rousseau mà dạy con, theo gương Trình Giảo Kim mà đánh bài, nên cha tôi mới không giàu sang chăng?

Thưa bà, đó là chuyện trong nhà, còn chuyện ngoài đường nữa. Cái khổ vì nghề nghiệp mới chính là tai ách. Đi nắng về sương, ăn ngủ thất thường, tôi tự ví mình với “kiếp cò ăn đêm”. Thịt xương hao mòn dần. Trời khuya tê cóng, đường phố nằm yên, chỉ còn mình ca nhi thức, lật đật về gõ cửa nhà mình, lau vôi phấn son, lên giường nằm trở mình cho đến sáng. Da mặt ít có dịp trở lại tự nhiên, ngày đêm vẫn chà xát kem với bụi phấn lần lần dày và to ra. Hai lá phổi mỏng mảnh của tôi một ngày kia sẽ bỏ rết như đôi cánh bướm. Sau mỗi đêm đại nhạc hội, sinh lực chyuền hết ra cuống cổ, tôi phải ngâm sâu cho ngọt giọng. Người đời ác với chúng tôi lắm. Tôi còn nhớ mãi kỷ niệm hãi hùng đêm đầu tiên ra mắt khán giả phòng trà. Cả một bày thú rừng la ó, huýt còi miệng, đập phá bàn ghế, tôi co rúm người lại, chơi với chụp lấy cổ chiếc *micro* tìm một chỗ vịn đỡ; bọn ác quỷ rú lên làm sao cho mình đỡ sống đỡ chết trên bục ca. Để cảm ơn họ mình phải tập trung tất cả sức lực ra hát cho thật hay, uốn người cho thật dẻo, mỉm cười sao cho lắng.

Giọng hát độc đáo, kỹ thuật vững chắc, tôi thung thăng đi hát và gập rút thành công. Bà có nhận thấy loài xướng ca của chúng tôi giàu lòng vị tha không? Mặc người ta gào thét, đã

VĂN HỌC MIỀN NAM

đào, mặc bọn đàn ông thô bỉ xô đẩy, người ca sĩ vẫn nhơn nhơn như không, cố đem cử chỉ đẹp nhất ra khoe, nụ cười khéo nhất ra chùi, ra dăng hiển. Bao nhiêu “anh hoa” đều phát tiết ra ngoài, bao nhiêu duyên dáng mặi đều vung vãi dưới ánh đèn màu. Người đời không tốt nhưng mình cứ tốt lại. Mình cần họ, mình phải mất cho họ.

Tôi tuyên bố riêng với các bạn: “Mấy anh chàng ở xa i đông làm tàng... Một khi muốn sống gần với ca sĩ thì chết... Các con của mẹ ơi...”

Tiếng hát của tôi có ngòi thứ rõ rệt. Ngoài lúc trau dồi, tập tành với một vài nhạc sư quen thân, tôi còn phải luyện giọng ca, tiếng ngân. Nghe đĩa vừa thích vừa lợi. Tôi còn một phương pháp nhà quê nữa là rúc đầu hát vào lu nước nghe tiếng mình như ễnh ương kêu. Mình phải tập cách dồn ép hơi trong cổ họng làm sao cho lần lần nghe bớt rồ, bớt xốn tai. Đừng để hở cả hai tai, mình phải bịt kín lỗ tai lại để nghe giọng thật của mình. Phải nghe mình hát để sửa cho mình. Sự tập luyện kéo dài suốt đời ca sĩ. Tôi biết chịu thương chịu khó nên được mến chuộng. Có người bảo tiếng hát của tôi như hiểu thấu lòng người, như an ủi; đôi khi nghe như vừa khóc vừa hát. Người đời vẫn thích mình làm nũng với họ, lắm khi thật đáng giận đáng ghét: mình hát cho họ nghe mà họ còn ác với mình.

Một buổi chiều mấy chị em tôi đang sang trọng đi làm, có hai chàng ôm nhau trên chiếc Vespa phanh chậm xe lại, nói vào mặt: “Các em của anh bữa nay đi ăn sương sớm quá?”

Một chị bạn phản ứng liền: “Quân hạ cấp, ba người...sáu chiếc gót sắt đâm lủng mắt bây giờ.”

Tôi nhủ thầm: “Mẹ rất buồn khi nghe các con nói thế.”

HUYỀN ÁI TÔNG

Càng ngày tôi càng “bay” nhiều ở các phòng trà. Họ tranh nhau mời tôi. Tôi “chương” với họ đủ mọi điều kiện. Vì thiếu những người như tôi cuộc đời sẽ đình công.

...Rồi sự lạ ở ngoài xảy vào gia đình chúng tôi. Một người mê giọng hát của tôi và mê luôn cả tôi đêm đêm trực ở phòng trà nhưng không bao giờ thấy tận mặt thật của tôi cả. Người ta đánh tiếng muốn nói chuyện với tôi để tìm hiểu. Đó là một sự huy hoàng và rực rỡ: Tiến sĩ vật lý. Xôn xao quá! Nhưng khi cái xôn xao đã lắng một nửa tôi mới bình tĩnh lại để nghe kể rằng ông nghề vật lý tuổi đã giáp ngũ tuần, tóc mây đã bị thời gian cướp mất một khoanh trên đầu.

Ông đề nghị đến nhà gặp tôi cho biết. Cả mấy chị em cùng đi.

Cha mẹ tôi bàn ra bàn vào rất nhiều. Mẹ cứ hỏi đi hỏi lại đến mười lần tôi có bằng lòng không làm Thanh phải bực: “Để còn ngấm dung nhan ông ta đã chứ!” Mẹ tôi chắc lưỡi: “Lấy chồng già như hấn bây giờ thì sướng nhưng về sau phải nuôi con mệ. Đợi đến chừng ấy tuổi mới lấy vợ. Mình nên nghĩ đến sau này một chút... cha già con mọn.”

Chị Liên cãi lại: “Ở Mỹ ở Pháp người ta lấy toàn chồng già. Hơn hai ba giáp là chuyện thường. Càng so le càng độc đáo. Tình càng già càng bảo đảm...” Mẹ tôi cười: “Cơ chị hấn hỏi con Hoài thì gả liền, cho thêm con Liên nữa, gả một biểu một.”

Thanh cười lộ cả hai hàm răng đều như bắp tươi. Cái lúm đồng tiền thêm duyên trên má bên phải rất sâu. Vẻ đẹp phong phú, khi thôi cười đồng tiền vẫn còn.

Nó nói với tôi: “Bất luận già trẻ lớn bé, ai đáng phục thì lấy. Bọn con nít ở trong nắm tay mình, muốn nắm lại lúc nào cũng được cả. Tụi mình ví như mấy chiếc đò. Đàn ông là những cái neo, neo đò lại, níu đò cho cứng đề phòng sóng gió, mà neo thì phải lựa thứ tốt, bằng sắt hảo hạng, sắt tra...”

VĂN HỌC MIỀN NAM

Diệu, người chị kế hơn tôi một tuổi, đẹp thua Thanh một ít, hát Thanh ra để khuyên tôi: “Con Hiền có sự nghiệp, thiên hạ đều biết. Mi muốn lấy ai cũng có sẵn. Người tâm thường như tao mới đáng lo... giá trị cứ đánh vào ông chồng... Mi cần chi mà phải ham... Chẳng thà cha mẹ ép rồi mình mới đau khổ mà lấy.”

Diệu thích dạy học, tin ở mình. Chị biết mình đẹp, biết món này món kia, nên biết giá trị của mình từ mọi góc cạnh. Chị nói rất nhiều lần, cho tôi biết ý nghĩ của chị: “Ai mà lấy tao sau này sướng lắm nghe.”

Một bữa chị nhờ thằng em con dì chở Solex đến trường. Đưa em vùng vằng, Diệu cười với nó: “Thằng này không biết hân hạnh chi cả. Bao nhiêu người sẽ mời tao lên ô-tô của họ. Chừ mi chở tao một bữa đỡ đã...”

Chuyện gì mà vào nhà tôi cũng có thể được bàn tán suốt năm canh. Tôi muốn ngủ quá rồi, chị Diệu vẫn còn hăng: “Đàn ông bây giờ bần lắm. Họ chỉ cưới ai có nghề nghiệp trong tay. Con Hiền lương to hơn tổng thống... Nhưng ... người đàn bà Tây phương có can đảm lấy chồng già vì bên họ có đạo luật ly dị. Chịu lấy ông lão lúc ấy là nghĩ dài sau này còn làm lại, còn tái bản nhiều lần nữa. Mình chả muốn thay chồng thì chỉ có việc trừ cho chồng chết hoặc thuốc...”

Thưa bà, chuyện lấy chồng, dù là lấy ông già đi nữa cũng đáng làm mình xao động chứ. Tôi chuẩn bị chờ đón, gọt rửa những câu sắp nói cho trơn láng. Tôi hoang mang không biết ông ta đến thăm vào ngày giờ nào. Và... mẹ cha đã cố tình làm cho tôi vắng nhà lúc người ấy xuất hiện. Thanh bung khay nước ra mời khách và Thanh đã làm cho người ta quên rằng người ta đến đây là vì tôi. Qua phút ban sơ mẹ và các chị đều hiểu rằng tôi đã bị loại tuy chưa vào bán kết. Những lần mấy chị em rút vào trong nhường cho Thanh tiếp chuyện với nhân vật mới của

HUYỀN ÁI TÔNG

gia đình, chúng tôi nhìn ra đôi lúa ấy mà thấy cả một sự sắp xếp lộn xộn.

Tôi trêu Thanh : “Con Thanh tiếp chuyện mệt lắm nghe. Khi không muốn cười hẳn cũng phải bặm miệng cho cái lúm đồng tiền lõm vào. Lỡ quên thì đêm nằm ân hận mãi.”

Sau ngày Thanh lên xe về nhà chồng thì chị Hoài được làm việc với Mỹ, Diệu đi dạy học. Hai phòng trà mời tôi ký giao kèo. Tiền vào nhà tôi như lá mít rụng. Không khí gia đình bây giờ thở ra thở vào thấy khoan khoái lắm. Ngoài số đồ dùng và đồ trang sức thời đại, chúng tôi mỗi người trung bình có hai áo lụa mỡ gà để đi dưới nắng Sài Gòn. (Thi nhân bắt buộc mỗi người con gái đều phải may áo lụa phải không bà?)

Tôi cần hát cũng như tôi cần thở. Tiếng hát của tôi bây giờ yên một chỗ nhưng tên tuổi tôi nổi đồn dập. Cái khó là tạo được thanh thế ban đầu. Tiếng tăm tôi cứ nhẹ nhàng đi lên như bong bóng khinh khí. Đúng là thời kỳ tôi làm mưa làm gió. Tôi than với các anh nhà báo là không ai chia sẻ thân phận tôi ra nhiều miếng nhỏ để hát được nhiều nơi.

Danh vọng đón rước tình yêu. Một trung úy quân y, Chinh, đi hỏi tôi giữa gian nhà chật ních bà con bên ngoại. Chinh đến với tôi hoàn toàn lạ hoắc. Và tôi yêu người đàn ông lạ ấy giữa đám đàn ông quen. Các chàng nghệ sĩ tính sai. Ai cũng tưởng đòi làm nhạc phải cột liền với đòi ca sĩ để “anh đặt lời ca nàng đem bán”. Tôi gieo cầu vào địa hạt cao tức là đánh lạc thành kiến của họ.

Chinh cao, to oai, đúng với quan niệm về đàn ông của phụ nữ. Cái bằng cấp của chàng thì cây cối súc vật đều thích. Tôi đã đủ mọi chiều ao ước. Trời đất cùng nhau hoan!

Các chị phê bình kín Chinh như thế này: “Người cẩn thận, kỹ lưỡng quá...hí! Chắc là khi cất tiền anh chàng vượt xếp tờ bạc

thẳng lắ, thẳng lắ, ờ ờ anh chàng đút bàn ủi điện ủi cho lắ, cho phẳng phiu, cầm lên hôn một cái rồi cho vào hòm.”

Cái gì ở đầu lưỡi các bà ấy xuất ra cũng trần ai cả!

Tôi nguyện với tình yêu, lúc quay lưng xô ngã cuộc đời con gái tôi sẽ từ bỏ tất cả, xa sân khấu, lui khỏi địa vị một ngôi sao để làm một người tầm thường. Tôi sẽ giã từ sự nghiệp đang lên, hy sinh tất cả danh vọng để trọn nghĩa làm vợ. Một người đàn bà không thể vừa giỏi bên ngoài vừa giỏi bên trong được. Vì chàng tôi phải ly thân với nghệ thuật. Tên tuổi của tôi phải chết cho lòng thành quần quít bên chàng. Tôi không tự hào mình có ý nghĩ to đáng tuyên bố. Bất cứ nữ nghệ sĩ nào gặp được tình yêu chân thành cũng đều làm thế cả. Đó là ơn huệ tối cao cho đàn ông ở thế gian. Ngoài ra chồng tôi giàu và danh giá, tôi cần chi phải đi làm. Chàng nuôi mười vợ cũng còn dư dả.

Nhưng thưa bà, tôi đã làm vợ chàng trước khi hy sinh. Buổi sáng hôm ấy tôi đến thăm Chinh ở phòng trực. Kinh nghiệm còn sơ xuất, đi thăm người yêu mà tôi đánh phấn nọ và mang áo dài nội hóa. Bản tính hiền khiến mình quên cả. Thứ phấn nọ bằng thạch cao nhồi với bột gạo. Chinh chỉ cúi xuống hôn hai lần là bay cả màu trắng.

Hàng nội hóa, chuyên môn sống lại khi bàn ủi nguội, chỉ một tay âu yếm của chàng đủ vò nhăn nếp. Hàng mình còn một cái bậy nữa là mau rũ, sợi xạc lỏng ra lần, làm mình lạc quan cứ tưởng bụng nhỏ lại. Tôi thầm nghĩ đời tư mình không có chi để phải xin lỗi người yêu cả. Có bao giờ tôi chương hình mình lên mặt báo hay bìa nhạc; lạnh lùng với ký giả, lập nghiêm với nam nghệ sĩ, không bao giờ “em, em” với các “chú” bạn. Ngôn ngữ vẫn còn tân. Một bài báo chề đáng đi của tôi cực khổ. Đôi vai ngang gánh vác nhiều. Chiếc lưng dài muốn trườn tới trước như để giảm bớt chiều đi lên của bộ ngực.

HUỶNH ÁI TÔNG

Niềm vui trong đôi mắt Chinh đón tiếp tôi ở phòng trực. Chàng kéo tôi ngồi bên ghế nhựa. Toàn thân tôi xao xuyến dễ chịu. Chiếc đùi hằn lên trong ống quần *satin* sát vào làn vải lĩnh *kaki*. Bàn làm việc của Chinh nhiều sách chữ Pháp. Dưới mặt kính bàn có ba chữ: *dur*, *pur*, *sur*. Lần đầu đến chơi tôi đã chú ý. Đó cũng là một phần nội dung, tâm hồn của chàng.

Tôi mở xác lầy nho đút cho chàng. Chinh vừa nhai vừa ngậm những cọng tóc mai trên trán tôi. Chung quanh yên lặng, số sách, giấy tờ ngăn nắp. Trong phòng trực có vẻ thân mật ấm cúng như trong phòng làm việc của người chồng trong nhà. Chinh nói chuyện rất ít và có duyên. Tôi nhìn xuống vạt áo dài và hỏi:

“Anh Chinh, nếu dĩ vãng của em hắc ám, nếu có người dèm với anh rằng ngày xưa em phải đi gánh nước thì anh có tin không? Anh có đi cưới em chẳng?”

Chinh vòng tay qua sau lưng tôi:

“Nếu ngày trước em đi gánh nước thì ngày nay anh có người vợ biết được môn gánh nước... À, Thanh đã có tin vui chưa?”

“Mới nghi ngờ.”

Tôi tháo cái khuy bấm cuối cùng của áo dài ra tránh đường xếp nơi bụng mỗi khi ngồi lâu và ngã người ra đằng sau. Chàng nói đột ngột:

“Em đẹp hơn Thanh, chị Diệu, đẹp nhất nhà.”

“Vì mắt anh chỉ thấy em nên không quen nhìn những cái khác dù đẹp.”

Chinh nhìn tôi, nhìn phủ cả người. Cái khuy áo dài bỏ ngỏ. Thứ hàng lót *valisère* mềm mại như da thịt con gái. Bàn tay Chinh

VĂN HỌC MIỀN NAM

lần lần đi dạo trên người. Tôi cảm biết những cái rùng mình của da thịt, hắt tay chàng ra thì bị níu đứng lên. Hơi thở đổ dồn lên mặt. Bốn cái môi dán vào nhau liên hoan rất dài. Tôi có cảm tưởng thân thể vạm vỡ của chàng đổ trên người tôi. Những khớp xương và gân yếu đi rã rời. Trời đất loạng choạng trước mắt. Tinh thần, ý chí không còn nữa. Nước mắt và mồ hôi ướt mặt. Gia đình tôi không ai hay biết tôi mắc nạn ở đây cả. Tất cả chỉ có hai người, chuyện gì mà chẳng xảy ra. Chinh đi khóa cửa lớn cửa nhỏ và khóa luôn thân thể tôi lại. Thôi đủ hiểu rồi...

Tai nạn bao giờ cũng kết thúc bằng tiếng tí tê của đàn bà. Vết đau đầu tiên có bao giờ lành được. Tôi khóc vì cái quyền làm được mọi sự của đàn ông. Từ đây nhất định đời mình phải dán vào đời chàng. Cuộc sống đã ngã ngũ. Mình vừa ký giao kèo chịu thua.

Những thời gian sau tôi không đến với chàng ở phòng trực. Chúng tôi đi chơi nhiều nơi. Chuyện khó đầu tiên chàng đã qua được rồi đưa đẩy thói quen cho những lần sau.

Chinh giới thiệu tôi với những người bạn mới. Chàng hướng dẫn tôi vào hát trong quân đội. Tôi ngạc nhiên lắm:

“Anh Chinh, em sắp lấy chồng còn bày thêm hát xướng gì nữa... em phải lo giải nghệ lần chứ... Anh đừng chiu em không đúng chỗ. Vì con sau này, vì anh bây giờ, em phải từ bỏ tất cả nghệ thuật. Em không thèm đi hát nữa đâu.”

“Hiền vẫn hát khỏe lắm mà.”

Tôi cười:

“Nhưng có chồng thì phải biết coi sóc cửa ngõ chờ chồng đi làm việc về.”

HUYỀN ÁI TÔNG

“Em không thông minh một tí nào cả. Yêu em, anh đâu phải ngồi nhìn em, anh phải cảm thông hướng đi của em, anh phải hãnh diện lắng nghe tài nghệ của em tung hoành. Nếu anh nhốt em lại nghệ thuật sẽ lên án anh. Anh không có can đảm cướp em trên tay nghệ thuật. Anh không xứng đáng làm em phải hy sinh cuộc đời đầy hào quang của em. Anh không có quyền chặn đứng danh vọng em. Bản phận của anh là thúc đẩy khuyến khích em: Anh tôn thờ em để em tôn thờ nghệ thuật.”

Những lời sốt sắng ấy như dán đôi môi của tôi vào nhau. Lặng đi một lát tôi mới nói được:

“Nhưng từ khi gặp anh, nghệ thuật, người yêu cũ của em, đã tự thấy bất lực, thấy thua sức hẳn, nên tự rút lui. Em nhất định ngã trên tay anh... Anh đã thắng trận huy hoàng.”

“Ôn em to quá, anh không dám nhận... Em phải suy tính cho sòng phẳng để sau này khỏi phải ân hận.”

Tôi bỗng bật cười quệt má chàng:

“Nói nghe tuyệt lắm nhưng sau đừng có ghen nghe ông anh.”

Một đêm đang ca hát, bỗng dung tôi thấy buồn nôn. Gằn đây thân thể có phần hư sự. Vòng eo và dưới eo cằn ra. Công việc mấy bộ máy trong thân thể bắt đầu sai chạy lung củng như thể phải chứa thêm một mầm sống nữa. Tôi nghi mình đã “bị” rồi, khi bác sĩ Chinh dò lại thì quả đúng. Chàng cưới tôi với một bào thai còn non như trứng.

Thưa bà, đám cưới xong, đêm ngày tôi vẫn tiếp tục ca hát. Chinh thúc đẩy tôi siêng năng đến phòng trà. Chàng không thuộc hạng đàn ông muốn đóng cửa giữ hạnh phúc ở nhà.

Tôi không còn xem việc lấy chồng là một cách tu nữa. Lấy chồng cũng như tiếp tục làm con gái, ca hát liên hồi như lúc

VĂN HỌC MIỀN NAM

xưa. Cha mẹ lỡ, mình còn mệt mỏi người vì đã có một gia đình với một ông chồng. Nghệ thuật và chồng làm tôi tiêu hao sinh lực.

Tôi xin nhắc lại với bà, bất cứ một nàng ca sĩ nào lúc sắp vu qui cũng phải chịu cho nhà báo ít nhất một lần phỏng vấn, đại đề: Lấy chồng rồi cô có thôi hát không? - và muôn câu trả lời như đúc kết vào một: - Đợi xem tình yêu của chồng ra sao rồi sẽ xét sau.

Chinh từ chối sự hy sinh cuối cùng ấy. Chàng chỉ nhận xương thịt của tôi còn nghiệp dĩ cầm ca nhường cho nghệ thuật. Chinh muốn gửi tôi cho tất cả thiên hạ, chàng không muốn có riêng, có độc quyền một người vợ. Tôi không hoàn toàn thuộc về một người. Tình yêu chung chạ thế này làm tủi mặt cả vợ lẫn chồng. Tôi không chịu nổi. Một cách gián tiếp, chàng buộc tôi phải đi hát cho cả thiên hạ nghe. Tôi cảm thấy rõ ràng mình bị cưỡng bách yêu nghệ thuật. Chàng thật độc tài vô lý. Tôi suy nghĩ nhiều đêm và cảm thấy đau khổ như thể mình bị ép duyên. Đã ghét thì không thể sống với nghệ thuật được. Mình đâu phải là vật giải trí lành mạnh. Đi hát mà cũng bị bó buộc như lúc còn bé phải xách cặp đi học. Các bạn ca nhi vẫn vẫn tôn lên ngôi hoàng hậu vì chồng tôi biết trọng tự do của vợ. Khi mình đã ớn nghệ thuật mà còn xông xáo vào các phòng trà ca hát nữa là tự đẩy dọa mình. Thật là hỗn láo. Đứng trên bục ca nhìn xuống đám thực khách nhòm nhàoam vừa ăn vừa thưởng thức, được nghe những câu đe dọa, những lời nhục mạ thô bỉ, tôi cảm thù tất cả, đàn ông và chồng. Ánh đèn thay đổi màu sắc luôn luôn trên da mặt khiến mình cảm thấy vẻ giả dối nhân tạo của mình; lòng oán giận vu vơ, và cái thai đang mọc tút chi ở bụng dưới mỗi lúc cứ thúc nhẹ dạ dày tổng những chất chua lên cổ khiến tôi vừa ca vừa lợm giọng.

Hát mà không cần biết đến nghệ thuật, dửng dưng lạ hoặc không chút rung cảm. Tôi trực giác cái đà đi xuống của mình. Biết nhưng không có quyền tha cho mình được già từ trà thất.

HUYỀN ÁI TÔNG

Chính mình vật lộn với nghệ thuật, với nghề của mình. Tiếng hát sẽ mất hết căn bản.

Tôi ao ước được ở nhà đợi chồng đi làm về. Tôi muốn sống yên. Cứ tất tả lo việc bên ngoài, vợ chồng thực không có thì giờ để thương yêu, tìm hiểu săn sóc cho nhau. Chuyện phục vụ chồng, thờ chồng đối với tôi hoàn toàn xa lạ. Không có thì giờ để thực hành những bài *Gia huấn ca* đã học ở trường. Về nhà tự săn sóc cho mình cũng chưa xuể. Mỗi ngày phải mang hai ba thứ mặt nạ dưỡng da.

Nhưng cuối tháng cầm hơn sáu chục ngàn đồng bạc về nhà tôi cũng không khỏi tự hào cho cái công dụng của mình. Chính ăn lương nhà nước có giới hạn ít ỏi.

Chàng đem tiền gửi hết ở ngân hàng. Chúng tôi có dư bạc nên yêu nhau không cần tiền, nhìn nhau mà cùng nhìn về nhà băng. Chỉ nhìn theo hướng ấy chúng tôi mới cảm thông nhau. Nhưng chính hướng đi ấy đã giết chết lần mòn tâm trạng và sự nghiệp của tôi. Một thời gian không lâu nữa tôi sẽ bị chết chìm trong lãng quên và trong sự ruồng bỏ của thánh giả. Tôi tiên đoán sẽ nhìn tận mặt ngày tàn của mình nên muốn “rụng” trước cho rồi.

Bụng còn sát, bốn đường nhíp trên áo dài chưa nao núng, tôi còn phải lẩn lộn với nghệ thuật. Cha mẹ và các chị giận lấy tôi về chuyện không vâng lời chồng chịu ở nhà. Ai cũng tỏ thiện ý giúp đỡ Chinh, giành nhau khuyên răn tôi, Thanh tự lấy mình làm gương để trách:

“Không biết đến bao giờ chị mới hết hát. Chị không biết thương cho thân chị. Chị cũng là người sao chị cứ tự hành hạ, cứ hạ mình cho thiên hạ giải trí. Đứng là đem bán linh hồn cho người ta chơi, người ta thưởng thức. Ngày nào cũng cứ bê mặt trước công chúng, quá nhẹ thể. Em thì em ở nhà hãnh diện với địa vị của chồng em. Còn chi đau khổ cho đàn ông hơn là chỉ nắm được thể xác của vợ còn tâm hồn thì “muôn sự của

chung”. Chị là người của ngoài đường. Ai muốn thương chị cũng được, ai muốn nói hôn cũng được. Chị coi em, lúc xưa em định học tới cùng. Lầy anh Thân rồi em cũng còn đi học nhưng em nghĩ lại mình còn đi học là chưa thương chồng lắm, tội cho chồng, chẳng thà đi làm để giúp đỡ thêm...”

“Nhưng ca hát cũng là một nghề.”

“Nghề chị không đứng đắn, không có tôn ti trật tự chi cả, nghề ăn sương tinh thần. Nếu chị đi dạy học hay làm thư ký thì có ai phàn nàn. Chị nghĩ coi anh Chinh cao thượng, hiền lành. Sao chị không cho chuyện lầy chồng là hết. Chồng là tất cả... còn có chi hơn để mình mơ ước. Đi hát bị tai tiếng suốt đời...”

Dù muốn dù không, khi bụng lôm côm tôi cũng phải ở nhà. Nghỉ hát khỏe người như ngày nào cũng uống thuốc. Da thịt đậm chồi ở những chỗ khuyết trên thân thể.

Trên bàn làm việc của Chinh vẫn hàng chữ *dur, pur, sur*. Chàng có đến ba đức tính chính, không kể những cái phụ tùng khác, trong khi tôi chỉ có lòng thành yêu chồng. Trong thời kỳ dự bị sinh đẻ, tôi rất sợ phải ngửa tay xin tiền chàng. Tiền chặn ngân hàng giữ hộ, còn tiền lẻ tiền riêng đã cạn từ lâu. Vì tự ái, vì e ấp tôi chỉ cho thai nhi những cái mình có thể. Quà biếu cũng tạm đủ dùng. Con tôi chưa ăn nhờ chi của cha nó cả.

Đến ngày con tôi phá vỡ lòng mẹ để ra ngoài, Chinh đi công tác trạm xa. Mẹ, các chị em và anh rề diu tôi vào quân y viện. Mỗi người nịnh một câu cho tôi quên đau nhưng tôi cần một người, cần hai vòng tay ân ái để lấp khỏa những đau đớn tày trời do đứa con đang làm dữ bên trong. Giờ phút ra đời của thai nhi là một cuộc động đất trong lòng mẹ. Tôi cần một chái vai thân yêu để cần, để cào trả thù những giờ phút sung sướng. Mắt tôi mờ lệ và mồ hôi. Mẹ đưa cho ngậm một lát sâm, tôi cắn cả tay mẹ. Đứa con đang xé rách bào thai, đang xô ngã chỗ cuu mang nó để mau ra đời. Nghĩ đến lúc Chinh tìm tôi, tìm đến cái

HUỲNH ÁI TÔNG

khó nói nhất của thể nhân, nghiêng răng bóp chặt cánh tay anh rể và nguyên rửa:

“Đồ chó...”

Mẹ tôi lau mồ hôi cho tôi và can:

“Xấu con...gắng chịu một chút.”

Qua một đêm lộng hành, sáng hôm sau thằng bé mới ra đời. Tiếng khóc lọt lòng của con là bản hùng ca đầu tiên đời làm mẹ của tôi. Tôi mỉm cười, khi anh rể vào thăm tôi khoe:

“Đẻ em chọc cho nó khóc, giọng *tenor* khá lắm.”

Chinh chưa về chào đón con. Tôi muốn kể với chàng nỗi đau đớn chịu đựng đêm qua.

Anh rể đánh điện tín ra Huế cho mẹ chồng tôi. Mẹ Chinh vào đến nơi mà chàng vẫn chưa xong công tác. Bà đến thăm dâu với một người bạn già. Mẹ Chinh còn rất trẻ. Nét nhan sắc vẫn còn giữ ở khuôn mặt, sống mũi, đường viền môi. Bà trang điểm quý phái và người bà nếu tái giá cũng còn có người yêu được. Vuốt ve thằng cháu đích tôn, bà quay sang bà bạn:

“Chị coi dâu tôi ngoan chưa. Đám cưới vừa xong, thiệt hút chưa tàn điệu thuốc Cẩm Lệ đã đẻ rồi.”

Bà kia tiếp liền:

“Thế là chị phúc hơn người ta chứ sao.”

Thử xong hai câu nói trên, qua mười lăm phút tôi mới biết trong người thiếu máu sản hậu.

Mẹ Chinh ra Huế liền. Hơn một tháng sau thì chết vì đứt mạch

VĂN HỌC MIỀN NAM

máu cổ. Đúng là có phúc, vì tôi không sinh sớm thì bà đâu thấy mặt cháu nội.

Cháu bé quấy lắm. Cháu lộn ngày với đêm. Từ mười giờ tối trở đi cháu thức dậy rầy rà cho đến sáng. Ban ngày thì nhắm tít hai con mắt lại; ai đến thăm cũng nhắm lúc ngủ. Cháu là thằng Viêm. Viêm được hai tháng thì thôi khóc đêm. Cặp mắt bây giờ biết nhìn theo một chiều hướng. Thỉnh thoảng cháu đưa hai bàn tay bé tí xiu của mình lên ngắm mãi không biết chán. Viêm không phá nữa, tôi phải lồm cồm trở dậy đi hát. Áo dài phải may lại vì thân thể nở to ra. Những đường cong lún vào thịt.

Thưa bà, đưa con ra đời làm tôi sạch cả vốn liếng. Giọng hát vàng son tắt đi nghẹn ngào. Âm thanh của ngày xưa đã vỡ rồi, khí giới không còn nữa. Bà thử tưởng tượng một danh ca bỗng dưng mất giọng, gái giang hồ mất nhan sắc... cuộc đời cũng bệ rạc như nhau. Tôi chết sớm quá.

Bây giờ tôi hát tạm được như những giọng ca sản xuất từ đất Huế. Nhờ uy thế cũ của một thời ngang dọc tôi chỉ hành nghề ở một phòng trà nhỏ với số lương ít ỏi. Quá khứ bị tổn thương nặng quá. Tôi lấy biệt hiệu khác. Người ta còn nhắc nhở đến tôi một thời gian tí như khi một vì sao rụng đi ánh sáng còn xuống trần gian vài năm mới tắt.

Tôi cần tiền ghê gớm, cũng như lâu nay vẫn đòi tự lập.

Chinh thì đi công tác cả đời. Chúng tôi sống hòa bình nhưng không có ánh sáng hạnh phúc. Mỗi người nghĩ mỗi ngả.

Thằng Viêm được một năm rưỡi thì Chinh đi Pháp tu nghiệp. Mẹ con tôi sống lạnh lẽo với người con gái giúp việc. Ngày tiễn chân Chinh đi xa có mấy chị em và một người bạn gái của gia đình. Sương, bạn của Thanh, thân với chúng tôi như ruột thịt.

HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi quên nhắc đến Viêm. Đầu tóc da thịt của cháu thom mùi con nít một cách dễ thương lạ. Cháu tròn và nục như thằng bé quang cáo sữa Guigoz. Bà mà thấy thương liền. Chỉ tội là nước da hơi xấu, chắc là sán. Trẻ con vẫn thường bị sán hành. Con ở hay bông Viêm ra nắng. Một buổi tôi đi trình diễn về thì Viêm nhắc chơi nóng đây, tôi hoảng hốt bông con thức suốt đêm. Sáng tôi vội vàng viết thư cho Chinh kể nỗi lo lắng. Hơn một tháng sau mới có thư ở Pháp về. Đại ý bức thư: Con đau là chuyện nhỏ nhất. Đàn bà lo chuyện ấy không nổi sao mà còn quấy rầy, không cho chồng yên tâm tu học phương xa.

Quả thật tôi chưa đủ điều kiện làm đàn bà. Nếu đủ sao còn bị chồng khinh. Tôi đốt bức thư giấu cảnh bạc phước với chính mình.

Vái trời trả cho tôi vốn liếng ngày xưa, cho tôi tìm lại phong độ cũ. Tất cả không còn nữa nên hạnh phúc mới thẳng cánh bay. Tôi muốn đoạt lại thanh sắc nguyên vẹn ban đầu và sẽ cố gắng trau dồi sự nghiệp để đứng trên địa vị cao ngất của mình nhìn xuống và để ngửa mặt mỉm cười hào quang danh vọng. Chỉ có cách ấy mới trả thù được. Phải rực rỡ như một tinh tú, phải cao hơn chồng, phải có sau lưng hàng ngàn kẻ ái mộ.

Hiện tại héo hắt quá.

Bụng của Viêm tích được nhiều sán lã rồi. Tôi mua chai thuốc tẩy ruột. Viêm phải ăn ngọt đến ba ngày. Ngày thứ nhất tôi cho nó uống làm bốn lần cách nhau một buổi cháo đặc với đường phở. Hai ngày sau, vì bận tập dượt theo chương trình đại nhạc hội, tôi giao chai thuốc cho người ở, dặn đi dặn lại phải coi đồng hồ, cách hai giờ cho em ăn cháo uống thuốc. Đứa con gái ham trai, rót ụp cho con người ta uống cả một lần. Mấy trăm con sán lã trong bụng thằng bé say thuốc quấy phá ruột gan để ra ngoài một lúc. Từng nùi từng nùi sán đũa chui ra hậu môn. Chúng bò ngo nguậy chọc thủng dạ dày. Chúng thoát bằng mọi ngã, trôi lên miệng, bò ra lỗ mũi, chui lên cửa hai mắt, bóp

VĂN HỌC MIỀN NAM

nghe con tôi tím bầm cả người. Ngồi trên *taxi* đến nhà thương tôi gào khóc, tôi móc giun lã trong cổ họng Viêm, ghé miệng hút những con sán trong mũi. Sán ra bít lối làm con tôi tắt thở dọc đường. Tôi chết giả trên nệm xe. Thừa bà, đau chi mà chết cho cam.

Tôi viết thư cầu cứu Chinh che chở tinh thần, van xin tình thương để dần nổi khùng hoảng. Chinh trách tôi bất cần, thiếu ý thức bổn phận. Chàng đau đớn không muốn về nước. Chàng sợ hậu quả tai hại đã cưới vợ nghệ sĩ.

Nhưng rồi Chinh cũng trở về và chúng tôi sẽ sống hai người hai nỗi cô đơn cho hết kiếp vợ chồng trong căn nhà rộng thênh. Ngày giờ kế tiếp nhau buồn. Căn nhà thiếu hạnh phúc yên lặng như bệnh viện, thỉnh thoảng mới vang tiếng cười của Sương. Từ khi Viêm chết, Sương hay đến ăn cơm với chúng tôi.

Tôi cần Sương đến nhà chơi. Có Sương, Chinh ít làm li. Sương tuyên bố: “Chỗ nào có Sương mọi người không được buồn.” Sương bắt ai cũng phải cười theo nàng. Nhưng Sương sống cầu thả bất cần như thể mình không phải là con gái, học hành phát phơ cho có lệ. Tâm hồn chai lại, hết mơ ước, không còn muốn nói xấu ai nữa nhưng tôi vẫn nhột nhạt trước tính táo bạo của Sương. Ngày hiệp kỵ gia đình, trước tinh thần nghi lễ và bao nhiêu nhân vật cũ, Sương cứ đi theo trêu cha tôi. Ông cụ lúc này thường hay đeo kính đen trong nhà, thứ kính mặt rất nhỏ như hình con mắt:

“Bác đeo gương nhỏ tí ti hấp dẫn quá trông như cháu mặc đồ tắm *deux pièces*.”

Lúc này Chinh không còn yên lặng trong cách đối xử nữa. Chàng có những câu nói xé đầu óc:

“Hiền phá hư cuộc đời của tôi, phá lở toang cả. Lộ tước giọng ca ra khỏi con người thì còn lại chi? Hiền chỉ còn là một xác

HUỶNH ÁI TÔNG

phàm, thua hết, thua hết cả mọi người. Con người của Hiền có chi, nuôi một đứa con cũng để cho chết... Vợ tôi chỉ là một cái xác phàm.”

Tôi nói rõ cho chàng biết:

“Anh không cần nói tôi cũng hiểu từ lâu. Thái độ của anh, cách đối đãi của anh đối với tôi từ trước đến giờ đã giảng nghĩa quá nhiều rồi. Khi cưới tôi, anh chưa cân nhắc kỹ lắm. Cái vốn liếng của tôi làm sao bền vững, làm sao dai cho bằng những cái chỉ số lương cao của những người vừa học giỏi vừa đẹp vừa con nhà, sắp hàng chờ lấy chồng la liệt trong xã hội. Tôi biết anh lấy tôi không phải vì thanh, vì sắc, vì chi tiết khác của con người nghệ sĩ... Bọn xướng ca vô loài chúng tôi có bao giờ giữ tiền được lâu; làm ra dễ, mất dễ. Cái tài trời cho tôi cũng mong manh như bột xà-phòng, một thời thôi, sống đó, chết đó. Khi đã tuột dốc thì lăn ù, tuột thẳng, tuột một mạch. Tôi bây giờ hiện nguyên hình tầm thường, rẻ mạt, hết thời. Tâm hồn của tôi, nếu có, thì cũng bị đe dọa quá rồi, con chết, sự nghiệp tan tành. Anh Chinh ạ, chính lúc này, lúc cái tinh thần yếu đuối của tôi cần được nâng đỡ, mong trón xoa dịu, lúc này tôi cần tình thương gia đình, cần anh, bầu vú anh, khao khát tình thương của anh, nhưng lại chính là lúc tôi phải chịu tội, phải trả, chịu trách nhiệm về những cái tội đã để mất đó. Tôi làm hư cuộc đời của anh, tôi đâu cố ý.”

Tôi nói một hơi dài, nước mắt trào lên nghệt mũi.

“Nếu tôi không lo đi làm tiền, nếu tôi được yên thân ở nhà như bao nhiêu người vợ khác thì Viêm đâu có chết oan... Từ khi lấy anh lúc còn thời, còn giọng, tôi đã bắt mẫn về việc đi hát, tôi cảm thấy như bị ép buộc phải hiến dâng khoái lạc tinh thần cho thiên hạ.”

Chinh nghe nói cũng buồn lắm. Tôi mắt ngủ mấy đêm liền cứng hai mi mắt. Sương đến ăn cơm tối và đòi ngủ lại. Hấn đeo

VĂN HỌC MIỀN NAM

chuỗi hạt lòng dòng gòn đến bụng như ca sĩ. Sương lục tung những đờ trang điểm. Áo ngủ của tôi cái nào Sương mặc cũng chật. Khi hấn cỡi áo dài bên trên thân thể chỉ còn mặc một chiếc nịt ngực không dây treo như “đeo gương mát” (lời Sương) thì Chinh đi vào. Cả Chinh và Sương đều tỉnh như không.

Khi ăn cơm Sương nói chuyện lầy lầy. Tối hôm ấy tôi quên cả lịch sự không ngủ với Sương cho có bạn. Sương nằm phòng ngoài nói chuyện vào. Tôi nằm bên Chinh thao thức cảm nín. Chừng một giờ khuya thì Sương vùng dậy gõ cửa phòng chúng tôi tỉnh linh. Hai vợ chồng hốt hoảng trở dậy. Tay nịt áo khép ngực, miệng Sương nói thật thà đến trắng trợn:

“Em sợ cô đơn - cho em nằm ngủ chung với anh chị...”

Tôi trợn mắt xô mạnh Sương ra ngoài:

“Giờn vừa thôi.”

Đứng ngược ba người với nhau vài phút, tôi lật đật kéo tay Sương, lấy gôi đến nằm với hấn.

Một hôm đi công tác về, Chinh cầm tay tôi bảo:

“Có tin mới cho em... tin lành... Vì em chán sống ở Sài Gòn nên anh đã xin về Huế làm ăn. Sống ở đó yên hơn. Cái mòi này, ở đây mãi chắc em chết yếu. Anh chỉ còn đợi giấy tờ tuyên chuyển và sự vụ lệnh là bay ra Huế liền. Sương có ông cậu lập một trường mẫu giáo ở Vỹ Dạ. Anh nhờ Sương viết thư xin ông cho một lớp. Em thu xếp ra Huế trước giữ chân, không có người ta giành. Anh phải ra sau vì còn đợi giấy tờ. Em hát hay, thích hợp với nghề. Dạy con nít vui lắm em à, tiếp xúc với tụi ấy mình thấy yêu đời, yêu nghề.”

HUYỀN ÁI TÔNG

Thưa bà, khi cánh tàu bay lìa mặt đất, từ từ nhướng lên, cúi xuống Sài Gòn lần chót, nhìn những người dưới đất làm nền cho cảnh biệt ly, mắt tôi bỗng vương phải hình ảnh Chinh đứng bên Suong, rất xứng đáng. Tôi lạnh người cảm thấy chắc chắn mình bị phỉnh. Cảm giác tức tối bẽ bàng như sa mù phong kín tâm tư làm tôi không thấy gì nữa. Nước mắt lặng lẽ chảy một đường nhỏ dài xuống hết mặt; tôi nuốt những giọt sắp xuống bên trong mũi và ngòì yên như những người khác. Sắp đặt không cao chi cả mà cũng dụ được mình. Người ta đẩy tôi ra bằng một miếng môi tầm thường. Có những chặng đường nặng mây, tàu bay chao mũi, tôi ậm ọe nôn mửa. Một bà người Huế ngòì cạnh bảo:

“Đi máy bay lần đầu phải không chi.” Tôi lắc đầu. Cổ họng lợm mãi. Nước vàng vọt ứa ra. Có nên tin rằng chuyện buồn nôn là một triệu chứng vui.

Tôi ở nơi nhà xưa cũ, cột kèo choán hết diện tích. Nhà rộng thênh thang gió vào bốn ngả. Thời tiết Huế nặng như chì. Đôi lúc trời thật mâu thuẫn, vừa nắng vừa mưa. Chiều chiều, những ngọn gió nồm thổi trái phương làm mình ngái ngái trong người.

Thưa bà, cần chi, có chi đó mà trở lại. Huế với Sài Gòn có bao lâu, muốn bay về lúc nào chẳng được. Quay lại làm gì. Miễn cưỡng ghép hai cái xác không hồn vào nhau để khinh bỉ nhau suốt đời sao? Lý hay tình chi cũng bỏ hết. Cứ cho đấy là chuyện ly thân mà pháp luật là đôi tâm hồn tự làm chứng lấy. Tôi nhất định sang tên chồng cho người khác, cúi đầu sống cho mình.

Nhưng thưa bà, tôi phải cô đơn rõ ràng như vậy thiên hạ có cười không? Họ có cho là quá đại không? Tôi xin bà một quyết định: về với chồng, ở lỳ đất Huế, hay quay lui lại sống cùng cha mẹ. Bà đã thu xếp việc nhà cho bao kẻ mất hạnh phúc xin bà giúp tôi một chuyện. Xin đợi mãi ơn bà.

VĂN HỌC MIỀN NAM
Trần Thị Nhơn Hiền

Nhà văn Thế Uyên viết về Túy Hồng trong tiêu luận *Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975*

Văn chương Túy Hồng nói chung là một hiện tượng không ai nghiên cứu văn học có thể bỏ qua trong hậu bán thế kỷ 20. Bà viết bạo dạn, thẳng thắn về tình dục nơi phụ nữ, từ những xúc cảm nhẹ nhàng của văn học lãng mạn, đến những cảm xúc mạnh mẽ dữ dội về sinh lý, nơi thân thể người đàn bà. Bút pháp của bà độc đáo, sử dụng khéo léo phép tỉ dụ, dùng toàn những thứ mặn như muối, cay như ớt, đắng như bồ hòn, hôi như bọ xít... để cụ thể hóa những xúc cảm người nữ. Một từ ngữ của bà hay được nam nhân nhắc tới là "hơi thở rướn cong"... Bà sử dụng ngôn ngữ Việt khéo léo như có ma thuật, một sự khéo léo mà nhiều năm về sau ở hải ngoại mới có nhà văn Trần Vũ ở Pháp là có thể so sánh được. Nhưng sự quyến rũ chính của văn chương Túy Hồng là ở điểm bà mở một cánh cửa khuê phòng cho độc giả (bà có lần nói đùa về phụ nữ viết văn: Khôn ngoan mang việc khuê phòng kể ra...). Độc giả, nhất là độc giả nam giới, được một dịp nhìn ngó khá nhiều đời sống thầm kín của phụ nữ, nhưng Túy Hồng biết tự chế ngự bút của mình, để mọi sự vẫn là ở địa hạt văn chương, không tiến sang địa hạt dâm ô như một số nhà phê bình khó tính khó nết, thanh giáo Công giáo và thanh giáo xã hội chủ nghĩa... đã kết án bà trước đây, trong nội địa cũng như hải ngoại.

Tài liệu tham khảo:

- Túy Hồng Web: tvvn.org
- Túy Hồng Web: saigonecho.com

56) Văn Quang



Văn Quang Nguyễn Quang Tuyền (1933-)

Văn Quang là bút hiệu của nhà văn Nguyễn Quang Tuyền, ông sinh năm 1933 tại Thái Bình.

Năm 1953, bị động viên gia nhập Quân Đội Quốc Gia, phục vụ trong nhiều đơn vị tác chiến tại miền Bắc trước hiệp định Geneve năm 1954.

Năm 1954, di cư vào Nam, tốt nghiệp Khóa 4 Sĩ Quan trừ bị Thủ Đức.

Từ năm 1957, chuyển sang ngành Tâm Lý Chiến với nhiệm vụ Trưởng Phòng Báo Chí Quân Đội thuộc Cục Tâm Lý Chiến, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị QLVNCH và là Trưởng Ban Biên Tập của các tờ báo Quân Đội VNCH thời đó.

Từ năm 1969 cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, là Quản Đốc đài Phát Thanh Quân Đội, cấp bậc Trung Tá. Tác phẩm đầu tay của Văn Quang là *Tiếng Tơ Lòng* được đăng trên nhật báo Thân Dân ở Hà Nội vào cuối năm 1953 và tác phẩm thứ nhì là

VĂN HỌC MIỀN NAM

tập truyện ngắn *Thùy Dương Trang* do Lạc Việt xuất bản tại Sài Gòn năm 1957.

Từ đó cho đến năm 1975, Văn Quang cộng tác thường xuyên với nhiều nhật báo, tuần báo, tạp chí tại Sài Gòn như Ngôn Luận, Chính Luận, Tiếng Chuông, Tin Sớm, Tiếng Vang, Kịch Ảnh, Truyện Phim, Điện Ảnh, Văn Nghệ, Tiền Phong, Bách Khoa, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Tiểu Thuyết Tuần San...

Trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, Văn Quang sáng tác khoảng 50 tác phẩm in trên các báo và đã có 28 tác phẩm được in thành sách xuất bản. Các tác phẩm của ông hầu hết là truyện dài, trong số có những tác phẩm từng gây sôi nổi một thời trong giới độc giả trẻ như *Nét Môi Cuồng Vọng*, *Nguyệt Áo Đỏ*, *Người yêu Của Linh...* đặc biệt có 4 tác phẩm được chuyển thành phim từ 1962 đến 1972 là *Ngàn Năm Mây Bay*, *Chân Trời Tím*, *Đời Chưa Trang Điểm*, *Tiếng Hát Học Trò*.

Các tác phẩm của Văn Quang có thể phân thành 4 nhóm đề tài: mô tả cuộc sống tuổi trẻ, phản ánh đời sống quân ngũ, phản ánh thực đời sống thời chiến và những chiêm biếm những lẽ lối thời thượng lộ lăng thuộc nhiều lãnh vực sinh hoạt, đặc biệt là các giới làm nghệ thuật.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, cũng như mọi sĩ quan quân lực VNCH khác, Văn Quang bị đưa học tập cải tạo qua nhiều trại ở miền Nam tới miền Bắc, trong thời gian dài hơn 12 năm.

Tháng 9 năm 1987, được thả ra khỏi trại, nhưng gia đình gồm vợ, con đã vượt biên hết cả, nên Văn Quang trở về Sài Gòn và quyết định tiếp tục ở lại Việt Nam.

Năm 1990, Văn Quang bắt đầu sáng tác lại, tác phẩm đầu tiên sau 1975 là *Ngã Tư Hoàng Hôn*, đã được một số thân hữu tổ chức ra mắt sách tại Thung Lũng Hoa Vàng vào ngày 21 tháng

HUỶNH ÁI TÔNG

10 năm 2001.

Từ năm 1992, Văn Quang là cộng tác viên của nhiều tờ báo Việt ngữ tại hải ngoại như báo Chiêu Dương tại Australia, báo Người Việt, Thời Luận của nhà văn Đỗ Tiến Đức tại Nam California và Tiếng Vang, tại Sacramento, Thời Báo ở Toronto và miền Đông Hoa Kỳ ... Riêng tại San Jose, thì Văn Quang chưa cộng tác chính thức với một tờ báo Việt ngữ nào. Thịnh thoảng, độc giả được đọc một vài bài viết của Văn Quang trên nhật báo Việt Mercury. Độc giả San Jose, cũng còn được đọc bài viết kêu cứu của Văn Quang về "con gái của nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ", hay đề cập tới hoàn cảnh khó khăn, nguy ngập của "Chú Tư Cầu" nhà văn, nhà báo Lê Xuyên.

Năm 2002, ông rời bỏ Sài Gòn lên Lộc Ninh mua lại một mảnh vườn sinh sống. Ở đây cách xa thị trấn chừng 3 cây số, có điện, có Internet, nơi đây Văn Quang cho ra loạt ký sự *Lắm Cẩm Sài Gòn Thiên Hạ Sự*, và chỉ gửi ra cho các báo Việt Nam ở hải ngoại. Loạt bài này rất được độc giả hải ngoại ưu ái đón nhận. Qua internet và điện thoại, Văn Quang có thể tiếp xúc với bạn bè khắp nơi trên thế giới, thịnh thoảng lên xe đò về Sài Gòn đôi ngày hoặc sáng đi, chiều về. Có thể nói ông chọn cách sống thoải mái, yên tĩnh để an dưỡng tuổi già và sáng tác.

Năm 2009 ông được tạp chí *Khởi Hành* ở California trao tặng "Giải Văn chương Toàn Sự nghiệp Khởi Hành 2009".

Tác phẩm:

- *Chân trời tím* (1964; thân thành phim 1970; đoạt giải vàng Văn học Nghệ thuật)
- *Đời chưa trang điểm* *Đường vào bến mê* (1966)
- *Lắm cẩm Sài Gòn Thiên hạ Sự*
- *Lên đời* (tiểu thuyết phóng sự)
- *Nét môi cuồng vọng* (1964)
- *Ngã tư hoàng hôn*

VĂN HỌC MIỀN NAM

- *Ngàn năm mây bay* (1963; thu thành phim 1963)
- *Nguyệt áo đỏ* (1963)
- *Người lính hào hoa*
- *Người yêu của lính* (1965)
- *Những ngày hoa mộng* (phóng sự trên báo *Truyện phim*)
- *Những tâm hồn nổi loạn*
- *Sài Gòn tốc* (phóng sự trên nhật báo *Chính luận*)
- *Tiếng gọi của đêm tối*
- *Tiếng hát học trò* (1969; thu thành phim 1970)
- *Từ biệt bóng đêm*
- *Thùy Dương Trang* (1957)
- *Trong cơn mê này* (1970)
- *Vì sao cô độc*
- *Xuôi Dòng*

Trích văn:



Chuyện trong nhà ngoài phố và khoảng cách không thể san lấp.

Lâu nay tôi cứ ngóng ra ngoài bàn chuyện thiên hạ sự mà quên rằng ngay trong chung cư mình đang sống cũng có khối chuyện

HUYỀN ÁI TÔNG

vui. Trong tuần này, ngồi trong nhà thôi, cũng biết khá nhiều chuyện “trái khoáy vạy đuôi”.

Nhìn sang lô B trước mặt, thấy hai lá cờ “phất phới bay trong gió” trên tầng 1. Đó là cờ báo hiệu nhà có đám tang, bà cụ mập mập vẫn ngồi trước hàng hiên đón gió, hôm nay “ra đi”.

Ở Saigon, các trại hòm thường cung cấp hai lá cờ này để những nhà có đám tang trong hẻm treo trước lối ra vào cho bà con đến viếng dễ tìm. Có thể là từ chiều nay, hàng xóm láng giềng của mấy dãy nhà chung cư lại đau đầu vì kèn trống, chưa biết chừng đêm lại nghe kèn “bú dích” với vài đội hát hò đến quá nửa đêm làm “điên cái đầu”. Trong khi đó, có chừng vài ba bà mang cái bụng bầu chờ ngày sinh cháu bé. Một ở đầu đời và một ở cuối đời cùng gặp nhau trong ngõ hẹp.

Phía dãy nhà sau lô D, hôm nay lại có đám cưới, dựng rạp hoa lá cành ra giữa đường. Trong khi đó một cặp trong chung cư mới ly dị và... chửi nhau om xòm, kiện cáo đòi chia con, chia của.

Trong mấy lô gần đây cũng có hai ba căn nhà chẳng biết của ai, mua rồi để đó, không thêm ở, có lẽ là của mấy bác ngoài Bắc vào mua... để dành hay là một cách đầu tư mới sau khi ngân hàng hạ lãi suất và còn “dọa” sẽ hạ tiếp. Hoặc có căn nhà vừa mua lại, chủ mới sửa sang cẩn thận nhưng hàng tuần chỉ có 1 người đến quét dọn rồi để làm cảnh, có lẽ là một thứ “phòng tiếp khách riêng” cho ông chủ khi “hữu sự”.

Trong chung cư lại thấy có dăm bảy ông, trước đi làm bằng xe gắn máy, nay mua xe hơi bóp còi tin tin nghe cũng vui tai. Ông bộ trưởng Thăng đang đau đầu vì chuyện đánh thuế xe hơi và đang bị phản đối tá lả bùng binh. Nhưng phản đối cho vui thể thôi chứ dân có tiền vẫn cứ mua xe hơi, bất chấp thuế má. Chỉ có dân đi xe gắn máy vẹo xương sườn mới sợ thuế. Hoặc có dăm ba ông, trước cũng xe gắn máy làm chuẩn, bây giờ có xe

VĂN HỌC MIỀN NAM

hời của nhà nước đến đón. Chẳng biết nhà nước có hạn chế được loại xe đưa đón này không?

Cô dâu Phạm Thị Loan trong ngày cưới vào cuối năm vừa qua.

Ở mấy dãy nhà phía trong, vẫn có vài cô gái lấy chồng Đài Loan, chồng Hàn Quốc, mặc dù họ vẫn đọc báo, vẫn biết tin mới đây, ngày 21-1-2012 (tức 28 tháng chạp), cô Phạm Thị Loan đã theo chồng sang Hàn Quốc và chưa đầy 2 tháng sau, cô Phạm Thị Loan bị anh chồng Hàn Quốc là Eom Yang Ock, mắc bệnh tâm thần bóp cổ cho đến chết. Và còn biết bao nghịch cảnh khác nữa, nhưng gái chung cư, có những cô rất xinh xắn vẫn cứ lấy chồng Hàn Quốc, lấy chồng Đài Loan như một cuộc đánh đu với số mạng “nhất chín nhì bù”. Người dân chung cư chỉ còn biết ngậm ngùi thương cô hàng xóm. Nhìn trên nét mặt bố mẹ của cô gái mới theo chồng đi Hàn Quốc, tôi đọc được một nỗi đau âm thầm, một sự nhẫn nhục chịu đựng và nếu như có chuyện bất hạnh xảy ra, chắc họ chỉ còn biết đấm ngực ngàn lần mà than rằng: “Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng...”. Còn biết đổ lỗi cho ai đây?!

Nhà thì lên đời, nhà thì xuống đời làm cái khoảng cách giàu nghèo trong chung cư cũng được nói rộng.

Chết bất đắc kỳ tử và ăn thực phẩm độc hại cũng quen.

Đấy, chỉ trong cái chung cư nho nhỏ này thôi mà biết bao chuyện trái khoáy diễn ra hàng ngày.

Còn cái chuyện chết bất đắc kỳ tử vì nhà cửa chung cư xuống cấp nghiêm trọng là chuyện “ngàn năm cũ”. Trên hành lang chung cư bỗng dưng rơi ầm ầm mấy mảng xi măng xuống giữa đường đi, vậy mà ra phường trình báo năm lần bảy lượt vẫn chỉ có câu trả lời “Về đi, lát nữa cho người xuống xử lý”. Nhưng mấy năm trôi qua rồi, người của phường vẫn chưa đi được đến nơi xảy ra “sự cố”. Đường xa thật! Cái kiểu sống chết mặc bay

HUỶNH ÁI TÔNG

này là chuyện hàng ngày ở huyện tại khắp nơi. Nên sống ở chung cư mãi rồi cũng quen. Có bị xi măng rơi trúng đầu là tại cái số thôi.

Ngay cả những ngày gần đây, báo động thịt heo thối, chất tạo nạc ăn vào rất nguy hiểm, có thể mắc bệnh ung thư như chơi hoặc hàng chục thứ bệnh nay y khác, nhưng dân chợ Bàn Cờ vẫn cứ bán, dân chung cư vẫn cứ phải ăn. Vậy mà, may quá, chưa ai chết vì ăn thịt bẩn, hay là có chết vì thực phẩm cũng chẳng ai biết, lại đổ cho bệnh mãn tính, là tại bệnh viện. Nói thật với các cụ, cứ kể đến thực phẩm ở VN thì cái gì cũng có chất độc hại hết. Ăn cái gì cũng có thể mang bệnh, cũng có thể chết.

Đọc những tin tức trên báo hàng ngày ai cũng giật mình vì đủ thứ thực phẩm bẩn. Ngay cả đến thứ nước giải khát đóng chai cũng chứa chất độc.

Nói tóm lại, người dân bị thực phẩm độc hại bao vây kín mít, ăn hay uống đều có thể chết. Nhưng người ta không thể không ăn không uống nên lâu dần rồi thành quen. Kể ra người VN lúc này làm quen được với nhiều thứ “kinh khủng” thật. Quen với những cái chết bất ngờ như đang đi đường bị điện giật, sụp hố ga, cây đổ, xe đâm... Tây nghe chắc hết hồn. Các bác ở nước ngoài muốn về VN chơi cũng hết hồn. Còn chúng tôi ở VN thì cứ “vô tư đi”, đọi nhà nước “xử lí”!

Chuyện thú vị trong tuần: Hai cụ có 91 tuổi muốn kết hôn.

Nhưng nói mãi chuyện độc hại chỉ thêm hoang mang đầu đầu và chẳng bao giờ có hồi kết. Xin kể đến một thứ chuyện, tôi cho là thú vị nhất vừa xảy ra trong tuần này. Đó là một chuyện rất tình của hai “ông bà cổ” mới vừa 91 tuổi muốn kết hôn.

Cụ Bà Bùi Thị Vinh 91 tuổi còn rất minh mẫn, muốn kết hôn để bớt cô đơn.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Người dân xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách (Bến Tre) đang xôn xao về trường hợp cụ ông Hà Văn Tới và cụ bà Bùi Thị Vinh, cùng 91 tuổi, đến xin cử hành hôn lễ tại nhà thờ xã. Theo cụ Vinh, hai người có nguyện vọng gắn bó phần còn lại của cuộc đời với nhau. Tuy không tổ chức đám cưới, nhưng ông bà mong muốn được nhà thờ Phú Phụng làm thánh lễ (cả hai đều theo đạo Thiên Chúa) và Ủy ban Nhân dân xã Phú Phụng làm giấy hôn thú (ở đây gọi là giấy chứng nhận đăng ký kết hôn). Tuy nhiên, đến nay việc này vẫn chưa thành do vấp phải sự phản đối kịch liệt từ phía con, cháu hai bên. Thậm chí chú rể còn bị người thân của cô dâu lớn tiếng chửi bới.

Bị con cháu ngăn cản quyết liệt

Kể chuyện quyết định kết hôn với cụ Tới, cụ Vinh nói rằng chồng mất hơn 40 năm, con gái ruột đã yên bề gia thất bên tinh Trà Vinh nên nhiều năm qua bà ở một mình. Hai đứa con nuôi tinh thoảng mới đến thăm. Bà rất muốn có người bạn già bên cạnh để sớm hôm tâm sự, giúp đỡ lẫn nhau mỗi khi trái gió trở trời. Cụ cho biết: “Các con cháu tôi không chịu hiểu điều này, mà cố ngăn trở làm tôi thấy rất buồn và cô đơn”.

Theo con gái cụ Vinh thì mẹ chị lú lẫn, đã gần đất xa trời nên không thể “đi bước nữa”. Tuy nhiên, khi tiếp xúc với mọi người bà cụ vẫn tỏ ra thông thái, giọng hào sảng, đặc biệt là nét mặt trông trẻ hơn tuổi rất nhiều.

Còn chú rể Tới, từ ngày bị ngăn cản kết hôn với cô dâu Vinh đến nay ông cũng không được con cháu cho gặp người lạ. Người con trai ngoài 30 tuổi của cụ Tới nói rằng nếu kết hôn chắc cha anh phải “vô hòm” vì đã quá già.

Theo con trai cụ Tới, trước đây bà cụ Vinh làm ở nhà bảo sanh nên có nhận đỡ đầu cho người thân trong gia đình anh. Vì vậy, hai ông bà cụ già trở nên thân thiết với nhau. Người con khẳng định: “Nhưng tình cảm ấy nếu vượt quá giới hạn làm bà con

HUYỀN ÁI TÔNG

đàm tiếu, soi mói thì tôi không chấp nhận, nhất quyết ngăn cản cha kết hôn”.

Chính quyền xã và độc giả nghĩ gì?

Ông Nguyễn Văn Giang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Phụng nói với báo chí: “Các con của hai cụ già không có quyền ngăn cản cha mẹ kết hôn vì chồng bà Vinh và vợ ông Tới đều đã mất. Bởi vậy cuộc hôn nhân này không trái pháp luật. Ông nói thêm: “Đúng ra con cháu phải ủng hộ tâm nguyện của hai cụ. Vài hôm nữa chúng tôi sẽ họp để giao cho hội phụ nữ, ban tư pháp và hội người cao tuổi đến tìm hiểu, vận động con cháu hai cụ xem có đạt kết quả tốt hay không. Nếu được thì xã vẫn cấp giấy kết hôn khi hai cụ hoàn chỉnh các giấy tờ tư pháp có liên quan”.

Cùng quan điểm này, luật sư Nguyễn Văn Đức (Đoàn Luật sư TP Cần Thơ) cho biết nếu hai cụ có đủ năng lực hành vi dân sự, vợ chồng hai bên đã mất thì UBND xã Phú Phụng có quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn cho hai người. Hiện Luật hôn nhân gia đình không quy định mức tối đa bao nhiêu tuổi thì không được kết hôn.

“Luật cấm kết hôn với người mất hành vi dân sự, nhưng con của hai cụ không thể nói cha mẹ lú lẫn để lấy đó làm lý do cản trở, mà phải có giấy tờ giám định của cơ quan chức năng”.

Đã có rất nhiều ý kiến trên các phương tiện thông tin ủng hộ quyết định kết hôn của hai cụ. Riêng tôi, và tôi nghĩ chắc chắn sẽ có nhiều bạn đọc ủng hộ hai cụ này. Tình yêu không có tuổi và một điều giản dị và quan trọng hơn hết là vào cái tuổi già, cần có một người tâm sự gắn bó, săn sóc lẫn nhau, lúc đó mới biết thật sự mình còn được sống, được chia sẻ, được yêu thương như mọi người. Phương ngôn chúng ta đã có câu: “Con chăm sóc cha không bằng bà chăm sóc ông”. Những người con

VĂN HỌC MIỀN NAM

của hai cụ cần hiểu điều này. Xin lấy một lời bình luận của một trong số hàng trăm ý kiến của bạn đọc làm kết luận:

“Chúc mừng 2 cụ, mong 2 cụ sớm tìm được bình yên, thỏa niềm vui tuổi già. Xin gửi tới những người con, người cháu 2 cụ 1 điều : Làm con, làm cháu mà không hiểu được nỗi niềm của đấng sinh thành, đấy là bất hiếu, dù các người có chăm lo cho họ tốt đến nhường nào đi nữa”.

Chuyện bên Tây còn vui hơn nhiều.

Những người con của cụ ông Tới và cụ bà Vinh hãy nhìn sang... bên Tây, già khăng khủ đế mà vẫn còn lấy vợ.

Một cụ ông ở bang Illinois vừa tổ chức lễ sinh nhật lần thứ 110 vào cuối tuần vừa rồi và được công nhận là người già nhất của nước Mỹ.

Cụ Shelby Harris sinh ngày 31/3/1901, có hai đời vợ và ba con gái. Hai người vợ của cụ đã qua đời vì tuổi già. Người cháu ngoại trẻ nhất của cụ năm nay 57 tuổi.

Cụ Harris nói đã thấy đủ thứ trong đời nhưng vẫn còn hai điều ước, một là được chơi bóng chày thêm một lần và hai là làm đám cưới thêm một lần nữa.

Trong ngày sinh nhật lần thứ 110 này, cụ được mời đến ném quả bóng đầu tiên trong trận khai mạc của giải đấu bóng chày tại địa phương. Vậy là chỉ còn một tâm nguyện nữa. Cụ tỏ ra rất quyết tâm làm đám cưới ngay trong tuần tới, tuy nhiên vẫn chưa biết cô dâu là ai.

Cụ ông 112 tuổi lấy vợ 17

Hàng trăm người đã dự đám cưới của chú rể tự cho là mình 112 tuổi, với cô dâu là một thiếu nữ, diễn ra ở miền trung Somalia.

HUYỀN ÁI TÔNG

Ông Ahmed Muhamed Dore, đã có 5 vợ và 18 con, hân hoan tuyên bố ông muốn có thêm con với tân nương là cô Safia Abdulleh, 17 tuổi.

Đài BBC trích lời cụ Dore nói sau khi tiệc cưới kết thúc: “Hôm nay đáng tối cao đã biến giấc mơ của tôi thành hiện thực”. Phía gia đình cô dâu cũng cho biết cô “hạnh phúc với người chồng mới”.

Trông người lại ngắm đến ta, so với thế giới, hai cụ Tới và Vinh... còn “trẻ lắm”. Một lần nữa chúc mừng hạnh phúc của hai cụ. Và mong hai cụ sống trong “một mái nhà tranh hai trái tim vàng”. Không cần tới căn nhà triệu đô nhưng cũng đừng ở trong căn nhà như cái lỗ chó chui giữa Hà Nội.

Từ căn nhà triệu đô đến căn nhà chỉ cao 1m10

Lại xin bàn đến cái khoảng cách giàu nghèo qua hình ảnh của hai căn nhà, tôi không mang hình ảnh ở làng quê xa xôi so sánh với thành phố, đây là hai căn nhà hiện đang “tồn tại” ngay giữa lòng thủ đô Hà Nội.

Phòng tắm của căn nhà được mạ vàng

Một dự án nhà siêu sang vừa ra mắt tại Hà Nội. Giá 1,2 triệu đô la mỗi căn, thiết kế mang phong cách cổ điển với nhiều chi tiết dát vàng 24K. Lấy cảm hứng từ phong cách Hoàng gia Châu Âu thế kỷ XVII, tòa tháp tọa lạc tại khu vực Cầu Giấy (Hà Nội) bao gồm một khách sạn 5 sao và 242 căn nhà cực kỳ sang trọng. Căn nhà mang tên nữ thần Venus kết hợp giữa gam màu xanh hoàng gia cổ điển điểm xuyết những chi tiết mạ vàng. Toàn bộ đồ nội thất được làm từ khung gỗ sồi, hồ đào tẩm sấy nhằm chống mối mọt, chất liệu bọc là da cao cấp.

Hồ bơi trong căn nhà dát vàng

VĂN HỌC MIỀN NAM

Nội thất mang đường nét uốn lượn, nhẹ nhàng. Những đường viền mạ vàng trên mặt bàn, gờ tủ... được khắc họa đậm nét hơn, nhằm ăn ý với không gian nội thất chung của căn nhà. Chất liệu gỗ sồi tự nhiên đã được sấy, tẩm kỹ càng phù hợp với vật liệu lót cao cấp và vải da bọc màu be sáng hoàn thiện, góp phần tôn thêm vẻ sang trọng của bộ sản phẩm. Phòng tắm tại căn nhà được mạ vàng 24K, thường được sử dụng tại các tòa nhà nổi tiếng thế giới như The Ritz - Las Vegas, Hilton Club - NewYork. Men sứ được làm bằng tay, chịu được nhiệt độ cao, bền và sáng. Bề mặt men bóng chống bám bẩn và trầy xước.

Mỗi căn nhà, bàn ăn được trang bị đồ gốm sứ tinh xảo, cầu kỳ, góp phần tô điểm thêm vẻ cổ điển cho căn phòng. Trong nhà còn có bể bơi. Toàn bộ mặt tường được trang trí và phân cách bằng các khung gỗ tự nhiên, phào chỉ PU tổng hợp thép vàng 24K.

Thang máy với khung kính trong suốt bọc ngoài được thiết kế cho người đi có thể ngắm nhìn những vườn cây nhỏ xinh trên cao hay những họa tiết trang trí bên trong tòa nhà.

Căn nhà được chào bán với giá khoảng 100 triệu đồng mỗi m². Với diện tích rộng 133,2- 260,8 m² thì mỗi căn nhà tại đây có giá từ hơn 13 tỷ đến 26 tỷ đồng (tương đương 1,2 triệu đôla).

Cả gia đình ở trong căn nhà chỉ có thể nằm hoặc ngồi

Ngược hẳn lại với căn nhà dát vàng này, từ 14 năm nay, hai vợ chồng cùng cậu con trai (học lớp 9) của gia đình anh Hoàng Văn Xuân, sống tại số nhà 44, Hàng Buồm, Hà Nội ở trong ngôi nhà cao vồn vện 1,10m, rộng chưa đầy 6m. Anh Xuân than thở, khổ nhất là lúc ngủ, muốn xoay người cũng khó. Chuyện riêng tư của hai vợ chồng phụ thuộc hoàn toàn vào giờ giấc của cậu con trai.

HUỶNH ÁI TÔNG

Căn nhà của vợ chồng anh Xuân chỉ cao 1m10

Muốn lên được nhà, anh Xuân phải trèo một đoạn tường cao gần 2m. Trong nhà, ngoài một số vật dụng thiết yếu như tivi, quạt, nồi cơm điện, gia đình anh không dám sắm thêm bất cứ thứ gì vì không có chỗ để.

Muốn lên nhà... phải trèo tường và chui qua lỗ này

Chiều cao của anh Xuân là 1,60m và cậu con trai 1,40m, trong khi căn nhà chỉ có 1,10m. Trông cậu bé 14 tuổi ngồi mà đầu đã gần chạm trần nhà.

Trong nhà, anh Xuân sắm 2 chiếc nồi cơm điện để tiện việc nấu nướng. Một chiếc dùng nấu cơm, chiếc còn lại thì nấu rau, xào thức ăn.... Tất cả chỉ có thế!

Bạn đọc đã thấy cái khoảng cách xa mờ mịt như chẳng bao giờ san lấp được giữa thủ đô Hà Nội. Chỉ cần so sánh một cái biệt thự của “đại gia, đại quan” với căn nhà “lỗ chó chui” cũng đủ thấy nỗi khổ của người dân như thế nào.

Dự án căn nhà mạ vàng như thế này có phải là thứ “văn hóa leo lên đầu người dân nghèo” không?

Từ Sài Gòn, ngày 06.4.2012

Văn Quang

Tài liệu tham khảo:

- Văn Quang Web: dactrung.com
- Văn Quang Web: hoiquanphidung.com

57) Võ Hồng



Võ Hồng (1921-)

Võ Hồng là bút hiệu cũng là tên thật, ông sinh ngày 5 tháng 5 năm 1921 tại làng Ngân Sơn, tổng An Sơn, phủ Tuy An, tỉnh Phú Yên (Trung Việt).

Thuở nhỏ học trường làng Ngân Sơn, trường phủ Tuy An, trường huyện Sông Cầu, rồi học trường trung học Qui Nhơn. Năm 1940, học tú tài ở Hà Nội.

Năm 1945, trước cách mạng Tháng 8, ông làm Bí thư cho Lê Văn Lý Tổng đốc các tỉnh miền Nam Trung Việt đặt tại Đà Lạt (Chính phủ Trần Trọng Kim).

Từ 1946 - 1949: Trưởng ban Bình dân Học vụ huyện Tuy an. Trưởng ty Bình dân học vụ tỉnh Phú Yên.

Năm 1949 - 1953: Dạy học ở trường Trung học Lương văn Chánh rồi làm Hiệu trưởng.

HUYỀN ÁI TÔNG

Năm 1953 bị bệnh xin nghỉ dài hạn. Năm 1954 đưa gia đình về sống ở Đà Lạt.

Năm 1956 - 1975: Dạy học trường Trung học Bồ Đề và trường bán công Lê quý Đôn ở Nha Trang

Năm 1975 - 1982: Hiệu trưởng trường Phổ thông cơ sở Tân Lập Nha Trang.

Năm 1982, ông nghỉ hưu, viết lại nhưng cho đến năm 1988, tác phẩm Thiên Đường ở trên cao mới được phép xuất bản, mặc dù ông là Hội viên Hội nhà văn Việt Nam từ năm 1977, và là cán bộ nhà nước từ năm 1975.

Võ Hồng cầm bút khá sớm, truyện ngắn đầu tay *Mùa gặt* được đăng trên báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy ở Hà Nội, năm 1939, với bút hiệu Ngân Sơn, khi đó ông là học sinh đệ tam. Mãi đến năm 1959, Võ Hồng mới thật sự gia nhập làng văn qua tác phẩm đầu tay *Hoài cố nhân*.

Sau 1975 Võ Hồng thường viết về đề tài giáo dục và tuổi thơ, sống ẩn dật. Thời gian này ông còn ký 2 bút hiệu khác: Võ An Thạch và Võ Tri Thủy.

Tác phẩm:

- *Hoài cố nhân* (Ban mai, 1959)
- *Lá vãn xanh* (Thời mới, 1962)
- *Vết hằn năm tháng* (Lá bối, 1966)
- *Con suối mùa xuân* (Lá bối, 1966)
- *Hoa bướm bướm* (Lá bối, 1966)
- *Khoảng mát* (An tiêm, 1969)
- *Bên kia đường* (Mặt trời, 1968)

VĂN HỌC MIỀN NAM

- *Người về đầu non* (Văn, 1968)
- *Những giọt đắng* (Lá bối, 1969)
- *Gió cuốn* (Lá bối, 1969)
- *Áo em cài hoa trắng* (Lá bối, 1969)
- *Nhánh rong phiêu bạt* (Lá bối, 1970)
- *Trâm mặc cây rừng* (Lá bối, 1971)
- *Như cánh chim bay* (Lá bối, 1971)
- *Mái chùa xưa* (Lá bối, 1971)
- *Thiên đường ở trên cao* (Sở VH TT Nghĩa Bình, 1988)
- *Trong vùng rêu im lặng* (HVN Nha Trang, 1988)
- *Chia tay người bạn nhỏ* (NXB Trẻ, 1991)
- *Một bông hồng dâng cha* (NXB Trẻ, 1991)
- *Vẫy tay ngậm ngùi* (NXB Trẻ, 1992)
- *Thương mái trường xưa* (NXB Kim Đồng, 1993)
- *Hồn nhiên tuổi ngọc*
- *Thời gian mây bay...*

Trích văn:

Tiếng Chuông Triều Mộ

Trong thơ văn Phật giáo có hai câu thơ quen thuộc :

*Thấy nguyệt tròn thì kể tháng
Nhìn hoa nở mới hay xuân.*

Các bạn trẻ hôm nay có thể nghĩ rằng đó chỉ là văn chương, là nói quá, thậm chí là nói không thật. Không phải vậy đâu. Thời nay của các bạn, gần như nhà nào cũng có tờ lịch treo tường, có xấp lịch gỡ từng ngày một. Hồi xưa thì không. Năm mươi năm trước, ở mỗi làng chỉ có chừng hai nhà mua được cuốn lịch Tàu, ghi ngày tháng âm lịch. Cuốn lịch phổ biến trong dân gian là phiên chợ. Như ở vùng tôi, chợ Hôm họp mồng 1, mồng 6, 11, 16, 21, 26. Tiếp tới chợ Giã : mồng 2, mồng 7, 12, 17, 22, 27. Rồi chợ Đèo : mồng 3, mồng 8, 13, 18, 23, 28. Chợ

HUYỀN ÁI TÔNG

Thành : mồng 4, mồng 9, 14, 19, 24, 29. Chợ Sen : mồng 5, mồng 10, 15, 20, 25, 30 hay tháng thiếu thì 29.

Với nhà Chùa thì ngày rằm được báo hiệu bằng mặt trăng. Tảng Ni nhìn trăng mà biết tháng, nhìn hoa mà biết mùa, vì các Chùa chiền đều nằm xa xóm làng, nằm ở chân núi hay lưng chừng núi, nằm ở cánh đồng heo hút xa xôi : Chùa Đồng Mạ, chùa Đồng Tròn, chùa Đồng Tranh, chùa Bảo Sơn, chùa Đá Trắng. Có cây xanh bao phủ xung quanh, có hồ sen, có chậu hoa, luống hoa trong sân, trong vườn. Hoa quý phải nở theo mùa như cúc, như mai..., hoa bình dân nở quanh năm như cây bông điệp, thân mạnh như cây keo, cây táo, mỗi khi có cúng kỵ bà con trong xóm lên chùa xin vài nhánh. Nhà quê không có lệ mua hoa cắm bình. Không dư tiền. Không ai dám nghĩ đến việc mua hoa, nên không có người bán hoa. Nhà chùa càng thêm gần gũi thân thiết với người nghèo.

Chùa nằm ở chân núi thì người đi đường ghé chân nghỉ mệt, người lỡ bộ đường có thể ghé nghỉ qua đêm. Nhà chùa nằm ở cánh đồng thì anh đi cày, chị đi cấy, trẻ chăn bò ghé xin nước uống, mượn chỗ nằm nghỉ lưng ở hiên sau, ở chái liêu. Cửa tam quan suốt ngày không đóng.

Thánh đường nhiều tôn giáo thường đi theo sát tập thể quần chúng, nhằm hoàn thành công tác mục vụ. Chùa chiền Phật giáo thì không. Như cố ý lánh xa, như gắng tìm một thâm sơn, xích gần lại với thiên nhiên, núi rừng, nên khi người tìm đến thì đồng thời cũng là dịp người gắn với thiên nhiên. Cùng với tiếng chuông và tiếng tụng niệm, màu xanh của cây lá, sự tĩnh mịch của đá của đất, sự bao dung của khoảng rộng trời cao cùng góp phần giải khổ, cùng nhẹ thổi niềm an vui, niềm hy vọng, niềm tin.

Bà con nông thôn gần gũi với chùa, thương kính ông Phật, không phải vì hiểu biết giáo lý Phật giáo. Những tiếng Tam quy, ngũ giới, Thập nhị nhân duyên... đa số không biết, không

VĂN HỌC MIỀN NAM

hiều, mà chỉ biết nhìn theo các Thầy mà làm lành lánh dữ, cố gắng theo gương các Thầy mà bớt phạm sát sinh. Triết lý vốn sáng mà lạnh. Rất hay đề nói, rất êm để nghe, mà phạm nói hay thì thường ít làm. Thì hãy cứ vui hồn nhiên như người đàn bà kia, tin rằng lễ Phật xong, đem tiền phát cho những người nghèo ngồi đợi xin ở bậc thềm trước chùa là lúc chết sẽ được Phật dắt về Tây phương Cực lạc.

Trong thời gian làm nghề dạy học, tôi có dạy ở một trường trung học Bồ đề, được dạy cho các Tăng Ni. Lúc vẫn niên, mỗi khi có vị Tăng Ni nào đến thăm là tôi dạy đưa cháu ngoại vốn rất cứng đầu nghịch phá phải đứng nghiêm thủ lễ, chấp tay cúi đầu mà "A Di Đà Phật". Nó tuân lời, không miễn cưỡng. Tôi đã hiểu đúng tâm lý màu áo lam áo nâu, trang nghiêm thanh đạm, giọng nói khoan hòa, cử chỉ từ tốn... đã chinh phục nó.

Phần tôi, mỗi lần có Đại đức hay Ni cô tới thăm, khi ra về tôi xin phép được đưa tiễn đến tận cổng, ra lề đường rồi chấp tay cúi đầu xá nhiều cái. Vì Đại đức, Ni cô thường là học trò cũ, tôi phải giải thích :

Tôi muốn biểu lộ sự tôn kính đối với một vị tu hành khổ hạnh. Cho dầu vị ấy trẻ. Tôi biết nhiều người đang nhìn chúng ta, và xã hội chung quanh thì đang ùn ùn nhiều tệ nạn, thói hư tật xấu.

Đạo Phật hiện diện trầm lặng trong ta. Câu chuyện năm người mù sờ voi, tôi đọc hồi học tiểu học, trong cuốn sách tập đọc viết bằng tiếng Pháp, sau này mới biết đó là truyện cổ Phật giáo. Truyện người đàn bà có con chết, khóc lóc van lạy xin Đức Phật cứu sống con. Phật dạy : "Hãy lấy tro bếp nơi nhà nào không có người chết, đem về đây ta sẽ cứu cho". Truyện Mục Kiên Liên, ở một kiếp nào đó là một người mê vợ đẹp. Vợ thuê người dắt mẹ Mục Kiên Liên đem bỏ trên núi cho chết đói, nhưng bà cụ đầu mù mắt cũng lần về được. Lần này vợ sai chính Mục Kiên Liên dẫn mẹ lên núi và bắt phải đánh cho chết.

HUYỀN ÁI TÔNG

Nào ngờ Mục Kiên Liên vừa đập một gậy thì mẹ kêu lên :
"Con ơi, chạy lẹ đi ! Kẻo cướp nó đánh chết !".

Đạo Phật hiện diện êm đềm quanh ta. Trong một thời gian dài, cứ chặng năm giờ sáng là nằm trong giường tôi nghe tiếng gõ mõ tụng kinh của ông láng giềng phía sau nhà. Bốn giờ sáng, bà con khu Hồng Bàng - Xóm Mới nghe tiếng chuông của chùa Linh Thứu. Bà con xóm Mã Vòng - Phường Cùi nghe tiếng chuông chùa Long Sơn. Bà con Đông Nai nghe tiếng chuông Phật Học Viện. Những bà con phải sống xa quê hương, ngoài nỗi nhớ cô bác họ hàng, ngôi nhà tổ tiên, khu vườn cây lá, ắt có lúc chợt nhớ những hương thơm của hoa bưởi hoa cau, tiếng con trâu, con nghé ọ kêu mẹ, tiếng mái chèo khua nước trên sông, tiếng gà gáy vang lại từ thôn xóm xa..., và tiếng chuông chùa.

Những năm sau này tôi có nhận dạy ở lớp chuyên khoa của Viện cao đẳng Phật Học miền trung. Đi từ nhà đến Phật Học Viện, tôi thần thờ đếm bước một mình trên con đường đất đỏ uốn lượn ở đầu núi. Những bụi cây mọc theo ven lối đi, không hàng lối, mạnh ai nấy mọc.. Những bụi cây âm thầm. Những doi đá nằm lẩn ra, những khe suối khoét lõm vào. Tiếng chim nói chuyện với nhau chi chích trong các bụi rậm, ở trước mặt, ở bên phải, bên trái. Mùi thơm của lá, của hoa thoang thoang. Vừa già từ thành phố trong năm phút, mắt tôi, tai tôi đã được nghỉ ngơi trong khung cảnh hoang sơ này.

Mỗi tuần một lần như vậy, tôi được gần gũi với thiên nhiên, và tâm hồn tôi bỗng được buông xả, nhẹ nhàng. Lắm lúc tôi quên mất hiện tại mà trở về hồi nào không hay, cái tâm trạng của một đứa nhỏ mười tuổi, mười hai tuổi, say mê màu xanh của lá, màu trắng màu vàng của hoa và mùi thơm ngai ngái của nhựa cây.

Con đường càng gần đến Phật Học Viện càng thêm âm u râm mát. Những cây cao lặng yên tỏa bóng hiền lành. Tôi leo lên

VĂN HỌC MIỀN NAM

con dốc nhỏ, bước qua cái cổng gỗ. Nơi đây bắt đầu giang sơn của các bụi hoa và những thân cây có danh tính. Những cây quỳnh lá xanh óng ả. Những giò phong lan đong đưa trên cành cao. Bụi trúc lá nhảy lăn tăn theo cơn gió dưới đồng thổi lên. Những chậu hoa tí muội, hoa đơm đởo thăm từng chùm.

Tôi không phải là người văn cảnh, không phải là khách nhàn du, dưới tay tôi là một cặp sách. Tôi sắp có hai giờ dạy, buổi học bắt đầu bằng ba hồi niệm Phật, và chấm dứt bằng bốn câu kệ :

*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thế nguyện học
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.*

Mỗi lần chấp tay lắng nghe các Tăng Ni niệm bốn câu kệ, lòng tôi xúc động rộn ràng. Có hôm cơ hồ muốn rơi nước mắt khi nghe tụng tới câu "Phiền não vô tận thế nguyện đoạn". Tôi muốn cất tiếng kêu lên : "Đức Phật ơi, hãy giúp giùm cắt đứt mọi phiền não bủa vây tâm hồn con. con đang cô đơn biết bao".

Tôi không là Phật tử. Không biết tụng kinh. Nhưng tôi lại dễ xao xuyến dạt dào mỗi lần nghe tiếng kinh tiếng mõ. Những lúc đó tôi tự nhiên trút bỏ mọi ảo vọng ở đời mà cuối nhìn xuống thân phận yếu đuối nhỏ mọn của mình. Chỉ một hơi thở thôi, cuộc đời chỉ có nghĩa là một hơi thở mà thôi, rất nhẹ và rất mong manh. Chỉ cần hơi thở ngừng lại nửa phút là giữ bỏ tất cả.

Như vậy, những buổi chiều thứ sáu đối với tôi có một giá trị tinh thần không nhỏ. Và con đường sỏi đá lượn quanh co trên đầu núi là một loại con đường hành hương dẫn tôi đi vào cái khung cảnh thanh khiết, nơi đó tôi gạn lọc các ô nhiễm kết tập

HUYỀN ÁI TÔNG

trong suốt một tuần lễ, từ cái thành phố sống đầy bụi bặm dưới kia.

Sau Ba Mươi năm

*Nhờ đất cho món ăn
Nhờ nước đưa thức uống
Hô hấp nhờ khí trời
Mà cây đầy sức sống
Cũng vậy ba đứa con
Truyền cho cha sinh lực*

*Lao khổ dẫu sớm hôm
Cô đơn dù nhứt buổi
Nhưng nhìn con lớn khôn
Cha quên mọi cơ cực*

*Đứa út vừa lên ba
Biết mẹ qua tấm ảnh
Miệng chỉ quen gọi cha
Khi đói và khi lạnh*

*Chị lớn chín tuổi tròn
Đóng vai người mẹ nhỏ
Vội vã học điều khôn
Cửa nhà tập coi ngó*

*Thằng giữa khi vào lớp
Tên mình tưởng tên ai
Thầy hỏi không biết đáp
Nghe chim hơn nghe bài*

*Nay các con nên người
Mỗi đứa đi một ngã
Mình cha căn nhà xưa
Trông vừa quen vừa lạ*

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Không còn ngày gian khổ
Chỉ dư ngày tiêu điều
Vắng con như cây cỏ
Héo úa giữa quạnh hiu
Tuổi già ngồi ngắm lại
Quý nhất của đời mình
Là ba đứa con dại
Cha nuôi đến trưởng thành.*

Trần Hữu Tá có nhận định về Võ Hồng: "...Khi đọc truyện Võ Hồng, cái buồn dịu dàng cứ phảng phất đâu đây. Nhưng thật kỳ diệu, tâm trạng người đọc không bị chùng xuống, không mất lòng tin vào cuộc sống, mà ngược lại như bình tĩnh, thanh thản hơn..."

Tài liệu tham khảo:

- Võ Hồng Web: vohong.de

58) Võ Quang Yển



Võ Quang Yển (1929-)

Võ Quang Yển sinh năm Kỷ Ty 1929 tại Nam Phổ, Phú vang, Thừa Thiên. Lớn lên ở quê ngoại Mỹ Cang, Phong điền, Thừa Thiên.

HUYỀN ÁI TÔNG

Học tiểu học ở Trường tổng Mỹ Xuyên, Trường Chaigneau (Huế), Trường Vĩnh Điện (Quảng Nam). Lên trung học học ở Trường tư thực Pellerin, Trường Trung học Khải Định (Huế).

Năm 1949, rời bỏ quê hương theo chiếc tàu chở quân lính Pháp qua Marseille, vừa làm vừa học ở Chambéry rồi đến Paris.

Học Đại học tại Paris, Fribourg (Thụy Sĩ), Mainz (Tây Đức). Cao học: Hóa học các dẫn xuất có fluor, Viện Radium – Gs Bửu Hội, Đại học Paris (1958).

Tiến sĩ Khoa học: Hóa học hữu cơ các chất acetylenic, Trường Quốc gia Cao đẳng Hóa học Paris – Gs Willemart, Đại học Paris 1962

Công tác tại Trung tâm Quốc gia Khảo cứu Khoa học Pháp CNRS (1962-1994) : hóa học hữu cơ, chuyển qua sinh hóa học và sinh học công nghệ

Nhiệm sở: Trường Quốc gia Cao đẳng Hóa học Paris ENSCP

Chức vụ: Giám đốc Nghiên cứu (Directeur de Recherche): đồng ký 60 bản báo cáo trong các báo hóa học quốc tế, 35 bản thông cáo trong các hội nghị Pháp và quốc tế, đồng điều khiển 28 băng cao học và luận án tiến sĩ

Gia đình: vợ người Pháp, 3 con, 8 cháu nội ngoại, về hưu năm 1994, định cư ở Pháp.

Hội trưởng đầu tiên Hội Người Yêu Huế (1984-1990)

Công tác ở Việt Nam trên đề tài rau câu-agar (hãng Pronatec 1986-1991) và máu sam-thuốc thử LAL (hãng Amilabo 1992-1994)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Đã cộng tác với các tạp chí *Khoa học và khoa học phổ thông* (1959-1974), *Đại học, Bách Khoa, Phổ thông*, *Hồn Trê* (Sài Gòn), *Sông Hương, Huế Xưa và Nay* (Huế), *Đất Mới* (Canada), *Hợp Lưu, Thế Kỷ 21* (Hoa Kỳ), *Đoàn Kết, Hương Sen* (Pháp), *Biển, Khoa học và Tổ Quốc, Quê Hương* (Hà Nội), *Đại Đoàn Kết, Giác Ngộ, Kinh tế Sài Gòn, Lao Động, Người Sông Hương, Tuổi trẻ Chủ Nhật, Nhớ Huế* (Tp. HCM)

Tác phẩm:

- *Vũ trụ và khoa học* (Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai, 1968)
- *Nói chuyện khoa học* (Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai, 1968)
- *Giáo dục tính phái* (Lửa Thiêng, 1973)
- *Gởi thương về Huế* (Trung tâm Nghiên cứu Quốc học và Nxb Văn học, 2004)
- *Tượng đài sông Hương* (đồng tác giả) (Trê, 2004)
- *Sông Hương ngoài biên giới* (đồng tác giả - Trê, 2006)
- *Cây nhà lá vườn* (Đà Nẵng, 2008)
- *Amino Acid Derivatives* (đồng tác giả - Oxford University Press 1999)
- *White-nest Swiftlet and black-nest Swiftlet* (đồng tác giả, Paris - 2002)

Trích văn:

Giới thiệu cuốn sách CÂY NHÀ LÁ VƯỜN Võ Quang Yên

Tôi yêu tiếng nước tôi
Từ khi mới ra đời làm người
Phạm Duy

Năm 1986, về thăm quê hương lần thứ nhất sau 37 năm xa cách, nhận thấy nền khoa học đất nước cần phải phát triển và

HUỶNH ÁI TÔNG

phát triển mạnh mới mong rút kịp các nước láng giềng đang hùng hổ trở thành những rồng con, tôi cảm thấy mình lâu năm đi học ở nước ngoài, không thể đứng đưng đứng nhìn như người ngoài cuộc. Hôm chia tay, bà Nguyễn Đình Chi nắm chặt tay tôi, dặn đi dặn lại : Huế tội nghiệp lắm, phải làm một cái chi cho Huế nhé ! Làm sao quên được mấy lời tâm huyết đó. Nhưng suốt đời đi làm khảo cứu khoa học thuần túy, trừ chuyện dạy học, tôi có biết làm gì ngoài phòng thí nghiệm ! Hồi ấy ở Huế cũng như ở Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, đi đâu cũng nghe nói đến rong câu chỉ vàng, chiết xuất agar. Không phải là một kỹ nghệ hoàn toàn hóa học là ngành khảo cứu của tôi, có lẽ đây là một lối ra có khả năng giúp Huế. Về lại Pháp, tôi chạy vạy kiếm và tìm ra được một phòng thí nghiệm chuyên về rong rau. Hơn nữa, nhà khảo cứu đã học hỏi về rong câu chỉ vàng lại đang mở ra một công ty chiết xuất agar. Nghĩ là dịp hiếm có, gặp đúng lúc, một cơ hội cần phải nắm lấy, tôi điều đình để anh ta đồng ý về Việt Nam với tôi xem xét tại chỗ. Sau nhiều lần tiếp xúc với Huế, Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, công ty của anh ta ở Pháp và các viện đại học, các xí nghiệp nuôi trồng rau câu, chế biến agar ở trong nước thấy có khả năng đi đến một cuộc hợp tác có lợi cho đôi bên. Sau chuyến qua Pháp thực tập của những giáo viên Huế, tôi mừng thầm thấy đồ án có hy vọng thành công. Nhưng đáng buồn thay, chuyện không thành, có lẽ thời cơ chưa đến, mục tiêu không rõ, hay nơi làm không đúng...

Năm năm sau, viện Biễn ở Nha Trang đưa ra đề tài lấy máu sam làm thuốc thử nội độc tố. Cũng chẳng phải là một đề tài hóa học, tôi lại chạy kiếm và may mắn như lần trước tìm ra được một công ty ở Pháp chịu đưa hai anh tổng giám đốc và giám đốc kỹ thuật về Nha Trang với tôi xem xét điều kiện khả thi. Về nhân lực, phòng thí nghiệm ở viện Biễn thấy có đủ khả năng thi hành công tác. Bây giờ công ty Pháp chỉ còn đem về máy móc và kỹ thuật là có thể dựng lên đơn vị chiết rút máu sam. Điều kiện còn lại cần thiết là một phòng thí nghiệm vô trùng, xây dựng có phần tốn kém. Chúng tôi liền ra Hà Nội tiếp

VĂN HỌC MIỀN NAM

xúc viện Khoa học, được viện ủng thuận ủng hộ xây phòng và luôn tiện đỡ đầu dự án. Mọi việc trong bước đầu rất khả quan và khi lên máy bay trở về lại Pháp, hai nhà kỹ nghệ lạc quan hứa hẹn tiếp tục. Thế nhưng sau nhiều tháng thư từ qua lại, có những trở ngại gì đây, họ cho tôi biết khó lòng làm việc ở Việt Nam. Vẫn biết thuốc thử nội độc tố là một chất thuốc chiến lược, hiện nay còn nằm trọn vẹn trong tay Hoa Kỳ, nước ta hồi ấy lại đang còn bị cấm vận, khó khăn có thể từ đây mà ra. Đáng khác, như với dự án rong câu chi vàng, một công ty cỡ nhỏ hay vừa không có quyền thất bại, nghĩa là họ chỉ dám bắt tay vào khi chắc chắn thành công. Tôi rất tiếc ta không nắm ngay cơ hội, nhất là tôi chỉ tìm ra được một công ty độc nhất ấy chịu nhận ý nghĩ chuyện làm thuốc ở Việt Nam. Đứng làm trung gian trong một chuyện xây dựng kỹ nghệ ở nước ta thấy ra không dễ !

Tôi đã từng dẫn đo : mình không phải là nhà kinh doanh, nếu từ Pháp đưa được kỹ nghệ gia về Việt Nam xây dựng công ty, nhà máy trên những nguyên liệu có sẵn trong nước là việc làm đúng với tình hình đất nước và nằm trong vòng khả năng của mình. Về dạy học cũng là việc có thể làm trong khuôn khổ đóng góp chất xám, nhưng trong nước đâu có thiếu giáo sư : người ta thường bảo Việt Nam là một trong những nước đang phát triển có nhiều bằng cấp đại học nhất. Mặc dầu hai thí nghiệm kỹ nghệ không đưa đến kết quả hoàn toàn mong muốn, tôi không nản lòng nhưng cũng không dám tiến thêm một bước, nhất là không tìm ra được đề tài trong lãnh vực của mình. Về nước thấy Đông y đang chuyển mình nhưng trong dân gian còn đang dùng nhiều cây lá đem sắc uống như ông cha ta đã từng làm từ xưa. Khi sắc thuốc tức là chiết xuất mọi hoạt chất trong cây lá, chất thuốc có mà chất độc cũng nhiều. Trong Tây dược trái lại, mỗi một cây thuốc được đem phân tích tìm cho ra hoạt chất có tính chất dược liệu, khảo cứu về mặt sinh học trước khi đem thử trên sinh vật, con người, sau đó mới tính chuyện cho ra thành thuốc. Nhiều nhà khảo cứu bên nhà đã ý thức vấn đề này và tôi nhận lời đi tìm tài liệu cây thuốc

HUYỀN ÁI TÔNG

cho họ. Âu cũng là một cách đóng góp chất xám nằm trong tầm tay của mình.

Công việc tôi muốn giúp tương đối không khó cho một người đã từng làm khảo cứu ở Pháp. Tôi biết ở thư viện nào có sách báo hóa học, có thì giờ ngồi tìm đọc, có khả năng hiểu những bài báo, có chí tiêu hóa những tài liệu lượm lặt được để đúc kết thành những bài mà tôi gọi là tổng luận, loại review hay mise au point quốc tế, miễn là có thiện chí muốn làm... Lúc đầu, tôi chỉ sao chụp những bài báo và gửi cho những nhà khảo cứu nhưng nhiều lần về nước thấy những bài báo được sắp trong các ngăn kéo, không mấy ai đọc được, nên ý nghĩ đến với tôi là chịu khó viết và cho đăng những bài tổng luận ấy lên báo cho mọi người được hưởng. Tuy phải chịu khó và bỏ công vào, vượt qua những chướng ngại danh từ, thuật ngữ, đặc biệt cho một kẻ sống tha hương hơn một nửa thế kỷ, vận dụng hàng ngày toàn ngoại ngữ, viết bài khoa học bằng tiếng Việt, sau nhiều năm cố gắng tập dượt, đối với tôi hết còn là một chuyện khó. Tôi nhớ lại từ những năm thập niên 60 đã từng viết những bài khoa học phổ thông đăng trong các báo Bách Khoa, Phổ Thông bên nhà : các bạn tôi khen tôi đã có công thâm kín kích thích tinh thần khoa học trong số các bạn đọc trẻ, một bước đầu có khả năng ảnh hưởng lên nền giáo dục nếu được áp dụng đại trà. Bây giờ đây, hướng về những khảo cứu viên, bài tổng luận cần phải được bàn bạc sâu rộng hơn với đầy đủ tài liệu, nghĩa là với một tinh thần khác các bài phổ thông.

Cái khó sau khi viết bài là tìm cho ra tờ báo chịu đăng. Bên nhà hiện có nhiều báo phổ thông khoa học, giá trị không đồng đều, nhưng đều không đáp ứng nhu cầu của tôi. May về Huế, tôi gặp anh Lê Phước Thúy (nay đã mất), hỏi ấy làm Tổng biên tập tờ Thông tin Khoa học và Công nghệ của sở Khoa học Công nghệ Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Thúy khuyến khích tôi viết và hứa đăng toàn vẹn, không sửa đổi, không cắt xén, dù bản tài liệu tham khảo dài dòng vì, theo anh, cái quý là số tài liệu. Trong tinh thần ấy, tôi đã dẫn không những tên tác giả, tên

VĂN HỌC MIỀN NAM

báo, số báo, trang báo mà còn cả tựa đề bài báo để độc giả có ngay một ý niệm. Tôi đã dựa nhiều lên tập Chemicals Abstracts qua các bản báo cáo hóa học, sinh vật học, các văn bằng sáng chế để kiểm những tài liệu ấy. Thắc mắc của tôi là nếu đi thẳng vào khoa học, kê khai thành phần cấu tạo cây lá rồi bước qua tính chất dược liệu, ứng dụng thuốc men sợ được xem như là một danh mục, một loại catalô, thì ai mà chịu mó tới. Tìm kiếm mãi đoạn vào đầu, tôi đạt đến những chuyện cổ tích, lịch sử mà tôi tin là hấp dẫn, sử dụng như ly nước giúp nuốt viên thuốc đắng, đồng thời góp phần vào ngành dân tộc thảo mộc học. Nếu có những bạn đọc không quen khoa học, chỉ muốn có một ý niệm sơ sài về cây thuốc và vị thuốc, tôi mời đọc đoạn đầu, đoạn cuối và lướt qua đoạn giữa mới xem thấy như khô khan. Nhưng tưởng các bạn cũng nên cần thêm vào một chút cố gắng như khi bạn có trước mắt một bài viết về triết lý, thiên văn hay ngôn ngữ, kinh tế với những danh từ ít thấy trong đời sống hằng ngày, có vẻ rắc rối, hoang dã không kém gì những tên hóa chất.

Lúc ban đầu tôi hy vọng viết và cho đăng được mười bài, dần dần con số vượt quá sức mong đợi : 20, rồi 30, nay lên quá 40... Có những bạn, nhất là ở nước ngoài, than phiền tờ Thông tin Khoa học và Công nghệ, nay đổi thành Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, không phổ biến rộng rãi nên ngoài những bản sao tôi gửi tặng, họ không biết tìm đọc ở đâu. Vì vậy ý nghĩ gom góp các bài cho in thành sách gieo mầm trong trí óc tôi và nay có cuốn Cây nhà lá vườn này. Hè vừa qua, nhân gặp ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, tôi được biết phần tài liệu được cho là dài. Vì vậy trong cuốn sách này, tôi đã rút ngắn số tài liệu lại, thường chỉ giới hạn trong phần ứng dụng, đồng thời bổ túc thêm tài liệu mới. Những sách tham khảo quen thuộc, tôi cũng rút ra khỏi phần tài liệu mỗi bài mà xếp lại trong một mục đăng sau. Tuy nước ta sử dụng tiếng Việt khoa học từ lâu, thấy như danh từ và danh pháp chưa được hoàn toàn thống nhất, nhất là với những bài viết gởi từ nước ngoài về. Thêm nữa, một số danh từ đã được thông dụng nhưng tưởng như cần

HUỶNH ÁI TÔNG

phải được xét lại. Trong lúc chờ đợi kết quả của một Viện Hàn Lâm gồm có các nhà văn học, ngôn ngữ học cũng như khoa học đủ các ngành, tôi tạm dựa lên danh từ và danh pháp quốc tế. Tên cây thuốc lắm lúc cũng cần được xác định. Tôi tin tưởng ở công tác của viện Khoa học nước ta. Trong lúc chờ đợi, thay vì những báo chí thường hay đăng bài của tôi, tôi may mắn được nhà xuất bản Đà Nẵng chịu nhận cho in toàn tập, một cử chỉ mà tôi hết lòng cảm ơn.

Những bài viết

Hắc Ký Ni Sơn 1995 - Xô thành 2007

Võ Quang Yến có đạo tâm, có tấm lòng yêu quê hương, ông viết những bài về đạo Phật, hướng về quê hương, bên cạnh đó ông trình bày những đề tài khoa học, mong mang đến cho người đọc, kiến thức và tiến bộ của khoa học.

Tài liệu tham khảo:

- Võ Quang Yến Web: gactholoc.net
- Võ Quang Yến Web: vietsciences.free.fr

59) Vô Ưu



Vô Ưu Ngô Thị Kim Cúc (1951-)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Vô Ưu là bút hiệu trước năm 1975 của nhà văn Ngô Thị Kim Cúc, cô sinh ngày 17-4-1951, tại Quảng Nam.

Ngô Thị Kim Cúc viết văn rất sớm, thời còn là học sinh trung học, xuất hiện trên tạp chí Bách Khoa năm 1966 với bút hiệu Vô Ưu.

Từ năm 1970-1975, theo học Đại học Khoa học Sài Gòn, tham gia phong trào học sinh đô thị, là Phó Tổng thư ký Hội ái hữu sinh viên Quảng Đà tại Sài Gòn (1971-1975).

Sau 30 tháng 4 năm 1975, là cán bộ Hội Văn nghệ giải phóng khu Trung Trung bộ,

Từ 1979-1982, học khóa I, Trường Viết văn Nguyễn Du, sau đó về công tác tại Hội Văn nghệ Quảng Nam - Đà Nẵng. Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp thanh niên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Từ năm 1983 là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Từ 1991, làm báo. Hiện công tác tại báo Thanh niên, ngụ tại quận 4, thành phố HCM.

Tác phẩm:

- *Vị ngọt hòa bình* (tập truyện, 1981)
- *Sắc biển* (tập truyện 1984)
- *Tam Giang thứ ba* (truyện ký, 1984)
- *Vết cháy* (tập truyện, 1985)
- *Dòng sông buổi chiều* (tập truyện, 1988)
- *Những người uống trà* (tập truyện, 1984)
- *Những biển dâu sống lại* (tập ký, 1995)
- *Thảm cỏ trên trời* (tập truyện, 1996)...

Trích Văn:

Khi anh đã chìm sâu vào giấc ngủ Seduxen, tôi đến bên giường, ngồi xuống cạnh anh. Đặt tay lên mái tóc dày đã điểm bạc, tôi nhìn vào gương mặt đẹp, đôi mắt đang nhắm nghiền của anh, thâm thì:

- Ông già bị điên! Sao anh cứ tự làm khổ mình vậy. Bớt chút vụ thì nhẹ nhàng đi, làm gì cứ giãy lên như sắp biến thành dân ngu khu đen vậy...

Tôi phì cười vì điều đang nói, vỗ nhẹ lên má anh. Tôi vẫn thích nựng nịu chồng như thế, như nựng nịu một em bé, nựng nịu con trai mình. Cho dù anh lớn hơn tôi hơn hai mươi tuổi, thì với tôi, anh vẫn chẳng khác gì Quan Sang, con trai năm tuổi của chúng tôi. Quan Sang đôi khi còn tỏ ra ghê gớm hơn anh.

- Sao em nói hoài mà anh không nghe. Anh đã có đủ mọi thứ. Vợ đẹp con khôn nhà cao cửa rộng làm vua một cõi. Anh còn sợ ai mà mặt cứ xanh như nhái vậy? Có ai tính làm gì anh sao? Ai to gan quá vậy? Anh chỉ cho em để em trị nó!

Tôi bẹo má anh rồi nằm xuống, ôm anh vào lòng. Tôi hôn anh thật âu yếm mà không sợ làm anh thức giấc vì Seduxen đã đưa anh vào giấc ngủ mê mết. Nó đã thành người bạn không thể thiếu của anh suốt những năm gần đây.

Ngày mới về làm vợ, khi biết anh hay dùng Seduxen, tôi rất lo âu. Câu trả lời của anh thật đơn giản:

- Em đừng lo. Anh biết cách sống chung với mọi thứ tồi tệ mà.

Sáng sớm hôm sau, anh hoan hỉ chứng minh cho tôi thấy Seduxen có ích thế nào. Một người đàn ông sung mãn sau giấc ngủ, một người chồng tuyệt vời. Lười lỉnh và hạnh phúc, tôi lơ mơ ngủ lại trong khi anh trở dậy, bắt đầu một ngày mới.

Câu đầu tiên tôi nói khi cả hai chúng tôi không còn mảnh vải nào trên người là:

- Em muốn có con với anh.

Hình như anh khựng lại, chỉ một giây thôi. Nhưng anh lập tức đáp lại tôi một cách nồng nàn:

- Anh còn muốn hơn.

Nói thì nói thế nhưng tôi không để anh tự do thực hiện ý muốn. Anh được phép trong mọi việc, trừ việc cuối cùng. Tôi luôn giữ được ranh giới mong manh nguy hiểm ấy suốt thời gian đầu đến với anh.

Anh được chọn, bởi vì anh không phải thành viên của cuộc chơi. Anh là một thách đố. Một người đàn ông trung niên thành đạt, đẹp trai và độc thân. Nói chung, anh là đối tượng hoàn hảo cho bất kỳ phụ nữ nào muốn kiếm chồng.

Tôi đã được nghe nhiều về anh, đã ghi nhớ mọi điều liên quan đến anh, nắm rõ giờ giấc đi về của anh. Và buổi chiều đó, tôi đã chờ anh ở đoạn đường chỉ cách nhà anh mấy mươi mét.

Thấy tôi nhăn nhó nằm xoài trên mặt đường với chiếc Attila đồ kèn trên đất, anh đã bảo tài xế dừng xe lại. Anh bước xuống, nhẹ nhàng đỡ tôi dậy, cúi nhìn chân tay trầy trụa của tôi và hỏi:

- Cô có sao không?

- Cháu hơi bị choáng - Tôi đáp, tựa cả thân hình vào anh.

- Được rồi, cô có đi một quãng đến nhà tôi...

HUYỀN ÁI TÔNG

Tôi cà nhắc dựa trên tay anh, đi về nhà. Những người giúp việc của anh nhìn tôi. Trong mắt họ là câu hỏi: cô này là ai vậy?

Tôi là ai ư? Tôi chỉ đang thử nghiệm một bài học giới tính. Tôi muốn biết một người đàn ông như anh sẽ đối xử với một phụ nữ như tôi ra sao. Chiếc váy ngắn và chiếc áo ống màu gạch nung đã giới thiệu những đường nét đàn bà nhất trên cơ thể tôi.

Trong khi anh dùng cùn iốt để sát trùng vết thương ở đầu gối và cùi chỏ cho tôi, tôi đau rất đến run cả người, búi chặt lấy tay anh. Trong mắt anh chợt lóe lên thứ ánh sáng tôi đã quá quen ở đàn ông: sự kích động. Con môi đã ở trong tâm ngắm.

- Sao cô lại bị ngã nặng thế? - Hơi thở rất mạnh của anh phả lên má tôi.

- Dạ, có hai anh chàng chờ nhau đâm vào xe cháu rồi bỏ chạy... - Thật tội nghiệp cho hai anh chàng tưởng tượng nào đó đang bị tôi vu cáo.

- Đúng là thanh niên thời nay! - Anh buông một câu đầy chê trách.

- Vâng ạ. May là cháu gặp được chú.

Chăm sóc xong vết thương, anh bảo người nhà lấy trái cây mời tôi. Anh nhìn tôi ăn những quả dâu tây và kiwi một cách nắn nót, vẻ thú vị không che giấu:

- Nhà cô có xa không? Cô có đi về được không?

- Dạ, nhà cháu thuê cũng gần đây thôi. Cháu không sao đâu ạ.

- Thế gia đình cô đang ở đâu?

- Dạ, nhà cháu ở vùng ven. Cháu đi làm xa nên phải thuê nhà -

VĂN HỌC MIỀN NAM

Tôi nói, chậm rãi, nhỏ nhẹ. Một đứa con gái ngoan chỉ nên lễ phép trả lời vừa đủ.

- Ra thế. Cô đang làm công việc gì?

- Cháu là nhân viên tiếp thị mỹ phẩm.

- Ồ, tiếp thị là một công việc vất vả mà lại rất bấp bênh. Sao cô không tìm một công việc ổn định hơn? - Giọng anh ra chiều ái ngại.

- Cháu cũng muốn vậy nhưng cháu chẳng quen biết. Cháu đang đi học thêm tiếng Anh. Chiều nay vậy là cháu bị mất buổi học... - Thật đúng giọng một em bé con nhà lành đang phấn đấu vượt lên hoàn cảnh.

- Cô có thích công việc văn phòng không? - Anh nghiêng người sang, nhìn thẳng vào mắt tôi mà hỏi.

Bàn tay đang cầm chiếc nĩa có găm miếng kiwi của tôi khựng lại. Tôi ngước lên, mở to mắt nhìn anh:

- Dạ, cháu thích lắm. Nhưng... cháu làm sao xin được... - Rồi tôi cúi mặt xuống, tỏ vẻ rất buồn bã, cam chịu.

- Làm sao xin được hả? - Anh lặp lại câu tôi nói, với một tiếng cười giòn vui vẻ.

Tôi lại tiếp tục ăn kiwi và dâu, rất tròn vai một em bé hồn nhiên và khờ dại.

Anh bấm remote chọn kênh ti vi và dừng lại ở một chương trình Animal Planet về rừng già Nam Mỹ. Lũ cá sấu đang bơi đến chờ ở đoạn eo sông, nơi bày linh dương đầu bò sẽ lội qua trên hành trình thiên di. Cả một đoạn sông nhưng nhúc linh dương và linh dương. Những hàm răng cá sấu lởm chồm vung

HUYỀN ÁI TÔNG

lên, chỉ trong nháy mắt, những con linh dương bắt hạnh biến mất dưới làn nước đục ngầu.

Sức sống hoang dại bên cạnh cái chết hoang dại...

Anh mỉm cười khi thấy tôi theo dõi ti vi một cách quá say sưa:

- Cô có thích chiều mai lại đến đây xem ti vi không?

Tôi làm như chợt nhớ:

- Chết, cháu vô ý quá. Chú đi làm về còn phải nghỉ ngơi. Cháu cảm ơn chú nhiều. Nếu không gặp chú, chẳng biết cháu ra sao rồi...

- Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, đúng không cô?

Anh không giấu được nỗi hân hoan trong giọng nói. Đưa tôi ra sân, đến cạnh chiếc Attila đã được tài xế sửa sang lau chùi tinh tươm, anh hỏi tên, đưa tôi tấm sạc và bắt tay tôi:

- Nếu cô thích công việc văn phòng thì sáng mai đến công ty tôi.

Tôi đọc lướt những dòng chữ trên sạc:

- Chú là tổng giám đốc! Vậy mà sao chú dễ gần quá, sao chú tốt quá.

Câu sau tôi đã nói rất thật. Tôi không nghĩ mọi chuyện lại thuận buồm xuôi gió đến thế, không nghĩ ngay lập tức tôi đã đến rất gần mục tiêu, không nghĩ anh có thể tin người đến độ ngây thơ làm vậy.

Tối đó, tôi không hẹn với bất kỳ thằng đàn ông nào. Tôi muốn

VĂN HỌC MIỀN NAM

mình có chút cảm giác thanh sạch khi đến gặp anh vào sáng hôm sau

Tôi được thế vào chỗ của cô nhân viên văn phòng chuẩn bị xuất ngoại theo chồng. Thật không còn gì tốt đẹp hơn. Tôi đã tỏ ra vô cùng siêng năng chịu khó ngay từ ngày đầu. Sáng nào tôi cũng có mặt sớm nhất và chiều nào cũng là người cuối cùng rời phòng. Tôi biết anh vẫn kín đáo theo dõi mình, và đúng là chỉ sang tuần thứ hai, anh đã có mặt bên bàn làm việc của tôi vào cuối giờ chiều:

- Cô Mai đúng là một nhân viên gương mẫu. Chiều nay cô có đi học tiếng Anh không?

Suýt nữa tôi đã quên mất chi tiết bữa đặt hôm ở nhà anh. Nhưng tôi nhớ ra ngay:

- Dạ không, hôm nay cháu không có giờ.

- Thế tôi có thể mời cô đi cà phê không?

Cá cần câu rồi, tôi kết luận rất nhanh.

- Dạ, cháu cũng không hay ngồi cà phê lắm. Cháu thích về nhà chú xem tí vi hơn.

Anh cười thành tiếng:

- Cô Mai đúng là đặc biệt. Tuổi cô người ta ngồi cà phê suốt ngày.

Anh bảo tài xế chạy xe Attila của tôi, còn anh tự lái xe đưa tôi về. Bước vào căn biệt thự xinh đẹp lần thứ hai, tôi không kìm được sự thích thú:

HUYỀN ÁI TÔNG

- Nhà chú quá tuyệt vời. Chú đúng là người có tâm hồn nghệ sĩ.

- Sao cô Mai lại hào phóng lời khen với tôi thế? - Anh cười rất vui.

- Vì chú rất có óc thẩm mỹ, không giống mấy ông nhà giàu mới nổi học làm sang...

Nói chưa hết câu, tôi vội bung miệng lại:

- Chết, cháu nói bậy rồi.

Anh lại cười. Hình như điều gì tôi nói cũng khiến anh cười được:

- Cô bảo nhà giàu mới nổi là sao? Cứ nói thật tôi nghe đi.

Thế là tôi tuôn ra bằng hết những gì đã được nghe được biết về các ông xuất thân quê kệch, chức to, tiền nhiều mà hiểu biết ít, vợ con nhà cửa xe cộ đều cố khoe mẽ trông như đồ hàng mã, trong khi nhà anh mọi thứ rất thanh tao lịch sự, từ đồ dùng cho tới cây cảnh, từ trong nhà ra tới sân vườn... Tôi càng nói càng hăng, càng bốc, càng khiến anh cười ngặt. Cuối cùng anh cũng kiềm được cơn cười lại để khen:

- Cô Mai còn trẻ mà cũng thâm thúy lắm.

- Như vậy là chú bảo cháu già trước tuổi phải không...

Anh lặng thinh không trả lời, nhưng lại tiếp tục bằng một câu hỏi khác:

- Gia đình cô Mai đông anh em không?

- Cháu chỉ có một em gái thôi. Em cháu cũng đã đi làm.

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Thế ba má cô còn khỏe chứ?

- Dạ, ba má cháu vẫn làm vườn...

Tôi vẽ ra câu chuyện về một gia đình thanh bạch với cha mẹ là người lao động nghèo đã cố gắng lo cho con cái học hành. Tôi lạ gì chuyện người tốt việc tốt vẫn in đầy trên các báo.

Tôi đã sớm biết mình xinh đẹp từ năm lên bốn. Ai gặp tôi cũng vuốt tóc, bẹo má, và trầm trồ:

- Con bé xinh quá.

Lớn hơn một tí, tôi nghe các chú chạy bàn trong quán phở bảo nhau:

- Đứa nào muốn hôn nó thì hôn bây giờ đi, kéo lớn lên nó không cho đụng vào đâu.

Các chú tha hồ bông bé và hôn hít tôi. Và trong khi mẹ bận rộn với công việc rửa tô trong bếp, tôi ngồi chóc góc trên chiếc ghế đầu cạnh nồi phở. Các chú bung phở đi qua đi lại, chốc chốc lại hỏi:

- Bé Mai thích ăn phở gì? Tái gân hay tái nạm?

Tôi nói đại một tên vì tôi nào biết tái gân nạm là gì. Nhưng dù tôi có trả lời thế nào thì cái tôi nhận được vẫn chỉ là một cọng giá hoặc cọng hành. Có chú còn đưa cho tôi lát ớt để được cười rữ ra thấy tôi háms hứ vùng vàng quăng đi. Thình thoảng lăm, tôi mới nhận được một rẻo bò viên nhỏ đến nỗi dù rất muốn nhai nó thật lâu trong mồm, tôi đã chẳng thể nào làm được, bởi nó gần như trôi tuột xuống cổ ngay tức thì.

HUYỀN ÁI TÔNG

Tôi quen với chuyện bị đánh lừa tới mức chẳng bao giờ thắc mắc trước việc nói và làm không giống nhau của người lớn. Tôi thấy chuyện đó rất bình thường, gần như tất nhiên.

Trong thế giới trẻ con của mình, tôi lại chơi trò chơi của người lớn. Năm lớp sáu, trong giờ ra chơi, tôi hỏi cậu bạn ngồi cùng bàn:

- Bạn muốn cầm tay mình hay muốn mình cầm tay bạn?

Cậu bạn mắt to da trắng môi đỏ này trông đúng là một công tử con nhà. Tôi biết cậu ta thích tôi, vì thế cậu ta trả lời:

- Mình thích cầm tay bạn.

Vậy là tôi đưa tay ra và thay vì để yên cho cậu ta cầm, tôi phát vào tay cậu ta rồi đau. Sau đó, tôi lại hỏi và khi cậu ta trả lời ngược lại, thay vì cầm tay cậu ta, tôi lại nắm lên đó.

Đừng bao giờ chấp nhận những đề nghị người khác đưa ra mà cứ chủ động quyết định theo ý mình. Đó là kết luận của tôi.

Sáng này anh thức dậy mà không yêu tôi, cũng không cả âu yếm. Anh gối đầu lên cánh tay tôi và mở mắt trừng trừng nhìn lên trần nhà, vẻ bản thân.

- Cặp yến phụng mới mua để được hai trứng rồi anh.

- Chắc bọn nó có nghe ngóng được gì đó.

- Máy chậu lan hài cũng nở hoa rồi.

- Nếu không, sao bọn nó không giới thiệu đầy đủ chức vụ của

VĂN HỌC MIỀN NAM

anh. Có lẽ bọn họ định thay đổi gì đó nên bọn này nghe hơi nõi chỗ...

- Sáng này em sẽ đi mua thêm pyjama cho hai bố con và mua ba lô mới cho Quan Sang đi học.

Em đã hứa với con rồi.

- Đằng sau chuyện này là gì, anh chịu không đoán được.

Vợ chồng tôi vẫn trò chuyện với nhau kiểu thế này, đã mấy năm nay. Chỉ khi nào biết chắc anh đã ngủ say, tôi mới lựa những lời cần nói nhất rót vào tai anh, thay vì nói lúc anh đang thức. Tôi luôn hy vọng những điều mình nói sẽ xuyên qua giấc ngủ, lọt vào đầu anh. Bởi vì lúc anh thức, không cách gì chúng tôi trò chuyện cùng nhau. Chẳng bao giờ anh chịu nghe tôi nói quá hai câu. Anh luôn cho rằng mình biết đích xác phải làm gì, vì anh hiểu rõ cuộc sống này hơn tôi, và luôn coi ý kiến tôi chỉ như lời con trẻ. Ban đầu tôi rất giận dỗi vì điều ấy, nhưng về sau tôi hiểu là có hờn giận thì cũng chỉ mất thì giờ. Và từ đó, mỗi người trong chúng tôi cứ việc nói mà chẳng cần quan tâm đến phản ứng của người kia. Chỉ cần nói điều muốn nói, như một cách thông báo.

- Em nghĩ sao? Có chuyện gì không?

Anh lay vai tôi để buộc tôi phải tham gia vào chuyện. Anh đã thực sự căng thẳng, thắc thỏm mãi bởi trong cuộc họp quan trọng ngày hôm trước, người ta chỉ giới thiệu anh với duy nhất một chức danh.

- Em nghĩ, chắc người ta quên, hoặc người ta lược bớt chức vụ cho đỡ dài dòng.

- Nhưng những người khác vẫn được giới thiệu đầy đủ... Không thể lơ mơ như em được. Bọn này anh quá rành mà -

HUỶNH ÁI TÔNG

Giọng anh đầy bức xúc. Rồi anh hỏi tôi - Thế sáng nay em thích ăn gì, bíptết hỏa diệm sơn hay phôma Pháp?

- Em ăn phở.

- Phở Pasteur hay Phở 24?

- Phở Nguyễn Du.

- Thì Nguyễn Du.

Anh nói vuốt đuôi rồi ngồi lên, đi vào phòng tắm.

Tôi nhìn theo anh, tự hỏi tại sao chồng tôi cứ mãi vật vã khổ sở vì một điều chẳng có nghĩa lý gì như thế?

Sáu tháng sau ngày cưới, tôi sinh một đứa con trai hai ký chín. Da nó phẳng phiu, mặt nó mũm mĩm, tay chân nó tròn trịa dễ thương, và anh không ngớt xuýt xoa:

- Hai tai nó giống y tai anh, cả hai bàn tay nữa, em thấy không...

- Không giống anh thì còn giống ai - Tôi hòa theo, nhưng không thể không tự hỏi liệu anh có ẩn ý gì không.

Cô bạn từng cặp kè cùng tôi ở bất cứ cuộc vui nào trước đây, khi đến thăm tôi đã kêu toáng lên:

- Ê, con so sinh non mà sao bụ vậy? Bộ ông tổng giám đốc nhà mày thuộc giống ngắn ngày hả?

Tôi thui nó một cái:

- Đồ quý, mày tính đốt nhà tao hả?

- Nhà tranh dễ đốt chớ biệt thự khó đốt lắm. Mà này, bộ lão không có ý kiến ý cò gì sao?

- Thấy ông vui lắm, còn trong bụng ông ra sao có trời mới biết.

- Mày đừng coi thường. Mấy lão già thâm căn cố đế lắm - Nó dẫn dò tôi.

Quả thật tôi chẳng đoán được đằng sau vẻ phẩn chấn thái quá của anh có còn gì nữa không. Khách nào đến thăm, anh cũng khoe “tai và tay chân chú nhóc giống hệt tôi”. Lúc nào anh cũng lảng xãng cười nói đúng như một ông bố già sinh được quý tử.

Con trai của anh với người vợ trước đang du học ở Mỹ. Đã hơn hai mươi năm, nhà anh mới lại có tiếng khóc trẻ con.

Ngày này sang ngày khác, tôi dần yên tâm thấy anh yêu quý thằng bé rất thật lòng. Từ chuyện đặt tên đến việc chăm sóc, bú mớm của nó, anh luôn chọn những gì tốt nhất.

Khi tôi thắc mắc sao lại đặt tên con là Quan Sang, anh cả cười, mắng yêu tôi:

- Bà mẹ trẻ này ít hiểu biết quá. Không phải Quan Sang muôn dặm đâu.

Tôi ngu gì đày con tôi ra biên ải. Tên con tôi là Quan, nghĩa là làm quan, và phải là Quan Sang. Quan mà không Sang thì chỉ là thứ nhà giàu mới nổi học làm sang, đúng không mẹ nó?

Anh cười khanh khách, có vẻ rất khoái trá.

HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi không cười. Trong tôi bỗng nhói nhói một cảm giác thật lạ. Người cha này quá tốt. Nhưng vẫn có gì đó trong anh tôi không sao hiểu được.

Khi tôi báo tin có thai, anh có vẻ khựng người, chỉ một giây. Nhưng anh lập tức bộc lộ niềm vui cuồng nhiệt bằng vòng tay ghi siết lấy tôi:

- Em có chắc không?

- Chắc mà. Em đã thử que rồi.

- Vậy thì cưới ngay.

Anh bế bổng tôi lên, quay tròn mấy vòng. Và khi anh dừng lại, tôi thấy mắt anh ngân ngấn nước. Trong tôi gợn lên một xúc cảm rất lạ lùng. Tôi không phân biệt được đó là sự áy náy, lòng biết ơn, hay cái gì như là mê mông của tình yêu...

Bởi tôi biết rõ đứa con ấy không phải của anh. Trong thời gian lui tới nhà anh, tôi vẫn không dứt bỏ hẳn nếp sống cũ của mình. Tôi không quen thiếu đàn ông và những trò vui buổi tối. Những công tử quen tên nhẵn mặt trong giới ăn chơi của tôi, ai cũng đẹp mã, sang cả như vua, cũng xài và thả đàn bà cùng với cung cách hoang phí tàn bạo như thế. Tôi biết rõ sắc đẹp của mình chỉ đủ để các chàng đưa tôi vào bộ sưu tập và bỏ tiền cung phụng tôi ăn xài, chứ chẳng bao giờ có thể hy vọng điều gì hơn. Xuất thân của tôi quá thấp so với gia thế của họ, và tôi cũng đã quá thâm niên trong thế giới phù phiếm này. Hai mươi sáu tuổi với mười năm lã lóc, tôi thấy mình đã chán chê như một người già.

Đám cưới linh đình của tôi với anh hầu như chỉ có hai loại khách: khách của anh gồm toàn những ông to bà lớn, và họ chẳng thèm che giấu sự tò mò lộ liễu khi ngắm nghía cô vợ quá

VĂN HỌC MIỀN NAM

trẻ đẹp của anh. Còn khách của tôi toàn dân chơi trẻ trung, sành điệu. Các bạn gái tôi thướt tha kiều diễm không kém các hoa khôi, người mẫu, thỉnh thoảng lại đến thì thảo vào tóc tôi: “Ê, kiếm đâu ra ông chồng quá đã vậy?” Các chàng tình hồ lâu năm của tôi cũng không kiếm được chút đành hanh: “Em thật đúng là cao thủ!”

Bởi vì, anh chính là loại người cùng một đẳng cấp với cha mẹ họ. Chính từ các vương tôn công tử này mà tôi đã nghe đã biết đến anh và từ đó đã lên kế hoạch để chinh phục anh.

Phải, gia đình tôi nghèo, mẹ tôi đi rửa bát thuê, nhưng tôi xinh đẹp, thông minh, và tôi luôn biết rõ mình muốn gì.

Tôi làm rất tốt vai trò bông hoa trang trí bên anh ở bất cứ đâu. Trong những buổi cúng giỗ linh đình của gia tộc nhà anh. Trong những dịp long trọng mà madam tổng giám đốc trẻ luôn được sự chiêu cố nhiều nhất của quan khách. Trong tổng công ty của anh, nơi các cô gái trẻ đẹp chỉ có thể chiêm ngưỡng tôi từ một khoảng cách không thể vượt qua...

Trong thế giới hưởng thụ không giới hạn của chúng tôi dạo trước, anh đã được mang ra cười nhạo như là một đại gia cù lần khốn khổ chẳng giống ai, chẳng bao giờ dám bén mảng đến các thế giới vi vu đầy hoan lạc cho dù đã góa vợ mười năm. Còn trong thế giới quan chức của anh bây giờ, không còn chuyện gì thích thú để xâm xì dòm dò hơn việc cô gái trẻ đẹp tung tăng là tôi đã lấy một Cây-đại-nhân nhiều tuổi hơn cả bố mình làm chồng.

Với tôi, tất cả chẳng là gì hết. Ai muốn nói gì là việc của họ, tôi không quan tâm. Điều tôi muốn tôi đã làm được: lấy được chồng, lại là ông chồng sang trọng giàu có, sau khi đã vung vãi cả mười năm thanh xuân nhất vào các trò vui không giới hạn.

HUYỀN ÁI TÔNG

Đó là cách hay nhất tôi trả lời với lũ đàn ông quen biết vẫn thân nhiên giẫy tôi ra sau khi đã tha hồ tận hưởng, là cách mà tôi bước đi trong cuộc đời này, theo kiểu của mình.

- Đuổi những chuyện nhảm nhí ra khỏi đầu đi, ông già nhiều chuyện. Vợ thì yêu mình thế. Con thì hay ăn chóng lớn thế... Người ta nói nghe ai mặc kệ, miễn sao trâu mình mà...

Tôi chưa nói hết câu, đã thấy anh nằm xoay người lại, mở mắt nhìn tôi. Người tôi đơ cả ra. Vậy là tối nay anh không dùng Seduxen? Hay anh có dùng mà không hiệu quả?

- Nằm xuống đây với anh.

Tôi lập cập nằm xuống trong trạng thái dở tỉnh dở mê. Anh có nghe được câu cuối cùng tôi nói?

- Em biết không, sau cái cách ruộng đất, cả dòng họ nhà anh trắng tay, sát đất. Anh phải tìm cách thoát. Trong quân đội, cứ việc gì khó nhất, nguy hiểm nhất thì anh xung phong. Bao nhiêu năm trầy trật, rớt cuộc rồi anh cũng được vào đại học, được đi nghiên cứu sinh nước ngoài, và có một vị trí... Nhưng anh luôn sợ rồi lại có thể bị mất, mất hết...

Tôi chẳng biết phải nói gì, chỉ cố ôm anh thật chặt.

- Cám ơn em đã sinh con cho anh. Con anh sẽ phải có một cuộc đời khác bố...

Cùng với câu nói, nước mắt anh rơi xuống má tôi, nóng hổi. Và nước mắt tôi cũng rơi.

- Em xin lỗi anh...

- Sao lại xin lỗi...

VĂN HỌC MIỀN NAM

- Em đã dối anh. Quan Sang không phải con anh - Không hiểu sao tôi có thể nói ra một cách dễ dàng đến thế. Có lẽ việc được anh san sẻ nỗi đau lớn đã khiến tôi muốn làm điều gì đó thật tốt đẹp với anh.

- Em không phải xin lỗi. Anh đã biết trước mà...

Anh kéo tôi vào lòng, ôm tôi bằng cả hai tay. Nằm vắt trên ngực anh, nghe rõ tiếng tim anh đập dồn dập, tôi không thể phân định được tâm trạng mình. Giọng anh vẫn rất dịu nhẹ:

- Anh đã có hai con trai, anh còn muốn gì hơn...

- Không người nào tốt với em như anh... Em sẽ... em sẽ đẻ thêm con, anh nhé...

Tôi nói thành lời những ý nghĩ vừa hiện ra trong đầu. Tôi sẽ bù đắp cho anh bằng mọi cách...

- Em biết không, ngay cả Quan Vinh cũng đâu phải con anh...

- Giọng anh nghe cứ nhỏ dần đi.

- Anh nói sao?

Tôi ngòai phất lên, nhìn anh không chớp.

- Chị ấy ngoại tình hả anh?

Anh chỉ lẳng lặng kéo tôi nằm xuống lại. Không hề có một lời nào. Sờ tay lên mặt anh, tôi chỉ thấy đầm đìa nước mắt.

Rất lâu, như cả một thế kỷ. Rồi anh lại nói, như thể với chính mình:

- Đời người qua nhanh quá. Thoáng một cái năm mươi năm... Vậy mà sao nỗi sợ vẫn nguyên đó...

HUỖNH Ỉ TÔNG

Tôi ôm anh chặt hơn, như đang chở che cho một em bé cần nương tựa.

- Đừng sợ nữa, có em đây mà.

- Anh luôn cảm thấy mình nhỏ bé, yếu hèn, thua cuộc...

Tôi hôn lên đôi mắt ướt đầm, đôi môi đang nói những lời như mê sảng, hôn lên gương mặt nát nhàu đau khổ của anh:

- Chôn mọi thứ tệ hại ấy đi. Đừng để nó ám anh suốt đời như thế.

Lại một thế kỷ nữa trôi qua. Rồi có tiếng con trai tôi vừa chạy vào phòng vừa gọi.

- Mẹ ơi... Bố ơi...

- Vào đây, con trai...

Anh ngồi dậy, chạy đến bế Quan Sang lên, hôn trơ trát khắp người thằng bé. Nhìn thấy cảnh ấy, tôi tự dưng nhắc lại câu đã nói:

- Em sẽ đẻ thêm con, anh nhé...

Anh ôm quàng cả tôi vào trong tay.

- Đừng bán khoán nữa em... Anh không thể có con được đâu. Anh bị di chứng quai bị mà...

Điều anh tiết lộ khiến tôi sững người ra, chột hiểu hết mọi lẽ, và trong tôi bỗng dâng trào cơn giận.

- Vậy là anh đã lừa em... - Tôi vừa giật áo anh vừa kêu.

- Anh không lừa em. Anh thích sự mạnh mẽ của em. Em có một sức mạnh mà anh không có. Không ai có thể ngăn được em...

Trời ơi, bấy lâu nay tôi vẫn yên trí mình là kẻ quyết định mọi chuyện. Thì ra, tôi vẫn chỉ là một con bé ngơ ngáo, thô thiển đầu óc.

Tiếng anh lại rơi vào tai tôi như từ một nơi xa lắm:

- Ai cũng nghĩ anh đã có trong tay tất cả. Ngay cả em cũng thế. Chỉ mình anh biết rõ là không phải...

Buổi tối này quả thật tôi không hề chờ đợi. Cuộc sống này vượt ra ngoài hình dung của một kẻ luôn xem mình là trung tâm vũ trụ như tôi.

Tôi xuôi tay đứng yên, im lặng.

Liệu tôi còn biết nói gì...

-*-

Trên Web Văn Hóa Nghệ An năm 2011, Nguyễn Thị Thanh Xuân viết về Vô Ưu Ngô Thị Kim Cúc như sau:

... Bốn mươi một năm cầm bút, trang viết của chị luôn hướng về phía trước. Những thay đổi là có thực, trong cách nhìn đời và cách viết. Nhưng có một điều bất biến nơi thế giới văn chương Ngô Thị Kim Cúc: Dù luôn muốn nhìn sự vật và con người đến tận cùng bản thể, nhà văn chưa bao giờ chịu tự buông mình và du độc giả của mình vào những góc tối bi quan, rã rời, vốn là tâm thế thường thấy của con người thời hiện đại. Gam màu nghệ thuật chính của Ngô Thị Kim Cúc là ấm hơn là

HUỶNH ÁI TÔNG

lạnh. Dù thiên về cảm xúc buồn, cho đến bây giờ chị vẫn là người viết lạc quan.

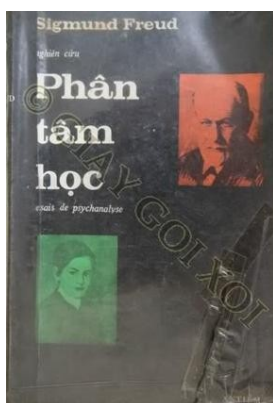
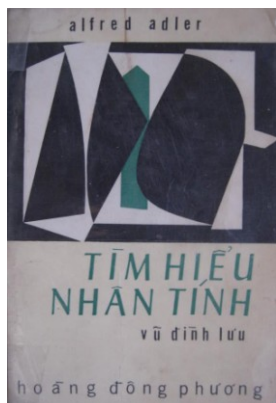
Hình như đã sang mùa, những ngày này. Ngô Thị Kim Cúc vẫn là người giữa giòng, nhưng công việc làm báo buộc chị xuất hiện như là người kịp thời ghi nhận sự kiện văn chương: những bài giới thiệu tác phẩm tác giả mới nói rằng chị còn là người chịu đọc và vui mừng cùng đồng nghiệp.

Hy vọng rằng những bông hoa Vô Ưu ủ kín trong lớp tuyết mùa đông sẽ bùng dậy một sớm mai nào, khi mùa xuân trở lại...

Tài liệu tham khảo:

- Ngô Thị Kim Cúc Web: truyenso.com
- Ngô Thị Kim Cúc Web: vanhoanghean.vn

60) Vũ Đình Lưu



Vũ Đình Lưu (1914-1980)

Vũ Đình Lưu sinh ngày 25 tháng 12 năm 1914 tại Hưng Yên, ông có bút hiệu Cô Liêu. Di cư vào Nam năm 1954. Ông sống

VĂN HỌC MIỀN NAM

đòi công chức, chuyên dịch sách tâm lý học và tiểu thuyết hiện đại tây phương.

Bị thẩm sát tại Vũng Tàu sau năm 1980, thọ 66 tuổi.

Tác phẩm

Biên khảo.-

- *Thảm Kịch Văn Hóa* (1966)
- *Hành trình vào phân tâm học* (Hoàng Đông Phương, 1968)
- *Phân tâm học áp dụng vào việc nghiên cứu cách ngành học vấn* (Tổ hợp GIỎ, 1969)
- *Sinh Khí Và Nhịp Điệu* (1969)...

Dịch thuật.-

- *Cái chết của Ivan Ilitch* (Lev Tolstoi - Thời Mới, 1963)
- *Lưu đày và quê nhà* (Albert Camus, dịch với Trần Phong Giao, Giao Điểm, 1965)
- *Người đàn bà ngoại tình* (Albert Camus, Giao điểm)
- *Thăm dò tiềm thức* (Essai d'exploration de l'inconscient C.G. Jung, Hoàng Đông Phương, 1967)
- *Đôi bạn chân tình* (Hermann Hesse (Narziss und Goldmund, Ca dao, 1967)
- *Nghệ thuật hiện đại* (Joseph Emile Muller, Thời Mới, 1967)
- *Tuổi trẻ và cô đơn* (Hermann Hesse, Ca Dao, 1968)
- *Nghiên Cứu Phân Tâm Học* (Sigmund Freud, An Tiêm, 1969)
- *Cuộc phiêu lưu tư tưởng văn học Châu Âu thế kỷ XX* (R.M. Albérès, Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hoá, 1971)
- *Anh Em nhà Karamazov* (Dostoievski, Nguồn Sáng, 1972)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Chopin hay nhà thơ của âm nhạc* (Guy De Pourtalès, Ca Dao, 1972)
- *Hồi Ký De Gaulle* (Cửu Long, 1974)
- *Một Cái Chết Rất Dịu Dàng* (Simone de Beauvoir, VHSG, 2009)

Trích văn:

Cuộc đời của S. Freud – Một tấm gương tranh đấu cho sự thật

SIGMUND FREUD là người nước Áo. Ông sinh tại Fribourg năm 1856. Mẹ ông mới hai mươi tuổi khi thành hôn với cha ông đã 41 tuổi. Gia đình ông là người Do Thái. Thời ấy ở nước Áo người ta còn có những ý tưởng kỳ thị chủng tộc rất mạnh. Đời sống tâm tình ông đã mang vết tích sâu xa của sự bất công xã hội. Có lẽ sự kỳ thị chủng tộc là yếu tố khởi xướng cho ông những tư tưởng bác ái, công bình, xã hội. Ông là đứa con yêu trong gia đình. Ông được bà mẹ yêu quý mừng niu. Ông là người tư chất thông minh. Có lẽ nhờ hoàn cảnh đặc biệt ấy ông cảm thấy rõ ý nghĩa sâu xa những mối liên hệ tâm lý giữa người với người. Sau khi đã thấu thái những kiến thức chắc chắn về sinh lý học, não cân học, ông sang du học Ba Lê và nghiên cứu các bệnh thần kinh. Ông là người đầu tiên nghĩ rằng bệnh thần kinh có nguyên do tâm lý và để ý đến khía cạnh dục tình của vấn đề.

Khi trở về Vienne, ông lấy vợ người ở Hambourg và trở nên Tuyệt đối thể sĩ chuyên khoa về các bệnh thần kinh. Ông áp dụng khoa thôi miên vào y học và nghiên cứu khoa này cẩn thận. Năm 1895 ông gặp bác sĩ Breuer rồi trở nên cộng sự viên của bác sĩ này.

Bác sĩ Breuer thôi miên người bệnh và làm cho họ sống lại những quãng đời họ đã quên, sự nhớ lại đó làm xảy ra những kích động giải tỏa áp lực tâm tình. Hiện tượng ấy gọi là

VĂN HỌC MIỀN NAM

Abreagierung. Freud nảy ra ý muốn dùng làm phương pháp trị liệu có thể chữa cho người bệnh không cần đưa họ vào trạng thái thôi miên.

Kinh nghiệm chữa bệnh còn cho ông biết rằng những thác loạn dục giới là những yếu tố quan trọng trong các bệnh thần kinh. Nhân đây ông tìm ra những nguyên tắc của một hiện tượng tâm lý mà ông gọi là dồn nén (Verdrängung). Dồn nén là sự kiện chính yếu để giải thích những triệu chứng bệnh thần kinh.

Phương pháp của Breuer chỉ dùng trong trường hợp chữa bệnh bằng thôi miên nay được phổ biến rộng ra để áp dụng cho đủ mọi trường hợp bệnh nhân suy nhược thần kinh. Freud gọi là Phân tâm học.

Phương pháp Phân tâm học của Freud còn có cái hay là không phạm đến phẩm cách con người vì không bắt người ta cung khai trong lúc ngủ thiếp, không hay biết gì cả. Người bệnh được đặt vào tình trạng đặc biệt, vẫn thức, vẫn đầy đủ lý trí, tinh thần thoải mái, họ kể lại quá khứ và nhớ lại nhiều đoạn mình quên đi. Ông thầy theo dõi câu chuyện và căn cứ vào đây để tìm ý nghĩa ẩn náu sau câu nói. Sau Freud còn yêu cầu người bệnh kể lại giấc mơ để tìm thấy ý nghĩa ẩn náu của giấc mơ. Ông đã dùng phương pháp giải mộng để bổ túc cho phương pháp hội ý vậy.

Kết quả của phương pháp trị liệu xác nhận lý thuyết của ông: các bệnh thần kinh có nguyên nhân thác loạn dục tình, tâm quan trọng của dục giới ở lứa trẻ. Trước ông người ta không có ý niệm về những yếu tố ấy.

Năm 1902 ông đã quy tụ được nhiều môn đệ và thành lập một nhóm Phân tâm học gia gồm những người danh tiếng như: Adler, Kahame Rank, Reitler, Sachs, Stekel, Federn Ferenczi, Tausk.

Những sách khảo cứu quan trọng của ông đều xuất bản vào thời kỳ ông gần 40 tuổi.

Năm 1908 ông triệu tập những bác sĩ đã áp dụng phương pháp Phân tâm học ở Zürich và Vienne họp tại Salzburg, trong số ấy có Jung sau này chống đối thuyết của Freud. Ông còn có nhiều môn đệ ở ngoại quốc. Một tờ báo nghiên cứu Phân tâm học quốc tế ra đời.

Năm 1910 một hội nghị thứ hai nhóm họp ở Nuremberg, năm sau 1911 hội nghị thứ ba nhóm tại Weimar. Hội nghị quốc tế Phân tâm học được thành lập ở Nuremberg.

Ta nhận thấy chỉ trong mấy năm học thuyết của ông bành trướng mạnh mẽ như vậy.

Trong thời kỳ này đã xảy ra việc chống đối của hai môn đệ là Adler và Jung, Freud không công nhận họ là môn đệ của ông nữa. Adler gọi học thuyết của mình là «Cá nhân tâm lý học» (Individualpsychologie), còn Jung gọi là «Tâm lý phân tích».

Trước và trong cuộc Thế chiến thứ nhất là thời kỳ những phát triển của Freud có giá trị nhất và dồi dào nhất. Những quan niệm sơ khởi của ông về Phân tâm học được hoàn thiện để đem phổ diễn bằng những hình thức chuẩn xác. Ông tỏ ra người vừa có sáng kiến vừa cố gắng phi thường. Chính trong thời kỳ từ 1913 đến 1920 ông sáng tác những tác phẩm giá trị của ông, biểu lộ cách nhận xét sâu sắc của ông và ý muốn đem những nguyên tắc Phân tâm học áp dụng một cách rộng rãi vào nhiều lãnh vực khác. Ông xao lãng phương diện kỹ thuật phân tâm để nghiên cứu sâu rộng những khám phá về tâm lý bệnh học. Công việc khảo cứu của ông rất rộng rãi. Ông dùng Phân tâm học để phóng nhìn đại thể các lãnh vực chiến tranh, siêu hình, tôn giáo, xã hội, nhân chủng, tự nhiên học. Cái nhìn

VĂN HỌC MIỀN NAM

của ông là cái nhìn của người tìm hiểu con người và vạn vật chứ không phải cái nhìn của nhà triết học.

Từ sau cuộc Thế chiến thứ hai, học thuyết của ông được phổ biến khắp toàn cầu. Biết bao nhiêu nhà chuyên môn và không chuyên môn đem áp dụng những nguyên tắc của Freud vào đủ các ngành kiến thức: triết học, nghệ thuật, văn chương, tâm lý đại quát, xã hội học, v.v. Nhiều khi những nguyên tắc ấy đem áp dụng không đúng trường hợp, người ta ưa chuộng chỉ vì nó hợp thời. Như vậy đủ hiểu ảnh hưởng của Freud sâu rộng thế nào! Nếu Freud còn sống ắt ông phải kinh ngạc tự hỏi vì sao người ta có thể làm què quặt nguyên tắc Phân tâm học của ông đến thế!

Freud tạ thế năm 1939 ở Luân Đôn. Ông nhờ sự can thiệp của Tổng thống Roosewelt nên được đóng tiền thế chân rời khỏi nước Áo sang cư ngụ bên Anh trong hời Đức quốc xã xâm lăng nước Áo. Suốt đời ông ôm một mối hận sâu xa, ông bị mọi người khinh ghét vì cho rằng ông đã phạm đến niềm tin, tập quán khả tôn khả kính của họ, tuy niềm tin ấy không đặt trên một nền tảng nào đáng tin cậy. Nhưng tiếng tăm ông vang dội khắp hoàn cầu nên sự ác cảm ấy cũng bớt đi được phần nào. Sự nghiệp của ông không khỏi mang vết tích của mối hận sâu xa, ông có một quan niệm bi quan về nhân loại.

Ông để lại một sự nghiệp huy hoàng. Những phát kiến của ông là những phát kiến siêu việt mới mẻ nhất, làm đảo lộn không những y học, tâm lý học, mà còn làm cho nhiều ngành học thuật phải xét lại những nguyên tắc nền tảng. Qua tiêu sử ông, qua sự nghiệp ông, người ta nhận thấy ông là một người rất sáng suốt, can đảm và thành thật đến thành người có chấp. Ông chống đối lại mọi thành kiến, mọi áp bức, ông tố cáo tất cả những hình thức tư tưởng làm cho đời sống hiện ra một vẻ huyền hoặc. Công cuộc nghiên cứu của ông là một công trình tìm hiểu con người một cách cụ thể. Sự thật khoa học đối với ông là một cái gì thiêng liêng, khiến ông tôn thờ và say mê hơn

HUYỀN ÁI TÔNG

hết. Ông là tấm gương chói lọi tranh đấu cho sự thật, tranh đấu với sự tin tưởng vào việc làm của mình không gì lay chuyển được, với ý khinh bỉ những người chống đối ông không vì không hiểu hay vì óc hẹp hòi chỉ biết có phe đảng mình. Con người tranh đấu thâm lặng ấy còn là người giản dị, không màng danh vọng, suốt đời chỉ có một thèm khát là tìm tòi khoa học, chỉ có một ước vọng là hiểu biết.

Freud đã vén lên một bức màn bí mật quan trọng của khoa học. Dưới đáy lương tâm người ta còn có một lớp sâu đầy bí ẩn. Cái vực sâu của tâm thần chứa đựng lẫn lộn những bản năng thú tính về những tiềm năng cao cả của con người. Ông mở ra cho khoa học một chân trời mới để tìm hiểu không những con người mà cả loài vật.

(Nguồn: Phân tâm học áp dụng vào việc nghiên cứu các ngành học vấn)

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Đình Lưu Web: tvvn.org
- Vũ Đình Lưu Web: talawas.org

61) Vũ Ký



Vũ Ký (1920-2008)

VĂN HỌC MIỀN NAM

Vũ Ký sinh năm 1920 tại Dương Bàn, Tam Kỳ, Quảng Nam. Lúc thiếu thời Vũ Ký đã theo học tại các trường Tam Kỳ, College de Qui Nhơn, Lycée Khải Định ở Huế và Đại Học Hà Nội (Université Indochinoise Hà Nội, 1942). Vũ Ký xuất thân từ một gia đình Nho Phong và cùng với người em út, Hoạ Sĩ Vũ Hối đã tham gia vào tổ chức cách mạng thời bấy giờ.

- Dạy học ở Lycéum Pasteur Hà Nội năm 1943.

- Năm 1946, GS Vũ Ký tham gia Đảng Cách Mạng Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDDĐ) cùng thế hệ với các cụ Phan Khôi, Phan Khoang. Từng là cố vấn Mặt Trận Bài Cộng Liên Khu V (1948) nên bị Việt Minh sau khi bắt giữ đã kết án 20 năm tù khổ sai và ở tù tại trại giam Liên Khu V Tiên Lập, mãi đến khi Hiệp định Genève kí kết xong vào năm 1954 mới được trả tự do.

Sau đó dạy tại trường Quốc Học Huế,

Ông tham gia chống độc tài (vụ Liên Khu Chiến Việt Quốc) nên Vũ Ký bị chính quyền đương thời bắt bỏ tù từ 1955-1958.

Sau đó dạy ở Pétrus Ký Sài Gòn và nhiều trường khác...

Năm 1960, sau khi Nguyễn Chánh Thi đảo chánh thất bại, ông bị bắt giam tại trại Võ Tánh Sài Gòn vì vụ Caravelle.

Trước 1975, Vũ Ký là biên tập viên Đài phát Thanh Sài Gòn và phụ trách mục Diễn Đàn Thi Văn, ngoài ra ông còn viết văn, viết báo và viết sách, gồm nhiều thể loại như sáng tác, biên khảo, dịch thuật và đã cho xuất bản gần ba mươi tác phẩm giá trị.

Vũ Ký còn là Hội Viên Hội Nhà Văn Việt Nam và Hội Viên Hội Điện Chế Tự Điển Việt Nam.

HUYỀN ÁI TÔNG

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, ông bị Việt Cộng bắt giam tại Sài Gòn và ở tù tại trại Cải tạo Tiên Lãnh ở Quảng Nam (từ 1976-1980). Nhờ sự can thiệp của chính phủ Bỉ và Hoàng Hậu Fabiola nên tù trong nhà tù Việt Cộng, Vũ Ký được trả tự do, xuất ngoại và định cư tại Bruxelles, Bỉ từ năm 1980.

Sau khi định cư tại Bỉ, Vũ Ký đã tích cực tham gia trên lãnh vực phát huy và duy trì nền văn hoá Việt Nam tại hải ngoại. Ngoài việc cho tái bản lại một số sách đã in trước 1975, ông còn ấn hành thêm một số sách mới, có cả ngoại ngữ. Đặc biệt, một số sách của Vũ Ký đã được dùng để giảng dạy tại nhiều viện Đại Học ở Pháp, Anh hay Hoa Kỳ Thêm vào đó, Vũ Ký còn viết văn, viết các bài tham khảo và phê bình văn học cho nhiều tờ báo được ấn hành tại Âu, Úc và Mỹ Châu.

Ngoài ra, GS Vũ Ký còn cộng tác với nhiều tờ báo ngoại quốc như nhật báo Pháp Ngữ Le Soir ở Bruxelles, đã từng thuyết trình các vấn đề văn hoá ở Bỉ và Âu Châu.

Vũ Ký được mời làm Giám Khảo Viện Tú Tài Quốc Tế tại Genève (Thụy Sĩ) và Luân Đôn (Viện Đại Học Southamotom, Đại Học Bath ở Anh Quốc).

Ông là hội viên thực thụ của Hội Sabam (Bruxelles, Bỉ)

Hội viên Hội Nghiên Cứu Đông Nam Á thuộc viện Đại Học Yale (Mỹ)

Đặc biệt, Vũ Ký đã được đề cử làm ứng cử viên tranh giải Văn Chương Nobel quốc Tế năm 2003.

Tác phẩm:

- *Văn Hoá Việt Nam*
- *Luận Cương về Văn Hóa Việt Nam*

VĂN HỌC MIỀN NAM

- *Nghệ Thuật Viết Văn và Đọc Văn*
- *Về Nguồn* (TTVH/PGVN/Đức, 2002)

Trích văn:

Quốc Nam, nhà văn hóa Việt Nam nổi bật trong thời đại tha hương

Thực là một niềm vui sướng bất ngờ cho chúng tôi và nhà thơ họa Vũ Hối, may mắn được gặp thi sĩ Quốc Nam vào một buổi chiều cuối Hạ năm 2002, sau một chuyến du hành khá lâu ở Huê Kỳ, từ Washington D.C. đến New York qua Oregon, rồi Washington State, đến Seattle, nơi Cao Nguyên Tinh Xanh - danh từ mỹ miều mà Nhà Văn Hóa Quốc Nam đã đặt cho vùng đất thương yêu mà anh định cư.

Kể đông dài như thế, để muốn nói các tri giác, các cảm quan, cùng vô số ấn tượng mình thu nhận được vội vàng, lộn xộn trên hành trình dài mệt mỏi chưa kịp sắp xếp, hệ thống đúc kết lại trong tâm thức, để ổn định và đánh giá hoài niệm vừa qua nơi ký ức, thì bỗng nhiên chúng tôi đang ngồi tiếp chuyện với nhà thơ Quốc Nam trong một cảnh quan đặc biệt vô cùng.

Cơ sở của anh là một ngôi nhà xinh xắn để làm trụ sở cho Đài Phát Thanh Sài-Gòn SRBS và tạp chí Đông Phương! Đó cũng là cái nôi của Cơ Sở Văn Hóa Đông Phương, để từ đó xuất hiện liên tiếp các sinh hoạt văn học nghệ thuật và cộng đồng (đặc biệt là Giải Quốc Tế Tượng Vàng Việt Nam do anh sáng lập từ năm 1987).

Rồi tôi và họa sĩ Vũ Hối cùng nhà thơ đi thăm cảnh khu vườn Văn Hóa được gọi là “Công Viên Tượng Vàng Việt Nam” với tượng đài cao 12 feet, giữa vùng cây cối mát mẻ đầy lá cây rậm rạp phát phơ trong ngọn gió chiều, bên cạnh tòa báo và Đài Phát Thanh của anh.

Tôi tìm lại được trong phút chốc sự quân bình tâm trí, sự lắng đọng của tư tưởng êm dịu trong cảm quan của mình sau bao nhiêu xáo trộn về tâm thức, để bây giờ đổ dồn về câu chuyện

HUYỀN ÁI TÔNG

đang trao đổi với nhân vật ngồi đối diện mà lần đầu mình được gặp. Thực chứng nghiệm lời nhận xét của một văn hào Tây phương về phép xã giao, xử thế nào: Cảm tưởng đầu tiên của ta theo trực giác khi đối diện với một con người nào đó, thường bao giờ cũng đúng cả, nhất là khi cảm tưởng ấy là một ấn tượng đẹp về con người ấy.

Giọng nói anh trầm ấm, hoạt bát, phong thái thanh nhã, mau mắn, nét mặt mời gọi cảm mến, tinh thoả hình như anh có cái nhìn say đắm xa xăm vào một vùng trời lý tưởng, một mục tiêu cao cả thắm kín nào anh đang đeo đuổi trong tâm trí. Quả là cử chỉ anh rất hồn nhiên của một con người năng động, vừa hướng ngoại vội vàng mà cũng vừa hướng nội sâu thẳm. Rồi tôi cũng trầm ngâm hồi tưởng. Cái vĩ đại và hiện đại vô cùng của Huê Kỳ mà tôi đã chứng kiến suốt mấy tuần qua, gây choáng ngợp và che lấp phần nào cái sơ sài của nền cổ sử địa phương của họ, làm cho thắng cảnh Khu vườn Văn Hóa của Quốc Nam trở nên mâu thuẫn thay! Lại đồ sộ trong tâm tưởng hoài quốc của người con dân nước Việt ly hương là tôi đây trên đất Mỹ. Và tôi cảm thấy pho Tượng Vàng Văn Hóa của Quốc Nam bỗng nhiên hùng vĩ lạ thường, trong niềm hãnh diện về dự phóng của dân tộc Việt sẽ bắt diệt với thời gian, và đang hy vọng trở thành hiện thực trong mãi mãi.

Rồi một thời gian sau đó, tôi cũng có trước mặt 2 tác phẩm Quê Hương Nước Mắt (thơ tập ba - in lần thứ 5 / 2003) và Người Tình Quê Hương (thơ tập bốn - in lần thứ 3 / 2004) của Quốc Nam. Qua mấy lần tái bản ở hải ngoại, các danh từ mỹ lệ nhất của văn học nghệ thuật Việt Nam, bao nhiêu nhân tài khắp nơi trên thế giới đã đổ dồn tới, để tôn vinh Tác Giả, những lời phê bình thực xứng đáng và vô cùng đúng đắn! Nào là người chiến sĩ văn hóa với hào khí ngất trời; nào là thi sĩ của quê hương Việt Nam; thơ của anh là tiếng hét căm hờn của kẻ sĩ diệt Cộng phục hưng xứ sở; nào là chính khí hào kiệt của trang thanh niên thời vong quốc; nào là cái tính bất biến “tâm thực bất vong” như người xưa thường nói (khi ăn khi ngủ không quên chí trả thù), ray rứt thẳng hoa ở thi nhân thành tâm đồng

VĂN HỌC MIỀN NAM

dạ sát, tôn thờ lý tưởng giải cứu quê hương... còn nữa và còn nữa...

Quốc Nam đã nói trong một cuộc phỏng vấn: “Thơ tôi và cuộc đời đã gắn bó với nhau gần 5 thập niên qua. Nhưng có điều, những mảnh đời trong thơ tôi không hẳn là của riêng tôi, mà phần lớn là của nhiều người sống quanh tôi. Nhờ thế, trong thế giới thi ca, tôi đã yêu người và yêu đời, kể cả những bi kịch của cuộc sống. Có lẽ nhờ tâm hồn nhạy cảm với thi ca, tôi đã sống cho tha nhân nhiều hơn tôi sống cho chính mình và gia đình, ít nữa cũng kể từ ngày 30 tháng Tư đen năm 1975 đến nay. Một số người làm thơ tự mãn với lối làm dáng ngôn ngữ, hoặc gieo vần ghép chữ sao cho lạ lẫm! Nhưng theo tôi, thơ hay là ở hồn thơ. Bởi vì thơ cốt nhất là có hồn, để có thể truyền cảm được ý thơ đến tận đáy sâu tâm hồn người yêu thơ. Ngoài ra, thơ theo tôi, phải nói lên được điều gì đó cho quê hương dân tộc, cũng như cần đóng góp vào sự phúc lợi, an nguy của đồng bào trong và ngoài nước”.

Quả đúng vậy! Toàn bộ thơ văn của Quốc Nam trong các thi tập nói trên đẹp quá, hào hùng quá, trượng phu quá, và cũng bi thiết quá. Tôi phân vân không biết nên chọn câu nào, lời nào để biểu dương và minh chứng xác đáng cho luận cứ của mình về tác phẩm và tác giả Quốc Nam. Tất cả đều toàn bích, đầy cảm xúc thương đau mà hướng thượng:

*Viết cho con lời trần tình thống khổ,
Tháng tư chào đời con biết gì không?
Bố xuôi tay buông súng bỏ quê hương,
Ngàn nỗi hận dồn trái tim rướm máu.
Đã bao năm bố quên đời hưởng thụ,
Bốn chục tuổi đầu tóc bồng diêm sương.
Nhìn con trai trong êm ấm nôi hồng,
Bố muốn thét cho niềm vui òa vỡ.
Con lớn lên chia ước mơ cùng bố.
Một ngày nào quét sạch lũ Cộng Nô.
Việt Nam ơi! Thương biết đến bao giờ,*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Bố con ta về dựng người cứu nước...
Con ra đời giữa tháng tư tưởng niệm,
Nước mắt đọng đầy ghi dấu trăm năm.
Linh hồn bố lang thang loài chim biển,
Triệu người lưu vong gọi mãi Việt Nam.
Nhưng quê ta ngày mai rồi lớn dậy,
Khúc hát thanh bình rộn rã không gian.*

(Cho Con Quê Hương Sẽ Lớn, tháng Tư 1984)

Văn thơ có giá trị trường tồn hay không là nhờ thần bút hồn nhiên, và quý giá ở tấm lòng của thi nhân làm nên cho cảm hứng sáng tạo của mình. Hào nhoáng, đẽo gọt, mặc sắc phục kiêu sa, vương giả gian dối, không che đậy nổi cái nghèo nàn, hời hợt giả tạo trong cảm xúc của nhà nghệ sĩ: “Nghệ thuật chỉ làm nên những vần điệu, còn quả tim mới đích thực làm nên thi sĩ” (Apollinaire).

Thơ của Quốc Nam chất ngất cái hồn nước đau thương, thân phận hấp hối của người dân Việt mất nước, bị lưu đày bất đắc dĩ, các thống khổ nghìn trùng ấy là chất men âm i cho một quyết tâm hào hùng truyền thống từ bậc tiền nhân, mà biểu tượng áp ủ trong nỗi nhớ thương về Người Mẹ muôn đời. Mẹ Việt Nam hay người Mẹ sinh thành của chính Tác giả? Một biển thành Hai, Hai mà là Một đó vậy:

*... Ta đứng bên Trời thương Mẹ vô biên.
Lòng Mẹ héo hon, thở nhọc từng đêm,
Rồi nằm xuống cho thiên thu uất nghẹn.
Mộ của Mẹ giờ xanh màu thánh thiện,
Năm xương tàn đã gửi gắm trời Tây.
Ta xin thề trên mộ Mẹ hôm nay,
Quyết đưa Mẹ về bên mộ Tiên Tổ.
Ta gọi tên Mẹ nhiều đêm tuyết đổ,
Nước mắt lưu vong ray rứt lòng nhau.
Đời thi nhân vắn tang trắng cúi đầu
Vắt máu tim thành thơ dâng Tổ Quốc...*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Cả người tình quê hương (1) dưới muôn nghìn dáng điệu mà nhà thơ đã đút ruột thương chờ, dưới ánh trăng tháng tám (2) trên đỉnh gió Lâm Viên (3) thủ thi với ái nữ như một nàng tiên nhỏ (4). Đó là nàng dâu quê hương (5) mà nhà thơ đắm đuối thiết tha yêu như người tình Hậu Giang thuở nào (6)...

*...Nỗi khắc khoải trong tôi chừ lớn rộng,
mở mắt chào đời khói lửa tràn lan.
hơn hai mươi năm làm lũ đêm trường,
súng đã nổ vào trái tim vào óc.
Tôi yêu em bằng tâm tình rã mục,
chợt thấy tương lai bay bổng miệt mài.
bàn tay tìm nhau ngược ngáp hình hài,
máu đọng lại trên vành mi thù hận.
Em sẽ yêu tôi trong lòng chiến trận,
một lần bên nhau rồi mãi xa nhau.
phút ái ân như gặp gỡ ban đầu,
và cũng kể là chia tay vĩnh viễn...
(Vết Thương Trên Đá, 1969)*

Ghi chú: (1) (2) (3) (4) (5) (6) = nhan đề những bài thơ của thi sĩ Quốc Nam.

Đây nhớ em, giữa cảnh sắc mùa Xuân trên Thung Lũng Hoa Vàng:

*Em mang dáng dấp xưa thân thoai,
Chìm đắm trong hương sắc tuyệt vời.
Sóng tóc, tôi mơ miền luyến ái,
Xuân sang len lén giấc yêu người.

Giao thừa tôi có em yêu dấu,
Trong phút linh thiêng của đất trời.
Kỷ niệm đầu năm thành bất tử,
Mong em khóa lấp một trùng khơi.

Xin tạ ơn em, xóa tóc huyền,
Cho tôi sống lại tuổi xuân êm.
Chợt lòng hoa nở vàng như nắng,*

HUỶNH ÁI TÔNG

Thung lũng cũng hồng nhân dáng em.

(1991)

Tất cả đều đắm say, tha thiết, nhớ thương, rồi kỳ vọng đợi chờ... ập ù trong nỗi lòng khôn nguôi của người tình quân là mình trong cơn vọng quốc.

Phải chăng, nhà thơ Quốc Nam không chỉ có rên rỉ khúc trường thiên vọng quốc như một lời kinh nhật tụng, mà còn luôn luôn lo lắng cho tương lai đất nước, quyết tâm lập lại hoà một thông điệp lịch sử trao về nghìn thu con cháu, mong chờ ngày huy hoàng tất nhiên của dân tộc khi quân thù ngã gục. Có thể nào Quốc Nam cũng cùng tâm trạng khắc khoải của một Nguyễn Du thuở nào. Thi hào tâm sự với hậu sinh: Thiên tuế trường ưu vi tử tiền (câu thơ của Nguyễn Du: Trước khi chết vẫn lo nghĩ đến chuyện nghìn sau):

*“Năm mươi năm, một vài điều có thực,
Tôi gọi em, tuổi trẻ Việt kiên cường,
Lời tâm huyết của nửa đời bất lực,
Giữa cuồng lưu khiến dân tộc khốn cùng.*

*Hãy tiến lên, tuổi thanh niên tam thập,
Quay bánh xe lịch sử đến vinh quang.
Có chúng tôi, thế hệ trắng kinh hoàng,
Đứng sát cạnh em trên đường cứu nước...
(50 năm, nói với em dặm điều có thực, 1994)*

*... Thức dậy đi, hơi óc tim biển cả,
Tuổi trẻ ơi, những biểu tượng cuối cùng,
Là niềm tin của giòng giống Tiên Rồng,
Hãy trở lại quê hương làm lịch sử.
Ta hôn mê những chiều xa có xứ,
Ly rượu nồng sao phá nổi cơn đau.
Nhớ Việt Nam từng dốc đá nhíp cầu,
Quê nghèo đã nuôi ta thành bất khuất...*

VĂN HỌC MIỀN NAM

Nhiều, nhiều lắm, lời vang vọng không quên da diết của thi nhân, với lời nhắn gửi trầm hùng, gần như các bậc tiên liệt Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, thuở trước:

*... Em và tôi hãy đốt bùng ngọn lửa.
Hãy thoát khỏi những tiện nghi nhung lụa.
Để dẫn thân cuộc tranh đấu lâu dài.
Em biết không, tôi chuộc tội từng ngày.
Xin sống chết cho Việt Nam sáng rực.*

“... Hãy dành tất cả chỗ ngồi xứng đáng cho những người chiến sĩ đang nằm gai nếm mật trong nước.... Tôi muốn gọi gấm tới thế hệ tam thập và tuổi trẻ Việt Nam đầy năng lực: Hãy dẫn thân nhận lãnh vai trò trở lại quê hương làm lịch sử...” (Quốc Nam, Quê Hương Nước Mắt).

Không có cái gì cũ mà nhà văn không thấy mới, không có cái gì giống nhau mà nhà thơ không thấy khác, không có gì tương đồng mà nhà thơ không thấy dị biệt. Đó chính là niềm huyền diệu tạo hóa ưu đãi người nghệ sĩ để đi đến một sự biến thiên tinh thần, tinh cảm của họ nhờ vào phép hóa tính màu nhiệm đặc cách ban cho họ. Nhà văn Tây Phương nào đó rất có lý để nói rằng: “Nhà nghệ sĩ luôn luôn sáng tạo những chuỗi dài không dứt những xúc cảm, ấn tượng, mới lạ đánh động vào cảm quan và tâm tư của kẻ khác, làm cho ai đọc họ cũng luôn đổi mới sự kinh ngạc và niềm thán phục của mình... Đối với nhà thơ, không có đề tài nào cổ lỗ mà không trở thành hiện đại, man rợ, thô sơ mà không biến thành tuyệt diệu, tinh khôi”. Chính đó là tính đa diện, đa dạng, biến hóa ở một nhà thơ có chân tài. Và đó cũng là điểm độc đáo biệt lệ trong cảm hứng của nhà thơ Quốc Nam trong các thi phẩm của anh vậy.

Một văn thi hữu của tôi khi đọc xong 2 tập thơ của Quốc Nam, bỗng trầm ngâm nghĩ ngợi và thốt ra một lời nhẹ nhàng mà thâm thúy, tưởng chừng tim anh cũng rung rung đau buốt trong niềm thông cảm vô cùng! Anh nói:

“Nhà thơ Quốc Nam vừa làm thơ vừa khóc. Cảm hứng của Quốc Nam nhạt nhòa trong nguồn lệ của một con người vong

HUYỀN ÁI TÔNG

quốc ly hương bi thiết! Nước mắt và nước mắt. Nếu gọi bằng một ẩn dụ cổ điển, thì phải nói: chính đó là tiếng cuộc khắc khoải hay giọng đờ quỳên thăm sâu trong văn thơ của các bậc tiền bối nước ta thuở nào”.

Tôi liên tưởng đến nỗi ưu sầu gặm nhấm não cân, hằn sâu vào da thịt của nhà văn Ba Tư Gaim Magam qua “những vần thơ lưu vong” nổi danh trên văn đàn quốc tế: “Mực của ngòi bút tôi là máu hồng rỉ ra từ tim tôi đau đặng, là dòng sữa đắng của hồn tôi bắn ra từ đôi mắt lệ nhòa, mỗi mòn về quê hương biệt”. Nhưng văn hào Gaim Magam lưu vong rồi có ngày hồi quốc; còn Quốc Nam, nhà thơ Việt Nam âu sầu rũ rượi trong cảnh ly hương, không biết đến khi nào trở lại quê mình, nhưng vẫn mơ hoài cái hào quang tất thắng khi quân thù gục ngã.

*Đã tám mùa xuân trên lũng thấp,
Âm thầm theo những bước chân qua.
Hồn tôi chùng mỗi trăm vùi lấp,
Có thấy bao giờ một dáng xưa (?)
... Tôi đi giữa phố phường lưu lạc,
Thung Lũng Hoa Vàng xanh bóng mây.
... Đã mấy năm qua tôi bỏ quên
Trái tim bên dốc đá ưu phiền.
Nặng lên cho đẹp lời âu yếm,
Mỏi mắt uơm tình, say đắm thêm.*

Bóng bầy, kiêu sa mà thắm thía vô cùng. Ngâm ngùi vì vận nước điều linh, mỗi tình quê quận thất, một thi văn hữu khác của tôi cũng có lần xướng họa tùy hứng đôi vần, nhưng khi đọc xong các thi phẩm của Quốc Nam, thì anh buồn buồn thú nhận, bao hàm một lời khen tặng đối với Quốc Nam. Anh nói: “Ai không biết cảm hứng của thi nhân là điều cổ hoài kim, nhưng riêng ở Quốc Nam, tôi thấy sự diễn tả cảm xúc của anh thành vần điệu, có nhiều biệt lệ, làm cho thơ anh đạt đến độ cao của thi hứng chân tài... Rõ ràng Quốc Nam làm thơ có hồn, có thần, nhiều hình tượng nghệ thuật. Và riêng tôi, đọc thơ Quốc Nam rồi, tôi hết muốn làm thơ... Tôi đang sống cái tâm trạng của

VĂN HỌC MIỀN NAM

tiền nhân thuở trước. Tôi xin nói lên đây với chút lộng ngôn, đầy phạm thượng, nhưng không cường điệu chút nào, và đành chịu thất lễ với các thi hào tiền bối:

Tương truyền Lý Bạch đến chơi Võ Xương, lên xem lầu Hoàng Hạc rồi nổi hứng muốn đề thơ vịnh cảnh, bỗng thấy đã có thơ Thôi Hiệu với bài Hoàng Hạc Lâu ở đó, bèn nói: “Thôi, ta không làm thơ nữa. Cảnh trước mắt đẹp quá, chưa tìm ra lời thì đã thấy thơ của họ Thôi ở đây rồi”. Lý Bạch hết sức khâm phục, mất hứng, hết muốn đề thơ”.

Riêng người viết bài tiểu luận này, cũng thú nhận cái mặc cảm đầy lương thiện nói trên của người thi văn hữu của mình, khi ngâm nga các vần thơ huyết lệ của Quốc Nam.

Không những dành một môi tình vĩ đại thường trực tê buốt đối với đất nước, Quốc Nam còn dành những dòng lệ chí hiếu đối với các bậc sinh thành, những não ruột của con tim hay những lời chúc thư hùng khí trao về em, về các con anh, gửi đến các thế hệ mai sau để họ quyết chí phục thù, cứu nước. Những vần thơ đứt ruột -tôi không nói quá đáng chút nào- khó tìm thấy trong nền văn học Việt Nam hải ngoại từ lâu nay.

Và đây, hai bản tình ca đẹp nhất trong các thi phẩm của nhà thơ Quốc Nam gửi người tình Hậu Giang - nàng dâu quê hương, viết với tâm tư nào nùng của một Lamartine trên sóng nước hồ xưa, của một Victor Hugo nhớ thương quãng quai nàng Juliette trong một thu cảnh nào bên phương trời Tây thuở trước. Có khác chăng là ở nhà thơ Quốc Nam, thiên tình sử ấy, bản tình ca điệu vợ ấy, gói trong cái nền vong quốc sử Đông Phương, mà cụ thể là Việt Nam ta của Quốc Nam đó vậy.

*“Anh đã nổi buồn, một kiếp mang.
Chiều mây xám ngắt, lạc cung đàn.
Em, cô phụ vẫn hôn phong kín.
Trên dốc cao nguyên, bỗng địa đàng.
Nụ hôn rất nhẹ, thoảng vô hình.
Quán quít vòng tay. Vỡ thủy tinh.*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Cô phụ, tiếng cười pha nước mắt.
Anh tìm hạnh ngộ giữa môi xinh.*

*Và đó tình ta thành biển lớn.
Em là bóng dáng một quê hương.
Anh yêu Sông Hậu vang tròng sóng.
Vút giải ngân hà phủ xóm thôn.*

*Anh đã niềm vui, con nước lên.
Đưa em về bến cũ bình yên.
Mốt mai, ta dựng xây tiên giới.
Trong trái tim nhau, vẹn ước nguyên.
(Người Tình Hậu Giang)*

*Mùa xuân đã mở cao nguyên biếc,
Em có xanh màu thơm núi sông?
Anh nhớ ngày xuân trên giá tuyết,
Quen nhau từ buổi mắt như lòng.*

*Nhiều năm sau đó ta không gặp,
Em vẫn cô đơn mảnh áo hồng.
Son phấn có thêm màu khuất lấp?
Anh còn lặn đạn cuộc tình không.*

*Kỷ niệm đầu tiên ghi dấu xanh,
Anh theo tiếng gió gọi nhân tình.
Mắt em thăm thẳm mùa xuân thánh,
Anh dấu yêu em đến thoát trần.*

*Anh viết bài thơ tình đẹp nhất,
Gởi người tri kỷ, vọng quê hương.
Anh mơ mai một thành xuân thật,
Em sẽ “nàng dâu” đẹp giáo đường.
(Nàng Dâu Quê Hương)*

Cái mặc cảm mất quê hương, tủi thân vong quốc là một hội chứng dai dẳng không rời tâm thức của Quốc Nam, và một điệp khúc trong cảm hứng của thi sĩ:

Tôi nhục nhã trong tôi

VĂN HỌC MIỀN NAM

*Kẻ bỏ nước ra đi
Bỏ anh em ở lại
Bỏ đồng đội gian nguy.*

Hay:

*Xin cho tôi được chết
Nơi quê hương Việt Nam
Máu chúng tôi sẽ kết
Trang sử mới huy hoàng
Trong lòng dân tộc Việt.*
(Kẻ Đào Ngũ của quê hương khổ đau)

*Ta lưu đầy ta một đời giã chết
Nắng buồn phiền theo nước mắt tuôn rơi.
Đêm quê hương lời kinh đã rã rời,
Ta trở giấc giữa Hoa Kỳ chói sáng...*
(Hãy Trở Lại Quê Hương Làm Lịch Sử)

Rồi trên mặt địa cầu này quá rộng mà lại quá hẹp đối với thi nhân, người không tìm ra một nơi nào trú ngụ để gởi ở đó một địa chỉ cho riêng mình:

*Nếu ai hỏi tôi, nơi nào địa chỉ?
Đã qua nửa vòng trái đất đau thương.
Tôi còn chi trong mắt đời bão nổi.
Suốt kiếp lưu vong không chốn về nguồn.*
(Địa Chỉ Tôi)

Tôi rung rung nước mắt, nhòa lệ trong tim đến vô cùng, khi đọc hết bài “Địa Chỉ Tôi”. Tâm tình vút lên đỉnh cao của bất hạnh, đau buồn khi nhà thơ lạc loài, vô định, không biết đâu là nhà, là nước, khi tìm về cội nguồn “có nắng cổ tích, có dậu tre, có mái tranh nghèo, có ruộng lúa vàng làm nên lịch sử”.

Không, người thơ “mãi lang thang, hồn khắc khoải, tìm chưa ra một cội về”, thân lưu đầy, không biết về đâu ở một địa chỉ nào có thực... trong cảnh “mãi lênh đênh nơi phồn vinh phố thị”, nên người “đi giữa phố phường lưu lạc...”

HUYỀN ÁI TÔNG

Tôi bỗng nhớ đến những vần thơ tê tái biệt ly của một Lamennais, nhà thơ Pháp vào thế kỷ 19 nhan đề “Kiếp Lưu Đày” (L’exilé):

*“Lang thang vợ vẫn trên đường
Lưu ly bao quản tuyết sương lạnh lùng
Trêu người chi mấy Hóa công
Thân này sao hãm vào trong cuộc này”...*
(Lamenmais)

Hoặc những vần thơ “cà rớn”, say say, tỉnh tỉnh, hồn nhiên của nhà thơ điên Bùi Giáng “tìm về nguồn”:

*“Đi về làng xóm năm xưa,
Viếng thăm quê cũ người chưa quên người.
... Người hỏi tôi: “Từ đâu ông đến nơi đây?”
- Thưa cô thôn nữ, từ đây tôi về,
- Ủa phải anh Sáu Giáng đó không?”
- Và cô có phải cô Bông năm nào?
- Anh còn nhớ rõ ôi chao?
Vợ chồng tôi cũng lúc nào nhớ anh.
Anh điên mà dzui dzẻ thập thành,
Chúng tôi tỉnh táo mà đành buồn hiu?”*

Rồi những vần thơ đẫm nước mắt của Cao Bá Nhạ trong Khúc Tự Tình. Trên bước đường phát vãng, người cháu của Cao Bá Quát khóc cho nỗi oan khiên của mình, vì tội chú mà mình bị vạ lây phải bị lưu đày đau khổ và đau khổ. Nhưng không, không đâu bằng khúc ca quốc hận, nỗi mất nước mất nhà của kẻ lưu vong Quốc Nam.

Quả thực, tôi cho rằng không có cái đau xót thiếu quê hương nào nảo nuốt bằng của Quốc Nam, nhà văn hóa Việt Nam của thời đại ly hương! Tôi lặp lại và chép tiếp đủ bài thơ “Địa Chỉ Tôi” để quý độc giả nhận lãm một hiện thực niềm đau lịch sử của thi nhân, mà có lẽ cũng là của tất cả chúng ta:

Địa Chỉ Tôi (tiếp)

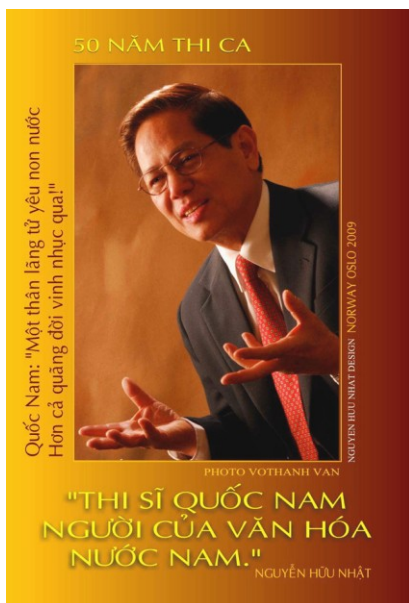
VĂN HỌC MIỀN NAM

... Tôi nước mắt, giữa khung trời hải ngoại.
Đã bao năm không mái ấm gia đình.
Không cửa nhà, mưa nắng, mãi lênh đênh.
Tôi tìm tôi trong nỗi sầu viễn xứ.
Nếu hỏi tôi một chốn nào trú ngụ?
Tôi nào đâu có địa chỉ bao giờ.
Kể từ khi bỏ quê cũ xa mờ,
Vẫn sống bên lề phồn vinh phố thị.
Địa chỉ tôi là góc đời ảo mị,
Mãi lang thang, tìm một chốn ủi an.
Óc tim tôi in hình bóng xóm làng,
Nắng cổ tích trên dậu tre, hoa, bướm.
Xin hãy cho tôi tình quê thăm đượm.
Địa chỉ tôi là một mái tranh nghèo.
Ruộng lúa vàng làm lịch sử cuốn theo,
Trong tình tự dân tôi vươn sóng lớn.
Em hãy hiểu đời lưu vong tôi, vốn
Chưa bao giờ tìm được một cõi về.
Bởi hồn tôi khắc khoải từng đêm mê.
Bến hạnh phúc là quê hương bất hạnh.

Em yêu dấu, khi nào em nữ thánh,
Sẽ biết tôi còn thiếu chốn bằng an.
Từ lưu đày, đã quá hai chục năm,
Tôi ao ước địa chỉ nào có thực.
Nay quê nhà còn dây dây áp bức.
Đồng bào tôi thiếu dân chủ tự do.
Tôi lật trang lịch sử biến thành thơ.
Xin đốt đuốc xác thân này tranh đấu.
Rồi có ngày tôi, em, về bến đậu,
Trên luống rau gốc lúa của quê hương.
Địa chỉ tôi là mái lá bình thường.
Em thấy đó, giấc mơ tôi nhỏ, bé...
(Tháng Tư 1997)

HUYỀN ÁI TÔNG

Mượt mà quá, người đọc nghe đâu đây âm thanh vi vu của tiếng sáo chiều vắng vắng, hòa lẫn với điệu nhạc thiên nhiên, thân tre xào xạc, có con cò trắng đậu nhịp nhàng gió ru, thoang thoảng mùi lúa chín ngát hương, trên cánh đồng quê vàng rục của đất nước mình.



Cuộc gặp gỡ của tôi và Vũ Hồi với nhà thơ Quốc Nam thực bất ngờ và ngắn ngủi, nhưng đầy thú vị và bổ ích. Rồi tôi lại được mời nói chuyện tâm tình với các bạn đồng hương ở Seattle nơi Cao Nguyên Tinh Xanh, trên làn sóng điện của Đài Phát Thanh Sài-Gòn SRBS của Quốc Nam, và rồi cùng dạo chơi với anh trong Công Viên Tượng Vàng Việt Nam, với Tượng Đài, với kim bảng ghi khắc những chứng tích về các Đại Hội Quốc Tế Tượng Vàng mà anh đã tổ chức, cũng như chứng kiến một số công trình văn học và cơ đồ văn hóa lừng lững của anh. Tôi có ý định chỉ gởi gắm những ái mộ và ca ngợi của mình qua một bài cảm nhận chung chung rất khiêm nhường, nhưng cảm thấy

VĂN HỌC MIỀN NAM

như thế chưa nói hết ý tình của mình, nên tự thoả mãn với bài tiểu luận này - có thể còn thiếu sót - để tuyên dương sự nghiệp toàn diện và đa dạng của anh: Thi sĩ Quốc Nam, nhà văn hóa Việt Nam nổi bật trong thời đại ly hương của chúng ta trên đất nước Huế Kỳ.

Nhìn vào sự nghiệp đồ sộ mà Quốc Nam đã và đang đóng góp cho nền văn hóa, văn học nghệ thuật Việt Nam, cảm nhận thái độ hăng say anh hằng có... cùng nỗi lòng của nhà thơ đối với đất nước giữa cảnh tình vong quốc bi đát hiện nay, nhất là tác phong năng động không hề mệt mỏi và hoài bão anh hằng ấp ủ, tôi bỗng nghĩ đến câu tư tưởng vô cùng xác đáng của triết gia thời đại Martin Heidegger: “Mọi sự hoàn thành chỉ mới là sự bắt đầu” với nhà văn hóa Quốc Nam.

Bruxelles, thủ đô của Liên Hiệp Âu Châu
VŨ KÝ

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Ký Web: saigonhdradio.com

62) Y Uyên



Y Uyên Nguyễn Văn Uy (1940-1969)

HUYỀN ÁI TÔNG

Nhà văn Y Uyên tên thật là Nguyễn Văn Uy, sinh năm 1940 (khai sinh ghi 1943) tại thôn Dục Nội (nay thuộc xã Việt Hùng), huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên, nay thuộc Hà Nội. Là con cả trong gia đình có 9 người em.

Năm 1954, theo gia đình vào Nam, định cư tại quận Gò Vấp (Sài Gòn). Bắt đầu viết văn rất sớm lúc khoảng 15 tuổi nhưng tác phẩm đầu tay của Y Uyên *Một chỗ cho người tàn tật* chỉ xuất hiện trên Bách Khoa vào năm 1960.

Trong những năm sau đó, ngoài Bách Khoa, Y Uyên còn cộng tác với nhiều tạp chí văn học, văn nghệ khác như Văn, Văn Uyên, Tân Văn...

Học Trung học tại các trường Trung học Nguyễn Trãi, Chu Văn An Sài Gòn

Tốt nghiệp trường Quốc gia Sư Phạm Sài Gòn năm 1964. Y Uyên trở thành nhà giáo và được phân công ra dạy học ở Tuy Hòa, Phú Yên.

Đầu năm 1968, Y Uyên bị động viên và theo học khóa 27, trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Mãn khóa vào ngày 10 tháng 8 năm 1968, Y Uyên được phân bổ về đơn vị Địa Phương Quân, đóng quân tại đồn Nora Phan Thiết, không lâu sau bỏ mình trong trận phục kích, bên dòng suối, dưới chân núi Tà Lơn ngày 8 tháng 1 năm 1969. Nhà văn mất lúc mới có 26 tuổi đời.

Tác phẩm:

- *Bão Khô* (tập truyện, Giao Điểm, 1966)
- *Tượng Đá Sườn Non* (tập truyện, Thời Mới, 1966)
- *Ngựa Tía* (truyện dài, Giao Điểm, 1967)
- *Quê Nhà* (truyện, Trình bày, 1967)
- *Đuốc Sậy* (tập truyện, Văn Uyên (số 20), 1969)

VĂN HỌC MIỀN NAM

- *Chiếc Xương Lá Mực* (Tân Văn, 1971)

- *Có Loài Chim Lạ* (Tân Văn, 1971).

Trích văn:

Bão khô

Chợ ở khúc queo của con đường dẫn từ ngoài lộ vào giữa làng. Ở chợ nhìn ra, mặt lộ cao bằng những mái tranh lợp sụp dưới chân lộ. Con đường chạy lên lộ mấy năm trước lụt bị nước phá bây giờ lổn ngổn những cục đá xanh. Những chiếc xích lô đón lính Mỹ lắc qua lắc lại vất vả mới vào tới chợ. Buổi sáng họp chợ lán ra cả ngoài đường, trên lộ nhìn xuống thấy một hàng dài những người quần áo đen nón lá san sát lấp lánh. Trưa đến, trên đường thỉnh thoảng mới có một chiếc xe xích lô buông mui dập dình hoặc một chiếc xe nhà binh sao trắng âm ì chờ nước xuống bãi cát bên kia con đường làng.

Trời cao nắng bóng mặt đá đường ra lộ, mặt cát đường trong làng. Bụi cuốn từng cơn đột ngột xoay tròn trên đường, tan vào bụi tre rậm. Chợ trống trơn, mái tôn mới sáng lóa. Mấy con chó luẩn quẩn trong chợ, lưỡi thè ra thở. Trước mặt chợ, sát bên đường, một dãy lều tranh mái lổm đóm hoa sàu đông màu tím nhạt. Có vài người đàn bà ngồi bán những mẹt mận, ôi choắt choeo, bán bánh, đồ uống. Mấy chiếc xe xích lô quay đít ra chiều gió, đậu rải rác dưới những bóng cây. Những người phu xe nằm trong lòng xe vắn thuốc hút hoặc ngủ lơ mơ. Đồi diện với dãy lều, bên kia đường, tấm bảng gỗ hình mũi tên chỉ vào một mái nhà lợp rạ sau bụi tre với mấy chữ nguệch ngoạc "Laundry number one" chốc chốc lại khua lúc lắc lung chừng một thân gòn cụt ngọn. Đường làng bên hông chợ mất hút sau những rặng cây trùng điệp. Bên kia đường, dưới sâu là bãi cát với làn nước cuối dòng sông tù hãm lấp lánh, với những chiếc xe sao trắng bên những chiếc lều màu cỏ thấp sát mặt đất bên những ruộng mía xanh non mới mọc. Một chiếc xe ba bánh bán giải khát có mui viền tua vàng rực

HUỶNH ÁI TÔNG

rõ, thùng xe kẻ đầy những chữ Refreshment nép khuất vào một bụi tre trên con dốc xẻ xuống bãi cát. Gió thổi từ bờ bể xa về lâu lâu ào lên như một hơi thở hắt.

Từ một lối rẽ sau rừng cây trùng điệp, một bọn học trò con trai con gái hiện trên đường làng. Chúng đeo trên vai, xách trên tay những gà mèn, những mo cơm, vừa đi thơ thẩn, vừa đọc cho nhau nghe những lời sấm truyền về tai họa sắp xảy ra ở vùng này. "Ngày hai mươi tháng Ba năm Bính Ngọ tới đây kể từ lúc trăng lên khỏi đám mây ngũ sắc ngoài mặt biển, trời đất không còn ngày đêm. Bốn phương mờ mịt âm u, ngang trời có khối màu đen bay tới đâu nghe có tiếng than khóc tới đó, núi phía tây tinh tú sa xuống tận mặt đất bốc cháy thành lửa. Cây gai lười long thầy thầy lớn lên gấp năm gấp sáu mọc chật đường, chật ngõ, bông gai thầy thầy nở, thành bông lan, người tu hành mới hửi được hương thơm. Gà không còn gáy, chó không còn sủa, ngoài đường đầy beo cạp yêu tinh. Kẻ ăn chay làm lành thì biết đóng cửa ở trong nhà, kẻ không tin thần tin quỷ thì chẳng đặng ngồi yên, lòng như có than hồng lửa đỏ, ra đứng trước nhà mà chịu chết thảm. Như kẻ nào mà đọc được lời dạy này biết sao thành ba bốn đũa cho người khác thì cũng đỡ phần tai họa".

Bọn trẻ kéo nhau ra tới chợ, vào những túp lều bỏ trống giờ cơm ra ăn. Mấy con chó lại gần chúng ngồi thè lưỡi châu chực. Ăn xong chúng xúm lại bên đũa trẻ có tờ sấm ngồi bệt xuống đất vây quanh một cái phản bán hàng lâm râm đọc và cặm cụi chép. Những cơn gió ào lên đứt quãng bị bờ tre bên kia đường cản lại nhưng vẫn thổi rạt được mấy ngọn sào đông bên này. Những tờ sấm trên mặt phản gỗ trong lều rắc đầy những hoa tím nhạt. Vài đũa chép xong ép giấy sấm vào sách vỡ lại mấy gian lều bán hàng phát cho mấy người phu xe chèo ghe, đưa sấm cho họ. Chỉ còn người bán giải khát bên cái xe ép vào bụi tre trên dốc cát. Chúng ùa chạy tới, đũa họ sợ đũa kia giành mất. Người bán nước bỏ đi đâu, chiếc xe thì

VĂN HỌC MIỀN NAM

đầy bụi, lớp tua vàng viền bên mũi thì đập phần phật. Thấy một thằng bé ôm một mẹ hành đứng vợ vẫn nhìn xuống trại lính dưới bãi cát, bọn trẻ nhào tới. Thằng bé giật mình quay lại hai tay vòng chặt quanh mẹ hành. Một đứa con trai gỡ bàn tay nó ra nhét tờ giấy vào, một đứa con gái sẽ sàng đặt tờ giấy trải rộng lên mặt cái mẹ. Thằng bé hốt hoảng vút mấy tờ giấy xuống mặt dốc:

"Tôi không biết chữ, không đọc được truyện đơn".

Đứa học trò con trai chạy lượm tờ giấy chia trước mặt thằng bé.

"Mày không đọc được thì mang về cho cha mày đọc, lời thần dạy mà mày".

"Tôi không có cha".

"Mày nói láo. Bộ gà vịt chúng đẻ ra mày chắc?"

"Tôi cũng có cha mà cha tôi chết rồi".

Thằng bé vừa nói vừa ôm mẹ hành đi. Đứa học trò chạy theo nhét vào túi áo nó. Thằng bé đứng lại nhìn mấy đứa học trò, có vẻ không hiểu. Bộ mặt cháy nắng của nó ửng lên. Nó móc túi vút tờ giấy xuống đường:

"Má tôi cấm không được lượm giấy lạ về nhà".

Mấy đứa học trò nhao nhao bảo nhau:

"Thằng bán hành phách lồi".

Đứa học trò lượm tờ giấy rồi chỉ vào mặt thằng bán hành.

"Có thiệt mày không cầm?"

Thằng bé bán hành nhìn bọn trẻ, giọng bối rối:

"Má tôi cầm không được lượm giấy lạ về nhà".

Đứa học trò bật lên một tiếng chửi, cả hai bàn tay móc vào mẹt hành giật xuống. Những củ hành vỏ tía, những trái ớt, trái chanh rơi vung vãi bắn vào bụi tre, lăn xuống dốc cát. Măt thằng bé bán hành mở lớn, môi cắn chặt. Nó nhào sang bên kia vệ đường, lượm một cục đá. Lúc ngừng lên, nó thấy bọn trẻ bên này đứng rải rác bên những bó hành. Đứa học trò gây với nó đá vào cái mẹt trở sang:

"Mày mà chọi đá, tụi tao bẻ gãy cẳng, giậm nát cái đống hành này. Chọi thử coi ".

Thằng bé bán hành lưỡng lự trông sang, tay vẫn nắm chặt cục đá. Bên này bọn trẻ nhìn nhau cười. Một đứa vạch quần tiểu trên những bó hành. Thằng bên kia nhìn ngược nhìn xuôi. Thấy từ phía đầu đường có một người đi lại, nó cầm cục đá chạy sang húc đầu vào bụng thằng học trò cầm đầu. Đứa học trò bất ngờ lộn nhào xuống dốc nhưng những đứa kia đã xúm lại. Thằng bé bán hành bị đè xuống đất, cục đá nơi tay bị đánh văng đi. Những quả đấm đập tới tấp trên mặt nó. Đứa học trò từ dưới dốc nhảy lên lượm lấy cục đá nhào vào:

"Đập nát ống chân nó ra nó mới sợ ".

"Để tao tiểu hửn lên mặt nó coi nó làm gì tao ".

Một đứa khác kêu. Người mà thằng bé bán hành thấy ở đầu đường đã đi tới. Đó là một người lính râu lởm chồm, lệch vai. Bọn trẻ thấy có người vội vàng ùn ùn bỏ chạy. Thằng bé bán hành chống tay ngồi dậy nấc lên khóc. Người lính dừng lại hỏi:

"Chuyện gì đó ?"

"Tụi nó muốn bẻ gãy cẳng tôi".

"Người lính cúi xuống nhìn những vết sưng trên mặt thằng bé. Anh ta dùng hai tay mở nút áo nó, nhìn vào trong xem xét rồi rờ nhẹ nhẹ trên hai cẳng nó:

"Có nhứt không ?"

"Không".

"Vậy thì chưa hề gì".

Người lính kéo ống quần lên, rút trong ống quần một lưỡi dao trắng lóa, một tay đỡ lấy ót thằng bé, một tay cầm dao lấy sổng giập giập trên những vết sưng nơi mặt nó. Thằng bé nhắm mắt lim dim. Thỉnh thoảng lại nhăn mặt, rên nho nhỏ. Nó thuật lại câu chuyện cho người lính nghe. lát sau, người lính nhét dao vào ống giày, cúi xuống ôm lấy hai bên nách nó đưa người nó đứng lên. Nó khập khiễng xuống dốc lượm lần những quả chanh, quả ớt, bó hành.

"Không hề gì mà".

Người lính nói và đứng sát vào bóng tre.

"Mày ở làng này ?"

"Tôi ở làng Hòa Mỹ". Người lính nhìn xuống những túp lều dưới bãi cát như tìm kiếm.

"Mày tới đây chi?"

"Đôi hành cho lính Đại Hàn lấy đồ hộp, thuốc hút rồi bán lại cho mấy người trong chợ. Bữa nay cấm không được tới hàng rào tới giờ vẫn không có người đổi".

Người lính trở xuống bãi:

"Dưới này cũng có Đại Hàn ?"

"Đại Hàn ở đôn ngoài lộ".

Người lính thè lưỡi liếm hai bên ria mép, bật nút áo ngực kéo cổ áo ra sau gáy, ngoắt tay ra gãi. Dáng người lệch vai của anh ta nhích mãi xuống bờ dốc cát, bóng anh ta nhích dần ra khỏi bóng tre. Thằng bé bán hàng ngừng lên tò mò nhìn anh ta. Dường như anh ta vừa cất tiếng chửi tục. Anh ta móc túi lấy một điều thuốc ngậm miệng, vừa quẹt lửa vừa lùng bùng hỏi:

"Nghe nói ở đây có chiếc xe đồ Vạn Hưng bán đồ uống cho Mỹ mà sao không thấy ?"

"Bữa nay chưa thấy tới".

Người lính nhìn thẳng bé lê trên mặt đất với cái mặt trước mặt.

"Mày có biết người con gái bán trong xe đó không ?"

Thằng bé lắc đầu chỉ cho người lính thấy vùng đất bên dưới dốc ngổn ngang những vệt bánh xe.

"Làm sao thấy mà biết. Cửa xe có vải đỏ che kín, đậu dưới đó ai mà dám xuống".

"Con đĩ".

Tiếng người lính nguyên rủa giận dữ. Anh ta bỏ đi về phía chợ. Bọn học trò ngồi chép sấm trong lều thấy anh ta, tán mát đi chỗ khác. Trời nắng gay gắt. Anh ta toan vào cái quán đầu dãy, thấy có người đàn bà chít khăn tang ngồi đó, lại bỏ sang căn lều có mấy người ngồi nhậu với bánh tráng. Điều thuốc trên miệng anh ta bốc khói hỗn loạn. Tay anh ta luôn luôn ngoắt ra sau gáy gãi sồn sột. Anh kêu cà phê phin. Người đàn bà áo dài đen bán quán cười nói không có. Anh ta lắc đầu chán nản, kêu la de, mặt héch lên nhìn một gã lính Mỹ da đen cao lớn bụi bậm ngồi phơi nắng trên bực gạch cửa chợ cúi đọc những chữ số trên những tờ giấy bạc Việt Nam, đếm tiền. Người đàn bà đặt ly la de trước mặt, anh ta cầm lên lắc lắc rồi cau mặt hỏi:

"Sao không có đá ?"

Người đàn bà cười xoa hai tay:

HUỶNH ÁI TÔNG

"Đạ, hời này đá hiếm lắm, không có mua được, anh vui lòng uống đờ".

"Không có cà phê, không có đá, không có chi ráo cũng bày đặt bán giải khát".

Người lính cầu nhâu rồi chỉ chai rượu đế:

"Cho một xị pha uống đờ vậy. Ai mà uống la de không đá. Tôi đâu phải là người không rành chuyện ăn xài. Thằng này đã từng uống huyết ky Mỹ rồi mà".

Một ông già trong mấy người ngồi ăn bánh tráng cười bả lả đặt một miếng bánh trước mặt người lính:

"Ăn miếng bánh, chú. Chú từ miệt trên xuống đây có nghe gì về vụ mìn nổ hôm trước ở bờ sông. Nghe nói có người mất chân, mất tay, mò hoài không thấy ?"

Tiếng ông già nói lớn làm người đàn bà chít khăn tang ở quán đầu dãy nhìn sang. Người lính vờn cổ gãi không đáp. Từ phía dốc cát, một người lính Mỹ da cổ đỏ vàng, quần áo dày cộm rộng thùng thình dắt thằng bé bán hành vào quán có người đàn bà chít khăn tang. Người lính kéo hai chiếc ghệt dưới gầm bàn, ngồi đối diện với thằng bé. Ở bên này, ông già vẫn cười bả lả với người lính lệch vai. Ông nói với anh ta những thiếu sót của một quán giải khát miền quê, nói mình muốn cất một cái quán đàng hoàng ở đây mà quận không cho phép.

"Từ ngày quân đội đồng minh tới đây thiếu gì người muốn cất quán mà không được. Chỉ có chiếc xe đò Vạn Hưng là tự do

hốt bạc. Thiệt là một thứ phòng ngủ lưu động. Giang hồ lãnh mạn quá mà".

Người lính chăm chăm ngó ông già nghe ông nói. Anh ta hỏi:

"Sao bữa nay chưa thấy tới?"

"Có khi chiều mới được phép xuống, chiều mới thấy tới".

Người lính co chân lên gãi rồi cầm ly la de pha rượu để uống một hơi lớn. Anh ta bắt đầu nói nhiều với ông già. Giọng người Mỹ ở bên kia kêu "giời ơi" vọng sang. Thăng bé bán hành mặt nhô khỏi mặt bàn ngồi ngược người Mỹ yên lặng nhai bánh. Trước mặt nó là một đồng lá với một ly cam tươi. Trước mặt người Mỹ là một ly la de lớn và vòng tay lông lá của anh ta. Anh ta nêu không đột ngột kêu "giời ơi" với nó thì yên lặng dựa vào lưng chiếc ghế mây, vòng tay nhìn nó ăn. Có lúc thăng bé cười rồi ngược nhìn thấy anh ta không hưởng ứng. Mặt anh ta lúc đó tỉnh như một người ngủ mở mắt.

Người lính lệch vai càng uống càng òn ào, yếu đuối. Về gậy gỗ của anh lúc mới tới mất dần khi thấy mấy người trong quán chú ý nghe chuyện của mình. Anh nói vợ anh ở trên chiếc xe đồ có che màn màu đỏ đỏ. Anh tới đây để đâm nó chết. Hồi mới cưới vợ anh không bao giờ làm mẹ con anh phiền lòng. Trong nhà không chuyện gì nó không biết, không lo. Nó thuộc cả từng sợi tóc sâu trên đầu má anh, lấy than viết lên tường ghi cả ngày gà khởi ấp. Nhưng lần lần những săn sóc, chăm lo của nó thành những lời thô thúc âm thầm muốn anh phải thế này, thế nọ. "Nó luôn luôn muốn hơn thế nữa". Những ngày anh đồn trú ở ngoài quận địa đầu tỉnh, anh nghe nó thường theo những người đi lấy lúa ở vùng địch. Mấy bữa vừa rồi, về tới nhà anh nghe nó chỉ mượn có đó để đi cho thỏa tính hoang. Có người nói chắc nó vẫn theo chiếc xe đồ Vạn Hưng đi bán

HUỶNH ÁI TÔNG

giải khát. Nó giấu mặt trong những tấm màn đỏ nhưng ai cũng biết đến. Anh tìm tới đây, giết nó rồi đi ở tù. Nó luôn luôn muốn hơn thế nữa thì lúc này xa anh nó cũng chẳng sung sướng chi. Lưỡi dao anh mang theo đây sẽ giúp anh khỏi buồn vì nó và cho nó khỏi buồn vì cả đời không đây được nỗi khát khao tự mình bày đặt cho mình.

Buổi trưa như một giấc ngủ trần trọc nực nội. Người lính lệch vai vừa hung dữ vừa yếu đuối mặt mũi bơ phờ cuối cùng cũng im lặng uể oải. Còn tiếng gió lũng bùng thổi từng chập trên ngọn cây làm rụng từng lớp hoa sấu đông xuống hai bên dãy lều. Từ ngoài lộ, có hai ông thầy tu đạp xe vào chợ. Chân họ đạp thoăn thoắt nhưng chiếc xe lăn nhấp nhồm, chậm chạp. Hai người đều đã có tuổi, tóc búi sau lưng, vận hai tấm áo dài xanh màu da trời óng ả, cổ đeo râu chuỗi đen. Nơi tay lái xe, đeo lưng lẳng cái khăn gói. Họ mang dép đế dày và cong của những người miền núi. Ở giữa quán đầu dãy, người đàn bà chít khăn tang, đội nón bước ra đường. Chị ta đi xuống phía làn nước cuối dòng sông dưới bãi cát. Người lính lệch vai đã banh hết nút áo, mồm ngậm ướm điều thuốc đứng dậy ngó lên phía mặt lộ. Ông già và mấy người ngồi cùng với anh ta nhỏ to bàn tán về hai ông thầy tu áo xanh vừa vào một cái lều trông nghỉ chân. Người ta nói màu áo nom lạ mắt. Có người nói chắc họ ở Bình Định đi thuyền men theo bờ biển vô đây. "Phải là người gan dạ, võ nghệ cao cường mới dám xem thường nguy hiểm". Người khác lại nói họ là bạn ông thầy pháp chín vợ ở thôn trên, hồi mở hội bắt thăm người vợ út của ông dường như cũng có mặt hai người này. Cũng có thể là hai anh em họ Trần dong thuyền đánh cá ra khơi mất tích cả chục năm ít lâu nay lại nghe nói trở về hốt thuốc cứu độ cho những người dân miền bờ biển. Cũng có thể là người ở trong bọn chuyên môn đổi đồ la và buôn lậu bò sang bán ở bên kia đèo cái trang. Nhưng dù sao, mọi người cũng nhìn hai người lạ với sự e dè, kiêng nể. Những lời sấm của bọn học trò truyền nhau chép và họ như có một liên lạc vu vơ.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Người lính lệch vai mỗi lúc như mỗi thêm nóng ruột. Anh ta bỏ ra giữa đường, dáng điệu bút rút. Những điều thuốc trên mồm anh ta không bao giờ cháy đều, không lần nào khô đầu ngậm. Lẽ nào đưa vợ hoang giấu mặt hồ thẹn trong những tầm màn đỏ biết được anh đang ở đây chờ nó. Nó vẫn chưa bao giờ nghĩ nó đáng chết sao. Từ lúc da thịt nó mang một mùi đàn ông khác với mùi da thịt anh, nó chết rồi đó. Thân xác nó lúc này đâu còn tươi mát như trước nữa. Nó mãi mãi không còn cái nhan sắc hồi cầm than viết trên tường ghi ngày gà khởi ấp. Nó chỉ còn vẻ tươi của vòng môi song tô vụng về và những tia máu phun có vôi lúc lưỡi dao của anh ngập trong da thịt.

Anh ta ngoắt tay ra dấu cho thằng bé bán hành ra đường. Thằng bé lắc đầu. Nó cười với vẻ giận dữ của anh rồi lại ngồi yên. Trước mặt nó vẫn là đồng lá bánh, ly bia và người lính Mỹ. Lúc này người lính Mỹ ngủ thiệt sự. Hai tay khoanh trước ngực, lưng tựa vào thành ghế, mũ úp xuống tới mũi. Thằng bé bán hành chỉ nom thấy cái mồm môi nhỏ và hồng khô, cái cổ ngửa lên đỏ vằn. Nó nhìn hoài cái thứ có trước mắt và chưa dám bỏ đi. Người Mỹ đã nhận được nó ngồi lê lợm những bó hành ở dốc cát giữa lúc anh ta có vẻ buồn. Bây giờ nó phải ngồi yên canh chừng nỗi buồn của anh ta. Nó mong anh ta ra khỏi quán để ôm mẹ hành trở lại đồn Đại Hàn xem có đổi đỡ được ít bó nào không. Tay nó vẫn xoa những con ruồi bay qua bay lại trên mặt bàn.

Người lính lệch vai ra đầu đường làng gây với người chủ xe giải khát về tội không có đá cục. Người chủ xe cười và xin lỗi luôn mồm. Chán ngán, anh ta đứng trên dốc cát ngắm những vết xe hỗn loạn thằng bé bán hành chỉ anh lúc mới tới. Phía những làn nước lấp lánh cuối dòng sông, người đàn bà khăn tang tay giữ nón đang bước lò dò như một con chim kiếm mồi. Thấy một đám học trò ngồi dưới bóng bụi tre bên đường, người lính nạt một tiếng lớn rút dao cầm tay múa một vòng.

HUỶNH ÁI TÔNG

Bọn trẻ hè nhau ùng ùng chạy trốn. Người lính cúi xuống cầm dao vào ống giấy và ngửa mặt cười.

Trời chiều dần dần, gió không còn dứt quãng, thổi ào ào liên tiếp. Bụi cát bay hỗn loạn vào lều vào lòng chợ mù mịt trên đường. Một vài tấm liếp dựng ngang mái lều che nắng được hạ xuống. Con buồn ngủ ráo khô trên những bộ mặt ngồi ở chợ không còn vẻ uể oải nhưng tỉnh táo đến thẳng thốt. Mấy người ngồi trong lều với người lính đã đi vào đường làng. Người lính trở vào ngồi sau tấm liếp che với mặt đường. Một vài chiếc xe âm ỉ kéo rờ moọc chở nước chạy qua đều làm anh ta giật mình. Chiếc xe đò Vạn Hưng vẫn chưa tới. Anh ta kêu thêm xá xí và rượu đế. Người đàn bà bán quán tóc búi, áo dài đen chân đất quen dần với vẻ bất thường của người khách độc nhất còn lại. Từ dưới bãi cát người đàn bà khăn tang trở lên, hai gấu quần ướt và quệt đầy bụi. Người lính hỏi bà chủ quán:

"Chồng chết?"

"Chết mìn hôm trước đó. Một cái xe Lam, một cái xe nhà binh, chết sáu mươi mấy người".

"Kiếm gì dưới đó?"

"Cánh tay có mang cà rá của chồng. Lúc điên, lúc tỉnh, lúc dại lúc khôn, biết sao mà tin".

Người lính lầm bầm chửi tục, trề môi:

"Chồng chết lấy chồng khác, mắc mớ gì mà điên".

Anh ta dùng cùi chỏ đẩy mạnh tấm liếp ngó lên mặt lộ rồi lấy

lưỡi dao làm li bào những lớp bụi trên tay, trên ngực. Người đàn bà nhỏ giọng:

"Giờ chưa thấy tới, chắc bữa nay xe đi bán nơi khác".

"Tôi chờ tới tới".

Người lính nói và đưa tay chặn ngực "ợ" một tiếng lớn. Hai người tu sĩ áo xanh ở căn lều bỏ trống lên xe dưới người đạp vào đường làng. Người đàn bà khấn tang đến đứng dưới trước lều có người lính, nên mắt đỏ, mặt ngơ ngẩn.

"Tới đây từ hồi sớm, mấy mươi lần xuống bãi cát rồi đó".

Người đàn bà bán quán nói rồi lớn tiếng hỏi:

"Có thấy gì không?"

Không có tiếng trả lời. Người đàn bà có tang vào quán, mặt nhìn thẳng, ngồi xuống tấm băng, tay mân mê vành nón. Người lính nhìn, mắt ngó chăm chăm. Người đàn bà bán quán nhìn trước nhìn sau, mặt thoáng bối rối.

"Chết ở trên, kiếm dưới này làm sao thấy?"

Người lính hỏi. Người đàn bà có tang vẫn ngẩn mặt, giọng thì thầm như nói một mình:

"Đây cũng không có biết kiếm đâu giờ".

HUỶNH ÁI TÔNG

Người lính "o" một tiếng, nhắm mắt:

"Người chết nhiều vậy, thịt xương nát hết, cánh tay cũng ở đồng đó chớ đâu".

"Không có, không có" - Giọng người đàn bà nhỏ như một tiếng cánh chim run. Người đàn bà bán quán lắc đầu.

"Chết vậy mà chỉ tét bụng, đứt chân, mắt đầu chớ không nát bầy như hồi ở Đốc Đá. Mấy xác người vô thừa nhận có một người đàn bà đầu văng xuống sông tới hồi vớt lên mới tóc dài vẫn còn như cũ.

Người lính cau mặt, nhắc ly rượu uống ừng ực.

"Chết là hết rồi nói qua nói lại chỉ cho mất công".

Anh ta vịn vào cọc lều đứng dậy, lão đảo ra đường, nhìn lên phía mặt lộ. Bụi kéo thành đám phủ xuống người anh. Anh đưa hai tay lên chụm mắt, quay lưng về hướng gió. Sao chiếc xe vẫn chưa tới? Sao nó chết cũng cũng bắt anh chờ đợi non nao như hồi sắp cưới nhau. Người đàn bà nào chết ở trên mà vô thừa nhận? Cũng có đứa đàn bà trốn mẹ, giấu chồng đi lấy lúa như nó hồi trước sao. Người lính không muốn trở vào quán nữa nhưng anh cũng biết mình không thể đi đâu lúc này. Sống lưng lạnh khô và như có cát bám từ gáy trở xuống. Mắt anh nhức nhối, hai màng tang máu đập dồn dập. Nắng vẫn chói lòa nhức nhối. Như có những đóm hoa sầu đông bằng bạc hỗn loạn trên không.

Len vào bên tấm liếp, người lính buông người trên mặt ghế. Hai tay ôm mặt, anh ta gục xuống mặt bàn. Rồi một bàn tay đập nhẹ trên vai anh. Giọng người đàn bà bán quán:

"Có nước chanh. Uống chút cho tỉnh".

Người lính mở mắt ngừng cổ uống một hơi rồi đột ngột hỏi người đàn bà có tang:

"Người đàn bà vô thừa nhận đó ra sao? Chết mà không nát mặt sao chứ?"

Người đàn bà hai tay thủ bọc, giọng buồn:

"Tay anh có mang cà rá mà. Vàng thau lẫn lộn tùy thời; triều đình suy, thịnh tùy người nịnh, trung".

Người lính lắc mạnh đầu. Người anh chấp chới. Người đàn bà khăn trắng đỏ cũng chấp chới theo. Người lính đột nhiên hoảng hốt. Anh cầm miếng vỏ chanh chà lên mặt, cố tĩnh trí. Nỗi sợ hãi thiết không hình dạng. Đột ngột như cái rùng mình của một cơn say. Anh không muốn hỏi, muốn nghĩ gì cả. Anh không muốn. Người đàn bà chết thảm đó không thể là vợ anh được. Nó đang giấu mặt trong chiếc xe đồ Vạn Hưng đó. Miếng chanh vớt đi đầy cát ghét và cát. Người lính vẫn không ngồi thẳng lên được. Đầu anh vẫn nặng nề như cũ. Anh gục xuống với nỗi sợ hãi chấp chới trước mặt. Cánh tay cổ tròn vạch lên tường ngày gà khởi áp vẫn hợp với người đàn bà xuôi ngược gánh lúa, gánh thóc lúc chồng vắng nhà hơn. Những lời đồn đãi về vợ anh, từ trước tới giờ lời cuối cùng anh vẫn thấy gần lòng tin nhất. Vợ anh ngồi sau tấm màn đỏ theo lời đồn và chết lúc gánh gạo theo trí tưởng cùng mơ hồ nhưng có lý như nhau.

"Ngu... ờ... đàn... bà đó... ó..."

Mồm người lính mở lớn, nước mép chảy ứa. Anh muốn hỏi

HUỶNH ÁI TÔNG

nhưng lười lười lại và những giọt mồ hôi lạnh vẫn nhĩ trên trán. Anh kê mặt trên cánh tay vòng trên bàn, mắt nháy hoài. Nước mắt vẫn ứa ra và bộ mặt người đàn bà khăn tang thì mơ hồ. "Vàng thau lẫn lộn tùy thời; triều đình suy, thịnh tùy người nịnh, trung". Nó là bày tôi nịnh hay bày tôi trung của anh đây? "Nó muốn hơn thế nữa", ước muốn ấy bây giờ cũng vẫn là cánh tay vạch lên tường những chữ bằng than ghi ngày gà khởi ấp. Nó giấu mặt sau những tấm màn đỏ trên chiếc xe đồ chiều nay không tới bãi cát. Nó văng đầu xuống sông, mớ tóc còn nguyên. Người lính say thiệt sự rồi. Anh ta nhắm mắt thờ khò khè với hai cái chết người vợ mình về tìm gặp.

Người đàn bà có tang vẫn ngồi nhìn thẳng, hai tay thủ bọc. Người chủ quán nhìn người lính rồi nhìn chị ta, môi mấp máy như muốn nói. Bà ta lảng quăng chạy quanh lều, khép lại cánh phen, hốt những bông hoa sầu đông ra khỏi thùng nước, rồi lại nhìn từng người khách.

Một đám lính Mỹ từ dưới bãi cát, quần áo xốc xếch, đi lên ồn ào cười nói. Những người phu xích lô nhảy vội xuống đất, hờm lòng xe trước lối đi của đám lính. Những tiếng trao đổi với chân tay làm điệu bộ. Những tiếng hô hời hả của một chiếc xích lô đã có khách đẹp đường. Thằng bé bán hành ở lều bên kia đang dẹp mớ lá bánh trước mặt người lính Mỹ vừa tỉnh dậy. Nó tò mò nom sang người đàn bà có tang ngồi bên người lính say rượu. Người lính bồng cát đầu khỏi mặt bàn vươn cổ mửa thốc tháo xuống mặt đất. Người đàn bà có tang ngơ ngác nhìn anh ta. Những con chó lang thang trong chợ chạy ra xúm trước mặt người lính. Người đàn bà có tang lấy nón đội đầu đứng dậy ra khỏi quán. Bằng những bước dài và nhẹ, chị ta khom người tiến từ từ vào sâu lòng chợ, nơi có một con chó không chạy vào lều, ngồi cúi đầu gặm một khúc xương. Người lính say mửa một hồi lại gục xuống mặt bàn, người như chúm về một phía.

VĂN HỌC MIỀN NAM

Ở lều bên kia, thằng bé bán hành ôm cái mẹt bước ra đường. Bóng nó tắn ngắn đồ dài trên mặt cát bụi bậm. Nó nhìn những đốm hoa sấu đông roi lả tả trên mái rạ, nhìn người lính gác trong lều. "Coi kia".

Có một giọng đàn bà lẫn với tiếng gió ở sau tấm liếp như tiếng mẹ thằng bé. Nó nhìn lên mặt lộ. Trên con đường lùn nhùn đá xanh dẫn lên trên đó, người đàn bà có khăn tang đang nhảy qua nhảy lại, rượt theo một con chó ngậm trong mõm một khúc xương./.

Trong bài viết tưởng niệm Y Uyên, Nguyễn Lệ Uyên đã viết:

Nói như nhà văn Võ Phiến, thì: “Giữa một văn đàn náo nhiệt, Y Uyên, kẻ nhỏ tuổi nhất, lại nhỏ nhẹ, bình tĩnh, kín đáo. Y Uyên như thể không bao giờ chịu nói hết lời. Chỉ có chuyện băng ngang qua một quãng đồng dưới nắng rồi ngồi lại dưới cặng cho con bú, chỉ có xách Solex đi thăm cô bạn cũ một ngày mưa mù, chuyện văn lai rai rồi chiều lại xách xe về, vậy mà người đọc đọc xong, buông cuốn sách xuống, ngồi lặng lẽ, thấy nhạt cả hôm, thấy ngao ngán. Đời không là thành sâu bể khổ gì ráo, đời không phi lý không hữu lý gì cả, không làm ai buồn nôn lợm giọng gì cả ...

Nhưng cuộc sống sao mà... néch nhác một cách... “tự nhiên”, làm ta rùng mình. Một nỗi buồn nhẹ nhàng cứ lặng lẽ thấm dần, liếm dần vào hồn ta như mưa bụi lặng lẽ thấm ướt cánh vật một chỗ quận ly.

Truyện để lại một âm vang xúc động tựa như thơ.

Cái ma lực của một phong cách văn chương. Ghê thật.”

(Võ Phiến, Văn Học Miền Nam, trg 1856, NXB Văn Nghệ, Hoa Kỳ 1999)

HUỶNH ÁI TÔNG

26 tuổi với 7 tác phẩm đã được đón nhận như một nhà văn có cá tính, chân tài đã gây xúc động cho biết bao độc giả yêu mến anh, bạn bè anh, người thân khi anh nằm xuống bên dòng suối dưới chân núi Tà Dôn. Và, 35 năm sau, kể từ ngày anh bỏ bạn bè, rong chơi ở cõi vĩnh hằng, đọc lại những truyện anh viết về một thời loạn lạc, tôi vẫn thấy sự loạn lạc ấy chưa hề chấm dứt như điều anh từng ước mơ “chiến tranh mẹ gì mà lâu dữ vậy?”. Vâng, “Quê Nhà” anh vẫn chưa thật bình yên, mọi người ở quê nhà vẫn là hình bóng con Ngựa Tía của anh...

Nguyễn Lệ Uyên

l'Aveyron , tháng 11-2004

Tài liệu tham khảo:

- Y Uyên Web: hocxa.com
- Y Uyên Web: 4phuong.net
- Y Uyên Web: tvvn.org

Hết Tập IV

Cùng soạn giả

- Văn Học Miền Nam

- Văn Học Miền Nam 1954-1975 (Tập I, II, III, IV, V, VI, VII)

do Hiên PHẬT HỌC ấn hành